



ANTOINE AUDOUARD

Cầu Ô Thước

Cầu Ô Thước

Antoine Audouard

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

Phần mở đầu

PHẦN 1 SÀI GÒN, HÈM ÉDEN

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.
- 6.
- 7.
- 8.
- 9.
- 10.
- 11.
- 12.

PHẦN II HÀ NỘI, PHỐ NHÀ THỜ

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.
- 6.
- 7.
- 8.

PHẦN III Ở NƠI ĐÓ

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.
- 6.
- 7.
- 8.
- 9.
- 10.

[Lời cảm ơn](#)

[Mục lục](#)

Dành để tưởng nhớ cha tôi

Yvan Audouard

(1914-2004)

*Đêm nay người sống bị quật dậy
Và những người chết thức tỉnh run rẩy giống hệt người sống.*

ARAGON

Thế giới người chết là chốn xa xăm luôn đe dọa người sống.

DƯƠNG THU HƯƠNG

“Bạn có nhớ truyền thuyết đó không? Về sao Hôm và sao Mai... Sao Hôm đem lòng yêu sao Mai nhưng chúng chẳng bao giờ gặp được nhau. Tất nhiên rồi, vì khi ngôi sao này đi ngủ lại là lúc ngôi sao kia thức dậy, và ngược lại. Thế là mỗi năm hai lần, trên sông Ngân Hà, những chú quạ lại kết cánh thành cầu nối cho chúng gặp nhau.

- Mỗi năm hai lần, chẳng nhiều nhận gì.

- Một lần trong đời, có lẽ cũng đã là nhiều.”

Phần mở đầu

Tôi nhận được cuộc điện thoại vào lúc tối muộn. Một giọng nói lạ hoắc, xoe xoe hỏi xem có phải tôi tên là André Garnier, có đúng tôi là con trai của Pierre Garnier không và khi tôi đang lúng búng trả lời rằng đúng là tôi nhưng ai thế? ai vậy? thì giọng nói ấy tiếp tục: “Cha anh, ông Garnier sẽ tới nhà anh ngày mai. Lúc 10 giờ 30 được chứ?” Chắc chắn, chúng ta không sống trong một thế giới mà người cha là đoàn tàu và con cái là sân ga; chắc chắn người phụ nữ này không có thật, bà ta không xưng danh và tôi cũng chẳng hỏi. Thế nhưng, ngày hôm sau, có hai nhân viên cứu thương - một to con, một gầy nhẳng - gõ cửa nhà tôi rồi đưa một tờ giấy màu xanh cho tôi ký, cứ như là họ đi giao thư bảo đảm vậy.

“Đúng 10 giờ 30 phải không nhỉ?” người gầy nhẳng ra vẻ thành thạo hỏi, rồi hai người đàn ông rời đi không để tôi kịp ngậm miệng lại.

Bố và tôi cứ đứng trên lối nhỏ dẫn vào nhà, lạ lẫm với nhau. Ông hơi lắc lư người, hai bàn tay nắm chặt chiếc túi da du lịch.

“Mẹ con có khỏe không?” cuối cùng ông cũng lên tiếng và tôi thấy lòng mình ngổn ngang những cảm xúc đầy mâu thuẫn mà nổi trội là một cơn giận dữ rất thường tình - tức giận vì đột nhiên tôi phải làm người cha chăm sóc ông trong khi ông chưa từng một ngày làm cha tôi.

“Thế còn vợ con?” ông tiếp tục, với giọng niềm nở.

“Tốt cả,” tôi nói nhỏ, không cố để ông nghe thấy.

Ông đến chậm mất ba mươi năm so với ngày mẹ tôi mất, nhưng chỉ muộn có ba hôm so với ngày vợ tôi bỏ đi. Một chút cố gắng thôi là ông đã có thể đến kịp.

Tôi chủ yếu túc trực bên ông những tuần cuối cùng. Con trai tôi cũng vào phòng, ngồi quỳ ngay dưới chân giường chơi trò Mikado một mình.

Cô gái trẻ lặng lẽ ngồi bên bố tôi, vừa đan khăn vừa liếc nhìn chúng tôi qua cặp kim đan. Cháu bón cho ông từng thìa khoai nghiền hay những món ăn tráng miệng có vị caramel, giúp ông nhấp môi vào ly bia tươi không cồn. Cháu đến với tư cách là người trông trẻ, rồi ở lại với danh nghĩa một y tá, một quản gia và tôi còn biết gì nữa đây. Tất cả những gì tôi biết về cháu là cháu được sinh ra tại Việt Nam. “Giống như tôi ư?” một lần tôi đã hỏi và cháu chỉ gật đầu; việc góp thêm những khoảng lặng vào cuộc sống của chúng tôi không tạo được một chút thân tình nào giữa chúng tôi và cháu.

Cháu cúi xuống bên ông và ông ngập ngừng đưa tay chạm vào mái tóc của cháu. Cháu xoa bóp cánh tay cho ông rồi hôn ông, ông thì thầm, hoặc có thể chỉ hơi mấp máy môi. Một lần tôi nghe tiếng ông nói: “Không.” Rồi lại: “Tại sao lại không chứ?” Đôi mắt ông nhìn mông lung và tôi nghĩ chắc là ông muốn giữ cháu lại. Tôi thấy buồn nôn vì ghen tị: thế đấy, đến cả khi sắp chết ông vẫn yêu thương một người khác - một người xa lạ - hơn tôi.

Tôi bị ám ảnh bởi những nếp nhăn hằn sâu trên trán ông và cái vết nhăn như trẻ con hằn cả xuống cằm, cứ như thể chúng đang che giấu những bí mật mà tôi bị vùi sâu trong đó. Tôi liên tục bị những mảnh ký ức đeo đuổi. Một đêm - là cái đêm trước hôm ông mất? hay là cái hôm bác sĩ đã sử dụng từ “giải thoát”? - lúc tôi đang gà gât trên chiếc ghế bành cạnh giường ông thì bị cái điệp khúc của ông đánh thức:

“Chúng tớ đang trong quán rượu ở cây số 113 trên đường đi Đà Lạt, một mỏm đá lớn bên vệ đường, ngay bìa rừng. Bên phải tớ là Tikhomirov, người Nga da vàng, nhà báo hạng xoàng, một người đồng chí; bên phải anh ta là Carraz, to lừng lừng, vừa luồn tay dưới mông cô nàng Olga vừa tợp bát mì. Những người khác bốc khoai tây chiên ăn. Olga: một thiếu nữ Lào xinh xắn lười nhác. Cũng không biết tại sao lại gọi cô nàng là Olga. Bên trái tớ, ngồi ngay sát, là Katia, người mà anh đã biết, lâu rồi tôi không nói chuyện với cô ấy nữa và bên cạnh cô ấy, trong bóng tối, là

một người Việt. Anh ta có muốn giết chúng tớ không? Chúng tớ không có mặt khẩu và với lính biệt kích Sénégal thì đừng có dại mà đùa. Tikhomirov nói với anh ta: “Thế nào, mày muốn giết bọn tao à?” Anh ta trả lời: “Tao chẳng cách gì giết được tụi mày. Tụi mày đã chết rồi.” Cậu thấy rõ sự việc rồi đấy, tớ đã kể cho cậu rồi mà. Chúng tớ đang trong quán rượu ở cây số 113, trên đường đi Đà Lạt. Bên phải tớ...”

Cái đĩa ấy đã được ghi nhưng phần lời vẫn có thay đổi, những chi tiết vô nghĩa được thêm vào hoặc lược bớt đi, với một sự liên kết tổng hòa theo một logic vẫn còn là bí ẩn cùng câu kết vang lên như một hồi chuông báo tử: “Tao chẳng cách gì giết được tụi mày. Tụi mày đã chết rồi.”

Ngay trước khi chết, ông run rẩy kéo chăn lên như muốn trùm kín cả người. Ông không nói gì nữa, lúc bấy giờ ông sùi bọt mép và thở ran. Tôi đã nhầm khi tưởng rằng đôi mắt ông trông rỗng hay có thể chúng là tấm gương phản chiếu mắt tôi. Con trai tôi còn đang ở trường và tôi có cả buổi sáng để bố tôi ra đi. Đó là thời gian nhiều hơn cần thiết, nhiều hơn thời gian mà chúng tôi từng có với nhau.

Ông vã mồ hôi đầm đìa và tôi đặt tấm khăn mặt lên trán ông. Tôi áp lấy bàn tay ông trong tay tôi; nó thật nhỏ bé và yếu ớt.

Giữa lúc hấp hối, ông quay mặt về phía tôi, nhìn tôi chằm chằm với ánh mắt u ám rồi chột bùng sáng, vẻ nghiêm túc của đứa trẻ vừa mới chào đời. Ông lập bập lười trong vòm miệng nhưng không phải vì khát. Bằng động tác hắt cằm, ông ra hiệu cho tôi lại gần.

“Bố có điều muốn nói,” ông thì thầm rất khẽ, nhưng rõ ràng. Và dường như làm thế là chưa đủ, ông nhắc lại to hơn, với tình trạng của ông thì chắc hẳn là một tiếng hét, nhưng chỉ buột ra được một tiếng khào khào: “Bố có điều muốn nói.”

Ánh nắng mùa xuân xuyên qua tấm rèm khép kín. Tôi đứng dậy mở toang rèm ra, hít thở bầu không khí trong lành, chớp mắt và tự nhủ đó là một trong những ngày ấy.

Khi tôi quay lại thì ông đã ra đi, tôi tro tro ở lại với những điều ông muốn nói.

Ngày hôm sau, chỉ còn tôi và cậu con trai ở lại trong căn hộ trống rỗng. Thằng bé lăm lăm nhấm nhát và lặng lẽ chơi trên tấm thảm phòng khách. Đồ chơi yêu thích của nó vẫn là những chú lính chì, chúng từng là của tôi khi tôi còn bé, và trước đó là của bố tôi rồi trước bố tôi là của ông tôi: những cuộc chiến tranh đã ào qua đất nước chúng tôi, nổi nục năm 1870, cuộc tàn sát năm 1914, nổi hổ thẹn năm 1940⁽¹⁾... Chúng tôi xuất thân từ một gia đình nơi người ta hy sinh vì nước Pháp.

Tôi cứ nhìn con trai một lúc lâu mà không nói gì; rồi thằng bé ngược mắt về phía tôi mỉm cười.

“Gấu tui.”

Thằng bé bám chặt lấy tôi, quặp đùi quanh hông tôi và dụi đầu vào vai tôi. Rồi tôi nhẹ nhàng đặt nó xuống đất và ngồi xổm bên cạnh. Tôi trải tấm giấy nền màu xanh sẫm xen lẫn màu hạt dẻ của núi được rừng cây bao phủ; cách khu vực chiến trường một đoạn, tôi bố trí một ngôi làng phía Đông, với những trang trại rộng lớn, gia súc, nhà thờ làng với tháp chuông nhọn màu đỏ. Khung cảnh này là nơi chúng tôi từng sống.

Chúng tôi bốc thăm xem ai nhận được chiếc máy bay trinh sát duy nhất có hai cánh màu xanh lá cây mà khi cất cánh phải thổi vào cánh quạt. Tôi bốc trượt và theo thỏa thuận, phải nhận chiếc xe cứu thương chữ thập đỏ thiếu một bánh, cùng với một cô y tá đội mũ ca lô trắng.

Quân đội của chúng tôi - lính bộ binh mặc áo ca pốt màu xanh dương, lính sơn cước với trang phục màu trắng và áo choàng màu hạt dẻ, long kỵ binh, đại bác, ngựa chiến - bắt đầu di chuyển. Chúng tôi chiến đấu mà không trò chuyện, miệng thổi còi và huýt sáo, hòng thổi ran và gầm gừ như để lồng tiếng cho một bộ phim lớn về chiến tranh. Là các vị tướng muôn đời trẻ trung,

chúng tôi chiến thắng để cười cợt những gì mà cha ông chúng tôi thực ra đã thua.

Sau trận chiến, chúng tôi lên chuyến tàu đêm. Cậu con trai nép sát vào người tôi, còn tôi hát cho nó nghe tất cả các bài hát mình thuộc cho đến khi nó ngủ thiếp đi.

Bác Jean, người bạn thời thơ ấu của bố, ra ga đón chúng tôi. Ông đội chiếc mũ rơm có dải ruy băng màu hạt dẻ mà trên đó vẫn dính mẩu mác bằng giấy bìa: bác Jean đến từ một thế giới nơi người ta không vứt bỏ bất kỳ thứ gì. Hai hàm răng vàng xỉn không làm lu mờ đi nụ cười của bác nhưng nụ cười ấy chẳng đập tắt được nét buồn trong đôi mắt. Bác cân nhắc từng từ trước khi nói. Cả ba chúng tôi lên một chiếc xe vắng khách ám mùi thuốc lá.

Ngay cạnh ngôi làng nơi bố trưởng thành, tôi giải thích cho con trai, có một chỗ dành cho những người không còn sống nữa nhưng có thể vẫn đang tồn tại.

“Ý bố là gì ạ? thằng bé hỏi, giọng ngơ vực. Họ... hồi sinh hả bố?”

Tôi rất bất ngờ. Nó đào đâu ra cái từ ấy nhỉ?

“Bố không biết. Một số người cho là như vậy, một số người khác thì không.

- Nhưng còn bố thì sao, *hả bố?*

- Bố không biết

- Bố *phải* biết chứ. Các ông bố đều biết mà.”

Giọng của ông già Gabin vang lên trong tâm trí tôi, cái bài ca ngốc nghếch ấy: *Bây giờ thì tôi biết, tôi biết mình chẳng biết gì. Đó là tất cả những gì tôi biết, điều đó thì tôi biết...*

Một đám mây đông bao trùm lên những viên ngói tròn màu đỏ trên các nóc nhà trong thị trấn Saint-Gabriel rồi quất mạnh vào những quả đồi xứ Provence; một cơn gió Bắc ẩm, se lạnh, thổi tới từ phía sau, khiến những chiếc áo sơ mi mùa hè của chúng tôi bay phấp phật như những cánh bướm.

Ở cổng vào nghĩa trang, hai cây bách lắc lư theo những cơn gió mạnh; một cánh cổng lưới sắt đập vào trụ đá. Gió không để cho thứ gì yên bình, kể cả những tấm bia mộ. Dường như ngay cả những tấm bia giả cẩm thạch khắc chữ “Thương tiếc” hay “*Requiescat in pace*”⁽²⁾ cũng đang run rẩy.

Một nhóm những người già mà tôi không quen biết đặt lên má chúng tôi những nụ hôn đầm nước. Có một người đứng tách ra xa, thậm chí còn chẳng gật đầu làm hiệu với tôi. Ông ta to lớn và gần như hói trọc, phần dưới của khuôn mặt bị bộ râu chóm bạc che lấp. Ông mặc bộ vest màu đen nhàu nhĩ bên ngoài chiếc áo phông trắng, chân thì đi xăng đan. Ông chỉ tiến lại đặt lên quan tài một lá cờ của trung đoàn bộ binh thuộc địa và một tấm huân chương quân nhân. Tôi không rời mắt khỏi ông trong khi ông đứng dậy, cúi đầu rất nhanh rồi bước ra xa.

Cuối buổi tang lễ, một người đàn ông dáng thẳng và gầy còm, đôi mắt xanh lơ, đi về phía tôi, một bên tì vào cây gậy chống, bên kia dựa vào người vợ trông trẻ hơn ông.

“Tôi là Costes. Xin chia buồn, chàng trai trẻ.”

Ông bắt tay tôi và ôm hôn mà không chạm vào mặt tôi. Với ông, việc gọi tôi là “chàng trai trẻ” không làm tôi khó chịu, ngay cả khi tôi vừa tròn năm mươi tuổi cách đây không lâu.

Ông nhìn chòng chọc vào tôi với vẻ chăm chú xa xăm của một người đã lòa mắt.

Bác Jean đứng ở phía sau, và Mireille, con gái bác, đứng ngay bên cạnh. Con trai tôi chạy chơi giữa các ngôi mộ, đặt một cánh hoa hồng lên những ngôi mộ không có hoa. Mireille mặc chiếc váy màu đen bó sát, để lộ cơ thể viên mãn nở nang tự nhiên sau lớp váy. Dưới đôi mắt cô có những vết sẫm màu, chắc hẳn là do trang điểm hoặc do mệt mỏi.

Tôi cùng ông Costes chậm rãi tản bộ giữa những ngôi mộ.

“Bố cháu nhắc đến nhiều tên người, tên phố nhưng tất cả đều... trống rỗng... Cuộc đời ấy đã trôi qua. Bố cháu bị quá khứ ám ảnh, nhưng cháu lại có cảm giác như đang lật giở một cuốn album ảnh cũ mà chẳng có ai thuyết minh. Nhiều cái tên lặp lại: Tikhomirov, Bằng Sơn. Cái địa danh này: hẻm Éden. Khi cháu hỏi thì bố chẳng bao giờ trả lời; ông chỉ im lặng hoặc tiếp tục nói như đang đọc chính tả. Vì thế cháu thôi không hỏi nữa.”

Ông Costes luồn tay vào mái tóc đã hơi dài, và đang ngả hoa râu. Cùng với đó là bộ trang phục hoàn hảo, thoảng mùi hương cây đoan. Ông luôn có nụ cười chẳng dành cho ai cả.

Tôi kể cho ông nghe lúc bố lâm chung, “bố có điều muốn nói”.

Ông Costes bước đi khó khăn, chân phải của ông run rẩy như được đỡ bằng một sợi dây chun.

“Đặc trưng của những vết thương cũ đấy. Nó khiến các cựu chiến binh tin rằng cả tôi cũng là một anh lính già.

- Ông không phải lính già sao?”

Ông làm vẻ ranh mãnh.

“Không. Nhưng tôi có những vết thương riêng... Mà suy cho cùng thì cũng chẳng có gì khác. Cậu có thực sự muốn nói chuyện không?”

- Nếu ông có điều gì muốn nói.

- Vấn đề là - và cậu biết rất rõ, phải không? - tôi không thể nói cho cậu những chuyện ‘của ông ấy’. Và như thống chế Pétain lúc cuối đời, tôi cũng thế: mỗi ngày chỉ có hai giờ đồng hồ mình miễn, không hơn.”

Chúng tôi lại đi qua hàng rào sắt. Những nhân viên nhà đồn chỉ mặc sơ mi, áo vest vắt trên vai, lặng lẽ uống bia sau xe tang.

Ông Costes đặt bàn tay thô ráp lên tay tôi. Quờ quạng bám vào tôi, ông kéo tôi đến băng ghế sát tường. Ông thở chậm lại, mắt nhắm hờ.

Ngay lúc ấy, vợ ông quay lại, chìa tay ra cho ông. Ông thận trọng đứng lên.

“Cậu đến gặp tôi nhé, ông nói. Ở Paris. Chúng ta sẽ nói chuyện.

- Cháu có thể hỏi ông một điều được không?

- Bất cứ điều gì cậu muốn.

- Người đàn ông đặt lá cờ trên quan tài bố cháu rồi lẳng lặng ra về tên là gì ạ?

- Carraz.”

Carraz. Lại một cái tên mà bố tôi từng nhắc đến.

“Ông có số điện thoại của ông ấy không?”

- Suzanne ơ?”

Vợ ông lấy ra một quyển sổ từ túi xách, chép lại số điện thoại vào mặt sau tấm danh thiếp in tên ông.

Họ cùng nhau rẽ ở góc đường.

Chúng tôi lặng lẽ đi đến chỗ ngã tư cùng với bác Jean và Mireille.

“Đó là một người bạn của bác,” rốt cuộc bác Jean cũng nói ra, mắt nhìn về phía những quả đồi. Sau đó, với vẻ nể trọng, ông nói tiếp:

“Ông ấy quen biết nhiều.”

Ngày hôm sau, tôi gọi điện cho Carraz. Điện thoại đổ chuông rất lâu rồi mới có một giọng nói

khàn khàn, khàn đặc do khật khừ say rượu và khó chịu bắt tôi nhắc lại tên. “Cháu là André Garnier, bác Carraz ạ. Con trai của người mà hôm trước bác đã đến dự lễ tang ở Saint-Gabriel.”

Hơi thở của ông có vẻ gấp gáp, sốt ruột.

“Không phải cứ đến dự tang lễ của người cha thì tôi lại có điều muốn nói với con ông ta đâu. Tôi không muốn nói về tất cả những chuyện đó, thế thôi. Tôi đã làm hết những gì cần phải làm rồi.

- Ý bác muốn nói gì ạ?

- Không gì cả. Những người như tôi không muốn nói gì cả.

- Bác thừa hiểu ý cháu không phải là vậy mà.

- Những người như tôi chẳng hiểu gì cả.”

Giọng ông bắt chợt trở nên giận dữ nhưng ông vẫn không gác máy. Trong vài giây, tôi vẫn nghe thấy tiếng thở như kéo bễ của ông, tôi cố kiềm chế cảm giác khó chịu của mình.

“Còn Bằng Sơn, bác biết người này chứ ạ?”

Tôi thốt ra cái tên này giống như người ta ném viên đá cuối cùng xuống biển, trong màn đêm, với hy vọng nó nẩy thia lia trên mặt nước. Ông mất nửa giây lưỡng lự.

“Tôi chẳng biết ai cả.

- Tốt thôi, cuối cùng tôi nói, nếu bác muốn như vậy, cháu còn có thể làm gì được chứ?

- Cháu còn có thể làm gì được chứ? ông lặp lại.”

Buổi sáng tôi rời nhà trong lúc con trai vẫn đang ngủ và tôi đi chạy bộ trong rừng thông. Ngay trên mặt đường chính, có đến năm sáu khối đá kêch sù nằm trải dài. Chúng được xếp theo hình vòng cung cứ như để dùng cho một mục đích tôn giáo bí ẩn nào đó. Bản hòa tấu inh ỏi của lũ ve sầu vẫn chưa bắt đầu và tôi tận hưởng giây phút bình yên vừa bị những cơn gió mistral^[3] đầu mùa đến khuấy động. Rồi tôi đi xuống chỗ con kênh bờ lội cùng với lũ ếch.

Sau đó tôi đi uống cà phê với Mireille và chúng tôi chuyện trò về những chủ đề chẳng ăn nhập gì với nhau, về mây trời, chim chóc, về vị của cà chua mùa này rồi về giá xe hơi.

“Hãy nói cho em biết đi, cô ấy đề nghị.

- Em muốn anh nói gì?”

Tôi những muốn cô ấy im lặng và như vậy tôi có thể được yên trong trạng thái bình bình, tràn ngập ham muốn lặng lẽ và thư thái, chỉ thấy chân trời là đường bờ vai cô ấy.

“Hãy cho em biết khi nào anh tỉnh lại, khi nào anh thôi sống với... những cái bóng... khi nào anh định gọi điện cho vợ để nói rằng anh muốn gặp con trai.”

Tôi tiếc nuối rời mắt khỏi cô ấy. Con trai tôi ư? Nhưng tôi vẫn nói chuyện với nó sớm sớm tối tối. Tôi đâu cần *cô ta* giúp làm việc ấy. Bố con tôi đã làm biết bao việc cùng nhau và tôi đã tạm dừng cuộc đời riêng để tuổi thơ của thằng bé là một lâu đài hạnh phúc.

“André? Anh nói điều gì đi...”

Tôi không thể nào mở miệng. Tôi thừa biết là cô ấy sẽ không bỏ rơi tôi, với tính cách dịu dàng quá đỗi, với cái cách nhẹ nhàng yêu thương con người tôi, cho dù thế nào đi nữa. Nếu tôi nói ra một lời, thì cùng lúc tôi cũng phủ nhận biết bao điều, để bao nỗi nghi hoặc xâm chiếm hết sự tinh anh của mình, sự tinh anh bất hủ và thân thương.

Tôi lấy tay bịt hai tai lại rồi đi vụt về phía sau khu vườn, ở đó có bậc thang dẫn đến nhà tôi, nơi con trai tôi đang nằm ngủ cuộn tròn trên giường, chờ tôi. Nó sẽ tỉnh giấc khi tôi trở về và kể cho tôi nghe về giấc mơ của nó rồi cả hai chúng tôi lại lim dim ngủ như những chú mèo, một

lớn, một bé.

Hiên nhà tối đen, tôi muốn bật đèn nhưng điện đã bị ngắt, tôi không tìm thấy cầu dao. Tôi gọi tìm con trai, con trai yêu quý của tôi còn đang say ngủ, tại sao lại làm phiền nó chứ? Tôi gọi để nó lao đến quặp lấy tôi như con gấu túi, được vỗ về. "Bố chỉ mới để con lại đây một buổi tối thôi mà, tôi nói với nó, nhưng bố không đi xa đâu, lúc nào bố cũng dõi theo con dù con không biết và không chuyện gì có thể xảy đến với con được, bố bảo vệ con trước mọi thứ. Nếu con sợ, nếu con lạnh hay đói, nếu con nhớ bố, con chỉ cần mở mắt là bố đã ở ngay bên cạnh. Không, bố không bỏ rơi con, con đừng nghĩ thế, con trai của bố, con đừng bao giờ nghi ngờ bố, đừng bao giờ nhé." Tôi gọi con và quờ quạng tiến lên trong bóng tối, từ phòng này qua phòng khác, dò dẫm bước khắp nhà vì đó là một căn nhà nhỏ chật đầy những mớ lộn xộn của quá khứ, tất cả những đồ gãy hỏng này, những chiếc ghế đổ chống ngược này, cả cái hành trình chông gai này để được ôm con trai trong vòng tay. Tôi mò mẫm khắp giường, tìm kiếm dưới đám ga phủ và chăn, vì một cơ thể bé nhỏ đến thế có thể bị che lấp, chỉ cần một góc nhỏ, một cái gối là có thể bỏ qua mất thằng bé, tờ quảng cáo cũ của hãng Vận tải biển, thạch cao bong ra từng mảng từ đó, và trong căn phòng cũ kỹ nhất, dọc theo tường, một chiếc cầu là, một chiếc bàn ăn dài trong bếp, áp phích quảng cáo phim *Con gái người thợ đào giếng*. Thằng bé không có đó, đồ ranh mãnh, lẩu cá này, nó trốn kỹ đến nỗi mặc cho tôi hét gọi, mặc cho tay tôi khua khoắng mò tìm nhưng vẫn không thấy, con ra đây mau, thế là đủ rồi đấy, buồn cười thật đấy nhưng con thôi đi, bọn trẻ con là như thế đấy, chúng không biết điểm dừng trong khi bạn thì lo lắng, tự vấn, cố tìm, tìm nữa, tìm mãi, nhưng bọn chúng thì không.

Tôi bò vào đến giường và rờ rẫm từng ngón tay về phía trước nhưng vẫn không thấy thằng bé, và lần đầu tiên tôi toát mồ hôi, đầm đìa cả người: nó không có ở đó.

Khi tỉnh dậy, cả người tôi đau ê ẩm như bị đánh đòn. Nhưng rất cuộc, tôi chỉ có một mình, một mình giữa những khoảng lặng mà tôi có nhiệm vụ nhân thêm lên nữa, chứ không phải gọi những hồn ma về.

Đã đến giờ lên tàu.

PHẦN 1

SÀI GÒN, HÈM ÉDEN

1.

“Tao chẳng điên trai nhưng lại có cái của quý bự. Mà nghĩ là ổn chứ?”

Carraz ngừng một lát rồi cười ngây ngô. Với cái mũi vừa ngắn vừa tẹt cùng bộ râu ba ngày chưa cạo, Pierre Garnier nghĩ bụng, trông cậu ta thật gớm.

“Này, mà nghĩ cô ấy có thích không?”

Pierre không biết nên cười hay nên cầu nhàu. Vào lúc mà những người khác đang trở xuống khu hầm ngọt ngào của chiến hạm *Desaix* thì họ nằm khểnh trên những ván gỗ vẫn đang còn nóng giãy của boong tàu, neho mắt nhìn mặt nước biển màu đồng, lẫn những vệt đỏ màu máu. Phía sau họ, bốn gã ngốc đang chơi bài, làm náo loạn không gian yên tĩnh chắc chắn còn hơn cả những chiếc loa phóng thanh, suốt cả buổi chiều toàn xổ ra những bài giáo huấn về địa lý Đông Dương, về cách gieo cấy lúa và về bản tuyên ngôn Brazzaville⁽¹⁾ của tướng De Gaulle.

“Vĩ Nhân đã giải phóng chúng ta, Carraz lắm bầm, nhưng ông ta chẳng giúp chúng ta đuổi được mấy gã chơi bài lơ lửng ngu xuẩn kia đi. Hay hóm gì cái trò đỏ đen! Nói cho tao biết mà nghĩ sao đi, có hay không nào?”

- Tao mà là con gái, thì chắc là tao chẳng khoái đâu.

- Cái xứ này toàn những của quý bé tẹo. Hàng như của tao, họ sẽ phải liệt vào sử sách đấy.

- Nói cho mà biết nhé, có thể tao không phải người thích hợp với chủ đề này.

- Mà nói đúng, anh chàng Cứng-cu ạ, mà chẳng biết cái quái gì cả. Nhưng đó chính là điều tao thích ở mà. Mà không mắc giang mai hay lậu. Mà cũng chẳng dính đến những thói hư tật xấu đang hủy hoại chúng ta.”

Pierre giương to mắt. Tuy nhiên dường như đối với cậu thì chẳng cần phải cào sâu xuống dưới bề mặt da để tìm thấy thói hư tật xấu. Còn những căn bệnh hoa liễu, thì đúng thật, cậu cũng chẳng vội vàng.

“Garnier, tao làm mà khó chịu hả?” Carraz hỏi.

Pierre đứng dậy không trả lời, kẹp dưới nách cuốn truyện *Dưới bóng những thiếu nữ đương hoa*. Ở Marseille, trên cảng Joliette, khi mấy cậu bạn nhìn thấy thế, họ đã cười ngất! Proust ư! Tên với chả tuổi - lại còn là một kẻ ái nam ái nữ. Giờ thì điều đó chẳng còn khiến cậu buồn nhún vai: cái biệt danh ngu ngốc này không còn khiến cậu thấy đỏ mặt nữa. Đọc sách là một phần sở thích kỳ cục của riêng cậu, chẳng xấu cũng chẳng tốt hơn trò xăm trổ của Montpezat (mỗi bên hông xăm một con vệt có bộ vú người) hay thói quen kỳ dị của Lamirault là uống một ngụm Pétrole Hahn⁽²⁾ lúc ngủ dậy.

Con sóng lừng chồm lên mạn sườn màu xám của con tàu mà từ dưới đáy tàu thỉnh thoảng lại vang lên tiếng sóng xô trầm đục và sâu. Xa hơn nữa, trên boong vọng lại những tiếng khóa nòng súng cảnh cạch.

Carraz mãi mê với việc cắt tỉa móng tay, cậu ta lấy răng cắn rồi phì ra những mẩu móng, cố phì cho càng lúc càng xa.

Dù thế nào, Pierre nghĩ bụng, có những người đã tham chiến “thực sự” - và những người còn lại. Cậu nằm trong số những người còn lại đó. Cậu đã trải qua bốn năm Đức chiếm đóng cùng với mẹ và dì trong căn nhà của gia đình ở Saint-Gabriel. Ở làng, người ta gọi cậu là “dân Paris”

bởi giọng nói và những cuốn sách cậu đọc. Bỗng dưng, vào mùa xuân năm 1944, ở tuổi mười tám, một chuyện đã giáng trúng cậu. Cái ông Malraux mà cậu ngưỡng mộ ấy, chẳng phải ông đang ở đâu đó trong một vùng du kích, và đang tổ chức Kháng chiến sao? Bất chợt, cậu thấy hổ thẹn với chính bản thân mình. Cậu đã làm gì? Không gì cả. Hành động nổi loạn duy nhất của cậu là cùng với cậu bạn Jean, vào năm 1943, cầm cờ quân đồng minh lên một tấm bản đồ châu Âu mà cậu cất dưới giường. Một trò trẻ con... Không một ai quanh cậu có ý khiển trách gì. Sống sót là môn thể thao tập thể của một dân tộc đổ máu và, có vẻ như, đã bị tước đi mong ước kéo dài quá khứ vinh quang của mình. Một đêm, không nói một lời với bất cứ người nào trừ một lời nhắn để lại cho mẹ, cậu đã rời làng bỏ đi trên chiếc xe đạp.

Gần mười tám tháng sau, khó khăn lắm cậu mới chấp nhận được cảnh trớ trêu ác nghiệt mà vì nó ngay từ ngày ra đi cậu đã ở vị thế của kẻ chậm chân đen đủi - anh lính lạc đường ngay trước trận chiến và vừa chạy theo trung đoàn của mình vừa kêu gào rằng tôi muốn chiến đấu. Cậu thiếu điều gì mà không thể trở thành chiến binh thực sự? Nó thể hiện trên khuôn mặt, trong đôi tay cậu chẳng? Bị gom về trại huấn luyện Fontainebleau trong khi những người khác đi giải phóng Paris, cậu lại bị chậm chân trong những trận chiến ác liệt cuối cùng vào mùa đông năm 1944-1945. Thành công duy nhất của cậu là trở thành một "người của Leclerc" - viên tướng bất bại của một dân tộc bại trận, sư đoàn của ông không theo lệnh người Mỹ mà tiến thẳng về Paris. Nước Pháp được giải phóng dưới tay người Pháp: một ảo ảnh tuyệt đẹp nhưng dấu sao vẫn chỉ là ảo ảnh, Pierre biết thế.

Chính trong thời kỳ Đức chiếm đóng, cậu bắt đầu gặp gỡ họ, những chàng trai ấy có khi cũng chỉ trẻ như cậu nhưng họ đã thấy hết, biết hết, từ châu Phi đến nước Pháp. Điều người ta có thể biết về những trải nghiệm của một người, không bao giờ là do chính người đó kể mà do một người khác, với giọng thì thầm: âm thầm lặng lẽ, điều không được nói ra đè nặng lên con người còn nặng nề hơn tất cả những lời phỉ nhổ, bốn cột và khoác lác. Carraz đã mất đi người em trai vào một ngày hè, trong vùng du kích Lot. Cậu ta không nói ra còn chúng tôi không làm như không biết. Về phần Pierre, cậu chỉ kể là bố mình mất vào tháng Sáu năm 1940. Mọi người chẳng hỏi han gì thêm. Họ không cần biết rằng đó không phải là ở Sedan, không phải trong trận xung kích tuyệt vọng của các sĩ quan dự bị trường bộ binh Saumur, hay trong trận chiến lầy lùnh ở Montcornet do tướng De Gaulle chỉ huy - mà là trong một tai nạn xe hơi. Sự việc ấy - cùng với những tình tiết liên quan - đã được chôn chặt trong lòng cậu.

Đông Dương. Cậu còn nhớ cái ngày vừa cách đó hai tháng, cậu nghe tin người ta đang tuyển lính tình nguyện cho quân đoàn viễn chinh Viễn Đông mà "chủ tướng", biệt danh người ta vẫn gọi Leclerc, đang tổ chức. Điều gì đã khiến cậu lựa chọn? Một cơn trào dâng kích thích tố, suy cho cùng là khát khao cháy bỏng được phục vụ. Và trên hết là sự thanh thản. Đông Dương: sự cứu chuộc, cuộc sống, không gian, quên lãng! Và sau đó đại úy Blondeau đã nhìn thẳng vào mắt cậu mà nói: "Garnier này, với lý lịch của cậu, tôi nghĩ cậu nên xung phong vào ban biên tập tờ báo của chúng tôi." Pierre choáng váng. Blondeau tiếp tục với giọng nhẹ nhàng hơn: "Chúng tôi không có nhiều nhân tài văn chương trong quân đội. Chúng tôi cần những người như cậu. Đó là một nhiệm vụ cao quý không thua gì các nhiệm vụ khác. Tôi có thể tin tưởng vào cậu được không?" Lòng đầy hổ thẹn, Pierre chỉ gật đầu. Đông Dương...

Đến gần dải đất nhô ra của mũi Saint-Jacques^[3], biển Đông trở nên xám xịt và như trứng xuống. Phía mặt trời lặn bị chia thành hai dải song song: một dải ở phía trước, mang ánh vàng dịu của ảo ảnh phương Đông; và dải kia, ở phía sau, mang màu đỏ của máu. Phía xa hơn, đường viền màu xanh của rừng rậm mờ dần, bất động, như phông nền cho những con rối bằng bìa đen. Có cảm giác thật không an toàn khi tiến vào đất nước này giữa lúc đêm hôm.

"Ăn thôi, Carraz lâu bầu. Tao đang đói ngấu đây!

- Tao thích ở một mình đọc sách hơn."

Hiếm khi cậu cưỡng lại mong muốn được bảo vệ nhờ sự có mặt của cậu bạn nặng đến cả tạ, với cung cách hung hãn và khuôn mặt vuông vức lúc nào cũng bị bộ râu chực che lấp khiến cho khá nhiều người phải tránh xa nếu không có mối thù ngầm ngầm nào với cậu. Đó là một gã to

mồm nhưng cũng có thể ngậm chặt miệng suốt ba ngày, điều này không khiến Pierre thấy phiền, mà ngược lại. Không cần cố gắng, bằng bản năng, cậu cảm thấy được trong con người Carraz một tình cảm triu mến đầy ngại ngùng và thô kệch, kiệm lời, rất nhạy cảm, tự đắc vì không bị kéo theo mưu đồ của những kẻ ngốc nghếch.

Khi họ gặp lại nhau, ở Marseille, Pierre thì vừa mua xong sô cô la còn Carraz thì mới tiêu nốt phần lương, trước đó đã bị hao hụt khá khá, cho một ả điếm mà cậu ta rất thích vùng xương chậu uyển chuyển của ả, không có từ nào chính xác hơn từ “khó tả”⁽⁴⁾ để tả. Khu nhà lụp xụp gần cảng vẫn sản sinh ra những đứa trẻ rách rưới và lũ chuột dẻo dai siêu đẳng.

“Thế giày của mày đâu rồi?”

Carraz đã để quên chúng ở nhà thổ, hoặc đã gán nợ lại một quán bar nào đó, rồi họ lên tàu, khoác tay nhau, dưới ánh mắt chăm chú của một ông già người Ả Rập đang ngồi xồm trên bến tàu, cậu trai trẻ gầy trơ xương, nhẹ cân hơn cả chiếc túi đựng sách, và một gã hộ pháp đi chân đất.

Dù có từng mơ tưởng đến những phòng khiêu vũ của quán *Pasteur* hay những bức chạm nổi phông kiểu Angkor ở lối vào nhà hàng *Félix-Roussel*, Garnier vẫn nhanh chóng hòa nhập được: những phòng ngủ chật kín người, toát ra cái hơi ẩm trong không khí càng lúc càng trở nên nhớp nháp khi họ xuống gần chí tuyến, những boong tàu xếp đầy các thùng trang thiết bị, đạn dược, và trên đó những chiếc xuồng cứu hộ đã bị kéo đi nhường chỗ cho xe Jeep và hai chiếc xe bọc thép, những lần tắm với chút nước ít ỏi đen sì: chẳng có gì trên tàu hứa hẹn viễn cảnh thi vị ở xứ thuộc địa. Còn về đồ ăn, mối quan tâm thường trực của binh lính Pháp, tốt hơn là không nên đề cập đến.

Đến kênh đào Suez, ở nghi thức nhập môn, cậu đã đọc được rằng ngày xưa, những kẻ phiêu du thường thay Âu phục ra để mặc trang phục màu trắng và đội mũ; với nghi thức này, người đó mong rằng có thể bỏ lại trong xoáy nước con tàu cái tâm thường và mối ưu phiền mình đang trốn chạy - chưa kể đến ký ức về những tội ác và lỗi lầm. Người mới đến, con trai một công chức tỉnh lẻ khiêm nhường, là một kẻ tự phụ! Gã nhát chết, một tên Sở Khanh! Bị nhục nhã, hắn đã sẵn sàng để được cứu chuộc! Kẻ yếu đuối, khi nắm quyền! Pierre hắt hơi: cậu chỉ biết ném qua mạn tàu xuống biển miếng kẹo cao su nhai dở, gói trong tấm giấy bạc.

Khi đỗ lại ở mỏm Aden, vùng sỏi đá vỡ vụn vì nắng nóng nơi chỉ có những túp lều mái tôn mọc lên, cậu đã xuống đến cửa túp lều bắn thủ nơi những cô gái trẻ mảnh khảnh hông hẹp đang “hành lễ”, cậu từ chối không vào trong, lấy cớ là bỗng nhiên thấy khó ở, chiếc khăn tay ẩm đắp trên trán, ngồi dưới cái bóng mờ tối của túp lều, sau rốt cậu buộc phải thừa nhận rằng mình đã vui sướng khi nghe thấy những âm thanh sơ đẳng, tiếng gầm gừ, tiếng lầu nhàu từ những người anh em của cậu, những người đàn ông - giữa những âm thanh ấy là tiếng kêu chói tai ngăn ngui, inh ỏi hòa lẫn tiếng phàn nàn của mình. Cậu không làm điều đó không phải vì việc đó xấu xa, mà do bản tính rụt rè. Đã từng có chuyện như thế này, hồi ở Đức, đôi khi cậu vẫn nhớ lại... cặp mắt lạnh lùng của một phụ nữ trẻ tìm thấy một góc trời xám xịt qua cánh cửa hé mở để trốn chạy, một lọn tóc dẫm mồ hôi dính chặt trên trán và bết lại, trong khi cả cơ thể, tấm đệm, kho thóc đều rung chuyển... “Ả điếm đã có cái ả muốn,” Le Bihan đã bình luận thế, và cậu đã không thể thoát hẳn khỏi cái bản chất xấu xa của sự thỏa mãn cũng xưa cũ như những kẻ chiến thắng, nếu có thể gọi họ như vậy. Phải, người Nga vẫn làm việc này âm ỉ, tất cả mọi người đều làm việc ấy, cả người Mỹ, và người Anh với những lời rao giảng nhai đi nhai lại, tất cả mọi người. Đồng ý là cậu đã dần cho Le Bihan một trận nhưng rồi cũng chẳng cảm thấy khá hơn sau đó: trong chừng mực nhất định, cậu không thể phủ nhận mình có can dự vào chiến thắng dê hèn này.

Carraz không thuộc đoàn viễn chinh ấy và là người duy nhất cậu có thể trò chuyện về chuyện đó, cổ họng nghẹn lại vì hổ thẹn. Họ ngồi trong bóng tối lạnh lẽo của một trại đóng quân ngoài trời và cậu tin rằng cậu bị bạn coi thường vì không phải một thằng đàn ông. Rồi cậu nghe tiếng cậu bạn hát:

Sơn ca chao liệng tới

*Chim hót vang những lời
Hoa mỹ nhân xinh xắn
Hoa mỹ nhân tươi tắn kìa em ơi*

*Chim hót vang những lời
Lũ đàn ông đâu có đáng chi
Hoa mỹ nhân xinh xắn
Hoa mỹ nhân tươi tắn kìa em ơi*

*Lũ đàn ông đâu có đáng chi
Và đám con trai còn chẳng ra gì
Hoa mỹ nhân xinh xắn
Hoa mỹ nhân tươi tắn kìa em ơi*⁽⁵⁾

Carraz ư? Là thế sao, Carraz mà cậu biết đang hát bài Cây mỹ nhân ư? Có gì bí ẩn trong đó, nhưng cậu đã tế nhị không cố hiểu sâu hơn.

Đến Colombo⁽⁶⁾, thêm lính Anh lên tàu, và cùng với họ, ló mặt ra từ đây những hoa là hoa, vài anh chàng người Pháp cải trang thành dân Anh, nhưng bị nhận ra ngay vì cái kiểu hơi tí đã phàn nàn, và cả do miếng phù hiệu hình cờ tam tài may trên tay áo họ.

Tại đồn chỉ huy của Trung tâm chỉ huy Đông Nam Á, nép sau đại úy Blondeau, Pierre nhận ra dáng người dong dong của Mountbatten. Chừng nào chủ tướng vẫn còn ở đó, người ta vẫn phải diễn trò “thỏa ước hữu nghị” từ bữa sáng cho tới bữa tối. Nhưng giờ đây Leclerc đã ra đi nên cứ hờ ra là người Pháp và người Anh lại sát phạt nhau. Người Pháp ham muốn mọi thứ vì họ chẳng có gì, còn người Anh lại tự hỏi vì sao do đói khát mà họ lại lên đường với cơn cuồng nhiệt trong cuộc tranh đua uy quyền vốn đã là quá khứ dù họ có làm gì. Tất cả đều kết thúc với việc chìm ngập vào thứ tiếng Pháp lai Anh trong các quán bar ở Raffles, trong sự mập mờ tinh tế được nuôi dưỡng bằng mỗi hận thù đeo đẳng sắp được mười thế kỷ.

Vì Pierre cảm ơn Blondeau đã đưa mình đi, viên đại úy nắm lấy vai cậu và, để tốt cho cậu, chỉ dặn cậu đừng có chuyện trò gì với thường dân duy nhất lên tàu cùng họ, một nhà báo mang họ Carlisle chuyên mặc đồ trắng và mang theo một két rượu Dubonnet, “để động viên tinh thần chịu đựng.”

Hết sức tự nhiên, Garnier chẳng mấy chốc đã gắn kết với Carlisle bằng một tình bạn mà cậu tin là thận trọng, nếu không muốn nói là lấu cá. Vốn tiếng Anh tạm được của Garnier, chút hứng thú vui tươi mà người bạn kia khơi gợi ở chàng đồng nghiệp trẻ, vẫn còn non nớt trong nghề báo cũng như trong chiến đấu, kéo họ xích lại gần nhau từ bữa điểm tâm cho đến tận khi trời đầy sao trên boong tàu đã thoảng gió mát. Chính ở đó, lúc đi tiểu, lúc hút điếu Bastos hay Craven A, cậu có cảm giác rõ ràng nhất về việc trở thành một người đàn ông và thoát khỏi nỗi sợ hãi mà thực ra cậu chưa từng thoát được.

“Cậu sẽ làm gì nếu được quyền lựa chọn? Carlisle hỏi cậu với vẻ mỉa mai thường ngày. Một nhà văn chẳng?”

- Một người hùng,” Pierre trả lời và mặt cậu đỏ lên trong bóng tối khi diễn tả tham vọng ngây thơ này.

“Cậu có thể vừa là một nhà văn vừa là một người hùng đấy.”

Pierre nghĩ tới Malraux, người mà cậu đã thoáng thấy bóng dáng một lần, khi ông lướt qua các văn phòng ở dưới tòa báo *Tự do!*, phố François I, và cậu thậm chí không dám nói với ông lấy một lời. Cậu cười bực dọc.

“Còn anh thì sao, Carlisle?”

- Ô, tôi ấy à, lay Chúa lòng lạnh. Tôi không còn tự hỏi mình câu ấy nữa rồi, như cậu có thể đoán được điều ấy khi nhìn cái con người đang già cỗi của tôi đây. Nếu phải tự vấn, thì đó sẽ là câu, *lẽ ra* mình đã có thể trở thành gì. Nhưng có trả lời được câu hỏi ấy thì cũng chẳng đề làm

gì.

- Tại sao lại thế?
- Vì tôi đã lựa chọn rồi, cậu bạn thân mến.
- Rồi sao nữa?"

Nhờ nài nỉ, Pierre đã moi được từ vẻ điềm tĩnh của gã bạn người Anh một tiếng thở dài cău kỉnh.

"Rồi cuộc đời đã trôi qua."

Bằng Sơn, một người Việt thấp bé, nổi danh là một chiến binh nhanh mạnh, chịu đựng gian khổ, thường uống cùng những người khác sau khi ẩu đả nhưng chưa từng để mình đi quá đà. Mùa xuân năm 1939, cậu ta bị kéo khỏi quê hương Nghệ An và bị ép phải gia nhập quân đội Pháp. Những bần cố nông người Việt, sau khi làm nô lệ đồn điền cao su, lại biến thành bia đỡ đạn. Ngược đời làm sao, Bằng Sơn đã vượt qua bài thi sử dụng vũ khí bằng một niềm đam mê lạnh lùng, khéo léo trong thao tác, thuần thục với mọi loại vũ khí cậu ta chạm tay vào, và hăng hái trong mọi nhiệm vụ. Tháng Sáu năm 1940, thất bại của người Pháp chỉ gây cho cậu ta cảm giác dừng dừng lẫn chán ngán. Quyết định tiếp tục trận chiến của cậu ta chính là lời tuyên bố trung thành với đất nước đã nhận nuôi mình - trong chùng mực mà người ta có thể cảm thấy mình là con nuôi của người đã bắt cóc mình và dùng cây gậy như là phương tiện giáo dục chủ yếu. Cậu ta thích chiến tranh và đứng về góc độ này, trận chiến năm 1940 là nỗi thất vọng. Vì vậy cậu ta theo Leclerc rong ruổi khắp châu Phi, cho đến tận khi Paris và Strasbourg được giải phóng. Trở về nhà, cậu ta lại xung phong vào Quân đoàn viễn chinh Viễn Đông.

"Tại sao cậu lại làm thế? một hôm Pierre hỏi.

- Tại sao cậu lại làm thế, *cậu ấy?*"

Pierre cười.

"Tớ chẳng biết. Họ nói rằng chúng ta sẽ giải phóng Đông Dương như khi các cậu giải phóng nước Pháp.

- Chúng ta.

- Chúng ta làm sao?

- Chúng ta giải phóng nước Pháp. Chúng ta: có cả cậu ở trong đó đấy.

- Thôi đi, Bằng Sơn. Tớ biết điều mình đã làm. Và biết cả điều tớ đã không làm. Tại sao cậu không trả lời câu hỏi của tớ?

- Người nông dân nhỏ bé nhất ở một làng quê nhỏ nhất đồng bằng sông Mê Kông sẽ được đối xử như người Alsace hay người Normandie.

- Tớ cóc thèm quan tâm đến người Alsace, tớ đang nói với cậu về Đông Dương. Cậu nghĩ rằng chuyện ấy sẽ thực sự xảy ra như thế à?

- Tại sao lại không?"

Bằng Sơn cười vô tư. Pierre không thể không nghi ngờ rằng cậu bạn mình nghĩ và biết nhiều hơn những điều nói ra.

"Vậy thì, Pierre nói tiếp, chúng ta sẽ đá đít quân Nhật và lập lại một thế kỷ hòa hữu Pháp-Đông Dương. Đó là sự thật đích thực phải không?

- Sự thật ấy à, đó là sự thật về quả trứng.

- Quả trứng ư?

- Những người theo chủ nghĩa thực dân kiểu cũ nghĩ rằng lòng trắng tốt hơn lòng đỏ. Tuyên truyền của Nhật lại nói là lòng đỏ tốt hơn⁽⁷⁾. Còn tớ và cậu chúng ta được trả tiền để làm trứng trộn.”

Pierre cố dò xét trên khuôn mặt nhẵn bóng, đôi mắt không hề cười trước câu chuyện bông đùa của hai người.

“Cậu vẫn chưa trả lời câu hỏi của tớ.

- Tai kẻ thù đang lắng nghe chúng ta.”

Không thể moi thêm điều gì từ cậu ta - và Pierre phải thừa nhận rằng đó là một nét lòi cuốn của cậu ta, cũng như cái thứ tiếng Pháp lạ lùng, sai toét nhưng lại thi vị, ở đó những câu từ sâu sắc luôn pha trộn với thứ tiếng bồi của lính.

Họ chưa từng thực sự nói lại chuyện đó và Bằng Sơn cũng chưa từng trả lời nghiêm túc. Chắc chắn là chưa trả lời. Chắc chắn cậu ta không còn tin vào điều gì, chỉ cam chịu nghe những điều ngu ngốc và chỉ thể hiện sự phản đối bằng vàng trán với đôi mắt đen sáng rực, để ngoài tai những từ ngữ bóng bẩy và rỗng tuếch, những rêu rao sắc mùi men về tình đồng đội, những điều ngu ngốc sau canh khuya. Đúng vậy, có thể cậu ta có thêm quan tâm.

Hoặc có thể có điều gì khác.

Cái đêm trước khi họ đến Sài Gòn, Pierre được ru ngủ bằng tiếng thầm thì của những người khác, cách chỗ cậu mấy xe, cậu ngồi tựa đầu vào lớp dự phòng của một chiếc Jeep. Đó là lúc nổi lo lắng, lòng nhớ nhung quê hương, niềm luyến tiếc của con người có thể được mạnh dạn bộc lộ trong bóng tối. Thậm chí người ta có thể cảm lạnh. Giữa những câu đùa cợt tầm phào, cuộc đối thoại trở nên triết lý. “Tớ biết là tớ sẽ chết, một giọng nói cất lên, nhưng mười lăm phút nữa thì chưa.” Yên lặng. Rồi một giọng khác: “Nhưng làm sao mà cậu biết được?” Cười vang.

Có lẽ Pierre sẽ không thừa nhận mối liên hệ bí ẩn giữa cậu và họ dù có đang ngồi giữa bọn họ. Cậu bắt lấy từng mảnh đời này nhờ làn gió thổi đến, vui sướng tận hưởng nỗi cô độc của mình vì nó đã được bảo vệ bằng sự hiện diện của những người khác.

Dù cho đã thôi chơi nhạc kể từ cái ngày nhận được tin bố mất, cậu vẫn giữ bên mình một cuốn sổ tay trong đó những khuông nhạc trống rỗng như cái giá sách trong căn hộ bỏ hoang. Thỉnh thoảng, cậu viết nguệch ngoạc lên các dòng kẻ vài vết đen trông như những con quạ đậu trên nhánh lúa mì lúc chiều hôm.

Đêm Trung Hoa, đêm dịu dàng qua...

Cái giọng mũi của Bằng Sơn là tiếng thì thầm đầy mỉa mai kín đáo. Pierre giật nảy mình cứ như bị bắt quả tang đang làm một việc không thể tiết lộ với ai. Cuốn sổ bìa màu hạt dẻ tuột khỏi tay và cậu phải mò mẫm trong bóng tối để tìm lại.

Bằng Sơn ngồi xuống cạnh cậu mà không nói nửa lời, không một tiếng động, chẳng buồn để tâm đến vẻ căng thẳng bất thường của cậu. Phía dưới chỗ họ ngồi, con tàu đang phun nước ồ ạt.

Đêm Trung Hoa, đêm dịu dàng qua...

Lần này, tiếng của Bằng Sơn không làm cậu luống cuống. Cậu mỉm cười trong bóng tối khi bắt quả tang cậu ta đang liếc nhìn. Lúc ấy cậu chỉ thấy anh bạn bày biện giữa họ một kiểu như bữa tối nhẹ.

Trên ba cái vỏ đồ hộp, Bằng Sơn vừa dựng xong một cái bàn thờ trên đó cậu ta bày một ít cơm, vài điều thuốc và một con đầm lấy từ bộ bài; còn có cả một ly nhỏ đựng thứ chất lỏng màu hổ phách có mùi như pha trộn giữa xăng và rượu. Ở giữa, cậu ta đặt một tấm ảnh chồng chên trên đám vỏ đồ hộp hiệu *Thái Bình Dương* và chèn bằng hai củ khoai tây đã mọc mầm đen.

“Không có nén hương nào.”

Pierre để cậu ta tiếp tục nghỉ lễ mà không cố hiểu xem chuyện gì đang xảy ra. Rồi cậu chột nhận ra bố mình trong bức ảnh.

Bằng Sơn lấy hai điều thuốc lá, một cho mình, một cho Pierre, rồi mời cậu vài hơi. Sau đó chấp tay lại, kẹp điều thuốc lá lại bằng hai ngón giữa, vái ba vái. Pierre làm theo. Sau khi vái xong, Bằng Sơn lấy điều thuốc từ tay Pierre rồi cầm cùng điều thuốc của mình vào khe giữa hai ván cầu.

“Chúng ta nói chuyện về bố cậu nhé, cậu muốn không?”

- Tớ chẳng hiểu gì cả, Bằng Sơn. Bố tớ thì can hệ gì trong chuyện này?”

Bằng Sơn lặng lẽ mỉm cười.

“Không ai nói với cậu là cậu giống ông ấy à? Hay cậu nghĩ rằng hai khuôn mặt người da trắng đối với tớ cũng giống như hai khuôn mặt người da vàng đối với cậu?”

- Không phải đó là điều tớ muốn nói, Bằng Sơn, tớ xin lỗi. Chỉ vì khi thấy cậu với bức ảnh này, tớ bị phân tán.

- Cậu có nhớ một ngày tháng Năm năm 1940 khi bố cậu trên đường từ bãi tập về đến làng Saint-Gabriel, bố cậu đã ghé qua chào tạm biệt gia đình không? Ngày hôm đó ở sau lưng ông có một gã thấp bé tóc đen da vàng. Gã đó chính là tớ, binh nhì Bằng Sơn!”

Pierre gật đầu nhưng trên thực tế cậu chẳng nhớ tí gì. Khuôn mặt cứng cõi cùng bộ râu của bố, những mẩu đối thoại bập bõm hơi có vẻ hình thức với mẹ cậu. Có thể thời điểm đó là khoảng hai tuần trước khi bố cậu được điều đi Paris, và như vậy là một tháng trước khi ông mất. Quá nhiều cảm xúc vẫn vây quanh cậu.

“Tớ chỉ nhớ được là lúc ấy tớ thấy cảm thấy bình thường khi bố tham gia cuộc chiến cách quê nhà Saint-Gabriel có ba cây số. Tớ nghĩ rằng lính nào chẳng như thế, người ta cử họ đi ngay gần nhà thôi. Chỉ sau này tớ mới biết rằng đó có thể được gọi là sự ngẫu nhiên lạ lùng.”

Pierre quay lại với những chi tiết mà cậu không thực sự quan tâm.

“Thế các cậu làm những gì, cả ngày ấy?”

- Bọn tớ bị bắt học miễn phí bằng thứ tiếng Pháp dở hơi.

- Vậy là cậu chưa học xong.

- Tinh thần của dân tộc tớ có những sức sống không ngờ.

- Tại sao thỉnh thoảng cậu cứ nói như sách vở thế?

- Tại vì thỉnh thoảng tớ có đọc sách.”

Họ lặng lẽ hút thuốc một hồi. Rồi Bằng Sơn bình thản tiếp tục:

“Cậu muốn nói chuyện về ông ấy bây giờ chứ?”

- Cậu không phải miễn cưỡng đâu, cậu biết đấy. Tớ đã rất bức tức, lúc ấy tớ mới mười bốn tuổi...

- Mười bốn tuổi mà ở quê tớ thì cậu đã là một người đàn ông còn ở nước cậu thì mới chỉ là một đứa trẻ. Tớ rất quý ông, bố cậu ấy, chỉ thế thôi. Tớ quý ông ấy cũng chẳng vì lý do gì. Ông ấy chẳng cứu mạng hay làm gì cho tớ cả.

- Không có lý do. Điều đó không tồn tại, không lý do.

- Có chứ, nó có tồn tại. Một gã trung úy gàn dở thì cử chúng tớ đi trinh sát đường rừng hoặc lội nước, chỉ để đày đọa chúng tớ. Còn bố cậu, cậu biết đấy, ông ấy đi cùng và chỉ cho chúng tớ đường đẹp mà đi. Chúng tớ còn đi săn thỏ nữa. Một lần, tớ còn vào làng với ông ấy để kiểm *diệu*

nhỏ và bánh.”

Bằng Sơn không phát âm chuẩn chữ “r” và Pierre mất một lúc mới hiểu được từ “diệu nhỏ” là gì.

“Một trái bánh á?”

- Cậu thấy chưa, ‘diệu nhỏ’ chẳng khiến cậu ngạc nhiên! Bây giờ cậu đã hiểu rõ quân đội Pháp rồi nhé. Một trái bánh, đúng đấy. Chúng tớ buồn như trấu cấn ấy. Đơn vị tớ có nhiệm vụ bảo vệ lãnh thổ Pháp trước quân Ý nhưng quân Ý thì chẳng thấy bao giờ - chỉ thấy mỗi gã nông dân làm mướn nghèo khổ một tối thứ Bảy đụng phải mấy tay người Pháp yêu nước. Còn chúng tớ, chúng tớ chia đội ra đá bánh.

- Pháp-Đông Dương à?

- Bố cậu và gã trung úy gàn dở kia là hai người Pháp duy nhất nên họ làm thủ môn. Không, là đội Bắc đấu với đội Nam.

- Thế đội nào thắng?

- Vận động lịch sử của nước Đại Việt theo chiều từ Bắc vào Nam. Họ chơi khá hay nhưng chúng tớ lại có tính kỷ luật cao hơn. Cũng có thể do bố cậu bắt được một quả phạt đền.”

Trong giây lát, Pierre cố gắng khiến cho cái hình ảnh lạ lẫm của cha mình, với gương mặt luôn nghiêm khắc, đang nhào ra đỡ bóng trở nên gần gũi hơn... Nhưng tâm trí cậu không nấn ná lâu ở những hình ảnh về trận bóng trên mặt sân mấp mô của bãi tập ấy. Cậu hồi tưởng những mảnh vụn ký ức từ những lần hiếm hoi bố ghé qua thăm nhà. Cảm giác khó chịu mà cậu cảm thấy vào chuyến thăm nhà lần cuối của ông, đầu tháng Sáu, khi bố cố gắng cùng cậu đi dạo kiểu “đàn ông với nhau” trên đồi. Những từ ngữ rỗng tuếch: “bị điều đi làm nhiệm vụ”, “ngay khi bố có thể”, “hãy chăm sóc mẹ chu đáo”, “người đàn ông trong gia đình.” Một câu hỏi đến giờ vẫn còn mắc ngang họng cậu: “Còn điều gì khác mà bố muốn nói với con không hả bố?” Không, cậu không chắc là bố nói dối cậu, mà đúng hơn là cảm giác về một cuộc gặp gỡ nửa đều khiến cả hai cảm thấy gương ép. Sự trở trêu của cuộc chiến điều ông đi cách nhà ba cây số, nhưng ông làm như thể sống ở một thế giới khác. Cậu không thể nói tất cả chuyện này với Bằng Sơn, người rất quý bố cậu không vì lý do gì, hay là vì khả năng chơi bóng của ông.

“Cậu bạn Jean của tớ nghĩ rằng các cậu đang phát triển các loại vũ khí bí mật.

- Bí mật đến mức nó vẫn luôn bị chôn vùi ở đó.

- Thế ông có nói gì trước khi đi không?”

Pierre mím môi lại.

“Kiểu như bí mật về những vũ khí bí mật à? Không, ông không nói gì. Tớ nhớ là ông không có đàn piano, vì vậy tớ giúp ông làm một tấm ván để chơi. Chỉ mình ông nghe thấy tiếng nhạc, nhưng tớ vẫn lắng nghe ông.

- Tấm ván ấy giờ thế nào rồi?

- Có thể nó đã bị cháy. Có thể nó đã bị mục nát đâu đó trong rừng. Năm năm thì cũng dài dài đấy.”

Những ngón tay của Pierre gõ nhịp lên boong tàu. Họ lặng thinh. Đôi khi, trong một hành động trùng hợp, Pierre cảm nhận được bóng hình của anh bạn người Việt, họ cúi xuống với lấy điều thuốc và rít một hơi dài trước khi lại cảm thấy đồ lể ể ấy xuống. Trong giây lát, gương mặt bố hiện ra trước Pierre trong một quầng sáng màu đỏ nhạt, chìm trong khói thuốc khiến người ta liên tưởng đến làn sương dày đặc, ở đó sự mơ hồ về ký ức, những cảm xúc trái chiều khơi dậy trong cậu, tất tậ, cả bí ẩn về cái chết của ông, hòa trộn vào nhau trong một ẩn ngữ duy nhất rồi tan biến theo làn khói giữa đêm dài vô tận.

Cứ như thế, trong mùi hắc ín và mùi xăng, mùi thuốc lá và mùi cao su, chìm trong không khí

thành kính tưởng nhớ một người quá cố mà bản thân cậu chưa bao giờ thể hiện điều đó, cuối cùng Pierre cũng thiếp đi, vài phút trước khi trời sáng.

Người đàn ông chèo con xuồng ba lá, giữ mái chèo giữa hai bàn chân, mái chèo duy nhất cũng làm luôn nhiệm vụ bánh lái và trên ấy có treo một chiếc đồ.

“Tao rất muốn biết nó chạy kiểu gì,” Carraz nghiêng răng nói.

Khi tiến sát gần, họ mới biết tại sao nó lại chệch đường trôi dạt đến như vậy: con xuồng mất lái.

Họ phải chờ triều cường lên mới cho tàu vào sông Sòi Rạp được. Không lâu sau đó, đến khúc uốn của con sông, Sài Gòn màu trắng hiện ra trong buổi bình minh mưa nặng hạt, trên dòng sông nặng phù sa mà họ đang gắng sức tiến lên, dường như không phải rẽ nước mà là rẽ thứ chất lỏng dính nhớt, quánh đặc đầy rong tảo rất đáng ngại, rễ cây trôi nổi, rác rưởi và - đôi khi - cả những thây người. Họ đi qua xác một con tàu Nhật chỉ còn trơ khung; một làn gió ngọt ngào cuốn theo mùi khói muối: một kho cao su đang bốc cháy.

Tất cả mọi người đều lên boong đứng, dò tìm dấu hiệu của sự sống, rình chờ xem dưới các vòm được liệu có một bóng người hay một dấu hiệu nào không. Chẳng thấy gì hết.

Có tiếng người thì thầm. Đây không phải chuyện bốn cột.

Qua những ụ khối xám xịt ở khu cảng ngoài Nhà Bè, họ đi ngược dòng với vận tốc quá nhanh so với nỗi e ngại và quá chậm so với sự mong đợi của họ. Những căn nhà tranh lác đác, điểm xuyết những khóm chuối mọc rải rác, những hàng cau lênh khênh như dấu cảm thán cũng không mang lại lời giải đáp nào. Bên những cầu tàu bằng gỗ đang mục nát ven bờ sông, một con đò không người lái dập dềnh giữa sóng nước; không có lấy một con trâu, một đứa trẻ để đem lại hơi thở cho cái khung cảnh nơi sự sống vừa rời xa này.

Dưới vành mũ trắng, mồ hôi họ túa ra vì nóng nực và sợ hãi.

“Mày nghĩ thế nào?” Pierre thì thầm vào tai Carraz.

Anh chàng to con vừa chop được một con ruồi, cậu ta lắc lắc trong nắm tay rồi sau đó đưa lên tai nghe xem có còn bay không, với vẻ mong đợi mơ màng hết như khi người ta áp vỏ sò vào tai để nghe âm thanh đại dương. Cuối cùng cậu ta nhẹ nhàng xòe bàn tay ra, và con côn trùng ấy dần bay lên.

“Tao chẳng nghĩ gì cả, anh bạn ạ. Trừ việc đừng nên trông chờ là sẽ có một ủy ban đón tiếp hoành tráng. Và đối với đồ khai vị tối nay thì như vậy là trượt rồi.

- Sự trở lại Đông Dương của người Pháp...”

Pierre chẳng phải ngoảnh lại cũng đoán ra cái giọng mỉa mai đó là của Carlisle.

“May thay chúng ta có những người bạn Anh, cậu nói giọng kèn kẹt. Chúng ta sẽ là cái quái gì nếu không có họ....

- Rất đơn giản: thay vì lão De Gaulle khù khờ, các cậu sẽ có Montgomery hay Eisenhower làm quyền tổng thống. Dù sao, cách đây chưa lâu, chúng tôi vẫn là những người thừa hưởng hợp pháp ngai vàng nước Pháp. Nếu không có sự ngu ngốc của Jeanne d’Arc^[8] thì có phải giờ đây tất cả đều nói tiếng Pháp hết rồi không.

- Lịch sự đi nào, Carlisle, thôi ngay những chuyện ngu ngốc của anh đi.

- Nhớ cho kỹ nhé, dù sao cũng có một số người Pháp đã góp tay đưa cô gái ấy lên giàn hỏa thiêu và châm lửa đốt củi. Cậu sẽ yêu kẻ thù như chính bản thân mình... Hẳn là trong truyền thống nước cậu có cái gì đó, hoặc có thể các cậu còn sùng đạo hơn chúng tôi...

- Carlisle, anh làm bọn tôi bực mình rồi đấy.

- Hải hươc kiếu Anh, anh bạn trẻ thân mến, cậu biết không?" Carraz giận dữ liếc mắt về phía gã phóng viên người Anh. Rồi quay sang Pierre.

"Mày muốn tao hòa giải vụ này không? cậu ta lắm bầm.

- Ý mày là sao?

- Để tao sửa lại chân dung cho hấn ta?"

Carlisle sờ tay lên khuôn mặt với làn da sần rỗ của mình.

"Chân dung của tôi đã được chỉnh sửa không đến nỗi tệ rồi, gã mỉm cười nói. Tôi e rằng cho dù các cậu có tài nghệ tuyệt vời cũng không thể làm nó đẹp lên - hoặc xấu đi được nữa đâu."

Carraz quay đầu lại, vẻ ngán ngẩm.

"Chẳng có gì phải ngạc nhiên khi chúng ta choảng nhau với bọn họ suốt cả nghìn năm trời. Chiến đấu bên họ à? Quên chuyện đó đi."

Cậu ta khạc nhổ và Carlisle lùi lại một bước, rồi đưa mắt về phía đỉnh tháp nhọn màu đỏ của nhà thờ, nhô cao trên cả rừng mái nhà: Sài Gòn đó, lười nhác và chậm chạp. Vừa lau mồ hôi chảy dài trên trán, vừa khẽ nhấc mũ lên, Pierre chỉ thấy những hình ảnh mờ mờ trước khi đọc được những chữ cái đầu tiên trên mặt tiền một tòa nhà mái vòm màu trắng: "Ngân hàng Đông Dương." Rồi ánh mắt cậu nhắm vào cột cờ Thủ Ngũ, ở đó có treo một lá cờ đỏ sao vàng.

"Cái gì thế nhỉ?" cậu hỏi Carraz, anh chàng nhún vai tỏ vẻ không biết.

Carlisle định trút một câu độc địa nào đó, nhưng ánh mắt giận dữ của Carraz đã ngăn gã lại.

Bến cảng hoang vắng và họ buộc phải tự dỡ hàng xuống tàu. Trong bầu không khí nóng ẩm, những câu nói bông đùa và tiếng cười rúc rích tắt dần giữa sự im lặng nặng nề. Sau đó họ rời boong tàu và đứng xuống mặt đất một lát, vừa nháy chân sáo vừa chờ một dạng trật tự được thiết lập. Lính Gurkha⁽⁹⁾ của tham mưu trưởng Gracey đâu rồi? Còn lính Pháp, không còn lấy một ai sao? Chỉ duy nhất có tàu của họ trên bến cảng. Ở trên cao, phía kho vũ khí vẫn còn ánh sáng mờ mờ của đám cháy. Trong cảng, còn lơ lửng những con tàu khác. Thỉnh thoảng lại có một tiếng nổ, một loạt súng.

Bước đi chậm chạp, lưỡng lự, họ băng qua khu đất hoang có hàng rào bị đánh sập, ngăn cách họ với tòa nhà bỏ hoang của Công ty vận tải đường biển. Họ tiến vào phố Catinat⁽¹⁰⁾ dưới vòm me. Truyền đơn in trên giấy xám vung vãi dưới đất. Pierre nhặt một tờ lên: "Đả đảo thực dân Pháp! Nền độc lập của dân tộc Việt Nam muôn năm!" Rồi, những dòng chữ lớn hơn: "Phát lệnh tổng bãi công ở Sài Gòn."

Lòng tôn kính vô cớ với Malraux khiến cậu mỉm cười nhưng cậu không thể chia sẻ câu trích dẫn trong *Thân phận con người*⁽¹¹⁾ với bất kỳ ai, có lẽ trừ Blondeau, người còn có việc quan trọng hơn phải làm. Bàn tay ẩm ướt đặt trên báng súng, mắt đảo liên hồi về phía hàng rào khép kín của các cửa hàng Denis Frères, Descours và Cabaud, tìm kiếm một tay *du kích* vô hình, tránh những đồng rác chất đầy dưới lòng đường, đoàn lính Pháp đi ngược lên phố Catinat.

"Đây đâu phải là đại lộ Champs-Élysée," Carraz lắm bầm.

Họ đi ngang qua mặt tiền nhà hát, sân hiên khách sạn Continental giờ đã biến thành boong ke và chẳng hiểu vì sao cờ Mỹ được kéo lên cột ở đây, những bao cát, các cửa sổ đóng kín. Đảo mắt tới đâu, Pierre cũng đều thấy những biển hiệu mang những cái tên chất chứa nỗi hoài nhớ đã được báo trước, trong khi cậu lại chẳng có lấy một kỷ niệm nào về chúng. Nhưng ngay lập tức, trạng thái tập trung nhạy bén khởi nguồn từ nỗi sợ đã thắng thế.

Cậu vượt lên ngang với Blondeau.

"Thế nào, Garnier, mọi việc tốt chứ? viên đại úy hỏi. Tôi hy vọng là cậu sẽ chuẩn bị cho chúng tôi một cái tin long trọng."

Blondeau nói vội, không ngừng rà soát những hiểm họa rình rập: tầng trên cùng của các tòa nhà, dưới bóng các cổng tam quan, góc khuất chỗ các con phố cắt vuông góc.

“Tôi đã hình dung ra tiêu đề: ‘Quần chúng nhiệt liệt chào đón đội quân giải phóng Sài Gòn’. Tóm lại là một thứ theo văn phong đó: tôi không muốn đe dọa tài sản quý giá nhất của chúng ta - tự do báo chí, hay chính là tự do quân sự.”

Cái nháy mắt không mang vẻ nhạo báng. Đôi khi, một cái nháy mắt làm biến dạng khuôn mặt viên đại úy, trong khoảnh khắc khiến khuôn mặt anh trông giống như một chiếc mặt nạ bi kịch. Blondeau cảnh giác nói thêm ngay:

“Tôi biết việc này chán ngắt, nhưng chúng ta đều biết là một số nhóm quân đang khủng bố dân chúng. Chúng ta phải nhập cuộc thôi.” Bởi một lý do chỉ riêng họ biết, nhóm quân Anh đã đi theo hướng riêng, dọc theo kênh Tàu Hủ, về phía Chợ Lớn.

Ở góc giao với đại lộ Bonard⁽¹²⁾, hình như họ trông thấy hai lính Nhật đang bỏ trốn, mỗi tên gánh một đầu cái đòn gánh treo một người đàn ông. Họ thoáng do dự, khi bình tĩnh trở lại, hai lính Nhật đã mất hút.

“Cái của nợ đó là gì thế? Carraz hỏi

- Đến lượt chúng ta nhập cuộc thôi, Pierre nghiêng răng nói.

- Ai nói điều vớ vẩn ấy thế?”

Pierre hất cằm về phía cái đầu trần của Blondeau đã ở phía xa, cố gắng tỏ ra cứng rắn trong dáng đi. Carraz nhăn nhó gãi cằm.

“Vậy thì chúng ta còn chờ gì nữa?”

Cách nhà thờ hai trăm mét họ dừng lại nghỉ. Một bức tượng đồ ngang, bị hạ bệ: ngay cả khi đó chỉ là một bức tượng đá thì cũng là người Pháp đầu tiên mà họ nhìn thấy nằm dưới đất. Họ rời mắt khỏi kẻ xâm lăng bị lật đổ đó. Carraz chỉ nhà thờ.

“Nó làm tao nhớ đến Albi, cậu ta cố gắng bốn cột.

- Mà đến Albi rồi á, chính mày ấy?

- Không, thế thì sao?”

Pierre thấy một người An Nam đang ngồi xổm, anh ta mỉm cười nhìn họ, bàn tay dài trơ xương, với những đốt tay biến dạng, mân mê dưới cằm, vể chồm râu lún phún vài sợi. Không chắc đó là lính gác của một ngõ phố nơi mà tất cả các nhà đều đóng cửa, bên cạnh một rạp hát có trưng những dòng chữ đen sì trên tấm bảng hiệu đã tắt đèn: *Cuốn theo chiều gió*.

Pierre huých khuỷu tay làm hiệu cho Carraz.

“Thấy tên đường chưa?

- Mày muốn tao quan tâm đến cái quái quỷ gì chứ? người kia làu nhàu.

- Éden, Pierre nói. Thiên đường, chúng ta đang ở thiên đường.”

Ông cụ thận trọng đứng đằng sau đám giá xếp nơi ông bày “hiệu sách” rong của mình: những cuốn truyện trinh thám tiếng Anh cũ kỹ đã phai màu, vài tập phổ tô được đóng lại thành sách, vài tấm bản đồ rách nát, vài tập báo cũ nát.

Ông cụ chừng bảy mươi tuổi, có thể hơn thế. Biển hiệu ghi “Khỉ xanh,” hẻm Éden. Tôi lật giở vài cuốn sách một cách không chủ định, rồi khép lại mà không hề đọc, thận trọng để không khiến những trang giấy mủn ra thành bụi trong tay mình.

“Còn bản đồ Sài Gòn, tôi muốn nói là bản đồ năm 1945-1946 ấy, ông không có cái nào à?”

Vẻ mặt ông cụ không chút biểu cảm, mớ tóc hoa râm mỏngбет chặt lên vầng trán đầy nếp nhăn. Làn da của ông khô ráp và nhợt nhạt, còn đôi mắt toét nhoèn, rầu rĩ. Rốt cuộc ông cúi xuống một ngăn kéo, lôi từ đó ra một tập phổ tô cũ kỹ. Bản đồ hàng hải, bản đồ khí hậu, bản đồ địa lý. Sau đó ông đưa cho tôi một tấm.

“Bản năm 1952, ông nói. Có một số điểm khác nhau, nhưng...” Tôi trả tiền tấm bản đồ, cuốn *Người Mỹ trầm lặng*, và *Truyện Kiều*, cuốn sách huyền thoại diễn tả nỗi đau tâm hồn của người Việt.

“Tôi sẽ quay trở lại.

- Chắc chắn rồi.”

Ông tạm biệt mà không bắt tay tôi, lặng lẽ đi khuất vào trong hẻm.

Từ khi tới Sài Gòn, tôi hăng hái rảo bộ, cố nhớ lại những điều tôi chưa từng biết nhưng không hẳn là không biết, được vun đắp bởi một cảm giác quen thuộc lạ lùng cứ vương vấn trong tôi cho đến tận đêm khuya, khi tôi bị khí hậu nóng ẩm tỏa ngập thành phố làm thức tỉnh. Ban ngày, tôi có thể ngồi đến mười lăm phút đồng hồ quan sát dòng người trên một con phố nào đó trước khi tìm thấy chỗ cho mình để rồi hòa vào dòng người đó. Có thể cũng chính điều này đã giữ họ lại, cảm giác ngậy ngất được tan biến đi, niềm cảm dỗ của sự phá hủy. Tôi vừa mới đến: tôi có một lý thuyết chung cho mọi điều.

Những đêm đầu, tôi quyết định ở khách sạn Continental, điều hòa thì ồn ã, quầy bar dưới tầng một thì sáng rực đèn neon, sảnh vào bị choán chỗ bởi một cây thông Noel cồng kềnh cùng một đồng quà giả bọc giấy trang kim vẫn nằm đó từ Giáng sinh này qua Giáng sinh khác. Trong vườn ngự trị một cây hoa sứ, loại cây nhiều tán với những bông hoa màu hồng tỏa mùi hương khêu gọi, làm thỏa lòng những kẻ phiêu lưu, những ông chủ nhà băng, những người lính đặc công trở về sau nhiệm vụ và những nhà báo trở lại từ khắp phương trời. Dưới gốc cây treo một tấm biển đề “trồng năm 1885”. Ở đây, tất cả những gì không bị tàn phá đều biến thành bảo tàng mà từ nơi ấy sự sống đã rời xa. Không cần phải tìm dấu vết thương tích trên những tòa nhà và cây cối mà chỉ cần tìm trong một ánh mắt nhìn trộm, một hình bóng nhạt nhòa.

Tôi tản bộ trên những con đường thẳng tắp trong khu phố nơi các tòa nhà thuộc chính quyền thực dân đã được chuyển giao nguyên trạng cho chế độ cộng sản, chỉ loại bỏ một vài biểu tượng quá lộ liễu. Đây đó, những trần tường màu trắng hay màu đất son thể hiện những nét cổ kính của nước Pháp giờ đây đã thất bại, những cán cân của một nền công lý mà người ta không còn tin tưởng nữa, những bầu ngực vốn chẳng nuôi nấng một đứa con nào. Câu lạc bộ thể thao cũ từng là một công viên nơi mà các jogger hiếm hoi chạy vòng vào quanh đám cau vua, trong khi đó, ở một góc khuất, từ bể bơi vọng đến những tiếng hò hét của bọn trẻ. Chính nơi đây, năm 1945, lòng đoàn kết của những người da trắng đã được tái lập. Ngay khi vừa mới mở cửa trở lại câu lạc bộ cũ mặc định cấm người Việt thì những “người Pháp mới” đã áp dụng luật lệ phân biệt chủng tộc này, với những quy định hiển nhiên đến mức thậm chí họ chẳng cần nói ra.

Trong lúc đọc những cuốn sách, tôi cố tìm hiểu vị thế của bố tôi, một người lính chưa từng thực sự tham chiến, một nhà báo quân đội trở thành người chiếu phim, lang thang không mục

đích khắp đất nước, xách chiếc va li kim loại nặng trĩu chứa đầy những cuộn phim chiến tranh của Mỹ hay Pháp cùng một máy chiếu De Bries 16 mi li mét và những bóng đèn hình dự trữ.

Thời niên thiếu, khi tôi gắng hỏi thêm chi tiết, mẹ đã miễn cưỡng đưa cho tôi một bản tiểu sử sơ lược: tham gia Kháng chiến năm ông mười bảy tuổi, chuyển khởi hành đến Đông Dương, cuộc gặp gỡ của bố mẹ ở Hà Nội và ngày chào đời của tôi ở Sài Gòn - rồi cuộc trở về Pháp đột ngột của gia đình tôi, vào cuối năm 1954, khi tôi vừa được hơn một tuổi. Những kỷ niệm sau đó lẫn lộn với nhau: những tấm bưu thiếp với độc một từ ngắn ngủi, những lần chờ đợi bên điện thoại khi ông đã hứa gọi mà không gọi, hoặc hứa đến mà không đến. Bố tôi thích những lời hứa, cùng cái không khí trang trọng và sục sùi bao quanh chúng, nhưng đối với ông, giữ lời là điều không thể.

Ngay cả những “điều muốn nói” mà ông đã nhắc đến trước khi chết, ông cũng chẳng ấp úng buông ra lời đầu tiên.

Lúc trời trở tối, tôi đi ngang qua bệnh viện Grall⁽¹⁾, phố Lagrandière⁽²⁾ xưa, nơi tôi sinh ra, nếu tin vào tấm bản đồ gấp tư đang ở trong túi tôi. Một phụ nữ đi dạo với chiếc xe nôi. Hai cậu bé chạy đuổi nhau đứng sững lại khi nhìn thấy tôi sau hàng rào. Xa hơn trên phố, mắt tôi bị hút vào mặt tiền một cửa hiệu bán tranh. Toàn là những chủ đề truyền thống về cuộc sống thôn quê Việt Nam, với những phong cảnh từ muôn đời và những linh hồn phiêu dạt, nhưng người họa sĩ đã chất lên mỗi sinh vật sống một gánh nặng khổ đau, tạo ra một loạt cách nhìn bình thản nhưng bi thảm xuyên qua các thời đại lịch sử.

Cô gái bán hàng mặc bộ áo dài màu xanh pha trắng hỏi tôi bằng thứ tiếng Anh khá chuẩn xem tôi thích những bức tranh nào. Tôi cười mà không trả lời và cô ấy nói: “Vâng, để em xem nào.” Cô lấy ra một cuộn tranh to rồi mời tôi ngồi xuống bên cạnh, cô trải quanh tôi những bức tranh đồng lúa, những triền đê, trâu bò, một cánh quạ bay, những thôn nữ, cả một vùng địa lý tưởng tượng mà ở giữa nơi ấy chúng tôi thấy mình đơn độc đến vậy.

“Anh có thích những bức tranh này không?”

Tôi gật đầu mà không nhìn cô, đoán là cô vẫn ngồi yên, rất thoải mái và duyên dáng. Cô kể cho tôi những câu chuyện mà tôi không hiểu, nói với tôi những giá tiền mà tôi không thể trả, sẵn lòng ban tặng cho tôi gương mặt nhìn nghiêng thanh tú, cái cổ mảnh dẻ, bất cứ lúc nào mà tôi muốn. Tôi làm động tác đứng dậy nhưng cái chân mắc chứng cứng khớp đã phản bội tôi và tôi suýt ngã. Cô kêu lên rồi bằng một động tác nhanh nhẹn cô đỡ lấy tôi, để tôi khỏi ngã.

“Anh ổn chứ? Em xin lỗi. Anh có chắc là ổn không?”

Sự ân cần của cô thật là huyền bí đối với tôi. Chúng tôi bước vào trong phòng tranh, cánh tay cô đỡ lấy cánh tay tôi như một sự che chở thân tình, để chắc chắn là tôi sẽ không ngã quỵ xuống. Tôi nói với cô rằng tôi không phải khách du lịch đi tìm dịch vụ “mát xa đặc biệt,” mà tôi chỉ muốn nói chuyện với cô, rằng cô không phải trả lời, không phải bây giờ, nhưng nếu muốn thì cô đến gặp tôi vào lúc bảy giờ ở khách sạn Continental. Tôi bước đi trong tâm trạng bối rối, không chờ cô trả lời. Trong tai tôi vang lên những câu nói của cô “em xin lỗi” hoặc thậm chí “em rất xin lỗi” nhưng tôi không thực sự chắc chắn, có thể tôi chỉ nghe thấy có tiếng nói. Sau đó, tôi thấy sự táo bạo của mình thật là nực cười nhưng dễ khiến động lòng. Tôi nghĩ có thể cô sẽ đến, có thể là không, chắc chắn là không, sao lại không chứ? để tạo một mối liên hệ bí mật giữa sự cần thiết của việc cô đến và sự có mặt của tôi ở thành phố này.

Buổi tối, đến thời khắc mà tôi chờ đợi, một cơn dông khủng khiếp làm ngập cả thành phố và tôi chỉ có một mình trên sân hiên. Tôi không thất vọng, chỉ bị ướt, và sự vắng mặt của cô không tước mất ở tôi cái cảm giác hiện diện đó.

“Ngày mai, tôi tự nhủ, ngày mai cô ấy sẽ tới.”

3.

Buổi tối hôm đầu, họ bị cấm rời khỏi tàu, mặc dù than vãn nhưng không ai nghĩ đến việc phản đối sự cương quyết của cha Blondeau. Giờ chẳng phải lúc đùa và khi chơi bài lơ lửng, các quân bài hạ xuống uể oải, những ánh mắt lơ đãng nhìn về phía vệt sáng đỏ nhạt phát ra từ một đám cháy. Thỉnh thoảng vọng lại tiếng súng F-M. Ngay cả khi không khí tĩnh lặng đã trở lại trong đêm cũng không khiến người ta yên lòng chút nào.

Họ đã bị cuốn vào chiến tranh và phần lớn trong số họ đều đã tham chiến. Nhưng đây có thực sự là một cuộc chiến không?

Pierre rời đám bài bạc và thấy Blondeau một mình trên boong. Làn khói xanh từ điều thuốc anh hút lớn vờn quanh má. Mặc dù bị chứng máy cơ mặt, viên đại úy trông vẫn có vẻ mơ màng, thờ ơ với mọi hiểm họa.

“Thế nào, Garnier, zui chứ?”

- Zui quá đi chứ, thưa đại úy, nếu tôi được phép. Anh có biết chuyện gì đang diễn ra không?

- Tôi chẳng biết gì nhiều hơn cậu. Hình như một nhóm nổi dậy đã tuyên bố độc lập ở Bắc Kỳ. Bọn cộng sản, nghe nói thế. Bây giờ chuyện đó kích động đến cả đây, với sự cổ vũ của bọn Nhật mà lũ này thì dù thế nào cũng chỉ muốn tổng cổ chúng ta...

- Nhưng bọn chúng đã đầu hàng từ cách đây một tháng rồi mà!

- Ở Nhật thì đúng thế, nhưng ở đây thì không phải vậy. Làm sao mà biết được! Và trí khôn của những kẻ mạnh trên thế giới này khiến chúng phải đầu hàng quân Anh, chứ không đầu hàng quân Pháp. Tôi đã gặp Gracey và mọi chuyện thật đơn giản: thay vì quay vũ khí chống lại chúng ta, lính Nhật bây giờ sẽ quay lại chống những kẻ đang tấn công chúng ta. Tuyệt đấy chứ!

- Thế còn quân Mỹ?

- Quân Mỹ không thích và có chút coi thường chúng ta. Họ nói rằng kể từ thời Napoléon, chúng ta toàn tích góp thất bại và rằng nếu không có họ thì chỉ có trời mới biết được giờ đây chúng ta ra sao. Trước khi chết, Roosevelt đã tuyên bố rằng họ sẽ tước hết thuộc địa của chúng ta, rằng chúng ta chỉ biết lao vào bóc lột một cách đáng xấu hổ ở đó.

- Đúng là giọng điệu tuyên truyền!

- Có thể, nhưng không cần phải là một nhà cách mạng cũng có thể nhận ra công cuộc thuộc địa hóa của chúng ta không tiến triển theo hướng mà lẽ ra nó đã phải thế và có thể đã như thế... Thế nhưng cần phải có niềm tin, Garnier ạ. Chúng ta vẫn chưa biết tin vào cái gì, nhưng cần phải có niềm tin...”

Pierre thích cái từ này mặc dù Blondeau đã nói ra sau một cú máy cơ mặt, với cái giọng vô cùng chán nản. Trong một hoàn cảnh khác, với đôi mắt u sầu và mái tóc không mấy ngay ngắn này, có lẽ anh sẽ là một tu sĩ nhiệt tâm, sẽ cải đức tin cho những kẻ Dị giáo chứ không đem họ đi đóng đinh hoặc nấu trong vạc dầu. Cậu quay trở xuống hầm tàu.

Một cậu bạn đã tìm cách mua được rượu đựng trong vỏ chai Johnnie Walker rồi họ rót ra ca, chuyển từ vồng này qua vồng kia, mặt nhăn nhó ngay khi vừa tợp lưỡi. Rượu này đem đốt thì cháy phải biết! Không biết nó được làm từ cái gì - ít nhất thì cũng có mặt cửa. Có tiếng ho rũ rượi, tiếng xuyết xoa ngạc nhiên và đau đớn.

“Cậu nói có một cuộc nổi dậy à,” một giọng nói không biết của ai cất lên khiến tất cả cười bò ra.

Pierre gà gât trong tiếng rầm rì của những cuộc đối thoại không đầu không cuối. Những lời nhận xét lan man, dờ dang, và những câu hỏi không chờ câu trả lời. “Chính là bọn Nhật khốn kiếp đã làm chúng ta loạn cả lên, nếu không thì khó tin lắm...” Khó tin ư? Vẫn luôn có một kẻ

ngóac miệng phun ra điều cực kỳ ngu xuẩn với cái giọng cố chấp. Pierre rướn người đứng dậy khỏi văng. Dù quân Áo lẽ đã dọn dẹp sạch sẽ, thì nơi này vẫn sặc mùi kinh hoàng, cậu vẫn muốn lên phía trên hơn: nếu có bắn pháo hoa, tốt nhất nên ngồi lô đầu.

Khi ra đến hành lang, cậu nghe tiếng láo nháo, tiếng giậm chân, tiếng la hét, tiếng đạn bắn... Cậu lao về phía boong tàu, nhận ra bóng Carraz và Jaccoux đang bắn bừa phứa. Một quả lựu đạn rít phía trên đầu họ rồi phát nổ trên mặt nước, cách con tàu chừng hai mét. Tiếng đạn phía đối diện vừa ngừng thì những cái bóng cũng tản ra. Vẫn còn lại ba bốn đụn vải đen trên bãi đất trống. Họ nhìn nhau: các chàng trai đã lấy lại nhịp thở. Không kịp sợ: chỉ kịp kinh ngạc. Blondeau là người đầu tiên phá tan sự yên lặng:

“Geyer và Sainte-Laudy, các cậu đi xem xét mấy gã ấy cho tôi. Những người khác, giữ nguyên vị trí.

- Bọn Nhật khốn kiếp, một giọng kèn kẹt cất lên.

- Im lặng, tôi xin các cậu đấy.”

Hai người đàn ông mắt hút trong bóng tối sương mù dày đặc. Pierre đưa mẫu thuốc cho Carraz. Một giọng nói không rõ từ đâu vang lên.

“Đại úy? Bọn Nhật đó không phải là bọn Nhật.

- Ý cậu là gì?

- Bọn Nhật đó, chính là bọn Việt cộng.

- Mẹ kiếp.”

Blondeau chưa bao giờ là người thô tục và chuyện đó chẳng có nghĩa lý gì khi anh buông câu chửi thề với một giọng bình thản. “Mẹ kiếp,” anh nhắc lại. Sau đó, không ai nói thêm lời nào nữa.

Xa hơn, phía bên kia quân cảng và bờ kênh bao quanh phía Bắc thành phố, người ta nghe vọng lại tiếng ầm ì lờ mờ nhưng dữ dội.

Blondeau uống hai ca rượu liền rồi đi xuống cabin của mình mà không nói một lời. Họ đi ngủ mà không ngủ, tay để trên súng F-M, đầu tựa trên vai cậu bạn sặc mùi mồ hôi và thuốc lá.

Pierre đứng lại trên boong tàu. Cậu đề nghị giúp nhưng Blondeau đã nhẹ nhàng mắng. “Dù sao, đây cũng không phải trận Little Bighorn của Custer⁽¹⁾, Garnier à,” kèm theo câu đùa anh vỗ nhẹ vào lưng thuộc cấp. Pierre cam chịu: đại úy sẽ không căng thẳng vì chuyện này đâu.

Trong màn đêm tĩnh lặng, cảm giác có sự hiện diện im lìm của ai đó trong bóng tối, cậu giật nẩy mình, kịp nén lại tiếng kêu trước khi nhận ra ánh mắt cười tíu của Bằng Sơn.

“Bằng Sơn? cậu hỗn hển nói, cậu làm tớ sợ quá!”

Cậu ngỡ mình nghe thấy tiếng nín cười nhưng không chắc lắm. Gã đầu giả này cứ như ma ấy - hay có thể nói là bí hiểm.

“Ổn chứ?” Pierre hỏi.

Cậu bạn lắc đầu không trả lời. Cậu ta nhìn Pierre với vẻ chăm chú khiến cậu lúng túng, một câu hỏi không lời lóe lên trong ánh mắt.

“Ổn chứ?” Pierre hỏi lại, và cảm thấy lẽ ra mình nên hỏi câu khác.

Bằng Sơn tiến lại gần và ôm chặt lấy cậu trong giây lát rồi biến đi cũng đột ngột như khi xuất hiện.

Người đưa tin là con lai Việt-Corse, “đầu gà, đuôi vịt” như cách người ta vẫn nói ở đây, anh ta

trình trọng truyền đạt yêu cầu về một “cuộc họp riêng” với Blondeau. Địa điểm theo anh ta nói là ở một nhà kho gần doanh trại Trung đoàn Bộ binh Thuộc địa số 11. Lính Nhật đã rời bỏ căn cứ và chẳng còn gì phải sợ, nhưng nếu muốn tìm thấy những người còn sống sót thì phải khẩn trương. Anh ta dẫn họ đến tận chỗ cánh cửa hé mở thì lấy hai tờ giấy bạc rồi chuẩn đi.

Họ dẫn đo một lát trước khi bước vào. Sau đó Blondeau nói với giọng cứng rắn bất thường: “Đi nào, mẹ kiếp. Anh ta nói đến *những người lính Pháp* đấy.”

Chỉ còn khoảng chục người trong số họ vẫn còn thoi thóp, bị giam từng cặp một trong những chiếc lồng nhốt súc vật mà họ không thể đứng cũng chẳng thể nằm nổi trong đó. Phần lớn những người này chẳng hề động đậy khi họ mở cửa lồng rồi chìa tay vào trong; phải mất một lúc họ mới phân biệt được những người đã chết, cơ thể cứng đờ trong những tư thế kỳ quái, với những người còn sống, hoàn toàn đờ đẫn vì sợ và kiệt sức. Mùi hôi thối của phân, nước tiểu và mồ hôi bốc lên nồng nặc trong không khí ẩm thấp, vô cùng khó chịu. *Những người lính Pháp* - những từ ấy của Blondeau đã tiếp sức cho họ.

Pierre cùng Carraz kéo một cơ thể ra khỏi lồng mà không biết liệu là xác hay là người sống. Rồi họ nghe thấy một âm thanh, nửa gầm gừ, nửa rên rỉ, và họ thở phào hiểu ra rằng gã đó vẫn còn sống (nhưng cũng thấy ghê người, cái cảm giác mà Pierre không mấy tự hào).

“Thằng này là của tao, Carraz nói.

- Không, tao nhận hần. Tao không muốn hần nghèo vì hoảng sợ khi thấy bộ mặt khó chơi của mày.

- Mày kỳ cục thật, Cứng-cu. Mày nên làm lính mới phải.”

Họ nói nhỏ, không chắc nên làm gì tiếp theo. Pierre nâng người anh ta lên, cảm giác lạ lùng vì thấy nhẹ bẫng. Rồi họ nghe thấy một giọng nói, điềm đạm nhưng cứng rắn.

“Các anh sẽ đưa chúng tôi ra khỏi đây chứ?”

Cái gã lộ mặt lên ấy tên là Tikhomirov và vì một lý do anh ta không nêu ra ngay (điều sẽ biến anh ta thành một người hùng hay một kẻ tình nghi), anh ta có vẻ khỏe mạnh hơn nhiều so với những người khác. Anh ta giải thích rằng mình cùng đồng đội đã bị giam giữ ở một khu trại, trong điều kiện hết sức thảm, sau cuộc bạo động của lính Nhật ngày 9 tháng Ba vừa rồi. Mới cách đây ba ngày, khi tin đồn về việc tướng Leclerc đến bắt đầu lan rộng, họ bị giải đến đây và để mặc cho chết.

“Hần họ thấy khó xử nếu thả các anh?

- Đó là một hành động thể hiện tình thương đối với chúng tôi đấy; họ nghĩ rằng chúng tôi đã nhọc nhằn đến độ không còn ham sống nữa.”

Có vẻ gì đó lạnh lùng trong phong thái bình thản của anh ta, cái vẻ của một bậc thầy dạn dày sự ghê tởm. Họ vẫn không thấy rõ khuôn mặt anh ta trong bóng tối, họ thì thầm để không ảnh hưởng đến linh hồn những người đã chết.

Pierre đưa người bị thương ra ngoài, rồi trở lại giúp những người khác. Từng người, từng người một được đưa ra khỏi lồng. Bởi cách lựa chọn tàn nhẫn, trừ khi đó không phải do chủ tâm, bọn Nhật đã nhóm ra các cặp mà sẽ chỉ còn một người sống sót. Vì không đủ chỗ cho mỗi người vào một chuồng - nên chúng xếp hai người... Đôi khi người chết đỡ lấy kẻ sống, tạo thành một tác phẩm điêu khắc vững chắc đến nỗi bực. Khó có thể nói là họ đang ôm nhau hay đang vật nhau, hơi thở của người còn sống cũng lạnh như người chết, trong khi da thịt người chết vẫn phập phồng sự sống không còn là của mình. Từng tí một, họ gỡ dần những ngón tay co quắp vẫn ghì chặt theo bản năng. Chưa bao giờ họ ở gần với sự sáng tạo thần thánh của cuộc đời đến vậy: không cần phải nói, đó là một công việc dơ bẩn.

Phần lớn tù nhân không thể đứng vững nổi và họ nhắm tịt mắt lại khi gặp ánh sáng u ám ban ngày. Chỉ mỗi Tikhomirov trụ được với vẻ lãnh đạm siêu phàm của mình.

“Nhẹ nhàng với những người này thôi, anh ta nói với Pierre. Họ đã khổ vì không được nói rồi.

- Thế còn anh, Pierre ngây thơ hỏi. Anh không ở cùng với họ?”

Tikhomirov lắc đầu. Đó là một người đàn ông gầy gò có vóc dáng trung bình, trên khuôn mặt thô góc cạnh nổi bật lên đôi mắt màu xám, hơi lồi.

“Tôi có nguồn dự trữ bí mật, anh ta cười.

- Ý anh không phải là về lương thực hay nước uống đấy chứ?

- Không, tôi không nói về những thứ ấy.

- Anh định làm gì bây giờ? Trở về nhà nghỉ ngơi chứ?

- Không.”

Pierre ngờ rằng mình có thể phải nghe câu chuyện về một phụ nữ bị hãm hiếp rồi bị giết chết, và cậu thấy mình đã có đủ chuyện kinh khủng cho cả ngày...

“Vậy anh sẽ làm gì?

- Tôi sẽ ở lại với các anh nếu chỉ huy của các anh chấp nhận tôi.”

Pierre ra trao đổi vài câu với Blondeau, anh trở lại cùng cậu rồi nắm lấy cánh tay Tikhomirov một cách thân tình, gần như kiểu cha với con, trong khi họ xấp xỉ tuổi nhau - ngoài ba mươi.

“Cậu không nên làm thế, viên đại úy nói, và tôi cũng không nên để cậu làm vậy, nhưng...”

Tikhomirov mỉm cười.

“Nhưng cả hai ta đều biết rằng có những chuyện là bất khả kháng, thưa đại úy, phải không ạ?”

Tật máy mặt của Blondeau không xóa được nụ cười buồn rầu của anh.

Các cơ thể người được đưa đi trên những chiếc cáng tạm bợ, để lộ cả phần kín của những người dở sống hay dở chết. Ai đang ngủ và ai đang bồng bênh trong một thế giới khác? Tikhomirov không nhìn. Anh ta chỉ chịu ăn uống một tí chút sau khi người tù cuối cùng được đưa đi khuất.

Khi đến trước hàng rào sắt màu ghi xám của Sở Mật thám, Pierre ngạc nhiên trước cặp đôi mà Tikho và cậu tạo thành. Cả hai từng không đủ khả năng tại ngũ, vì những lý do khác nhau, nhưng họ tình nguyện làm nhiệm vụ và được chấp nhận. Theo họ biết, ấy là nhiệm vụ đi trinh sát và đang thiếu người: chiến hạm *Vinh quang* cùng với Massu và đơn vị bộ binh của Sư đoàn Thiết giáp số 2 vẫn chưa tới, người ta không tin tưởng vào những đội quân vừa mới được giải phóng của Trung đoàn Bộ binh Thuộc địa số 11.

Tikho ngăn cậu lại khi cậu định chìa tờ giấy công tác đã được đóng dấu cho một gã Sénégal khổng lồ (quân lính thì chẳng có lương ăn nhưng vì cái tình yêu theo kiểu rất Pháp này đối với nền hành chính mà vẫn có cả lô con dấu còn nguyên dấu mực được tìm thấy).

“Chẳng việc gì phải gấp cả, Tikho nói.

- Tớ tưởng cậu muốn tới đó.

- Tớ muốn. Nhưng chúng ta được quyền tranh thủ ngắm gái chứ.”

Pierre bật cười. Các cô gái à? Chẳng có lấy một cô nào - toàn là lính Pháp ở doanh trại Martin-des-Pallières^[2], lính Gurkha đầu cạo trọc đội mũ vành rộng, lính Nhật đeo xà cạp, cảnh sát Việt Minh mặc quần soóc và áo sơ mi xanh... Tất cả đều chạm mặt nhau nhưng không thực sự nhìn nhau, mỗi bên đều liếc nhìn đánh giá sức mạnh bề ngoài của bên kia.

Trên phố Catinat vẫn chẳng có xe kéo, cũng như xe xích lô, chỉ có vài đứa ở người Việt sợ sệt

đi thám thính cho “bà đầm” đang quá sợ không dám ra ngoài. Sau vài ngày, Pierre vẫn còn chưa biết liệu mình có thích Tikho đi cùng không. Và cậu vẫn chưa có dịp nào để hỏi lấy một câu về quá khứ của anh ta; chỉ có điều, do cậu tình cờ để ý, anh chàng kia thỉnh thoảng cũng để lộ với cậu vài chi tiết.

“Ờ báo mà cậu làm..., Tikho nói.

- Có chuyện gì à, tờ báo ấy ấy?

- Tớ có thể giúp cậu.

- Ý cậu là gì?

- Tớ biết rõ thành phố này, tớ quen nhiều người, tớ có thể đưa cậu đi, giúp cậu tìm hiểu. Cậu có thích thế không?”

Pierre, vì một lý do mà cậu không xác định nổi, cảm thấy hãnh diện vì được Tikho chấp nhận.

“Tại sao cậu làm thế? cậu hỏi.

- Tớ thích thế.

- Cậu biết viết báo à?

- Không, nhưng cậu thì có, cậu biết viết. Nếu cậu xin Blondeau đi viết báo, cậu có nghĩ là anh ta đồng ý không?

- Tớ nghĩ là có. Mà sao cậu biết là tớ biết viết báo?”

Tikho nhăn mặt không trả lời. Một chiếc xe Jeep chạy qua, chỉ có mỗi người lái, một người Mỹ còn trẻ, râu rậm, ánh mắt sáng thể hiện một niềm tin tươi mới.

“Trung tá Dewey, Tikho vừa cười vừa nói.

- Sao cậu biết? Pierre ngạc nhiên hỏi.

- Cậu không nghe tớ nói à? Và chẳng phải cậu vừa mới nhận với tớ rồi đấy à?

- Tớ nói là tớ sẽ nói chuyện với Blondeau.

- Tớ biết. Có thể cậu còn chưa biết đủ về tớ để có thể tin tưởng tớ. Liệu tớ nói thêm có giúp cậu hơn không?”

Cho dù tò mò đến mấy, và dù thực sự có bản tính đa nghi, Pierre vẫn không khỏi bất ngờ. Cậu giơ hai tay lên trời và cứ lẩm bẩm “không, không” một cách đầy bối rối.

“Tớ sinh ra ở Nga, tại ‘Petersbourg’ như người ta vẫn gọi vào thời trước những ngày vinh quang của Leningrad. Bố mẹ tớ đã ra đi sau Cách mạng, vì vậy mà tớ không trở thành một người Nga da trắng, mà là một người Nga da vàng.”

Pierre nở nụ cười căng thẳng. Đôi mắt tròn màu tro xám của Tikho dường như bao giờ cũng chỉ thể hiện một ẩn ý mỉa mai nào đó. Trong mỗi lời nhận xét của anh ta vẫn luôn thể hiện cái ý châm chọc ấy.

“Cậu không cần nói về mình với tớ. Mọi chuyện đều ổn. Không phải vì tớ không quan tâm. Mà chỉ là vì... chỉ vì tớ không phải là cảnh sát.

- Bọn họ nghi ngờ chúng ta và tớ hiểu họ. Người ta nói với họ rằng chúng ta là một lũ thực dân cuồng tín và phân biệt chủng tộc, chỉ nhắm đến dân An Nam để ức hiếp và bóc lột họ. Và để dàn xếp mọi chuyện, theo họ, chúng ta đã biến thành những kẻ thông đồng đáng ghê tởm với bọn Nhật trước khi lâm vào những tình cảnh đáng hổ thẹn. Có phải cậu đã nghe những chuyện như thế không?

- Cũng đại loại như vậy, Pierre thú nhận. Có đúng thế không?

- Đại loại như thế.

- Thế điều ấy có đúng với cậu không?

- Cậu nghĩ sao thì nghĩ thôi. Dân ở đây không phải lúc nào cũng giống như vẻ bề ngoài.

- Ở đâu mà chẳng thế, không phải sao?

- Ở đây còn hơn những nơi khác. Cậu vẫn muốn biết thêm về gã Dewey kia đấy chứ?

- Đúng vậy, nhưng chỉ khi cậu gọi tớ là sư phụ.

- Thôi được, sư phụ, Dewey là người đứng đầu OSS - cơ quan tình báo Mỹ. Hắn là cháu của một thượng nghị sĩ và là một người lý tưởng chủ nghĩa theo kiểu Roosevelt. Hắn là một tín đồ, cậu thấy đấy, một kẻ nguy hiểm.

- Hắn tin vào cái gì?

- Tin rằng quyền của các dân tộc phải do chính họ nắm giữ... Hắn nói rằng chủ nghĩa thực dân đã hết thời và rằng chúng ta cùng đám người Anh phải ra đi.

- Chúng ta à?

- Người Pháp chúng ta.

- Tớ tưởng cậu là người Nga chứ.

- Tớ nói là 'Nga da vàng,' Garnier ạ. Hộ chiếu Nga của tớ bị mất từ lâu rồi - và ngay cả nếu như tớ có tìm thấy hộ chiếu thì chắc người ta cũng trả cho tớ quốc tịch của một đất nước không còn tồn tại. Hồi còn bé, tớ đã bị cấm không được nói tiếng Nga công khai ở nhà. Cả gia đình tớ đã có quốc tịch Pháp cách đây hai mươi năm và hôm đó, bố tớ đã về nhà với một va li đầy lúc lắc đồ chơi cùng những lá cờ Pháp bé tí, những bức tượng bán thân của Napoléon, những tấm bưu thiếp phong cảnh xa lạ như các lâu đài bên sông Loire. Chúng tớ ngồi ở bàn ăn và để tỏ lòng biết ơn, chúng tớ đã hát bài quốc ca Pháp *La Marseillaise* cho đến khi rát cả cổ họng. Điều đó có nghĩa gì với cậu không? Đất nước cậu đã chấp nhận tớ: tớ là con của Đế chế.

- Thôi được, người Pháp. Vậy tức là theo gã Dewey đó, chúng ta phải ra đi để nhường chỗ cho quân Mỹ à?"

Tikho cười khẩy.

"Không, theo gã đó thì bọn chúng cũng phải ra đi. Châu Á là của người châu Á.

- Vậy thì sao?

- Thì sao à? Thì tất cả mọi người sẽ ở lại, dĩ nhiên rồi."

Bước chân đưa họ về phía tòa nhà của Sở Mật thám. Tay lính gác người Sénégal cho họ qua sau khi thờ ơ liếc mắt nhìn giấy tờ của Pierre. Tikho nắm bắt một mình vài từ tiếng Nga và Pierre hỏi xem anh ta vừa nói gì. "Tớ nói là cái thằng ngu này còn chẳng biết đọc." Thấy khó chịu, Pierre chỉ cười trừ.

Sân của Sở Mật thám đầy hòm xiểng và đám người hỗn độn. Nó đã lại chật ních từ hai ngày nay, khi tù binh Pháp bị người Việt bắt vừa được thả thì lại phải lên tù binh Việt do lính Pháp tóm được.

Họ được một cảnh sát mặc thường phục đón tiếp. Đó là một người cụt tay với gương mặt hốc hác. Ông ta chìa tay trái ra với họ.

"Tôi có biết anh không nhỉ? ông ta hỏi Tikho, lò tịt Pierre đi.

- Có thể ông biết tôi. Nhưng dù thế nào *tôi* cũng biết ông.

- Thế còn người kia là ai?

- Sự phụ của tôi đấy.
- Anh cho tôi là thằng ngu à?
- Tôi đâu dám thế."

Viên cảnh sát nhìn Pierre với vẻ không ưng.

"Ông chỉ cần hình dung, Pierre nói, kẻ ngu ngốc nhất có thể gom được lúc này, chính là tôi. Nhưng chuyện này sẽ không kéo dài đâu, tôi chắc chắn thế: họ sẽ tìm được người tốt hơn.

- Lại thêm mấy kẻ kỳ cục cho mà xem, người kia nói với vẻ chán nản hơn là bức bối. Anh viết được chứ?

- Chúng tôi chính là những người làm ra tờ *Tự do*!

- Chưa từng nghe nói.

- Đó là tờ báo của quân Pháp ở Viễn Đông. Tên do tướng Leclerc lựa chọn.

- Anh nói nghe lạ nhỉ.

- Ông hoài nghi ư?

- Quân Pháp Viễn Đông ở đâu khi người ta cần? Vì vậy, thưa ngài chủ báo quân Pháp ở Viễn Đông, đúng là hoài nghi.

- Hãy chờ Leclerc tới.

- Tôi đang nóng lòng đến chết đi được đây.

Sau đó, ông ta nhìn họ, huýt sáo qua kẽ răng và thở dài.

"Tôi xin lỗi, hai anh bạn. Tôi thì đang mệt bỏ hơi tai mà chúng tôi cũng đang thiếu thốn đủ thứ. Các anh đã thấy mớ lộn xộn này chưa? Tất cả phiên dịch đã rút hết và chúng tôi phải chạy đôn đáo tứ phía để kéo họ trở lại. Những tên nhà quê khốn kiếp đó đã giết chúng tôi, tôi không biết số nhân viên thực tế hay ước chừng là bao nhiêu. Thế mà chỉ thị đầu tiên tôi nhận được, tôi thách các anh đoán ra nhé? Tổ chức lại việc giám sát thư từ. Các anh có biết tôi có bao nhiêu thư không? Ba mươi lăm nghìn!

- Đọc thư để làm gì chứ?"

Viên cảnh sát quay sang nhìn Tikhomirov.

"Hắn từ đâu ra thế, gã bạn anh ấy?

- Một người Pháp đến từ Pháp.

- Bọn họ đều như thế cả à?

- Ông lại bắt đầu thế rồi," Pierre thốt lên, nhưng viên cảnh sát đã vội vàng xua xua bàn tay trái.

"Tôi xin lỗi, xin lỗi, tôi đã nói với anh là, chúng tôi không chịu nổi nữa. OK, đây là sơ đồ. Liên quan đến cuộc tấn công đêm qua..."

Pierre và Tikho nhìn nhau, sững sờ.

"Các anh không nghe nói chuyện gì xảy ra ở Cité Hérault⁽³⁾ à?

- Không, Pierre nói".

Viên cảnh sát quay sang Tikho.

"Anh biết nơi tôi nhắc đến là ở đâu chứ?

- Dĩ nhiên là có.

- Ma cũ hả? quay lại nơi gây án đây. Trong khi chờ đợi ‘ma mới’ như hắc đến khai thông, họ cần chúng ta làm chút việc vặt. Không có ý xúc phạm đâu đấy?

Pierre không bình luận gì. Vài tháng nay, rượu của ông ta bị pha thêm axít và chuyện này khiến ông ta nổi khùng. Và có thể người ta đã không hỏi ý kiến trước khi chặt mất cánh tay của ông ta.

“Chuyện gì xảy ra vậy?”

Viên cảnh sát đưa họ từ sơ đồ. Pierre và Tikho nhìn nhau, bỗng hiểu ra tại sao chẳng có ai tranh giành cái nhiệm vụ này của họ.

Họ bắt đầu lên đường, trong cảnh ngộ kỳ quặc, bị kẹp giữa lính Nhật đeo kiếm bên sườn. Pierre vắt chéo trước ngực sợi dây đeo súng F-M và máy ảnh Rollei Flex, được viên cảnh sát tin tưởng giao cho vì tin vào năng lực của cậu.

Cité Hérault, Tikho giải thích với cậu, là khu gồm bốn phố xếp hình răng lược áp lưng vào kênh Avalanche⁽⁴⁾, lọt thỏm giữa các khu phố Đa Kao và Tân Định, gần khu vườn hoa nơi những con vật đối ăn được tự do chạy nhảy. Cư xá gồm nhiều “ngăn,” những ngôi nhà một tầng hay những tòa nhà hai hoặc bốn tầng, hẹp và sâu hun hút, nơi trú ngụ của những công chức quèn “hám gái”, đám dân lai đủ các màu da; vào sâu hơn một chút, trong một khu toàn nhà tranh nơi cảnh sát không còn ra vào kiểm soát nữa, toàn là dân An Nam làm thuê cho người Pháp, đầu bếp, sai vặt, nhưng cả lũ kẻ cắp và bọn vô lại cũng tìm được nơi ẩn náu an toàn trong khu phố rối rắm này.

Vừa tới nơi, Pierre và Tikho đã bị quấy nhiễu, xin xỏ, chửi bới. Lính Nhật dõi theo bước chân họ trong khi những kẻ cay độc nhất buộc tội họ.

“Lũ khốn nạn! một phụ nữ hét lên. Chúng tao đã báo trước về chúng nó hàng bao nhiêu ngày rồi. Thế mà chúng nó lại gửi cho chúng tao cái này để bảo vệ cầu đấy.”

Bà ta chỉ tay về hướng cầu Phú Nhuận, cách đó hai trăm mét.

“Bọn da vàng chết tiệt! Bọn chết tiệt! Cả giống nhà chúng nó chết tiệt!”

Bà ta ghen ngào trong cơn giận dữ hằn học và chán nản, còn họ khôn ngoan không thử bất cứ một cử chỉ an ủi hay một lời lẽ nào để xoa dịu. Bà ta khắc nhổ vào một lính Nhật trẻ mà cậu ta không hề chớp mắt.

Liếc nhìn về phía Tikho, Pierre không còn thấy vẻ mỉa mai quen thuộc trên gương mặt anh ta nữa.

Họ ghé qua các ngôi nhà, và thời gian quá ít ỏi nên chẳng thể nhớ nổi chi tiết những món nội thất tồi tàn, một bức ảnh cung điện Versailles rách nát, một tấm thảm đã sờn cùng một chú chó đang ngủ trên đó, đồ ăn thừa trên chiếc bàn thấp giả gỗ gụ khảm trai. Họ tập trung sự chú ý vào những khuôn mặt này, những khuôn mặt giận dữ, những khuôn mặt đầm nước mắt với những câu chuyện kể lể. Họ lắng nghe, ghi chép, chụp ảnh, hứa hẹn càng ít càng tốt (nhưng vẫn càng lúc càng nhiều hơn theo từng giờ), cảm giác nặng nề dần bởi nỗi căm thù và dòng máu đã đổ khắp bốn khu phố này, ra đến tận sông.

Garnier vẫn nhớ tin đồn nghe được, ngay sau cuộc tấn công chiến hạm của họ. Chính chúng, những kẻ khủng bố ở Bình Xuyên, và lại là ai thì cũng có quan trọng gì đâu, chính chúng đã vào từng căn nhà chém giết không phân biệt già trẻ lớn bé, mổ bụng phụ nữ mang thai, chặt chân tay... Hoặc hơn thế nữa, bắt người già và trẻ nhỏ buộc lại, ròng dây quanh cổ, dong xuống những chiếc thuyền ba lá chờ sẵn ở bờ kênh. Những ngày sau đó, cậu hẳn sẽ phải dọn đồng tàn tích không tên.

Trên đường Jean-Mazet⁽⁵⁾, họ thấy xác của một sĩ quan cảnh sát bị người ta khắc nhổ lên: lẽ ra phải tự vệ thì hẳn ta lại ném vũ khí xuống nước và cầu xin, van vãn...

“Bọn chúng không thích thương hại, một phụ nữ miệng méo xệch nói, chúng khinh thường

kể cầu xin. Hãy nghĩ mà xem, đã tám mươi năm chúng ta ở đây thế mà bọn chúng không hề - sẽ không bao giờ - được khai hóa văn minh. Các người có thể nạp vào đầu chuyện đó không? Roi mây, đó là tất cả những gì chúng hiểu.” Có mùi chua chua của món phở bốc ra từ bếp, còn có cả cút ruồi, dấu vết những con muỗi bị đập và bà ta khịt mũi rồi khạc nhổ khi uống từng ngụm nhỏ trong chiếc ly đựng thứ nước có màu đục đục.

“Thật may là bà ta không mời chúng ta một ly,” Tikho rí tai cậu khi họ rời đi.

Pierre im lặng ghi nhận câu đùa ngốc nghếch. Cuối cùng thì cũng có điều gì đó mà người ta có thể tạ ơn Chúa - đó, những thời khắc yên lặng, trên hết là việc từ giờ đến tối, họ có thể kết thúc công việc bằng điều này, rồi nó sẽ bị lãng quên trong đồng hồ sơ đầy bụi ở Sở Mật thám.

Cả ngày Pierre luyện cách chai sạn với những lời lẽ, nổi oán giận, tiếng kêu gào, những giọt nước mắt - nhưng khó khăn nhất vẫn là với những ánh mắt căm lạnh, đầy hận thù dữ dội, không thể xoa dịu.

Trong mỗi căn nhà người chết cũng nhiều như người mất tích - với những người ấy, chẳng hề có một tia hy vọng mong manh. Cậu mừng rỡ thấy những cuộc tra tấn tàn bạo.

Đêm đến, người ta đưa họ đến một bãi đất hoang xem phần cơ thể còn lại của một phụ nữ Việt và người chồng da trắng. Bộ phận sinh dục của người đàn ông bị cắt và khâu vào miệng người vợ, xác của cô vợ chỉ còn trơ xương, phần kín là một vũng máu đen sì.

Pierre chụp ảnh, ghi chép hết lại cho đến tận lúc đó.

Cùng với nhiều thanh niên thuộc thế hệ mình, cậu lơ đi những tài năng tầm thường về phản tuyên truyền của Giraudoux⁽⁶⁾ để tôn sùng một người mà cậu cho là tác giả bi kịch hiện đại. “Nó được gọi thế nào nhỉ, khi mà tất cả sụp đổ, tất cả bị tàn phá...” Cậu nhớ như in câu kết nổi tiếng của *Cuộc chiến thành Troy không xảy ra*. Nhưng trước những người chết và những cảnh tra tấn này, trước những khuôn mặt không thể khuấy khoả, không thể tha thứ đó, cậu khó mà tự nhủ được rằng sự tàn phá này có thể gọi là rạn đông.

Có điều gì đó trong cậu níu lấy sự sống, sự cần thiết được thấy và được nói - thậm chí cũng không phải điều này, mà chính một hành động máy móc đã khiến cậu theo đuổi nhiệm vụ mù quáng này cho đến khi không còn ai để nghe và chẳng còn gì để thấy. Nhưng đứng trước hai cơ thể bị chịu nhục hình ấy, điều đó đã không còn và cậu khóc như đứa trẻ con vẫn còn trong cậu.

4.

Những ngày tiếp sau, mọi thứ lại bắt đầu theo một trật tự mới giống hệt với trật tự cũ. Pierre, viện cớ do đòi hỏi cấp bách của nhiệm vụ được giao, đã xin Blondeau cho phép rời chỗ trú quân ở Martin-des-Pallières, gần khu đóng quân của Trung đoàn Bộ binh Thuộc địa số 11, những người đã bị giam giữ suốt sáu tháng trong điều kiện rất tồi tàn, họ bị thua trong khi không bị tấn công mà cũng không hề đánh lại - tình huống mà người ta bắt đầu thấy quen thuộc trong lịch sử quân đội Pháp thời gian gần đây. Chính họ cũng đang nuôi mối thù hận đối với quân Nhật, lũ da vàng và cả nòi giống ấy. Họ đã ở đó quá lâu, vậy mà vẫn không thể rời đi được, họ buộc phải gặm nhấm vị cay đắng của nỗi nhục khi nhớ về “một thời oanh liệt”, cái thời mà có thể không thực sự tồn tại, cái thời “đi thị sát” về vùng kênh Avalanche và cái thời của những cuộc đua đầu tiên ở trường đua ngựa Phú Thọ.

Chỉ thị của Blondeau rất rõ ràng: giữ khoảng cách với những gã da trắng nhỏ mọn quàu quàu, những tên thực dân thích sống với quá khứ và thích phục thù. Vấn đề ở chỗ, hầu hết dân da trắng ở thuộc địa đều nghĩ giống nhau: chỉ có loại người ấy, những kẻ khuyển dùng dùi cui - không biết đánh giáp lá cà, không đáng mặt đàn ông, chỉ một cú hiêm và a lê hấp! xep lép như con tép, khi nào các cậu mới hiểu điều đó? Thứ thuốc độc ấy - Pierre nghĩ - nhưng dù sao thứ thuốc độc đó cũng đang lan truyền, có thể ngấm cả vào mạch máu cậu.

Trong lúc chờ Leclerc tới, rồi binh đoàn Massu, người ta buộc phải giữ những gì đã chiếm lại được, buộc phải thỏa hiệp với quân Anh và nói lỏng gọng kìm mà hằng đêm vẫn đang khóa chặt quanh Sài Gòn.

Không đài, không báo, tin tức chỉ thu lượm được qua những lời đồn, không hoàn toàn đúng mà cũng chẳng hoàn toàn sai, trừ khi người ta thông báo cái chết của ai đó: xác chủ cửa hiệu làm tóc được phát hiện cùng một chữ thập đầm máu trên cổ, nội tạng bị phơi dưới nắng ngay bên cạnh, gan bàn chân bị bồng, một mẩu giấy viết chữ “*Việt gian*” dính vào mắt cá chân; nhiều điệp viên hai mang bị phát hiện làm việc ba mang; chính Dewey, lãnh đạo sáng chói của OSS, đã bị hạ sát nhằm trên đường ra sân bay khi gào lên: “Tôi là người Mỹ!” lời tuyên bố công khai nhục cười và ngây thơ chứng tỏ rõ rằng chẳng ai ngây thơ hết.

Một người bán phở rong đi ngang qua phố Paul-Blanchy⁽¹⁾, cất tiếng rao lạnh lót, “ai hủ tiếu! ai hủ tiếu!” đó là một tín hiệu tốt lành ngay cả nếu anh ta có giấu một con dao găm trong nếp gấp tay áo; phu xe kéo, một nông dân lưng còng, một kẻ ăn mày trên đường Catinat, đó là cuộc sống đã quay trở lại, có thể ô tạp nhưng có thực, ấm nòng, và đáng thêm muốn. Pierre nhìn thấy trong ánh mắt những người đi trước một điều rằng chẳng có gì tốt đẹp từ cái “tiền tuyến” huyền thoại này; nhưng cả những lý tưởng mà cậu từng mang cũng ngập chìm trong nhục nhã, hình ảnh khu Cité Hérault đeo đuổi cậu, còn thật hơn cả những cảnh tượng trên đường phố, nét hoa mỹ của tòa nhà năm tầng ở góc đường Catinat và Lagrandière, vẻ thơ mộng vô tình của các biển hiệu. Cần phải “tin tưởng” như Blondeau có lẽ đã nói, không cần biết tin vào cái gì. Chỉ có nhiệm vụ là phải sống sót.

Cậu ở chung phòng với Tikho trong căn nhà ở khu phố Đa Kao, trong con hẻm thông ra đường Paul-Bert⁽²⁾, một đầu được che chở dưới tán lá rộng lớn của một cây dái ngựa, một con ngô um trùm cây cối mọc trên tường, hoặc chính là tường đã được xây bao quanh cây cối. Chủ ngôi nhà họ ở là một bà già người lai, đứng đưng còn hơn cả chính những người An Nam, suốt ngày ngồi trên chiếc ghế đẩu, sau bếp, cắt tiết gà và nấu mì. Bà cho họ thuê một phòng rộng ngay tầng trệt với điều kiện là không được gãi gú - dù sao thì họ cũng làm chuyện ấy ở chỗ khác. “Về việc này, chúng ta sẽ thu xếp cách khác, Tikho nói về bí hiểm.” Pierre chẳng vội muốn biết, bởi cậu gán cho chuyện tình dục cả một thế giới đáng ngờ với giang mai và những mũi tiêm đau đớn, mà để làm điều đó phải có sự tráng kiện bẩm sinh như Carraz hoặc vẻ lãnh đạm khiêu khích của Tikho. Cậu không thấy được nét quyến rũ toát ra từ bản thân, vốn nhạy cảm với cả đàn ông và đàn bà, một nét đẹp mảnh mai và u buồn đợi chờ bàn tay khéo léo cứu rỗi. Cậu chẳng tin vào điều gì, thậm chí còn nghi ngờ cả những hoài nghi của mình.

Do sự tình cờ trở trêu, văn phòng của họ là một túp lều trong hẻm Éden này, nơi mà ngày mới đến, Pierre đã bắt gặp ánh mắt mơ hồ ấy nhìn họ, cái nụ cười không hề tươi tắn ấy. Ông già đã có mặt tại vị trí hằng ngày của mình, bằng lòng với một đồng bạc hay một lời giễu cợt, thờ ơ với thời cuộc.

“Cậu phải dè chừng đấy, Tikho nói, dè chừng với cả ông ta.

- Cậu đang nói gì thế? Pierre ngạc nhiên hỏi. Ông ta còn chẳng làm đau một con ruồi.

- Một con ruồi thì không, nhưng nếu phải ra tay giết cậu, ông ta sẽ làm đấy.”

Pierre nhún vai; tuy nhiên quả là cậu cũng không thoải mái trước sự hiện diện của thực thể mơ hồ này. Rồi một ngày ông già biến mất, và cậu cũng không còn nghĩ đến chuyện đó nữa.

Dù chẳng biết gì về nghệ thuật báo chí, Tikho vẫn xào xáo lại các tin nhanh rồi vận dụng khả năng tóm tắt và khiếu hài hước sâu cay của mình để nặn ra được những tiêu đề dù chưa từng được đăng tải nhưng anh ta vẫn cất sâu trong ngăn kéo tủ. Anh ta dựng nên bức chân dung biếm họa của cô gái tên Thiệp, ngồi thẳng người sau khẩu Remington, đang cài lại chiếc cặp ghim trên búi tóc cột chặt của mình.

Điện thoại hiếm khi đổ chuông, có những khoảng thời gian đình trệ khá lâu khiến Pierre càng có ý thức về vị trí “Trưởng Văn phòng Sài Gòn” của mình. Vương quốc của cậu giới hạn ở cô gái tên Thiệp đáng thương và một chàng trai trẻ ít lời tên Kim, người được tuyển làm gác cổng kiêm chân sai vặt. Pierre nhìn cậu ta, nói vài lời bông đùa. Một người rut rề đến như Kim, mà chỉ sau vài ngày đã chuyển từ việc lắp bắp những câu không thể hiểu nổi sang thành câu trả lời, rồi mỉm cười.

Pierre biết rằng thành phố vẫn đang trong tình trạng vô chính phủ và cậu không thể làm gì để đáp ứng được những đòi hỏi cần thiết về giấy má và vân vân. Nhà in thì ở tận Chợ Lớn mà vào thời điểm này, khu vực ấy không hề an toàn. Số đầu tiên của tờ *Tự do!* đã lỗi thời trước khi được ra mắt, cùng với những thông điệp cá nhân có lẽ chẳng bao giờ đến tay người nhận: *Ba chàng lính trẻ tuổi đời 25, 22 và 20 mong tìm các thiếu nữ kết bạn tâm giao trong thời gian ở Đông Dương. Lính trẻ mong muốn định cư ở Đông Dương tìm bạn nữ nghiêm túc thuộc gia đình trồng cao su. Số 119, đại lộ Charner⁽³⁾: thiếu nữ Paris mong tìm bạn trai người Paris gia đình tử tế. Viết về báo, số...*

Không chỉ chứa chấp cậu, Tikho còn đưa Pierre đi cùng khắp nơi. Anh ta cho cậu mở tung cánh cửa và dần dần cho cậu hiểu ra rằng chẳng có gì để hiểu hết. Đằng sau vẻ chính trực của nhà nhập khẩu người Bordeaux che giấu bản chất buôn lậu, người mà dưới ách người Nhật đã cư xử hết sức anh hùng; nhà công sản thuộc “nhóm Mác xít”⁽⁴⁾ cho rằng nền độc lập của nước Việt vẫn còn chưa chắc chắn và trước khi đến được lúc đó thì các đồng chí người Việt nên từ bỏ phương pháp quyết tử và cần phải chất lọc phân tích chính trị của mình; chủ đồn điền này đã làm giàu bằng cây cao su lại đi tố giác đường dây buôn bán nô lệ từ Bắc Kỳ và than thở khi mất cơ hội; một người lai có ánh mắt u ám, như nhân vật của Victor Hugo, kể về nỗi nhục trong việc xưng hô, về việc những đứa con lai bị cả hai cộng đồng hắt hủi; viên luật sư gốc Việt lớn lên ở Pháp, theo đạo Thiên Chúa, không thể ngủ được nếu không đọc vài trang của Maupassant, lại là một người theo chủ nghĩa dân tộc cao ngạo. Pierre lần nào cũng tin chắc là mình đã nắm bắt được sự thật về những con người này, cái sự thật duy nhất, không thể chối cãi, rồi trong những giấc mơ của cậu tất cả lẫn lộn, tạo nên một bức tranh chìm trong cơn mưa nặng hạt, ở đó chẳng nhận rõ được gì. Khi cậu tâm sự với Tikho, anh ta chỉ cười: “Đó là vì cậu còn chưa thấy gì cả.”

Ngày 5 tháng Mười năm 1945, giữa cơn mưa rào, họ ra sân bay Tân Sơn Nhất chờ chiếc Dakota của Leclerc bay đến từ Sri Lanka. Tất cả người Pháp đổ xuống đường và cho dù chỉ được một lần, bầu không khí sôi sục hưng phấn không hẳn chỉ theo kiểu thích gây gỗ. Qua hàng rào ướt như chuột lột tạo thành từ đoàn lính Nhật đang quay lưng lại phía cậu, Pierre nhìn thấy vị anh hùng người Pháp: một người đàn ông nhỏ con, gầy đét vùng gầy lên phía trước, quần phục nhàu nhĩ, mắt màu xanh sứ, mũ kê pi bốn sao đội hơi lệch. Blondeau rĩ tai Pierre: “Lần đầu tiên tôi gặp ông ấy thì ông ấy mới là một đại úy vô danh đang chạy xe trên đường phố ở

Morvan. Ông ấy hẳn đã ném chiếc xe máy xuống nương vì hết sạch xăng. Ông ấy nhìn thấy tôi và đến hỏi điều gì đó. Lúc ấy, chúng tôi đã nhìn thấy chiếc Messerschmitt của Đức bay trên trời - màu xanh ngằn ngặt của bầu trời tháng Sáu năm 1940 - và ông ấy đã khóc, giọt nước mắt duy nhất lăn dài bên cánh mũi.

- Ông ấy có biết điều đó không? Anh chưa bao giờ nói cho ông ấy biết chuyện đó à?
- Ông ấy không thuộc tí người đa cảm.
- Vậy thì sao nào?
- Chính tôi mới là người cần nhớ lại chứ không phải ông ấy."

Quay mặt về phía dinh Norodom^[5], đứng trên một chiếc thùng gỗ, Leclerc bắt đầu nói một tràng mà chẳng ai nghe thấy gì, trừ những từ ông nhấn mạnh bị lạc đi giữa trời mưa gió. Ông nhìn thẳng về phía chân trời cứ như chỉ có nơi ấy để mà nhìn. Rồi ông bắt tay thật chặt vào người, trước khi mất hút sau câu nói: "Còn bây giờ, vào việc thôi!"

Vài ngày sau, ông đến gặp họ ở hẻm Éden, thanh tra theo kiểu kiểm tra tất cả, nhanh gọn mà chính xác đến cận kề: "Tôi thấy các anh thiếu đủ thứ, chỉ trừ nghị lực và lòng dũng cảm. Tôi tin tưởng các anh, cũng như người dân Đông Dương và Pháp. Với tư cách nhà báo, các anh mang một nghĩa vụ đặc biệt - thậm chí là thiêng liêng. Các anh có hiểu điều ấy không? Tôi muốn mỗi người lính trên đất nước này coi mình là người giải phóng chứ không phải kẻ áp bức." Những lời lẽ có thể thật nực cười trên miệng lưỡi kẻ khác, nhưng lại được Leclerc truyền đạt với vẻ trang nghiêm giản dị. Ông biến nó thành sự thật vì ông tin tưởng như vậy, ai nấy trong bọn đều phồng cả mũi nhờ niềm tự hào lạng lẽ trong những lời đoan chắc của ông. Ông không tra vấn họ. Pierre, dờ dẩn vì thán phục và cũng do cả nhút nhát, không dám nói với ông về vụ cư xá Cité Hérault, về thái độ gay gắt của người dân nơi đây, về những gì mà người ta có thể đoán được qua nỗi oán hận của phần lớn người Việt, khi bắt gặp ánh mắt họ. Và rất có thể, ông đã biết hết những điều đó. Blondeau cũng đã nói như vậy, cần phải tin tưởng... Pierre, một độc giả của Pascal^[6], biết rằng trong những vấn đề này trước tiên là nên phục tùng. "Khi nào sẵn sàng các anh hãy đến gặp tôi. Tôi muốn các anh viết thật thoải mái tự do, như cái tên rất đẹp của tờ báo. *Tự do!* từ đẹp đẻ nhất trong tiếng Pháp! Từ đó còn có nghĩa khác ư? Những người Pháp tự do, như người ta gọi chúng ta thế. Hãy xứng đáng với tên gọi đó. Nhất trí chứ?"

Ông vừa rời đi thì Tikho, Thiệp và Pierre nhìn nhau, kiểm tìm vẻ mặt xác nhận cuộc viếng thăm của ông là có thật. Pierre đứng dờ ra, trốn tránh lời mỉa mai cay độc có thể buông ra từ miệng Tikho.

Dần dần, sân hiên khách sạn Continental đã lấy lại vẻ thường ngày và Pierre đã có thói quen gặp gỡ Carlisle ở đó cùng những nhà báo khác đến Sài Gòn để đưa tin về các "sự kiện". Dù cảm thấy không nên ở bên họ nhưng cậu vẫn hài lòng đôi chút khi mình được họ chấp nhận trong tình bằng hữu. Cậu bắt đầu nói, nhại lại họ, làm ra vẻ biết những bí mật tối thượng trong khi cậu chẳng hề biết tí gì, đại đột tưởng mình được che chở bởi giới quý tộc tự phong chấp nhận cậu quá dễ dãi này. Cậu cười hùa theo những lời đùa cợt của họ và chấp nhận những quy định của họ. Quy định số 1: không bao giờ tin tưởng nhà báo. Quy định số 2: không bao giờ nói chuyện với nhà báo. Quy định số 3: không bao giờ kết bạn với nhà báo.

Buổi tối, cậu đi chơi với Carraz, chắc là do ảnh hưởng từ đội đặc công Ponchardier trứ danh nên cậu ta có thể hiên ngang cời trần đi dạo với một dây lựu đạn quàng quanh cổ.

Vài quán rượu đã mở cửa trở lại, vài cô gái đã tái xuất: những cô đẹp nhất đã bị lính Anh tóm mất và cho dù thế nào thì điểm của lính Pháp cũng đã rớt thê thảm sau cuộc đảo chính của Nhật ngày 9 tháng Ba.

"Mặt khẩu của tao, đó là Cứng-cu," Carraz vừa nói vừa đẩy cậu lên phía trước. Carraz đi khắp nơi mà không hề e sợ, không cần hộ tống và không giấy phép, tự do như một người đã chết nhưng đang phiêu du một thời gian trên cõi trần. Cậu ta luôn có ba viên xúc xắc trong túi và bằng nguồn trò vui vô tận cùng những bài hát, cậu ta thu hút được đám trẻ con.

Massu đã đi máy bay kịp gặp chủ tướng và chiến hạm *Vinh quang* đã đến nơi cùng Trung đoàn Bộ binh. Dronne, Fondé và những người khác - có thể còn hơn cả chuyện khi mình tướng Leclerc đến, cậu đã cảm nhận trong phong thái tự tin của họ khi đi ngược phố Catinat, những tiếng reo mừng rỡ của họ khi nhận ra đồng đội, một sự đợi chờ mới mẻ mà cậu đã không còn tin tưởng nữa. Nhưng còn lần này thì sao? Họ tin tưởng vào *bản thân*. Họ đi theo Leclerc, người đi theo De Gaulle, người đã cứu vớt danh dự cho Tổ quốc. Điều này không thể không có ý nghĩa. Bao nhiêu người anh dũng như vậy liệu có thể nhầm lẫn? Hẳn là trong chốc lát người ta có thể quên đi cuộc đình công đang tiếp diễn, rác rưởi và gạch vữa đầy trên đường phố và những người bên cảnh binh tình nguyện vận thường phục, đeo băng tay tam tài, đi tuần tra quảng trường Nhà Hát Lớn.

“Cậu thực sự tin vào những điều ngu xuẩn này à?”

Tin, tin, vẫn luôn là cái động từ này... Nhưng từ miệng Leclerc thì nó thật đúng đắn, còn từ miệng Carlisle lại trở nên trống rỗng và lạc điệu. Pierre không thể kiềm chế mong muốn làm gã vui lòng dù gã khiến cậu phật ý. Carlisle đã năm chục tuổi đầu và ánh mắt màu xanh lơ mĩa mai lẩn dưới mi mắt đã mở rồi nhắm trước bao cảnh đời. Một nếp nhăn cay đắng hiện trên khóe miệng gã.

“Có thể đó là những điều ngu ngốc, Carlisle, nhưng tôi viết cho báo của quân đội Pháp. Chấm hết.

- Tôi biết tổng là cậu viết cho ai. Tôi muốn hỏi đánh giá riêng của cậu cơ.
- Anh muốn tôi nói gì đây? Tôi là người Pháp.
- Một câu trả lời kiểu Pháp
- Một lời nhận xét kiểu Anh.”

Chẳng có gì hay ho bằng những cãi cọ giữa bạn bè với nhau. Pierre nóng nảy trong khi gã bạn già vẫn lạnh tanh, cùng với nụ cười nhạt thể hiện tất cả những gì mà người ta muốn, một vẻ ngạo nghễ khó chịu, một thái độ khoan dung nhằm chán.

“Đó là chiến tranh, vì vậy...”

- Ồ không đâu! Chỉ là chủ tướng thích đàm phán trên thế kẻ mạnh.
- Rồi các cậu sẽ thay đổi thôi!”

Pierre dấm tay xuống mặt bàn.

“Đừng có hắt nước đi thế, anh bạn của tôi. Thời buổi khó khăn, một ly cũng quý hiếm như một cuộc đối thoại tử tế.

- Tôi sẽ hắt nước đi nếu tôi muốn.

- Nghe này, Garnier, cậu là một người thông minh. Cậu biết rõ vị thế kẻ mạnh của các cậu là cái quái gì khi không có chúng tôi, Sư đoàn lính Ấn 20 và tướng Gracey dẫn đầu. Các cậu trở lại trong hàng trang của chúng ta, hay đúng hơn là trong những chiến hạm của chúng tôi, cùng binh lính, xe tải và vũ khí của chúng tôi. Thậm chí kể cả quân phục các cậu mặc cũng chẳng phải do các cậu trả tiền. Chẳng ai muốn các cậu có mặt ở đây - kể cả người Nhật, người Tàu và người Mỹ. Cả người Việt cũng không, rõ ràng là thế. Và nếu như Churchill không năn nỉ...

- ... vì những lý do rất vụ lợi...

- Kể từ khi nào lợi ích quốc gia đã bị loại khỏi chính trị vậy, xin kính cẩn hỏi cậu như thế? Và cậu thừa biết là vấn đề không nằm ở đó.

- Thế thì vấn đề là ở đâu?

- Vấn đề là De Gaulle của các cậu và nỗi ám ảnh của ông ta về uy quyền, Đế quốc Pháp, dù bây giờ người ta có gọi nước Pháp là gì.

- Liên hiệp Pháp.

- Khác nhĩ. Cứ đeo băng tay tam tài cho một trong những gã kia (gã chỉ vào một đội tuần tra đi ngang qua trước mặt họ) và gọi hắn là người giải phóng đi, nhưng hắn vẫn chỉ là một kẻ thực dân mà thôi.

- Còn chúng tôi, vậy anh gọi chúng tôi là gì?”

Carlisle ngừng một lát, uống một ngụm đồ uống duy nhất sẵn có: rượu gạo, mật, và sữa bột.

“Chỉ vì cậu nên tôi sẽ động lòng mà gọi là những kẻ vô tội. Nhưng vì trung thực nên phải thêm rằng: chẳng bao lâu nữa các cậu sẽ không còn vô tội đâu.”

Pierre sôi sùng sục trong lòng. Với mỗi từ mà người kia nói, cậu đều muốn dằn cho gã ta một trận.

Carlisle làm hiệu chào Franchini, ông chủ khách sạn Continental, đang đảo một vòng quanh các bàn. Gã đảo Corse cười đáp lại gã. Carlisle lại nhấp môi vào ly cocktail. Gã tặc lưỡi cứ như đó là rượu vang đỏ dom Pérignon.

“Tôi biết: anh khó mà chấp nhận được rằng chúng tôi có đặc quyền bám lấy đế chế của mình trong khi các anh phải gạt bỏ, nhưng...”

- Nhưng sao?

- Nhưng dù cả hai dân tộc chúng ta đều có thể phải đi đến chỗ từ bỏ đế chế của mình, thì giữa chúng ta vẫn có một sự khác biệt rất lớn.”

Bên kia phố, Pierre phát hiện thấy một chú chuột, một chú chuột to tướng màu xám, gần như đen tuyền - sinh vật duy nhất quá mập mạp khi được thành phố này nuôi dưỡng.

“Sự khác biệt đó là gì?” cậu hỏi, đột nhiên vẻ đầy mơ mộng, đôi mắt còn bị ám ảnh bởi ánh nhìn của con vật gặm nhấm đang bất động.

“Khác nhau là ở chỗ chúng tôi đã thắng trận còn các cậu thì thua.

- Chúng ta không nhìn sự việc theo cùng một cách. Cho dù thế nào thì những người ngồi đây như chúng ta đều đã đánh - và chiến thắng.”

Carlisle không muốn châm chọc cậu hơn nữa. Gã đưa thuốc lá và lửa cho Pierre, thờ ơ với cái thứ vừa đột ngột hạ hỏa cho anh bạn người Pháp yêu quý của mình. *Một chú chuột. Sự khác biệt mà một chú chuột có thể làm được.*

Ngày hôm sau, Bằng Sơn biến mất.

5.

Tôi thích đi bộ một mình, hoặc gọi xích lô đưa mình đến một ngôi chùa hẻo lánh.

Tôi chạy bộ đến bờ sông và dừng lại đó, hết cả hơi, hổn hển vì cơn ho trong khi mặt trời đang lặn, phản chiếu thứ ánh sáng màu đồng trên sông Sài Gòn, một tấm bưu thiếp, cảnh lúc này chính là như thế, một tấm bưu thiếp được gửi từ bong bóng thời gian.

Ban đêm, tôi lạc trong một khu phố tối tăm và kết thân với một người bạn thực sự đầu tiên: một chú chuột bám theo tôi. Đôi mắt tinh nhanh nhìn tôi với một vẻ tôn thờ - hoặc đó là ấn tượng tôi cảm thấy từ trong bóng tối. Chúng tôi tán chuyện và nó kể rằng nó đến từ đảo Poulo Condor⁽¹⁾ nơi nó đã được chứng kiến các thể hệ tù nhân, những người cộng sản và những người yêu nước, những người gốc Bắc, những người gốc Nam, và nó đi đến kết luận rõ ràng rằng chẳng có gì giống một con người bị nhốt trong tù bằng một con người bị nhốt trong tù, dù khoảng cách giữa một người trong tù và một người bên ngoài cũng không xa lắm.

Thật là triết lý, chuột thân mến của tao! Điều may đã dạy cho tao mới hay làm sao trong cái đêm Chúa lòng lạnh này!

Tôi đuổi theo chú chuột đang bò thoăn thoắt trên đường Tôn Thất Thiệp, gần ngôi đền của người Campuchia, thầm nài nỉ nó cho tôi thêm sự khôn ngoan tốt cùng của nó. “Chuột ơi, chuột ơi, tôi thì thầm trong hơi thở, hãy nói cho tao nữa đi, hãy cứu tao khỏi tình trạng dốt nát này!” Nhưng chú chuột vẫn tiếp tục, thờ ơ với thân phận khốn cùng của tôi, vẫn ngậm chặt trong hai hàm răng nhọn cả một thế kỷ và chút ít tri thức. Trước khi biến mất ở lối vào một tòa chung cư cao cấp, nó vẫy vẫy đuôi và tôi nghe thấy, tôi thề là đã nghe thấy, một giọng the thé chói tai nói rằng: “Hãy quên đi tuổi tác của con người, hãy quên đi tuổi tác của động vật, hãy quên đi tuổi tác của loài chuột, hãy chuẩn bị cho cuộc sống khó khăn trong xà lim bởi vì một ngày nào đó, sắp thôi, đó chính là *cái* mà người ta gọi là cuộc sống.” Con chuột khốn kiếp! Nó đã phá hỏng buổi tối và cả đêm của tôi, và tôi còn thấy nó trong những giấc mơ, ngày một lớn lên, với đôi mắt xám tro lạnh lẽo, nhảy múa trên bụng tôi không biết chán, chưa bao giờ bập rúng vào da thịt tôi nhưng luôn luôn trêu chọc tôi.

Tôi rời khách sạn Continental và chuyển đến ở một khách sạn rẻ tiền hơn, tôi không dùng dịch vụ massage - không phải các dịch vụ “đặc biệt,” mặc dù việc ấy cũng không mấy khác nhau đối với tôi, trong những đêm bị con chuột triết lý kịch sù gần đó quấy rầy. Lẽ ra tôi đã có thể nhắm mắt và để đôi bàn tay rần rỏi vuốt ve, xoa dầu và nói với tôi: mặc kệ đi, mọi chuyện đều tốt đẹp, đôi bàn tay trên bàn chân tôi, trên lưng tôi, trên đùi tôi, gần những hòn bi đến nỗi khiến tôi thấy nhồn nhột và phải tự véo mình để không bật cười. Một hôm, có cô gái kể cho tôi nghe câu chuyện cuộc đời cô và tôi đã hơi độc ác khi không nghe, mà để mình được ru ngủ bằng lời than vãn về số phận không may mắn của cô. Tôi hiểu là cô ấy đã kể xong vì thấy im lặng khá lâu, khi tôi mở mắt ra thì thấy cô đang thổn thức vì chuyện mình đã kể còn tôi, tôi chẳng có chút ý niệm nào về chuyện đó.

“Em tên gì? tôi hỏi với giọng vô cùng dịu dàng.

- Kim Dung.

- Tên hay thế. Chắc là nó phải có một ý nghĩa thơ văn rất đẹp.

- Em xin lỗi, cô ấy nói, từ chối không nói rõ cho tôi về ý nghĩa thơ văn đẹp đẻ của tên mình. Em muốn làm gì đó thêm nữa nhưng không thể. Em muốn làm hết mình nhưng cảm xúc quá mạnh mẽ.”

Tôi đỏ mặt, hoài công cố gắng nhớ lại lúc cô có những cử chỉ muốn “làm thêm” hoặc “làm hết mình”.

“Em thấy như có mối liên hệ giữa anh và em, cô nói, mối liên hệ ngoài thời gian, thể xác và lịch sử.”

Lúc ấy cô hỉ mũi và tôi bối rối tránh không nhìn cô.

“Anh cũng cảm thấy có một mối liên hệ.”

Thế là tôi bắt đầu nói giống cô - có thể là hiệu ứng những gì trải qua với chú chuột trong khoảng thời gian này, tôi đang chuyển từ tiếng Pháp của nước Pháp sang ngôn ngữ quốc tế của chuột - ai cũng biết - loại bỏ những phần thừa - quán từ, chấm câu, và đại khái là tất cả những gì tinh tế.

“Anh sẽ đi, cô nói.

- Anh sẽ đi.”

Chắc ăn hơn là cứ nhắc lại tất cả những điều cô nói, việc ấy tránh cho tôi khỏi bị nói hớ và khiến cô đau khổ. Dù sao, cô cũng nói rằng đã suýt “làm thêm” và “làm hết mình,” và việc ấy đáng được tôn trọng. Cô nhìn xéo sang bàn tay trái của tôi.

“Không đeo nhẫn,” cô nói.

Đầu tiên tôi không hiểu cô ám chỉ điều gì.

“Không đeo nhẫn, tôi nói.

- Không có vợ.”

Tôi ghen cổ.

“Có chứ, có vợ.”

Cô có vẻ sững sờ.

“Có vợ mà không đeo nhẫn ư?

- Có vợ mà không đeo nhẫn, tôi dẫn lại từng từ với vẻ chắc chắn. Giải thích thì dài dòng lắm, anh sợ là thế. Anh xin lỗi. Vợ anh không thích nhẫn và anh cũng không thích nhẫn.”

Tôi cười ngờ ngạc nhiên. Ngay cả khi con trai tôi còn bé, tôi cũng đã rất cẩn thận tránh sử dụng kiểu nói chuyện “*baby talk*” để làm người khác nổi cáu vậy mà giờ thì tôi phun ra một thứ tiếng Anh hổ lốn tồi tệ. Khi rời chỗ cô gái bất hạnh Kim Dung, tôi rảo bước nhanh hết mức, cứ như cô ấy theo sau tôi để kiểm tra xem tôi có lén lút đeo nhẫn lại hay không. Tôi ngồi ở sân hiên một quán cà phê và gọi một ly kem.

Hai cô học trò mặc đồng phục dừng lại ngay phía trước tôi, huých tay đùn đẩy nhau.

“Anh từ đâu đến?

- Tôi đã chết.

- Cái gì? Paris à?

- Vâng, Poulo Condor.

- Anh bao nhiêu tuổi?

- Già hơn thế.

- Mười tám à?

- Khoảng thế.

- Anh thích Việt Nam không?

- Đến mức mà tôi sẽ xâm chiếm. Vả lại, tôi đã xâm chiếm rồi còn đâu.

- Thích à?

- Say mê!

- Anh làm nghề gì?
- Tôi chơi sáo cho động vật.
- Động vật à?
- Tôi là người chữa bệnh cho động vật, giống như bác sĩ ấy.
- Anh là bác sĩ thú y à?
- Không, cựu chiến binh. Tất cả các cuộc chiến."

Không một câu trả lời nào làm phiền họ. Các cô gái nhìn nhau và bật cười rúc rích. Khi đã hỏi hết những câu hỏi trong danh sách, các cô gái rời đi.

Tôi gọi một xe xích lô và đưa cho người đạp xe địa chỉ của một ngôi chùa hẻo lánh. Tôi để ông ta kéo thân hình nặng tám mươi ký của mình, nhắm mắt để chỉ đắm chìm trong những âm thanh của thành phố. Ông ta phải đánh thức tôi dậy lúc đến nơi và bắt gặp nét lo âu trong những nếp nhăn trên khuôn mặt ông ta - Trời ơi, ông ta thì thật già, còn tôi thì thật nặng - nếu tôi khiến chân ông ta bị bong gân thì ít đi một cuộc xe mà phiền hà thì nhiều lên. Phía sau bức tường bao quanh ngôi chùa có một nghĩa trang nhỏ bỏ hoang.

Một chú chuột ở giữa hai nắm mồi và một cậu bé vội lẩn trốn ngay khi tôi quay đầu lại.

Tôi là bạn của chú chuột đảo Poulo Condor, một bè lũ ngu xuẩn, và chính tôi cũng là một con chuột. Tôi từ khắp nơi đến và tôi đã thấy mọi chuyện. Tôi là một con chuột đi xuyên thời gian.

Tôi bắt đầu bước đi vô định cho đến khi có một chiếc xe máy dừng lại. Tôi ăn tối một mình, như thường lệ. Tôi đã mất khả năng lập luận cả những điều đơn giản nhất, dòng ý thức của tôi như một luồng âm thanh - cảm xúc rời rạc không tên

rồi tôi thấy mình kiệt sức, lạ lẫm

tôi tự hỏi ý nghĩa của cuộc tìm kiếm nực cười này

tôi muốn về nhà và đi ngủ

Tôi ở lại. Ở lại cho đến tận khi. Đến tận khi nào?

6.

Người ta đã thông báo về sự vắng mặt của Bằng Sơn ngay trước ngày diễn ra chiến dịch do Massu phát động, theo lệnh của tướng Leclerc, về phía đồng bằng sông Mê Kông, theo hướng Mỹ Tho.

Sau này, khi nghĩ lại chuyện ấy, Pierre nhận thấy rằng anh bạn người Việt nhỏ thó đã biến mất theo cách rất kỳ lạ, đổi chỗ ẩn náu liên tục trước khi bị phát hiện. Thực tế thì cậu đã gặp lại cậu ta, luôn đi một mình, ánh mắt lơ đãng hơn, thậm chí dường như còn nói tiếng Pháp với âm sắc đã bị Việt hóa, cố gắng chuồn đi ngay khi cuộc đối thoại mới bắt đầu. Cậu ta không chuyển đơn vị nhưng chẳng ai biết thực sự cậu ta đang làm gì - nhiệm vụ này hay nhiệm vụ khác, một nhiệm vụ của bộ tham mưu...

Hồi đầu, các chàng trai còn để ý, rồi về sau, theo thời gian việc này trở nên khó hơn, lúc nào chẳng có một gã trong số họ nói là “bọn nhà quê” hay “dân đen” và cách gọi như thế cũng chẳng khiến ai thấy chướng tai. Bằng Sơn làm ra vẻ không nghe thấy, phát huy nghệ thuật trở nên vô hình trong khi vẫn đang hiện diện ở đó; với những vụ mưu sát, những người chết, nỗi sợ, người ta cũng lơ là đôi chút, “Mẹ kiếp bọn người Việt! Xin lỗi Bằng Sơn nhé, tớ không có ý nói cậu...” Nhưng một số người có ý nói thế với cậu ta, và không riêng những người khó tính vừa trở lại quân ngũ chỉ mơ được đánh nhau; mà cả những chàng trai trẻ mới đến, có cái nhìn sáng suốt và biết chính xác là phải “quét sạch” lãnh thổ của bọn khủng bố, và thế đấy, họ nhanh chóng học được việc phải ngờ vực tất cả dân da vàng, ngoại trừ những người được đỡ đầu qua bốn thế hệ người Pháp đáng kính - hoặc lâu hơn thế. Chỉ ít lâu sau, họ đã cố kết với những định kiến đáng ghét nhất về xứ thuộc địa này: người da vàng là quỷ lùn xảo quyệt sẽ nắm ngay lấy cái cơ đầu tiên để giết cậu. Thế nên với quá khứ của mình, Bằng Sơn, có thể xuất thân từ gốc Đức như người ta muốn, và đã nhận được chẳng biết bao nhiêu lời tuyên dương, hay thậm chí là cả một tấm mẽ đay, thì rốt cuộc cho dù thế nào cũng vẫn chỉ là một gã nhà quê và là kẻ cần phải trông chừng.

Với những căn nhà gỗ mộc, bức tường bắn thủng và hàng rào dây thép gai, trại lính Drouhet vừa chiếm lại được sau lưng quân Nhật mang một vẻ náo nề mà trong cái đêm đang tàn, công việc chuẩn bị cho cuộc ra đi bắt đầu cào xé nỗi buồn ma quái. Những tấm vải bạt bị giật tung khỏi xe sau cơn dông lúc đêm, người ta nghe thấy tiếng động cơ thiết giáp và tiếng xích xe gầm gừ, tiếng let xet từ trạm phát sóng radio, tiếng ù ù của những chiếc xe tải GMC và xe haft-track. Ở đằng kia, bóng dáng cao lớn của Massu đang di chuyển, đang ra lệnh. Có một sự tập trung hồi hả trong bầu không khí ẩm ướt: có việc gì đó để làm và có người để làm việc ấy.

Hôm trước, cha Blondeau đã giúp họ bớt căng thẳng trước khi điều họ đi thực hiện nhiệm vụ: “Tôi muốn thấy thái độ nghiêm túc, các chàng trai! Không phải những thứ vớ vẩn! Đừng quên các cậu là quân của tướng Leclerc... và chịu trách nhiệm về mặt tinh thần cho mọi người, cùng việc này! Rõ chưa?” Họ gật đầu ra hiệu đã hiểu. Những lời đao to búa lớn không còn khiến người ta nổi da gà nữa. Anh đã biết trước điều mà họ sẽ phải chứng kiến. Họ đã không phản đối.

Khi đi ngược hàng người để trở lại xe tải của mình, dưới tia sáng đầu tiên của buổi bình minh, cậu nghe thấy tiếng thét:

“Bằng Sơn! Hắn đâu rồi, cái đồ súc vật ấy?”

Pierre lập tức cảm thấy một sự chắc chắn, gần như nhẹ bẫng. Nhưng hàng người đã chuyển động, binh đoàn do Dronne dẫn đầu - giữa đêm, biệt đội Ponchardier đã tiến nhanh về Mỹ Tho theo đường sông.

Lái xe cho cậu là một thanh niên nhỏ con, gầy gò luôn miệng lẩm bẩm một mình. Sau khi đã chạy được vài cây số, Pierre đánh bạo hỏi:

“Cậu nói cái gì thế?”

Người kia ngừng lái nhai rồi trả lời mà không quay mặt về phía cậu.

“Tôi đang cầu nguyện. Anh cũng nên làm thế đi. Cái trò này thật điên rồ. Cầu nguyện có thể cứu anh đấy.

- Chắc chắn rồi,” Pierre nói, bỗng nhiên sợ sẽ phải kết thúc cùng các thiên thần vì một kẻ cuồng tưởng hướng tâm về Chúa trời chứ không để ý đến đường sá. Để tự trấn an, cậu nhìn ra cửa sổ xe, làm ra vẻ không biết đến những câu ê a của kẻ sùng đạo.

Đồn điền cao su, đồng lúa, những bụi chuối, vẻ duyên dáng nữ tính của những hàng cau - Pierre vừa mới quen được với vẻ bình dị lạ lẫm của phong cảnh mới thì họ đã gặp ngay phải rắc rối đầu tiên.

Trước mặt họ, con đường bị xẻ thành những rãnh ngang, giống như những phím đàn dương cầm khổng lồ. Trong khi lính công binh đang dùng đến gần cạn chỗ ván gỗ dự trữ, Pierre xuống xe đi tiểu cùng với Carraz. Ánh sáng mặt trời mới mọc màu xám và mặt nước cũng màu xám, từ đó trời lên những khóm lúa mới cấy - một cái gì đó nhợt nhạt khiến người ta lóa mắt mà ở đó họ chẳng hề nhận thấy một hình bóng sống động nào, một thế giới mê mông nước nơi cái bóng yếu ớt của ngày mới là một khe hở mà con người có thể len lỏi vào, hay bị hút vào trong, mà không tạo nên một chút khác biệt nào cả. Vài tiếng súng vang lên.

“Phía kia, Carraz hét lên. Nằm xuống!”

Trước khi nhào xuống, Pierre kịp thấy hình ảnh kỳ dị của cậu bạn, khóa quần mở, chim thò ra ngoài, đang xả đạn từ khẩu F-M vào một bụi thấp lè tè. Vài tiếng súng, vài loạt đạn nữa rồi im bật. Một tiếng khuấy nước. Vẫn khung cảnh màu xám. Những tàu lá xanh đậm của đám dừa rung rinh trong gió. Một trong hai hình ảnh là ảo - nhưng là hình ảnh nào?

Trong khi Carraz đang lặng lẽ chỉnh trang, tiếng rì rầm vọng đến chỗ họ: cách họ mười xe về phía trên có một cậu bị đo ván, Aeberhardt, thương sĩ - cấp đó thì không phải loại vớ vẩn. Với các chiến dịch Pháp và Đức, cho dù kinh nghiệm chiến trận của bản thân còn non, Pierre cũng đã biết đến khoảng im lặng tiếp nối sau tin về cái chết của cậu bạn này, biết đến phút tưởng niệm dành cho cậu ta, cho dù họ vừa mới quen nhau, một vài hình ảnh lộn xộn về cậu bạn cứ nổi tiếp nhau hiện ra, một cảm giác nhẹ nhõm thoáng qua vì phát súng đó chưa phải dành cho mình.

Họ lại rời đi còn người ta đến vào cái ngày mà, giữa những phát súng từ đường hào, từ chiếc cầu ván xếp đã bị sập, một đối thủ giấu mặt (đêm trước, trong lần trinh sát tới gần chiếc tiem kích Zéro của quân Nhật, người ta không phát hiện bất kỳ chướng ngại vật nào trên đường) đã buộc họ phải đi thông thả, phải lo lắng về lựa chọn của mình mà vẫn chẳng thấy gì.

Trên xe, tay tài xế tiếp tục cầu nguyện nhưng Pierre không còn để tâm đến nữa.

Ngay tại cửa ngõ Gò Công, họ phát hiện ra dấu hiệu đầu tiên: một người đàn ông bị đóng cọc, móc mắt, mổ bụng và nằm nghiêng trên đường, với một tấm biển quần vòng quanh cổ.

“Lạy Chúa lòng lành,” một giọng nói cất lên và một người khác thì cười.

“Dường như chúng ta đâu có giải phóng tất cả mọi người,” Carraz nghiêng răng nói.

Thỉnh thoảng họ nhìn thấy cái bóng cao lớn của Massu đi ngược lên phía trên hàng ngũ và chỉ bằng một tiếng hô hay một nụ cười, sắp xếp lại tất cả mọi người theo hướng hành quân. Buổi sáng cậu phát một bài báo theo phong cách Massu: về Leclerc quê kệch, với từ ngữ ngắn gọn hơn, không hoa mỹ. Vấn đề là, Pierre nghĩ, khi người ta ngược mắt lên, chuyện lại không giống như trong bài viết.

Hơi nóng ập xuống mà họ không hề nhận thấy và nung họ đến ngạt thở trong bộ quân phục màu xanh lá cây vẫn còn cứng hồ mới tinh nhưng đã bị lũ muỗi len lỏi qua từng kẽ vải nhỏ nhất để cùng xơi bữa thịt tươi sống. Không còn ván gỗ: khi con đường bị cắt ngang cần phải có xẻng, cuốc, san các mép hố thành thoải thoải dốc, lấp đầy các hố. Và sau đó phải đẩy nếu vẫn không qua được và còn một chiếc half-track vẫn bị kẹt lại, con bọ hung sắt mất thăng bằng, phơi bày

hết sự yếu đuối tột cùng.

Đến trưa thì cả người họ lấm lem bùn lầy và đầm mồ hôi, cả cơ thể ngứa ngáy và cậu chỉ có nổi mỗi một nụ cười như nụ cười của kẻ bị tử hình ở Gò Công. Thật tội nghiệp.

Pierre gặp lại Tikhomirov ở sân đình làng Tân An, tại đó họ đã tập hợp được một vài vị chức sắc và một viên xã trưởng đang lẩn trốn. Cuộc tranh luận bắt đầu, trong bầu không khí căng thẳng khi mà không ai chịu bỏ cuộc.

Phiên dịch là một người lai da nâu đậm luôn luôn tỏ vẻ khó chịu, nhất là khi nói tiếng Việt. Lúc đầu, Pierre định thử theo cái trò chơi hấp dẫn này với cả chuỗi liên tiếp những câu hỏi mà không hẳn là hỏi, tiếp theo những câu trả lời cũng không hẳn là trả lời. Chẳng bao lâu sau, cậu thấy ngán ngẩm.

Pierre theo sau Carraz, rồi lũ trẻ theo sau Carraz, và cuộc chơi bắt đầu: một con quỷ đầu trọc lốc và ngực nhẵn thín như đấu sĩ La Mã chơi trò đuổi bắt bọn trẻ giữa những căn nhà tranh và đến tận cái sân sau bỏ hoang nơi lũ gà gầy gò xương đang chạy nháy quanh một con lợn đang ngủ, giữa những vũng nước đục ngầu. Lũ gà kêu quang quác, lũ trẻ la hét còn Carraz thì gầm gào. Rốt cuộc cậu ta cũng tóm được hai đứa trong tay, bọn chúng ngó ngoáy, hơn nữa vì quá tin vào trò chơi, chúng sợ rằng cậu ta sẽ cắt cổ và ăn tươi nuốt sống chúng. Khi cậu ta đặt chúng xuống đất rồi lục túi tìm kẹo sô cô la để phân phát, bọn trẻ lập tức xếp hàng nhận phần. Sau đó, bọn trẻ dẫn họ tới một giếng nước rồi lấy nước vào gáo dừa cho họ uống.

“Mày sẽ uống cái thứ bẩn thỉu này à?” Pierre hỏi vì nhớ lại cái chương về vệ sinh trong các bài giảng được phát trên loa phóng thanh của chiến hạm *Desaix*.

“Mày bảo là tao sẽ uống mà.”

Với chút ngập ngừng, Pierre nhấp môi theo bạn. Nước có vị lờ lợ nhưng không đến nỗi khó chịu lắm.

Bọn trẻ vây quanh Carraz, cậu ta bắt đầu dạy bọn chúng hát bài *Chiếc tàu nhỏ*, sau mười phút với những trận cười phá lên khiến lời bài hát trở thành gần như: *di di di dong*.

“Mày thấy đấy, cậu ta nói đầy tự hào, điều mà Gallieni, Lyautey và tám mươi năm khai hóa văn minh không thực hiện được thì chỉ chưa đầy mười lăm phút tao đã làm xong. Lẽ ra nên giao phó đất nước này cho tao.”

Theo bước bọn trẻ, họ phát hiện ra những ngôi nhà đổ nát của một trại trẻ mồ côi, tại đó họ được một nữ tu mặc tạt nói lấp tiếp đón, yêu cầu họ ngồi chờ trên chiếc ghế băng gỗ kê trên nền đất nện, trong khi lũ trẻ vừa chạy vòng quanh họ vừa hò hét, thất vọng vì con thú hoang yêu thích của chúng đã mất đi vẻ hứng thú thấy rõ với trò chơi. Người ta mời họ uống nước chanh ấm, rồi dẫn họ đến chỗ một nữ tu có vẻ nghiêm khắc, bà hỏi họ cụt lủn:

“Lính Pháp làm gì ở đây?”

Pierre và Carraz nhìn nhau bối rối. Thở dài một tiếng, Pierre đành lãnh lấy trách nhiệm: cậu làm tốt hơn bạn mấy trò ngoại giao quân sự.

“Thưa xơ, chúng tôi không gây chiến với trại trẻ mồ côi của xơ.

- Vậy thì nói cho tôi biết các ông đang làm gì ở đây?

- Nói thế nào được nhỉ? Chỉ vui đùa với bọn trẻ thôi mà.”

Gương mặt nghiêm khắc của bà xơ giãn ra một chút rồi mỉm cười.

“Đúng là bọn chúng chẳng có nhiều trò vui chơi giải trí. Hơn nữa, chúng cũng chẳng có thứ gì nhiều. Hãy lại đây.”

Họ được dẫn đi một vòng và được yêu cầu ghi chép lại những thứ cần thiết cho một cơ sở thực tế là thiếu thốn đủ thứ, chỉ trừ sự cương quyết của xơ Chantal, nữ tu khám sát của trại trẻ này, người mà ẩn sau nụ cười là một chí khí vững vàng và kiên định.

“Chúng tôi chỉ sống bằng ân huệ của Đức Chúa trời và lòng hảo tâm của con người, bà xơ nói khi từ biệt họ. Tôi phụ trách phần ân huệ, nhưng vì Chúa trời đã gửi các ông đến với chúng tôi nên các ông có thể chăm lo công tác từ thiện...”

Bà xơ nhìn thẳng vào mắt họ và họ đồng thanh hứa sẽ trở lại.

Khi họ quay lại chỗ cũ, một tấm vải bạt đã được căng lên. Tướng Leclerc đã tới và duy nhất chỉ mình ông đứng, sải từng bước dài qua khoảng cách giữa hai hàng ghế cao bằng gỗ tẻch, nện cây gậy bịt sắt xuống đất để nhấn mạnh những lời lẽ của mình, tìm kiếm ánh mắt lẫn tránh của những người đối thoại. Nỗi sợ hãi vẫn lẫn khuất đâu đó, nhưng tất cả đều im ắng.

“Chuyện gì đã xảy ra thế? Pierre hỏi Tikhomirov, người vẫn đang im lìm không nhúc nhích.

- Khi đến làng, chủ tướng đã tóm được hai gã đang đùa nghịch đốt một chiếc xe ba gác. Ông đã khiển trách họ...

- Rồi sau đó thì sao?

- Chúng ta đến đây với tư cách những người bạn... Chúng ta sẽ lại ra đi nhưng sẽ sớm quay lại... Những câu tầm phào thường ngày...

- Ai đã nói vậy?

- Chủ tướng.

- Và họ tin à?

- Dù sao họ cũng làm ra vẻ tin.

- Liệu có thể tin tưởng họ được không?”

Đôi mắt xám tro của Tikho gần như nhắm lại và trông anh ta vừa có vẻ của một người phương Đông và vừa có vẻ một người Âu.

“Đó không phải là vấn đề, Garnier ạ. Cậu có thể tin tưởng họ cho đến khi một kẻ kỳ cục đến, cắt vài cái tai và xẻo vài hòn dái của họ để giúp họ thay đổi quan điểm. Họ cố xác định xem liệu chúng ta có tiềm lực nã đạn sau những lời lẽ thân tình hay không.

- Thế thì chúng ta xoay xở ra sao?

- Việc này có thể còn tệ hơn.”

Trên con phố chính, những chủ buôn người Hoa lại bước ra với những chiếc cờ hiệu vẫy vẫy. Họ biểu hiện một vẻ lãnh đạm lạ lùng đối lập hẳn với vẻ lo lắng khiến khuôn mặt những người An Nam dài thườn ra và cặp mắt trũng sâu xuống. Chuyện của họ diễn ra trong một khối bong bóng, không bị ảnh hưởng bởi những cơn lốc xoáy này. Với họ, người ta chắc hẳn phải tính bằng thế kỷ: có thể nói rằng lính Pháp sẽ lại ra đi trước cả khi kịp ghi dấu thời điểm đến của mình.

Pierre tiến lại gần Leclerc và kể cho ông nghe chuyện mình vừa chứng kiến.

“Ở đâu?” chủ tướng tỏ vẻ sốt ruột hỏi.

Cậu chỉ cho ông hướng trại trẻ mồ côi.

“Hãy đưa tôi đến.”

Quanh Leclerc, Massu và Repiton Preneuf buông một tiếng thở dài nhưng vẫn đi theo ông.

“Báo chí, báo chí,” Cá Sấu gắt gồng, đó là biệt danh mà người ta gọi Massu.

Trong sân của trại trẻ mồ côi, xơ Chantal đã tập trung hết bọn trẻ lại thành một nhóm nhỏ, ba hàng theo thứ tự lớn bé. Đám người Pháp đứng im, xúc động, trước khi Leclerc tiến một bước về phía bà xơ, bà kiêu ngạo phớt lờ ông và quay về phía bọn trẻ.

“Hai, ba!”

Chúng hát trôi chảy cả bài *Thống chế, chúng tôi đây!*⁽¹⁾ mà không một ai dám cắt ngang. Pierre bắn khoăn giữa nỗi hổ thẹn và ý muốn phá lên cười, trong khi Leclerc đứng trang nghiêm trước bài ca dành cho thống chế Pétain. Đã từng có những ngày... Leclerc cảm ơn và hứa hẹn tất cả những gì có thể. Rồi đúng lúc nói lời từ biệt, sau khi đảo mắt một vòng quanh bọn trẻ và cảnh nghèo khó bao lấy chúng:

“Bà đã làm thế nào, thưa xơ?”

- Tôi duy trì, thưa ngài, tôi duy trì.”

Họ lên đường về và suốt hàng giờ, hàng ngày dài, giữa phong cảnh những đồng lúa, những đồn điền cao su, những đường hào, những u cây, những cây cầu bị phá hủy, đám côn trùng len lỏi, vẻ tối tăm trên những khuôn mặt có thể đang diễn tả nỗi nghi ngờ hay cảm giác nhẹ nhõm, sự thông cảm hay nỗi sợ hãi, nhưng vẫn vô cùng khó hiểu, Pierre có cảm giác như đang lội bì bõm trong đầm lầy, tiêu tốn hết sức lực ở đó mà không có mục đích gì. Ban ngày, họ phải vượt qua những chiếc hố trên những thân dừa đặt chông chênh, qua những đầm nước mênh mông sênh bùn trên thuyền dờ hàng, lội qua những con mương sinh lầy dính như kẹo cao su; ban đêm họ quây quần quanh ngọn đèn làm bằng vỏ đồ hộp đổ đầy xăng, ăn hành hoa và thịt lợn rỉ mỡ. Họ ngủ trong những chiếc màn màu ka ki, được tiếng kêu của lũ tắc kè ru rín. Chẳng còn gì uống ngoài thứ nước lờ lợ, một thứ trà vô vị, sáng sáng thì một cốc cacao có vị đất. Nằm cạnh Pierre, Carraz đang ngủ và ngáy o o, gương mặt lộ rõ vẻ căng thẳng, sẵn sàng hét lên ngay khi có ai đuổi trên cầu.

Chiến dịch là một thành công về mặt quân sự. Sau sự kiện biệt đội Ponchardier bất ngờ tái chiếm Mỹ Tho, đích thân chủ tướng đã cùng Massu điều chỉnh hoạt động để đảm bảo họ có thể kiểm soát vùng đồng bằng Nam Bộ và từ đó, kiểm soát cả lãnh thổ cho đến giáp Tây Nguyên. Với những phương tiện sẵn có, thể trạng và tinh thần của các đội quân thuộc địa, mọi thứ còn tốt đẹp hơn những gì mà người ta có thể mong chờ. Tướng De Gaulle có thể hài lòng: Nước Pháp đã lại đặt chân đến Đông Dương - tất nhiên rồi!

Mùa đông đã bày ra một không khí êm dịu giả tạo, và trên các con phố Sài Gòn nơi các thiếu nữ trong trang phục áo dài, những cu li kéo xe quần áo rách rưới, những kẻ ăn mày thật giả lẫn lộn, những người già che ô, những người bán hàng rong đủ loại đã tìm lại được vị trí muốn thuở của mình, chẳng phải tốn nhiều công sức mới có thể bằng lòng với những tuyên bố chính thức trong bài thuyết trình khó quên được do đốc D'Argenlieu kỳ cục trình bày, Cao ủy Cộng hòa (ngày trước người ta gọi là Toàn quyền, nhưng ở thời đại mới, người Pháp mới cần từ ngữ mới), ông ta đặc biệt mến chuộng những phép ẩn dụ về sông nước với những “bọt sóng,” những khó khăn “biển khơi” và những bất ngờ “sóng lừng” giữ một vai trò chủ đạo. Không mấy ngạc nhiên - Carlisle cho Pierre hay - khi người ta đặt biệt danh “tu sĩ hải quân dòng Cásmen” cho thầy tu này, cái biệt danh còn nổi tiếng hơn cái tên tôn giáo “Cha Louis”. Việc ông tranh đua với Leclerc thì ai cũng biết - một Leclerc nhục nhã nên tướng De Gaulle không cho kiêm hai nhiệm vụ vừa lãnh đạo chính trị vừa lãnh đạo quân sự, ai cũng thấy rõ là như vậy. Nhưng đó là quyết định của tướng De Gaulle và, trong suốt sự nghiệp của mình, Leclerc chưa từng trái lệnh ông.

Sàn Vẹt Xanh đã mở cửa trở lại và những người Hoa cần trọng đã thương thảo - đến thời điểm này vẫn chưa đạt được kết quả - cho việc mở cửa lại sông bạc huyền thoại Đại Thế Giới, cùng với hệ thống nhà hàng, gái nhảy và phòng chơi. “Liên minh mới” giữa Pháp và Đông Dương bắt đầu trong không khí của tiền và buồn lậu, bên nào cũng vui mừng khi từng ngày một tìm lại được những hương vị mà chiến tranh và bãi công đã làm cho biến mất: cùng với rượu whisky, bia, sô cô la, niềm lạc quan giả tạo đã quay trở lại.

Tờ *Tự do!*, trong các số ra hằng tuần, vẫn đăng những tin tức tốt đẹp, những mẫu rao vặt và những tin quảng cáo ở bản địa. Pierre giả dối đưa vào trong nỗi cô đơn đã ghi dấu những năm tháng niên thiếu của mình cái cảm giác chẳng có ai cho cậu hướng tới để thoát ra khỏi những đau khổ và vướng mắc. Quanh cậu, phần lớn mọi người đều có vẻ cóc quan tâm, miễn là họ có

cái để ăn và để uống - và ba mũi tiêm nếu họ mắc phải bệnh tật gì. *Con người sống như vậy sao?* Aragon đã thốt lên như vậy trong một bài thơ đang văng vẳng trong ký ức, hòa nhịp với một chuỗi hoài nghi của cậu.

“Có thể họ có lý, một hôm cậu thổ lộ với Tikho, nhưng tớ không thể sống như thế được. Tớ cần phải biết.

- Rồi cậu cũng sẽ thế cả thôi.

- Tớ cần biết, nói cho cậu hay! Tớ cần gói đồ buổi sáng và dỡ ra buổi tối. Tớ cần thấy có cái gì ở bên trong trước khi đeo nó.

- Mười lăm cân đá hay mười lăm cân tơ, có thay đổi gì về trọng lượng đâu.

- Mười lăm cân cứt thì có đấy.”

Tikho cười.

“Chỉ mỗi ngày đầu tiên, khi cậu phát hiện ra mùi của nó. Còn sau đó, dù thế nào cậu cũng vẫn phải đeo. Đừng phí đời. Hãy tận hưởng đi!”

Pierre sống những cuộc đời khác nhau - rèn luyện văn hóa và chính trị với Tikho, vui chơi với Carraz (“Đừng quên nhé, Garnier, mặt khẩu của chúng ta, thứ mà nhờ nhắc lại thường xuyên nó sẽ mở cho chúng ta mọi cánh cửa: CỨNG-CU!”); thậm chí còn có cả một tình bạn mang tính che chở, nồng nhiệt, và gần gũi đến mức phát ghen, mà cấp trên dành cho cậu, đại úy Blondeau; và hàng giờ với Carlisle và các phóng viên báo chí khác, biếng nhác, nản chí, nhưng cậu không thể rời bỏ họ. Phần lớn thời gian, cậu ở trong căn phòng ở Đa Kao, run rẩy vì một cơn sốt hoàn toàn từ bên trong, cùng lúc vừa thèm gái lại vừa muốn ra trận, nhưng chẳng vượt qua được cửa ải nào, chỉ đối mặt với những cái bóng. Những khi ấy, cậu tỉnh dậy, rảo bước rất nhanh qua hẻm về phía đường thông ra phố Paul-Bert, nhảy lên một chiếc xích lô, và với vài đồng bạc cậu để mặc người ta chở đi suốt cả tiếng đồng hồ, đi về hướng nào cũng được. Cậu thường dừng xe tại Chợ Lớn, trước một ki ốt nhạc nơi một số người Hoa đang chơi những điệu nhạc inh tai cùng với những chiếc mặt nạ âu sầu kỳ cục. Hoặc cậu đến một con phố nhỏ dẫn ra gần sông để cạo râu cắt tóc tại một hàng cắt tóc vỉa hè, ở đó người thợ cắt tóc thường chẳng nói một từ tiếng Pháp nào cũng chẳng cố mỉm cười với cậu. Ngồi duỗi dài trên một chiếc ghế bành được nhồi cầu thủ, bọc vải giả da màu đỏ đã bị rách lỗ chỗ, cậu có thể nhắm mắt lại và để mặc suy nghĩ trôi theo cái cảm giác lưỡi dao cạo lướt qua trên da mặt, không run sợ khi nghĩ rằng cái người không quen biết kia có thể làm theo một mệnh lệnh nào đó mà cắt cổ cậu rồi bỏ mặc lại đây, trên con phố heo hút này, với họng bị cắt đứt và khăn đầy máu.

Khi về đến căn phòng ở Đa Kao, một tối nọ, cậu tìm thấy trong vách ngăn phòng ngủ một bức thư không có phong bì, không đề tên, viết trên một tờ giấy pơ luya mỏng đến mức tưởng chừng nó có thể tuột mất khỏi tay.

Tớ rời bỏ họ, họ thôi, còn cậu tớ không bỏ.

Thế giới ban đêm của chúng ta được chia sẻ cùng những linh hồn xấu xa rình rập và những linh hồn thiện tâm trên thượng ngàn hay dưới thủy cung. Cả hai loại linh hồn ấy đều không nhìn thấy được và cuộc chiến giữa họ là vĩnh cửu. Kẻ hay quên thường phó mặc cho điều phi lý, chẳng cầu nguyện bao giờ, không thấy tinh tâm trước bề cảnh, không tôn kính tổ tiên.

Tớ không quên cái ánh sáng đêm hôm đó khi chúng ta tưởng nhớ đến người cha yêu dấu của cậu.

Sự hiện diện của Bằng Sơn đã thế chỗ các linh hồn trong cuộc sống của cậu: ở đâu đó trong lòng cậu khi đêm xuống, cậu ta là một khả năng bí ẩn và đúng hơn là làm yên lòng, cho dù xung quanh là những thế lực có thể gây hại.

Tuy biết sẽ không có câu trả lời nhưng cậu vẫn hỏi chủ nhà xem ai đã để lại lời nhắn. Dĩ nhiên bà ấy không biết và cậu cũng chẳng muốn gắng hỏi. Tikhomirov khẳng định nhìn thấy một cô gái trẻ bí mật lên vào nhà lúc chiều tà nhưng Pierre đã cười nhạo anh ta: một cô gái trẻ bí mật

lên vào nhà, phải vậy không, và tình cờ, mặc bộ *áo dài* mỏng tang khơi gợi những lạc thú quá mức phải không? Cô nàng không cất lời ru với chất giọng mê hoặc sao? Cho dù không muốn thì hình ảnh cô gái trẻ *bí mật* vẫn len lỏi vào trong những giấc mơ tình ái của cậu với một sự tinh tế mê hoặc mà những hình ảnh khác không thể có được.

Một buổi sáng, khi chiếc xích lô chở họ vẫn còn chưa rẽ vào góc phố Paul-Bert để đi dọc con đường ven kênh trước khi vào phố Docteur Angier⁽²⁾, Tikho kêu lên: “Cô ấy kìa!” Pierre chồm dậy. Cậu nói với người đạp xích lô đừng có dừng lại, mà chỉ cố ghi nhớ các đường nét của một cô gái trẻ không đặc biệt xinh đẹp, khuôn mặt hơi dài, đôi mắt tròn. “Cậu không dừng lại à?” Tikho hét lên, còn cậu không thèm trả lời bạn trong khi cô gái mất hút giữa hai hàng cây. Cậu bạn không nài nỉ thêm và họ không nói gì về chuyện đó nữa.

Pierre viết một lèo, không cần suy nghĩ, đánh máy lại rất nhanh, dù chỉ dùng hai ngón tay. Nhờ phẩm chất này, cậu được những “người của Leclerc” khác lôi kéo làm cho một tờ báo song hành, với tờ báo này các bài thuyết giáo được công khai thể hiện tư tưởng hòa bình chủ nghĩa trong khi tờ *Tự do!* được xem là nơi ca tụng những phẩm chất của người lính và sự vô tư của người Pháp. Các biên tập viên trẻ tuổi đã đặt tên cho tờ báo của họ là *Tự do?* cứ như nhờ thay đổi dấu chấm câu mà họ đã nghi ngờ chính ý nghĩa của từ ấy. Bên cạnh dấu chấm hỏi có kèm một hình vẽ tục tĩu là một con vịt bị buộc dây, có ý liên hệ rõ ràng tới tờ báo châm biếm họ hàng bên Pháp⁽³⁾.

Ban đêm, Pierre đánh máy cho họ ở dưới tầng hầm, nằm phía trên phố Catinat, gần như đối diện với hàng rào của Sở Mật thám nơi cậu chưa hề bước chân qua kể từ cuối tháng Chín. Trong khói thuốc và mùi rượu whisky, cậu thích khoảng thời gian nghĩ là mình thuộc tầng lớp tinh hoa sáng suốt, trong đó những người trưởng thành ở tuổi hai mươi lăm đã là lãnh đạo, họ hiểu được sự cần thiết của một nước Việt Nam độc lập và nhờ vào họ, tình hữu nghị với nước Pháp có thể sống sót đến khi kết thúc công cuộc thuộc địa.

“Ui dào, rất lũ bịp bợm mà thôi,” Tikho lầu bầu, như mỗi lần tỏ vẻ khinh khỉnh, anh ta thẳng thừng từ chối tham gia cuộc phiêu lưu.

Một buổi tối, chủ tướng ghé qua trụ sở của tờ báo hòa bình chủ nghĩa, đưa cặp mắt xanh quan sát những người lính trong trang phục lòi thối lệch thếch đang tản mát quanh đó, hút thuốc, uống rượu, buôn chuyện - và hiếm có người làm việc - trên ba chiếc ghế dài bằng mây đan, trong làn gió hầm hập thổi tới từ một chiếc quạt điện, vừa nói vui vừa chỉ Pierre:

“Mấy cậu kia, họ thì ủng hộ hòa bình. Còn cậu, buổi sáng thì giúp tôi gây chiến, còn buổi tối lại đi ca ngợi hòa bình ư? Hôm nào cậu phải đến giải trình cho tôi hay.”

Một người trong đám bạn nháy mắt với cậu. Leclerc lượm số báo mới nhất của họ lên.

“Pháp, Việt Nam, những hạt giống của tình hữu nghị,” ông đọc to lên.

Ông không nổi giận, mà có vẻ vui thích thì đúng hơn.

“Có thể chúng ta không nhất trí về các phương thức cấy trồng, nhưng tất cả chúng ta đều hướng tới cùng một mùa gặt.”

Không ai dám nói một lời.

“Điều duy nhất không hợp với tờ báo của các cậu và các cậu đều biết và các cậu phải thấy xấu hổ với chính mình, ông nghiêm khắc nói, đó là cái này.”

Ông chỉ cho họ hình con vịt gần với tiêu đề bài báo.

“Chưa từng có ai trói buộc các cậu bao giờ, và cũng sẽ chẳng bao giờ có ai trói buộc các cậu. Nếu các cậu có tham vọng viết sự thật, hãy bắt đầu bằng việc trung thực với chính mình.”

Sau những lời ấy, ông rời đi, để lại họ sững sờ.

7.

Những ngày đầu tháng Mười hai năm 1945, Carlisle đưa Pierre đi theo đến một biệt thự ở khu Plateau⁽¹⁾, có hàng rào râm bụt và các cụm hoa giấy bao quanh, để gặp “một người thực sự thông minh, có lẽ là người thông minh duy nhất tôi từng gặp ở đây. Cậu có thấy sợ không?”

Blaizot mang họ một vị tướng nhưng trên thực tế ông ta là con cháu của một trong những dòng họ đã chuyển đến sống ở Đông Dương lâu đời nhất. Tổ tiên của ông ta từng tham gia cuộc viễn chinh nổi tiếng của Francis Garnier trong chuyến tìm kiếm cội nguồn sông Mê Kông và đã bỏ mạng trong cuộc chiến chống lại Quân Cờ Đen⁽²⁾. Chính vì thế, từ trong dòng máu, Blaizot tha thiết với sự vô tội của công cuộc thực dân và chủ nghĩa lý tưởng khát khe liêu lĩnh của mình. Ông ta mang họ Pháp nhưng khuôn mặt lại hội tụ nhiều sự gập gờ - số lượng dòng máu không vượt quá con số tám: có dòng máu Bắc Kỳ, Quần đảo Antilles, xứ Lorraine, vùng Cận Đông, xứ Bretagne và đảo Corse... tóm lại, một sự pha trộn hoang dã giữa sự cuồng nộ của người bản địa và dục vọng của kẻ thực dân. Và ngày nay - nhờ có sức mạnh ý chí to lớn và hoàn toàn không chút e ngại - Blaizot là một trong những người giàu có nhất xứ thuộc địa.

“Thế nào? ông ta bắt chuyện. Carlisle nói với tôi rằng cậu là người trung thực?”

Mặc dù to béo và tuổi đã lục tuần, ông ta vẫn di chuyển nhẹ nhàng, len qua những chiếc ghế bằng gỗ gụ được đặt trên hiên nhà nhìn xuống khu vườn kiểu Nhật. Ông ta đẩy cánh cửa trượt của một quầy bar, nơi có chừng hơn hai chục chai whisky được bày chêm chệ và chọn lấy một chai. Ông ta rót rượu cho họ mà chẳng cần hỏi ý kiến. Rồi ông ta đến ngồi cùng, ngay cạnh Pierre, thân mật đặt tay lên đầu gối cậu. Về thân tình trong hành động ấy gợi cảm giác khó chịu về sự chiếm hữu nhưng Pierre không dám động đậy.

“Tôi nói thế với cậu, Blaizot nói, vì cái kiểu người ngay thẳng, ở xứ này tôi và Carlisle đã không thấy những kẻ như vậy kể từ...”

Ông ta khoát tay về phía khu vườn.

“... từ khá lâu rồi.”

Pierre cảm thấy đỏ mặt.

“Ngay thẳng à, nhân thế, điều ấy có nghĩa gì? Blaizot tiếp tục nói mà không bận tâm đến vẻ bối rối của cậu. Cứ tưởng tượng mà xem, nếu có trong tay một chiếc nhẫn giúp ta tàng hình, cậu sẽ không làm điều gì? Lừa dối vợ chẳng?”

- Tôi còn chưa kết hôn, Pierre nói với giọng yếu ớt.

- Cái gì? Cậu nói gì?

- Tôi nói là tôi chưa kết hôn, thưa ông.”

Bỗng nhiên Pierre cảm thấy một cơn tức giận trào dâng trong lòng - tức giận vì người đàn ông này đối xử với mình như một đứa trẻ, tức giận vì Carlisle đã gài bẫy cậu và cứ ngồi đấy nhìn cậu bị mắc trong cuộc đối thoại mà chẳng hề giúp đỡ.

“Thôi được, chàng lính trẻ độc thân. Cậu sẽ ngủ với vợ tôi chứ? Hãy nhớ là cậu vô hình, có nghĩa là cậu sẽ không bị trừng phạt.

- Tôi không biết, thưa ông, tôi còn chưa gặp vợ ông.”

Một thoáng im lặng, rồi Blaizot phá lên cười. Ông ta quay sang phía Carlisle.

“Tôi thích cậu bạn của anh, tôi *rất* thích cậu ta. Giờ thì hãy cho tôi biết, cậu đến đây khi nào?”

- Được hai tháng rưỡi rồi, ngay trước vụ thảm sát ở Cité Hérault.

- Có thể nói là cậu đã chọn đúng thời điểm. Hoặc là cậu mang phiền toái đến.

- Tôi phải thú nhận rằng đó là khởi đầu... khó khăn.

- Cậu chụp được ảnh chứ?”

Ông ta hỏi câu đó với khóe miệng thèm thuồng, cứ như thể ông ta hỏi Pierre xem cậu có nhận được một thùng vang Bordeaux ngon từ Pháp hay không ấy.

“Chắc phải tệ lắm hả? Phải không? Rốt cuộc thì chiến tranh cũng đã bắt đầu.”

Blaizot nói ra từ “chiến tranh” ấy một cách bình thản, bằng cái giọng như thể ông ta thông báo đã đến giờ vào bàn ăn. Pierre tóm lấy từ đó, ghi nhận, vẫn kinh ngạc bởi một điều hiển nhiên: thực tế chính là như vậy, chiến tranh, điều mà trước đây cậu không nhận ra dưới những cách gọi tao nhã “bình định”, “quét sạch”, “chiến dịch”, “nhiệm vụ”, và vân vân...

“Chủ tướng của cậu, chính ông ta, đã hiểu điều ấy. Ông ta không giống như cái gã dần dộn kia...”

- Hãy thứ lỗi cho cậu ấy, Carlisle cắt lời, cậu ấy không gọi D’Argenlieu theo kiểu khác.

- Từ cách tôi được giáo dục thì tôi nhận thấy thật khinh suất khi không gọi thẳng ngu là thẳng ngu. Cậu không cùng dòng họ đấy chứ?

- Tôi nghe nói đó là một dòng họ lớn mà dòng họ toàn bọn ngu thì sao có ai biết được. Nhưng điều mà tôi biết rõ, đó là tôi không phải máu mủ ruột già gì với gã ngu đó.

- Xin chúc mừng.”

Cuộc đối thoại xem chừng diễn ra vui vẻ nhưng dù cho khả năng ứng đáp của hai bên thế nào, Pierre vẫn cảm thấy không thoải mái. Một thằng hầu người An Nam mang ra một xô đá theo lệnh của ông chủ nhưng lại làm rớt vài giọt rượu whisky lên bàn khi cho đá vào ly của Carlisle. Không nói một lời, Blaizot bốc một nắm đá ném vào mặt anh ta. Tiếp đó ông ta xổ một câu tiếng Việt nghe cục cằn. Thằng hầu, mặt nhỏ nước tong tong, cúp mắt lùi ra xa. Blaizot bắt gặp ánh mắt của Pierre.

“Cậu không đồng tình với tôi à? Cậu thấy tôi quá cứng rắn? Cậu còn trẻ: rồi cậu sẽ hiểu thôi. Cậu sẽ hiểu rằng nếu cậu không giám sát chúng... Kể từ ngày 9 tháng Ba, chúng ta không quản lý được chúng nữa rồi. Ít nhất người ta cũng nói với cậu về ngày 9 tháng Ba rồi chứ?”

Pierre xác nhận.

“Cuộc đảo chính Nhật, những người sáng suốt nhất trong chúng ta trông chờ điều đó, nhất là từ khi đội quân kháng chiến trở về do tướng De Gaulle cử tới rập rình chuẩn bị các trận chiến mà hẳn là đám hướng đạo sinh không mong muốn... Nhưng ngày 9 tháng Ba, thì không chỉ cả một dân tộc đánh mất niềm tin vào chúng ta - họ thấy chúng ta yếu đuối và đã kiệt sức, không hoàn thành “thiên mệnh” được giao phó - nhưng đó không phải điều quan trọng nhất trong vấn đề này...”

Ông ta quan sát lần lượt từng người, chờ đợi, *đòi hỏi* người ta đặt câu hỏi để còn chốt lời phán quyết. Pierre nhắm mắt đành lòng tham gia trò chơi:

“Thế đâu là khía cạnh quan trọng nhất của vấn đề?”

- Vấn đề là ngày hôm ấy, *chúng ta* đã mất niềm tin vào chính mình.”

Ông ta ngược đôi mắt đen sẫm lên nhìn: không cần hỏi cũng hiểu ra rằng ông ta thuộc tốp ngoại lệ. Ông ta lại vỗ vỗ vào đùi Pierre.

“Những người này không thể giáo hóa được, đúng không? Các cậu nghe rõ chứ? Không-thể-giáo-hóa. Và khác với một số người mơ mộng theo trường phái Rousseau, tôi biết mình đang nói cái gì. Vì vậy cách duy nhất để giữ họ trong tay và duy trì được cái uy trước mặt họ là phải làm như thế này.”

Ông ta giơ bàn tay phải lên và từ từ nắm lại, cơ bắp gồng trên khắp cánh tay, trên vai và toàn

bộ cơ thể, lên đến tận khuôn mặt thể hiện một vẻ hung dữ lạ lùng. Một phụ nữ tiến đến và dừng lại giữa chỗ giao của phòng khách với hiên nhà, dưới bóng của bức màn. Á đến lúc giữa chừng cuộc trò chuyện và không cố xen ngang.

“Vợ tôi đấy, Blaizot nói mà không quay lại nhìn ả. Inès, em muốn tham gia với bọn anh không? Như tôi đã nói với cậu, đó là chiến tranh. Leclerc đã nói thế và ông ta đã ước tính cần ít nhất 300.000 người để tiến hành chiến tranh. Tôi là ai mà phán xét điều đó, tôi ấy, một chủ đồn điền xoàng xĩnh?”

Carlisle bật cười ha hả. Một “chủ đồn điền xoàng xĩnh” cố không nói rõ rằng mình cũng là chủ các nhà máy rượu, các tiệm thuốc phiện, một công ty bảo hiểm, và rằng ông ta là đối tác độc quyền nhập khẩu từ một loạt công ty Pháp, Anh, Mỹ - và ở đó thì toàn là những hoạt động chính đáng.

“Ở tay Leclerc này có sự chia rẽ trong suy nghĩ: một phần trong y muốn chiến tranh bởi vì thực sự y không biết mình muốn điều gì khác - y không có năng lực làm việc gì khác (ngoại trừ, tôi nghe người ta nói, là đi săn, thì chung quy lại cũng là một) - và y đã bị xúi giục, giống như tất cả người Pháp, là không ngừng rửa mối nhục năm 1940. Nhưng một phần khác trong y lại thuận theo những suy nghĩ tốt đẹp không rõ ràng, những kẻ phương Đông hóa quặt quẹo cho rằng nói được tiếng Việt, viết được chữ Quốc ngữ và đọc được chữ Hán thì có ưu thế hơn về chính trị và tư tưởng. Chết độc mà những tên thầy cúng này chung cất miễn phí là thứ chất độc chết người. Và chỉ có những kẻ ngốc mới để mình uống thứ mật ấy. Đúng không, Carlisle?”

Trong lúc cái tin này bay đi, vợ Blaizot đã bắt tay hai khách mời và đến ngồi đối diện với Pierre. Một thằng hầu khác mang nước chanh tới nhưng ả hầu như chỉ nhấp môi. ả là người Ấn Độ với khuôn mặt tròn, đầy đặn, chẳng có nét nào thể hiện cái góc gác mà nhờ đó một người An Nam hay thậm chí một người lai Âu-Á có thể nhận biết được ả từ đâu đến; nhưng cơ thể ả có vẻ gì đó cứng đờ mà Pierre, đang gần như miên man trong bài nghị luận của ông chồng, cuối cùng cũng nhận ra: đó là nỗi sợ hãi. Cậu đã hiểu ra - và đồng thời nhận ra ả không ngừng quan sát mình kể từ lúc đến ngồi đối diện.

“Quay trở lại với những người bạn của nền dân chủ, chúng ta sẽ cung cấp cho họ những gì họ muốn: một đảng phái. Quyền lực, sự gắn kết, lòng tin. Báo chí. Biểu tình. Quan điểm. Những nhân vật không-thể-chối-bỏ-được.

- Đảng của ông yêu cầu điều gì? Carlisle hỏi đùa.

- Họ sẽ hỏi xem kẻ ngu đần chờ đợi gì mà không biết điều mình chờ đợi: thời cơ để vẫn được làm chủ. Trên thực tế, đâu là cơ may duy nhất để họ tiếp tục thống trị ở Đông Dương? Đó là không có nước Việt Nam, rằng việc thống nhất Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ - tức là của ba Kỳ, như người ta vẫn nói, không được thực hiện. Vậy thì chúng ta sẽ tạo lập, khuyến khích, phát triển, biểu dương công cuộc mở mang tri thức của một châu Á hiện đại: chủ nghĩa phân lập Nam Kỳ. Những người cộng sản nói rằng: nước Việt Nam là của người Việt Nam. Chúng ta còn táo bạo hơn: Nam Kỳ là của người Nam Bộ!

- Nhưng nông dân ở đồng bằng sông Mê Kông thậm chí còn không biết là họ sống ở Nam Kỳ!

- Tôi ngạc nhiên vì anh, Carlisle, một người dạn dày kinh nghiệm mà liên hệ với đám nông dân ấy chỉ hạn chế ở việc mua cho họ những tấm bưu thiếp màu đẹp để, lại để lọt tai những chuyện tầm phào như thế.

- Ông cứ việc chế nhạo tôi bao nhiêu tùy thích, Blaizot, nhưng hãy trả lời tôi đi.

- Anh nghĩ là những người bạn mới của chúng ta, những nông dân đồng bằng sông Mê Kông, biết là họ đang sống ở Việt Nam sao? Chúng ta sẽ dạy cho họ tính cao thượng, phẩm chất độc nhất của tính cách Nam Kỳ, tính không-thỏa-hiệp với những kẻ xâm chiếm Bắc Kỳ và tập quán què kèch của họ!

- Dẫu vậy, Carlisle nhấn mạnh, không thể bắt đầu từ con số không mà tạo lập được một phong trào dân tộc cho một dân tộc chưa từng tồn tại.

- Hãy tỏ ra kính trọng đối với miền đất Nam Kỳ! Tất cả là vấn đề cách thức, vấn đề lòng tin! Ngược lại với những chuyện vớ vẩn nghe được, vấn đề không phải là ở Việt Nam! Không phải là ở Đông Dương! Mà chỉ có một vấn đề, đó chính là ở Pháp! Người Việt Nam, nói gì thì nói, họ đã từng chịu đựng hàng thế kỷ bị Trung Quốc đô hộ mà chẳng phản đối gì! Có lẽ họ cũng sẽ chịu đựng hàng thế kỷ bị Pháp đô hộ - nhân tiện cũng nói thêm, rõ là nhẹ nhàng hơn - chỉ cần chúng ta muốn thực hiện. Chấm hết. Một vài trường hợp bị tổng đi đày, vài trường hợp hành hình, vài bọc xác xếp đúng chỗ... Các câu cho rằng những người Pháp đi chinh phục đất nước này lại tự đặt ra những câu hỏi ngớ ngẩn, sắc mùi lý thuyết, *đạo đức* đó sao? Đa phần đều đã chết, chết thảm hại, hoặc đã chết rũ xương, và chỉ được vinh danh rồi tạc tượng rất nhiều năm sau, khi họ chưa hoàn toàn bị quên lãng, *ví như* cụ cố Blaizot của tôi, nhà địa lý học ngang ngửa cố Doudart de Lagrée thế mà đến cả cụ ấy cũng không được đặt tên cho một con phố ở Sài Gòn! Chúng ta thực sự muốn gì? Vì cái gì, vì ai mà chúng ta sẵn sàng hy sinh và sẵn sàng chém giết? Sẵn sàng tra tấn, sẵn sàng hy sinh những người vô tội? Đốt sạch những ngôi làng?

- Nhưng đó là những việc mà bọn quốc xã đã làm! Pierre không chịu nổi nữa thốt lên.

- Sai rồi, anh bạn trẻ ạ. Đó là điều mà những kẻ đi xâm lược đã làm: Thành Cát Tư Hãn, Napoléon, Hitler. Nếu các cậu không muốn làm, thì đừng lao vào những cuộc chinh chiến. Vì chiến tranh là như vậy đó.

- Vậy cuộc chiến chống lại Quốc xã thì có ý nghĩa gì?

- Ý nghĩa à? Tôi chẳng quan tâm. Chẳng có lý do *đạo đức* nào đâu. Hãy gọi đó là tự vệ chính đáng nếu cậu muốn. Vả lại, mọi chuyện đều như nhau cả thôi, tôi là một tên quốc xã, còn cậu, và cậu, và cậu nữa, tất cả đều thế.

- Tôi thì không.”

Tất cả họ quay sang nhìn Inès, người lần đầu tiên mở miệng kể từ khi xuất hiện. Blaizot thoáng chút do dự rồi lại tiếp tục.

“Không phải em, em yêu. Ban đầu, em đã bị hãm hiếp và bị sát hại - hoặc làm đi bất đắc dĩ. Tất cả chỉ là chuyện hoàn cảnh, đừng quên điều ấy.”

Ông ta đứng dậy và bắt đầu bước từng bước dài trên hiên.

“Các cậu không muốn những người vô tội phải chết, phụ nữ phải chịu khổ, trẻ con phải nheo nhóc ư? Đừng gây chiến tranh nữa. ‘Cuộc chiến sạch sẽ’ của ngài Leclerc thân mến ấy, đó là một bài thơ thi vị nhưng mà nó nhằm đường rồi. Hoàn toàn nhằm! Bao lực là thực tế duy nhất của chiến tranh. Đó là tất cả những gì cần nói về chiến tranh. Còn lại thì... Nhưng tôi e rằng chúng ta chỉ đơn giản là không còn sức lực nữa và chúng ta kết thúc do lịch sử và do chính chúng ta. Vì thế, sức sống Á châu chảy trong huyết mạch của chúng ta muôn năm! Sức sống Phi châu chảy trong huyết mạch những người lính chúng ta muôn năm! Hãy cầu nguyện rằng với dòng máu ấy, chúng ta có được chút độc ác man rợ của họ! Và chủ nghĩa phân lập Nam Kỳ muôn năm!

- Chủ nghĩa phân lập Nam Kỳ muôn năm!”

Carlisle đồng thời nâng ly lên cùng Blaizot, và Pierre tham gia với họ bằng động tác ngập ngừng, vẫn còn bị sốc do những lời lẽ Blaizot vừa tàn nhẫn tuôn thẳng ra ngay trước mặt vợ mình và cậu cảm thấy những lời đó không thể hiện quan điểm, dù rất ngược đời, mà chỉ là một thông điệp *riêng*. Về phần bà vợ, chẳng có động tĩnh gì.

“Chính tôi, Blaizot tiếp lời với một giọng trầm hơn, thành lũy cuối cùng của nước Pháp. Tôi tự hào tuyên bố: ‘tổ tiên của chúng ta là người Gô Loa’ vào thời điểm mà những người Gô Loa đang sợ rúm cả vào. Không có nhiều người Gô Loa trong cây phả hệ nhà tôi, chỉ có hai hay ba thế hệ, tôi thừa nhận điều ấy. Nhưng cùng với thời gian tôi đã nhận thêm người Gô Loa và không còn lo lắng về sự sống sót của dòng giống Gô Loa, bản thân họ cũng đang lo lắng về điều này.

- Cái thị trấn hẻo lánh xinh xắn nơi Julius Caesar đánh bại họ tên là gì nhỉ? Carlisle chế giễu.

- Alesia. Sao nào, nếu cần thì khu Plateau sẽ là Alesia của tôi. Inès, đến lúc vào bàn ăn thôi nhĩ?”

Ả chỉ ra dấu là đã đến lúc và Pierre, như bị thôi miên, tự hỏi khi nào mình sẽ lại được nghe giọng nói của ả hay là tên bao chúa này đã lấy một người cầm để chắc chắn rằng mình không bao giờ bị ngắt lời. Cậu thích nghĩ rằng sự hiện diện sỗ sàng của người đàn ông kia là sự hiện diện của một kẻ giàu có chán ngắt chẳng còn tiền để kiếm thêm, chẳng còn kẻ thù để chiến thắng, và tự an ủi bằng những trường thoại cùng những điều huyền hoặc. Nhưng có một tia sáng đen tối, một vẻ hung bạo chất chứa bên trong làm sụp đổ cái giả thuyết lạc quan này: hẳn là gã đàn ông ấy, Pierre có thể cam đoan, chưa sẵn sàng chết. Nhưng hẳn sẵn sàng giết người.

Trong bữa ăn, Blaizot đề cập đến đủ các loại chủ đề, ca ngợi tài nghệ nấu ăn (quả thật là rất ngon) của người đầu bếp gốc Tây Ninh (“Có người sẽ nói ngon thì phải là đồ Huế, nhưng đó chỉ là nhầm nhứ. Âm thực, thì phải là Tây Ninh, rồi cậu xem”), rồi chuyển chủ đề từ bàn luận về chính trị và lịch sử sang những giai thoại tục tĩu, không bao giờ mệt mỏi với bản thân, tự tán dương những thành quả của chính mình, dẫn họ đi thăm thư viện, bàn bi-a kiểu Pháp, các bức tượng Angkor từ thời Jayavarman VI, với thái độ vui vẻ hơn hờ lúc thắng lúc trầm mỗi lúc ca ngợi bản thân. Pierre cố xem người vợ có biểu lộ cảm giác bất hạnh hay ít ra là vẻ thất vọng trên khuôn mặt hay không, nhưng ả cứ kín như bưng chả kém gì thói liến thoắng của chồng.

Trong suốt buổi tối, cậu cốp nhặt từng mẩu thông tin: ả là người gốc Pondichéry (“như vậy là người Pháp, giống tôi, giống như chúng tôi, dù chúng tôi chưa từng bao giờ thấy quê hương đất mẹ”) và họ lấy nhau đã được năm năm, họ không có con và về cơ bản... Về cơ bản... Tóm lại việc này không phiền hà đấy chứ? (Một cái liếc nhìn cột nhà: chuyện đàn ông với nhau). Phải thế không Inès? Ả có giọng nói trầm và điềm tĩnh nghe loáng thoáng dưới giọng của ông chồng nhưng ông ta không át được hoàn toàn. Ả lạnh lùng sẫm soi cậu, chẳng hề tỏ ra âu yếm giả tạo, hay đau buồn như vợ của những kẻ khoác loác thường thể hiện, ít ra cũng là trước đám đông. Ả cũng không tìm cách thu hút cậu, chỉ giữ khoảng cách, hai bàn tay đặt trên đầu gối, kêu gọi ấn ngón cái lên chiếc vòng ngọc đeo tay.

Pierre sợ rằng một lúc nào đó trong buổi tối, Blaizot sẽ trở lại chủ đề về tính trung thực của cậu khi mà giờ đây cậu đã gặp vợ ông ta. *Thế nào, Garnier thân mến, bây giờ cậu nghĩ gì về chiếc nhẫn? Cậu có định sử dụng để quyến rũ vợ tôi không?* Cậu hy vọng là mình có thể tìm được lời đối đáp sắc sảo. Cậu không chắc lắm.

Sau bữa tối, Blaizot chuồn đi một lát còn cả ba người họ ở lại, im lặng và ngại ngùng, không tài nào bắt đầu được một cuộc trò chuyện. Cuối cùng Carlisle đứng dậy sải bước ra vườn. Pierre và Inès vẫn ngồi đối diện nhau, chấp nhận cảm giác ngượng ngập thay vì chống lại nó, thậm chí còn tìm thấy ở đó một niềm thích thú bí mật, ẩn giấu dưới thái độ câm lặng có thể là hình thức kháng cự độc nhất, sau những lời tràng giang đại hải.

Vì có tiếng bước chân Blaizot vang lên, ả chỉ kịp tròn miệng để nói với cậu ba từ mà không khiến nét mặt bất động cũng như ánh mắt chăm chú của mình biến đổi:

“Hãy cứu tôi.”

8.

Đêm trước ngày đi Hà Nội, tôi đã nhắc đến sự dí dỏm của anh bạn chuột cống lang thang ở Sài Gòn trong lúc tìm kiếm những con phố hoang vắng và tăm tối, nơi tôi có thể bị cướp, bị đánh và bị lột sạch - và như vậy trả tôi lại với chính mình. Tôi nhớ lại cảnh nhân vật Tintin bị một kẻ đeo kiếm đuổi theo và hét lên: “Ta sẽ chỉ Đường cho ngươi! Ta sẽ chỉ Đường cho ngươi!” Có thể đó cũng là con đường của tôi chăng? Nhưng ngay cả trong những góc phố hẻo lánh nhất, tôi cũng chỉ bắt gặp những nụ cười và những gương mặt lạnh nhạt.

Trên đường Nguyễn Huệ, cạnh khách sạn Rex, tôi bước vào một sàn nhảy inh ỏi tiếng nhạc techno kiểu Á châu, tôi trả tiền cho một ly đồ uống và rồi ly thứ hai cho một cô gái có đôi mắt lạnh lùng, bó chặt mình trong chiếc jupe ngắn bằng vải giả da không hề hợp với cặp đùi trắng sữa của cô ta. Tôi bảo cô ta rất gợi tình nhưng giá quá đắt, rồi vừa bỏ đi vừa tự hỏi tại sao mình luôn cố công vô ích trở thành một chàng trai tử tế. Tôi quay trở ra phía con sông chảy bên những khách sạn lớn mới được xây dựng bằng tiền của Singapore hay Thái Lan đang in những cái bóng xấu xí, ngất quãng trên mặt sông; phía trên một chút, chỗ khúc quanh của con sông, có một con tàu chở hàng đã han gỉ hết. Từ góc này nhìn lên bầu trời, mọi thứ đều xấu xí, già nua trước khi hoàn thành.

Tôi trở lại phòng tranh và cô gái mỉm cười với tôi như với một người khách lạ. “Tôi cũng thế, tôi là một con khỉ, tôi thì thầm với chính mình, và cô có thể nhảy lên đầu tôi bao lâu tùy thích, bởi vì tôi cóc quan tâm.” Rồi tôi lịch sự hỏi xem cô có tác phẩm nào khác của họa sĩ đang trưng bày không, và cô lấy ra một cuộn tranh - chính xác là cuộn chúng tôi đã xem trước đây - và quỳ gối xuống đúng cái tư thế yêu kiều ấy. Bộ *áo dài* cô mặc có màu trái đào và thay vào chỗ con trâu là con voi, thay vào người nông dân là người đánh cá, nhưng vẫn chính là cái màn kịch mà chúng tôi đã thủ vai. Cô nói là có thứ khác cho tôi xem và đưa tôi ra phía sau cửa hàng để xem một bức tranh - bức chân dung một phụ nữ mà một nửa khuôn mặt bị che lấp, tay đeo một chiếc vòng ngọc.

“Ai thế? tôi hỏi

- Anh có thích không?

- Tôi thấy rất đẹp.

- Anh có muốn mua không?

- Tôi rất cảm ơn vì cô đã cho tôi xem bức này, nhưng tôi vẫn chưa có tiền đồng để mua.

- Dù sao thì chúng tôi cũng chỉ bán bằng tiền đô.

- Tôi xin lỗi. Tôi không có tiền đồng cũng không có tiền đô.

- Người ta nói rằng bức tranh đã ở đây từ rất lâu rồi. Đó là một bức họa cũ.

- Và là một phụ nữ đẹp.

- Sao anh biết được? Anh đâu có nhìn thấy mặt người đó.

- Ấy vậy mà bà ấy đẹp.

- Anh đi bây giờ à.

- Vâng.”

Chúng tôi dừng một lát ở cửa vào, gần đến nỗi tôi cảm nhận được cả hơi thở của cô. Trong một thế giới khác chắc tôi đã mời cô đi chơi và chắc cô sẽ đồng ý, hoặc từ chối - trong một thế giới khác, nhưng không phải thế giới này.

Còn diễn ra một việc nữa là tôi đưa tay nắm lấy tay con trai và hứa với nó rằng, buổi chiều, sau khi nó ngủ trưa dậy, chúng tôi sẽ cùng nhau đi một vòng bằng xe máy giữa dòng người qua lại và tiếng còi xe rồi đi mua hai nghìn đồng tiền hương và giấy vàng mã ở chùa Ngọc Hoàng. Cầm mấy thẻ hương trong tay, chúng tôi vái ba vái cầu xin sự che chở của một vị thiên tướng bằng những ước nguyện có lẽ sẽ không trở thành sự thật mà cứ đeo đuổi bố con tôi suốt cả cuộc đời. Chuyện ấy đã xảy ra với tôi nhưng tôi cưỡng lại và tôi nắm chặt nắm tay, nghĩ rằng chịu đựng nỗi đau đớn, hẳn tôi cũng đã cho thằng bé biết điều đó nếu ở bên.

Một đôi lần, tôi ngồi trong cửa hàng Internet và gọi một ly nước chanh. Tôi gõ địa chỉ của vợ, nhưng chỉ nhìn những bức thư đề tên cô ấy trên màn hình đã đủ kinh hãi rồi nên tôi bỏ dở không gửi nữa.

Tôi khám phá khu phố Đa Kao nơi tôi thích lai vãng hơn những chỗ khác, không xa cầu Bông, dọc theo đường Trần Quang Khải (mà trước đây gọi là đường Paul-Bert, theo như tấm bản đồ năm 1952 mà tôi có), tôi luồn lách trong các hẻm phố và cười đáp lại những cụ bà móm mém, những người mà tôi chỉ nhìn đã cười rồi, tận hưởng một ốc đảo bình yên chỉ cách chốn xô bồ có hai mươi mét. Chán thì tôi leo lên xe máy trở về nhà trọ trên đường Ngô Văn Năm rồi nghỉ ngơi ngoài vườn, đầu óc trống rỗng, một hai ba bốn năm, tôi hít vào, một hai ba bốn năm, tôi thở ra. Đường Lê Thánh Tôn khi ấy có tên là đường Tây Ban Nha và tại đó, ngay gần đại lộ Luro⁽¹⁾, chính là nơi chúng tôi từng sống. Và rồi, rốt cuộc tôi có quan tâm, tất cả những cái tên cũ lẫn mới ấy nháy nhót, chồng chéo lên nhau, nhưng không kéo tôi lại gần hơn với bố.

“Bố có dũng cảm không?” tôi đã từng hỏi mẹ trong một lần nói chuyện điện thoại rất lâu với bà.

Tôi nhận thấy bà do dự.

“Có, bố con dũng cảm, nhưng theo cách nông nổi. Có những người sẵn sàng hy sinh vì một sự nghiệp. Bố con sẵn sàng hy sinh - nhưng chẳng vì mục đích gì.”

Tôi chẳng biết nhịp thở của mình đã khác đi thế nào mà bà nhận ra rằng tôi buồn, rằng có thể bà đã đi quá xa.

“Ý mẹ không muốn nói thế, André ạ. Chỉ là vì... Rốt cuộc thì có quan trọng gì đâu. Đúng thế, tất nhiên là vậy, bố con là một người rất dũng cảm.”

Tôi trở lại hẻm Éden, ngập tràn cảm xúc khi gặp lại ông cụ mà tôi đã mua mấy quyển sách và vài tấm bản đồ hôm đầu tiên đến đây.

“Tôi đang chờ cậu, ông cụ nhấn giọng một cách đáng ngạc nhiên. Tôi muốn nói chuyện với cậu.”

Chúng tôi ngồi xuống đám ghế nhựa nhiều màu sắc có thể bắt gặp khắp nơi trên vỉa hè của thành phố này rồi ông rót cho tôi một tách trà ấm và đắng.

“Bố cậu, ông nói, tên là Pierre Garnier...”

Và thế là khi sắp sửa rời đi, tôi lại tìm thấy dấu vết đầu tiên của điều mà tôi đã định thôi không tìm kiếm nữa.

9.

Tự chọn cho mình mỗi tình bất khả làm mỗi tình đầu là một dấu hiệu của cá tính. Pierre nằm duỗi dài và thả lỏng cả trí óc lẫn cơ thể ngay trước khi gặp lại Inès Blaizot.

Cái câu “Hãy cứu tôi” của ả đã khiến cậu bị mê hoặc, không biết ả chọn cậu do tuyệt vọng hay do linh cảm chắc chắn vào thứ gắn kết ả với chàng trai trẻ gầy gò có đôi mắt sáng này? Cậu tự thuyết phục mình rằng ngay từ giây phút đầu tiên số phận của họ đã gắn kết với nhau, nhưng nếu không có chiếc phao ả ném cho cậu, ghé vào vòng tay cậu, thì có lẽ cậu sẽ chỉ mang nặng một mối ưu tư vô cớ khi từ nhà Blaizot ra về.

Đêm tiếp sau đó, tâm trí cậu bị hình ảnh ả choán hết và vài giờ đồng hồ cậu ghé lại Sài Gòn trước khi lên đường đi chiến dịch là cả một cuộc săn lùng và cậu cứ ngoái nhìn, không ngừng nhìn chòng chọc vào mỗi phụ nữ mình bắt gặp và giật nảy mình ở mỗi góc phố. Cậu suy nghĩ thì ngã ngựa vì một “bao diêm” và, ở góc đại lộ Bonard, cậu vô tình đá phải vỡ một khay đĩa làm chúng lăn lông lốc trên mặt đường, giữa đám trẻ và mấy con gà trống, gây ra cảnh hoảng loạn trước khi cho một tờ tiền hậu hĩnh làm trò chơi bỗng dừng chứng lại. Tikhomirov liếc xéo quan sát cậu.

“Tớ chẳng biết mình làm sao nữa,” Pierre lúng búng.

Họ đi về hướng Đức Hòa, vào buổi chiều, giờ giấc hơi bất thường nhưng việc khởi hành được thông báo vào phút chót. Người ta bắt đầu nhận ra rằng Việt Minh nắm được thông tin di chuyển của quân Pháp một cách khá dễ dàng.

Đoàn quân tập trung trên đường Chasseloup-Laubat⁽¹⁾ rồi đi xuyên qua Chợ Lớn. “Nói lỏng gong kìm”, đó là mệnh lệnh liên tu bất tận của chủ tướng và sau mỗi chiến công, khi người ta hình dung là có thể thở phào, thì gong kìm lại siết chặt thêm ở đâu đó, làm người ta có cảm giác có một bàn tay nào đó lúc gần lúc xa mà không bao giờ nhìn thấy được cánh tay điều khiển. Đã có nhiều từ ngữ diễn tả điều đó: “đểu cáng”, “hèn nhát”, “đến cái dũng khí chiến đấu trực diện cũng không có”, “không đáng mặt nam nhi”. Người Pháp ghét cái cảm giác chiến đấu với bóng tối như vậy.

Suốt cả buổi sáng, Tikho không rời bước khỏi Pierre, một sự hiện diện che chở với nụ cười hiền như Bụt. Cuối cùng họ ngồi vào một quán ăn úi xùi và nuốt vội một bát cháo cùng với một ly bia không lạnh.

“Thế nào? Pierre hỏi

- Thế nào?” Tikho đáp lại.

Họ cùng cười. Trò chơi hỏi nhau “Thế nào?” đã trở thành miếng trầu khởi đầu mỗi câu chuyện của họ, một nghi thức riêng giúp họ tránh được phần thủ tục còn lại.

“Ờ thì, Pierre tiếp lời, tớ đang yêu.”

Cậu vẩy vẩy bàn tay trái như khi người ta bị nện một búa vào móng tay. Tikho vẫn không hỏi gì, chỉ cười một mình.

“Cậu không hỏi gì tớ à?”

- Cậu không kể gì với tớ à?”

Pierre trút một tiếng thở dài. Cậu kể cho anh bạn liền một hơi - Blaizot, tòa biệt thự, hãy cứu tôi.

“Cậu nghĩ sao?”

- Tớ nghĩ là cậu đang ở giữa một đồng phân. Nhưng đó là phân của cậu, không ai giúp gì được.”

Pierre hơi thất vọng nhưng ban đầu chưa dám nói gì. Dầu vậy, cuối cùng thì họ cũng thổ lộ tâm tình với nhau rồi: người kia chẳng có gì để nói. Anh ta không thể hỏi thêm chi tiết, để người kia có thể miêu tả kỹ thêm một chút, nói ra cái tên đẹp đẻ của cô nàng hay sao? Tikho gọi thêm bia. Từ trong bếp tỏa ra thứ mùi chua loét, nhưng bia vẫn ngon tuyệt, vừa lẫn mùi sả, mùi gừng và không thể thiếu được mùi *nước mắm*.

“Tớ biết cô ả và tớ biết những người này, cuối cùng Tikho nói. Nhưng việc đó chẳng ích gì khi tớ nói cho cậu biết họ thực sự là ai và việc mà cậu phải làm, cậu sẽ không nghe lời tớ đâu.”

Vẫn là cái vỏ bọc lãnh đạm thường ngày của anh ta: để chọc cho Pierre nổi cơn thịnh nộ.

“Không phải là tớ không quan tâm đến việc xảy ra với cậu. Thậm chí còn hoàn toàn ngược lại. Cậu chắc chắn là người duy nhất mà tớ yêu mến ở đây.”

Pierre ngạc nhiên. Cậu không chắc là mình hiểu điều Tikho muốn nói. Làm thế nào để coi như là có phản ứng lại?

“Cậu có thể nói chuyện với tớ, Tikho tiếp tục, về chiến tranh và hòa bình, về điều thiện và điều ác - tớ có quan tâm. Người ta muốn tớ tin à? Vậy thì tớ nói là tớ tin. Người ta để tớ yên à? Thế thì tớ im miệng. Ủi chà, thường là im miệng tốt hơn.”

Đó chính là triết lý hoàn thiện nhất về cuộc sống mà Tikho từng bày tỏ.

“Cậu đang cố nói với tớ điều gì vậy?”

- Tớ đã nói với cậu điều tớ phải nói. Bây giờ cậu có thể quên hết những điều ấy đi và làm những gì cậu muốn.”

Anh bạn không hề thay đổi giọng điệu nhưng câu nói cuối cùng đánh lại. Pierre tìm chỗ náu trong lớp bột bia. Như thế là bất công, đương nhiên là thế, nhưng cậu đang chẳng có tâm trạng chịu đựng những diễn biến tâm lý hay tình cảm của Tikho. Cậu thậm chí còn thấy cái ý nghĩ ấy khá ghê tởm.

“Tớ thậm chí có thể cho cậu biết tìm cô ả ở đâu, nếu đó là điều cậu đang tìm kiếm.”

Pierre dò xét anh ta với vẻ kinh ngạc, rồi cười sung sướng.

“Một cửa hàng bán tranh, đường Lagrandière, ngay sau bệnh viện Grall. Cô ả có khách đến ngồi làm mẫu vẽ chân dung gia đình và cô ả yêu cầu vẽ cho họ. Có vẻ như cô ả bán cũng không ít tiền. Thỉnh thoảng cô ả ghé qua chỗ đó. Nếu không, cậu chỉ việc kiên trì và làm sao để cha Blaizot lại mời cậu tới nhà chơi.”

Pierre xem đồng hồ. Vẫn còn một tiếng nữa mới đến giờ khởi hành. Cậu vụt đứng dậy.

“Có thể cậu sẽ quan tâm đến việc biết cô ả làm gì trước khi lấy ông ta?”

Sau này, cậu nhớ lại biểu hiện của Tikho lúc ấy, cái đầu cúi xuống, đôi mắt màu xám hơi lờ, vàng trán hằn nếp - hay có thể do chính cậu tạo nên ký ức này bởi vì đó là lần cuối cùng cậu gặp anh ta.

“Tớ chẳng biết. Không phải điều ấy làm tớ say mê, nhưng...”

Pierre cảm thấy một mối đe dọa lơ lửng trong không trung.

“Một con điểm, ả từng là điểm.”

Cửa hiệu có tên là “Nam Phong” và ả trưng bày chân dung các thiếu nữ mặc jupe xếp ly cùng các cậu thanh niên mặc áo vest màu, thắt cà vạt, chân dung đại gia đình quây quanh lò sưởi hoặc chiếc đồng hồ công toa: đó là hình ảnh một gia đình Pháp thực sự ở nước Pháp mà những kẻ thực dân hình dung. Đây đó thấp thoáng những đường nét phương Đông: một tấm bình phong, một chiếc quạt giấy, bóng dáng một vú nuôi người Hoa hay Bắc Kỳ, làm cảnh nền của bức chân dung đô đốc, chiến thuyền *Catinat*, một khay xoài và ổi... Giữa tất cả những hình gia

đình tướng tượng cùng những phong cảnh ảo tưởng yên bình nổi bật lên một nhân vật oai vệ, một phụ nữ dáng dấp cao đến gần ba mét, mặc một chiếc măng tô vàng có điểm hoa, khuôn mặt bị che khuất dưới một nếp gấp, để lộ phía trước một bàn tay nhỏ bé cùng những ngón tay co quắp trên nền vải.

“Anh có thích không?”

Inès vén tấm ri đô và tiến lại gần cậu. Cậu cảm thấy hơi ấm của cơ thể ả rất gần với mình.

“Chính là cô, có phải không?”

- Điều gì khiến anh nói thế?

- Tôi không biết. Điều ấy quan trọng sao? Inès, chưa đầy một giờ nữa tôi sẽ khởi hành và tôi...

- Và anh muốn gặp tôi, ả nói cụt lủn, gần như lạnh lùng. Tại sao thế?”

Cậu nhận thấy làn da ả không mịn màng và quanh hốc mắt to chằng chịt những vết chân chim. ả đặt một ngón tay lên bàn tay cậu.

“Bởi vì tôi đã đề nghị anh. Anh nhớ không? Tôi đã nói với anh: ‘Hãy cứu tôi’. Đầu tiên, hãy cho tôi biết sao anh biết đó chính là tôi.”

Cậu chỉ bàn tay, chiếc vòng ngọc.

“Là do bàn tay tôi à?”

- Không hẳn. Hôm ấy cô muốn nói gì vậy?

- Rằng tôi bất hạnh, và rằng tôi đang chờ đợi một hiệp sĩ dũng cảm đến từ Vùng đất phương Tây để đưa tôi đi thật xa... Tôi xin lỗi, Pierre, đúng thật là buổi tối hôm đó tôi đã... hãy gọi đó là cảm giác bị bỏ rơi, chồng tôi đã không hề nhã nhặn...

- Không nhã nhặn ư? Ông ta là kẻ bỉ ổi!

- Bỉ ổi, nếu anh muốn. Có nói sao thì chồng tôi cũng bỉ ổi. Ở anh có điều gì đó dịu dàng, trầm tư, quyến rũ - tất cả những phẩm chất ấy tôi không mấy khi gặp được ở đây. Tôi đã để mình bị cuốn đi. Hãy tha lỗi cho tôi.

- Tha lỗi cho cô ư? Tôi có gì để tha lỗi cho cô? Cô chờ đợi gì ở tôi? Hãy nói lại cho tôi biết, tôi xin cô đấy.

- Tôi đã nói với anh điều đó rồi: tôi mong anh sẽ mang tôi đi trên con bạch mã của anh.

- Và nếu như tôi lập tức chấp nhận lời đề nghị của cô thì sao?”

Ả cười.

“Có lẽ chúng ta sẽ lo lắng lắm, cả anh và tôi. Nhất là anh. Anh sẽ phát hiện ra rằng ông chồng bỉ ổi của tôi có tính sở hữu rất kinh khủng. Tại sao anh lại thích bức chân dung?”

- Chính là cô rồi, chính xác là vậy.

- Có nét giống với một phụ nữ không nhìn thấy mặt ư? Có vẻ như tôi đang được tán tỉnh nhỉ?

- Chẳng cần phải thấy khuôn mặt thì mới cảm nhận được sự hiện diện.

- Tôi đã nói rõ rồi: một hiệp sĩ, cùng một nhà thơ trữ tình phương Nam.”

Đôi lúc, ả đưa tay sửa lại búi tóc trên mái đầu đen, kẹp lại tóc từ chỗ này sang chỗ khác hoặc cài lại chiếc lược. Ánh mắt Pierre lướt qua bóng cánh tay tròn trịa của ả.

“Cô tiễn tôi đến phố Chasseloup-Laubat nhé?”

- Có gì đáng xem ở đó à?

- Một đoàn quân tháp tùng.

- Anh đùa đấy à?

- Đi nào.

- Nếu anh hứa là sẽ không tìm cách cứu tôi.

- Tôi chẳng hứa gì với cô cả.

- Pierre, ả kiên nhẫn nói tiếp, ở thuộc địa, cho dù ở đó người ta có mặc lại màu xanh Leclerc, cũng chẳng ai đến tiễn một cậu lính trẻ đi gia nhập một đoàn quân thập tửng khi đã kết hôn với một trong mười người đàn ông quyền lực nhất thành phố - và thêm nữa lại còn là một kẻ đều cắng bỉ ổi. Trừ phi người ta muốn chết. Và điều này thì...

- Cô chỉ việc coi tôi là cháu trai hay con đỡ đầu. Tôi sẽ tìm được nhân chứng..."

Ả không để ý đến lời nói đùa gượng ép của cậu.

"Tôi không muốn vượt quá giới hạn.

- Hãy đi cùng tôi đến chỗ góc phố. Tôi sẽ để cô lại đó, tôi hứa.

- Không kêu la đúng không? Không gây rắc rối?"

Cậu hứa. Khi đi ra, họ băng qua khu chợ nhỏ, một trong nhiều khu chợ đã bị giải tán hơn tháng trước đó và mới được họp lại nhưng cũng sẽ lại biến mất nếu mọi việc xấu đi.

"Anh có biết trái sầu riêng không?"

Cậu lắc đầu ra ý phủ nhận. Bằng một câu ngắn gọn: ả với lấy một trái với vẻ không mấy chú tâm, bảo bố ra cho cậu. Cậu ngửi rồi nhăn mặt.

"Nặng mùi quá.

- Nếu không thích những biểu tượng của cái xứ này, anh sẽ chẳng bao giờ hiểu được điều gì hết. Chúng có tính hai mặt giống như con người vậy, đó là đặc tính của chúng, cần phải hiểu: cây sen mọc lên từ bùn nhưng không có gì tinh khiết hơn hoa của nó, hoa sen được một cô gái duyên dáng bán ngoài chợ, nhưng cô gái ấy lại sống trong một túp lều tranh tồi tàn và ngủ trên manh chiếu trải thẳng xuống đất. Còn nói về trái sầu riêng, nó có mùi kinh khủng, nhưng...

- Nhưng sao?

- Hãy nếm thử xem."

Pierre cắn một miếng vỏ ngập ngừng. Nhai rồi mỉm cười.

"Ngon thật.

- Ngon ư? Anh đùa đấy à. Chẳng gì sánh được với vị ngon từ múi thịt sầu riêng. Đây là loại trái cây yêu thích của dân An Nam."

Bài học về văn hóa Đông Dương của ả thú vị hơn nhiều so với những bài rao giảng của ông chồng.

Họ tránh đi đường Paul-Blanchy mà đi sâu về phía vườn thuộc địa. ả đi sát vào cậu và thỉnh thoảng cánh tay sượt qua tay cậu. Hơi thở gấp gáp, cậu quên mất việc mình bị muợn, chỉ còn nhớ mỗi việc lạ lùng này: góc phố đã đi qua từ lâu rồi, nhưng ả vẫn còn ở đó cùng cậu.

Người ta không có thời gian và kinh phí để thả thú lại sở thú, vườn thú này cũng vậy, đó cũng là nạn nhân của cuộc đảo chính Nhật. Ngay chính chỗ này, thỉnh thoảng, người ta lại nghe tiếng hú của lũ khỉ. Một người thợ làm vườn đang chậm rãi xới đất trong một chậu hoa to đã trở nên rậm rạp. Chỗ vòm hàng rào nhìn ra kênh Avalanche, một chú voi mệt mỏi bên vũng nước quạt quạt đôi tai một cách uể oải để đuổi ruồi. Một nhóm nữ sinh mặc jupe màu xanh lam và sơ mi trắng chạy ngang qua.

Họ hôn nhau lần đầu tiên giữa những tiếng hú của lũ khỉ.

Tất cả những gì tiếp theo - cuộc chạy gấp rút để về hội quân, chiến dịch ở Đức Hòa và tin về cái chết của Tikhomirov lúc cậu trở về, hẻm Éden - tất cả đều mang vị mặn của nụ hôn này, của hạt cườm tròn trên lưỡi ả khi ả thôi không hôn cậu nữa và để cậu muốn làm gì tùy thích, cùng cơ thể phó mặc, hứa hẹn tất cả những gì mà trước đây ả đã từ chối bằng lời nói.

10.

“Tôi sinh ra ở đây, ông cụ nói, trong cái hẻm mà giờ đây rạp chiếu bóng đã biến mất, những cửa hàng cũ đã lần lượt đóng cửa và chỉ còn kỷ niệm duy nhất là mùi nước tiểu. Nhưng tất cả sẽ sớm được dọn sạch thôi: người ta sẽ bán đồ trang sức, bán bánh hamburger. Tôi thì sẽ không còn ở đây nữa, dù sao tôi cũng ốm yếu rồi. Chúng ta hiểu nhau mà, phải thế không?”

Tôi lúng búng nói vâng mà không hề hiểu ông muốn nói gì.

“Khi thấy cậu đến đây, tôi đã có một giây phút sợ hãi trong khi suốt đời mình hiếm khi tôi có cảm giác ấy. Tôi đã trải qua mọi chuyện, có cả những chuyện mà người ta không muốn kể lại, nhưng tôi chưa bao giờ đối diện với một *bóng ma*, xuyên qua thời gian để đòi nợ. Cậu có cái dáng vẻ vô định ấy, cái vẻ bất an và cái niềm tin ấy - và cậu nhìn về phía hẻm Éden như thể đang tìm kiếm một điều gì đó. Còn tôi Nguyễn Văn Khiêm, tôi biết cậu tìm kiếm điều gì. Việc ấy khiến tôi run rẩy, nhưng tôi đã biết là đến một lúc nào đó tôi sẽ phải tiết lộ điều đó. Thời điểm ấy là bây giờ đây: thế đấy.

“Nhưng trước khi cho cậu biết tại sao, tôi phải cho cậu biết tôi là ai. Bố tôi đã kiên trì bắt tôi học tiếng Pháp cho dù ông là người dân tộc chủ nghĩa cực đoan. Tôi học ở trường Petrus Ký⁽¹⁾ cho đến ngày một cuộc nổi dậy chiếm lĩnh con người tôi: những anh em tốt bụng trả lại những chiếc quần dài bị bắt phải mặc còn tôi, tôi lại quá ngoan ngoãn, tôi muốn giữ lại những chiếc quần cộc, nhìn chung vẫn muốn là một đứa trẻ con. Họ đã cố gắng nài nỉ nhưng tôi vẫn cứng đầu nổi loạn đến nỗi bị chuyển trường: và thế là tôi ở với những người anh em khác, tại trường Taberd⁽²⁾. Yêu sách cứng nhắc của họ lại có vẻ gì đó đáng khâm phục. Chúng tôi tôn trọng điều ấy. Đó là thời kỳ mà, để kích động tinh thần chống Nhật, người Pháp tưởng là tốt khi đưa vào chương trình giảng dạy trung học những giai đoạn xưa cũ trong lịch sử đất nước chúng tôi để ca ngợi - một cách an toàn, họ nghĩ vậy - niềm tự hào dân tộc và giúp chúng tôi đoàn kết đối mặt với quân xâm lược. Trong chương trình học của chúng tôi, các nhân vật lịch sử song hành với nhau: Vercingétorix⁽³⁾ và Hai Bà Trưng, Duguesclin⁽⁴⁾ và Trần Hưng Đạo, Louis XIV và Lý Thái Tổ. Đương nhiên, bản sắc dân tộc của chúng tôi ngày càng kín đáo hơn khi chúng tôi tiến đến giai đoạn hiện đại và những anh hùng mà người ta vẫn rĩ tai với nhau, tất cả những người ấy đều đã bị cầm tù, đi đày, bị quân Pháp ám sát. Bố tôi cùng quê với Phan Bội Châu, cha đẻ của chủ nghĩa dân tộc hiện đại. Người ta nói với các cậu về Hồ Chí Minh nhưng người khai sinh ra tất cả, lại chính là ông ấy. Hãy tin tôi đi, người Pháp không nhầm khi truy nã ông ấy bằng mọi giá đâu. Tuy nhiên, số phận của dân tộc tôi sẽ thế nào nếu nghe lời ông? Tôi vẫn còn nhớ lời kêu gọi tuyệt hay của ông: ‘Gà trống kia! Hãy thức dậy và gáy vang! Đừng để một buổi bình minh thức dậy mà không chiến đấu vì tự do của chính mình! Gà trống kia!’ Gà trống Việt chống lại gà trống Gô Loa, phải không? Tôi thi đỗ tú tài năm 1945, tôi vẫn còn nhớ đề bài môn triết học: ‘Bergson và thuyết tiến hóa sáng tạo’. Nó thậm chí còn chẳng có trong chương trình nhưng tôi đã đạt điểm giỏi.”

Một tia hãnh diện thoáng qua mắt ông cụ và tôi cảm thấy thương hại ông.

“Bác được bao nhiêu điểm?”

- Mười tám. ‘Bergson và thuyết tiến hóa sáng tạo’! Mà cứ nghĩ xem nó thậm chí còn không có trong chương trình!”

Tôi mím môi gật gù tán dương. Ông cười nhếch mép để kiểm tra xem có đúng là tôi đánh giá cao rồi mới nói tiếp.

“Bố tôi mất do bệnh tim. Mẹ tôi có nghị lực, rất nhiều, nhưng cần phải làm việc, kiếm tiền để nuôi chúng tôi. Bố tôi là một viên chức nhỏ thật thà. Tôi còn nhớ cái câu ông nói với tôi không lâu trước khi mất, lúc mà chúng tôi đã thấy làn da nhăn nhúm trên má ông như một tấm giấy da cũ: ‘Không thỏa hiệp! Không bao giờ!’ Ông có lòng nhiệt huyết của một nhà cách mạng, niềm tin, yêu sách cứng rắn - chứng tỏ những phẩm chất này không chỉ có ở những người nhà

Robespierre⁽⁵⁾ mà còn có ở ngay trong những con người bình dị: nhưng phải nói rằng những phẩm chất ấy đã bị chôn vùi, bị coi thường, bị chà đạp suốt cả cuộc đời ông mà chỉ đến khi cận kề với cái chết ông mới biểu lộ chúng mạnh mẽ hết sức. Khi ông đột ngột qua đời, chúng tôi chẳng có gì trong tay. 'Không thỏa hiệp! Không bao giờ!' Tôi bắt đầu làm việc với người Pháp mà trong lòng cảm thấy hổ thẹn nhưng mẹ và chị tôi còn đói hơn cả nỗi xấu hổ của tôi. Tôi vẫn nhớ bà chủ của mình, vợ một sĩ quan Trung đoàn Bộ binh Thuộc địa số 11, một người tính khí gắt gỏng thường sai tôi đi chợ và gọi tôi là thằng nhóc da đen: 'mày hãy bày cách đưa bà chủ đến cửa hàng giày phố Filippini⁽⁶⁾,' rồi bà nói thêm: 'như trước ấy, Kim (không phải vì bà không nói được tên tôi - Khiêm - mà vì bà chưa thêm thử gọi lần nào), như trước ấy, bởi vì tất cả sẽ trở lại như trước và tất cả chúng ta sẽ hạnh phúc.' Tôi cho là bà ta ngốc nghếch, nhưng những người đầu óc trì độn đôi khi lại có trực giác rất kinh khủng và vì vậy khi nhìn thấy nét mặt nhọc đáng thương của tôi, bà còn tìm cách bồi thêm vài câu ác độc. Như trước ấy! Chao ôi, tôi còn nghe thấy những từ này vang vọng khắp những đường phố hoang vắng và ảm thấp.

"Các cậu, những người Pháp, chắc chắn muốn tin là người ta luyện tiếc các cậu, các cậu mơ về 'thời thuộc địa tốt đẹp xưa kia' - mà tôi không giống những người miền Bắc, cười với cậu nhưng lại nói ngược với điều họ nghĩ. Vì tôi nói tiếng Pháp, nên mười năm nay, rất nhiều người Pháp đã tươi cười nói chuyện với tôi và tôi cũng vui vẻ nói chuyện với họ, vì ở đây, rồi các ông già bà lão cũng sẽ nói với cậu như vậy thôi, bao nhiêu năm nay chúng tôi luyện nhớ âm thanh thứ tiếng nước cậu. Đúng vậy, ngôn ngữ nước cậu - chứ không phải ngôn ngữ của các 'ông Tây bà đầm' - ngôn ngữ của Victor Hugo hay của Jacques Prévert, hoặc Aragon! ngôn ngữ nước cậu, đúng vậy, chứ không phải thói kiêu căng, miệt thị, sự ngu dốt của các cậu! Ngay cả bây giờ, đôi khi tôi vẫn đoán ra thái độ kiêu căng xưa kia. Nó vẫn không thay đổi. Nó chẳng hề biết lắng nghe. Viện cớ chúng tôi phải thận trọng, nó cư xử tàn nhẫn với chúng tôi bằng các yêu sách; viện cớ hiệu quả nó áp đặt các quy tắc cho chúng tôi. Đương nhiên, đất nước tôi khiến tôi phần nộ nhưng đó là đất nước của tôi... Dù tôi có ghét bỏ thì những người ngoại quốc vẫn phải kính trọng, họ phải hiểu rõ điều gì đã giúp chúng tôi sống hay khiến chúng tôi chết, điều gì khiến chúng tôi sợ hãi, trước khi đánh giá rằng chúng tôi lười nhác, kiêu ngạo và gọi chúng tôi bằng đủ thứ tên trên trời dưới biển khác."

Giọng của người đàn ông thấp bé yếu ớt lên cao chót vót và run lên vì một cơn giận dữ đáng cảm động không nhằm vào ai - và dù thế nào cũng không nhằm vào tôi.

"Cậu tha lỗi cho tôi. Cậu làm ơn rót cho tôi chút nước trà."

Ông đỡ lấy tách trà với bàn tay lập cập. Ông nhấp môi và mở miệng mấp máy môi ba bốn lần. Rồi nhấp môi trong thứ chất lỏng màu đen đắng ngắt.

"Bố cậu đến vào tháng Chín năm 1945, cùng với những người Pháp đầu tiên, những người được gọi là 'người Pháp mới' và họ chỉ có thời gian đổ bộ rồi ngược lên phố Catinat đến Nhà thờ lớn. Tháng Mười một năm ấy, một người bạn bảo tôi rằng người Pháp đang kiếm một người trông coi văn phòng, ở hẻm Éden. Công việc là mở cổng sắt vào buổi sáng và buổi tối, làm bảo vệ, làm chân chạy vặt từ văn phòng tới nhà in, rồi việc trà nước cho các khách ghé qua và cho cô Thiệp, thư ký ở đó. Phải biết nói tiếng Pháp, tất nhiên là thế, và là người 'nhanh nhẹn và kín đáo' như cậu bạn tôi nói rõ thêm. Tôi không hỏi xem đó là báo gì, tôi có cảm giác đây chỉ là một công việc tạm thời, hoàn toàn không có ý gì đâu. Dù sao cũng có một quy tắc sống như thế này, đừng bao giờ hỏi điều mà bạn không muốn biết, phải thế không?"

"Tôi quý bố cậu ngay lập tức. Ông ấy là người Pháp đầu tiên coi tôi là con người chứ không phải *thằng nhóc* mà người ta vuốt ve như một con cún dễ thương, hay một thằng bời mà người ta có thể la mắng om sòm, hay một gã sinh viên cần phải dè chừng vì mái tóc ngắn, điều này biểu lộ rõ ý chí giải phóng vô cùng mạnh mẽ. Ông ấy không mấy khi nói chuyện với tôi, ông ấy cũng không cố gắng - và đó chính là điều mà tôi rất thích, việc ông ấy không gượng ép. Ông ấy lúc nào cũng đôn đáo chạy khắp nơi nhưng những lúc ít ỏi dành cho tôi thì luôn chân thành và không vòng vo. 'Xin chào,' đó là lời chào còn nếu ông ấy hỏi xem tôi có khỏe không, thì tức là ông ấy đang chờ tôi trả lời. Chính nhờ ông ấy mà tôi khám phá ra các phép lịch sự của Pháp: cả cách lịch sự không cần thiết để đưa ra yêu cầu một cách lịch lãm. Tôi không học được những

chi tiết này từ đám ‘ông Tây bà đầm’. Tôi rất hay quan sát bố cậu mà không để ông ấy biết, những cử chỉ, cách ông giận dữ, cách ông hỏi han. Cái người kia thì không giống vậy. Ông ta tên là Tikhomirov: ông ta biết nói một chút tiếng Việt và không phải một kẻ thực dân tầm thường. Đúng hơn là một người ‘Pháp sống lâu ở châu Á’, sau này một tiểu thuyết gia nổi tiếng nước cậu đã nói vậy (tôi nói với cậu nhé, sống ở cái hẻm này, khi mà mỗi ngày chỉ bán vài ba quyển sách, thì ta có thời gian để đọc tất cả những gì không bán được), tay Hougron nào đó, cậu biết không? một người da trắng nhỏ bé đã hiểu ra mọi điều khi chấp nhận hạ mình. Những người gốc Á, theo ông là những người da trắng thậm chí còn đậm chất Pháp hơn cả những người Pháp ở Pháp nhưng lại không thể trở lại cố hương. Năm tới, khi họ có thể có trong tay trăm nghìn đồng bạc, thì đó vẫn luôn là ngày mai và ngày mai không bao giờ đến. Họ sống trong cái huyền tưởng rằng nơi đây là ‘nhà của họ’, họ nói với chúng tôi về ‘tâm hồn An Nam’, mà ý niệm về nó chỉ giới hạn ở chị bếp nhà họ. Có thể tôi hơi khắt khe trong chủ đề này - nhưng thời ấy, tôi thấy thể chẳng khác gì cái thể loại đều cang vô cảm.

“Thiếp thì là một cô gái buồn cười. Tôi không biết ai đã kiếm đâu ra cô ta, nhưng với cái búi tóc và đôi môi cắn chỉ, cô ta có cái vẻ của một cô gái Việt chỉ suốt ngày đứng trước gương bắt chước bà chủ người Pháp măm môi và nói năng kiêu căng khó chịu càng tốt. Thậm chí cô ta còn nói với tôi bằng tiếng Pháp khi có mặt những người khác. Phải khi nào chắc chắn không có ai có thể nghe thấy thì cô ta mới nói với tôi bằng tiếng Việt, một thứ tiếng Việt thực sự tồi tệ ‘như người Pháp nói tiếng Việt’. Cô ta khiến tôi cười, nói cho cậu biết nhé, tôi không tài nào xem trọng cô ta được, vậy nên cho dù cô ta có cố gắng đến mấy, tôi cũng không ghét cô ta được.

“Tôi ở hẻm Éden được vài tuần thì nhận được một lá thư. Tôi hủy ngay đi nhưng đã thuộc lòng ngay lập tức. Nội dung như sau:

Ban ám sát Sài Gòn Chợ Lớn

Ngày 12 tháng Mười hai năm 1945

Nguyễn Văn Khiêm,

Bố anh đã phục vụ cho thực dân Pháp và đã chết trước khi bị trừng phạt. Anh tiếp bước ông ta nhưng lòng khoan dung vô hạn sẽ không dành cho anh nếu anh không hoàn lương, anh sẽ bị thủ tiêu theo các cách sau: 1. Bằng dao. 2. Bằng súng. 3. Đầu độc, hay bằng bất kỳ cách nào khác mà một dân tộc nổi giận có thể sử dụng chống lại anh. Vẫn còn một cơ hội để anh không bị cái nhãn nhục nhã Việt gian đeo ở mắt cá chân, đó là làm theo những gì sắp được yêu cầu. Trong khi chờ cơ may này, nó chỉ đến với anh duy nhất một lần, hãy nghĩ đến cái chết của mình mỗi sáng. Nó sẽ đến với anh sớm hơn anh nghĩ.

“Những lá thư kiểu thế này, có tới hàng trăm người trong chúng tôi nhận được, những vụ ám sát như đã cảnh báo, rất nhiều người đã bị hành quyết trong những tháng ngày ấy. Tóm lại, tôi vẫn chờ đợi ‘lời nhắn’ đã được hứa hẹn với hy vọng và cả e sợ, tự nhủ rằng nếu nó không đến nhanh thì cái chết sẽ đến trước, nhưng tôi ngờ rằng sau lời cảnh báo như vậy, người ta sẽ không đơn giản là chỉ yêu cầu tôi để một gói hàng ở Gia Định, lối vào Lăng Ông. Nó xảy đến rất nhanh, vào một tối nọ, lúc tôi đóng cổng. Khi tôi đi qua rạp chiếu phim, một người đàn ông nắm lấy cánh tay tôi về thân thiện rồi cả hai chúng tôi cùng bước vào rạp. Tôi vẫn nhớ nội dung bộ phim ấy, dù đã quên tên phim: nó kể câu chuyện về một phụ nữ bị biến thành hổ và không thể ngăn mình hủy hoại những người đàn ông mà cô ta yêu thương, do một lời nguyền xưa cũ. Trong khi cô Simon chống chọi với quỷ dữ trong con người mình, tôi đã phải nghe những điều mà mình không hề muốn nghe. Ôi! hãy tin tôi, tôi thà đổi vai còn hơn, nhưng không có cách nào thoát ra được. Vừa theo dõi bộ phim cho đến tận cuối vừa làm những gì phải làm.

“Ngày hôm sau, tôi thức dậy với ý nghĩ rằng đây là ngày cuối cùng của cuộc đời mình. Cả ngày tôi sống với cảm giác này. Những lời cầu khẩn đức Phật Quán Thế Âm, đáng cứu thế, đức Phật nhân từ, vẫn không an ủi tôi được chút nào. Tôi nghĩ lại những từ ngữ trong bức thư ‘bất kỳ cách nào khác mà một dân tộc có thể sử dụng chống lại anh’. Nếu người ta, bởi sự độc ác mà người phương Tây đã sẵn lòng dành cho người da vàng, lại quyết định cài bẫy để thanh toán

tôi một cách dã man hơn thì sao? Tôi chưa bao giờ nghi ngờ điều đó vì tôi chưa bao giờ được chọn lựa. Yêu cầu đối với tôi đã rất cụ thể và tình huống mà tôi đang lâm vào cũng chẳng cho tôi lựa chọn nào. Tự do ý chí: hư không; một mắt xích.

“Tôi đến. Con hẻm vắng tanh, cô Thụy Anh còn có tên khác là Rosine đóng cửa hiệu may vá và sửa chữa quần áo, còn Trường thì đóng cửa hàng bán đồ quý hiếm, và tôi nghe tiếng người bán sách già đóng cánh cửa gỗ của hiệu sách. Tất cả bỗng nhiên im ắng: nếu là một ngày khác thì có lẽ tôi sẽ ngồi vào ghế, trước cánh cổng đóng kín, một cuốn sách trên tay.

“Nhưng buổi tối hôm đó, không thể nào đọc được. Tôi quan sát từ đầu này đến đầu kia con hẻm. Tất nhiên là tôi chẳng trông thấy ai nhưng tôi biết đang có hàng chục con mắt rình mò tôi và những người lãnh đạo cộng sản miền Nam, Trần Văn Giàu và Nguyễn Bình đích thân theo tôi để xác định xem tôi là một người Việt Nam hay một kẻ phản bội tầm thường. Tôi bị quan sát, bị tìm hiểu, dò xét: không một cử động nào của cơ thể, con tim, tâm hồn tôi có thể thoát được. Tôi thuộc về họ.

“Cái cảm giác mà tôi tưởng chỉ giới hạn trong ngày hôm ấy, cái ngày cuối cùng ấy, ngược lại đã xâm nhập cuộc sống của tôi rồi không rời đi nữa, và thậm chí ngay cả lúc này, khi tôi đang nói chuyện với cậu, tôi vẫn tự hỏi liệu người ta có đang quan sát tôi không và liệu người đàn ông ở rạp chiếu bóng có đến tính sổ tôi vì những gì tôi đã kể cho cậu trong thời gian lâu đến vậy.

“Tôi đã kể với cậu là tôi không thể đọc được gì. Vì vậy tôi làm những gì mà người ta yêu cầu, theo trình tự được yêu cầu: tôi lấy xe đạp và đến Đa Kao, tôi giấu xe trong một con hẻm rồi đi bộ đến chỗ bố cậu và Tikhomirov thuê ở - đến những mét đường cuối cùng, tôi đã hy vọng đó không phải là bố cậu, mà là người kia, nhưng tôi biết nếu đó là bố cậu thì tôi cũng chẳng làm gì được, tôi không thể đi chệch một ly ra khỏi quỹ đạo, tôi phải đưa chính xác cái thông điệp ấy cho ông: ‘Có một tai nạn, ở hẻm Éden: anh cần phải đến đó ngay.’

“Tôi thậm chí không được phép lưỡng lự và ngắc ngứ trong giọng nói, tôi phải giữ được vẻ nhút nhát ngày thường, phải là gã Khiêm mà họ vẫn biết, nhưng lại hoảng hốt, cần họ giúp trước một tình huống mà tôi không hiểu được. Ý nghĩ ấy thật ghê tởm nhưng tôi biết chính xác mình phải làm thế nào - tôi đã nói với cậu rằng tôi là một mắt xích nhưng là một mắt xích thông minh và nhạy bén, một mắt xích có lý trí. À, à đúng thế, người ta chẳng phải ngẫu nhiên đã đích thân chọn tôi! Điều đó cũng không ngăn tôi khỏi cơn run rẩy khi bước lại gần con hẻm, trên phố Paul-Bert, nhẹ nhàng tiến vào giữa hàng cây cao lớn. Chỉ một điều duy nhất đã có thể khiến tôi bị lộ, đó là khoảnh khắc tôi vui mừng khi bà chủ nhà ngồi trước cửa ăn phở (đó là một phụ nữ gốc Bắc) chỉ cho tôi Tikhomirov đang một mình hút thuốc với cốc bia trước mặt. Bia Larue, bia giết người: chưa bao giờ cái khẩu hiệu lại thích hợp đến thế. Cú giật mình của tôi đã phản bội tôi, Tikhomirov nhận thấy bèn yêu cầu tôi nhắc lại cả câu. Tôi nói lại bằng tiếng Pháp, bằng tiếng Việt, tôi thấy ông ta cúi nhưng không nghi ngờ gì. Nếu cậu ngấm nghĩ sẽ thấy cái câu đó có rất nhiều chỗ tối nghĩa và ông ta lẽ ra đã có thể hỏi tôi nhiều câu: tai nạn gì, xảy ra buổi tối, lại cần ông ta đến ngay? Tuy nhiên, trong câu chuyện này, Tikhomirov ở vị trí của ông ta cũng như chính tôi và anh ta đóng vai của mình cũng như tôi đóng vai của tôi, chỉ có chút khác nhau giữa chúng tôi ấy là tôi biết mọi việc còn ông ta thì không. Chúng tôi vậy một chiếc xích lô đẩy trên phố Paul-Bert và tôi đạp xe theo sau.

“Hẻm Éden ngập chìm trong bóng tối nhưng Tikhomirov không phải là một người nhát gan. Ông ta chẳng hỏi gì tôi. Chúng tôi đi qua rạp chiếu bóng đã tắt đèn và đến cổng tòa báo. Tôi để cánh cổng hé mở, với chút ánh sáng hắt ra từ trong nhà, đủ để nhìn thấy sự hiện diện lơ mờ. Ông ta vừa kịp kéo cánh cổng trước mặt tôi và nói: ‘chuyện gì...’, thì bị tóm lấy, bóp chặt và cắt cổ. Tôi đứng đằng sau, vô cảm, có thể có chút ghê tởm nhưng cũng không hơn nhiều với cảnh cắt tiết gà hay cắt tiết vịt mà tôi vẫn thấy bà tôi làm ngày tôi còn bé. Khi họ buông ông ta ra, có tiếng chạm nhẹ và ông ta đổ xuống chân tôi, tôi đã phải kéo ông ta vào trong, như trong một trận bóng, để dọn đường. Thật là nặng! Họ cười cợt, một tiếng cười bị kìm nén để không khuấy động màn đêm, hai gã da đen thui như người Khmer, hai gã nông dân lạc lõng giữa phố phường, và họ không hiểu tại sao tôi không cười với họ, tôi tin là họ sẽ ghê tởm tôi nếu biết tôi

nghe gì trong đầu. Cuối cùng họ làm hiệu đi qua trước mặt tôi rồi chuồn mất. Tôi ngần ngừ, tay giữ chìa của chiếc khóa nhưng tôi biết là mình sẽ không quay trở lại, vì thế tôi ném chìa khóa về phía Tikhomirov như thể ông ta có thể bắt được nó. Chiếc chìa khóa nảy trên vai ông ta rồi rơi xuống nền gạch; thế là hết.

“Hai gã kia thấy sốt ruột nên một gã bèn huých vào lưng tôi. Chỉ khi ra đến phố tôi mới nhận ra rằng chiếc chìa khóa bỏ lại sẽ buộc tội tôi chắc chắn như những dấu vân tay tôi để lại trên cổ Tikhomirov. Nói theo kiểu chính trị thì tốt hơn là những người Pháp nên biết chuyện. Sau vẻ ngoan ngoãn của mỗi cậu bồi, sau vẻ điềm tĩnh của những cu li kéo xe, của mỗi nhân viên kiểu mẫu, sau những lời gọi dạ bảo vâng đều ẩn giấu những kẻ giết người tiềm tàng. Nơi đây không còn là nhà họ nữa.

“Tôi nhận được chỉ thị phải rời thành phố ngay lập tức và xuống Mỹ Tho, tại đó một nhóm người địa phương sẽ phụ trách tôi và chỉ bảo các nhiệm vụ cách mạng cho tôi. Cho đến tận bây giờ, tôi vẫn không định hình được cái tình huống có thể diễn ra tại thời điểm ấy: tôi đã nói với cậu rồi đấy, từ buổi sáng hôm ấy tôi sống mà như đã chết. Nhưng khi ra đến phố, cất được gánh nặng trách nhiệm, gánh nặng từ chiếc chìa khóa, và hai gã nông dân đã biến đi giữa phố, tôi lại sống cái cuộc đời thứ hai mà tôi chưa hề chuẩn bị trước: tôi như một người được hóa kiếp, chỉ nhớ lảng máng về con người trước đây của mình, ý thức được rằng kỷ ức đang nhòa dần và phải lao vào cuộc đời mới nhưng lại không thể bỏ chạy, không thể thoát thân, đôi chân tôi như bị dính lại như con chim diệc sa xuống bùn lầy - vẫn sống nhưng bị tước mất bản năng sinh tồn.

“Cả đêm tôi đi loay quanh, không muốn xa khỏi phố Catinat. Không còn là giờ giới nghiêm, nhưng là một người Việt lang thang một mình, tôi đang mạo hiểm với những nguy cơ phi lý; điều này với tôi cũng chẳng quan trọng, tôi có cảm giác mình đang bồng bềnh giữa hai thế giới, nhưng chẳng thuộc về thế giới nào: chừng nào đêm còn chưa tàn thì tôi còn an toàn.

“Sáng hôm sau, lúc bình minh tôi thấy nhốn nháo trong hẻm và tôi hiểu ra họ đã phát hiện thấy cái xác. Nhiều giờ trôi qua: tôi thấy đám cảnh sát và mật thám di chuyển qua lại, còn tôi, tôi nấp sau một hòm cửa ra vào. Tôi phát hiện ra rằng cuộc đời thứ hai của mình là cuộc đời của loài chuột bọ. Cái tự do thoải mái buổi đêm của tôi đã mất, tôi thấy đau mỗi khắp mình mẩy nhưng vẫn không thể cử động được. Đến gần tối, cuối cùng tôi cũng thấy bố cậu đến. Bố cậu có vẻ mặt tái nhợt và run rẩy. Lúc đó trông ông ấy không khác một đứa trẻ khiến tôi cảm thấy rất gần gũi với nỗi đau của ông ấy. Cậu thấy đấy, trong vụ giết người này, bố cậu và tôi là hai mặt của một tấm huân chương. Đối với người Việt trong cái ủy ban đó, đây là một vụ ám sát chính trị mang tính tất yếu; đối với người Pháp, lại là một tội khủng bố. Nhưng nếu xem xét kỹ, thì nạn nhân phải tiếp tay cho kẻ ám sát, trong một liên minh bí mật. Ý nghĩ đó khiến các cậu ghê tởm vì những lý do cao quý; nhưng khi biết mình ở gần đến thế nào với kẻ giết các cậu, tra tấn các cậu, hủy diệt các cậu, biết việc quan sát kẻ đó chính là xem xét chính mình, thì đó quả thật là một ý nghĩ đáng sợ.

“Khi nhận ra bố cậu, tôi lao về phía ông ấy. Một cách dễ nói là tôi biết tất cả? Tôi ra khỏi chỗ ẩn náu và sang đường. Bố cậu nhìn thấy tôi và thoát tiên mỉm cười với tôi, vẫn cái nụ cười mỗi sáng, nụ cười khi nhận ra tôi và vui mừng khi gặp tôi, tôi thậm chí tin rằng chẳng cần nhiều lời bố cậu đã nhìn thấy trong tôi cái người mà ông có thể chia sẻ nỗi đau, và rồi nụ cười tắt ngấm, ông ra hiệu bằng tay, không phải một cử chỉ đe dọa mà là cử chỉ nhắc tôi dừng lại, ngăn tôi không lại gần ông. Tôi có cảm giác bố cậu khi ấy đang bên bờ vực của sự trống rỗng, sẵn sàng làm tất cả, ôm lấy tôi, vuốt ve khuôn mặt tôi, nhưng chỉ thể hiện ra bằng một vẻ tê liệt giống hệt tôi. Chúng tôi đối mặt nhau từ hai bên đường, gần bó với nhau một cách không thể vãn hồi bởi điều vừa xảy ra. Rồi bố cậu bị xô lấn và tất cả hoạt động trở lại, tôi bỏ chạy và bố cậu đuổi theo sau nhưng bố cậu không kêu la, những người qua đường được phen kinh ngạc khi hai bức tượng đột ngột chuyển động và rượt đuổi nhau vì những lý do mà ắt là chẳng ai hay biết. Thật khó mà cắt đuôi được bố cậu như vậy vì tôi phải đoán biết ông phía sau lưng tôi, qua hơi thở của ông, và vì lý do ấy tôi đã chạy rất lâu, giữa đám đông vô tình ấy, chạy đến tận con kênh nước đen sì, xô đẩy những ông già bà lão đang yên vị trước những túp lều tranh xiêu vẹo, bị vấy cả bùn từ lũ trẻ con đang nô giỡn trong những vũng sình, nghe những lời phàn nàn của

đám người trầm lặng đang đánh cờ tướng hay cờ đam mà tôi làm bay mất mấy con tốt, tôi chạy cho đến khi không thể chạy được nữa và khi ngoái lại tôi thở như kéo bể và nằm ngửa ra, chờ bố cậu tóm lấy cổ tôi như tôi đã để người anh em của bố cậu bị siết cổ, chấp nhận cái phần thưởng công bằng này, cũng cần thiết như cái hành vi đã sinh ra nó. Nhưng tôi chẳng nhìn thấy gì - không thấy gì ngoài mặt trắng thờ ơ với mọi chuyện phía trên đầu tôi. Ba ngày sau tôi đã ở Mỹ Tho và bắt đầu một cuộc đời mới.”

Nước trà đã nguội lạnh từ lâu trong tách và chúng tôi thôi không còn gây tò mò cho nhau nữa, ông cụ và tôi ngồi xuống hai chiếc ghế nhỏ. Ông nói chuyện với tôi, mắt nhìn xuống phía đường Đồng Khởi, về phía con sông và xa hơn nữa, chỉ thỉnh thoảng liếc nhìn tôi bằng ánh mắt lo ngại. Còn tôi, liệu tôi có định vỗ lấy ông mà giải quyết chẳng biết là những món nợ cũ nào vì cái tội ác xưa cũ nào tôi cũng chẳng hay mà trong đó ông đóng vai trò gì thì chỉ có Chúa mới biết? Mối ông vẫn còn hơi run run và tôi thấy hai hàm răng ông đã vàng khè còn một bàn tay thì bị biến dạng do bệnh viêm khớp: đó là một ông cụ đã mỗi mết.

“Tôi chỉ quay trở lại hẻm Éden nhiều năm sau đó, khi phố Catinat vẫn chưa đổi tên là đường Đồng Khởi mà vẫn là đường Tự Do. Suốt mấy hôm liền, tôi đi loanh quanh khu đó nhưng không dám vào. Chắc chắn các linh hồn vẫn còn quần quanh đâu đó và tôi mong ngóng, từng giây từng phút, nhìn thấy cái gã đội mũ lưỡi trai từng nói chuyện với tôi trong rạp chiếu bóng lao ra hay hai gã nông dân với mấy cái răng bàn cuốc cười cợt trước xác Tikhomirov. Tôi theo dõi từng người ra vào con hẻm. Trên mỗi khuôn mặt tôi đoán được những số phận giống như tôi và nếu ở đó quá lâu, hẳn tôi đã bị choáng ngợp bởi cái nhận thức ấy, sự tích tụ nỗi đau, dòng thác máu đã đổ. Tôi đứng ở đúng cái chỗ mình đã nấp nhiều năm về trước, ngay mé hiên khách sạn Continental, và tôi nhìn những cái bóng mà tất cả chúng ta đều có, đằng sau mỗi người tôi đều nhìn thấy những bóng người làm hiệu với tôi từ quá khứ xa xăm, tôi thấy những người lính chúng tôi trong bộ ka ki xanh lá, tôi thấy những chiếc mũ ca lô đen viền vàng của lính thuộc địa, tôi thấy những bộ quân phục màu trắng của sĩ quan hải quân, tôi thấy những thanh kiếm của lính Nhật, ánh mắt u ám, bí hiểm của những sát thủ Gurkha dưới chiếc mũ rộng vành, những kẻ đáng sợ nhất, vì chúng giết chóc theo lệnh của những người chẳng là gì đối với chúng, không thù oán cá nhân, với sự mê muội lạnh lùng. Tôi thấy mặt trời mọc rồi lặn, những giọt ánh sáng lướt trên hàng me và cái thế giới xưa vẫn ngoan cố cựa quậy dưới những hình bóng của thế giới mới: vẫn có những tên chỉ điểm và những cô gái điểm người Hoa mặc xường xám xẻ cao, những nữ y tá đội mũ ca lô trắng và những cụ già cầm ô, những kẻ ăn mày, những người bán phở rong và thậm chí có cả một viên quan ăn mặc trịnh trọng, lưu lặc đến từ thời xa xưa hơn nữa - và, như thường lệ, có bà cụ già sáng nào cũng tới, đòn gánh trên vai, hai mẹt đầy những trái dừa, dứa và chuối. Chỉ đến lúc hoàng hôn, khi dòng chảy hình ảnh đã tĩnh lại, tôi mới bước vào trong hẻm. Giờ đây người ta để xe đạp và vài chiếc xe máy ở đó, hầu hết các cửa hàng cửa hiệu đều đã đóng cửa. Rạp chiếu bóng không còn nữa nhưng biển hiệu vẫn đó, với áp phích quảng cáo một bộ phim Ấn Độ mà trên đó người ta thấy một vũ nữ đang khoe cái bụng nhỏ nhắn có thể làm phấn khích đàn ông nước chúng tôi và đàn ông ở khắp mọi nơi. Nỗi sợ hãi của tôi biến mất và tôi biết rằng mình sẽ sống cả quãng đời còn lại ở nơi mình đã bắt đầu, nơi mà tôi đã gặp những điều quan trọng: điều lạ thường ở những người khác, nỗi sợ chết.

“Đó là thời mà người ta có thể tìm được cả thư viện chỉ với vài đô la - có cả những chiếc xe cút kít chất đầy sách gần như cho không. Cùng với sự ra đi của người Pháp, cả thành phố thấy ra hết những giấy tờ cũ kỹ mà chúng tôi hoàn toàn dừng dừng trước chúng. Người ta không thù địch, chỉ lấy làm trò đùa: chúng quá cũ để làm giấy chùi dĩa, mà chúng tôi lại không có đủ độ hiếu kỳ về quá khứ để lấy làm đồ trang trí trong phòng. Chỉ có một người sống sót kiểu như tôi thì mới thu thập lại, lén lút gom góp, giấu giếm những kho báu ở khắp các góc ngách thành phố, những cuốn sách đóng, những tấm bản đồ cũ của tôi; miễn là cẩn thận, người ta có thể mua bán tất cả mọi thứ, với điều kiện là làm một vài dịch vụ và chịu cúi đầu.

“Dần dần, những cuốn sách rời đi và nỗi sợ của tôi cũng tan biến theo: cậu thấy đấy, tôi hầu như chẳng còn lại gì, và gần như cũng chẳng còn sợ gì nữa. Có chăng tôi chỉ còn giấu vài cuốn sách: tôi thích bỏ từng quyển một ra bán. Nội trong ngày hôm đó, cuốn sách được bán, giá nào cũng bán; tôi thường khuyến mại cho người mua may mắn, cho dù người đó có hỏi hay không,

một cuốn *Truyện Kiều*, cuốn sử thi của nước tôi, và một tấm bản đồ hàng hải. Mọi người thường hay hỏi mua bản đồ Sài Gòn cũ nhưng lại không bao giờ muốn mua những tấm bản đồ phi lý mà chính quyền tuyệt vời nước cậu đã tốn thời gian xây dựng vì những lý do mờ ám thường tình ở con người. Thời đó, chế độ của chúng tôi, bằng thói ma lanh vô hạn để bảo vệ lãnh thổ, chúng tôi giấu đi những tấm bản đồ bình thường nhất, đó là đồ trang trí mà các cậu không thể nào bỏ qua. Sự đa dạng về khí hậu, địa hình, lưu lượng nước, sản lượng gạo, các dân tộc thiểu số, chẳng gì thoát được con mắt của người Pháp, và khi để chế thuộc địa của các cậu chẳng còn là gì ngoài một kỷ niệm cay đắng, các cậu vẫn tiếp tục xuất bản những tấm bản đồ và những tập atlas tuyệt đẹp, với khổ giấy oái ăm khó sử dụng, những thứ tôn vinh kỷ niệm về những thứ đã không còn nữa, về những thứ có lẽ chỉ còn tồn tại trong trí tưởng tượng của các cậu... Ui chà, một thời ngây thơ của các cậu! Ngay cả khi nó được làm bằng cái giá là dòng máu người dân nước tôi, chúng tôi đã bị mê hoặc bởi những gã mơ mộng đầy đam mê nước cậu, bởi những nhà phiêu lưu kiệt xuất, những linh mục chiến binh, tất cả những con người lưu vong khó hiểu đến từ lục địa của những chàng trai tóc hung. Còn cháu chắt của họ thì xin lỗi! Các cậu đâu có biết đãi chúng tôi... Những người cuối cùng làm thế, cho dù tôi có hài lòng hay không, là những người mang họ Leclerc, đó là bố cậu và các đồng đội, với đôi mắt tinh nhanh và tâm hồn vụng về, đến đây vì cuộc chiến tranh phi nghĩa với một trái tim chính trực. Cậu chưa nguôi ngoai được phải không? Rót trà cho tôi đi nào."

Tôi rót trà. Tôi thoáng nghĩ đến nhân vật chính trong tác phẩm của Joseph Conrad, cơn khát dai dẳng của người kể chuyện.

"Thực ra, chúng tôi cũng không. Một lần nữa, đó không phải là sự nuối tiếc của chúng tôi đối với người Pháp - chắc chắn là không. Nhiều người trong số chúng tôi, những người đã gặt được sang một bên tất cả các cuộc chiến (thậm chí ở ngay đây cũng có), cũng không thể tiếc nuối, không hơn việc họ có thể hát ca ngợi chế độ, nơi mà họ chỉ có thể nói chuyện tay đôi, trong cái thân mật của một cơn say túy lúy, khi đã chắc chắn không có gì bị bép xép ra ngoài. Chúng tôi tự áp đặt cho chính mình, cũng giống như các cậu, một sự im lặng len lỏi tận trong từng thớ thịt. Và giờ đây khi hai nước chúng ta đã lại là bè bạn (có nghĩa là nước cậu đều đặn trả những gì mà chúng tôi yêu cầu phải trả và vờ như không thấy cái mà mình thấy rất rõ), sự im lặng lại mang tính thời sự hơn bao giờ hết. Những người duy nhất cười là những cựu chiến binh bởi họ biết thế nào là chiến tranh: những cựu chiến binh nước cậu nhắc lại dấu tích những lần thất trận của họ nhưng theo định hướng của chúng tôi. Họ uống bia cùng nhau, và kể cho nhau nghe về những cú chơi xấu, về những đứa trẻ vật lộn nhau trong các thùng cát, giết thời gian bằng các trò gây gỗ, đánh lộn, và năm mươi năm sau mới nhận ra rằng từ hồi ấy họ đã chẳng chia sẻ điều gì mãnh liệt như vậy với bất kỳ người đàn ông nào khác...

"Nhưng còn những người khác, phần của họ ở đâu? Cái phần im lặng ấy. Không phải người ta muốn nghe quan điểm của họ mà đơn giản là người ta chỉ muốn nghe âm thanh giọng nói của họ, đường nét những vết thương sâu kín trong họ, câu chuyện về những cuộc đời nhỏ bé đã bị lịch sử xáo trộn của họ, loại người này ra khỏi bên này, loại người kia ra khỏi bên kia, tặng cho người này tấm huân chương cùng những chuyến đi nghỉ ở Bắc Kinh, gửi người này đi Pháp, người kia đi Phần Lan hoặc Úc, hoặc cái người khác đó vẫn ở lại đây, có thể do lựa chọn, có thể do tình cờ hoặc do kém cỏi. Cậu biết không, một cậu con trai của tôi đang ở Mỹ và nó kiếm được nhiều tiền. Có một thời, vợ chồng tôi cứ mơ ước được sang với nó, chúng tôi đã sẵn sàng vượt biển trên một con thuyền buồm, ngân nga bài thơ *Phượng xa* của Vũ Hoàng Chương: *Thuyền ơi thuyền theo gió hãy cho ngoan...*, cảm nhận sâu sắc đến tận trong xương tủy điều mà nhà thơ đau ốm đã trả lời khi người ta đề nghị chữa chạy cho ông: 'Tôi đã đốt tất cả nhà cửa, xung quanh tôi chỉ còn những túp lều khốn khổ, thế mà các người còn muốn tôi chữa bệnh hay sao?', chúng tôi đã sẵn sàng ra đi, đúng thế, như đã sẵn sàng chết. Và rồi một tin mới không thể tin được đã đến với chúng tôi: chúng tôi có *quyền* được đoàn tụ với nó. Chúng tôi đã ở đó, một lần, đúng vậy, ở cái nước Mỹ mà con tôi đã có được chỗ cho mình và con cái nó thì thấy ngại ngùng trước hai ông bà già không biết nói tiếng Anh mà chỉ nói tiếng Pháp. Chúng tôi đã ở đó và rồi quay trở về, thích được bất hạnh ở đây hơn là hạnh phúc ở bất kỳ nơi nào khác. Tôi nhận thấy quanh tôi mọi chuyện biến chuyển rất nhanh, tôi thấy những cô gái trẻ tự tin với jupe ngắn, những cậu nhóc đội mũ lưỡi trai ngược, tôi thấy xe máy thế chỗ cho xe đạp, ô tô thế chỗ

cho xe máy, những tòa cao ốc thể chỗ những ngôi nhà, và đôi khi tôi có cảm giác mình là người duy nhất biết được sự trống rỗng ở bên dưới, sự im lặng ồn ào vây quanh chúng tôi. Không hiểu được điều mà tôi đã nói với cậu về hai mặt của tấm huân chương, người ta phải đào bới cái ký ức đau buồn đang trở về ám ảnh, hết thế hệ này đến thế hệ khác, những người cho rằng mình không biết. Có một cách nói của người Pháp mà tôi rất thích: “một xác chết trong tủ”. Biết bao nhiêu xác chết trong bằng ấy cái tủ và mỗi người đi qua đều thờ ơ, bịt mũi, không để ý đến mùi hôi thối. Cho đến bao lâu? Có thể là mãi mãi, dù sao có thể sẽ chẳng có ai để kể lại câu chuyện, có thể là nền độc lập vinh quang của chúng tôi cuối cùng chỉ sinh ra một đứa con quái dị: một dân tộc có màu cò và làn da giống chúng tôi, nhưng đã đánh mất tâm hồn, tâm hồn đau thương và buồn thảm, tâm hồn bị quan nhưng cuồng nhiệt. Cho tôi uống, hãy cho tôi uống chén trà nguội lạnh có vị đắng rất dễ chịu trong họng tôi, rót cho tôi đi, rót thêm nữa đi. Tôi đã viết thư cho con trai, cậu biết không, đến dịp Tết mà nó cũng chỉ gửi cho tôi một bức thư điện tử. Tôi đã viết cho nó rất dài rằng tôi không muốn mình chết mà không được trở về vùng châu thổ nơi có đất đai của tổ tiên chúng tôi và là nơi nó có thể giúp tôi tìm được một chỗ chôn cất chúng tôi. Một năm mồ! Tìm lại một năm mồ! Dù sao đó cũng không phải là một điều gì lớn lao cần bàn đến... Nó còn chưa trả lời tôi; tôi cũng không biết liệu nó có làm không.

“Hãy tin tôi, tôi chuyện trò với cậu không phải vì muốn xưng tội, không phải vì việc tôi tham gia vào một tội ác cứ đè nặng lên tôi: cảm giác tội lỗi khiến các cậu bận tâm lại xa lạ đối với tôi. Nói đơn giản hơn thì tôi nhắc lại với cậu rằng tôi tin vào những bóng ma và cậu là một trong số những bóng ma đó. Nhưng như vậy vẫn chưa đủ: tôi tin là chúng ta có điều gì đó cần chia sẻ, cho dù đó không phải là điều mà cậu đến tìm kiếm ở đây, cho dù điều ấy chẳng khiến ai quan tâm, cho dù vài phút nữa cậu sẽ biến đi và chúng ta sẽ không bao giờ gặp lại nhau nữa. Tất nhiên, sự trống rỗng của cái chết ở trong tôi đang lớn dần lên và tôi có thể nhìn thấy mắt mình lộn ngược rồi tan biến đi, vậy nên có thể điều đó đã khiến tôi nói năng trang trọng; xin cậu hãy thứ lỗi. Nhưng tôi không muốn cứ mãi chạy trước bố cậu và cố gắng thoát khỏi ông ấy mà không biết chắc liệu bố cậu có muốn tóm tôi, có thể là bóp cổ tôi hay không. Mày chạy trốn kết thúc bởi vì tôi quyết định như thế, hoặc là do mọi chuyện là như vậy: tôi dừng lại và bố cậu cũng thế. Tôi nghĩ rằng cả hai chúng tôi cũng có thể ngồi quanh ấm trà nguội đắng ngắt và khi sự tĩnh lặng quay trở lại, chuẩn bị để mình đi vào quên lãng.”

Mọi chuyện diễn biến rất nhanh, giống như những cái bóng trên tường: chỉ còn lại ông cụ im lìm ấy với bàn tay run run, tôi thấy rất rõ điều đó, và có thể ông đã chẳng nói chuyện với ai ngoài chính mình, bằng một ngôn ngữ xa lạ mà tôi không thông thạo. Tôi cảm thấy một cơn mệt mỏi trĩu nặng bờ mi: cuối cùng, sau mấy tháng trời mất ngủ với những ảo ảnh kỳ cục, tôi sắp ngủ được rồi. Tôi đã biết được gì về bố? Chẳng có gì to tát. Một vài hình ảnh: hình ảnh về ánh mắt vô tội của ông, hình ảnh về thân xác trơ như tượng của ông chính trên con phố mà hiện tôi đang có mặt. Tôi có cảm giác mơ hồ là lần đầu tiên chạm được tới ông trong một thời khắc thân tình thực sự.

“Rót trà cho tôi đi, lần cuối cùng thôi. Rồi cậu có thể đi.”

Tôi rót trà. Chỉ còn lại một vài giọt chất lỏng màu xanh sẫm gần như đen, mà vị chắc là rất đắng. Ông nhấp đôi môi khô khốc và một nụ cười làm bừng sáng khuôn mặt ông, cuối cùng cũng hướng về phía tôi nhưng ở đó, trong bóng tối, tôi không nhìn rõ mắt ông.

Ông đã đứng dậy và sắp xếp lại những tấm bản đồ cùng những cuốn sách cũ, những tập photo đóng thành quyển, những tờ bìa bọc rách nát. Bằng một động tác nhanh gọn ông cho một cuốn sách nhỏ vào túi nilông, cùng loại với những chiếc túi mà người ta đựng chuối xanh hay tím nhãn, rồi đưa cho tôi. Tôi thấy bàn tay già nua của ông lướt qua tay tôi trong tiếng sột soạt của chiếc túi và tôi rời đi.

Tôi đi bộ một mình trên con phố hướng ra sông - thay vì trên con đường sáng đèn tôi lại chọn con đường tối mù, nhưng không kém phần linh lợi của một con thú thèm muốn sự sống. Tôi đi đến quảng trường Rigault-de-Genouilly [\[7\]](#) cũ, nơi có một Trần Hưng Đạo khổng lồ đẩy lùi quân xâm lược phương Bắc vĩnh viễn. Tôi lấy cuốn sách ra khỏi túi và bắt đầu đứng đọc, một mạch, giữa tiếng ồn từ những động cơ tàu cũ kỹ, giữa khi hai đứa trẻ trên cầu tàu nhảy

xuống dòng nước đen sì mà chơi té nước cùng nhau, thờ ơ với những chiếc xe con chạy vụt qua như đó chỉ là những con trâu đi chậm rãi, trong ánh hoàng hôn màu tím. Đôi lúc lại có một bóng người dừng lại hỏi xem tôi có muốn đi xích lô không, một thanh niên, một cô gái, một chiếc mũ lưỡi trai, tôi mỉm cười nói không và đặt tay trên ngực. Tôi đọc cuốn *Thư Hà Nội* của một nhà thơ trẻ tên là Jean Tardieu, nói về sự vô tận của màu xám, màu của đất nước này - nhưng giờ đây tôi cũng đã hiểu được cả điều ấy, kỷ ức của nhà thơ.

Tôi nghĩ đến màu mắt của bố, ngay trước lúc ra đi, một vẻ ngạc nhiên như trẻ sơ sinh. Đó là màu xám của buổi bình minh nước Việt và màu xám buổi chiều hôm của ông, cái buổi chiều hấp thu tất cả ánh sáng. Chính khi ấy ông thì thầm: “Bố có điều muốn nói...”

Có vẻ như tôi thấy bốt cô đơn hơn với những điều ông muốn nói.

11.

Pierre trải qua chiến dịch Đức Hòa trong cảm giác khoan khoái của cuộc hẹn hò yêu đương. Carraz nhẹ nhàng trêu chọc cậu vì cái “cánh tay kỳ thủ” của cậu, khiến cậu đau buồn ý thức về cơ thể yếu ớt của mình; sau vài ngày cậu đã biết nghiêng răng, lên gồng, xoay đôi vai gầy guộc và có cảm giác nhất định về sức mạnh. Tinh thần cậu cũng có vẻ tốt hơn và linh hoạt hơn. Khi trở lại Sài Gòn và biết tin về cái chết của người bạn, cậu vô cùng choáng váng.

“Cậu có ở đó cũng chẳng làm gì được,” Carlisle nói với cậu bằng một giọng tử tế bất ngờ.

Họ đã chuyển từ sân hiên khách sạn Continental sang khách sạn Givral, bên kia phố Catinat, trạm tiếp phát của Radio Bambou, trung tâm tin đồn ở Sài Gòn. Carlisle ân cần đặt tay Pierre vào giữa hai lòng bàn tay mình nhưng việc làm này khiến chàng trai trẻ không cảm thấy thoải mái.

“Đó có thể đã là cậu. Hết chuyện.”

Pierre viện cớ với cốc bia để rút tay ra.

“Tôi không thể gạt bỏ cái suy nghĩ rằng nếu khi ấy mình có mặt ở đó thì mọi chuyện hẳn đã khác đi. Thật là phi lý và vô căn cứ, thậm chí là tự cao tự đại; hơn nữa, tôi không thích cảm giác tội lỗi đi cùng với cái suy nghĩ ấy.”

- Tất cả chúng ta đã sống sót qua nhiều hoàn cảnh, Carlisle nói với một giọng nhẹ nhàng không chút mỉa mai, và chúng ta đã bỏ lại phía sau những người mà chúng ta yêu mến. Thậm chí cả tôi, đôi khi, tôi nghe thấy người ta nói rằng lẽ ra tôi đã có thể hy sinh và rằng tôi đã không làm thế. Nhưng một gánh nặng vô ích...”

Pierre không tán thành nhưng cậu vẫn gật đầu. Carlisle gọi đồ uống. “Trang nhất” tờ *Hội liên hiệp Đông Dương* phô ra trước mặt họ: “Vụ ám sát hèn hạ tại hẻm Éden”. “Chúng ta sẽ truy đuổi quân khủng bố đến cùng,” Cao ủy D’Argenlieu tuyên bố. “Bọn chúng là kẻ thù số một của hòa bình. Chừng nào khủng bố chưa dừng, làn sóng của tình hữu nghị sẽ còn bị đám bọt thù hận bao phủ.”

Pierre được một người mà cậu đã biết rõ tên cũng như những trò nực cười đón tiếp, người đầu tiên tự cho mình là tướng De Gaulle trong khi công trạng chính của anh ta là theo thủ lĩnh của phong trào nước Pháp tự do từ khá sớm để lấy lòng trung thành bù cho sự ngu dốt của mình.

Bắt tay một cách hồ hững, liếc mắt thoáng qua và nhanh gọn, vài lời nói đại khái, rồi Pierre quay xuống qua cầu thang chính của dinh Norodom, sững sờ khi đi qua hai hàng lính canh khiến nơi này như cái cung điện bằng giấy của một ông hoàng sinh nhằm thế kỷ. Cậu kể lại hết những điều đó cho Carlisle không chút hoài nghi.

“Thế còn quý bà Blaizot xinh đẹp?”

Pierre lúng túng, đỏ mặt, không biết nên nói hay im lặng. Như cái bối rối khi bị bắt quả tang ngay trước khi phạm tội, không phải chỉ là ham muốn - chính nó cũng đã là một tội. Pierre được mẹ nuôi nấng với tư tưởng đúng đắn về mặt thần học nhưng khắt khe về mặt thực hành đến nỗi trong một số lĩnh vực ý định bị xem nặng như hành động.

“Tôi rất kính trọng bà ấy,” cậu nổi khùng, như sắp hành xử bốc đồng và hơi chút hung hăng.

Tiếng cười của Carlisle ngăn cậu lại.

“Thế là bị mắc bẫy rồi! Cậu nói cho tôi nhiều điều hơn những gì tôi hỏi. Tôi chỉ thấy theo một cách nào đó thì mắt cô ả như ngấu ngiến nhìn cậu... Vậy hai người có gặp lại nhau không? Có thú vị không?”

Pierre cắn môi, mở miệng định nói, song lại im lặng.

“Anh bạn trẻ của tôi ơi, ở đây ai chẳng làm những gì mình thích và thói đạo đức giả thì che giấu những vụ xấu xa nhất. Vậy nên cuộc gặp gỡ giữa một kẻ thấp cổ bé họng với phu nhân của một trong những kẻ quyền lực nhất xứ thuộc địa thì tôi đâu có đánh giá trên phương diện đạo đức. Hơn nữa, cậu là người Pháp, nói thế nào nhỉ, ngoại tình chẳng phải là di truyền sao. Nhưng - vì có một chữ nhưng - trong trường hợp cụ thể này cảm dỗ ấy có cái dư vị dễ dàng nhận thấy của sự ngốc nghếch.”

Pierre nhìn gã chăm chăm, cảm thấy mình ngớ ngẩn hơn bao giờ hết. Cái câu mỉa mai của Carlisle càng ngấm vào cậu hơn khi cậu biết điều đó là thật.

“Không nên nói từ ‘thuộc địa’ cậu áp dụng.

- Cứ theo lẽ ấy, thì không nên nói đến cả từ ‘ngoại tình’ nữa. Nhưng có một phụ nữ ngoại tình thì sẽ có một người đàn ông ngoại tình.

- Không nên nói từ ‘thuộc địa,’ Pierre lặp lại như trẻ con.

Carlisle thở dài thành tiếng, ngao ngán giờ hai bàn tay đã điểm đồi mồi lên trời.

“Tùy cậu thôi. Dù bị nhiều người coi là một con điếm, Cleopatra vẫn có một sức cuốn hút khôn cưỡng của phương Đông đối với Marcus Antonius. Vậy với cậu thuộc địa là thế nào?”

Pierre nhún vai:

“Chẳng gì cả.”

Carlisle im lặng một lát.

“Trở lại vấn đề của chúng ta, gã nói tiếp, có nghĩa là về những người An Nam, tôi không chắc rằng các cậu có được cái tự do nội tâm cần thiết để cho họ sống như họ đòi hỏi, cho họ nên hòa bình nếu họ có thể, hoặc chém giết lẫn nhau nếu họ phải làm. Chúng ta biết điều đó.

- Mặc anh muốn nghĩ cao siêu thế nào thì nghĩ.

- Cậu kiêu căng làm sao, Garnier bé nhỏ của tôi, cậu đúng là người Pháp rồi! Cậu không thấy là trước mặt cậu có cái chủng tộc quý hiếm nhất đó sao: Người Anh thân Pháp. Người không chỉ uống rượu vang Pháp mà còn ăn như người Pháp, nói tiếng Pháp và hiểu Berlioz hơn các cậu...”

Carlisle giữ được sự bình tĩnh hoàn hảo. Không chỉ thấy bối rối, nảy sinh từ một cảm xúc mà cậu biết mình không thể kiểm soát được, Pierre còn bị giày vò bởi cái mong muốn gần như cuồng nhiệt được ở cùng ả. Để kết thúc đáp trả lời đả kích của Carlisle, cậu vẫy một chiếc xe kéo rồi rời khỏi bàn mà hầu như không chào, để lại gã người Anh sững sốt, vui thú. Chỉ vài giây sau Pierre đã ở trên đường Lagrandière.

Cậu không nghĩ đến Tikho nữa. Cậu xấu hổ. Cậu lau mồ hôi đang chảy trên trán. Tất cả những gì cậu muốn là làm tình, và cảm giác chắc chắn có một người đang chờ đợi mình, ẩm ướt, khao khát, vẫn còn xa lạ, tất cả sự miên man của làn da nâu ấy, tất cả sự kháng cự bền bỉ ấy, tất cả những lời lẽ hứa hẹn ấy, lời đảm bảo một sự thoải mái vô hạn, tất cả những điều ấy kéo dài cả giờ bắt nguồn từ ảo ảnh tuyệt đối và gần như không thể chịu nổi, ở đó cậu quay cuồng với kế hoạch trong đầu, theo cái cách của một vị thần bé nhỏ trong thần thoại, chìm cứng to ra trước. Tất cả đều được cân nhắc kỹ, cậu xứng đáng với cái biệt danh “Cứng-cu” được đám bạn đặt cho mà giờ chỉ có mỗi Carraz vẫn còn sử dụng, đôi lúc, để chọc tức cậu. Lúc này cậu cũng đến mức, một cách lộ liễu, cậu không thể xuống xích lô mà không bị cả phố Lagrandière biết rằng đó là ngày cương cứng.

Cậu vừa đẩy cánh cửa thì Inès làm hiệu giận dữ đuổi cậu ra, thì thầm vào tai cậu vài từ gấp gáp bảo cậu đi ra bờ sông và lên chiếc xe con đang đợi ở đó. Cậu trở ra và đứng ngây người một lát trên vỉa hè, bị xáo trộn không phải bởi tình huống kỳ quặc mà bởi sự dữ dội gần như phần nô mà ả thể hiện. Sau đó cậu làm theo chỉ dẫn, đi bộ đến đầu đường. Một chiếc xe màu đen đỗ ở góc đường, vẫn để máy nổ. Cậu lên xe mà không tự chất vấn mình thêm nữa. Chẳng có gì đúng

với kịch bản của cậu, mà theo một kiểu khác, hơi đáng lo ngại, nhưng không nhất thiết làm mất đi trạng thái hưng phấn trong cậu. Chiếc xe đi qua bến Le-Myre-de-Villiers⁽¹⁾ và xoay một vòng rộng rồi quay lại qua phố Paul-Blanchy. Cậu chỉ nhìn thấy cái gáy đen thui của người lái xe, hẳn là một người Khmer, anh ta không hề quay lại phía cậu lấy một lần và cũng không nói với cậu một lời nào. Họ lại dừng trước cửa phòng tranh, Inès vào xe ngồi cạnh cậu và ra hiệu đột ngột bảo lái xe tiếp tục đi. ả nói nhỏ với cậu vài lời trước khi ngả người trên ghế, nhắm mắt lại, và không nhìn Pierre lấy một lần.

“Tôi không biết tại sao mình lại làm tất cả những chuyện này, cuối cùng ả nói. Chắc hẳn tôi bị điên rồi.

- Tôi không nghĩ là cô điên. Dù sao cũng không điên hơn tôi.

- Pierre, tôi chẳng thấy anh khôì hài đâu.

- Tôi cũng không cố làm thế.”

Cậu muốn hé cửa sổ xe nhưng cô thậm chí không để cậu kịp đưa tay ra. ả hét lên:

“Anh muốn chết à?

- Tôi xin lỗi. Tôi rất tiếc.

- Tôi xin lỗi... Tôi không muốn tha thứ cho anh. Tôi không thích cái giọng kiểu này, cái kiểu như rên rỉ này. Tôi không thích những người yếu đuối. Tôi nghĩ là mình đã nhầm: chúng ta quay về thôi.

- Tôi sẽ không để cô làm thế.”

Cậu nói nhỏ, nhưng chậm rãi nhấn mạnh từng từ. ả không trả lời nhưng một tiếng thở dài buột khỏi miệng. Cậu tiếp tục thử vận may của mình.

“Tôi đã trải ba ngày núp dưới bùn lầy và trong những ruộng lúa, tôi chứng kiến những người ngã xuống bên cạnh mình, những người vừa mới trở thành đồng đội của mình và khi trở lại Sài Gòn, tôi phát hiện ra rằng người bạn đồng hành hằng ngày với tôi cũng đã chết, có thể là chết thay cho tôi. Ngay cả một người như cô vẫn thích - mạnh mẽ, vững chắc, có thể hơi tàn ác - có thể cũng không thoát được chuyện này.”

Vẫn không nhìn ả, cậu biết là do phép màu nhiệm mà người phụ nữ cậu say đắm đã trở lại, người phụ nữ với giọng nói trầm nhỏ nhẹ là hiện thân của tất cả phụ nữ khác.

“Anh ta nói tôi cần phải dè chừng cô.

- Ai nói điều đó?

- Bạn tôi, Tikhomirov. Người đã chết. Anh ta nói rằng...”

Cậu định nói “rằng cô là một con diêm,” nhưng một chút tỉnh táo còn lại khiến cậu mím môi lại đúng lúc.

“Rằng sao?”

Lần này, cậu buộc mình phải nhìn thẳng vào ả.

“Không có gì, cậu nói, anh ta không nói gì.”

Cậu không nhận ra là chiếc xe đã rời khỏi thành phố, không phải qua một trong ba con đường cậu đã biết, mà qua những con đường đất, nơi cậu nhanh chóng từ bỏ ý định tìm các điểm mốc. Không phải quang cảnh thân thuộc với những ruộng lúa hay những cánh rừng cao su; cũng không phải những cảnh vật mà cậu đã khám phá khi đi về hướng Bắc, những hàng chè dày sít hay những hàng cây cà phê. Đó là sự kỳ diệu của những vườn cây ăn quả, cây xoài, cây ổi, cây chanh xen giữa là những bụi chuối già. Lần này chính ả là người mở cửa sổ; một làn gió nhẹ tràn vào cùng hơi nóng ẩm. Một con đang bay vút lên và tiếp tục hành trình trên bầu trời đang

chuyển từ màu ghi sáng sang màu chì, trong khi phía Tây những dải màu tím chuyển thành màu đỏ và đen.

Lúc ở nhà Blaizot, cậu đã thấy Inès trong bộ đồ cắt may màu đen nghiêm chỉnh; tới đây ả đã thay chiếc áo dài màu đỏ thắm, có điểm đây đó lấp lánh những cánh hoa mảnh mai thêu chỉ vàng. Trông chẳng khác nào một bức chân dung - cứ như ả bước ra từ một bức tranh cho cậu.

“Tôi đã...”

Ả nói với giọng rất khẽ.

“Tôi đã sợ đến nổi...”

Theo bản năng, cậu hiểu là mình chẳng có gì để nói, vì cậu chẳng thể làm gì để giảm bớt nỗi sợ và chính cái điểm yếu ấy thu hút ả, như ả đã thổ lộ cho cậu biết. Cậu nắm lấy tay ả và ả để yên như thế; bàn tay ấm nóng và uể oải.

Trong lúc ngồi, ả để lộ một mảng da nâu nhỏ hình tam giác ngay phía trên eo, và khi cậu nhìn thấy, cái khe này đã choán hết chân trời của cậu. Cậu lần tay xuống chỗ bị lộ ra mà cậu đoán là nóng bỏng. Cậu lướt qua lớp vải lụa và cuối cùng cũng chạm đến nó. Họ không cử động nữa, để mặc cho những cú xóc trên đường quyết định, hai cơ thể trở ì và lúc lắc, như những cái xác, vẫn còn nóng ấm và bám vào sự sống.

Cậu chỉ dùng một ngón tay để lần tới điểm đã định; hơi nóng mà cậu nhận được như một luồng điện truyền từ bàn tay, qua cánh tay căng cứng, co quắp, dâng lên như làn sóng khắp cơ thể cậu. Đến lượt mình, cậu nhắm mắt lại, để khỏi tuột mất cái cảm giác ấy, để nó hoàn toàn chiếm lĩnh và không nghĩ đến bất kỳ điều gì lúc này.

Rồi đột nhiên mọi thứ dừng lại. Ả dứt ra khỏi cậu và bước xuống xe.

Cậu đi theo qua một lối nhỏ trồng toàn hoa phượng trước hiên một ngôi nhà gỗ có vẻ như bị bỏ hoang. Rồi họ băng qua cây cầu uốn lượn quanh dòng nước nông nơi thế nào cũng có những chú lươn béo tròn ve vẩy. Ả đi phía trước cậu, trên một lối đi nhanh chóng bị biến mất giữa những bồn hoa và ao sen. Ả leo ba bậc lên một căn chòi cũng bằng gỗ. Tì khuỷu tay xuống lan can ả chỉ cho cậu dòng sông.

Dù bị mất phương hướng khi ra khỏi thành phố, cậu vẫn biết rằng đây chỉ có thể là sông Sài Gòn. Nhưng nó không còn cái màu xám xịt, nặng nề, đầy phù sa mà bờ sông dường như xanh hơn và tươi tốt hơn. *Cứ nhìn đi nếu cô muốn, nhưng ta cần phải yêu nhau.* Cậu đã cảm thấy cái thèm muốn này.

Dưới ánh chiều tà soi trên bầu trời thấp thành hai làn sóng, một màu đỏ và một màu xanh lơ, chỗ mà màu đen đang chiếm lĩnh từng giây, cậu hình dung ra cái vẻ lười nhác của những triền cát, bóng đen của con thuyền ba lá, hình bóng một chiếc thuyền buồm. Trong ký ức vẫn còn tươi mới của cậu, những hình ảnh về xứ sở này đã kịp khắc sâu và phai nhạt: việc gặp lại chúng khơi dậy nỗi đau đã biết trước về sự mất mát.

“Chào mừng đến châu Á,” ả thì thầm với vẻ mĩa mai nhẹ nhàng, có lẽ thế, cậu quyết định không lưu tâm.

Ả đột ngột hôn cậu rất nhanh khiến cậu ngạt thở, gần như bị ả chiếm hữu: cơ thể ả áp sát lấy cậu, mịn màng, bóng lên vì mồ hôi tích tụ. Ả dâng cái điểm lồi giữa cơ thể cho cậu và cậu lún vào, rên rỉ, chao đảo, van vỉ, hạnh phúc. Tất cả tối đen xung quanh, chỉ trừ đàn chim bay, những bóng hình ảm ướt lướt qua và cơ thể ả bao bọc trong màu đỏ quẩn lấy cơ thể cậu. Khi mở mắt ra, cậu thấy ánh mắt ả không cười và cậu không thể đoán được gì ở tận trong sâu thẳm đôi mắt ấy. Ả là người phụ nữ đã yêu cầu cậu cứu giúp nhưng cũng là người phụ nữ tàn nhẫn có thể hủy diệt cậu. Ả vừa là thiên thần vừa là con điểm của cậu, người tình về đêm, là con người thất thường, khi thì làm cậu đau đớn, lúc lại ngâm cậu trong hồ nước hương nhài. Cậu chẳng cần phải lừa con người này đi, xếp nó vào trong góc tâm hồn lo lắng, để nuôi dưỡng ảo tưởng chiếm hữu con người kia của ả: cậu thấy ả có tất cả trong một con người, vừa thống trị vừa phục tùng,

vừa thân quen, vừa lạ lẫm, sẵn sàng ban phát dịu dàng và cả những móng vuốt, đang sống trong yêu đương bất tận mà tạm bợ lần đầu tiên. Có những phần trên cơ thể ả mà cậu không dám chạm tới - ngực, hông và phần kín - và cậu mê mệt trong miệng, cổ và hõm vai ả, tất nhiên cả cái hõm bên sườn mà cậu đã thấy nửa kín nửa hở lúc trên xe và giờ đây cậu đang ngẫu nhiên nó cả bằng tay cùng đôi môi.

Không thể giữ cho mắt mở hay nhắm hằm, cậu nhìn thấy ả trong những hình ảnh ngắt quãng của một điệu múa uyển chuyển, nơi sự lạc điệu không thể xâm nhập và nơi mà ả luôn làm chủ. Cậu chẳng có gì phải phàn nàn: ả là một người tình thơ ngây, cậu không ham muốn sở hữu hay thống trị, cậu đang ở trong trạng thái lơ lửng hạnh phúc đến kinh ngạc.

Ả kéo lớp vải lụa xuống đủ để lộ ra vùng nước đen của cơ thể ả và cậu ngay lập tức giúi vào, không để bản thân kịp tự hỏi xem chuyện ấy đến như thế nào. Cậu có một cảm giác tự hào phù phiếm - nếu mà nhìn thấy tao, Carraz, nếu mà nhìn thấy thằng bạn thân Cứng-cu của mày... Ả leo lên lan can, đang rộng đùi, và khi ả vừa bật cười, cậu liền dừng lại, không biết ả có đang chế nhạo mình không, rồi ả nắm tay trên ngực, bằng một giọng làu nhàu ả nói rằng anh thật ngu ngốc, và anh là cậu chàng dai dột tội nghiệp em muốn anh trong em làm sao em ham muốn làm sao và em muốn anh yêu em làm sao và thêm nữa và hôn em đến đứt lưỡi cả cơ thể ả ướt át, ướt át trong chỗ kín, tất nhiên, và trong miệng và trong lời nói, Inès cứng rắn bị người tình làm tan chảy, một ả điếm, cậu nhip nhàng cùng ả, để ả phán đoán mọi thứ, ép sát vào cậu, ghì cậu lại, giữ cậu giữa chừng hay hối thúc cậu ép sát ả trong một chuyển động điên cuồng, và cùng tất cả hành động ấy ả không ngừng nói trong khi cậu chẳng dám thốt ra lời nào, còn ả không gì làm xiêu lòng được: em thích những gì anh nhận những gì anh cho em thích cái khoái lạc trong mình em thích lúc anh sắp kết thúc em thích vẻ ngạc nhiên của anh, em thích mọi thứ, chàng lính, em thích mọi thứ của anh. Quả là ả có vẻ ham mê mọi thứ, còn cậu chẳng có thời gian, chưa từng có, để nghi ngờ. Một người đàn ông muốn trở thành một người tình tuyệt vời và đòi hỏi cái nghệ thuật đó những điều tinh tế cao nhã và nhẹ nhàng, những hiểu biết về cơ thể nằm ngoài tầm với của anh ta; nhưng ả đã giúp cậu vượt qua cái ý nghĩ này và cho cậu duy nhất những gì ả muốn, trong thời gian mà ả muốn.

Ánh mắt cậu đôi khi vượt qua phía bên kia, trong bóng tối của dòng sông và ra đến tận đại dương, và một ảo ảnh cứ dai dẳng: bóng của một người chèo thuyền đang đứng, mái chèo trong tay, bất động giữa hai dòng nước. Cậu nghe tiếng động cơ một con tàu xa dần.

Ả gác đùi lên cổ cậu và vừa thấy cầu nổi cơ thể ả, cậu liền cuồng nhiệt hôn hít, liếm láp, và uống cạn, trong sự dập dềnh ướt át và yếu điệu mà ả dẫn dắt cậu đến khi hết cơn khát. Khi cậu đã sắp chán chê, ả bật xuống đứng dưới đất và bám lấy tay vịn. Đến lượt cậu ôm lấy ả, thực sự buông mình theo ý định chế ngự ả, hay ít nhất là tìm thấy nhịp điệu của ả, thích thú với việc phát hiện ra rằng mọi nhịp điệu đều thú vị. Dần dà, cậu tiến sát chỗ cổ ả và vẫn muốn nói với ả những lời dịu dàng ấy, không biết ả có nghe thấy không, có đắm chìm trong những tiếng lẩm bẩm của mình hay không. Thế là cậu bắt đầu bằng một câu rối rắm “anh yêu em” nhưng ả không đáp lại, ít nhất là bằng lời, mà chỉ ưỡn người thêm nữa, và ban tặng cho cậu những chuyển động nhanh liên tiếp khiến cậu như tan biến, và trong khi ả vẫn chưa hết khoái lạc, cậu tiếp tục nói anh yêu em, nói mãi không biết chán thì ả đã dứt ra khỏi cậu và lau chùi bằng hai tay, liếm láp ngón tay một cách thích thú những gì mà lần đầu tiên cậu vừa để lại trong cơ thể một người đàn bà.

Với chiếc quần tụt dưới mắt cá chân và chiếc áo sơ mi ka ki ướt đầm, cậu cảm thấy kỳ cục và bối rối, đồng thời có cảm giác như bị đuổi khỏi chốn thiên đường mà cậu vừa đặt chân tới. Ả cúi xuống liếm một nhát lên của quý của cậu.

“Một chàng lính cừ khôi, ả nói, một chàng lính cừ khôi!”

Cậu như bị đóng băng còn ả bắt đầu cơn cười không thể dừng lại được. Cậu vẫn vọc tìm cách thoát khỏi cái ôm ghì của ả nhưng ả không buông tha, tiếp tục liếm láp, chàng lính cừ khôi. Khi tưởng như sắp nổ tung vì nhục nhã thì cậu cuối cùng cũng thoát ra được. ả đứng thẳng dậy, vẫn chưa hết cười, và cậu tát ả.

“Em xin lỗi,” ả nói.

Cậu lúng búng vừa vì giận dữ vừa vì sợ.

“Đừng bao giờ...”

Cậu không nói hết câu. Đừng bao giờ làm sao? Một cách nhẹ nhàng, từ tốn, ả nhặt quần áo rải rác khắp nơi và mặc vào cho cậu.

“Anh lại đây,” ả nói.

Ả kéo cậu đến chỗ dòng sông, trên bờ cát, chỗ chẳng chịt rế sú và dừa nước, chỗ mà giờ đây bóng người chèo thuyền đã mất hút. ả nắm tay cậu dẫn vào trong khu vườn không đèn điện chỗ những bồn hoa có thể từng là ao, chỗ có hoa súng đá. Họ đi qua cây cầu kiểu Nhật và tiếp tục rẽ vào lối đi dẫn đến ngôi nhà gỗ.

Trên hiên nhà có hai chiếc ghế bằng gỗ tẻch và một chiếc bàn nhỏ. ả làm hiệu cho cậu ngồi xuống chờ ả. Cậu thở hổn hển như một con thú mệt lử vì bị săn đuổi. Cậu thèm muốn ả nhưng cơn thèm muốn đã trốn vào bên trong và cậu đã có thể ngủ thiếp đi ngon lành, dưới làn gió hiu hiu thổi từ sông vào, cuối cùng cũng có chút dịu mát thoáng qua.

Khi quay trở lại, ả quỳ gối sau lưng cậu và vòng tay che mắt cậu. Từng ngón tay ả lần trên làn da và miệng cậu, không dữ dội, nuôi dưỡng những giấc mơ mà cậu tưởng vẫn đang có. ả vòng tay quanh đầu và gối đầu lên đùi cậu.

“Thêm một phút nữa, ả thì thầm, em chỉ cần một phút nữa thôi...”

Ả ngồi im, tận hưởng từng khoảnh khắc.

“Sau này, ả nói, cho dù có chuyện gì, nếu em hỏi về chuyện này, hãy nói với em là em không ngủ mơ nhé.

- Còn em, em sẽ nói với anh như thế chứ?

- Điều ấy không quan trọng với anh bằng đối với em.”

Cậu nắm tay ả và cắn nhẹ ngón tay cái.

“Em yêu anh,” cuối cùng ả nói.

Còn cậu, anh chàng tội nghiệp, tim đập loạn nhịp, bởi lẽ dù cậu không biết tình yêu là gì thì cậu vẫn biết lời nói ấy chứa đựng một năng lực hoang dại và vô biên. Mẹ kiếp, cậu mắt môi tự nhủ, con điếm, thiên thần, mèo con, tình yêu - tất cả những từ này đều chung một nghĩa.

12.

Sự xuất hiện của bài báo Carlisle viết trên tờ *Thời báo* của Luân Đôn đã khuấy đảo mạnh mẽ cuộc sống của Pierre. Ngay cả khi tên cậu không được nêu rõ, nhưng bức chân dung kể ra cũng khá có thiện cảm của một chàng trai trẻ bất cần theo chủ nghĩa lý tưởng, vừa đến đã phải chứng kiến cuộc thảm sát ở Cité Hérault, ban đêm thì viết vì hòa bình và ban ngày thì phục vụ chiến tranh, lưỡng lự rồi say mê đến mức thậm chí phải lòng phu nhân của một ông chủ xứ thuộc địa - toàn bộ câu chuyện đúng đến mức mà khi bước xuống đường Catinat, Pierre có cảm giác như ai cũng đang nhìn chòng chọc vào mặt cậu, cả người Âu lẫn người An Nam. Phải công nhận là gã người Anh đều giả này đã nhìn thấu tim đen của cậu, đến bản thân cậu còn không thấy rõ như vậy. Nhưng điều cào xé tâm can cậu, ấy là sự tàn nhẫn vô tình của thực tế: phẩm cách của Inès, sự báo thù của Blaizot, những hậu quả có thể ảnh hưởng tới sự nghiệp của cậu, sự im lặng giản đơn của người mà cậu gọi là bạn - tất cả những điều đó, chẳng có gì ngăn được Carlisle.

Đang lần lữa không biết có nên bước vào hẻm Éden, Pierre sai bước dài trên hè đường trước hiên khách sạn Continental thì đúng lúc Carlisle đến, lặng lẽ ngâm chiếc kẹo bạc hà.

“Thế nào?” gã hỏi với giọng nhã nhặn.

Pierre quan sát gã một lát. Gã chẳng thể hiện một chút lúng túng nào khi gặp cậu rồi còn chìa tay ra với cậu như xưa nay vẫn thế. Gã mặc bộ trang phục tuyệt đẹp bằng vải lạnh trắng với chiếc cà vạt cùng màu, có sọc hồng, thể hiện gu thẩm mỹ hoàn hảo. Gã có cái vẻ nhàu nhĩ do những hoạt động ban đêm mà Pierre chưa bao giờ tham dự vì rụt rè chứ không phải vì nguyên tắc. Không, rõ là gã chẳng có vẻ gì ngượng ngùng - chứ đừng nói đến việc xin lỗi - trong đôi mắt xanh lơ nhạt.

Carlisle nắm lấy cánh tay cậu và kéo vào khu vườn phía trong. Đây có thể là một sự nhượng bộ kín đáo. Còn quá sớm để uống thứ gì đó hơi nặng và gã gọi một cốc bia trong khi Pierre hài lòng với một ly nước chanh.

“Thế nào? Carlisle ngây thơ hỏi. Cậu hài lòng chứ?”

Pierre đặc biệt giữ được bình tĩnh trước mặt gã người Anh, cậu thừa biết gã muốn xúi cậu bất cần nổi khùng như thường lệ.

“Anh đã dạy tôi một điều, Carlisle. Tôi đã hiểu ra rằng mình không phải là lính dù tôi vẫn yêu quý họ, nhất là những kẻ ngu xuẩn. Nhưng tôi không phải là nhà báo.

- Tôi nghĩ có gì đó chỉ trích trong giọng nói của cậu.

- Khi chúng ta gặp nhau, anh đã phát biểu một trong những quy tắc của nhà báo là hãy xứng đáng với cái danh đó.

- Hãy giúp tôi khai thông trí nhớ đi, giờ này còn hơi sớm đối với tôi.

- Đừng bao giờ tin một kẻ làm báo.”

Carlisle bật cười vẻ thẳng thắn giả tạo.

“Cậu rất tức giận, đúng không?”

- Tôi không biết. Giận dữ, đúng vậy. Và bối rối.

- Tôi vẫn chưa nói với cậu cái luật bất thành văn đó phải không?

- Chắc chắn cái này cũng còn quá sớm đối với tôi. *Shoot!*⁽¹⁾

- Khó mà cưỡng nổi một câu chuyện hay.

- Tôi nghĩ nên coi đó là một lời khen ngợi.

- Tôi đã cắt đoạn về bà Blaizot (vả lại, chẳng ai có thể nhận ra qua những chỉ dẫn mơ hồ đó

đầu), nhưng tổng biên tập đã lấy lại. Ông ấy thấy làm như vậy thì tốt hơn cho sự cân đối của bức chân dung.

- Lẽ ra không nên viết câu chuyện đó, để khơi mào. Xin lỗi, tôi quên mất cái luật bất thành văn kia...”

Carlisle làm một động tác có thể coi như là vẻ hối tiếc, rồi cố kéo Pierre vào những cuộc tranh luận phù phiếm liên miên về chính trị. Lần này, Pierre đặc biệt chỉ hạn chế tham gia bằng mấy câu lẩm bẩm: cậu ngờ rằng, cùng với cơn giận dữ lạnh lùng, những lời bình luận tích tụ đã góp phần làm nhiễm độc bầu không khí. Cậu đứng dậy khi đang nói nửa chừng.

“Vậy thì, hẹn sớm gặp lại, Carlisle nói.

- Hẹn sớm gặp lại. Hãy cho tôi biết một điều. Ai là tổng biên tập của anh? Tôi không biết là văn phòng Sài Gòn lại quan trọng đến thế đối với độc giả Anh... Và tôi không nghĩ là mình đã gặp ông ta, không phải ở đây, cũng không phải ở câu lạc bộ báo chí...”

Carlisle hăng giọng.

“Chính là tôi,” gã nói

Pierre không chớp mắt.

“Với anh thì tôi không giận. Nhưng với gã đó, hãy nói với gã rằng gã là đồ khốn nạn.”

Trước khi rời cậu, Inès không hôn cũng không hẹn gặp. Cái khoảnh khắc mà ả nói yêu cậu có phải là thực không? Hay ả đã hối hận về lời thú nhận của mình cũng nên?

Mấy ngày qua, cậu chán ngấy phải đi cùng đám đàn ông. Cậu nán lại đến chừng nào có thể trong căn phòng ở Đa Kao, lặng lẽ uống trà với chủ nhà trong khi bà làm bếp, đôi khi một mình trong phòng ngủ, nhìn bức vách ngăn trống trơn mà dưới chân vẫn còn lại chiếc túi của bạn. Cậu đau khổ vì đã không kịp hỏi bạn và cậu thấy nhớ anh ta đến cồn cào. Chắc anh ta phải có người thân nơi nào đó ở cái xứ Đông Dương này, một người anh em làm cảnh sát ở Campuchia hay làm kỹ sư đường sắt mạn Nha Trang.

Một đêm, cậu châm đèn dầu và kéo chiếc túi lại. Đó là một mớ hổ lốn các món đồ linh tinh của lính tráng trong đó có hai cuốn sách chẳng lấy gì làm thú vị, một tạp chí tiếng Pháp cũ kỹ, vài lưỡi dao lam cạo râu và một hộp kim loại màu đen, không ghi gì, và nắp hộp được buộc bằng một sợi dây. Cậu mở ra mà tìm đập thành thịch, tin chắc sẽ tìm được bằng chứng về mối quan hệ với Inès. Tại sao Tikho lại tìm cách can ngăn cậu? Và cái từ ấy - mẹ kiếp - ôi, lúc ấy giọng anh ta mới buồn bã làm sao - chẳng phải là cái cách mà anh ta đang cố bộc lộ cơn giận dữ của mình ư? Vì Pierre điên cuồng lục lọi những bức thư, những tấm thiệp nên cậu để cho cái logic phi lý choán hết chỗ, và phải rất lâu sau khi lật giở thư từ - những tờ giấy phép, những lời lẽ nhã nhặn hay ăn năn của một người vợ chưa cưới trước đây - thì cậu mới gần như miễn cưỡng chấp nhận mình là nạn nhân của ảo giác.

Dưới đáy túi, cậu tìm thấy một bức tượng bán thân của Napoléon và nhớ lại chi tiết đau lòng trong câu chuyện mà người bạn đã kể - “tớ là con nuôi của Đế chế Pháp”.

Cậu cười như một kẻ điên. Cơn sốt làm nóng ran khắp cơ thể và khiến cậu run rẩy. Giờ này ả đang ở đâu? ả từng cùng với ai trước đây? Mẹ kiếp, mẹ kiếp! Đó là lời nói của một người đàn ông ít nói, một người thanh khiết, gần như một vị thánh sao! ả có yêu cậu không, ả có yêu cậu *thực lòng* không, chứ không phải chỉ như một “chàng lính cừ khôi” mà ả cần trong một lần thậm thụt khi ông chồng đang đi thăm thú đồn điền ở vùng đất đỏ? Cậu đọc lại những lá thư, một nhòai vì sự tầm thường của chúng, bưng bưng lên vì không tìm thấy câu trả lời trong đó, tin rằng chúng chứa đựng một mật mã để giều cột cậu, chính cậu, Pierre Garnier. Cuối cùng cậu cũng bình tâm mà không thấy khuây khỏa, bỏ mặc chiếc túi và các vật dụng nằm tứ tung, thổi tắt ngọn đèn rồi nằm duỗi dài như người chết.

Cậu tỉnh dậy lúc bình minh, mệt rã rời trước một ngày mới. Ngược lại với những e ngại của cậu, bài báo ban đầu chẳng hề gây cho cậu những lời quở trách trực tiếp, mà cậu cũng chẳng phát hiện ra những lời bóng gió nào. Chỉ là, đôi khi, cậu thấy gương gạo khi đến hẻm Eden, nơi bây giờ có một cậu lính còn trẻ hơn cả cậu đứng gác, cậu ta luôn đỏ mặt khi có người nói chuyện nhưng chẳng hề đùa cợt về chuyện mật hiệu. Nhưng sự biến mất của Inès có ý nghĩa hơn cái vẻ tĩnh lặng bề ngoài này. Ban ngày, hình ảnh về ả cào xé cậu đau nhói. Cậu tự nhủ: “Mình yêu nàng, mình cần nàng,” nhưng những từ ngữ ấy vang lên trống rỗng. Cậu tự nhủ: “Đó là một con điếm, ả ngủ với cả phân nửa đàn ông Sài Gòn,” cậu cảm thấy bị kích động và bất hạnh. Nếu cố gắng bình tĩnh nghĩ đến ả thì cậu có thể nhớ lại từng câu những lời lẽ ả đã nói, và những biểu cảm trên khuôn mặt ả, nhưng chúng không làm cậu thích và cậu cũng không hiểu được chúng. Cậu nhớ ả, như nhớ thuốc phiện, và cậu thích thú với cái cảm giác nghiện mạnh đến mức cậu kinh tởm nó.

Tikhomirov được thế chỗ bằng một chàng trai trạc tuổi cậu nhưng bị hói và đeo kính nên trông có vẻ già dặn. Ngay tối đầu tiên, Garel đã kể với cậu rằng cậu ta đã ở sáu tháng trong một trường dòng nhỏ, bị giày vò bởi đam mê mạnh mẽ, khiến cậu ta tưởng sẽ phát điên trong sự kìm hãm. Garel khẳng định chẳng phải do thiếu thốn tình dục làm cậu ta khó chịu, vả lại cậu ta vẫn còn là trai tân và nghĩ rằng mình sẽ mãi như vậy. Cậu ta không ghét đàn bà hơn đàn ông; mà chỉ muốn giữ nguyên nguồn “chất lỏng chứa mầm sống” cho những “kế hoạch lớn lao hơn”.

“Kế hoạch lớn lao hơn ư? Cậu muốn giữ hạt giống của mình cho vinh quang của Chúa à?”

- Cậu không nên nói về những điều này với vẻ hời hợt như thế. Tình dục, ấy là năng lượng thuần khiết. Gieo rắc khắp nơi một cách vô ích cũng chẳng khác nào xả nó xuống cống.”

Garel tháo cặp kính ra và lau nó một cách kỹ càng máy móc.

“Nói cách khác thì, tớ không muốn đến chỗ bác sĩ rồi nói với ông ta rằng tôi bị đau chim và bị bỏng rát khi đi tiểu.

- Giờ thì cậu nói chuyện cứ như một người đàn ông rồi đấy.”

Bất chấp những lời giễu cợt của cậu ta, Pierre vẫn rất ấn tượng với những ý định nghiêm túc của Garel. Cậu ta đã biến thành người theo chủ nghĩa Mác trong chuyến vượt biển do ảnh hưởng của một sĩ quan, người đã khuyên cậu trốn đi sau khi thuyết phục được cậu.

“Thậm chí, anh ấy còn trích dẫn cả Trang Tử - hoặc là Lão Tử gì đó. ‘Cá khôn bơi nước dòng sâu’.

- Thế thì, cá khôn này, cậu không thấy phiền khi ở đây chứ? Ý tớ là đang chiến đấu cho chủ nghĩa đế quốc ấy?”

Họ đang trong một quán bar dành cho lính ở Chợ Lớn, không xa doanh trại Drouhet, nơi mà trong bóng tối, tất cả các cô gái người Hoa đều trẻ trung và bìa thì ấm. Garel khẳng định có thể tìm thấy ở đây sự yên tĩnh cần thiết cho những kẻ mưu phản như họ. Cậu ta đã tuyên bố những điều khiến Pierre sững sờ: không ngồi xe kéo mà đi xích lô, đúng thế. Uống trà nhai trong quán bar bán bia. Cười với gái và chuyện trò với họ nhưng không động chạm đến họ. Không hút thuốc phiện, nhưng cậu ta biết hết các tiệm hút có thể ló mặt vào.

Pierre muốn chọc ghẹo cậu ta một chút.

“Tháng Sáu năm 1940 thì một người cộng sản gương mẫu phải ở đâu nhỉ? Giấu mình chẳng? Ở Mátxcova? Hay trong quân đội Pháp?”

- Khi ấy tớ vẫn chưa là cộng sản.

- Tớ biết, tớ biết. Tớ nói với cậu vậy thôi, chỉ để biết thôi mà.

- Khả năng cao là ở trong quân đội - chứ không phải đang rải truyền đơn đòi hòa bình.

- Tớ không hiểu. Như vậy, đó hẳn là một người cộng sản thách thức đường lối của đảng.

- Hoàn toàn không! Đường lối của đảng rất rõ ràng và anh ta chỉ việc đi theo.”

Garel lau mồ hôi túa ra trên trán bằng chiếc khăn tay trắng có thêu những chữ cái đầu không có trong tên cậu ta.

“Vậy thì, nhắc lại cho tớ đường lối của đảng xem nào, tớ không theo kịp.

- Trong giai đoạn đó của chiến tranh đế quốc, tốt hơn là không nên để bị chú ý.

- Tóm lại là làm một con cá khôn.

- Đúng vậy. Vả lại những kẻ theo chủ nghĩa đế quốc lại lấy đó làm một trong những cái có để phát động chiến tranh: đè bẹp chúng ta trong máu, tái hiện vụ 1871⁽²⁾.

- Việc này, tớ còn chưa nghe nói đến!

- Khi đảng kín đáo đề nghị với chính phủ cầm quyền của bè lũ Reynaud-Daladier-Mandel trang bị vũ khí cho nhân dân để kháng chiến chống lại của quân Đức xâm lược vào Paris, họ thậm chí còn chẳng thèm hồi đáp. Điều phải chứng minh đây.”

Pierre cười bỏ ra nhưng Garel lại rất nghiêm túc. Vì cũng mới “cải đạo”, cậu ta hẳn phải có một năng lực tự nhiên đối với phép biện chứng: không gì lay chuyển được cậu ta một khi đã đưa ra lập luận. Cậu ta thể hiện nó với vẻ lạnh lùng đầy đam mê mà Pierre không thấy đáng sợ chút nào - mà thấy vui thì đúng hơn.

Ngay từ những bài báo đầu tiên, Garel không gặp khó khăn gì trong việc thể hiện khát khao chiến đấu, nhiệt huyết chinh phục, những thứ ấy vượt quá xa những lời khuyên bảo của đại úy Blondeau. Đó là trò của giống cá khôn, Pierre nghĩ thế, nuối tiếc vì không được sinh ra trong cùng một bể cá.

Pierre thỉnh thoảng ngồi cùng với Carlisle, nhưng giờ đã quá muộn, cậu từ chối chia sẻ những chuyện riêng tư và cân nhắc từng lời nói. Cậu đón Giáng sinh trong các chiến dịch, dưới Mỹ Tho, bên bờ một con sông đầy rễ cây trôi nổi, vừa chén *baked beans*⁽³⁾ đóng hộp vừa uống rượu đế pha nước. Họ hát những bài ngớ ngẩn nhưng lại làm họ cười vui. Từ xa họ nghe vọng lại tiếng cồng chiêng nhưng nỗi sợ hãi đã bị đẩy lùi vào một xó, tối nay sẽ chỉ có muối để mà vỗ thôi. Một người cũ từ xứ thuộc địa, người đảo Corse, gốc Ota với khuôn mặt lưới cà, kể những câu chuyện thời xa xưa và tất cả cùng cười. Có một nữ nhân viên quân y nhút nhát, một trong những người cuối cùng của đội “Rochambelles”⁽⁴⁾ mới đến, một cô gái cao ráo, người phẳng lì chẳng ai dám nói chuyện cùng, nhưng chỉ riêng sự có mặt của cô đã khiến mọi người giữ gìn ý tứ, thậm chí khơi gợi một mong muốn mơ hồ được quyến rũ dù cô chẳng xinh đẹp gì. Những gương mặt anh hùng được nêu ra: Ponchardier, Conus, người “đốn củi” của Gabon, những người được gán cho những kỳ tích xuất sắc hơn nhiều so với thực tế. Một giọng nói vô danh ứng tấu một bài thánh ca

Ba hộp đậu
Không rượu vang
Vài chiếc bánh cũ
Trong một góc.
Một cây nến bập bùng
Lũ kiến uống
Trà của chúng ta;
Một chiếc bàn đầy thùng chồng đống.
Một bầu trời với nghìn vì sao
Hát lời ngợi ca
Mừng Chúa-Hài-Đồng.
Ấy là Giáng sinh
Bên bờ sông Bé.

Có tiếng hò hét và tiếng hoan hô rồi nhanh chóng chuyển thành những tiếng rì rầm rồi sự dờ

đến, mỗi người trở lại với chính mình, nghĩ về bầu trời và những vì sao trên ngọn đồi hay dòng sông của mình, nhắc đến những Giáng sinh trước đây, mỗi người đều thấm thía sự mong manh của nó và giữ lại riêng cho mình.

Đêm đó Pierre không ngủ trong dãy nhà tranh cùng những người khác mà cậu buông màn bên bờ sông, chốc chốc lại bỏ miệng một miếng bánh đa vùng, nhìn linh hồn của những người thân thiết trôi theo dòng nước và kinh ngạc nhận ra rằng rất nhiều người đã ra đi.

Sau đó khi chìm trong giấc ngủ, cậu có cảm giác bị những bàn tay vô hình của họ tóm lấy, cuốn theo dòng quên lãng trước khi bị nuốt gọn trong đó.

Hai ngày sau, khi trở lại Sài Gòn, trời vang rền tiếng sấm.

Ở doanh trại Martin-des-Pallières, bị tàn phá nặng nề sau ngày 9 tháng Ba, lòng quyết tâm không gì lay chuyển được của Leclerc cộng với sự trợ giúp của người Anh đã cho phép dựng được một doanh trại xứng đáng với tên gọi của nó trong vài tháng.

Trong sân, bánh của những chiếc xe Jeep, xe GMC; những tòa nhà với cột đá thừa thớt được sơn sửa lại, lắp quạt gió; những kho đầy vũ khí và đạn dược; những bộ quân phục mới, không còn khiến lính Pháp trông như mặc lại đồ của quân Anh nữa.

Phòng làm việc nhỏ của Blondeau trống trơn, trừ một chiếc quạt trần và một tấm ảnh do Leclerc đề tặng treo trên tường, ngay bên cạnh cuốn lịch năm 1946 vừa mới bắt đầu.

“Zui zẻ cả chứ?”

Pierre cất tiếng chào rồi ngồi xuống chiếc ghế kim loại. Cậu nhìn thấy ngay bài báo, được cắt xén cẩn thận đặt trên một tờ giấy có tiêu đề Phòng Nhì; một vài từ viết nguệch ngoạc bên lề. Blondeau thở dài.

“Tôi không muốn nói với cậu về chuyện này bởi vì nếu tôi phải rao giảng đạo đức thì có lẽ phải có cả tá lũ ngu ngốc cần xử lý trước cậu. Nhưng điều tôi lo sợ đã xảy đến: cậu phải ra đi.”

Bình thường anh không có kiểu nói chuyện khô khan như vậy nhưng lần này ánh mắt đen, thẳng thắn, dữ dội của Blondeau hướng thẳng về phía cửa ra vào.

“Tôi hiểu.

- Cậu gặp may vì tôi thì không.

- Anh không muốn biết chi tiết hay sao, thưa đại úy.

- Cậu muốn về Pháp không?”

Pierre đã không lường đến chuyện đó; màn đánh úp khiến cậu lúng túng:

“Không, nếu tôi tránh được việc ấy, thưa đại úy. Tôi chẳng biết sẽ làm gì ở đó.”

Khuôn mặt của Blondeau thoáng biến dạng do chứng máy cơ mặt.

“Vậy thì, sẽ là Hà Nội. Cậu sẽ là phóng viên của tờ *Tự do!* ở Bắc Kỳ. Tất cả những sự kiện quan trọng đều diễn ra ở đó, phải vậy không? Tôi hy vọng họ sẽ coi như thế là đủ. Tôi sẽ nói với họ rằng cậu đã bị trừng phạt và họ sẽ không gây khó dễ nữa. Còn nếu như thế vẫn chưa làm họ vừa lòng, thì đó sẽ là vấn đề của tôi.

- Tại sao họ lại làm khó đến vậy, thưa đại úy?

- Trừ khi cậu muốn kể cho tôi điều mà cậu muốn tránh cách đây một phút, tôi tin là cậu biết rõ hơn tôi những lý do của họ.

- Tôi rất lấy làm tiếc.

- Ồ không, không cần phải thế.

- Không phải vậy, thưa đại úy. Tôi tự nhủ rằng lẽ ra tôi nên nói với anh điều này, rằng tôi đã khiến anh thất vọng.

- Cậu có lý lẽ của cậu. Cậu không làm tôi thất vọng hơn làm chính cậu thất vọng đâu. Trời ơi, tôi cố cảm giác như nghe một kẻ hủ lậu. Thôi được, tôi sẽ tặng cho cậu một câu nói của Goethe mà tôi rất thích - và cũng là câu duy nhất tôi biết: *Không có tội ác của con người nào mà tôi chưa từng hình dung mình mắc phải.* Cậu thích không?”

Anh mỉm cười.

“Đừng để tâm đến họ, chỉ mất thời gian thôi. Hãy để tâm đến cậu, chính bản thân cậu ấy. Tôi rất buồn vì không giữ được cậu nhưng tôi không muốn thấy cậu một buổi sáng nổi lênh phênh làm thức ăn cho cá trên kênh Tàu Hũ. Hãy thận trọng từ giờ cho đến trước khi đi.”

Pierre không ngăn được nụ cười gượng gạo. Lại con cá khôn ranh ấy nữa...

“Cũng chỉ tệ đến thế thôi, phải không?”

- Tôi hy vọng cô ấy đáng để mất công.”

Pierre đỏ mặt. Cậu thấy câu nhận xét dung tục này không phù hợp với Blondeau.

“Tôi sẽ cho cậu đi chuyển Dakota sớm nhất có thể ở Tân Sơn Nhất. Cậu còn muốn điều gì nữa không?”

- Không, xin cảm ơn.”

Khi đứng dậy, cậu kinh ngạc nhận ra rằng mình sắp làm điều không nên làm.

“Cậu có thể lấy danh dự người lính để hứa với tôi rằng cậu sẽ không làm gì ngu ngốc trước khi đi không?”

- Tôi xin hứa.”

Cậu trả lời bật ra rõ ràng và cậu nhìn thẳng vào mắt Blondeau.

“Vậy thì tốt rồi. Tôi có một thứ cảm tình ngớ ngẩn đối với cậu và tôi muốn giúp cậu sống lâu hơn một chút so với khi chỉ có mình cậu chăm lo cho bản thân mình thôi.

- Tôi sẽ sống, thưa đại úy. Cảm ơn anh.

- Tốt rồi. Cậu đã nói thế mà.”

Blondeau vòng qua bàn làm việc để bắt tay cậu rồi vỗ vỗ vào lưng đẩy cậu ra phía cửa.

Lẽ ra phải trở lại văn phòng, thì Pierre lại tha thẩn giữa những lối đi của khu nghĩa trang Massiges⁽⁵⁾. Giữa hai ngôi mộ, một phụ nữ trong trang phục màu ghi đang cắt nghĩa cho một thanh niên ngực trần cách sử dụng kiếm. Rõ ràng là, cậu nói gần như thành tiếng, mình lang thang với ma hay ma lang thang với mình đây. Rồi quay lưng lại phía dinh Norodom, cậu vẫn vơ trong khu vườn thuộc địa, phía trên kênh Avalanche, nơi cậu đã hôn ả lần đầu tiên. Cậu không mong chờ ả xuất hiện, nhưng tính cho đến khi cậu phải đi, cậu cảm thấy thật vô ích và đau lòng khi phải làm gì đó khác ngoài việc thường xuyên nhắc đến ả; cậu quay lại khu Plateau gần ngôi nhà có hàng râm bụt, và cả phòng tranh trên đường Lagrandière; cậu thậm chí còn cố tìm lại những con đường quanh co mà ả đã dẫn cậu đi để ra đến bờ sông, vừa gần lại vừa xa như trong mơ. Còn hơn lời hứa danh dự của người lính, chính hình ảnh về sự vô lý của những kế hoạch ấy đã khiến cậu đổi hướng.

Khi cậu trở lại hẻm Éden, ả đang ngồi trước mặt Thiệp, hai bàn tay đeo găng đặt trên đầu gối. Garel đang miệt mài viết lách và ngược mắt lên đúng lúc cậu bước vào. Pierre đứng trên khuôn cửa, vịn vào song sắt, gần như dựa lưng vào chàng lính trẻ, ghi nhớ những chi tiết của căn phòng đã được nhanh chóng kê đầy đồ kể từ khi họ đến ở, một cuộc xâm lấn của giấy tờ mà Thiệp, dưới vẻ bề ngoài là người ưa sắp xếp, chỉ biết chồng đống lên nhau. Inès đứng dậy nắm lấy tay cậu không nói một lời. Khi họ ra đến đường Catinat, ả buông tay ra và chỉ nói: “Về nhà

anh.”

Cậu lên xích lô còn ả đi bằng ô tô. Khi cậu đến phố Đa Kao thì ả đã có mặt ở đó và bà chủ nhà của cậu đã chuẩn bị, cùng với một chiếc phong bì giấu trong tay áo. Tiếng ồn ào của thành phố bị cây cối chặn lại và ngay cả thời gian cũng bị tiêu tan trong ánh sáng tối đen: chỉ còn họ với nhau.

“Em đã hy vọng, ả liếc mắt nhanh và tỏ vẻ không ưng căn phòng nghèo nàn, em đã hy vọng rằng anh sẽ tự hiểu đấy là sự thực - em đã hy vọng anh sẽ làm gì đó. Và bây giờ anh sắp hiểu, nhưng bây giờ thì đã quá muộn rồi.”

Pierre sững sốt. Inès hẳn đã nói một thứ tiếng lạ lẫm nào đó. Làm điều gì đó ư? Quá muộn là sao?

Khi họ làm tình bên bờ sông, cậu đã ghi nhớ cái cách ả uốn mình; sự mềm mại vô cùng của ả dưới bàn tay cậu. Cậu khao khát làn da đen của ả, và khao khát nếm hương vị đôi môi ả thêm lần nữa. Cậu đưa tay lại gần.

“Em không muốn, ả nói. Em không biết mình đang làm gì ở đây. Lẽ ra em phải...”

Ả quay gót bước đi nhưng cậu giữ ả lại một cách cuồng nhiệt, ngờ rằng đó là những lời nói dối giấu đằng sau cái nén lòng của ả, rồi cuộc để tìm hiểu xem những lời ả nói có nghĩa là thế này hay thế khác, chỉ là do tâm trạng chứ không phải trong trạng thái ổn định. Đấy là ả - còn cậu thì sao? Cậu nắm lấy vai ả từ phía sau và cắn vào cổ ả, mạnh đến nỗi ả kêu lên nhưng vẫn đứng im. Người ả cứng đờ, cưỡng lại, nhưng đồng thời lại run rẩy; ả không chịu nhượng bộ nhưng cũng không có động tác lẩn tránh. Bàn tay Pierre luồn xuống ngực ả rồi xuống phía dưới phần kín: ả mở đùi ra rồi khép chặt tay cậu lại, không cho cậu biết xem liệu ở đó đã ẩm ướt chưa, chỉ để cậu chạm vào phần da khô và săn chắc. Bây giờ chính ả là người giữ cậu bất động dù chính cậu mới là người đã giữ ả lại. Khi cậu đã hoàn toàn phục tùng ả xoay người lại: vì không biết điều đó cậu đã buông lỏng thôi ôm ghì ả.

Cậu tiến đến hôn ả nhưng ả đã lấy tay ôm lấy gương mặt cậu và kéo xuống. Ả hít hà mái tóc cậu, dùng lưỡi liếm láp. Cậu cảm nhận những cái hôn, liếm láp, cào cấu. Rồi ả đẩy cậu ra.

Ả bật khóc.

Ả đã nói rằng cậu sẽ hiểu nhưng đã quá muộn mà cậu vẫn luôn chẳng hiểu gì cả, nếu không đã chẳng có sự trống rỗng kinh khủng trong lòng cậu, cái vị đắng của đầu môi và thậm chí ngay cả cảm giác nôn nao này.

Cậu nhớ điều ả đã nói bên bờ sông: “Sau này, anh hãy nói với em rằng không phải là em nằm mơ.”

Thậm chí điều ấy cũng chẳng chắc chắn.

PHẦN II

HÀ NỘI, PHỐ NHÀ THỜ

1.

Trời không lạnh, nhưng Hà Nội chìm trong làn sương mù dày đặc lẫn với mưa: người nghệ sĩ lớn về màu xám, hẳn là một người gốc Bắc, bắt tay vào tác phẩm và ông phủ lên cả thành phố, sông, hồ, kéo thấp bầu trời xuống khung cảnh đường đi, những ngôi nhà và những mảnh đất bỏ không. Tôi hé mở cửa kính taxi giá cước mười đô la và mặc cho bầu không khí ẩm thấp, ẩm áp ấy thấm vào mình. Tôi đi cùng một thanh niên người Việt, câu chuyện trò với tôi bằng tiếng Anh về việc nhập khẩu các máy công cụ và những cơ hội kinh doanh tốt ở xứ này. Tôi không muốn làm cậu mất hứng với những ám ảnh về quá khứ của mình - và tôi là ai mà lại đi ngăn cậu trở thành một người châu Á hiện đại, chuyển kênh sang MTV và Star Sports, cá cược cho Giải bóng đá ngoại hạng Anh và kiếm tiền ở một trong những thiên đường mới của Chủ nghĩa tư bản-cộng sản?

Kể từ khi chuyện trò với cụ già bán sách, đôi lúc tôi nhận thấy dường như mình gần gũi với bố, hay đúng hơn là cảm thấy ông sống trong tôi. Không chỉ còn là cảm giác dung dưỡng một con quái vật, phải chịu đựng những cảm xúc không phải của tôi vốn bị sự nổi loạn dữ dội mà vô ích trong tôi chống lại; tôi có con mắt thần bên trong cho phép tôi, trong những điều kiện thuận lợi, soi kỹ càng vô số những câu chuyện sục sôi trong lòng, làm chúng sinh động, chiếu chúng như những hình nhân rối bóng - nếu tôi được phép ví von như vậy - lên các bức vách trong hang động lòng tôi.

Những hồi ức, những cơn sóng lan tỏa khắp người tôi không rõ nguyên do và, dĩ nhiên, ngay cả bí ẩn về sự hiện diện của bố tôi cũng không còn thuộc về sự hỗn loạn hoàn toàn nơi duy chỉ có bản năng sinh tồn dẫn đường cho tôi; chúng tạo thành một logic mà tôi không có chìa khóa để hiểu được nhưng việc theo sát diễn biến của nó có những lúc lại khiến ta thấy khá yên lòng.

Từ thành phố Hồ Chí Minh tôi đã đặt phòng nghỉ hai đêm tại khách sạn Métropole - cái tên nổi tiếng duy nhất, nổi luyến nhớ thời kỳ thuộc địa, mà tôi biết. Tại quầy lễ tân, một chiếc phong bì đang đợi tôi.

Tôi vào phòng và bật máy thu hình lên. Kênh CNN đang phát diễn văn của Dominique de Villepin⁽¹⁾ tại Liên Hợp Quốc. Tôi theo dõi từ xa các công việc chuẩn bị cho cuộc chiến tại Iraq với một cảm giác quen thuộc. Tôi không lắng nghe mà quan sát con người đó, khuôn mặt, đôi bàn tay, chiêm ngưỡng uy lực của ông. Có cái gì đó trong ông thật cao quý và gây xúc động, đánh thức một niềm tin huyền thoại vào sự vĩ đại của nước Pháp. Nhưng đồng thời đó là sự dằn dặt đáng nhạo báng một tham vọng của một thời đại khác. Đất nước của tôi sẽ không gây chiến nữa, không phải cuộc chiến ấy, *không một cuộc chiến nào nữa*. “Châu Âu già cỗi”, như thằng đểu ngạo nghệ khác từng nói - nhưng hẳn không nhầm. Dốc cạn máu, không lúc nào được yên với những linh hồn lang thang của lịch sử nước mình, chúng tôi chỉ còn biết giấu mặt quá khứ. Chúng tôi chỉ có thể dần từng từ như lên đồng, cho đến khi chúng mang một ý nghĩa nào đó như có phép thần. “Tại sao người chết? Tại sao người giết người?” tôi hét vào màn hình, không phải với vị bộ trưởng mà với chính mình - và câu trả lời duy nhất mà tôi tìm thấy đó là con trai tôi, đứa con trai mà tôi đã đánh mất và có thể sẽ không bao giờ gặp lại.

Tôi rời phòng bước ra ngoài vườn, đến ngồi trên chiếc ghế bành mây. Vào giờ này buổi sáng, các doanh nhân đang giao dịch, khách du lịch đi tham quan, còn mình tôi với người làm vườn đang ngồi xồm nhổ cỏ dại. Chiếc phong bì bằng giấy xi măng đựng một tập giấy ngả vàng viết mực xanh đã phai và một bức thư ngắn với dòng chữ đẹp nét thanh nét đậm ghi dấu việc học tập dưới thời chế độ Cộng hòa thứ III.

Ông thân mến,

Cách đây mấy ngày, lần đầu tiên, tôi đã nghĩ rằng chồng tôi sắp chết. Tôi hỏi bác sĩ khi nào thì chuyện đó xảy ra. Đó là một người tử tế, ông ấy không muốn trả lời tôi: ông ấy nói có thể là một vài ngày, một vài tuần hay một vài tháng. "Nhưng có thời hạn, phải không?", tôi thốt lên. Ông ngắm nhìn tôi với một nụ cười rất hiền, gần như khiến tôi phát bực. "Luôn luôn có một thời hạn, thưa bà. Bà còn muốn hỏi gì nữa không? - Rõ ràng là chỉ có những câu hỏi mà ông không thể trả lời được."

Tôi giận điên người nhưng có gì đó đã diễn ra. Tôi đã vượt qua cái ranh giới tối tăm đó: trước đây tôi biết rằng chồng tôi bị ốm, tôi chăm sóc ông ấy, tôi mang thuốc đến cho ông ấy, tôi bón cho ông ấy ăn, tôi thay quần áo cho ông ấy, tóm lại tôi làm những công việc cần thiết, đôi khi có chút cứng rắn bởi vì với một người ốm thì chẳng đùa được. Bây giờ thì tôi biết rằng chuyện đó sắp kết thúc, có thể là ngày mai, có thể muộn hơn, nhưng chẳng bao lâu nữa thôi.

Thời gian gần đây ông ấy nói nhiều về ông. Cuộc gặp gỡ ngắn ngủi giữa hai người - và tại một nghĩa trang! - chính là khoảnh khắc cuối cùng ông ấy chia sẻ kỷ niệm về một chặng đường mà ông ấy đã muốn giữ kín, những điều cơ bản, kể cả đối với người thân. Ông ấy căm ghét những ai muốn "khiến ông ấy nói ra điều đó": nhà báo, nhà xuất bản, tất cả bọn họ đều mưu toan chiếm được thiện cảm của ông ấy, ép ông ấy hé mở một giai đoạn đen tối nào đó của chế độ Cộng hòa. Ông ấy có thú vui tinh quái là để cho họ phô bày những cách mua chuộc đôi khi rất tế nhị của họ, để cho họ biết rằng sau tất cả, khi thời gian đã trôi qua, ông ấy không còn thù ghét một bài báo, thậm chí... một cuốn hồi ký nào... Và khi họ nài xin thì ông làm họ cứng họng bằng một câu trả lời. Buổi tối ông ấy vừa cười vừa nói với tôi: "Những tên đàn đó đã trải qua cái gì đâu, họ thậm chí không ngờ được rằng chẳng bao lâu nữa những chuyện đó sẽ chẳng còn quan trọng."

Từ thời còn rất trẻ ông ấy đã giữ thói quen giấu kín mọi điều, kể cả sau khi đã hết thời hạn tra cứu tài liệu lưu trữ: thói quen đó trở thành lớp da thứ hai, và phải đến khi ông lao vào tiếp cận, nhắc tới nỗi buồn sâu đậm về cái chết của bố ông, thì thói quen đó rốt cuộc mới mất đi: ông ấy thực sự chân thành khi bảo ông đến thăm chúng tôi.

Chồng tôi không phải là một người trầm uất; trong suốt cuộc đời mình, ông ấy đã hoàn thành nhiều công việc (kể cả một số việc mà ta có thể phán xét là đáng chê trách) vì thú vui giải trí. Chính cuộc đời là trò tiêu khiển của ông ấy.

Thời kỳ của những việc cấp bách đang cận kề, một thời kỳ mà các hành động của chúng ta hoàn toàn là do máy móc. Tôi đã hứa giữ ông ấy lại nhà dù có chuyện gì xảy ra, không giao ông vào tay các bác sĩ, ngoài con người tử tế đó (vì không nhìn thấy người đó nên ông ấy nói rằng con người tử tế này là "người có giọng nói ngọt như mía lùi"), người đã kê đơn lần gần đây nhất (không muộn hơn sáng nay) rằng: "Hãy để ông ấy được yên". Ông ấy không muốn người ta cầm ống vào người với lý do để giúp ông ấy sống. Nếu ông ấy nói: "Hãy ôm hôn anh đi", thì tôi ôm hôn ông ấy. Nếu ông ấy bảo: "Cút ngay", thì tôi bỏ đi. Tôi thấy khó khăn hơn khi phải chấp nhận rằng đôi khi, bây giờ thì thường xuyên hơn, ông ấy không chịu ăn - nhưng tôi đã khá hơn.

Khi sắp xếp giấy tờ của ông ấy (tôi đã nói với ông ấy rằng chúng tôi đã bước vào thời kỳ của những việc cấp bách), tôi tìm thấy những tờ giấy cũ này và tôi bắt đầu đọc cho ông ấy nghe. Chuyện đó làm ông ấy mỉm cười. "Ồ, cái đó", ông ấy chỉ nói có vậy sau khi nghe vài dòng, rồi ông ấy yêu cầu tôi không đọc nữa. Không hề ngần ngại ông ấy nói với tôi rằng những giấy tờ đó thuộc về ông, rằng chúng là điều tốt nhất mà ông ấy có thể đóng góp cho cuộc tìm kiếm của ông. "Hãy nói với chàng trai trẻ đó rằng đây là những gì tôi di tặng cho cậu ấy - rằng cậu ấy giữ quyền sở hữu chúng ngay từ ngày hôm nay, không cần phải chờ cho đến khi tôi chết và tro xương tôi được rải xong." Vậy các giấy tờ đó đây - chúng là của ông.

Tôi đi ra vườn và làm những gì tôi vẫn thường làm. Đôi khi tôi hình dung rằng ông ấy không còn ở đây nữa và tôi tự ép mình tiếp tục chính những động tác đó, dọn lá rụng, tỉa cây, nhưng khó khăn biết bao. Tôi vẫn làm.

Chúng tôi không rời Paris nữa. Ông không cần phải đến thăm chúng tôi nhưng nếu ông đến,

Tôi không phí thời gian tự vấn làm thế nào bà ấy biết tôi ở Việt Nam, làm thế nào bà ấy tìm được tôi ở khách sạn Métropole. Tôi cầm nhật ký của Costes và bắt đầu đọc ngay không chậm trễ.

12 tháng Tám 1945

Chúng tôi đến bằng trực thăng Dakota của sĩ quan Patti.

Một cách chính thức, thực hiện nhiệm vụ nhân đạo cho người Pháp ở Hà Nội. Tên sĩ quan Mỹ không phải kẻ ngốc và hăn hồi tiếc vì đã nhượng bộ chúng tôi. Có lẽ chúng tôi lại lên tàu đến Côn Minh nếu hăn có thể và - sẵn lòng hơn - đến Vladivostok với duy nhất chiếc vé lượt đi và lời tiễn cử với bác Joseph, người cha yêu quý của các dân tộc, là giữ chúng tôi lại vĩnh viễn. Hăn không thích chúng tôi. Chúng tôi chẳng ưa hăn. Đó có phải chuyện cá nhân không? Hoàn toàn không. Hoàn cảnh éo le khiến tôi vui; còn hăn lại không phải dạng thích đùa. Một gã nghiêm túc luôn làm mọi việc một cách nghiêm túc. Việc tôi nói tiếng Anh chuẩn với giọng Oxford khiến hăn khó chịu. Hăn đã hạ mình đến mức hỏi tôi, với giọng có chút hồi hộp: “Nhưng ông đã học nói tiếng Anh ở đâu vậy?” Tôi trả lời với ngữ điệu hay nhất của mình: “Ở nước Anh, thưa ông.” Đó là một người Mỹ tư duy theo kiểu một người Mỹ hiện đại: đối với hăn, là người Pháp thật đáng hổ thẹn. Hăn sắp không phải thất vọng rồi.

Chúng tôi không hạ cánh ở Bạch Mai, sân bay ở đó ngổn ngang xe Jeep và khung máy bay. Quân Nhật ư? Sainteny đập tắt niềm lạc quan trẻ tuổi của chúng tôi khi nói rằng theo những gì anh hiểu thì những tên ấy dường như chưa biết tin về vụ đầu hàng. Như thường lệ, chúng tôi giả ngây giả ngô với Missoffe, thế là anh ta mời chúng tôi hai điều thuốc để buộc chúng tôi im lặng nghe anh ta nói trong vòng năm phút. Patti coi như chúng tôi không tồn tại. Hăn chớp lấy cơ hội để ra lệnh cho tay phi công quay trở lại, nhưng Sainteny, thật hoàn hảo, nói với hăn rằng nếu không thể hạ cánh thì chúng tôi sẽ nhảy dù. Điều đó làm tên sĩ quan dụi lại.

Trời sáng sủa hơn bên Trung Hoa chút ít: những cơn mưa như trút đã có phần ngớt khi chúng tôi bắt đầu bay trên bầu trời Bắc Kỳ.

Chúng tôi bay trên sông Hồng đến tận Gia Lâm. Mặc dù Sainteny có vẻ ngoài bình tĩnh nhưng tôi cảm thấy sự căng thẳng trong anh. Một gã chơi bài poker chẳng có gì trong tay, chẳng giấu được quân át chủ nào trong ống tay áo và gã phải đặt một khoản tiền lớn... Kể từ khi người Mỹ xâm nhập vào đoàn tình báo M.5⁽²⁾ của chúng tôi tại Côn Minh để gào thét: *The war is over!* Kết thúc rồi ư, chiến tranh? thì anh biết rằng đối với anh, chiến tranh mới bắt đầu. Tôi nhớ như in cái đêm hôm ấy...

Anh tập hợp chúng tôi lại và hé lộ nhiệm vụ: tái lập nước Pháp tại Đông Dương. Trung úy Missoffe, đồng đội thân tín của tôi, bắt đầu cười như nắc nẻ. “Chỉ thế thôi à!” anh ta nói, và Sainteny: “Chỉ thế thôi, Missoffe. Hơn nữa tôi xin cam đoan rằng khả năng của chúng ta là vô hạn: chúng ta chẳng có gì hết. Quyền lực của tôi không hề có giới hạn: tôi làm gì có quyền lực. Các cậu hài lòng chưa?” Tệ nhất là điều đó khiến chúng tôi thích, dĩ nhiên anh chàng biết như vậy.

Chúng tôi phải dùng vô số tiểu xảo tai quái chỉ để có được một chiếc máy bay. Trước đó, Sainteny đã tiếp xúc với những người theo chủ nghĩa dân tộc, họ khẳng định với anh rằng chúng tôi sẽ không được chào đón với hoa hồng. Cách đây ba ngày, một cuộc biểu tình của những viên chức thân Nhật biến thành cuộc chiếm ngục Bastille... Anh nói với chúng tôi rằng người Nhật chống lại chúng tôi, người Mỹ cũng vậy, và rằng người Tàu rồi đây cũng chẳng thân thiện hơn. Chúng tôi bước ra trước nhà và đi dạo giữa những hàng cây hoàng dương được xén tỉa cẩn thận nhưng cơn mưa dữ dội buộc chúng tôi chẳng mấy chốc phải rút vào trong. “Chưa có gì chính thức, anh nhắc lại, chúng ta phải tồn tại, bằng khả năng nội tại.” Đúng, chúng tôi thấy chuyện đó hơi buồn cười.

Tay phi công: cái gã thanh niên xanh xao đó đã tiết lộ chỉ thị gã nhận được với chúng tôi: bay một vòng phía trên Hà Nội, vừa bay vừa chao cánh để gây ấn tượng với dân chúng rồi trở về. Sainteny nói với Patti: “Nếu ông không muốn tới đó cũng chẳng sao, chính chúng tôi sẽ là những người đại diện cho phương Tây.” Tay phi công bắt đầu run, tin chắc rằng chúng tôi sắp bị bắn tan xác. Một tay Mèo trẻ tuổi nguyên rửa người Pháp đã kéo họ vào tình cảnh trở trêu này. Tôi và Missoffe bảo họ đừng cầu nguyện nữa, làm như vậy chỉ tổ đem lại điềm gở.

Chúng tôi nhảy xuống trước tiên cùng với Missoffe và hai lính dù Mỹ. Viên sĩ quan tốt bụng dù sao cũng sẽ không bỏ chúng tôi một mình: ai mà biết được, với những khả năng “vô hạn” của mình, biết đâu chúng tôi có thể tái chiếm Hà Nội.

Ngay khi chúng tôi chạm đất, một đám đông người ào tới chúng tôi: đó là những tù nhân người Ấn bị giam giữ ngay cạnh sân bay. Những tiếng hét vui sướng, tiếng reo hoan hô, sự kết thân thể hiện bằng mọi ngôn ngữ; rồi vô cùng trật tự, họ rút về trại. Tình huống siêu thực: chính những người chiến thắng trong cuộc chiến bị những kẻ chiến bại bắt làm tù binh, cả hai bên đều đợi chỉ thị chính thức để lật ngược tình thế.

Chiếc máy bay Dakota 908 đến lượt mình đã hạ cánh, Sainteny trong bộ trang phục màu trắng làm nổi bật vẻ thanh lịch tự nhiên của anh, Patti xanh như một tàu lá và khá rầu rĩ. Tôi nghe lỏm được một vài từ trong cuộc nói chuyện của hai người: “thuần túy nhân đạo”, đó là từ thần diệu mà S. nhắc lại với nụ cười ngây thơ.

Sau người Ấn, đoàn đón tiếp người Nhật đến, rõ ràng là ít thân thiện hơn: một chiếc xe Jeep, hai xe bọc thép có những tay xạ thủ chĩa súng về phía chúng tôi. Missoffe nắm lấy khẩu FM của anh ta, và với vẻ đùa cợt, nói với chúng tôi: “Đảng nào cũng chết, thì thà giết quách đi vài thằng...” Lúc ấy là lúc mọi chuyện có thể đảo lộn. Viên sĩ quan sửa tiếng Anh với chúng tôi. Sainteny bình thản đương đầu. Tôi là người phiên dịch sang tiếng Anh: “Chúng tôi làm nhiệm vụ y tế với mục đích thuần túy nhân đạo. Có 20 000 người Pháp tại Hà Nội và khu vực lân cận, nên chúng tôi phải đảm bảo điều kiện vệ sinh y tế cho họ.” Tên người Nhật: “Ai trong số các ông là bác sĩ?” Missoffe và tôi đồng thanh trả lời: “Tôi!” rồi chúng tôi nhìn nhau, hơi bối rối. Tên người Nhật đột ngột chuyển sang nói tiếng Pháp và quay về phía Sainteny mà hân hoan đó là người chỉ huy. “Có phải các ông giấu tôi không?” Sainteny: “Thế tôi có vẻ giấu ông à?”

Khi đi qua sông Hồng trên chiếc cầu Paul-Doumer⁽³⁾ cũ kỹ mà chúng tôi từng sợ là nó đã bị phá hủy, Sainteny mỉm cười khi nghe thấy âm thanh ghê người của những rui mè bằng gỗ bị những chiếc xe Jeep và xe bọc thép làm rung bần bật. “Ta đang trở về nhà”, anh rĩ tai tôi. Anh chỉ cho tôi bãi bồi Phúc Xá phía dưới cầu: xóm nhỏ với những mái nhà tranh đã bị cuốn theo mỗi đợt lũ của dòng sông thật xứng với cái tên của nó: nước sông màu đỏ gạch. Sainteny: “Nước rút là họ dựng lại ngay ấy mà.” Phải biết rằng đê đã bị vỡ khắp vùng châu thổ này: cả mùa màng đã mất trắng, chưa kể đến lệnh trưng thu tàn bạo của bọn Nhật.

Xác chết trên đường phố, xe ba gác, trẻ con đi lượm thi thể. Quân Nhật lướt qua giữa những cái đó.

Chúng tôi nghỉ đêm đầu tiên tại khách sạn Métropole với đám người Mỹ. Sau đó quân Nhật nói với chúng tôi rằng chúng tôi không thể trú lại đó, vì lý do an ninh. Chúng tôi muốn đi đâu ư? Sainteny không chậm trễ trước sự dối trá thô thiển (vấn đề an ninh của chúng tôi ư? Chúng giấu cợt chặc!) và anh chộp lấy cơ hội: “Đến Phủ Toàn quyền.” Do dự, bàn cãi dài dòng. Rốt cuộc người ta đưa chúng tôi đến đó. Khi đi qua hàng rào sắt, Sainteny nháy mắt với chúng tôi. Với gã chơi bài poker dối trá, chúng tôi thắng ván đầu tiên mà thậm chí không cần đến đôi 7. Ai mà phát hiện được rằng chúng tôi lòe bịp?

25 tháng Tám.

Nhà tù xa hoa thì vẫn là nhà tù. Tầng nào cũng có lính gác và họ canh gác chặt chẽ quá mức theo kiểu Nhật, thậm chí đi trong khuôn viên chúng tôi cũng phải theo đúng sơ đồ đã vẽ, không được phép đi chệch. Missoffe gọi đó là “sân vận động Olympic”. Anh ta chạy chân đất, vào những giờ trái khoáy nhất. Khi tôi hỏi sao lại chạy như vậy thì anh ta trả lời: “Để khiến chúng

bực mình.”

Chúng tôi đã thử lén gửi điện báo nhưng vô hiệu (sáng kiến đem theo một thiết bị nhẹ của tôi thật hay: đó là đường liên lạc duy nhất của chúng tôi với bên ngoài). Chúng tôi lúc thì phục tùng lúc lại khiêu khích chúng. Sự tự tin của chúng tôi (bản tính ngạo nghễ nổi tiếng của người Pháp) chỉ có thể so với sự yếu đuối nực cười của chúng tôi.

Thành phố - như những gì chúng tôi nhìn thấy trong những lần ra ngoài có canh gác - ngập tràn cờ đỏ sao vàng, một không khí vô cùng náo nhiệt. Không một khuôn mặt phương Tây nào. Chúng tôi đi ngang qua nơi trước đây là Phủ Thống sứ Bắc Kỳ, được sử dụng làm trụ sở của Chính phủ lâm thời, đối diện với khách sạn Métropole. Các tín đồ Cơ Đốc giáo đúng là đã xây dựng nhà thờ trên phế tích của các giáo đường La Mã, Aztèque hay Inca - quyền lực của tín điều là phổ cập và có thể được truyền lại. Phủ Thống sứ được những nông dân trẻ tuổi vận quần áo chàm canh gác, với đồng vũ khí hỗn tạp như ở hội carnaval gồm giáo, xiên, kiếm Nhật và súng mutke Pháp, thứ mà người Pháp không còn dùng tới từ năm 1914. Mặc dù vậy, người ta vẫn cảm thấy rằng không thể đùa được, ánh mắt họ sáng rực tinh thần lịch sử về nhiệm vụ trang nghiêm của mình. (Hoặc chỉ đơn giản là họ đang sợ hãi.)

Sau nhiều lần mưu toan thoát khỏi vòng canh gác, hôm qua chính tôi là người đầu tiên trốn thành công, lợi dụng lúc anh chàng Missoffe hay bông lơn đánh lạc hướng.

Trên các đường phố, không một bóng người Pháp. Một đám đông nhìn chòng chọc vào mặt tôi chẳng chút hữu hảo, nhưng cũng không hề khiêu khích. Nhiều người không phải là dân phố. Không một lá cờ Pháp trên các công sở. Lúc trước, Sainteny có rĩ tai bảo tôi cố gắng “tiếp xúc”. Chẳng phức tạp chút nào, tôi đến trình diện trước hàng rào nhà khách chính phủ mới. Sau khi qua hết vòng gác này tới vòng gác khác, tôi được dẫn đến một phòng khách nhỏ, người ta mời tôi uống trà và bảo tôi chờ ở đó. Bên cạnh tôi có một bức tranh bị tháo xuống, đặt úp vào tường. Đó là chân dung của Albert Sarraut, cựu Toàn quyền Đông Dương, và là bố vợ của Sainteny. Tôi toan hỏi xem liệu tôi có thể mang bức tranh về để trả lại cho một thành viên trong gia đình ông ấy hay không, nhưng tôi không dám chắc người ta có thể hiểu được kiểu hài hước đó. Các chiến sĩ Bắc Kỳ trẻ tuổi có vẻ hơi ngơ ngác giữa các bức tường không được xây cho họ, mà *chống lại* họ.

Và rồi tôi đã gặp họ! Trước sự kinh ngạc của tôi, toàn bộ giới lãnh đạo cách mạng ấy đều nói tiếng Pháp trôi chảy, họ trích dẫn những tác giả mà tôi chưa được đọc nhiều lắm: Anatole France, Romain Rolland hay Henri Barbusse. Dường như họ đang trong một cuộc họp hội đồng thường trực các bộ trưởng, suốt trong thời gian đó họ cứ ra ra vào vào liên tục và để được mời vào đó thì cũng dễ dàng thôi. Ngồi giữa họ - những con người rất trẻ - nổi bật gương mặt khác thường của người mà ai cũng nói đến, ở đây cũng như ở nước ngoài: đó chính là Hồ Chí Minh, người mà ngay khi đó đã trở thành huyền thoại.

Nếu không biết các tình tiết về cuộc đời của ông (tôi đã lấy được bản báo cáo của Sở Mật thám về tiểu sử đáng kinh ngạc của ông), ta sẽ tưởng rằng đó là một nhân vật bước ra từ một tác phẩm tranh khắc minh họa cuộc sống của một viên quan tỉnh xoàng xĩnh. Đúng là trang phục của ông đơn giản có chủ ý: áo ka ki, quần soóc màu xanh dương, đôi dép cao su màu trắng. Những người khác đóng bộ com lê, đeo cà vạt và đội mũ, nhưng ông có trang phục riêng, không ai bắt chước được.

Ông gây đến kinh ngạc: trong mấy năm qua, ông vừa nói với tôi vừa cười, ông ở trong tù hay trong rừng rậm nhiều hơn là ở những nơi như thế này. Ông đã sáng tác một số bài thơ do chính tay ông nắn nót bằng chữ Hán. “Trước đây tôi có nhiều thời gian hơn cho riêng mình, vậy đấy”, ông nói với tôi kèm một tiếng thở dài. Điều mà tôi cũng được biết (không phải từ ông), đó là vẻ xanh xao của ông không phải là do thể tạng: ông được cáng đến đây cách đây hai ngày. Có tin đồn ông đã chết.

Ông thật dễ gần, một cách tuyệt vời. Dễ gần, không hẳn là từ đó, mà là như mặt trời. Giữa cảnh lộn xộn tới lui, giữa những cuộc tranh luận rõ là chuyển từ chủ đề này sang chủ đề khác không theo trật tự ưu tiên nào, mỗi khi ai phát biểu hay đề nghị thì ông luôn là trung tâm cho mọi

người hướng tới. Trong thời gian tôi có mặt ở đó, ông dành mười phút tách ra nói chuyện riêng với tôi và dành cho tôi vị trí như một người bạn mới gặp lại. Ông có cách hướng ánh mắt đặc biệt thần tình vào người đối thoại. Chỉ có ngài, ngài là người quan trọng nhất thế giới, ngài là một “người Pháp mới”, không phải một tên thực dân, ngài là một trong những người cùng tướng De Gaulle - người kháng chiến đầu tiên của nước Pháp, giải phóng đất nước mình.

Nếu như không ở trong địa điểm và hoàn cảnh hết sức đặc biệt này thì có lẽ cách thể hiện đầy tình cảm ấy (vì ông khá mau nước mắt) có gì đó buồn cười. Ở đây, tôi thừa nhận rằng tôi để mình bị cuốn theo. Hơn nữa, tôi lại còn được nghe giảng miễn phí về lịch sử và chính trị Việt Nam. Ông đã kịch liệt phản đối quân Nhật mà theo ông việc họ chiếm đóng chỉ mang đến nạn đói và khốn khổ cho dân tộc ông. “Thế còn bây giờ, thưa ngài Chủ tịch?” Ông nói với tiếng thở dài: “Ngài cũng như tôi, chúng ta đã biết quyết định của hội nghị Potsdam⁽⁴⁾ chia cắt đất nước chúng tôi trong khi chúng tôi chẳng có đại diện nào ở đó.” (Tôi lịch sự không nhắc ông rằng cả nước Pháp cũng không được mời tới dự hội nghị đó.) “Vậy là giờ chúng tôi chờ người Tàu đến ‘giải phóng’ chúng tôi. Ngài sẽ không quên được sự trớ trêu này: đất nước chúng tôi đã phải chịu mười thế kỷ phương Bắc đô hộ, thưa Ngài Costes, và như vậy là quá dài. Nhưng các khái hoàn môn của chúng tôi lâu đời hơn của các ngài và chúng tôi đã giành được độc lập, bằng đúng cái cách mà chúng tôi đã dùng để đuổi mọi kẻ xâm lược ra khỏi bờ cõi... Với sự kiên trì và mưu lược...” Tất cả những điều đó được nói ra với nụ cười cuốn hút nhất. Và còn thêm cả xúc giác: ông nhẹ nhàng đặt bàn tay lên cánh tay để bổ trợ lời nói; có những lúc ông ở sát gần và xúc động đến nỗi ta có cảm giác rằng ông sắp ôm lấy mình. Tôi nói về Sainteny. “Tôi muốn gặp ông ấy. Tôi tin chắc rằng những người trung thực như chúng ta sẽ hiểu nhau. Các ngài có thành thực không? Các ngài có đến với những mục đích trung thực không?” Suýt nữa thì tôi đỏ mặt. Tôi mạnh mẽ cam đoan về sự trong sáng trong các mục đích của chúng tôi. Ông bắt tay tôi, vòng tay ôm tôi.

Khi tôi ra về người ta mang rượu sâm banh ấm đến và phải uống vì tình hữu nghị bất diệt giữa nước Việt Nam tự do và nước Pháp tự do. “Vì tình hữu nghị bất diệt”... Tôi nhớ đến dự vị trong chuyến đi Liên Xô. *Vietchnaia droujba*. Bất tử với một viên đạn trong cổ, chuyện xảy ra cách đó cũng không lâu.

Bộ trưởng Bộ Canh nông hai mươi lăm tuổi, trích dẫn tác phẩm của Victor Hugo. Một người nhỏ bé khác, trán dô, mặc bộ vest trắng, đeo cà vạt kẻ và đội mũ quả dưa, kể tôi nghe rằng người Pháp đã bỏ tù vợ ông, hành hình chị gái của vợ ông và chồng bà, nhưng ông không oán giận, cuộc chiến của họ không chống lại những “người Pháp mới”, mà chống lại “những tên thực dân Pháp trước đây”. Tôi bắt đầu ngờ rằng câu chuyện về “những người Pháp mới” không chỉ là do ngẫu hứng. Hết mục lịch sử, tôi hỏi: “Thưa Ngài Bộ trưởng, vợ ngài đã ra tù chưa ? - Cô ấy chết rồi.” Tôi xin lỗi cứ như thể chính tôi là người đã hành hình cô ấy.

Khi ra về, vẫn chính người đàn ông ấy tiễn tôi. Các chiến sĩ trẻ chào ông với vẻ tôn kính đặc biệt. Đứng trước hàng rào, khi chia tay nhau, ông chỉ cho tôi tòa nhà Ngân hàng Đông Dương trước mặt. “Đây là nơi nhuộm máu người Pháp, ông nói với tôi. Ngày 9 tháng Ba, người Pháp ẩn nấp trong đó chống cự quân Nhật suốt đêm. Đến rạng sáng, họ phải đầu hàng và quân Nhật đã dùng kiếm đâm chết họ, lần lượt từng người một. Xác của họ nằm đó cả ngày trên vỉa hè, bọc trong vải bạt. Đúng vậy, đó là một nơi đầy máu, một nơi khủng khiếp.” Tuy nhiên, về mặt ông bình thản và vẫn với vẻ mặt như khi nói với tôi rằng vợ ông đã chết. “Ngài có mặt ở đó không? - Không, nhưng đó là những chuyện mà ai cũng biết. Đừng biến thành phố này, mảnh đất này thành nơi đổ máu các ngài, thưa ngài.” Thế rồi, ông để tôi lại một mình. Ông tên là Giáp.

Khi trở về, tôi suýt phải chịu phạt; nếu như chỉ có lính gác ngục để ý đến chuyện đó thì có lẽ sẽ là hình phạt về thể xác. Thế rồi tôi được chuyển đến chỗ viên trợ lý của sĩ quan Ogochi, một người trẻ tuổi có ánh mắt hiền dịu, người phải cố hét tướng lên mỗi khi có thuộc hạ xung quanh, nhưng dường như anh ta chán ngấy toàn bộ việc này. Anh ta biết rằng tất cả đang kết thúc, tôi cảm thấy anh ta lo lắng vì những chuyện tầm phào và tôi hiểu: liệu anh ta có còn một mái ấm không? Những người thân của anh ta ra sao? Cuộc đời dành cho anh ta cái gì? Anh ta

nói với tôi pha chút hóm hỉnh: “Thậm chí tôi cũng chẳng yêu cầu ông phải giữ lời hứa danh dự không bỏ trốn mà ông từng hứa với tôi nữa.” Anh ta không có vẻ tức giận tôi nhưng cũng chẳng vui vẻ gì. “Trong thời gian chúng tôi ở đây, thưa ngài chỉ huy, liệu ngài có thể miễn quản thúc đối với chúng tôi được không? - Không thể được. Họ ở đó để bảo vệ các ông, theo lệnh của sĩ quan Ogochi.” Vì tôi đã khiến cuộc sống của anh ta đủ khó khăn như vậy nên tôi không cố nài nữa, tôi cảm ơn và bắt tay anh ta.

Tôi kể cho Sainteny cuộc gặp gỡ với Việt Minh. Vừa hút điếu thuốc lá Anh, Sainteny vừa hết sức tập trung lắng nghe tôi nói.

“Anh nghĩ sao? Rốt cuộc anh hỏi tôi. Có cách nào vượt qua được không?” Tôi không thể không nghĩ đến câu hỏi của Hồ Chí Minh: “Mục đích của các ông có trung thực không?” Không cần nhồi vào đầu anh những điều anh đã biết. “Có cách để vượt qua. Nhưng để đi đâu thì tôi chưa biết.” Anh nhả khói thuốc với nụ cười mơ hồ, có thể là sầu não, có thể là tinh quái. “Nói thật với anh, tôi cũng chẳng biết nữa.”

3 tháng Chín.

Những ngày này có cái gì đó thật khủng khiếp khi từ đây chỉ có thể liên lạc được với người Pháp qua những kẻ hở mà bọn Nhật để cho chúng tôi, giữa các hàng rào sắt, hứng nhận những tiếng nước nổ, vài lời chửi rửa hiềm hoi, và nhất là những câu hỏi mà chúng tôi không có khả năng trả lời: khi nào địa ngục này sẽ kết thúc? khi nào chúng tôi sẽ được tự do? liệu chúng tôi có thể đưa những người đã khuất trở về và vinh danh họ? khi nào các ông sẽ quyết định làm điều gì đó?

Trong lúc nói chuyện với sĩ quan Patti, Sainteny nhìn thấy ba cô gái quần cò tam tài. Cái thằng đầu ấy lưu ý anh rằng chẳng dễ mà để cò ở chỗ nào khác ngoài trên người các cô gái Pháp, nhất là lại toàn cô xinh đẹp nữa.

Có cuộc biểu tình lớn trên quảng trường Puginier⁽⁵⁾. Sĩ quan Ogochi đồng ý cấp cho chúng tôi một thẻ ra vào, “chúng tôi phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.” Cảnh tượng hùng tráng, tôi phải thừa nhận, khiến tôi nhớ đến ngày giải phóng Paris: cờ, cờ hiệu, hoa, đám đông hiền lành có cả bài hùng ca riêng. Ngay từ rạng sáng, những người nông dân đã đến, mặc quần nái đen và đội nón, gõ guốc mộc trên những nhịp cầu Paul-Doumer. Khắp thành phố tràn ngập khẩu hiệu bằng tiếng An Nam, tiếng Tàu, tiếng Anh và ít hơn, bằng tiếng Pháp. Những tấm băng rôn đó được treo ngang khắp các đường lớn của khu phố trắng, như đại lộ Rollandes⁽⁶⁾, phố Carrau⁽⁷⁾. “*Freedom or death*”⁽⁸⁾ (tôi không để mình bị lóa mắt bởi cái giao kèo họ đã lập trong các câu chuyện của chúng tôi và với các tác giả của chúng tôi), “*Vietnam to the Vietnamese*”⁽⁹⁾ và dĩ nhiên rồi, hai từ *độc lập* ngập tràn khắp nơi. Sự kiện này chẳng có gì là “tự phát” hết: nó là hệ quả của một quá trình tổ chức rất tỉ mỉ. Không nên tin vào vẻ bề ngoài lộn xộn, dễ gần của chính phủ lâm thời: có một ý chí hành động, có những mục đích được chỉ đạo kiên quyết.

Trong đám đông có các nhà sư mặc áo chùng màu vàng nghệ, linh mục mặc áo dòng, sinh viên đóng bộ com lê và thắt cà vạt, tóc ngắn và đeo kính, quân nhân trang bị dao rựa, một vài tên Nhật nhón nhác, tất cả hòa trong tiếng chiêng trống. Khắp nơi rực rỡ cờ đỏ sao vàng.

Cùng đi với chúng tôi có cậu người lai xưng tên Gilbert, cả bố lẫn mẹ cậu đều bị sát hại ngày 9 tháng Ba, bố cậu là lính Pháp bị quân Nhật giết chết, còn mẹ cậu bị “những tên khủng bố” không rõ mặt sát hại. Cậu ta dịch cho chúng tôi nghe những đoạn diễn văn phát ra từng đợt từ khán đài, nơi tôi nhìn thấy rất nhiều người tôi từng gặp tại trụ sở chính phủ tuần trước thay nhau phát biểu.

Cảm giác kỳ cục. Họ không còn là những người hiền lành, “những người bạn của nước Pháp mới”, những người dân chủ chân thành và yêu hòa bình, ghét ý niệm về đổ máu ấy nữa, mà đó là những chiến sĩ yêu nước sẵn sàng một thắng hai chết. Chính Hồ Chí Minh đã trích dẫn Hiến pháp Mỹ nhưng tôi bắt đầu hiểu rằng chính Lê Nin mới là người chúng tôi phải đương đầu - một Lê Nin suốt mướt nếu muốn, điều đó cũng chẳng giải quyết được gì. Sainteny cũng bối rối như tôi. Missoffe đã biến mất và khi chúng tôi tìm lại được thì anh ta đang cười như một đứa

trẻ tình ranh. Để chóc tức anh ta, chúng tôi vờ như chẳng nhận thấy chuyện gì. Thế là rốt cuộc anh ta không chịu được nữa: “Các anh không hỏi xem tôi đã làm gì à? - Anh đã làm chuyện gì sao, thưa trung úy?” Anh ta hai tay chống nạnh: “Tôi đã vút một túi phân qua tường nhà sĩ quan Patti.” Chúng tôi hết sức ngao ngán thì đúng hơn.

Tại Phủ Toàn quyền chúng tôi chẳng còn gì để ăn. Một số biện pháp phòng ngừa cho những tình huống cốt tử: điện bị cắt (chuyện đó xảy ra thường xuyên), chúng tôi ngốn ngấu những khẩu phần ngon lành mang từ máy bay Dakota xuống. Viễn cảnh ngày mai phải nhịn ăn trong khi chờ đợi tình hình căng thẳng dẫu đi chẳng khiến chúng tôi sợ, thậm chí tôi còn có thể nói rằng điều đó làm chúng tôi vui thích. Sainteny định thông báo với sĩ quan Ogochi rằng, xét theo những gì ông ta phải nói với chúng tôi, ông ta không cần phải trình diện trước mặt chúng tôi nữa. Và nói là có cơ sở để nghĩ rằng chiến tranh đã kết thúc!

Chúng tôi khiến tất cả tin rằng chúng tôi đang giấu quân át chủ trong ván bài của mình. Chúng tôi gieo nhiều niềm tin đến mức rốt cuộc những ván bài ấy sẽ đầy ắp những con át chủ bài...

Một lý do gây thất vọng mà Sainteny hiếm khi chia sẻ với chúng tôi nhưng tôi biết anh phần nộ vì lý do ấy, đó là thậm chí ngay cả quyền ủy trị chính thức của nước Pháp để chúng tôi dựa vào cũng chẳng có. Tất cả những việc đó xảy ra hoàn toàn tùy tiện và anh van xin rằng ít nhất nước Pháp hãy thừa nhận chúng tôi, thế mà ngay cả điều đó chúng tôi cũng bị từ chối - có nghĩa là anh không được trả lời. Hình như thiếu tá Messmer cùng hai người đã nhảy dù xuống Bắc Bộ, mang theo chỉ thị của đích thân tướng De Gaulle: chẳng có tin tức gì về họ. Có những hoàn cảnh mà chỉ riêng việc trụ vững đã là một sự khổ luyện xứng tầm Thánh Ignace de Loyola. Chúng tôi chẳng còn tinh thần và đã nản lòng đến mức cất tiếng hát mấy bài thánh ca, trước vẻ ngạc nhiên hết sức của đội gác Nhật, chúng ngó đầu vào xem chúng tôi có bị điên không, và liệu có phải chúng tôi đã phù phép lỗi ra được một két rượu cognac không. Nhưng không, chẳng có gì, anh bạn ạ: chỉ là nỗi thất vọng thôi.

Sáng hôm nay (ngày 3 tháng Chín), Patti đến thăm. Với vẻ hết sức ngây thơ, hẩn thố lộ với Sainteny: “Tôi chẳng hiểu nổi những người Việt Nam ấy. Tôi đã không che giấu với các ông mối thiện cảm tôi dành cho họ, cũng chẳng giấu chuyện tôi công khai hành động tại Washington vì sự nghiệp của họ, không phải là không có rủi ro chính trị cho cá nhân tôi. Ấy vậy mà ông thử tưởng tượng xem, người gác cổng biệt thự của tôi hôm qua đã tìm thấy trong vườn một túi... một túi *phân*...” Mặc dù không biết tiếng Pháp nhưng hẳn đã nói từ cuối cùng bằng tiếng Pháp: chắc chắn đối với hẳn việc này quá xấu xa. Missoffe nói với Patti: “Thật không thể tưởng tượng được! Ông có lý đấy: chắc họ không hiểu ông.”

Chúng tôi không đi theo các vạch trắng trên sân vận động Olympic nữa. Thật đáng tiếc cho việc tham gia của chúng tôi vào những cuộc chơi sắp tới, nhưng chúng tôi không luyến tiếc. Chính quân Nhật cũng bắt đầu biến mất rất nhanh chóng cùng với vũ khí và đạn dược của họ. Tôi nhận ra mình hợp với tay trợ lý của Ogochi: rốt cuộc đó là người châu Á đầu tiên tôi trò chuyện. Anh ta nói với tôi về điện ảnh Nhật và tôi thú nhận rằng mình hoàn toàn chẳng biết gì. Anh ta hướng dẫn sơ bộ (bằng lời) cho tôi về truyền thống kiếm đạo và những giá trị cổ xưa: khoảng cách chính xác, nhịp độ, sự phán đoán. Anh ta nói nếu người ta phân tích chính sách của Pháp tại Đông Dương theo quan điểm này thì thấy rằng chính sách đó quá kém, vì thế mà thất bại, chẳng cần xem đến tất cả những lý do khác. Từ vốn hiểu biết của mình, tôi buộc phải tán đồng. Tôi hỏi anh ta rằng, theo những nguyên tắc này, liệu các cuộc tàn sát diễn ra hầu như ở khắp nơi mà người Pháp là nạn nhân có gì để biện hộ không. Anh ta lưỡng lự. Rồi: “Điều mà các ông gọi là ‘lòng khoan dung’ cũng là một phần trong truyền thống của chúng tôi. - Nhưng sĩ nhục đối phương thì sao? - Điều đó không xa lạ với chúng tôi. Nhưng không phải nhân danh điều đó mà những vụ việc đáng tiếc này xảy ra. - Ông nói rằng những việc đó là đáng tiếc. Ông thực sự nghĩ như vậy sao?” Đôi mắt đen không rời khỏi mắt tôi. “Trong chiến tranh thường xảy ra những điều đáng tiếc, thưa ông. Ông cũng biết rõ điều đó như tôi. Cái mà chúng ta gọi là văn hóa, giữa nhiều thứ khác nữa, đó là hình thức riêng mà dân tộc chúng ta chấp nhận, ít nhiều có ý thức, để phó mặc mình theo bản năng giết người. Chúng ta sẽ nói về văn hóa của nước ông chứ?” Tôi mỉm cười nhượng bộ.

Tiếp đến, chúng tôi nói về người Trung Quốc. “Ông có biết biệt danh mà tướng Lữ Hán⁽⁹⁾ đặt cho người Trung Quốc không? - Không. - Những con châu chấu. Ông biết tại sao không? - Không. - Bởi vì họ đến hàng đàn và khi họ rời đi thì chẳng còn gì nữa. Ha ha!”

Sau chuyện đó chúng tôi uống một chén trong yên lặng và cái nắm tay vĩnh biệt không phải là không xúc động.

Một bé gái người Pháp mặc váy xếp ly bước vào trong khuôn viên và - đặc trưng của thời buổi loạn lạc đó - chẳng ai dám ngăn cản cô bé. Cô bé thấy tôi đang hút thuốc và cô bé tiến lại gần. “Cháu xin lỗi,” cô bé hỏi với vẻ hết mực lịch sự của đứa trẻ lên bảy, ông có phải là người Pháp không? Vì tôi nói với cô bé là phải nên cô bé nhất quyết cầm tay tôi rồi kéo về phía đại lộ Carnot⁽¹⁰⁾ cho dù tôi có đôi chút kháng cự. “Mẹ bảo cháu đi tìm một ông người Pháp về để giúp đỡ mẹ con cháu.”

Tôi thấy một bà già kiệt sức (có thể bà không già đến vậy, khi là mẹ của một cô bé bảy tuổi, nhưng những thử thách trải qua đã khiến bà hao mòn) trong một ngôi nhà chẳng còn gì để ăn. Có một cây đàn dương cầm, một tổng phổ đang mở sẵn. Bà kể cho tôi nghe nỗi khiếp sợ mà họ đã trải qua, niềm đoan chắc mình sẽ chết, những tiếng hét trong đêm mà bà hiểu ý nghĩa, bởi vì bà được sinh ra ở đây: “Giết chết bọn Pháp!” Sinh ra ở đây ư? Vì vô tâm, tôi đã không nghĩ đến điều đó... Thật khốn nạn!... Hôm qua người làm bếp trung thành của họ, người cho đến lúc ấy vẫn bất chấp hiểm nguy xoay sở tìm đồ ăn cho họ, đã bỏ đi vì những lời đe dọa sát hại gia đình. Bà không trách anh ta, chẳng trách ai, chỉ vì bà sợ hãi và yếu đuối, không được bảo vệ. Bà biết chúng tôi ở đâu và đã sai đưa con gái bé nhỏ đến. “Khi tôi nghĩ rằng chúng tôi ở gần thành đến thế, bà thì thào. - Tại sao bà không đến khách sạn Métropole? tôi hỏi. - Chúng tôi nghèo, thưa ông.” Rồi sau khi liếc nhìn dáng vẻ của tôi, có vẻ rất “người Pháp mới”: “Tôi không biết người ta đã kể gì với ông về những tay thực dân, thưa ông, nhưng không phải ai ở đây cũng để hốt bạc. Có những người... Có những người yêu đất nước này... và chỉ muốn...” Thậm chí bà không nói hết câu. Tôi không biết làm gì hay nói gì và thậm chí tôi cũng chẳng dám hỏi xem cha của cô bé ra sao, có thể đã bị giết trong vụ ngày 9 tháng Ba hay đã biến mất trong cơn bão táp sau đó - có thể ở Trung Quốc với đội quân Alessandri. Tôi nói với bà rằng tôi sẽ quay lại. “Đừng nói dối tôi, thưa ông. Nếu ông không làm gì được thì cứ nói ra, nhưng lời nói dối còn tệ hơn cả sự bỏ rơi. Chúng tôi chẳng làm điều gì ác.” Tôi hứa rằng tôi không nói dối.

Tất cả chuyện đó thật tử tế. Nhưng tôi định giữ lời hứa này như thế nào đây?

Tập giấy đầu tiên dừng ở đó. Tập giấy tiếp theo được viết vào tháng Giêng năm 1946: không thể biết ông ấy có viết gì vào giữa hai giai đoạn đó không.

Trong tủ sách nhỏ ở giữa quầy rượu, giữa cuốn sách của Danielle Steele và cuốn của Rosamund Pilcher bằng tiếng Đức, tôi tìm thấy một quyển sách màu vàng và đen còn lành lặn: *Câu chuyện về một nền hòa bình bị bỏ lỡ. Đông Dương, 1945-1947* của Jean Sainteny, nhà xuất bản Fayard. Tôi mở hù họa một trang: “Cuối cùng, tôi lại nài nỉ để tiến hành tổ chức việc sơ tán phụ nữ và trẻ em.” Liệu đó có phải là câu trả lời cho lời hứa chưa được thực hiện không? Liệu tôi có tìm thấy tên của Costes trong cuốn hồi ký này không? Hẳn là tôi sẽ phát hiện ra ông ở đâu đó trong một đoạn ghi chép, bên cạnh tên của Missoffe, bên vô lăng một chiếc xe Jeep, đang chờ chỉ huy. Tôi thử kết nối hình ảnh trong đầu mình - hình ảnh của ông già gần như mù lòa ấy - với hình ảnh của một trung úy trẻ trung đến để tái lập nước Pháp tại Đông Dương rồi dần dần khám phá ra rằng việc đó không đơn giản là như thế.

Thế còn cha tôi? Chẳng có gì... Khi đọc những dòng đầu tiên, tôi thấy nghẹt thở đau tức trong lồng ngực, tin chắc rằng ông đang ở đâu đó, góc một con phố, đang phá chiến lũy, hay bị dồn ra sau xe GMC, khẩu FM trên tay. Tôi thấy ông giữa một cơn lốc máu, quay cuồng vì chủ nghĩa anh hùng hay sự hèn nhát. Tôi hiểu rằng ảo ảnh đó thuộc về một thế giới đen trắng rõ nét: cha tôi người anh hùng, cha tôi tên đều giả - hai mặt của tấm huy chương.

Tôi nổi giận: hẳn là tôi có thể tha thứ cho một người, ngồi đối diện với tôi, tay cầm ly rượu, vừa thổ lộ những lỗi lầm vừa tránh không nhìn vào mắt tôi, với sự hối hận trong sáng và những tiếng nức nở nghẹn ngào. Nhưng tha thứ cho một người chết ư? Tiếng máy điều hòa chạy ro ro

đột nhiên khiến tôi thấy khó chịu.

Từ khách sạn đi ra, tôi không để ý đến những chiếc xe xích lô “Sans Souci”⁽¹¹⁾ xếp hàng ngay ngắn. Người ta đọc trong các cẩm nang du lịch rằng hoàn toàn có cơ may tìm được trong số những tài xế này một nhà văn thất thời hay một nhà thơ mới từ trại cải tạo về. Tôi thấy chủ yếu là những người trẻ tuổi gầy guộc mời chào mọi thứ mà chỉ cần trả tiền là được. Tôi gọi một chiếc xe ôm để đi năm trăm mét, trả một đồng đô la.

Trong khu ba mươi sáu phố phường, người ta đang náo nhiệt chuẩn bị Tết và những cảnh hoa tràn ngập khắp các gian hàng. Tôi lên tầng hai một nhà hàng và ăn những gì người ta mang tới. Tôi chào một thiếu phụ ngồi đối diện ăn mặc kiểu phương Tây, cái mũi hơi lệch chẳng làm bớt đi vẻ xinh đẹp đã hơi phai nhạt trên gương mặt - thậm chí còn khiến nó mang một vẻ cân xứng là lạ dễ thương. Rồi tôi để ý đến anh bạn đi cùng cô, ngồi cách tôi một mét, một trăm hai mươi ký béo hồng, một tay nịch đầy pa tê lợn, một tay sờ nắn cặp đùi thiếu phụ. Hà Nội, 2003: dân tộc này đã hy sinh và giành độc lập để được thoải mái trong thế giới hiện đại. Tôi đứng dậy khi mới ăn được nửa bát phở. Tôi không thấy đói nữa.

Tôi lại bị lạc trên vỉa hè nơi mà cuộc sống lúc nào cũng náo nhiệt như vậy, nhưng cũng là nơi mà thay cho những chiếc đèn lồng, những bộ quần áo bằng vải tơ lịch lãm hay đồ trang sức, ngày nay người ta bán cả phụ tùng xe hơi, quan tài, gà sống, những giống cá ngoại lai, lốp xe.

Tôi trở lại được bờ hồ Tây vào lúc mặt trời lặn mà không phải tìm đường. Một dãy nhà yên bình và dường như không có người ở. Qua ô cửa sổ hai cánh mở rộng, một căn bếp nơi hai người phụ nữ đang vui vẻ dọn dĩa; mời tôi ăn tối bằng vài từ tiếng Anh. “Đây là đâu nhỉ?” tôi hỏi. Họ chỉ cười. “Ai sẽ ăn cùng tôi nào?” Lại cười. Thêm một đoạn, tôi đi qua một hàng rào. Một anh lính trẻ hiện ra từ chòi gác. Anh có nụ cười trẻ thơ và vẻ buồn chán, buồn chán đến nỗi bắt chuyện bằng thứ tiếng mà anh ta chẳng nói được. Anh cười với tôi. “Đây là đâu vậy? - *Government rest-house, come, come...*”⁽¹²⁾ Tôi hối tiếc về sự tò mò vô ích của mình nhưng thật khó mà cưỡng lại. Anh dừng lại trước từng ngôi nhà có gắn một biển số: “Giáp”, “Phạm Văn Đồng”, “Lê Duẩn”, “Hồ Chí Minh”... Cứ như mỗi vị lãnh đạo đều có nhà ở đây. “Họ đâu cả rồi?” Anh lính vẫn cười: “*All gone. No one here.*”⁽¹³⁾ Ấy vậy mà các ngôi nhà vẫn còn đó, những sự hiện diện lơ lửng trên không và khó mà không nghĩ rằng họ quay lại vào ban đêm, để nghỉ dưỡng sức giữa cuộc đời rối ren, trước khi lại biến mất vào rặng đông cùng sương mù trên mặt hồ.

Tôi dúm một tờ tiền vào tay anh rồi chuồn ra tận chiếc ghế dài bên bờ hồ. Theo chiều gió, một cây liễu thả bộ tóc màu xám của nó xuống mặt hồ, rồi lại được cơn gió vén lên. Màu xám của ban ngày hé chuyển sang màu xám của chiều tối. Chẳng còn gì ở đây đơn điệu nữa, giữa màu đen chì của những đám mây dày đặc và những vệt màu cam đang mờ dần phía xa xa.

Tôi đợi tia lửa cuối cùng tắt, thỉnh thoảng quay lại kiểm tra xem có thấy người quá cố nào đến cù vào cổ mình không. Khi thấy rằng ngay cả những ngọn lửa trong bếp cũng tắt rồi thì tôi bắt đầu đi dạo một mình bên bờ hồ.

2.

Tháng Giêng năm 1946.

Sainteny vừa chỉ cho tôi xem những gì anh ghi chép trong tháng: 12 vụ âm mưu đầu độc, 14 vụ trộm cắp có vũ khí, 15 vụ trộm cắp lớn, 54 vụ tấn công do người An Nam gây ra, 33 vụ tấn công do người Tàu gây ra, 3 vụ bắt cóc sau đó được phóng thích, 8 vụ bắt giữ sau đó được phóng thích...

Đó là cuộc sống của người Pháp tại Hà Nội. Từ khi anh chấp nhận trở thành Cao ủy Bắc Kỳ, vì cả Leclerc và D'Argenlieu nài nỉ, anh còn quan tâm đến tất cả những chuyện đó hơn nữa - và cả việc Paris tiếp tục lơ đãng, rõ ràng ở đó người ta đang quan tâm đến chuyện khác. Anh chắc rằng cứ sau mỗi lần anh đi Sài Gòn ít ngày, tình hình lại tệ hơn.

Các lính trong thành không còn bị cầm tù nữa, chính thức mà nói thì cả 20.000 người Pháp sống ở đây cũng vậy. Thế mà họ vẫn luôn là tù nhân: từ lòng tốt của một anh bồi, khi màn đêm buông xuống, vớt túi đồ đi chợ qua tường để không bị phát hiện, từ những lời kêu gọi giết chóc phát ra từ đài phát thanh Bạch Mai được các loa phóng thanh tiếp sức, đến áp lực từ những ánh mắt, những tiếng thét, những dòng chữ: "Cút đi! Chúng tao không muốn chúng mày có mặt ở đây nữa."

Những cuộc chuyện trò giữa tôi và Messmer, khiếu hài hước cười ra nước mắt khi anh kể lại sự nghiệp bi hùng của mình tại Bắc Kỳ, việc anh ở tù, cái chết của người bạn đồng hành Brancourt; nỗi kinh ngạc của anh khi cứ tưởng tìm lại được "dấu vết của nước Pháp" ở khắp những nơi mình đi qua nhưng thực ra lại chẳng còn gì. Còn trầm trọng hơn cả sự thù địch: đó là sự thờ ơ. Tôi hỏi anh rằng liệu khi trở về anh có nói tất cả những điều đó với tướng De Gaulle không? Anh nheo mắt. "Khi Ngài muốn nghe, anh bạn Costes thần mẩn, thì Ngài sẽ hết sức lắng nghe. Còn khi Ngài không muốn... - Liệu Ngài có lắng nghe không?" Anh nhún vai, điều đó hàm ý tất cả.

Người Tàu của tướng Lư Hán không át được danh tiếng châu chấu của họ. Tất cả đều phải biến mất ở mọi nơi họ đi qua: đồ dự trữ và đạn dược, vôi nước và thậm chí cả đường ống... Tôi gặp họ, những người nông dân trẻ chẳng có gì ấy, và tôi càng nghĩ rằng những người nghèo nhất vẫn sẽ là những người nghèo nhất.

Người Tàu sẽ ra đi... Nhưng sẽ còn lại gì?

Về phía Việt Minh, tôi chỉ còn biết suy tư. Sainteny đã gặp Hồ Chí Minh và cả anh cũng rất ấn tượng về con người này. Nhân chuyến đi Sài Gòn lần đầu, anh đã thẳng thắn nói với đô đốc D'Argenlieu rằng đối với anh đây là người đối thoại đáng tin duy nhất, ngay cả khi người này có những vùng tối mà chúng ta mới bắt đầu tìm hiểu. "Một thủ lĩnh quân sự ư? đô đốc cười khẩy. Ở miền Bắc, chỉ là một đạo quân với xiên và giáo, còn ở miền Nam thì vẫn tiến hành khủng bố chẳng thay đổi gì: ông gọi cái đó là quân đội sao?" Đô đốc trong tâm trạng tồi tệ nhất là vậy, ỉu đến mức ngu xuẩn. Thế mà ông chẳng hề phản đối những cuộc đàm phán đang diễn ra. Còn về phía Leclerc, dĩ nhiên rồi, ông hoàn toàn ủng hộ chúng tôi.

Ở đây, chúng tôi có cảm tưởng rằng sự lựa chọn từ ngữ là cốt tử; còn ở đó, tại Sài Gòn - và xa hơn nữa là ở Paris - họ khiến chúng tôi nghĩ rằng những từ ngữ phải chọn lựa ấy là một trò giải trí để câu giờ. Tuy nhiên, bản chất của vấn đề khá rõ ràng: Sainteny chưa nói ra từ "độc lập" mặc dù trong đầu ai cũng hiển hiện từ đó, nhưng anh muốn tin vào điều mà người kia hứa với anh: tự do và thống nhất cho đất nước họ, đổi lại bảo đảm quyền lợi của nước Pháp và việc tham gia vào Liên hiệp Pháp mà ngay cả chúng tôi, thành thực mà nói, cũng chẳng hiểu rõ lắm.

8 tháng Hai.

Tại Paris, tướng De Gaulle rút khỏi chính quyền đã được vài hôm. Ông để chúng tôi lại trong mớ bòng bong tệ hại. Messmer đã có lúc nản chí, tuy ông vốn không phải là người như vậy. Tất cả chúng tôi đều cảm thấy đơn côi, bị bỏ rơi - dù sao anh ấy từng là đèn hiệu cho chúng tôi

trong suốt những năm đen tối ấy (đấy là tôi bắt đầu áp dụng phép ẩn dụ theo kiểu D'Argenlieu...). Chúng tôi đang ở đâu? Đôi khi tôi tự nhủ rằng tình hình có khá hơn chút đỉnh so với hồi tháng Chín, khi chúng tôi vừa mới tới. Như bà tôi từng nói: con người vĩ đại nhưng khả năng có hạn. Để giành lại Bắc Kỳ, Leclerc không ngừng nhấn mạnh rằng cần phải có 300.000 quân. Thế còn sau đó? Để làm gì? Tôi không ngừng bị dằn vặt: tôi không thể quên người phụ nữ ngoài bốn mươi bị bỏ đói ấy, người đã phải sai cô con gái bé nhỏ đến chỗ tôi. Chúng tôi đã kéo bà ra khỏi tình cảnh đó, và bà là một trong những người được ưu tiên trên những chuyến tàu đầu tiên đi Pháp. Hai tháng tới bà sẽ cập bến Marseille hay Toulon. Để có một cuộc sống mới. *Tôi sinh ra tại đây, thưa ông.* Vậy thì, bà sẽ phải chấp nhận, dù muốn hay không, rằng đó là một ảo ảnh.

Tôi không thể phán xét họ, tôi không thể quên họ, những đồng bào của tôi, bị sỉ nhục, bị bỏ rơi. Nghĩa vụ đầu tiên của tôi là giúp đỡ họ - nghĩa vụ là từ chuẩn xác.

Nhưng tôi phải nói rằng đây thực sự là tình trạng bỏ rơi, ý nghĩ rằng nạn đói đã khiến cho một triệu, có thể là hai triệu, người chết trong khu vực là không thể chịu đựng được. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc đó; nếu phải chỉ ra kẻ chịu trách nhiệm thì có lẽ đúng hơn là quân Nhật, những kẻ đã trưng thu lúa gạo, đã bắt dân trồng đay để phục vụ nhu cầu may mặc của chúng. Nhưng chúng tôi có "sự ủy trị" giành được bằng vũ trang và chúng tôi đã không thể đảm đương nổi việc đó. Gần một thế kỷ đô hộ của chúng tôi kết thúc trong tán loạn và khắp nơi đọng lại ấn tượng rằng các thể chế mà chúng tôi tưởng chừng vững chắc đó, khối đồng minh mà chúng tôi mơ là thân tình ấy, tất cả đều đã sụp đổ. Hơn nữa, làm thế nào cưỡng lại được cơn sóng này? Chúng tôi dựa vào những nguyên tắc quốc tế nào nếu không để cho họ sống như họ mong muốn? Họ viện tới chúng tôi để yêu cầu chúng tôi ra đi: dù rằng trong việc này có chút toan tính nhưng một giọng nói bảo với chúng tôi rằng họ không thể sai được. Tôi biết người ta kết tội những người cộng sản vì điều gì và điều đó đã được minh chứng rõ ràng. Vấn đề rất đơn giản: họ là những người mạnh nhất và thông minh nhất. Nguyễn Ái Quốc, trước đây người ta gọi Bác Hồ như vậy, đã tìm thấy ở Lê Nin phương pháp giành chính quyền; ông xây dựng hình ảnh bản thân theo Khổng Tử và các nhà thơ Trung Hoa; ông trích dẫn những câu hùng hồn của Robespierre và các ông tổ tạo dựng nền độc lập Hoa Kỳ. Đây không còn là quán ăn Tây Ban Nha⁽¹⁾ nữa mà là quán ăn Bắc Kỳ. Và lại, khi ta nói câu gì khiến ông quan tâm, ta cảm thấy ở ông có một sự tập trung đặc biệt. Trán nhăn lại, cặp mắt nheo nheo và ông lĩnh hội: việc đó lúc nào cũng có ích. Thêm vào đó, ông đối lập với những kẻ cơ hội quốc gia chủ nghĩa được bên này bên kia tài trợ mà chúng tôi từng gặp: một cây sậy nương theo mọi cơn gió lốc mà không hề thay đổi vị trí. Và ngược lại với những gì mà tất cả những kẻ hay bực tức khăng định, cây sậy sẽ không bị gãy - tôi đoán chắc như vậy.

Thỉnh thoảng tôi có gặp ông và tôi đánh giá mối quan hệ Việt-Pháp thông qua thái độ tiếp đón của ông, từ chỗ hết sức nồng nhiệt đến lạnh nhạt, thậm chí coi như không hề quen biết. Tôi học cách không bất bình trước những thay đổi tính khí thái quá của ông. Ông đặc biệt nguy hiểm khi có hứng tâm sự; hẳn là sai lầm khi tưởng rằng mối quan hệ cá nhân như vậy sẽ trở nên vững chắc trong cảm giác thân mật của những khoảnh khắc hiếm hoi đó. Bản chất của đối trá nằm chính trong sự chân thành.

Khi tôi đang trải qua một trong những khoảnh khắc ấy - ông gọi lại những năm tháng tuổi trẻ của mình ở Pháp - thì người ta thông báo có người đến thăm. Đó là bà quả phụ của một nhân vật bị ám sát vào mùa thu năm ngoái, ông Phạm Quỳnh nào đó, nhà trí thức, nhà văn Pháp ngữ, Thượng thư Bộ Học rồi Thượng thư Bộ Lại của "chính quyền bù nhìn" Bảo Đại (sử dụng thuật ngữ của họ) dưới thời Nhật chiếm đóng. Một trong số rất nhiều những người bị cơn bão táp cuốn đi. Tôi muốn ra về nhưng ông không muốn. Ông lắng nghe bà nói rất lâu, một cách thân tình, trước khi lên tiếng: bằng tiếng Việt, dĩ nhiên rồi, và tôi không hiểu. Hồ Chí Minh có đôi mắt uớt và nhờ lòng trắc ẩn chân thành, sâu sắc ấy, ông thu được nhiều hơn mọi sự toan tính. Kết thúc cuộc trò chuyện, thật hợp lý nếu ông không cổ vũ bà tham gia cuộc cách mạng đang diễn ra. Tôi hỏi xem ông đã nói gì với bà ấy. Ông cười với tôi. "Thưa bà, thật khủng khiếp."

Điều ngạc nhiên tại khách sạn Métropole ngày hôm qua: tôi đã gặp chàng trai Pierre Garnier,

con trai ông bạn thân Louis của tôi. Bối rối. Tôi quan sát cậu.

Người ta giới thiệu với tôi, cậu là phóng viên của tờ *Tự do!*, tờ báo của quân đội Pháp tại Viễn Đông. Tôi bị sốc và chẳng nói gì: sự giống nhau về ngoại hình giữa hai cha con thật rõ như ban ngày. Vài lời sáo rỗng và sau khi hắng giọng, tôi hỏi chuyện về bố cậu. Cậu tái đi - tái đến nỗi tôi tưởng cậu sắp lịm đi đến nơi rồi. “Chú đã gặp bố cháu ư? - Có gặp trước chiến tranh. Đó là, ờ, chú nghĩ có thể nói rằng chú với bố cháu là bạn bè. Tóm lại, chú với bố cháu gặp nhau tại Luân Đôn, năm 1938. Chú sống ở đó một năm - một năm tuyệt vời - ông ấy chơi nhạc ở Royal Albert Hall.” Tôi đang chìm đắm vào những ký ức năm ấy thì bình tâm ngay khi bắt gặp cái nhìn chăm chú của cậu. “Bọn chú ngay lập tức thấy hợp nhau. Sau này, bọn chú gặp lại nhau tại Paris, ông ấy đã nói với chú về cháu và mẹ cháu.” Trời ơi - những câu nói ấy phát ra đối trá một cách ghê tởm, thực tế ông ấy chưa bao giờ nhắc đến vợ, và tôi đã gặp ông ấy với Katia... Mặc dù vào giai đoạn đó tôi chẳng biết gì về bản chất thực của sự mối quan hệ giữa hai người họ, nhưng chỉ cần liếc mắt là biết ngay hai người đó yêu nhau. Tôi vội nói tiếp: “Lần cuối chú gặp bố cháu là vào ngày 14 tháng Sáu năm 1940. Ông ấy đã chơi bản *La Marseillaise* cho chú nghe ngay trước khi chú ra đi - trước khi chú rời nước Pháp. Chú phải tìm một chỗ trú chân tạm thời và ông ấy thật tử tế khi đón chú về căn hộ của gia đình cháu trên đại lộ Simon-Bolivar. Chú thực sự không biết tại sao ông ấy ở Paris... Chú nhớ rằng hình như ông ấy đi công tác và ông ấy bị kẹt lại ở đó - chẳng còn nhiệm vụ gì nữa, chẳng còn quân đội Pháp xứng với tên gọi đó, chỉ còn một đất nước bại trận... Bọn chú trò chuyện rất lâu về những gì cần phải làm. Bản năng của chú là phản kháng, chú có mối quen biết ở Luân Đôn và chú muốn đến nơi đó. Chú rủ bố cháu đi cùng nhưng ông ấy từ chối. Ông ấy nói phải tìm cách quay về Saint-Gabriel để gặp lại cháu và mẹ cháu.” Tôi không ngừng cắn môi để không buột mồm nói hớ. Cái tên Katia, Katia không ngừng ở trên đầu lưỡi. Liệu cậu con trai có biết chuyện đó không? Và ngay cả khi cậu có biết chẳng nữa thì tôi cũng không việc gì mà phải nói với cậu về chuyện ấy. Một người đàn ông - nhưng còn quá trẻ... “Sau đó, chú đưa cho ông ấy chìa khóa xe ô tô của chú và bọn chú tạm biệt nhau. Chính khi ấy bố cháu chơi bản *La Marseillaise*... Chú không có tin tức về ông ấy kể từ đó.” Tôi không dám đặt câu hỏi chỉ chực nhảy ra khỏi miệng. “Xe ô tô của chú ư? cậu nhẹ nhàng hỏi, có phải là chiếc Juvaquatre không?” Tôi gật đầu. “Bố cháu qua đời vì tai nạn ô tô một tuần sau đó.” Một tiếng nói trong thâm tâm giày vò tôi: *thế còn Katia, cô ấy ra sao rồi?* Nhưng tôi vẫn mím chặt môi rồi nắm tay cậu ta. “Chú rất tiếc, Pierre, nếu chú có thể làm được điều gì...” Cậu cảm ơn tôi.

Sự giống nhau: đôi bàn tay giống nhau, vừa mạnh mẽ vừa thanh mảnh, nơi sự căng thẳng luôn kèm trong mỗi động tác, mỗi lời nói; ánh mắt đen giống nhau, cháy rực, cứ như đòi người khác tiết lộ những điều cốt yếu. Có điều, cậu con trai không có sự u sầu vốn choán đầy đáy sâu tâm hồn người cha, cho ông tài năng âm nhạc và dẫn ông đến với sự bất lực, hẳn là thế. Có gì đó mãnh liệt hơn, dữ dội hơn, nguy hiểm hơn.

Tôi thấy rõ là cậu ta còn muốn hỏi tôi thêm về người bố nhưng cậu không biết phải hỏi thế nào. Tôi nói với cậu những gì có thể. Sau này, có lẽ vậy. Chúng tôi đang ở trong thời kỳ không dành cho những trái tim yếu mềm. Tuy vậy. Bất kỳ lúc nào cũng sẽ là lúc phù hợp.

Người ta nói với tôi rằng cậu đã rời Sài Gòn đúng lúc bởi cậu đã quyến rũ một phụ nữ mà cậu không được quyến rũ và tốt hơn hết là phải rời xa người đó.

Tối đến, còn lại một mình, tôi nghĩ đến cậu, bị ám ảnh bởi vẻ đột ngột tái xanh của cậu khi biết tôi quen cha cậu. Tôi tự nhủ: “Nó đáng tuổi con mình”, và rồi tôi mỉm cười: chúng tôi chênh nhau mười tuổi, có thể là mười hai. Thế thì tôi làm cha mới sớm làm sao! và rồi, hết sức ngạc nhiên, tôi thấy cổ họng mình nghẹn đắng.

10 tháng Ba.

Mọi chuyện diễn ra rất nhanh. Bị cuốn lên phía trước bởi một phong trào mà chúng tôi làm như chế ngự được: chúng tôi không biết, chúng tôi chẳng biết gì, chúng tôi bơi hết sức theo dòng chảy.

Tôi đi Sài Gòn lần đầu cùng Sainteny. Trên đèo Hải Vân - một vùng xáo động áp suất nơi Bắc-

Nam giao thoa. Đây, chúng tôi ở chính chỗ đó: trên đèo Hải Vân.

D'Argenlieu: rõ là có điều gì đó dối trá khiến tôi ghê tởm, có thể là đại khờ bởi vì đó là một "người tin vào Chúa" (thậm chí nếu tôi không tin thì ít nhất ông ta cũng phải tin vào Chúa). Sainteny cho là tôi phóng đại. D'Argenlieu muốn chúng tôi thương lượng, ông ta muốn chúng tôi thành công (phải chăng là để nhận công trạng về mình), ông ta hiểu được sự cần thiết phải ký kết một hiệp ước để Leclerc quay lại Bắc Kỳ - gần như là bất kỳ hiệp ước tạm thời nào với điều kiện nó không can hệ đến chính ông ta. Dạy cách giải quyết các vấn đề khó xử. Cảm giác thường trực rằng đang có một mục đích bị che giấu, chỉ mình ông ta biết, rằng ông ta không thể chia sẻ với những người ngây thơ. Cảm giác được khẳng định: ông ta lộ ra với chúng tôi rằng ông ta vẫn tiếp tục trao đổi thư từ với tướng De Gaulle. Ông ta mỉm cười: "Sẽ không có chuyện bỏ rơi. Chúng ta sẽ không để điều đó xảy ra." Khi chúng tôi ra về tôi nổi khùng lên và Sainteny bảo tôi giữ bình tĩnh. Cần phải tin tưởng. Anh nghĩ rằng tính hợp lý của một hiệp ước sẽ kéo theo tất cả và tất cả mọi người, những kẻ đạo đức giả và những người chân thành, những người cuồng nhiệt và những kẻ hững hờ.

Cũng ngày hôm đó chúng tôi gặp Leclerc. Đó lại là chuyện khác: "Thế là tốt, ông nói với Sainteny. Các ông đã không để chúng tôi rơi vào giữa cuộc chiến."

Trở lại Hà Nội. Tôi gặp lại cậu con Garnier và nói chuyện với cậu. Tôi cứ gọi cậu là Louis và cậu phải chỉnh tôi. "Pierre", cậu nói, giấu đi vẻ bức bối. Cậu chẳng có ý niệm thực sự nào về người là cha mình và cậu cứ vật lộn mãi với hình bóng của ông. Cậu mò mẫm bám lấy những sự thật nửa vơi mà cậu không thực sự tìm kiếm. Giữa lúc trò chuyện, tôi hỏi cậu biết tin bố mất như thế nào. "Người phụ nữ ấy đã đến," cậu nói - và trước sắc giọng của cậu, tôi co rúm người lại, hiểu rằng cậu nói đến Katia. "Chú biết cô ấy. Tại sao chú không nói gì?" Thế là tôi đỏ mặt. Tôi muốn bảo vệ cậu nhưng lại gây tổn thương. Tôi buông tiếng thở dài và quyết định sẽ chân thành - rốt cuộc, chân thành hết mức. "Chú thực sự không biết có chuyện gì giữa họ. Làm sao giải thích được chuyện đó cho cháu đây? Chú cảm thấy rất gần gũi cha cháu, và chú nghĩ rằng cha cháu cũng vậy. Nhưng không có sự thân mật thực sự giữa bọn chú. Kể về đời tư của mình với chú không phải là kiểu của ông ấy, và chú cũng không có cái kiểu chất vấn ông ấy. Chú chỉ biết rằng cô ấy từng là học sinh của bố cháu, rằng bố cháu đã dạy cô ấy ở Nhạc viện, và rằng họ gặp lại nhau. Một câu chuyện buồn cười: ông ấy yêu cầu cô ấy không được quay lại vì cô học hành chưa đủ cần mẫn. Họ có yêu nhau không? Chắc chắn là có. Chú trở thành bạn của cả hai người và, thành thực mà nói, chú có phần nào yêu cô ấy. Có những người phụ nữ gọi đam mê cho cháu đến nỗi họ chỉ để cháu lại gần, nhưng có gì đó trong họ không chào đón cháu và cháu cứ ở bên ngưỡng một cảm xúc mãnh liệt, không hẳn thất vọng, chẳng ra hạnh phúc." Cậu ta chẳng quan tâm đến các lý thuyết về tình yêu của tôi mà sáng giọng ngắt lời. "Họ có ở bên nhau vào tháng Sáu, khi chú đến ở nhà cháu không? - Có." Tôi có cảm giác như là thù ghét cậu ta. "Cháu muốn biết họ có ngủ với nhau không chứ gì?" Một biểu cảm ngạc nhiên và đau khổ trên khuôn mặt cậu ta. "Chú không dám chắc." Cậu cười buồn bã. "Nếu biết chuyện đó, có lẽ chú sẽ nói với cháu nhưng chú không biết, chú cam đoan với cháu." Louis đã chết, Katia biệt tích, Pierre định gán ý nghĩa cho những thứ chẳng hề có nghĩa - đó là cuộc sống thời chiến, hay có thể chính là cuộc sống, ai mà biết được?

"Kể cháu nghe về Paris đi," cậu đòi hỏi một cách tàn nhẫn. Biết bao chuyện để nói về mấy ngày đó. Mùi khói gần kề Orsay⁽²⁾ khi họ bắt đầu đốt các tài liệu lưu trữ trong cơn hoảng loạn. Các bao cát sát các công sở để chuẩn bị cho một cuộc phòng thủ chưa từng xảy ra. Lời tuyên bố viết trên các bức tường: *Paris được tuyên bố là thành phố mở*. Một buổi đi dạo với Katia trên đồi Buttes-Chaumont, một điệu vũ, một nỗi buồn. Cậu ta nóng lòng chờ đợi. "Chú còn nhớ một đàn bò vô chủ đi lang thang trên đại lộ Henri-IV, và thậm chí chúng chẳng thèm dừng trước đèn đỏ." Cuối cùng Pierre cũng hết căng thẳng. Không còn câu hỏi cho ngày hôm nay nữa. Chúng tôi uống một hai ly gì đó rồi tôi dẫn cậu ta đi. Giờ đây cậu ta theo tôi khắp nơi, đến nhà người Pháp, người Việt, người Tàu.

Đó là anh lính chẳng muốn làm lính, chỉ tham gia các trận cuối cùng - và còn chưa tham gia vào trận đánh cam go nào - trước khi chiếm đóng nước Đức. Sau đó cậu xung phong đi Đông

Dương. Cậu đã trải qua rất nhiều cuộc chiến nhưng không phải là một người của chiến trận. Cậu đã chứng kiến quá nhiều chuyện nhưng cậu không giết người. Cậu phải chịu cảnh lửa đạn nhưng cậu không bắn. Cậu mang những vết sẹo mà không hề bị thương. Nhát gan ư? Tôi không nghĩ như vậy. Cậu bị giày vò bởi khát khao chủ nghĩa anh hùng mà đối với cậu đó là chủ nghĩa lý tưởng gần như cuồng nhiệt. Cậu hiểu động, hoàn toàn tuyệt vọng nhưng rất, rất có duyên.

Một đêm, rốt cuộc cậu cũng kể cho tôi nghe vụ việc ở Sài Gòn: để tiêu khiển. Khi ở đó cùng với Sainteny và Pignon, tôi đã gặp Blaizot tại bữa tiệc chiêu đãi ở dinh Norodom. Một con người nguy hiểm. Không phải vì ông ta làm cho tôi sợ nhưng theo bản năng tôi biết rằng với những người như thế này, cần phải giữ khoảng cách. Vậy thì ngủ với vợ ông ta chẳng khác nào tự chuốc lấy phiền toái...

Nhờ tôi bố trí, Garnier qua đêm với một cô gái An Nam, một trong những cô mà chúng tôi vẫn dùng; cô biết những gì phụ nữ ở đây biết và từ sâu thẳm những mưu tính cô vẫn giữ được sự trong trắng, sự đa cảm khiến ta rung động. Tôi hy vọng cậu ta cho mình được hưởng thụ cô gái, nhưng không quá. Cô chỉ kể tôi nghe chuyện đáng ngạc nhiên ấy, nhưng cô thì chẳng còn ngạc nhiên vì bất kỳ chuyện gì nữa: cậu ôm cô vào lòng suốt đêm mà chẳng thử làm gì. Cậu từ chối massage, từ chối để mình được ve vuốt. Thế rồi đến rạng sáng, khi cuối cùng cô cũng ngủ thiếp đi thì cậu chiếm đoạt cô trong giấc ngủ, một cách gần như phũ phàng, việc mà cô chẳng hề ghét. Sau đó cậu run rẩy, như trong những cơn đông sấm chớp mà không mưa vậy.

Càng gần đến hạn - vì những câu chuyện không hay ho gì về thủy triều, ngày 6 tháng Ba, chứ không muộn hơn, chính là ngày Leclerc phải cập cảng Hải Phòng - thì cuộc đàm phán trở nên càng khó khăn và thú vị hơn. Chúng tôi nghe được những tin đồn từ Sài Gòn, tức là từ những người thân cận của đô đốc: chúng tôi là những người tán thành hiệp ước Munich, đến để tái thiết, chúng tôi đang phục tùng. Sainteny cuối cùng phải bày tỏ tâm sự với Leclerc về chuyện đó. Người đàn ông mắt xanh dương: Chẳng có gì quan trọng. Sainteny: Nhưng nếu phải đi xa hơn? Leclerc: Thì chúng ta sẽ đi. Sainteny: Nhưng nếu như từ độc lập trở thành hiện thực? Leclerc: Thì từ ngữ dùng vào việc đó mà.

Cuối cùng chuyện đó là không cần thiết và chúng tôi thoát nạn nhờ vào làn sóng “Nhà nước tự do”. Chúng tôi không ngốc và người Việt cũng vậy: một Nhà nước tự do cuối cùng cũng buộc phải độc lập, nếu không thì không phải là Nhà nước tự do.

Gặp lại Giáp trước hôm Leclerc tới: đôi mắt đen ngời sáng, như hòn than rực cháy. Ông vừa phát hiện ra rằng “đoàn tùy tùng danh dự nhỏ gọn” dự kiến đi cùng Leclerc thực ra là một sự đoàn thiết giáp. Tôi cảm thấy ông bị giày vò bởi cơn giận mà ông khó khăn lắm mới kiềm chế được; nhưng đồng thời ông cũng lạnh lùng, trí tuệ ông ngự trị tất cả và nhìn thấu tất cả. Ông nhận ra tôi: tôi đang đợi nhà thơ trở thành bộ trưởng. Những người cộng sản lại mang sắc màu “thống nhất quốc gia”; chúng ta hãy chờ cho họ nắm chắc chiến thắng và hãy xem chuyện gì xảy ra với mục đích thống nhất đất nước của họ.

“Ngày mai Leclerc sẽ tới đây,” Giáp nói mà không hướng về riêng ai - nhưng tôi chỉ có một mình trong phòng đợi được trang trí cờ đỏ và chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh. “Tôi sẽ ở bên cạnh ông ấy. Chúng tôi sẽ cùng trở về Hà Nội và xe ô tô của chúng tôi sẽ được cấm cò Pháp và cò Việt Nam. Đồng chí nghĩ sao về tất cả chuyện này? (Từ ít lâu nay chúng tôi chuyển sang cách xưng hô thân thiện giữa những người cách mạng.) - Có thể thành công. Sẽ là một điều kỳ diệu nếu chúng ta làm được, nhưng chúng ta vẫn có thể thành công. Và việc này thật bổ công thử, vì hòa bình. - Đồng chí nghĩ rằng chúng tôi muốn gây chiến ư? - Làm sao mà tôi biết được? Có thể có thì sao?” Ông vòng cánh tay ôm lấy tôi, không nhe nhàng như Hồ Chí Minh, mà ghì chặt, gần như gây đau. “Đồng chí biết những gì chúng tôi muốn và đồng chí biết chúng tôi sẽ làm được. Chúng tôi đã để một đội quân xâm lược đặt chân vào chứ không phải ai khác. - Bởi vì các ông không có khả năng chống lại. - Có thể, bây giờ thì không. Cái ông Leclerc này như thế nào? - Ông ấy sẽ khiến đồng chí hài lòng, Giáp ạ. Đó là một người Pháp mới đích thực. - Tôi bắt đầu tự vấn xem liệu thực sự có những người Pháp mới ấy không. Có thể tin tưởng ông ấy được không? - Có, dĩ nhiên rồi. - Nhưng có phải ông ấy là người quyết định không?” Tôi cúi xuống nhìn chân. “Đồng chí không trả lời. Vấn đề là ở chỗ đó: khi chúng tôi gặp được một người tử tế phía các

đồng chí thì người đó lại không có quyền lực.” Giáp đã khép mình lại, quay đi.

Buổi tối, ăn một bát xúp với Garnier. Người Pháp đổ ra đường từ khắp nơi, những con chuột phải ẩn núp quá lâu trong cống. Có những lá cờ xanh, trắng, đỏ và những cô gái khiêu vũ đến tận trong vòng tay chúng tôi. Tất cả chúng tôi đều nghĩ đến tháng Tám năm 1944, giải phóng Paris, vẫn còn rất gần, thế mà đã rất xa. Người Pháp nói: “Leclerc đến rồi. Bây giờ cơn ác mộng qua rồi.” Tôi muốn đáp lại họ rằng: “Bây giờ những nỗi buồn phiền mới bắt đầu,” nhưng tôi sẽ không làm hỏng ngày hội của họ... Cứ để họ nhảy nhót cả đêm đi, cái đêm êm dịu đầy ảo tưởng ấy... Sau tất cả những gì họ đã phải chịu đựng suốt những tháng qua... Garnier tự lự, chẳng bị cuốn theo bầu không khí hưng phấn xung quanh, cũng như tôi. Cậu đắm chiêu suy nghĩ. Cậu muốn chúng tôi tiếp tục nói thêm về bố cậu, về Katia... Làm gì nếu không phải là kiên trì bám theo những dối trá nửa vời đầy trắc ẩn, những sự thật nửa vời có thể chấp nhận được mà tôi nói ra: “Chú nói rằng họ là bạn bè, chỉ là chỗ thân tình. Nhưng cháu thì cháu không biết với một người đàn ông, thân với một người đàn bà thì có nghĩa là gì. Nếu chú thân với một người đàn bà, chú sẽ ngủ cùng cô ta, sau đó chú và cô ta trở thành bạn bè. Như vậy chắc là họ đã ngủ với nhau, phải không?” Tôi giữ nụ cười tươi, nụ cười tươi nhất của tôi, nụ cười trung thực của tôi. “Không phải là cháu không tin chú, cậu ta tiếp tục, chỉ là cháu không có kinh nghiệm - cháu nghĩ đó là từ chuẩn xác - cần thiết để hiểu. Và chú biết đấy, cháu đã gặp cô ấy - cháu đã nói với chú rồi - lúc ấy cháu mười bốn tuổi và cô ấy... Cháu không biết nữa... rất quyến rũ... Và cô ấy đứng đó, trước cổng nhà cháu ở Saint-Gabriel, nói với cháu và mẹ rằng bố bị tai nạn chết rồi, nhưng cháu lại chỉ bị tổn thương trước sắc đẹp thái quá của cô ấy - đẹp hơn mẹ cháu rất nhiều! Cháu nhớ rằng mẹ đã òa lên khóc (khóc như những người chưa khóc bao giờ, những tiếng nấc khan và thẳm lặng, quay đi vì bối rối) và xin lỗi, mẹ biến mất, chẳng mời cô ấy hay làm gì cả, có lẽ đó là điều lịch sự cần làm mà mẹ lại là người lúc nào cũng vô cùng lịch sự... Như thế mẹ nghi ngờ điều gì đó. Vậy là cháu chỉ còn lại một mình với người phụ nữ trẻ đó, có cây bách vừa mới được tía cành ở ngay bên cạnh cổng nhà và nó đã mất đi dáng vẻ duyên dáng dong dỏng, giờ thì hầu như xấu xí, và cô ấy cố gắng nói với cháu vài câu, những điều an ủi xoa dịu, cháu nghĩ thế, mặc dù cháu chỉ nhớ được âm điệu chứ không nhớ được từng lời. Những lời khích lệ tình cảm tốt đẹp giữa cháu và bố (cô ấy nói “bố”, “bố cậu”, và điều đó khiến cháu giật nảy mình). Khi cô ấy đi rồi cháu vẫn còn choáng ngợp và cho đến tận khi thấy cơn giận hiện trên khuôn mặt mẹ, cháu vẫn không hiểu được rằng lẽ ra cháu phải *cảm thù* người phụ nữ ấy, lẽ ra cháu phải nhổ vào mặt cô ấy và gào lên đuổi cô ấy đi, để gia đình cháu được yên, nhưng quá muộn rồi - không chỉ bởi cô ấy đã đi mà còn bởi theo một chừng mực nào đó cháu hiểu bố, và cháu trách mẹ sao lại già đi và bị phản bội.” Cậu nói rất lâu và tôi để cho cậu nói, nghĩ đến cơ thể mềm mại của Katia, lọn tóc đen trên trán cô ấy, theo kiểu Louise Brooks, làn môi, những từ tiếng Nga đôi khi rung lên, chẳng hề báo trước, như lớp đường trắng mặt bánh nơi đầu lưỡi cô ấy. Đôi khi tôi nhận thấy cậu gần như đã hiểu, nhưng cậu vẫn còn quá giận và tôi biết cậu cần có thời gian. Chính bản thân cậu phải chịu đựng sự tan vỡ và nhục nhã để có được một sự chừng mực nào đó và hiểu những nhân vật tuyệt vời trước đây một cách nhân văn hơn. Cậu còn chưa đạt tới điều đó. Cậu vẫn còn tin vào sự thuần khiết.

Trong màn đêm, những tiếng súng nổ đằng xa: lần này chính người Pháp đã chơi bời lu bù và gây ra những vụ giết người đê hèn. Họ trả thù để xoa tan nỗi sợ. Đó là việc có thể đoán trước, thuộc bản chất con người. Nhưng điều đó thật bẩn thỉu và khiến tôi kinh tởm.

17 tháng Ba.

Chúng tôi uống chai sâm banh Pol Roger mà Sainteny đã để dành ở chỗ nào đó: hình như Paul Reynaud và Winston Churchill⁽³⁾ không uống loại sâm banh nào khác, trước khi liên minh Pháp-Anh tan vỡ. Anh biết rõ xứ sở này và hậu cảnh chính trị đáng ngờ của hiệp ước được ký kết; anh chỉ khiêm tốn công nhận rằng bầu không khí cảm thông giữa Hồ Chủ tịch và anh góp phần lớn trong chuyện này. Anh nói rằng có một cơ may, rất ít ỏi, một con dê có thể ngăn cảnh lụt lội lan tràn ở cả hai bên.

Thông điệp: sau những vụ rắc rối xảy ra hôm qua tại Hải Phòng, Leclerc đã có thể cập cảng. Chúng tôi có vài người chết và quân Tàu bị chết nhiều hơn một chút, nhưng bây giờ chúng tôi

mỉm cười với nhau. Còn vài ngày nữa... Sainteny đã hết căng thẳng, và làm chúng tôi bật cười khi kể về những thông điệp tuyệt vọng mà anh gửi cho tướng De Gaulle hồi tháng Mười và tháng Mười một, khi anh trông đợi những chỉ thị rõ ràng về nhiệm vụ của mình. Rốt cuộc, đến tháng Mười hai anh nhận được một bức thư. Anh bắt chước ngữ điệu nổi tiếng của viên tướng: “Đề nghị tiếp tục nhiệm vụ.” Chúng tôi phá lên cười.

Chàng trai trẻ Garnier giới thiệu với tôi, dường như có chút thận trọng, một phóng viên người Anh của một hãng thông tấn tới từ Sài Gòn. Họ gặp nhau trên tàu hồi tháng Chín. Đó là một gã dễ mến, chẳng có tham vọng tranh luận về điều gì to tát và là người mà ta không thể tin cậy. Tôi kể cho hắn cái năm tôi ở Luân Đôn, cả hai chúng tôi đều rất hài lòng về nhau. Giữa lúc vui vẻ nhất, hắn hỏi tôi xem có đúng là, như người ta nói, hồi ở Trung Quốc tôi đã “giúp đỡ” quân đội Anh loại một kẻ chống đối người Ấn không. Tôi nói rằng hắn đọc quá nhiều truyện trinh thám rồi, đồng thời tôi bắn khoản không rõ bằng cách quái nào mà hắn biết được tình tiết này. Chính những người Anh lộ ra sao? Vậy có lẽ là MI 5, và chắc có sự cầu thả trong đơn vị Mật vụ Hoàng gia. Trừ phi chính hắn là... Hết sức khéo léo, hắn chuyển chủ đề.

Với cái giọng tâm giao, hắn nói với chúng tôi hắn nghe được từ chính miệng D’Argenlieu rằng hiệp ước của chúng tôi là một “hiệp ước đáng ghê sợ” và rằng “*self-government*”⁽⁴⁾ trao cho Việt Minh cũng như việc sử dụng từ “Việt Nam” chỉ đơn thuần là phép lịch sự. Còn về cuộc trưng cầu dân ý dự kiến tổ chức tại Nam Kỳ về việc sáp nhập vào nước Cộng hòa Việt Nam, thì sẽ diễn ra “khi nào chúng tôi sẵn sàng”, có nghĩa là đợi đến khi nào gà mọc răng.

Lúc nào hắn cũng có cái vẻ ấy... Hắn là người ta sẽ muốn nhún vai mà cười nói rằng: chỉ người Anh là chẳng bao giờ bỏ lỡ cơ hội chế giễu những kẻ thù truyền kiếp ưa thích nhất của mình - người Pháp.

Vấn đề là hắn nói sự thật.

18 tháng Ba.

Một ngày kỳ lạ làm sao! Giáp và Leclerc sát cánh nhau trong tiếng hoan hô của người Pháp, cờ của Việt Nam và Pháp bay phấp phới trên các xe ô tô. Ngay khi quay lưng lại, người Pháp tháo cờ Việt Nam xuống và khắc nhổ vào đó. Họ đánh đồng tất cả: người Nhật, người Tàu, Việt Minh, họ ghê tởm người da vàng đến mức không gì có thể thuyết phục hay kìm hãm họ. “Các ngài không biết những kẻ đó đâu” v.v... Tính tàn bạo, thói đạo đức giả, sự phản trắc, vẻ ngây thơ của Leclerc: tất cả đều có trong đó. Cứ nghĩ rằng cách đây mười tám tháng chúng tôi chiến đấu chống lại quân phát xít và những điều cơ bản về hận thù của Goebbels⁽⁵⁾ và đồng đảng... Chúng tôi khác, chúng tôi thì khác, phải không? Chúng tôi có thực sự khác không? Người ta có thể nói gì về chúng tôi nếu như chung quy, chúng tôi chẳng khác nào họ hàng của những kẻ đó? Và điều đó có thể nói gì về chúng đây?

Ý nghĩ khủng khiếp, phải loại bỏ ngay. *Không, chúng tôi không giống chúng.*

Leclerc được ngưỡng mộ ở tư cách là quân nhân và tướng lĩnh, bị căm ghét ở tư cách là người đàm phán hòa bình - điều mà họ muốn đó là một vị thần chiến tranh gào còi, khắc ra lửa, uốn sắt nắn thép với bàn tay không thương xót. Nhưng một người ngồi đó để bình thản nói về hòa bình - ông trở về từ địa ngục của sự nhục nhã mà không một vết nhơ và khôn ngoan hơn nhưng họ thì không, và họ sẽ không bao giờ hiểu được. Trời ơi, làm sao ta có thể tiến lên với những cảm xúc như vậy?

Tôi ngồi trên một trong những chiếc xe Jeep đi đầu, cùng với một Sainteny kín đáo, và tôi không biết phải nghĩ gì về cảnh tượng này, cảnh tượng hùng vĩ như vậy. Trên phim ảnh thì thật là tuyệt vời nhưng chuyện gì diễn ra bên trong những trái tim và khối óc? Tôi cảm nhận rõ ràng rằng tất cả chuyện đó là một ván bài và rằng tất cả chúng tôi đều gian lận, với những lời chúc mừng, những tiếng cười, những câu bông đùa và những bài diễn văn. Có quá nhiều nụ cười, và những hy vọng chân thành thì quá yếu ớt - đằng sau tất cả những chuyện đó đơn giản là có quá nhiều dối trá, của cả hai bên.

Giữa lúc khải hoàn, tôi đã thấy con dê rạn nứt.

20 tháng Ba.

Khi buổi lễ kết thúc thì những đốm sáng tắt lịm, những tiếng hoan hô và reo hò lắng xuống thành tiếng thì thầm và chỉ còn lại nỗi buồn phiền từ những chuyện nhỏ nhất thường ngày - những trở ngại vụn vặt đầu tiên, những khuôn mặt khó khăn của các đối tác liên lạc Việt Nam, sự ngờ vực hiển hiện, nỗi sợ bị giáng một đòn mạnh.

Và sáng nay, khi chúng tôi đang uống cà phê tại Câu lạc bộ Thể thao thì tôi vô cùng sửng sốt khi thấy một cô nhà báo trẻ người Mỹ lao vào tôi khiến tôi suýt ngã: Katia.

Trong giây lát, tôi cứ ngỡ... Thế rồi cô hôn lên hai má tôi.

Cô ôm tôi một lúc lâu trong vòng tay rồi chúng tôi cười và khóc cứ như... trong vòng một phút, cả hai chúng tôi quay trở lại từ âm phủ và chúng tôi ngập tràn một cảm giác tự do tuyệt vời, chính là phần thưởng của cuộc sống này. Thế rồi sau đó, chúng tôi nói chuyện, dĩ nhiên rồi.

Câu chuyện gián đoạn tại đây. Có lẽ tôi sẽ hỏi bà Suzanne Costes xem có còn tiếp nữa không nhưng tôi không chắc. Chờ đến lúc này tôi đọc với cảm giác bị hút theo câu chuyện lạ lùng đó, câu chuyện mà tôi không biết hay chỉ biết sơ sài, đôi khi tôi dừng lại để lật giở qua các trang cuốn sách về “nền hòa bình bị bỏ lỡ” ấy của Sainteny.

Khi bố tôi xuất hiện, tôi thấy rõ rằng ông chẳng đóng vai trò gì, thậm chí chẳng có vai trò của một người như Costes. Costes đã lựa chọn - như vợ ông viết cho tôi - giữ yên lặng, còn bố tôi sống trầm lặng vì ông chẳng có gì nhiều để nói, quá bận bịu với việc vật lộn với chính mình và quá khứ của mình.

Tôi nhớ đã đọc một lá thư bà nội gửi cho bố - một lá thư vào đúng những năm tháng đó và lá thư đã quay trở về cùng ông, bị hết cơn sóng này đến cơn sóng khác từ những thất bại của ông cuốn theo. Trước đây tôi chưa bao giờ hiểu được sự cứng nhắc lịch sự của một câu nói được lặp đi lặp lại nhiều lần. *Con hãy đến cùng vợ, các con sẽ được chào đón nồng nhiệt.* Bà hỏi tin tức của con trai với sự hạ mình như chó đối với chủ, đòi hỏi đôi chút vốn vã, vài lời triu mến, vài câu chuyện vô nghĩa và rồi: *Con hãy đến cùng vợ, các con sẽ được chào đón nồng nhiệt.* Bà cho con trai biết chút ít thông tin về Saint-Gabriel, với sự thận trọng gọi lên nỗi tủi hổ vì đã viết nhiều mà chẳng nhận được hồi âm. *Và các con sẽ được chào đón nồng nhiệt...* Tại sao bà không phần nộ? Tại sao bố không trả lời? Vậy là sự im lặng nổi lên giữa chúng tôi và chẳng ai nói với ai: có gì đó chảy trong máu và theo năm tháng, có gì đó không chỉ là sự giống nhau về ngoại hình.

Tại Paris lúc đó là tám giờ tối, con trai tôi đang ở với mẹ, mặc bộ áo ngủ in hình gấu, người nó tỏa mùi xà phòng thơm mát và, ở tuổi nó, người ta vẫn có thể rúc mũi vào hõm cổ nó mà ngửi mùi em bé.

Tôi bấm số điện thoại.

Tôi nghe thấy giọng của cô ấy và lời nhắn, vẫn là lời nhắn đó kể từ khi tôi quen cô ấy: “Xin chào, bạn đang gọi điện đến nhà Marie và Sébastien, nếu bạn muốn điều tốt lành cho chúng tôi, hãy nói một lời tử tế, bằng không vẫn còn thời gian để gác máy.” Tôi có thể đọc thuộc lòng, từ cái thời vẫn còn một mình tên cô ấy, rồi cái thời mà chúng tôi ở bên nhau, và cả thời có đủ ba chúng tôi. Marie, André và Sébastien. Em có chắc là mình không quên gì chứ? Tôi bắt đầu nói chẳng rõ ràng, cất tiếng ho để cho thấy tôi không nằm trong số những người ác ý, thế rồi tôi rồi tỉnh lên với những lời giải thích.

“André.”

Đó là cái giọng chẳng buồn cũng chẳng vui, chẳng sung sướng cũng chẳng giận dữ: một sự ghi nhận. Tôi muốn tử tế với cô ấy (và đầu đó trong trái tim tôi, nơi tôi đã dùng dao nhíp rạch một vết thương, tôi nói với cô ấy rất nhiều điều trang trọng bắt đầu bằng “anh rất lấy làm tiếc”

hay “anh hy vọng là em khỏe”, nhưng miệng tôi khô khốc và tất cả những gì mà tôi có thể nói ra đó là: “Anh có thể nói chuyện với con được không?”).

Một tiếng thở dài. Rồi sau đó:

“Chờ một lát.”

Tôi nghe thấy những tiếng động dễ dàng đoán nhận. Bản tin 20 giờ trên kênh TF1 và cả tiếng nhạc, bài hát *Pride in the Name of Love* của nhóm nhạc rock U2. Và giọng nói của hai người, khụt lấp, nghẹn lại, bởi vì cô ấy để tay lên ống nghe, không đủ kín nên tôi vẫn nghe thấy. Tôi thật vụng về kinh khủng và tôi muốn gỡ lại. Tôi cố gọi cô ấy nhưng cô ấy không thể nghe thấy tôi. Cô ấy lại nhắc ống nghe lên:

“Con không muốn nói chuyện với anh.

- Anh hiểu.”

Đó là một câu trả lời thủ thế: tôi tính trước mọi điều trừ điều này. Cô ấy đập máy trước tôi, tôi đã đoán đến khả năng này. Nhưng thằng nhóc không nói chuyện với tôi ư? Tôi vẫn mơ tưởng rằng con trai muốn giữ quan hệ với tôi, tôi vẫn còn nghe thấy rõ giọng nói và những tiếng đùa cợt của nó, đến mức không lường được sự từ chối.

“Anh hiểu, tôi nhắc lại, thì thầm.

- Em không nghĩ là anh thực sự hiểu, bởi nếu như vậy thì có lẽ chúng ta đã không ở trong hoàn cảnh như thế này.

- Cả cái đó anh cũng hiểu. “

Cô ấy ho.

“Chúng ta chia tay nhau đã được hai tháng rồi. Em đã gọi điện và viết thư, em đã năn nỉ anh đến thăm con. Khi biết chuyện xảy ra với bố anh, em đã viết cho anh để nói rằng em rất lấy làm tiếc và đề nghị giúp đỡ. Anh đã không đến, không viết thư, không gọi lại lấy một lần, anh chẳng thể hiện một dấu hiệu gì hết. Anh đang chờ đợi chuyện gì vậy?

- Chẳng chờ đợi gì hết.”

Tôi nhớ đến những lá thư mà tôi không mở ra. Tôi nhớ đến những tiếng chuông điện thoại reo: hộp tin nhắn điện thoại ở căn hộ trên đại lộ Simon-Bolivar bị hỏng sau khi cô ấy ra đi. Hai tháng rồi, thật ư?

“Anh không thể.

- Thì đấy, con nó cũng không thể.

- Em đã nói gì với nó?

- Ban đầu nói chúng ta đi du lịch. Rồi nói rằng anh mới là người đi du lịch. Sau đó em không nói gì nữa. Và sau đó nó thôi không hỏi nữa.

- Sau hai tháng ư?

- Hai tháng là quá dài đối với một đứa trẻ ở tuổi nó, anh không thấy thế sao?”

Tôi định nói rằng tôi hiểu nhưng tất cả sự thông hiểu tử tế đó bắt đầu khiến tôi bức dọc. Thế nếu đổi lại, tôi im lặng? Cô ấy không nói ra, nhưng để mọi chuyện tròn trịa, tôi tin chắc rằng cô ấy đã cố gọi con đến nghe điện thoại một cách nghiêm túc và thật tình. Tôi hiểu thằng nhóc, tôi hiểu cô ấy - nhưng người mà tôi hiểu ít nhất lại chính là tôi.

“Bây giờ anh không thể giải thích được.

- Đương nhiên rồi.”

Ngay cả lời chế giễu của cô ấy cũng đáng nể: cô ấy không chế giễu quá mức.

“Chúng ta có thể thử quay lại được không?”

- Đây không phải là phim và dù sao chuyện đó thì để làm gì cơ chứ?

- Anh muốn gặp em.”

Em thật tuyệt vời, em là người mà anh yêu. Giá như em biết được anh đã thay đổi, giá như em biết giờ đây anh vững vàng đến nhường nào thì có lẽ em sẽ lại chấp thuận anh ngay lập tức với hai tròng pháo tay.

“Liệu lần sau anh có thể điện thoại nữa được không?”

- Anh muốn nói là sau hai tháng nữa?

- Anh muốn nói là trước đó.

- Anh đã nói là anh đang ở đâu nhỉ?

- Anh đã nói đâu. Anh đang ở Hà Nội.

- Vậy là em thực sự có thể nói với con rằng anh đang đi du lịch rồi.

- Chỉ cần nói với con rằng anh yêu nó.

- Ngay cả trong phim được chiếu lại, thì câu đáp ấy vẫn có phần dễ dãi, hơi tầm thường. Anh cứ việc trực tiếp nói với con khi nào anh gặp nó. Khi nào nó muốn.

- Liệu nó có muốn không?

- Đừng than vãn nữa. Anh biết rõ là nó muốn mà. Vấn đề duy nhất là anh, chứ không phải nó.

- Em có lý.

- Em có lý. Anh thực sự đang ở Hà Nội sao?

- Ừ.

- Thời tiết thế nào?

- Âm u.”

Cô ấy rúc rích cười.

“Thật là tốn kém nếu điện thoại đường dài chỉ để bàn luận về thời tiết. Ta cúp máy bây giờ nhé.

- Anh sẽ gọi lại.

- Tùy anh.

- Marie, anh rất lấy làm tiếc.

- Nào, André, em xin anh, ừm..

- Chỉ là...”

Cô ấy vẫn chưa dập máy trước tôi, và sự ngập ngừng của chính tôi cho tôi hy vọng.

“Thật khó cho tất cả mọi người, André, vậy thế nhé, hãy gọi lại khi nào anh có thể. Dù sao thì cuộc sống của hai ta cũng vẫn gắn kết với nhau, vì con trai. Anh chấp nhận được điều này càng sớm càng tốt. Còn nếu không thể thì anh cứ biến đi.

- Anh sẽ gọi lại.”

Rốt cuộc cô ấy bỏ máy. Tôi đã tắt đèn từ trước và tôi đang ở trong bóng tối; qua ô cửa sổ để mở, một tàu cộ xiên vào.

Trong một lát, mắt nhắm nghiền, tôi cố gọi lại trong tâm trí hình ảnh đứa con khỏe khoắn và

hiền lành của tôi, vào giờ này lẽ ra phải cuộn tròn bên cạnh tôi, thảnh thơi khẽ hết lên vì cô đơn và sợ hãi mà tôi không biết trấn an bằng cách nào ngoài việc để tay lên bụng mình, cho đến khi những hơi thở của chúng tôi hòa nhịp.

Tôi cưỡng lại.

Tôi chấp nhận cảm giác lạnh lẽo trên chiếc giường không có con trai, tôi chấp nhận nỗi đau xuyên qua đầu khi cô ấy nói với tôi rằng nó không muốn. Tôi thuộc về một gia đình mà những tiếng gọi không được đáp lại - hoặc phải đợi sau khi chết.

Gọi lại ư? Một giọng nói bảo với tôi rằng điều đó không phải là không thể.

Gọi lại!

3.

Theo tháng năm tuổi thơ, tôi không còn thất vọng khi bố không viết thư cho tôi - không gọi điện - và vậy là cũng chẳng còn háo hức khi ông viết thư hay gọi điện nữa. Điều gắn kết ông với mẹ tôi cũng bí hiểm và mạnh mẽ như vậy kể từ khi họ chia tay nhau, nhưng đó không phải là chuyện dành cho trẻ con, ngay cả là con của họ. Tôi hận ông với lòng căm thù sâu kín và lạnh lẽ mà tôi không bày tỏ cùng ai.

Tôi là người Saint-Gabriel (tỉnh Bouches-du-Rhône), là đứa cháu trai không lúc nào yên của một phụ nữ đáng kính và là đứa mà chẳng ai trong làng thực sự yêu mến. Tôi lớn lên, bà héo tàn đi, nhưng chúng tôi đều được trồng trên cùng một hố phân ủ nổi cô đơn cay đắng. Bà tôi mất một ông chồng trong cảnh hỗn loạn của một cuộc chiến tranh và con trai bà bỏ trốn, rồi bị chôn vùi trong sự hỗn loạn của một cuộc chiến khác; bà nuôi dạy cháu trai một mình mà không hề phàn nàn hay đòi hỏi gì. Người ta gọi bà là một “bà thánh”, một “phụ nữ tuyệt vời” - điều đủ để cho bất kỳ những ai bình thường đều giữ khoảng cách với bà, trừ Jean, người lúc nào cũng trung thành.

Bà dành cho tôi tất cả sự trù mến mà bà có thể trao và như thế thật chẳng nhiều nhận gì vì những nỗi khổ đau đã khiến bà lung lay. Bà sống sót trong một thế giới của những nghĩa vụ, những điều nghiêm túc, những hy sinh mà bà toan truyền cho tôi sức nặng dưới cái tên “những chân giá trị” nhưng vô ích. Bà kể tôi nghe rằng khi còn bé, mẹ của bà bắt bà bò qua một cái hố mọc đầy cây tầm ma và bà đã ra khỏi đó với nước mắt đầm đìa, toàn thân ngứa ngáy bỏng rát.

“Kinh khủng quá! tôi kêu lên.

- Đó không phải là điều mà cụ nói với bà đâu. Cụ nói rằng cuộc sống là như vậy.

- Nhưng mà kinh khủng quá!

- Nhưng cuộc sống là như vậy.”

Mỗi khi vấp ngã hay tổn thương (và bà có thể bị như vậy theo nhiều cách), mắt bà chảy dài ra rồi bà lấy hơi nhiều lần, cảm giác như sắp hắt hơi. Trong vườn bà chuyện trò với những bông hồng, an ủi chúng, nhẹ nhàng thối con bọ rùa bò trên ngón tay cái sây sát. Một con châu chấu hay một con bọ hung đến đậu trên vai bà và bà tưới cây trong tiếng rì rào hòa lẫn với tiếng nước. Khi nhìn thấy một ai đó, nụ cười lập tức nhòa đi trên khuôn mặt bà.

Bố tôi đến không hề báo trước, vào một chiều tháng Mười một, và đúng lúc tôi tan học về, tôi thấy ông râu rìa lởm chồm, cười ngượng ngịu. Tôi ôm hôn ông một cách vụng về và có thể nghĩ thấy hơi thở ông nồng nặc rượu, mùi mồ hôi toát ra từ cơ thể và quần áo, trộn lẫn với nước xúc sau khi cạo râu có mùi hạt tiêu. Chẳng có tình ca, chẳng có phiêu lưu - chẳng có câu thơ của Walt Whitman để truyền cho tôi lòng khâm phục người lữ hành này. Hẳn là với bàn chân và trái tim nhẹ tênh, ông vẫn sẽ lại lên đường, nhưng bà và tôi cảm thấy - hẳn có phần thái quá - rằng chính chúng tôi là những người trả giá cho cái tự do không có hạnh phúc ấy. Ông sai tôi đến siêu thị Casino mua một chai rượu whisky J&B và cả một gói Craven A ở quán Razet. Tôi chạy đến đó, dĩ nhiên rồi, và khi trở về, ông đã ngủ trên chiếc giường tuổi thơ của ông, bây giờ nó trở thành giường của tôi, hơi thở ngất quăng phả ra giữa những chiếc răng vàng khè vì thuốc lá. Dầu vậy, tôi vẫn quan sát ông như khi người ta thấy cha mẹ mình trần truồng: nhìn trộm, cảm giác vừa mê mẩn vừa kinh tởm.

Ông đánh thức tôi vào lúc nửa đêm, ra hiệu bí mật, gần như không một lời, ông kéo tôi đi theo. Chúng tôi men theo con đường hẹp dẫn đến đường cái có những công trường khai thác đá. Mặc dù công việc khai thác đã bị dừng từ hơn nửa thế kỷ trước nhưng nơi này vẫn còn gây ấn tượng cho con mắt trẻ thơ của tôi và tôi tin sái cổ những tấm pa nô vẽ đầu lâu xương chéo có ghi: *Chú ý. Nguy hiểm chết người.* Trên đầu chúng tôi, dưới ánh sáng ma quái của mảnh trăng lưỡi liềm, các vách đá tạo thành một gian nhà khổng lồ mà trần nhà là bầu trời điểm đầy những ngôi sao. Với một người cha khác, một đứa con trai khác, vào một đêm khác, chuyển đi

này có lẽ đã là một trong những kinh nghiệm giúp định hướng cho một cuộc đời, đầy những câu chuyện được kể thì thầm về truyền thống cổ xưa của xứ sở chúng tôi, đầy huyền thoại về sự sáng tạo thể giới.

Khi chúng tôi đến giữa công trường khai thác đá, ông cắt ngang qua bụi cây không một giây ngần ngại. Tôi theo sát gót ông mà không hề phản kháng, khổ sở, sợ hãi, gai và cây tầm ma đập mạnh vào bắp chân tôi. Ông dừng lại khi chạm vào một mặt đá, và kéo tay tôi.

“Sờ đi,” ông nói.

Đá ráp và lạnh, như bộ da hóa thạch của một con vật thời tiền sử. Tôi rùng mình.

“Sờ đi,” ông nhắc lại.

Tôi cảm thấy các ngón tay mình lần theo một họa tiết, họa tiết hình vỏ sò được đẽo vào trong đá.

“Người ta nói rằng nhiều người đã tới đây và rằng đó là bàn thờ của họ nhưng bố không tin. Cái này có từ trước đó rất lâu - khi trái đất này vẫn còn chìm trong nước và chỉ có vài quả đồi nổi lên - khi vùng châu thổ sông Rhône rộng đến nỗi khắp nơi trong xứ sở không có giới hạn cố định giữa đất và trời, sông và biển.”

Tôi thấy rét và chán, tôi cự quạ nhưng không dám nói với ông rằng tôi muốn trở về nhà.

“Cha của bố, ông nói, ông nội của con... Bố đã nói với con rằng ông là phó chỉ huy một đại đội đóng ở đây vào tháng Sáu năm 1940 rồi chứ? Chiến tranh diễn ra ở đâu đó nhưng ông phải đi tìm rượu vang đỏ cho quân nhân vì theo quy định của quân đội họ được quyền uống một lít rượu mỗi ngày. Thêm vào đó, họ còn chơi bóng đá. Con hiểu vì sao người ta gọi đó là cuộc chiến tranh kỳ cục rồi đấy. Và thậm chí sau khi đình chiến, họ đã quên những quy định đó...”

Ông giữ yên lặng sau khi nói điều đó. Răng tôi va vào nhau lập cập vì rét và ông có ý sưởi ấm cho tôi mà không thực sự chạm vào tôi, chỉ khoác lên tôi mỗi chiếc áo vest rộng gấp đôi cỡ tôi thường mặc.

Cuối cùng chúng tôi lên đường trở về nhà và chẳng ai thốt ra lời nào nữa - ông rút từ chiếc ba lô nhỏ ra một bình nước và tôi uống, gần như sặc giữa chừng khi phát hiện ra rằng đó là rượu vang đỏ chứ không phải nước. Ông không ngừng sẩy chân, cần nhần, rên rỉ, và tôi phải giữ lấy cánh tay ông để giữ ông khỏi ngã.

Khi về đến cửa nhà, ông đẩy tôi ra rồi ngồi xổm xuống mà nôn. Tôi đứng đằng sau ông như một thằng đần, chẳng biết phải làm gì. Ông tự xoay sở để đứng lên và tựa vào tôi đi đến tận phòng tắm. Ông ngồi lên bệ toa lét, ngực nhô lên vì nấc. Tôi cứ đứng đó, im lặng, đợi cho ông dịu đi. Sau đó tôi đưa cho ông một chiếc khăn ẩm để lau mặt và miệng; ông cầm lấy không nói một lời rồi trằm lên đầu, hai bàn tay nắm lấy hai mép khăn mạnh đến nỗi các khớp nối ngón tay trắng bệch ra. Sau đó ông chìa một bàn tay ra để tôi giúp ông đứng dậy rồi, bước thấp bước cao, chúng tôi trở về phòng ngủ.

“Con có đôi mắt *kapo*⁽¹⁾ như thằng sếp hãng xe Renault,” ông cười khẩy nói.

Sau đó ông bắt đầu nói nhưng tôi chẳng nghe thấy gì ngoài cơn tức giận và nỗi xấu hổ của ông. Các từ ngữ cào vào mặt tôi như những con côn trùng và cây ngầy trong khu rừng tối tăm và tôi chỉ còn nghĩ đến việc nín thở cho đến khi ông không nói nữa rồi cuộc sống của tôi bình thường trở lại, tôi hy vọng thế.

Khi ông nói xong, có lẽ ông đã nguôi giận, nhưng cơn giận trong tôi sâu đến nỗi tôi phải nghiền chặt răng để nín lặng và nuốt lại lời ông, chôn vùi từng từ một vào trong bụng, tự đưa ra lời hứa vô ích và trang trọng rằng không bao giờ được để chất độc này chảy trong máu mình.

Sáng hôm sau ông phạm phải da mặt khi đang cạo râu và ông giải thích cặn kẽ với tôi rằng người ta phải cạo râu theo cách thức bắt đầu từ bên sáng và kết thúc ở bên tối. Ông thấy trên

mép tôi có lông tơ và tìm bằng được một chiếc dao cạo, mặc cho tôi phản đối. Tôi đứng trước bồn rửa trong phòng tắm, còn ông đứng đằng sau, và tôi phải bắt chước ông, làm cái bóng của ông - nhưng là một cái bóng lúc nào cũng chậm trễ, thực hiện quá mức vụng về các động tác chính xác mà nguyên bản thực hiện hết sức dễ dàng. Tôi chờ đợi một câu nói, một nhận xét về những gì xảy ra đêm qua: câu nói đó không đến và hẳn chính tôi mới là kẻ điên đã gặp một cơn ác mộng.

Vẫn trong ngày hôm đó Jean lái xe đưa ông đến Arles để bắt tàu đi Paris - rồi từ đó đi máy bay đến một trong những nơi ông có “công chuyện”. Vào phút cuối, ông nhét vào túi tôi hai tờ tiền vốn lạ lẫm trong vùng chúng tôi sống - 500 franc, một số tiền phi lý. Tôi không nhận thấy rằng đó là cả cơ nghiệp của một kẻ khốn cùng, của cái của một kẻ gần như vô gia cư... Tôi giữ tiền cho đến khi thấy vương vãi rồi sau đó đưa cho bà, bà hết sức ngạc nhiên khi cầm tiền.

“Nó tử tế nhỉ, bà nói.

- Bố cháu... cháu...”

Lời lẽ nghen lại trong cổ tôi và tôi thấy dường như không có từ nào đủ mạnh. Tôi trốn đi để tránh phải nói hay phải nín lặng.

“Nhưng André này, xảy ra chuyện gì thế?” bà rụt rè hỏi trong khi tôi lao thẳng qua những gốc nho trong vườn về phía hàng hiên nơi tôi để cây đàn ghi ta.

Chẳng có gì, chẳng xảy ra chuyện gì hết.

Những ngày tiếp theo, chẳng còn đọng lại gì trong số những điều ông nói với tôi vào đêm hôm đó, có chăng chỉ là một cơn khó chịu dập dềnh trong tôi thêm vài ngày trước khi tiêu tan, như tất cả những gì còn lại.

Trước khi thu dọn đồ đạc rời khỏi khách sạn Métropole, tôi lang thang bên bờ hồ Hoàn Kiếm vào lúc rạng sáng khi mà, trong làn sương mù dày đặc, người dân Việt Nam đang tập thể dục, một mình hay theo từng nhóm nhỏ. Tôi vẫn luôn thích cái thời điểm ta có thể đi giữa những người khác mà không làm phiền họ, như một vong hồn lẩn vào giữa các thầy cúng đang cầu khẩn. Tôi bắt chước các động tác nhẹ nhàng của họ: trong thoáng chốc chẳng còn chuyện lời thôi hay gánh nặng gì, cũng chẳng còn tội lỗi hay sai lầm nữa. Đôi mắt lim dim, gần như còn đang ngái ngủ, tôi thả mình theo những chuyển động đang bao quanh chúng tôi, bắt thành phố trong khoảnh khắc ấy phải theo bài múa của chúng.

Tôi sinh ra ở Sài Gòn nhưng tôi nhớ mang máng hình như chúng tôi đã sống vài tháng ở Hà Nội. Khi ấy bố tôi có còn làm nghề chiếu phim nữa không? hay đã lao vào những “công chuyện” chẳng có gì để hiểu ấy? Chúng tôi thường có hai mẹ con với nhau, mẹ nói với tôi trong một cuộc điện thoại.

“Vậy hồi đó chúng ta hay làm gì?

- Con thích tàu điện. Chúng ta đi vòng quanh hồ rồi chúng ta xuống đi bộ trên chiếc cầu màu đỏ dẫn đến ngôi đền nằm trên hòn đảo. Mẹ kể chuyện cho con nghe.

- Nhưng hồi đó con mấy tuổi?

- Chưa đến hai tuổi.

- Thế mà mẹ đã kể chuyện cho con nghe.

- Dĩ nhiên!

- Những câu chuyện về cái gì?

- Về những nhân vật thần kỳ.

- Thần kỳ như thế nào?

- Thần kỳ như ở khắp mọi nơi. Các nhân vật đó ở mỗi nước mang tên gọi khác nhau nhưng thực ra là như nhau. Chúng sống trong một thế giới ngay bên ngoài thế giới này. Đôi khi người ta gọi chúng là những con quỷ, đôi khi là *djinni*.

- Thế còn ở Việt Nam?

- *Ma quỷ*, nếu chúng độc ác.

- Những chuyện đó có làm con sợ không?

- Không, con rất can đảm, André, con yêu, và mẹ không nghĩ là con tin bất cứ gì trong số những chuyện mẹ kể cho con.

- Nhưng mẹ nói là hồi đó con chưa đầy hai tuổi. Làm sao con hiểu được cơ chứ!

- Dĩ nhiên là có, con hiểu mà. Vả lại, con không ngừng đòi mẹ kể những chuyện đó.”

Mãi suy nghĩ, suýt thì tôi va phải một nhóm thanh niên đang chơi cầu lông mà không nói một lời, không một tiếng hét, không một nụ cười. Trong không khí êm dịu âm u của buổi sáng, tương đối hiếm có tiếng xe ô tô và thậm chí cả xe máy, người ta chỉ nghe thấy tiếng lốp xe đập vòng quanh hồ.

Thế rồi tôi rời bờ hồ, tiến vào một con phố có biển hiệu màu đỏ đã nhấp nháy tên Malraux nơi góc phố. Tôi rẽ trái vào một con phố nhỏ vẫn còn chìm trong giấc ngủ, ở cuối phố là hình bóng xù xì nhưng không thiếu nét đẹp của nhà thờ lớn nổi bật trên nền trời màu sữa.

Bước chân đưa tôi đi dưới những ban công bằng sắt uốn, một ngôi nhà xây dựng từ thập niên 1930 có mặt tiền ốp mô phỏng giàn hoa leo. Tầng trệt là cửa hàng vẫn còn đóng im ỉm, nơi bán tượng gỗ sơn những đức ông màu đỏ, đức Phật, nhà tiên tri. Tôi đi vào một ngõ cụt tối tăm, cuối ngõ có cánh cổng bằng sắt song song sắt chắn lại. Tôi đứng trước cổng sắt, do dự, ngập tràn cảm xúc, chẳng tìm cách làm gì khác ngoài việc đứng đó, mộng du giữa ban ngày. Tôi bấm chuông.

Tiếng chuông kêu to như ở trường học. Đúng lúc tôi quay đi thì nghe có tiếng chân lướt trên cầu thang và cánh cổng bằng sắt song song sắt hé mở mà không hề kêu kèn ket lộ ra khuôn mặt nhỏ bé nhăn nhoe của một người phụ nữ. Tôi đáp ứng vài lời xin lỗi bằng tiếng Anh rồi định bỏ đi thì bà cầm lấy cánh tay tôi rồi ra hiệu cho tôi đi qua trước mặt bà vào trong.

Chiếc cầu thang trông như tiệm buôn đồ cũ vắng khách đã nhiều năm, có thể nhiều thập kỷ: một chiếc xe đạp han gỉ treo trên một cái đinh, một bên tay phanh lủng lẳng ở đầu dây; tôi phải bước qua những chông tạp chí đã phai màu. Chúng tôi bước vào khu bếp ở đó một cậu con trai to béo tóc tai bù xù đang vừa ăn xúp vừa lật giở cuốn *Full Metal Alchemist*⁽²⁾. Cậu ta hầu như không ngẩng đầu lên khi tôi bước vào. Tôi hãy còn đang lưỡng lự thì người phụ nữ ra hiệu dứt khoát cho tôi tiếp tục đi vào một căn phòng rộng cửa sổ đóng kín mít, cuối phòng một ông già mặc bộ pyjama ngồi cọ ro. Ông cố đứng lên khi thấy tôi nhưng không thể rồi ngã xuống chiếc ghế chao bằng gỗ gụ. Ông chìa tay cho tôi bắt và mỉm cười nói, làm lộ ra vài chiếc răng vàng:

“Chào ông, ông có khỏe không?”

Ông mặc bộ pyjama kẻ sọc như của một phạm nhân bị bỏ rơi trên hòn đảo Quỷ sau khi các tên tù khổ sai khác ra đi. Chân đi giày phẳng túp màu đen lộ ra đôi mắt cá chân gầy guộc và trơn nhẵn, nổi gân xanh. Qua lỗ thủng trên một chiếc giày, có thể thấy một chiếc móng chân bầm tím cắt cẩu thả. Khắp xung quanh ông, trên bốn phía tường của căn phòng đóng cửa sổ kín mít, đều treo chân dung của tổ tiên, cũng như một bức ảnh của người hằn là danh giá nhất trong số họ, ông đốc phủ của vùng nào đó tôi chẳng biết, vận trang phục dành cho quan lại.

“Mời ông ngồi.”

Tiếng Pháp của ông hoàn hảo, cung cách hơi cổ lỗ, và tôi để cho ông chỉ dẫn như lúc trước tôi để cho vợ ông làm.

“Ông muốn uống gì? Uống trà nhé?”

Tôi đồng ý. Ông vẫy tay chẳng theo một hướng nào và vợ ông mang một ấm trà cùng hai chén nhỏ tới.

“Chẳng mấy khi có khách đến thăm, nhất là sắp đến Tết rồi. Ông làm ơn nhắc tôi khi nào đến giờ tôi đi dạo hồ nhé.

- Ông đi dạo lúc mấy giờ?

- Ngày nào tôi cũng đi vào đúng bốn giờ. Tôi chính là Immanuel Kant⁽³⁾ của Hà Nội. Dù mưa dù gió, đúng bốn giờ!”

Lúc này vẫn chưa đến bảy giờ sáng. Ông chỉ cho tôi bức ảnh toàn thân vị quan.

“Đây là ông tôi, ông nói, một người quyền lực và sâu sắc.”

Ấn tượng mà tôi mang theo khi đi quanh bờ hồ và niềm tin chắc mơ hồ từng xâm chiếm tôi đã hoàn toàn biến mất. Cách duy nhất để không bị lúng túng vì bước chân vào nhà một ông già không quen biết đó là hy vọng rằng, trong lớp sương mù nơi tâm trí ông không bao giờ nảy ra câu hỏi tôi hạ cánh xuống nhà ông như thế nào.

“Ông nói tiếng Pháp thật tuyệt vời.

- Tôi học ở chỗ các linh mục, trường Puginier⁽⁴⁾. Sau đó, chúng tôi đi Sài Gòn.

- Cha ông làm nghề gì?

- Ông ấy là nhân viên kỹ thuật, có nghĩa là kỹ sư, nhưng thời đó không dùng từ ‘kỹ sư’ cho người Việt Nam.

- Chuyện đó có khiến ông buồn không? Liệu chuyện đó có làm tổn thương cha ông không?

- Tổn thương ư, tại sao?

- Ông có quen biết người Pháp nào không?

- Người Pháp ư? Không. Tại sao?

- Chỉ đơn thuần là tò mò thôi. Thế còn những cuốn sách của Pháp, ông đã đọc rất nhiều, chắc chắn thế chứ?

- Những cuốn sách thì không. Tạp chí thì có. Hễ có dịp là tôi đi mua tạp chí ở phố Paul-Bert⁽⁵⁾.

- Chẳng đắt đâu nhỉ.”

Ông giơ hai cánh tay lên trời.

“Có, có chứ! Đó là một thứ xa xỉ. Tôi có thể dạy ông học tiếng Việt nếu ông muốn.

- Tôi không ở đây lâu, vậy nên thôi, xin cảm ơn. Tôi rất biết ơn ông.

- Ông biết đấy, chẳng khó đâu. Tôi chỉ cho ông rồi sau đó ông tự học một mình. Chỉ cần vài tháng là ông nói tốt.

- Tôi tin chắc như vậy với một thầy giáo có trình độ như ông.

- Ông sẽ không tìm thấy thầy giáo nào giỏi hơn tôi ở đất Hà Nội này đâu, có thể là trên khắp nước Việt Nam này nữa.

- Có lẽ ông nên soạn một giáo trình.

- Có thể là tôi đã soạn rồi nhưng tôi không nhớ cất vào đâu nữa. Tôi lẫn mất rồi.

- Không sao đâu.

- Chưa đến giờ đi dạo hồ à?

- Chưa đâu. Xin phép ông tôi về đây.

- Ông vừa mới tới mà. Ông dùng thêm chén trà đã."

Lần này ông tự đứng dậy được và kéo lê đôi giày phẳng túp đến tận khung cửa được chiếu ánh sáng trắng của khu bếp. Trên bàn thờ tổ tiên đặt những tấm ảnh của một thế giới khác, đồ cúng bực trong những gói nhỏ màu đỏ và tím, cùng những thẻ hương. Ông đặt ấm trà vẫn còn ấm lên chiếc bàn khám xà cừ.

"Ông thực sự nên học tiếng Việt. Đó là một ngôn ngữ có ích, được sử dụng trên toàn thế giới. Vả lại, với tôi thì mọi người đều có năng khiếu học tiếng Việt. Bố ông có năng khiếu đấy.

- Bố tôi đã học tiếng Việt với ông sao?

- Đã lâu rồi ông ấy không tới nhưng ông ấy có năng khiếu, tôi xin đảm bảo với ông như vậy."

Ông để ý thấy vẻ ngạc nhiên của tôi.

"Thế không phải vì chuyện đó mà ông tới đây sao? Để học tiếng Việt ấy?

- Tôi không biết. Tôi cần cân nhắc việc này.

- Hãy suy nghĩ khẩn trương lên, như vậy chúng ta mới có thể bắt đầu sớm. Ông sẽ kinh ngạc đấy. Ha! Ha!"

Nét mặt ông mang một vẻ tinh quái.

"Bố tôi đến đây lần cuối là khi nào?

- Tôi không biết. Tôi nghĩ là cũng mới thôi: ông ấy đến với một cậu bé, cậu ấy chơi với cháu tôi.

- Khi nào?

- Tôi cho là tháng trước, hay là năm ngoái cũng nên.

- Thế cháu ông, nó đâu rồi?

- Ông chưa nhìn thấy nó sao? Nó đang ăn phở trong bếp chứ đâu. Hãy sớm trở lại nhé - như vậy ông sẽ nhanh biết đọc và viết.

- Chắc chắn rồi. Ông là một người thầy tốt.

- Đúng vậy."

Tôi nhận ra dáng dấp cậu cháu trong bếp sau khi ăn phở xong lại đang ăn những chiếc bánh gạo nhỏ, vẫn đọc *manga*. Cậu chỉ dừng lại để nuốt vội một ngụm Sprite, làm nổi lên một cục yết hầu gần như chìm mất trong chiếc cổ ngắn mỡ của cậu ta.

"Ông có nhớ tên bố tôi không?

- Ông không nhớ tên bố mình và tôi là người phải nói cho ông sao? Con trai tôi biết tên tôi đấy. Ha! Ha!"

Một nét tinh nghịch trẻ thơ và ranh mãnh thoáng qua đôi mắt nhỏ gần như đã nhắm của ông, nơi ta chỉ nhìn thấy chấm nhỏ của con ngươi đen rực sáng. Tôi đứng lên và cảm ơn ông hết lời. Ông muốn giữ tôi lại và cố nài ra tiền tôi. Qua cánh cửa phòng hé mở, tôi thấy cảnh bừa bộn và bẩn thỉu, một thế giới không được giữ gìn, nơi cậu thiếu niên lại về chỗ của mình, hẳn cậu chỉ rời vị trí vào giờ dùng bữa.

Ông già bám tay tôi để đi xuống cầu thang.

"Sắp đến giờ dạo hồ.

- Sắp rồi.

- Đây là nhà của ông nội tôi, phố Nhà Thờ. Gia đình chúng tôi đã rời đi nhưng tôi trở lại. Ông sẽ sớm quay lại chứ?

- Ngay khi tôi có thể."

Vợ ông đi theo chúng tôi xuống cầu thang và bà đóng cánh cổng sắt lại sau lưng tôi, sau khi uể oải gật đầu chào. Tôi đi đến tận cuối hành lang, dẫn ra đường phố nhộn nhịp. Tôi uống một tách cà phê ở quán Malraux rồi quay trở lại lối vào. 11B phố Nhà Thờ. Cửa hàng bán tượng gỗ đã mở cửa và tôi dạo trong đó trước ánh mắt của hai cô gái đang thầm thì với nhau.

Tôi mua một bức tượng nhỏ có ria mép, tay cầm rìu, với giá vài đô la. Tôi nói tiếng Anh chậm rãi, hỏi xem các cô ấy có biết ông già sống ở ngay tầng trên không. "*Old man? No more old man*⁽⁶⁾." Tôi nài nỉ, tưởng rằng các cô không hiểu. Một cô vòng ra sau tấm ri đô phía cuối phòng tìm ông chủ cửa hàng, một người Việt Nam còn trẻ đeo kính lắng nghe tôi một cách lịch sự rồi sẵn giọng trả lời: "Trước đây có một thầy giáo già ở đây. Ông ấy mất một thời gian rồi, trước cả khi chúng tôi mở cửa hàng mới này." Tôi cảm ơn rồi đi khỏi mà không yêu cầu bọc lại bức tượng chiến binh vừa mua.

Tôi lao vào hành lang và bấm chuông, bấm chuông không ngừng.

Chẳng còn ai nữa.

Rốt cuộc, có thể là ông ấy đã đi dạo bờ hồ.

4.

Gặp lại Katia, Pierre thấy tim mình tan nát bởi một cảm giác hòa trộn giữa nỗi đau bị lừa dối sâu thêm và lời hứa hẹn về một khoảnh khắc hạnh phúc tức thì, bất diệt. Cậu ngẩng khuôn mặt cô, vẫn y nguyên, đúng là khuôn mặt xuất hiện trước mặt cậu ở cổng căn nhà tại Saint-Gabriel, vào cái ngày hè năm 1940 ấy, khi cô đến thông báo rằng bố cậu đã chết. Cậu nhớ lại cơn giận kìm nén nhưng cũng nhớ chuyện cậu đã cố bảo vệ cô trước mẹ mình, theo bản năng - nhớ chuyện cậu hận cô vì những lý do hiển nhiên, vừa hận vừa ngưỡng mộ, thậm chí đã ham muốn cô trước khi biết từ ham muốn có nghĩa là gì. Những thông tin ít ỏi của Costes lẽ ra phải làm sáng tỏ điều bí ẩn thì lại khiến nó dày đặc thêm. Sáu năm qua, cô chẳng hề thay đổi - có lẽ còn đẹp hơn - còn cậu thì, như người ta thường nói theo lối sáo rỗng, “đã trở thành một người đàn ông”. Khao khát chinh phục cô, niềm tin chắc mình có thể làm được thế tạo nên nỗi khoan khoái choán khắp người cậu; chuyện gì có thể xảy ra sau đó, chuyện gì đằng sau, chẳng có gì quan trọng hết. Katia cũng cảm động - vừa buồn bã, vừa vui sướng.

Họ cứ nhìn nhau như vậy mà không thể nói nên lời, tại quầy rượu vẫn còn yên tĩnh của khách sạn Métropole, họ lặng lẽ nghiền ngẫm một chuỗi những kỷ niệm và những chuyện lằng nhằng mà họ không thể gọi ra hay chia sẻ cùng ai khác.

Costes lần đi và Katia kể cho Pierre nghe về cuộc đời mình. Cô rời nước Nga khi còn nhỏ, học múa và học nhạc tại Paris, sơ tán về Marseille, rồi về Bayonne giữa cơn hỗn loạn hồi tháng Sáu năm 1940. Những cảnh tượng mà cô đã trải qua không thể tàn bạo và cảm động hơn, cao thượng và đê hèn hơn. Cô đã được lên một trong những chuyến tàu thủy cuối cùng đi Bồ Đào Nha, rồi tại Lisbonne chờ một chuyến vượt biển đi Mỹ, chờ cho đến nôn nao giữa đại dương, cảm thấy nhỏ lại, bị đè nén bởi sự bé nhỏ của cái đất nước trước đây chỉ trở nên to lớn thông qua sức mạnh đơn thuần từ những giấc mơ của cô và cất trong trái tim một nỗi nhớ khôn nguôi.

Đến được Mỹ rồi, cô lao vào cái xứ sở mới này - đất nước thứ ba của cô - cứ như cô có thể nhấn chìm ở đó cả quá khứ, cả tình yêu, và cả ngôn ngữ của mình... Cô thăm thì và cậu lắng nghe mê mải, đã si mê và biểu lộ ý muốn không để cô ra đi.

Cô nói với cậu rằng trong phòng ngủ của mình tại Brooklyn, cô thức suốt đêm với sách vở, nhắc lại các từ không mệt mỏi, gạch dưới các thành ngữ, nhắc lại các câu thơ của W.H. Auden:

*Hell is neither here or there
Hell is not anywhere
Hell is hard to bear.*

*Địa ngục chẳng ở đây cũng chẳng ở đó
Địa ngục chẳng ở nơi nào
Địa ngục làm sao chịu thấu.*

Cô si mê tiếng Anh, từ phép ẩn dụ các hình ảnh tục tĩu của ngôn ngữ đường phố cho đến vẻ đẹp như sét đánh của thi ca. Vô cùng say mê, bây giờ cô có khả năng nói, và nhất là viết, súc tích đến kỳ lạ. Cô coi nhà văn Joseph Conrad, tên thật là Korzeniowski, là thần tượng của mình.

Nhờ vốn tiếng Pháp và tiếng Nga, cô vào làm việc cho hãng thông tấn Reuters, và cuối cùng ở lại đó nhờ vốn tiếng Anh cùng khả năng diễn tả được mọi chuyện với rất ít từ, nhờ việc cô ghét pha loãng những câu chuyện bằng mớ hồ lộn những lời bình và tình cảm dạt dào: ngược lại cô thể hiện một sự khô khan đáng kinh ngạc, che giấu nơi sâu kín nhất trong trái tim mình (*in her heart of hearts*, một cách diễn đạt học được từ nhà văn Trollope, cô thấy nó lỗi thời một cách tuyệt vời) tất cả những gì có thể bộc lộ tâm hồn cô vốn đã quá lãng mạn vì sự hòa trộn giữa Xlavor và Pháp. Cô sống như tu sĩ, hầu như không nhận lời uống một ly whisky nào sau giờ làm việc, giữ khoảng cách với tất cả những gì tựa tựa như trò quyến rũ, chỉ đùa cợt nghiêm túc với những người đàn ông đã có vợ với điều kiện vợ của họ ở gần đó, tìm lại khả năng khiêu vũ của mình để lánh xa những kẻ độc thân.

Cô cảm thấy mình già, già khủng khiếp, có cảm giác đã để thất lạc trên đường biết bao cuộc đời mà cô không có điều kiện chăm lo: cuộc sống của bố mẹ cô, cuộc sống của người anh cả chắc đang đâu đó ở Nam Phi mà cô chẳng nhận được tin tức gì, cuộc sống của Louis, dĩ nhiên... Bây giờ cô nói chẳng hề giữ gìn ý tứ, chẳng sợ làm tổn thương cậu, chẳng xem cậu như là đứa trẻ cần bảo vệ mà như là người đàn ông đã trưởng thành có lần đa thiêu cháy cô kể cả không hề chạm tay lên đó.

Pierre vui thích vì được cô chú ý, hào hứng vì có mặt cô. Cô ngừng nói và với một động tác nhẹ nhàng, cô chạm lên cánh tay cậu.

“Tôi làm phiền cậu rồi.

- Làm sao cô có thể nói ra những lời như vậy?

- Tôi đã luyện nói hàng giờ trước gương, đến mức chẳng còn biết dẫn dắt một cuộc nói chuyện thực sự nữa.

- Thế cô nghĩ tôi biết à?

- Hãy nói tôi nghe về cậu. Cho tôi biết cậu yêu ai đi.”

Cậu đỏ mặt và cô vui vẻ hồi thúc cậu.

“Cậu có thể kể tôi nghe... Tôi đủ tuổi để có thể là...”

Cô định nói “mẹ cậu” nhưng kịp thời chữa lại, thôi làm đom vào phút chót đã tránh cho cô khỏi bắt nhả.

“... chị gái cậu.

- Tôi có chị gái. Chị ấy chết vì viêm màng não khi tôi lên bốn.

- Trời. Tôi rất lấy làm tiếc. Tôi không biết chuyện đó.

- Không sao. Cô biết đấy, suốt nhiều năm sau khi chị ấy qua đời, tôi vẫn chuyện trò, vẫn trao gửi những điều thầm kín với chị ấy, thế nên cô chẳng hề lạc đề đâu. Và tôi có thể nói với cô thế này: tôi chẳng yêu ai hết.

- Nhưng cậu có quan hệ với ai đó chứ.

- Có một phụ nữ ở Sài Gòn. Nhưng bây giờ kết thúc rồi.

- Cô ấy có đẹp không? Có đẹp hơn tôi không?

- Cô ấy quyến rũ, nhưng cô ấy không giống cô.

- Cậu có thích làm tình với cô ấy không? ”

Pierre lại đỏ mặt.

“Tôi không biết liệu có kể chuyện đó với cô được không...”

Cậu nghe thấy tiếng cô cười.

“Tôi đùa đấy mà, Pierre - trong một giây tôi cứ ngỡ trước mặt mình là cậu bé mười bốn tuổi cơ đấy. Kể tôi nghe về cậu đi, tôi xin cậu...”

Thở phào nhẹ nhõm - và thầm kiêu hãnh vì đã cho cô biết mình không còn là trai tân nữa - cậu gọi lại những khởi đầu muộn màng và hỗn độn của người giải phóng đã chẳng giải phóng được gì, rồi những kỷ niệm về nước Đức: ngôi làng nơi họ phải can thiệp bởi quân đội Pháp đã tiến hành trả thù, việc mà quân phát xít có lẽ sẽ tự hào: cướp phá, giết người mau lẹ, cưỡng hiếp... Cậu vẫn còn nhớ tên lính trẻ mà họ đưa đi, hấn lải nhải: “Lũ khốn kiếp này, chúng ta sẽ có mười lăm ngày hay ho ấy thế mà...” Rồi sau đó, người phụ nữ có đôi mắt màu xám ám ảnh cậu ấy, người từ chối làm chứng, lấy có vết bầm máu là do bị cánh cửa tự đóng kẹp vào, chỉ yêu cầu được cho về nhà.

“Sau chuyện đó, cái từ ‘giải phóng’ chẳng còn đúng nghĩa nữa. Trước đây đó là sự say sưa, dân chúng hoan hô, cờ tam tài khắp các đường phố và làng xã - trước đây, chẳng có gì phải vứt bỏ. Nhưng sau đó, tôi nghĩ đến đôi mắt màu xám của ‘con đĩ phát xít’ và tôi tự nhủ rằng ta chẳng giải phóng gì hết và rằng ta không tự giải phóng - thậm chí không tự giải phóng bản thân mình. Khi đó Đông Dương, cô biết đấy... Biết bao nhiêu thứ cùng một lúc: tự do, được tránh xa cái cảnh tầm thường đó, tóm lại là bản thân tôi được trải qua một cái gì đó mới mẻ...”

- Nhưng còn cậu, cậu không muốn cưỡng hiếp à? Chẳng phải vì thế mà cậu giận dữ đến thế sao?”

Pierre sốc khi cô có thể nói thản nhiên như thế. Cậu chưa bao giờ nói được chuyện đó. Cậu tìm cách né tránh.

“Tại sao cô hỏi tôi chuyện đó?”

- Tôi đã thấy rất nhiều.

- Đó đơn giản là khủng khiếp. Cô nghĩ đến chuyện đó, tưởng tượng cảnh làm chuyện đó và... Chính thế tôi mới hiểu cái mà đạo Cơ đốc gọi là quỷ sứ: đó chính là quỷ sứ. Và nó đã có ở trong tôi - quá muộn để hy vọng rồi. Vì vậy, tuy tôi chưa từng trong hoàn cảnh làm chuyện đó nhưng một phần đen tối trong tôi có gì đó... ghen tị. Và dĩ nhiên tôi ghét chuyện đó, tôi tự khinh bỉ mình và căm ghét họ hơn nữa bởi lẽ trên thực tế tôi không thể chấp nhận được rằng mình thực sự giống họ - trong khi tôi lại đóng vai một kẻ khác.”

Cậu nhìn cô chăm chăm. Tại sao cô muốn nhìn thấu tâm hồn day dứt của cậu, những nơi sâu thẳm nhất, những nỗi sợ thẳm kín nhất của cậu?

“Tôi cũng như cậu, cô nói, còn tệ hơn cậu.

- Cô nói thế để giúp tôi cảm thấy khá hơn, thật là tử tế nhưng tôi không tin.”

Katia mặc một chiếc sơ mi trắng chiết eo làm lộ rõ thân hình săn chắc, nữ tính. Thật là buồn cười khi tưởng tượng rằng cô có thể “tệ hơn cậu”, cậu vừa chiêm ngưỡng cái cổ của cô vừa nghĩ bụng. Cô cắt tóc ngắn, vẫn như vậy, và cô mỉm cười chăm chú lắng nghe. Lẽ ra họ có thể nhận thấy thời gian trôi qua khi mọi người đổ xô đến quầy rượu, rồi sự tĩnh lặng trở lại vào giờ ăn tối, nhưng họ chẳng thấy gì bên ngoài, người này đắm chìm trong người kia, cùng mơ mộng. Cậu không nhúc nhích, sợ rằng nếu đứng dậy thì phép màu sẽ tiêu tan và Katia rời cậu ngay lập tức. Nhưng cô chẳng hề tỏ ra sốt ruột, hỏi cậu không biết chán về Sài Gòn, về các hoạt động quân sự mà cậu đã chứng kiến và các cơ hội hòa bình.

“Thế còn Leclerc thì sao? Ông ấy thế nào?”

Cậu mỉm cười nhớ lại hình ảnh cuộc đổ bộ của “chủ tướng”, tại hẻm Éden.

“Đó là một ông sếp, cậu nói.

- Sếp, leader, Führer, duce... Cái từ buồn cười thật.

- Đó chính là vị sếp của Fitzgerald trong tác phẩm *Vương công cuối cùng*: người có nhiệm vụ đào đường hầm xuyên qua một quả đồi, nói rằng ông sẽ đi qua *lối đó*, không hẳn vì đó là con đường tốt nhất, ngắn nhất và an toàn nhất, mà chỉ bởi vì ông là sếp, ông có tố chất truyền niềm tin ấy cho những người khác.

- Nhưng giữa niềm tin ấy và điều thần bí chẳng khác nhau là mấy...

- Chúng ta đang nói đến Leclerc chứ không phải Hitler. Nghe này, nếu chưa gặp ông ấy, hẳn là tôi còn ngờ vực hơn cả cô. Nhưng là thế đấy: Leclerc là Leclerc và cùng với ông ấy cũng là quân đội mới...

- Với những người khác với những kẻ cậu từng thấy ở Đức sao? Khác những người khiến cậu vô cùng ghê sợ sao?

- Đúng, khác.”

Cậu đã rơi vào thế bất lợi và cậu biết điều đó. Vậy là, khi chuyển sang đề tài về chiến tranh và quân đội, chính trị và tương lai, cuộc nói chuyện mất đi vẻ hấp dẫn. Còn một phút cơ may, sau đó cô sẽ đứng lên và bỏ đi mất.

“Cô đang ở đâu? cậu hỏi.

- Ở đây, tại khách sạn Métropole. Thế còn cậu?

- Gần nhà thờ lớn. Tôi đã làm tất cả để ra khỏi thành: một năm nay, sau các cuộc tàn sát của người Nhật, có nhiều âm khí ở đó. Nếu cứ ở đây, thì lâu dần đến cả tôi rồi cũng phải tin vào quỷ và các hung thần mất.

- Nếu cậu đến từ cùng một nơi như tôi, cậu sẽ tin thôi. Cậu ở nhà riêng ư?”

Cậu vừa cười vừa phác một cử chỉ bất lực rõ rệt.

“Giá mà tôi có thể! Không, chỉ là một căn phòng thuê của một thầy giáo trẻ, một gã ngồ ngệ, luôn bị ám ảnh về việc dạy tôi học tiếng Việt.

- Cậu dẫn tôi đến đó nhé?”

Cậu để cho câu hỏi vang vọng trong lòng: cậu vừa hiểu rằng cuối cùng cô đã chấp thuận mà không cần đến bất kỳ mẹo mực chinh phục hay quyến rũ nào: nàng là của cậu. Cậu nghĩ không thể đưa cô tới ngôi nhà phố Nhà Thờ vào lúc nửa đêm. Cô có cho cậu lựa chọn không? Họ tàn nhẫn đứng dậy.

“Không thể được, cậu nói.

- Tôi biết. Đừng lo. Chúng ta đi thôi.”

Cô khoác tay cậu rồi họ rời quầy rượu. Ngoài đường phố các phu xe kéo và phu đập xích lô đang ngủ. Họ tiến vào một con phố tối tăm dẫn ra bờ hồ. Một con chuột lao vào chân họ và cô hét lên.

Cậu bế bổng cô lên - cô thật nhẹ trên tay cậu.

“Tôi không có quyền thử hôn cô, cậu nói.

- Tại sao không?

- Lợi dụng một con chuột thì chẳng ra thể thống gì cả.

- Có thể con chuột cũng tiếp tay cho cậu.

- Nó là đồng minh của tôi. Tất cả các con chuột trong thành phố đều là đồng minh của tôi.”

Cậu đặt cô xuống. Hồ nước chìm trong bóng tối, chỉ có mảnh trăng lưỡi liềm lộ ra giữa những đám mây; tạo nên một trong vô vàn những gam màu xám trên mặt nước và ngôi đèn trên hòn đảo nhỏ. Cậu kể cho cô sự tích hồ Hoàn Kiếm nhưng cô không để ý nghe, gần như lơ đãng.

“Cái ngày tôi đến thông báo về cái chết của bố cậu... Cậu ghét tôi lắm phải không?

- Giữa nhiều cảm xúc lúc đó thì có, có ghét.

- Cậu chưa từng nghĩ rằng tôi không bắt buộc phải tới sao?

- Ý cô muốn nói gì?

- Rằng đối với một người đàn bà là thủ phạm lôi kéo một người đàn ông đã có vợ vào chuyện ngoại tình, tôi xử sự thật buồn cười, có thể ví như tự dẫn xác đến hang hùm?

- Đúng thế, hẳn là cô có lý do.

- Tôi cố giữ mình đoan trang.

- Đối với mẹ tôi ư?

- Với cả mẹ cậu nữa. Đúng, tôi yêu bố cậu - và tôi nghĩ rằng ông ấy yêu tôi - nhưng chúng tôi không ngủ với nhau.

- Cô không cần phải... cụ thể đến thế.

- Tôi xin lỗi. Nhưng cậu nên biết tại sao tôi lại muốn cụ thể. Cậu không thấy khác khi không xảy ra chuyện gì sao?

- Không có chuyện gì ư?

- Dù sao thì cũng không phải cái mà người ta thường gọi là ‘có chuyện gì đó’. Tôi không biết liệu như vậy có bớt phần đáng chê trách hay không - cũng không biết liệu chuyện có như thế không - nhưng tôi chỉ nói với cậu những gì đã xảy ra và những gì không xảy ra.”

Pierre vẫn còn bị sốc bởi những từ “ngủ với nhau”, “ngoại tình”: cậu thấy những từ đó quá đáng, sỗ sàng. Một cụ già bán hàng từ dưới bóng cây đi ra mời họ mua chuối và dứa. Cậu gạt bà ra không chút nề nang.

“Cách đây mười năm, cô nói tiếp, tôi từng muốn bảo vệ cậu thiếu niên.

- Nhưng giờ cậu thiếu niên đó không cần được bảo vệ nữa sao?

- Còn phải xem.”

Cậu trả thù lời chế giễu bằng một cú hích.

“Đó là bởi tôi bị chàng trai trẻ đó quyến rũ.

- Tóm lại là chuyện trong nhà với nhau.”

Cậu buột ra lời bình luận ấy.

“Làm với người con trai những gì mà tôi chưa làm với người cha ư? Cứ theo suy diễn ấy, sao tôi không nghi ngờ luôn là cậu muốn trả thù cho bố? Tôi không muốn thanh toán nợ nần gì đâu, Pierre. Thế còn cậu thì sao?

- Không, tôi không biết, tôi không chắc. Tôi giận cô sao lại thành thực như vậy nhưng tôi muốn biết thêm: cô đã hôn ông ấy chưa? cô đã chạm vào ông ấy chưa? Và rồi tôi tự nhủ mình chẳng muốn biết gì hết. Và tất cả những gì tôi muốn lúc này - tất cả những gì tôi muốn kể từ khi gặp cô - đó là hãy ở lại bên tôi.”

Chính cậu cũng sững sờ về những lời từ miệng mình tuôn ra, giọng ghen ngào, hơi thở đứt quãng.

“Ngày mai tôi đi.”

Cậu tàn nhẫn buông ra, gần như điên tiết với cô, cứ như cô phản bội cậu.

“Tòa soạn không có phóng viên thường trú tại đây. Tôi phải tùy cơ ứng biến theo tình hình thời sự: cần phải có hòa bình, hay chiến tranh, và nhất là những gì có trước đó. Bây giờ hiệp ước đã được ký kết...”

Khắp nơi trên các bức tường người ta thấy những áp phích viết bằng tiếng Pháp và tiếng Việt có Leclerc và Giáp ký tên, cũng như các đội tuần tra hỗn hợp do tướng Leclerc áp đặt, xin một đội đến canh gác tòa biệt thự của mình. Những người Pháp tại Hà Nội lắc đầu hoài nghi, nếu không muốn nói là dè bủ. Pierre lại tiếp tục.

“Cô thừa biết hòa bình sẽ không kéo dài mà.

- Vậy thì tôi sẽ quay trở lại.

- Biết đâu người ta sẽ phái người khác tới.

- Tôi sẽ là người quay trở lại.

- Vậy nếu như tôi trở về với cô?"

Cô mỉm cười.

"Thì sẽ thật tuyệt."

Trong giây lát, trong đầu cậu thoáng hiện ra những hào quang của giấc mơ Mỹ, đầy ắp những chiếc ô tô dài màu đen với cánh cửa bóng loáng. Rồi nó nổ tung và tan biến.

"Một ngày nào đó, cô nói, khi cậu sẵn sàng."

Cô cầm bàn tay cậu đặt lên cánh tay mình. Lúc đó cậu gần như buông theo cơn mộng mị mê đắm và chẳng khó khăn gì, cô đưa cậu về với những cảm giác mà người ta có thể hy vọng sống với chúng.

"Liệu cô có ở lại đây cho đến tận khi đi không?"

- Nếu cậu nhúc nhích tôi sẽ giết cậu ngay."

Cô quay người lại hôn cậu.

Những ngày sau đó, khi cô đã thực sự ra đi và một khoảng trống hình thành trong cậu, cậu mua một chiếc xe đạp và đạp vòng quanh hồ Tây, vào buổi hoàng hôn, sau đó ngồi xuống một bờ đất hẹp nhìn chiếc đĩa mặt trời màu cam pha xám lặn đi trong khi bầu trời chuyển dần sang màu đen, tím trong đủ loại màu sắc, màu đỏ rực rỡ dĩ nhiên rồi, vô vàn sắc xanh lá cây, và cuối cùng màu xám, lúc nào cũng vậy, cậu kéo vào đó khuôn mặt của người phụ nữ ấy, người từng nói với cậu rằng cô sẽ quay lại.

Họ đã làm tình không phải trong phòng cậu tại phố Nhà Thờ mà trong phòng nghỉ của cô tại khách sạn Métropole, nơi cậu lén vào nhẹ nhàng mà không ai để ý. Cậu hối tiếc vì đã nói với cô về Inès. Nhưng mặc cho sự thành thực không đúng lúc, họ có thể coi đó như là lần đầu tiên. Mặc dù cậu đã nằm trong vòng tay Inès nhưng có lẽ cậu chưa bao giờ trải nghiệm cái run rẩy khi trao mình cho một người phụ nữ cũng run rẩy như thế với đôi mắt mở to ngạc nhiên, cậu chưa bao giờ biết đến một lời thú nhận yếu đuối lảng vảng ở tận cùng một cuộc trò chuyện yêu đương. Trong đêm hôm ấy, lần đầu tiên cậu ở điểm thăng bằng giữa người đàn ông và đứa trẻ, người tình am hiểu mọi chuyện, cậu thiếu niên tuyệt vọng xin được tha thứ, người đàn ông ra cú điếng người, chiếm đoạt và được chiếm đoạt trong khi cô len lỏi vào trong cậu và nói với cậu rằng cô yêu cậu.

Cậu ở Hà Nội chưa lâu lắm và cậu biết rằng tình trạng của mình không thể kéo dài; cô ra đi và cả cậu cũng sắp ra đi, và cái tên gọi *Tự do!* hay ho mà cậu những tưởng sẽ ghi dấu ấn cuộc đời sắp bị tổng khứ đúng vào lúc người ta nói rằng có hy vọng.

Vào cái đêm hôm ấy, cậu để mình đi như một con thuyền cậu từng nhìn thấy trên hồ Tây, phía xa xa, rồi biến mất vào bóng tối, không ánh đèn, để đi câu mà dường như là đi câu linh hồn. Chuyển đi câu đó lúc nào cũng quá gần hay quá xa, không thể tránh được, bất khả, dù thế nào đi nữa cũng chắc chắn là không có thực.

Cậu cảm thấy rõ cô, quá mong manh giữa hai bàn tay cậu, và cảm giác cậu có thể bóp nát cô, cái cảm giác bạo lực gần như kinh khủng ấy lan tỏa xuống các đầu ngón chân ngón tay. Ngay trước đó, cậu chỉ yếu ớt và run rẩy, với ham muốn quyến rũ vụng về nhưng dữ tợn; ngay sau đó cậu biến thành người đàn ông có thể làm tất cả, một ông chủ không thương xót một cô gái đang rạo rực. Tại sao những lúc cậu phó mặc hoàn toàn lại ít được phó mặc đến như vậy? Cậu càng khám phá những thôi thúc bên trong mình thì cậu càng phục tùng chúng.

Họ ở bên nhau rồi cũng sớm chia tay, may mà bị tước đi mọi lời vì họ đã nói quá nhiều và khi làm tình lần đầu tiên (cái lần đầu tiên tương đối ấy với cả hai người), họ ngốn của nhau rất nhiều niềm vui và những lời nói ra may mà chẳng ăn nhập gì.

Buổi sáng, khi khép cánh cửa phòng cô lại, trong lúc cậu rời đi qua hành lang, rốt cuộc cũng không quá bất mãn, với kiểu vênh cằm hơi tự phụ, một *người đàn ông may mắn*, một người đàn

ông đào hoa, cậu tự nhủ rằng rốt cuộc là trong có vài tháng - và lại hai người ấy không đến nổi là những cô xấu xí nhất, à há, không phải là những người dễ dãi nhất, chẳng phải cả hai người ấy đều nói rằng *họ si mê* cậu đó sao? trước khi hối tiếc đã có ý nghĩ dung tục này, tuy vậy vẫn không trừ bỏ nó, vẫn để nó phảng phất nơi cậu khi sức mạnh đêm qua vẫn còn dư vị để chịu trong lúc cậu bước xuống cầu thang lớn với vẻ phóng túng tự phụ của người đàn ông từ trên kia xuống.

Katia vẫn vui mặt trong hai bàn tay một lúc lâu, một mình trên chiếc giường trải tấm ga nhàu nhĩ, lấy gối kê sát bụng rồi trở mình nằm nghiêng người, kiệt sức vì nỗ lực đã bỏ ra. Bởi cậu hỏi cô liệu cậu có ở lại được không, như cô đã hứa với cậu hôm qua, và cô đã nói không - bây giờ cậu phải đi - và chính vào lúc cô thể hiện với cậu một vẻ mặt không thể lay chuyển nổi, cô đã phải cắn môi để không hét lên bảo cậu giữ cô lại, đưa cô đi, muốn làm gì cô thì làm, chà đạp lên cái tự do mà cô đã giành được ấy, suýt đã thề với cậu rằng sống nô lệ còn tốt hơn trăm lần, rằng cậu nên cày nát cô và chiếm đoạt cô và đừng để lại gì thuộc về cô, con người cô hoàn toàn do cậu khai hóa. Đột nhiên cô nghiêng ngả cái trống rỗng trong lòng, sự mong manh của tất cả những gì cô cứ ngỡ đã gây dựng trong đời mình. Cô nhớ lúc ở trong vòng tay một người đàn ông, vào một ngày giá lạnh khi cô đi đôi bốt lót da lông thú mới, dọc theo dòng sông East ú đầy những khối băng, nheo mắt nhìn về hướng cây cầu Brooklyn, cô tưởng mình nghẹt thở vì tự do. Cô phá lên cười, một mình, và người đàn ông buông cánh tay cô ra. Cô từ chối giải thích, đành cười tiếp và đảm bảo với anh ta rằng chẳng có gì riêng tư hết, thế là người kia rời xa và bỏ cô lại. "Mình làm tổn thương tình cảm của anh ấy," cô vừa nhắc lại vừa cổ cảm thấy mình tội lỗi một cách tuyệt vọng, nhưng ngược lại cô chỉ cảm thấy một sự nhẹ nhõm vô hạn. Đi dọc bờ sông, cô để mình đắm trong một bản giao hưởng nội tâm, tạo nên từ những tiếng kêu không thành tiếng, những đoạn từ một bản nhạc tưởng tượng, đôi khi là những tiếng thét, nơi mà, vượt lên trên những gì thuộc về một câu chuyện, vượt lên trên cảnh lưu vong thường trực của cô, chỉ biểu lộ mỗi cảm giác *tồn tại* trong cô.

Còn lại gì từ chuyện đó trong khi cô cưỡng lại, bằng những cố gắng cuối cùng, ham muốn van xin chàng trai trẻ ấy ở lại, bảo vệ cô? Duy chỉ có bản năng sinh tồn ấy - mà nhờ nó cô giữ được khá nhiều uy lực cho bản thân - để yêu cầu cậu ra về. Phần còn lại, trong căn phòng trống trải, một sự tàn phá nội tâm, một sự tan vỡ đơn giản là được đẩy lùi. Có gì quan trọng nếu như Pierre là sự nối tiếp của người cha và cô có với người này những gì bị người kia từ chối? Cô thấy rõ ràng với lối sống và toàn bộ nỗ lực của mình, cho đến giờ cô không chịu cho tất cả những gì mình có thừa, không chịu cho những lời mà cậu lắng nghe với đôi mắt nhắm nghiền và không trả lời ấy - trong đêm ấy cô đã ở xa nhất có thể và đổi lại chỉ nhận được cơn cuồng nhiệt muốn sở hữu hết đợt này đến đợt khác.

Đến cuối buổi sáng, cô ăn mặc được chẳng hay chớ rồi đi xuống cầu thang khách sạn. Trong sảnh, François Costes đang đi đi lại lại nhưng cô đi ra cửa, cứ như không nhận ra ông, cầu cho ông không nhìn thấy cô mặc dù biết rằng điều đó là không thể. Khi đã ở ngoài đường, cô dừng lại thở gấp, khiếp sợ hiểu ra rằng cô không xấu hổ, nhưng đơn độc.

Cả ngày hôm đó, rồi suốt ba ngày bay sang tận Paris, rồi quay về New York, cô cố gắng không ấp úng khi người ta hỏi đến, cô muốn chế nhạo nhưng là chế nhạo chính mình, cô muốn nói: "Giá mà các vị biết được tôi yếu đuối đến nhường nào, vì tôi chỉ chờ đến lúc được chết thôi." Nhưng sự mãnh liệt dữ dội của khoảnh khắc sáng suốt đã trôi qua, cô thu mình trong nội tâm và như vậy, với đầy nghị lực, theo cách đã giúp cô sống sót, cô nghiêng đầu sang bên (thân hình cô khi đó ở một tư thế vô cùng duyên dáng, điều cô chẳng hay biết) và làm những gì phải làm, từ hành động này sang hành động khác, từ lời nói này sang lời nói khác. Nghĩ đến ngày mai thật quá xót xa nhưng cô thấy được an ủi phần nào khi nghĩ đến việc viết thư cho cậu và có thể, cậu sẽ trả lời.

Chiến tranh, cô nghĩ, đã lấy đi của tôi một người và đang trả cho tôi một người khác.

Chiến tranh - cơ may cho những đôi tình nhân.

5.

Trước khi rời Hà Nội đi Sài Gòn, nơi cậu được gọi về, Garnier gặp lại Costes trước Nhà hát lớn trong chương trình hòa nhạc hữu nghị Việt-Pháp. Một nghệ sĩ dương cầm người Việt, từng học tại Paris, chơi cùng một dàn nhạc Pháp, biểu diễn trước công chúng người Âu trong khi ở bên ngoài, một đám đông người Việt tụ tập trước những chiếc loa phóng thanh xoàng xĩnh được Bộ phận chiếu bóng Hải Quân tử tế cung cấp. Đâu đó đằng sau những tiếng ọc ạch thậm tệ, người ta có thể nghe thấy những gì còn lại của bản *Wanderer - Fantasia*⁽¹⁾ hùng hực.

Costes đứng tách ra, ở đầu phố Paul-Bert, nhìn họ chen chúc trước những cánh cửa khóa kín, lắng nghe và không lắng nghe, hiểu rằng kiểu gì thì mọi chuyện cũng trở nên tồi tệ, rằng một sáng kiến lương thiện theo kiểu đó (ít nhất đó là những gì người ta phải giả định, bởi nếu không, hẳn có sự xảo quyết trong từng chi tiết và như thế thì thật không thể chịu đựng nổi) ngay lập tức biến thành một biếm họa lạc điệu. Pierre thấy ông, điều thuốc trên môi, lúc lắc trên ngón tay chiếc mũ trắng mà ông từng đổi bằng một chiếc mũ cát thời xưa.

Katia đã đi được ba ngày nay nhưng Pierre không thôi trưng ra nụ cười ngạo nghễ. May thay người kia cất lời trước. Ông chỉ lối vào Nhà hát.

“Đó chính là nơi họ tuyên bố độc lập nhưng cháu thấy đấy, chẳng có gì để làm. Ngay cả để tôn vinh họ thì chúng ta lại đi đến chỗ sỉ nhục họ. Đuổi quân đội thuộc địa đi thì họ nhanh chóng quay lại.

- Chú làm sao thế?

- Chú sẽ chuồn khỏi đây ngay khi có thể, cháu thấy đấy, và chú nghĩ rằng chú sẽ không quay trở lại. ‘Mối họa da vàng’ ư, không, cảm ơn. Có rất nhiều thứ chú yêu ở đây - đàn bà, cũng như mọi người, nhưng cả đàn ông, những kẻ hèn mọn và những người cao thượng, và yêu kẻ thù của chúng ta còn hơn những kẻ tin tưởng vào chúng ta thông qua sự lệ thuộc. Chú cảm thấy hẳn chú có thể tự do yêu tất cả những cái đó nếu như hoàn cảnh khác đi. Nhưng chú thực sự có cảm giác rằng mỗi hành động đều chất nặng quyền lực, mỗi lời nói hàm chứa đầy ẩn ý, mỗi tình huống đều không phải như vẻ bên ngoài và rằng chính chú, ngay từ đầu, chú đã giữ vai trò mà chú không muốn...

- Chú không thấy rằng mình đang phóng đại sao?

- Sainteny và cả ê kíp, bọn chú được cử đến đây để tái lập quyền lực nước Pháp, thế đấy, và thông qua mưu mẹo từ đầu óc của mình bọn chú những tưởng có thể biến đổi được nhiệm vụ ấy. Nhưng De Gaulle không quên điều đó và tất cả những ai kể nhiệm ông cũng chẳng quên: quyền lực nước Pháp - tóm lại là những gì còn lại - đó là tất cả những gì đáng kể... Bọn chú sẽ tóm lấy cái cơ đầu tiên để thay tay nghệ sĩ dương cầm người Việt bằng một tay người Pháp, cho hạ các lá cờ đỏ sao vàng thực ra luôn khiến bọn chú phần nộ ấy, và rồi thế đấy. Chuyện đó sẽ dẫn chúng ta đến đâu thì chú chẳng hề biết. Họ sẽ phái chú đi Sài Gòn để nhận huân chương từ tay D’Argenlieu và thay vào đó chú sẽ yêu cầu một cây thuốc lá Gauloises.”

Họ rời xa nhà hát giữa lời đả kích lạnh lẽ của Costes, đi dọc theo một trong những đại lộ hai bên là những ngôi nhà thuộc địa rộng rãi ghi dấu ấn khu phố Tây. Đó là nhà hát được xây tròn nơi các cô bé mặc váy màu xanh dương đã chơi dương cầm trong suốt tám mươi năm qua, trong khi đó, giữa cảnh lộn xộn ở khu phố cổ Hà Nội, cả một dân tộc con rồng cháu tiên thức dậy và giữ váy trong sự sục sôi mà người Pháp hầu như không biết. Những câu nói võ mông của Costes thoảng qua Pierre: không phải là cậu không nghe thấy những lời nói đó, nhưng chúng được lọc qua niềm hạnh phúc mong manh còn đang ro ro bên tai cậu. Costes đột ngột dừng lại, mãi mê hút thuốc, rồi:

“Katia đã đi chưa? ông hỏi. Chú ngơ nhìn thấy cô ấy ở khách sạn Métropole, nhưng có lẽ đó là ai khác.”

Pierre đỏ mặt. Những giọt mưa đầu tiên bắt đầu rơi xuống. Costes hiểu; vả lại, ông biết chắc điều đó. Ông lập tức thấy nhói lên vì ghen nhưng rồi cảm giác đó vụt qua mau, bởi lẽ ông đã bỏ cuộc từ lâu, bỏ cuộc từ cái ngày trong công viên Buttes-Chaumont nơi làn môi của họ sượt qua nhau, nơi ông cam chịu, phục tùng bản án: có gì đó trong cô, có gì đó trong ông không cho họ vượt qua ranh giới tình bạn.

“Chú hiểu,” ông nói, cảm thấy mình hơi ngố, điều không thường xuyên xảy ra với ông.

Pierre vẫn im lặng. Cậu đã đoán trước cơn ghen này và cậu thấy thỏa mãn vì điều đó, đến mức mà cậu cho rằng Costes phản ứng chỉ vì ghen tuông mà không thấy rằng cơn ghen chỉ ăn nhập với sự tầm thường trong bản năng yêu đương của riêng cậu, rằng ghen tuông gắn liền với sự thiếu kinh nghiệm sống, niềm say sưa khám phá và vô số những cảm xúc không chắc chắn.

Costes ngạc nhiên quan sát cậu. Ông đã ngỡ gặp một kẻ ngây thơ mà ông cảm thấy đích thân phải có trách nhiệm, cũng như đối với bất kể chi tiết nào trong cái chết của bố cậu ta. Ông phát hiện ra một sự im lặng thận trọng và toan tính, có gì đó đáng ghét, có lẽ là đáng khinh; với ông, tình cảm của ông cao quý đến mức ông muốn khoác lên nó lớp vỏ bọc của thờ ơ.

Họ còn trao đổi với nhau vài lời rồi chia tay đúng thời điểm chất chứa hiểu lầm này, đầy những nghi ngờ có lẽ không còn lắng dịu nữa, diên tiết vì chính họ và vì đối phương. Ngay lúc ấy, Pierre chẳng hề chậm trễ quay về phố Nhà Thờ qua lối bờ hồ. Nhưng ngày hôm sau, cậu đã cảm thấy bị tước mất niềm hạnh phúc và việc nghĩ đến cô, cách xa hàng nghìn cây số, trong một căn phòng tồi tàn ở Brooklyn, đã chẳng còn mang lại cho cậu sự thỏa mãn về vang như trước nữa.

Khi lên máy bay đi Sài Gòn, ý nghĩ sẽ gặp lại Inès thoáng qua trong đầu và cậu cố giả vờ dừng nhưng thực sự không hề dừng dừng tí nào. Trong khi tiếng động cơ quen thuộc ầm ầm bên tai, cậu phải thừa nhận, sau một cuộc đấu tranh chống vánh, rằng vị của ả thật lạ và dễ chịu và rằng khi yếu ớt đẩy ả ra bằng mấy từ “không không” hời hợt, ả gợi hứng một cách tuyệt vời. Thật thú vị khi hình dung cảnh nhượng bộ, thôi không cưỡng lại nữa, ta sợ run lên khi tưởng tượng ra trận chiến. “Vậy nếu mình yêu cả hai thì sao?” cậu thì thầm với chính mình, với cái giọng cậu muốn bắt chấp, nhưng thực tế lại đầy vẻ tự do quá trớn.

Sau đó, cậu nghĩ đến những gì Blondeau sẽ nói với Blaizot, với Carlisle - và cậu nghiêm túc nghĩ đến tất cả những câu hỏi đó trong suốt thời gian còn lại của chuyến bay.

6.

Khi sống giữa những con ma, chính ta cũng trở thành ma và thế giới ma quỷ không còn là thế giới của những kẻ xa lạ mà là thế giới của chúng ta, nảy sinh không phải từ đêm tối mà từ giữa gan ruột chúng ta. Ở phố Bà Triệu, tôi bước vào một thế giới như vậy, một rừng phụ nữ với bộ mặt oai vệ và họ quan sát tôi với vẻ trang nghiêm hơi khinh khỉnh, tuy nhiên không phải là không gọi cảm.

Tôi cứ nghĩ rằng đó chính là giọng của Sébastien con trai tôi - giọng nói thực sự - cái giọng mà tôi đã nghe thấy qua điện thoại đằng sau giọng nói của mẹ nó, ngay cả khi nó không muốn nói chuyện với tôi.

Đó là thực tế. Tôi phải dần từng tiếng rằng đó là thực tế.

Marie đã bỏ đi với nó nhưng thực ra chính tôi là người bị đuổi đi. Kể từ đó, tôi từ chối gọi lại những ngày tháng đã qua, căn hộ trên đại lộ Simon-Bolivar khi chúng tôi cùng nhau sống ở đó. Bây giờ, Sébastien đi học về với những từ rời rạc mà chúng tôi ghép lại để làm thành những câu mà chất thơ có thể sánh với chất thơ của Queneau và vô vàn những bài thơ của ông.

Ngay cả khi con tôi không muốn nói chuyện với tôi hôm nay, ngày mai, một tháng sau thì tôi vẫn sẽ gặp lại nó một ngày nào đó, chẳng bao lâu nữa, chắc hẳn thế. Đêm ấy tôi viết cho nó một lá thư để sau này nó sẽ đọc, kể cho nó những gì tôi không thể nói còn nó thì không muốn nghe. Theo thời gian, có lẽ nó sẽ ở vào vị trí của tôi bây giờ, vừa là cha vừa là con, thấy biến mất trong bóng tối phòng tranh tù mù lúc hoàng hôn những gương mặt hết thấy vừa giống nhau vừa khác nhau của các bậc tiền bối.

Con người, con người, tôi sung sướng được là giống người, được sinh ra, lớn lên rồi chết đi.

Khi từ khu phố xây dựng vào thời thuộc địa đi ra, dưới làn mưa bụi rải rắc, tôi chưa nhận ra ngay một ả đi xe máy theo tôi từ xa. Rốt cuộc ả gọi tôi:

“Hey, mister⁽¹⁾!”

Ả mặc một bộ áo liền quần bằng vải giả da màu trắng, một “*motobike madam*” thực sự.

“You want fun? You want action?⁽²⁾”

Trời mưa to trên con đường lớn, tôi không có ô và tình huống khá buồn cười.

“Tôi muốn đến nhà thờ lớn và cầu nguyện. Cô nên đến đó cùng tôi, chúng ta sẽ hong khô người rồi cùng quỳ gối và cầu xin đức Chúa trời, cầu xin Ngài tha thứ cho chúng ta. Cô thấy sao?”

“You want good sex?⁽³⁾”

Lúc nào cũng là cái khác biệt về văn hóa gây ra biết bao tổn hại giữa các dân tộc - thậm chí đó có thể là nguyên nhân của mọi cuộc chiến tranh. Tôi cố kiên trì.

“Tôi rất mê cảm giác trọn vẹn của một lần làm tình không thể nào quên. Nhưng bây giờ, như tôi đã nói với cô, tôi muốn đến nhà thờ lớn và cầu nguyện. Tôi đã mắc rất nhiều tội lỗi.”

Chút hoài nghi thoáng qua khuôn mặt khó chịu của ả.

“You mother fucker⁽⁴⁾.”

- Tôi sẽ cầu nguyện cho em, em gái ạ.

- You dirty man.⁽⁵⁾”

Tôi thích câu này: tôi thực sự là một gã bắn thủ và thực sự đáng tiếc là ả (một ả bắn thủ nếu tôi xét về bề ngoài) không muốn chúng tôi cùng nhau đi gột rửa tội lỗi. Cô ta khoác thêm bộ áo

mưa trong suốt rồi vừa phóng đi trong màn đêm vừa chửi rửa tôi.

Tôi tiếp tục bước đi, mặc cho nước mưa chảy ròng ròng vào cổ, cho đến tận khi cơn mưa rào ngớt đi. Một con ngõ hiện ra trên phố và tôi đi vào đó chẳng chút e sợ, rồi đi lên một cầu thang xoáy ốc. Ở một nơi nhỏ hẹp, xung quanh là những căn phòng tối om, hiện lên ngôi chùa được che chở bởi bốn cây cau có hình bóng gần như bất động trong đêm tối ảm thấp. Một cơn gió nhẹ thổi qua mang theo mùi vị phù sa sông Hồng. Một bà già đang quét tước và tôi để mình đi trong tiếng động duy nhất của những lá tre lướt trên mặt đất ẩm ướt ấy.

Khi leo lên bốn bậc thềm vào chùa, tôi thấy trong chùa le lói ánh sáng: các vị hộ pháp, mặt đỏ, giáp vàng, mang những biểu tượng riêng khiến ta phải khiếp sợ dè chừng: rìu và kích, hai biểu tượng cầm trong tay, những con vật thần diệu trên giáp trở thành vỏ bảo vệ. Giữa lũ ếch vè hăm dọa, ở ranh giới giữa bóng tối và dải ánh sáng nhợt nhạt, lọt giữa chiến tranh và hòa bình, bạo lực và tình thương.

Trước mặt bàn thờ nơi hương đang cháy, giữa những tờ giấy màu đỏ và phong bì màu tím, những vỏ chai Pepsi-Cola đựng một thứ chất lỏng màu vàng, một người cúi đầu, hai tay chắp lại, dường như ngơ ngác chính trong lời cầu nguyện của mình. Tôi đứng đằng sau ông trong bóng tối, chẳng hề sợ sệt mà ngạc nhiên.

Sau đó ông quay lại và tôi thấy một gương mặt xa lạ, khuôn mặt góc cạnh nổi rõ những chỗ phẳng, ánh mắt hướng về tôi với vẻ thân mật lễ ra phải khiến tôi lo ngại nhưng chỉ khiến tôi bối rối, âm vang lâu trong tôi, trong khi một nụ cười gần như không thể nhận thấy thoáng hiện ra và đọng lại trên nét mặt ông.

Bấy giờ ông tiến một bước về phía tôi và mở miệng cứ như chuẩn bị nói rồi đi qua, lướt qua tôi như một cái cánh.

“*Batman*, tôi thì thầm, cậu suýt làm tôi sợ.”

7.

Bằng Sơn một mình trong căn phòng ở Đa Kao, đợi Pierre, nằm dài trên phản với một tập trong xê ri truyện tranh *Pieds-Nickelés* trên tay. Anh ta trở về Sài Gòn đã được vài ngày và điều duy nhất khiến anh ta lo lắng, đó là lại phải xỏ giày vào đôi chân chai cứng như sừng bởi đất đường, bùn ở đầm lầy và ruộng lúa.

Pierre gặp lại bạn, thấy má bạn hóp lại còn tâm trạng bạn thì bồn chồn không yên. Cậu có hàng chục câu hỏi chực buột ra miệng nhưng cậu càng quan sát bạn, thì bản năng của cậu càng cảnh báo rằng cậu chỉ nên vui mừng về một cuộc gặp sẽ diễn ra chóng vánh và để lại trong bóng tối phần cốt lõi của những điều cậu muốn biết. Bằng Sơn đứng lên.

“Thế nào, anh ta nói, cố tỏ ra vui vẻ, mọi chuyện zui zẻ chứ?”

Từ anh ta dùng muốn làm ra vẻ hài hước nhưng lại được nói với giọng nghèn nghệt, hơi nhấn mạnh. Thoạt tiên Pierre chỉ biết nói: chẳng mấy zui zẻ.

Bằng Sơn co một chân lên và mỉm cười quan sát cậu.

“Tớ đến để gặp cậu, anh ta nói.

- Tớ không thể nói là tớ đến để gặp cậu, Bằng Sơn ạ, nhưng gặp cậu tớ cũng rất vui. Đã bao lâu rồi nhỉ?”

Anh ta nhắm tính rằng chưa đến sáu tháng - vậy mà cứ như cả thế kỷ đã trôi qua.

“Cậu biết đấy, mọi chuyện thay đổi nhanh quá, Bằng Sơn nói.

- Tớ vừa từ Hà Nội về đây. Đúng vậy, tớ biết. Điều mà tớ không biết, đó là mọi chuyện đang đi đâu về đâu.

- Thật thế sao?”

Có gì đó hơi kè cả trong cách nói của Bằng Sơn mà Pierre chẳng thích, như thể Bằng Sơn mang theo điều tuyệt mật không cho phép mình chia sẻ với một gã ngờ nghệch như cậu.

“Cậu nói về vấn đề gì thế? Về chính trị à?”

- Không phải về chính trị, Garnier ạ. Chính trị, đó là cuộc tranh giành thế lực của D'Argenlieu và chẳng có gì hay ho cả. Tớ nói về chuyện động đất.”

Mắt cậu sáng lên.

“Cậu sẽ ở lại chứ?”

- Tớ không biết... Tớ có... những mối lo. Chẳng có gì dính dáng đến... chính trị, rốt cuộc cậu gọi nó là gì không quan trọng. Với cả tờ báo không còn nữa và tớ không biết mình được chuyển vào bộ phận nào. Biết cũng chẳng để làm gì...

- Các cậu ở đây để đấu tranh. Cậu có thể đứng ngoài - một thời gian. Nhưng bây giờ là đúng thời điểm rồi: cậu cần phải đấu tranh.”

Pierre đưa hai tay bóp chặt hàm mình.

“Tớ sẽ không chiến đấu.

- Tại sao? Nếu cậu tin mà không đấu tranh thì thật tệ!

- Tớ không tin.

- Cậu không tin cái gì?

- Tớ không biết tin vào cái gì. Mà cậu biết rõ rằng phần lớn những anh bạn đấu tranh cũng chẳng biết tin vào cái gì nữa. Họ đấu tranh vì họ tới để làm việc đó, đó là nghề của họ, họ đấu

tranh vì người bạn bên cạnh... Và khi chẳng còn gì nữa thì họ đấu tranh để cứu tính mệnh mình.

- Ý cậu là không phải như chúng tớ chứ gì?"

Pierre không muốn giao chiến kể cả trên lĩnh vực này. Cậu làm một cử chỉ chán chường.

"Tùy cậu nghĩ," Pierre nhượng bộ.

Một lúc im lặng và Bằng Sơn chẳng làm gì để phá vỡ sự im lặng đó. Trời nóng ẩm nhưng dường như thời tiết này không ảnh hưởng gì đến anh ta.

"Cậu nghĩ tớ là cộng sản à? rốt cuộc anh ta hỏi.

- Tớ không biết. Có thể. Chắc chắn là thế. Tại sao không? Cậu là cộng sản hay không thì hề hấn gì đến tớ. Nhưng nếu cậu muốn thì cứ cho tớ biết.

- Họ không thích tớ, cậu biết đấy, đầy người trong số họ nghi ngờ tớ. Họ thích những người nông dân có cả hai bên bốn họ đều là nông dân hơn, những người mà ngày thì chân trần ngoài ruộng lúa, đêm thì ở sau lũy tre làng, những người không biết đọc nhưng lại thuộc lòng những khẩu hiệu dễ nhớ. Nhưng những gã như tớ đây lại là một việc rất khó chịu. Tớ biết tháo và lắp súng máy: thế thì ổn. Nhưng tớ từng ở bên đối phương, với những kẻ thực dân: thế thì không ổn... Để tiếp tục tồn tại tớ phải ngậm miệng lại. Trong những cuộc thi thơ, dù biết gieo vần thì tớ cũng vẫn phải ngậm miệng lại.

- Tớ không biết là phía các cậu tổ chức cả những cuộc thi thơ!

- Có lẽ quân đội Pháp cũng nên làm như vậy.

- Tớ tin chắc rằng việc đó có thể lên dây cót tinh thần cho lính tráng."

Khoảnh khắc thông đồng ngắn ngủi không kéo dài và Bằng Sơn lại lần nữa trở nên cứng rắn.

"Cậu sẽ không làm báo cáo về tớ cho Sở Mật thám chứ?"

- Cậu điên à.

- Tớ là một tên đào ngũ phản bội xứng đáng nhận mười hai viên đạn vào người phải không?

- Cậu dở hơi quá, Bằng Sơn ạ. Cậu có vào nhà tớ để bóp cổ, cắt tóc rồi khâu miệng tớ đâu?"

Khi trở lại Sài Gòn, Pierre đã thấy thành phố thay đổi, như thể các chiến sĩ miền Nam đã tìm ra một tín hiệu trong hòa ước giả tạo được ký kết ở miền Bắc: chưa bao giờ những vụ ám sát lại nhiều đến như vậy, và trên một số con đường, từ nay người ta chỉ còn đi thành đoàn. Công cuộc "tái chinh phục" do Leclerc khởi xướng và hiện đang tiếp tục hướng ra Bắc, Tây Nguyên giữa Ban Mê Thuột và Kon Tum, đã kết thúc nhanh chóng đến mức phải bắt đầu lại. Một trong số những người Pháp đã nhận ra từ rất sớm: "Ban ngày thuộc về chúng ta. Nhưng ban đêm..."

"Tớ đến gặp cậu như một người bạn, để bảo cậu về Pháp đi, rời xa cuộc chiến này đi.

- Bảo cả tớ cũng đào ngũ ư?

- Là kẻ đào ngũ, cậu thích gọi thế cũng được. Cậu nghĩ tớ đào ngũ vì Carraz đã đùa ác ý về những tên 'nhà quê khốn nạn' ư?

- Tớ không biết. Với cả cái thằng ấy gọi tớ là Cứng-cu, thì nó có thể gọi cậu là 'nhà quê' lắm chứ.

- Đầu tiên tớ tham chiến là vì người ta ép tớ, rồi sau đó là vì tớ chẳng thấy có gì hay hơn để làm. Các chàng trai ấy, tớ quý họ lắm. Họ không quý tớ như vậy nhưng với tớ thì chẳng sao, đó không phải lỗi của họ. Đòi là thế mà, hừm. Nhưng suốt thời gian ấy tớ nghĩ đến Tổ quốc mình, đến tự do. Cứ gọi như thế là đào ngũ nếu cậu muốn.

- Vậy thì tại sao cậu tòng quân? Tớ muốn nói ở Đông Dư..."

Bằng Sơn nở nụ cười khó hiểu làm dẹt hai má và làm lộ rõ khuôn mặt hình tam giác gầy gò

của anh ta.

“Tớ có lệnh.”

Pierre bàng hoàng, ngớ người, nhưng cậu có phản xạ không hỏi “của ai”. Cậu biết rõ điều đó.

“Khi chúng ta ở trên tàu...”

- Ở trên tàu, tớ biết.”

Pierre thấy lướt qua trong đầu hình ảnh buổi lễ cầu hồn. Cậu không nổi giận, mà thấy nhẹ nhõm.

“Ý cậu là cậu coi tớ như thằng ngớ ngẩn đúng không? cậu hỏi mà không hề nổi cáu.

- Trong cung điện cảm xúc có rất nhiều phòng. Tớ yêu quý và tôn trọng bố cậu. Tớ muốn tỏ lòng kính trọng ông và giúp cậu đến được với linh hồn ông. Nếu đối với cậu đó là ‘coi cậu như thằng ngớ ngẩn’ thì thật đáng tiếc nhưng chuyện là như vậy đấy.

- Những lời cao cả, Bằng Sơn ạ, nhưng cậu không nói thật với tớ, chỉ có thể thôi.

- Cấp trên của chúng ta có nói thật không khi họ khẳng định rằng chúng ta đi giải phóng đất nước tớ? Ai coi ai là thằng ngớ ngẩn? Tớ chọn chơi trò ngớ ngẩn với chính mình. Hãy nghĩ đi, Pierre.

- Tớ hiểu.”

Pierre đứng dậy bước từng bước dài trong phòng. Căn phòng đã được dọn sạch và mọi đồ đạc của Tikhomirov đã được bỏ đi. Cậu chỉ giữ lại chiếc hộp nhỏ bằng kim loại màu đen đựng các lá thư, như thể trong nét mực phai màu có cái gì đó được lưu giữ sống động từ linh hồn của anh bạn “người Nga da vàng”. Cậu lại ngồi xuống phản.

“Để trả lời câu hỏi của cậu liên quan đến việc tớ sẽ làm gì, không, tớ sẽ không ra đi. Tớ không biết chân giá trị của cuộc chiến tranh này nhưng tớ tin chắc duy nhất một điều là tớ phải giữ vị trí của mình ở đó, dù là một vị trí cút bãi, cho đến khi chiến tranh đuổi tớ đi, bằng cách này hay cách khác. Điều đó đối với cậu có thể là thảm hại nhưng tớ thấy ngán ngẫm trước câu hỏi về tính chính đáng của cuộc chiến này. Và không chỉ bởi những gì tớ từng thấy, vào những ngày đầu tiên ở Cité Hérault... Chắc cậu đã thấy nhiều chuyện tệ hơn ở những nơi khác và tớ hình dung rằng tất cả những cái đó đều được gọi là chiến tranh. Hãy chỉ cho tớ một cảnh ghê rợn bất kỳ và nói với tớ rằng đó không phải là chiến tranh: cậu sẽ là một kẻ đạo đức giả và một tên dối trá. Không, thực sự đấy, không hề có tư tưởng trả thù, không hề tồn tại nỗi căm hận. Chỉ là, việc đào ngũ - lại một từ mà cậu sẽ không thích - sẽ hủy hoại tớ khủng khiếp hơn cả một viên đạn.

- Đứa trẻ tội nghiệp, Bằng Sơn thì thầm, làm bia thịt đỡ đạn cho những kẻ như D’Argenlieu, Leclerc...

- Leclerc! Ông ấy thì có liên quan chớ gì?

- Leclerc, ông ta còn tệ hơn những người khác bởi vì ông ta ấy mà, ông ta biết. Cậu còn nhớ những người nông dân ở vùng châu thổ bị đối đãi như nông dân vùng Alsace không? Tớ nghe thấy ông ta ra lệnh, ông Leclerc của cậu ấy.

- ‘Ông Leclerc của tớ’ cũng là của cậu cách đây không lâu lắm đâu!

- Cậu quên rằng tớ là một kẻ đào ngũ à. Chính ông Leclerc của cậu nói rằng: ‘Nếu thấy đám nông dân này chạy trốn vào gần một ngôi làng thì hãy bắn họ!’ Một viên sĩ quan nói: ‘Có lẽ họ chỉ sợ thôi, thưa tướng quân.’ Và Leclerc: ‘Chúng sợ chắc là vì đang che giấu cái gì đó. Giờ đang là chiến tranh. Không được để gặp rủi ro. Cứ bắn đi.’

- Cậu nói dối.

- Tớ nói dối nếu cậu cho là thế nhưng ở bên chúng tớ sự thật và dối trá cũng là một như bên cậu vậy. Không có những người anh hùng trong một cuộc chiến tranh. Và Leclerc có lý. Một

người nông dân chạy trốn, thực sự là anh ta có gì đó phải che giấu. Có thể là anh ta che giấu quân du kích, có thể anh ta tiếp tế cơm gạo; có thể đó là một du kích cải trang có vũ khí giấu ở con mương nào đó, hay dưới đầm lầy. Có thể anh ta bị cưỡng ép, bị khủng bố? nhưng cũng có thể anh ta tự nguyện, một kẻ cuồng tín? Làm sao cậu nhận ra được sự khác biệt? Cậu muốn đợi đến lúc anh ta bắn vào lưng cậu sao? Leclerc có lý: không được để gặp rủi ro. ‘Cuộc chiến nhân tâm’, tử tế thật, nhưng Leclerc biết chiến tranh thực sự là gì. Cuộc chiến bằng vũ lực.”

Pierre bị vây kín trong sự thù địch, cậu không lắng nghe nữa.

“Cậu đã sống đời với đám chính trị viên. Cậu lên lớp cho tở về sự thật và dối trá, nhưng cậu chẳng còn thấy sự khác biệt giữa việc tuyên truyền và những ký ức riêng của cậu nữa.

- Không cần phải nổi cáu thế, Pierre. Cái trò ngớ ngẩn của cậu còn ngớ ngẩn hơn cái trò ngớ ngẩn của tở, có thể thôi.

- Đừng có lên lớp cho tở nữa đi. Giữa tở và cậu, ai là kẻ phải ngửi phân nhiều hơn trong cái trò ngớ ngẩn này?”

Bằng Sơn đứng dậy. Anh ta nghiêm túc suy nghĩ, tay chống cằm.

“Có thể cả hai chúng ta đều phải ngửi phân. Nhưng tở thì biết tại sao. Còn cậu thì có thể sẽ chết vì chủ nghĩa ly khai Nam Kỳ, Liên hiệp Pháp và tất cả những điều ngu ngốc đó!

- Sai rồi! Có một lý tưởng đang được thực hiện, đó là cùng người Việt Nam đi đến tự do!

- Cậu muốn giết tở vì tự do của tở ư?

- Cậu đến với tư cách người bạn, cậu đã nói như vậy.

- Đúng vậy. Trong thâm tâm, cậu từ chối lựa chọn giữa những tên thực dân kiểu cũ và những kẻ ‘khủng bố Việt Minh’. Nhưng rốt cuộc, cần phải chọn lựa. Chiến tranh mà. Nếu cậu không muốn chọn lựa, cậu phải ra đi.”

Pierre không còn giận dữ nữa. Không còn sức lực. Từ một kẻ nứt trên tường thò ra đầu một con côn trùng mà cậu kiềm chế để không nghiền nát.

“Thế còn hòa bình thì sao? cậu hỏi với vẻ mỉa mai mệt mỏi. Tại sao chúng ta không bàn về các cơ hội hòa bình?”

- Hòa bình ư? Chúng ta vừa nói đến đó thôi, anh bạn.”

Bằng Sơn đứng dậy ôm hôn cậu qua quýt. Thế rồi anh ta biến mất vào màn đêm.

Biết bao việc phải làm, biết bao người phải gặp, biết bao nơi phải thăm lại, vết thương khi gặp lại một Sài Gòn giờ đã trở thành thành phố quê hương mình - và cái nỗi ám ảnh cứ giày vò cậu nữa: cậu phải gặp lại nó, phải biết nó là tai họa hay cơ may. Cái đêm với Katia có một vẻ đẹp chẳng hề giống với bất kỳ điều gì khác bởi cậu chẳng biết gì về cái khác - hoặc là biết quá ít. Nhưng Inès thì khác, cậu biết điều đó, cậu bị cô cuốn hút bởi bản năng thú vật. Đó không phải là tình dục - tình dục là chuyện khác, một cô gái Việt dễ bảo và dịu dàng, phong cách *cô gái Bắc Kỳ*, miệng vẫn *dạ vắng* khi ăn đánh bởi họ thấy tốt khi bị người ta bạc đãi, họ sinh ra đã thế. Tình dục, đó là những cô tình nhân mất giá, người vợ ử ễ, bị ruồng rẫy, của một viên trung úy tối ngày lai vãng khu Chợ Lớn; tình dục, đó là những ả gái điếm, vợ dâu cũng được, giá nào cũng đi, màu da nào cũng có.

“Cẩn tắc vô áy náy,” Garel khệnh khạng khuyên cậu, nhấn mạnh vào sự thận trọng như thể cái từ đó quý ngang với Penicillin.

Cậu cự học sinh trường dòng trở thành nhà Mác xít đang học tiếng Việt và quấy rầy anh chàng Pierre bất hạnh với các ý nghĩa khác nhau của âm “ma” tùy theo dấu. Cậu ta cho Pierre biết những hậu quả về ngôn ngữ và tâm hồn Việt khi chuyển từ chữ tượng hình sang phiên âm chữ Quốc Ngữ.

“Bạn có nhận ra là nhìn bề ngoài thì sự chuyển đổi đó xuất phát từ những lý do được cho là thiết thực nhưng trên thực tế đó lại là một hình thức thực dân hóa ngôn ngữ?”

- Tôi không biết điểm này.

- Thơ chữ Hán gắn kết với dấu hiệu và hình ảnh. Thơ viết bằng ký tự La tinh là vấn đề âm thanh và nhịp điệu.

- Hấp dẫn đấy chứ.

- Garnier, đôi lúc tôi tự hỏi liệu cậu có phải là một gã cục mịch tồi tệ không.

- Cứ tiếp tục đi.”

Garel vẫn còn là trai tân, cậu ta hút sáu sáu thuốc phiện mỗi ngày, không hơn không kém, bởi lẽ người Tàu làm như vậy. Đằng sau cặp kính gọng đồi mồi, cậu ta nheo mắt trích dẫn điều mà cậu ta tiếp thu được từ triết học thực chứng của Auguste Comte: “Qua kinh nghiệm, chúng ta chỉ học được những gì mà chúng ta có thể học được bằng kinh nghiệm.”

Một lần cậu ta lôi kéo Pierre vào một tiệm hút rồi ngủ thiếp đi, chẳng mấy xúc cảm với chất thơ của những tấm phản, chỉ nhớ mỗi bếp than hồng và mùi những người đàn ông bên nhau. Thuốc phiện, gái nhảy, cánh buồm đỏ: xứ sở này có hàng chục hình ảnh và từ ngữ cậu đã chán ngấy, những mẻo mực, một rừng gương nơi chẳng có gì là thật ẩn náu.

Garel ư? Cậu ta có cảm giác như bị người khác xúi giục sống cuộc đời không phải của mình để được ủy quyền hưởng thụ. Thực ra, có lẽ cậu ta nên tiếp tục theo học trường dòng: cậu ta biết cách khiến người khác thổ lộ giống như cách các linh mục nghe xưng tội, mắt lim dim, dung nạp hết lỗi lầm của người khác. Theo lời Garel, cậu ta tự bắt mình ăn chay không phải vì lý do đạo đức, mà vì một sự tu luyện khổ hạnh sẽ được mài giũa nhờ bài tập này, cũng theo cách đó mà về sau sự tu luyện khổ hạnh ấy có thể hướng sang lĩnh vực tình dục hay học tập. Cậu ta sẵn lòng trích lời Thầy Eckhart: “Người hoàn toàn tuân theo ý Chúa không nên mong sẽ thoát được tội lỗi mình đã sa vào.” Garel hớn hờ:

“Đó là một kiểu dị giáo thôi hoặc là tôi không am hiểu chuyện này! Nhưng minh triết đó mới cao siêu làm sao! Đó là sự hiểu biết vô cùng sâu sắc về tâm hồn con người!”

- Vậy thì trên thực tế, cậu có ngủ với tất cả các cô gái hay chẳng với ai thì cũng thế mà thôi.

- Cậu không hiểu bản chất của dị giáo rồi.

- Đúng thế, việc gì tôi phải hiểu. Nhưng tôi cũng không chắc liệu việc đó có thực sự khiến tôi bận tâm hay không.”

Garel thao thao bất tuyệt.

“Đại đa số nghĩ rằng dị giáo là sai lầm nhưng họ nhầm. Vấn đề của dị giáo không phải ở chỗ đó: vấn đề là nói ra *sự thật* - một sự thật mà đại đa số không thấy được. Người ta không quan sát Chúa trực diện.

- Điều gì khiến cậu đặc biệt đến mức có quyền cùng Chúa uống bia tại quán nhậu?

- Tôi đã phải học hành khó nhọc để có được cái quyền ấy.

- Cậu là một thằng đàn khoa trương, Garel ạ. Cậu đi ngủ với gái đi, như thế sẽ tẩy sạch các đường ống cống rãnh ứ đầy cặn bã trong cậu.

- Đừng cố học đòi kiểu nói của tay Carraz bạn cậu. Không hợp với cậu đâu.”

Chúng tôi chuyển trụ sở khỏi hẻm Éden và hai anh bạn trẻ được Blondeau gọi đến để chuyện trò về tương lai. Trước đó, Garel đưa Pierre đến tận địa phận Gia Định, vào lăng và miếu thờ Tả quân Lê Văn Duyệt mà người ta còn gọi là Lăng Ông. Họ ngồi trước lăng mộ từng bị xiềng bằng xích sắt dưới thời vua Minh Mạng, cách đây gần một thế kỷ rồi.

“Bạn có biết chuyện của Tả quân không?” Garel hỏi.

Pierre thở dài. Thêm một bài học nữa cũng tốt thôi.

“Không rõ lắm. Khoảng năm 1800 gì đó, ông ta đã nổi ngôi Gia Long, hoàng đế đầu tiên của triều Nguyễn...”

- ... ông ta là cận thần của nhà vua. Ông ta không nổi ngôi Gia Long, không hề, nhưng ông ta giữ chức đại khái như tể tướng. Ông ta là hoạn quan, và chuyện ông ta chẳng ra nam cũng chẳng ra nữ khiến ông ta sợ hãi và hận thù. Người ta châm biếm ông ta đủ thứ, kể cả chuyện ông ta vẫn còn trong trắng. Dù đã chết, lăng mộ ông ta vẫn bị xiềng xích vì tội đã nuôi dưỡng một gia đình phản loạn. Giờ thì dân chúng thờ cúng ông ta thực tâm. Ông ta không nằm trong số những nhân vật lịch sử được người ta sùng bái vì thiếu hiểu biết: ông ta được tôn thờ và bị ghét bỏ, đó chính là dấu hiệu của sự vĩ đại đích thực.”

Pierre lắc đầu. Câu chuyện Garel vừa kể đột nhiên vọng lên trong tâm trí cậu. Không cố hiểu toàn bộ câu chuyện, cậu kinh ngạc trước những biểu tượng: xiềng xích, sự trong trắng, sự im lặng, sự nổi loạn.

Garel bình thản, lãnh đạm lau kính. Pierre đốt thuốc liên tục, bị giày vò bởi cảm giác bồn chồn, bởi ham muốn khủng khiếp được trút bỏ với người đầu tiên gặp.

“Thế nếu phải đánh nhau thì sao? cậu hỏi chuyện nọ xọ chuyện kia, để thoát khỏi tình thế nguy nan.

- Cậu muốn nói rằng, nếu chúng ta phải trở thành những người lính *đích thực* ư? Garel khúc khích. Thì ta sẽ đánh nhau, phải vậy không? Cậu chưa từng đánh nhau à?”

Pierre nhớ đến doanh trại ở Fontainebleau. Cậu nhớ đến Baccarat. Cậu thấy mình cầm khẩu F-M chĩa vào một nhóm dân đen. Đánh nhau ư? Không, thật sự không phải, người ta không thể nói rằng cậu đã đánh nhau “thực sự” được, như Garel nói.

“Có thể nói là có cũng được.

- Cậu sẽ không đánh nhau nữa ư?

- Tớ hỏi cậu ấy chứ.

- Cậu đừng lo cho tớ, tớ đã có biện pháp cần thiết.

- Thế nghĩa là sao?”

Garel chỉ mỉm cười. Pierre biết rằng cậu ta đã hoạt động ở số 106 phố Léon-Descombes, nhóm văn hóa Mác xít Cannac, nơi chính cậu cũng từng qua lại vài lần cùng Tikhomirov. Có điều gì đó ẩn sau những phân tích chính trị ngoắt ngoéo của họ, nhưng cậu không biết chính xác đó là gì.

“Tớ đã hỏi họ xem tớ có nên vượt phòng tuyến không và họ không khuyến cáo làm như vậy.”

Pierre ngạc nhiên.

“Vượt phòng tuyến - ý cậu là chạy sang phía bên kia ư? Thế mà cậu gọi là ‘có biện pháp’ à? Cậu điên rồi!

- Tại sao không? Đây không chỉ là vấn đề niềm tin - hơn nữa tớ chưa từng nghe thấy lời biện hộ nào ủng hộ cuộc chiến của chúng ta và cũng chẳng phải hình dung nhiều mới hiểu được quan điểm của họ... Nhưng vấn đề không phải là như vậy.

- Vấn đề là gì?

- Cứ chờ xem, chắc sẽ hay ho phết đấy.”

Cứ có tiếng lóng là Garel lại dùng vẻ khoái trá, như thể được chén một thứ trái cây nhập ngoại và không muốn để mất đi chút hương vị gì. Hay ho phết đấy: cậu ta nhè từ đó ra khỏi mồm rồi toét miệng cười mãn nguyện.

“Đi xem bạn bè tự chui vào chỗ chết thì có gì hay ho? Hay chính cậu ra tay giết họ, vì hám kinh nghiệm ư?”

- Cái thái độ tôn thờ ‘tình bạn’ ấy với tớ chẳng nghĩa lý gì, anh bạn ạ. Họ không phải là ‘bạn’ - chỉ là những con tốt trong một ván cờ.

- Nhưng tớ và cậu, chúng ta cùng ở một phe!

- Tớ không phải là người đã khởi xướng ván cờ và xếp quân. Với lại, giờ xin hỏi lại cậu, thấy cảnh giết hại phụ nữ và trẻ em trong các làng quê vùng Đồng Tháp Mười thì hay ho đến thế nào?”

Pierre nhớ lại lời Bằng Sơn.

“Chiến tranh là thế mà. Cậu chưa trả lời tớ. Liệu cậu có giết bạn bè không?”

Garel im lặng một lúc.

“Cả cậu cũng chưa trả lời tớ, rốt cuộc anh ta nói: có thể không có câu trả lời, cả cho cậu lẫn cho tớ. Tớ thờ ơ với câu chuyện ‘tình bạn’ đó: tớ sinh ra ở Pháp nên cậu gọi tớ là người Pháp. Liệu việc đó có khiến tớ đương nhiên trở thành tông phạm của tất cả những tội ác mà các chính trị gia muốn gây ra dưới chiêu bài lợi ích quốc gia không? Tớ không tin. Tớ không biết giới hạn nằm ở đâu. Tớ nghĩ rằng khó mà biết được khi chưa lại gần nó. Thậm chí tớ cũng chẳng biết mình sẽ hành động như thế nào trước nỗi sợ hãi. Có thể tớ sẽ suy sụp mất. Đó chính là điều mà tớ gọi là hay ho. Nó chẳng hề mang màu sắc chính trị hay đạo lý gì cả: đó là chuyện biết xem anh thực sự là ai. Bây giờ cậu hiểu chưa?”

Pierre nhún vai. Trên những mặt bàn đặt trên những cái ghế là một đồng lõa chim chong lên nhau. Cậu mua một chiếc lồng.

“Cậu làm gì với cái đó? Garel hỏi.

- Phóng sinh một con chim. Chúng chẳng phải là những tâm hồn bị giam hãm sao?”

Garel lắc đầu.

“Hôm nay chẳng phải là ngày lành đâu,” cậu nói.

Pierre ra về với chiếc lồng chim, tin vào thứ khoa học không phải của mình. Nhưng khi nào thì mới đến ngày lành?

Khi đến doanh trại Martin-des-Pallières, Pierre nghe thấy tiếng ồn ào từ phía một trong những khoang nhà chứa máy bay. Người ta vừa chuyển giao pháo phòng không Bofors 40 mm.

Blondeau băng qua cả nửa sân để ra gặp và khoác tay cậu.

“Cậu trông thấy chưa? anh hỏi.

- Những thiết bị hiện đại.

- Tuyệt lắm, phải không? Những khẩu pháo phòng không để chiến đấu với một quân đội không có không quân.”

Mặc dù không muốn, Pierre vẫn phá lên cười. Blondeau chẳng thấy chuyện đó buồn cười.

“Tôi muốn nói chuyện vài phút với cái kẻ nhố nhăng đó, chắc hẳn phải là cựu học viên trường Bách khoa, cái kẻ đã đổ cả đồng tiền đóng thuế của người Pháp vào đây ấy.

- Ta xử lý những thứ này thế nào đây?

- Gửi trả về Thụy Điển⁽¹⁾ có lẽ là cách hợp lý duy nhất. Nhưng thôi... Garnier thân mến, chúng ta sẽ biến chúng thành pháo gắn ô tô có trang bị súng liên thanh. Chỉ có Thiên tài mới nảy ra được ý đó, nó nhắc nhở chúng ta từ thế hệ này sang thế hệ khác rằng sự ngu ngốc của người

Pháp đã được chuộc lại bằng chính tài xoay xở của người Pháp.

- Làm thế có ổn không?”

Blondeau ngược mắt lên trời.

“Cầu cho Trần Hưng Đạo ở bên chúng ta!

- Tôi nghĩ rằng ông ấy đứng về phe đối phương chứ.

- Đó là tuyên truyền, anh bạn trẻ à, tuyên truyền thuần túy mà thôi.”

Họ đi hết sân mà chẳng nói gì thêm.

“Sao thế này?” Blondeau hỏi khi họ vào trong căn phòng làm việc trống trơn, chỉ có duy nhất một chiếc quạt điện rít đến chói tai mỗi lần chạy.

“Tôi nghĩ mình đang ngập trong đồng phân, thưa đại úy.

- Chưa ngập sâu tới mức đức Thánh Trần không kéo cậu ra được bằng Tay Phải của Người đầu, con trai ạ.

- Trần Hưng Đạo, đức Thánh Trần, anh có sự phù hộ từ đẳng tối cao. Đó chính là điều tôi cần vào lúc này.”

Blondeau đặt tay lên trán rồi vuốt ra sau gáy nhể nhại mồ hôi.

“Tôi yêu mến các đức Thánh, tất cả các đức Thánh. Dĩ nhiên cũng có ưu tiên đặc biệt: đã từ lâu tôi chọn đức Thánh *của chúng ta* để kêu cầu. Từ đó, Ngài chưa bao giờ làm tôi thất vọng. Đôi lúc cũng bị chùng hững - nhưng huyền bí cũng là một phần của câu chuyện, phải không? Với lại, việc đó không khiến tôi mất thiện cảm. Ngược lại là đằng khác. Cậu có muốn tiếp tục viết về một sự nghiệp chính nghĩa không?

- Tôi nghĩ là không, thưa đại úy.

- Sắp tới cậu có ra trận không?

- Tôi nghĩ là không, thưa đại úy.

- Vậy thì cậu sẽ làm gì? Cậu có muốn tham gia hành trình phiêu lưu phục viên vẻ vang không?

- Xin anh rủ lòng thương, thưa đại úy, dù tội lỗi của tôi là thế nào đi nữa.”

Blondeau lặng thinh một lát.

“Không chỉ mình cậu rơi vào đồng phân đầu, Garnier thân mến ạ, tôi thực sự nghĩ rằng tất cả chúng ta đều vậy. Cậu muốn tôi kể cậu nghe một câu chuyện không?”

Garnier đồng ý, thở phào vì đó là chủ đề khác chứ không phải chủ đề về cậu.

“Tôi vừa đi Xiêm Riệp về, cứ gọi đó là chuyển công vụ đi. Đến nơi, tôi được một đại tá, xin giấu tên, đón tiếp vô cùng tử tế. Không xem thường gã được đâu: sĩ quan gì mà, trái với quy định, đưa vợ từ Pháp sang, một cô nàng thuộc đơn vị bộ binh nữ, và đã dùng mảnh lối phù phép nàng ta thành “tù viên chính thức” của gã. Mà thôi... Thăm đền Angkor, lũ khỉ rú, cây gòn, đàn voi: một ngày tốt đẹp, chẳng có gì phàn nàn. Đến chiều tối mát mẻ, gã rủ tôi chơi tennis. Trò này tôi đâu có kém. Bọn tôi mới dạo được vài đường bóng thì có người đến cắt ngang cuộc chơi: một viên lính Campuchia mang tin hỏa tốc cho gã đại tá. Tay đó bị chửi như tát nước vào mặt: không ai được quấy rầy đại tá. Thấy bất tiện, tôi định can thiệp nhưng lại đến lượt tôi phát bóng: đành phải chơi tiếp. Tôi cố để thua thay vì tìm cách thắng. Thỉnh thoảng tôi liếc mắt về phía tay lính, vẫn không hề nhúc nhích, mũ cát đội đầu, bức thư trên tay. Tàn cuộc chơi, gã đại tá cầm lá thư không một lời cảm ơn, không cả nhìn tay lính. Tôi thấy không thể chấp nhận được. Cậu nghĩ sao?

- Chuyện đó an ủi tôi vì mình không phải là người duy nhất lo lắng cho tương lai.”

Blondeau cười, ánh mắt khoan dung.

“Thực sự tôi không muốn câu nói sẽ làm tiếp trò bậy bạ gì. Tuổi trẻ cần phải qua đi - đó là điều bà tôi từng nói. Tôi nhớ hình như đã nói với cậu rằng tôi không muốn mất cậu ngay. Chúng ta còn lại những cơ may nào?”

- Đừng hỏi tôi, thưa đại úy, tôi không biết đâu.

- Có thể tôi có một ý cho cậu.”

Khi anh nói xong ý tưởng, Pierre gật đầu.

“Vâng, cậu nói, cái đó, tôi có thể làm được.

- Vậy là chúng ta nhất trí nhé, anh bạn trẻ?

- Nhất trí.

- Thực sự đáng tiếc là tôi chỉ toàn thấy cậu trong cảnh éo le. Vậy thì, tôi nên mong là sẽ không bao giờ gặp lại cậu nữa. Hãy保重 nhé.”

Sau khi ra khỏi căn phòng, Pierre nhận thấy đôi chân mình run rẩy.

Phòng tranh Nam Phong đóng cửa. Pierre đi thám thính gần tòa biệt thự nhưng, với hai tên lính gác ở cổng thì không thể vào mà không bị phát giác. Cậu chỉ nhìn thấy một bà cụ xanh xao, chống gậy, dắt theo một con chó bông.

Khi Pierre nghĩ đến Inès, cậu thấy rạo rực trong người. Cậu hồi tưởng và tái tạo từng khoảnh khắc trải qua bên bờ sông hôm ấy, rồi kìm nén ngay cảm xúc nếu không việc thủ dâm triền miên sẽ khiến cậu kiệt sức, rơi vào tình trạng không được thỏa mãn, căng thẳng vô tích sự làm cậu thậm chí mất ngủ.

Cậu đi qua góc khách sạn Majestic, không rẽ vào phố Catinat, rồi cái hình bánh ga tô to màu trắng của hãng Vận tải biển, và cậu đi xuống bến Bỉ⁽²⁾, dọc theo kênh Tàu Hủ. Cuộc sống náo nhiệt bên bờ nước ở đó dường như lúc nào cũng xa lạ với cậu: chính đó là nơi khu Chợ Lớn kích thích thành phố không ngủ này. Cậu nhớ đến tay người Hoa ấy, vào những ngày đầu tháng Mười một, đột ngột đến nhà họ, ở hẻm Éden, và đề nghị họ - thậm chí là van xin họ - giữ cho hắn một túi bạc là cả gia tài của hắn.

“Tôi sợ có âm mưu ám sát tôi, hắn nói. Tôi gửi các ông số tiền này, nhờ các ông chuyển cho con trai tôi trong trường hợp không may tôi bị giết.

- Nhưng tại sao ông không đến Sở Mật thám, có hơn không?

- Tôi đã đến gặp thiếu tá Buis, cùng với đứa con trai bé nhỏ. Ông ấy chẳng buồn nghe chuyện này. Ông ấy nói rằng đó là việc cá nhân, cảnh sát Pháp không được xen vào. Thật quá nhẫn tâm.

- Có thể là nhẫn tâm, thưa ông, nhưng chúng tôi chẳng giúp gì cho ông được.

- Ngay cả khi các ông có một phần - một phần tương đối đấy - trong phi vụ này ư?”

Đó là lần đầu tiên Pierre đối mặt với một lời chào mời nhận tiền. Cậu chẳng bức mình cũng chẳng bị cám dỗ - chỉ thấy hay hay khi tay thương gia sẵn sàng có những quyết định quá cực đoan. Sau đó cậu thấy hắn chảy nước mắt và cậu không còn thấy thích thú nữa. “Tôi rất lấy làm tiếc, thưa ông, tôi rất muốn giúp ông nhưng không thể.”

Tay người Hoa cùng những đồng bạc biến mất, đôi vai oằn xuống vì sức nặng của chiếc túi hắn mang theo mà chẳng ai đáng tin cậy muốn giữ hộ hắn. Thời đó đã qua lâu rồi và họ có cảm giác rằng dần dần chính thế giới của người Hoa cuốn hút họ. Chẳng bao lâu “Đại Thế giới”, nhờ nỗ lực biếu quà và gửi phong bì đỏ đến đúng chỗ, rốt cuộc cũng mở cửa lại với các sòng bạc, câu lạc bộ giải trí, sàn nhảy và nhà hàng. Công việc làm ăn lại tiếp tục, thậm chí còn tiến triển

trên một đà mới, và trên gối, những viên trung úy Pháp trẻ tuổi trao gửi những chuyện thầm kín đầu đời với các cô gái người Hoa, xinh đẹp hết mực nhưng chẳng hề ngây thơ.

Chuyến đi dạo loanh quanh của Pierre chẳng mấy thanh bình và đôi lúc cậu giật nảy mình, tưởng như sắp gặp cô mà chẳng gặp được, không để ý đến những lời chế nhạo của một đám đội mũ lưỡi trai trắng, vui vẻ nhộn nhạo do có hơi men, lách giữa những đứa trẻ mặc quần soóc xanh dương vừa đạp xe vừa cười đùa rúc rích. Trống rỗng! Trống rỗng khủng khiếp! Trạng thái trống rỗng kinh khủng khoét sâu trong cậu, chỉ để lại cho cậu nỗi sợ và cảm giác bất lực, ngấu ngiennes những lý do đúng sai đến tận giờ vẫn nguyên trong lòng cậu, xóa nhòa những khuôn mặt mà cậu tưởng mình từng yêu, bỏ mặc cậu trong nỗi cô đơn dần dần choán lấy cậu, nuốt chửng cậu và rồi cuộc khiến cậu biến mất. Khi Blondeau chuyện trò với cậu, có lúc cậu thấy lạc quan không suy tính, thậm chí thấy vui vẻ: bây giờ cậu thấy rõ rằng tất cả những chuyện đó chẳng có nghĩa lý gì và mảnh đất rộng màu xám nơi trời và nước hòa quyện với nhau, nơi dòng sông ánh bạc của dải Ngân Hà vô tình trôi giữa màn đêm, chẳng có gì niềm nở chào đón cậu. Những người khác, Chúa ơi, khăng khăng tìm kiếm ở đó những hứa hẹn, nhưng cậu chỉ thấy sự trống rỗng vô hạn ấy, như thể cậu đang lơ lửng bên bờ đê, đối diện với những ô bàn cờ đen trắng của đồng ruộng, và cậu chẳng có lựa chọn nào khác hơn là tiến lên và buộc mình hòa vào bầu không khí ẩm thấp đầy bùn, người đàn ông-đĩa bém, người đàn ông-hoa súng, người đàn ông-rau muống, mà cái vật chất trong đó có lẽ đã trôi đi và lan ra khắp khoảng rộng bao la bằng phẳng. Cậu thấy mình run rẩy mà chẳng biết làm sao. Vào cái thời sách vở là tất cả đối với cậu, cậu nhớ lại một câu mà dường như cậu thấy là một thứ điên rồ: “tinh thần đại dương của vũ trụ”. Nếu đúng là tinh thần đó, vậy thì chẳng phải điều gì khác ngoài nỗi khiếp sợ thuần túy.

“Này Cứng-cu, nếu chẳng có việc đêch gì, một giọng cau có lên tiếng, thì thủ dâm đi, cho có việc để làm.”

Cậu nheo mắt trước khi nhận ra Carraz, mặc thường phục, đầu tóc bù xù cùng với bộ râu ba ngày chưa cạo, chìa bàn tay hộ pháp về phía cậu. Cậu cảm thấy một làn sóng an ủi chạy trong người. Cậu không thể nói ra cái ham muốn hư vô từng có trong người - đến mức chóng mặt toan nhảy xuống dòng nước đen ngòm - cậu chỉ có thể nhắc đi nhắc lại “mẹ kiếp, mẹ kiếp” và để cho cậu bạn bóp nát bàn tay, chẳng có gì đáng ngạc nhiên trước sự biểu cảm thái quá ấy.

Do đó, trong đêm tối, không để tâm đến lệnh giới nghiêm và cả một toán lính biệt kích tuần tra người Sénégal yêu cầu mặt khẩu khu Phú Nhuận, cậu kể với bạn tất cả, cái chết của Tikho, Inès và Katia, thậm chí cả sự xuất hiện như bóng ma của Bằng Sơn.

“Mày thực sự chẳng có việc đêch gì để làm,” Carraz bình luận một cách thân tình.

Họ ngồi trong một quán bar tại Đa Kao, gần cầu Bông, và uống bia 333. Mặc dù buồn nôn, Pierre vẫn muốn uống và uống nữa: cơn khát của cậu không có điểm dừng.

“Mày còn nhớ cuộc đổ bộ xuống Mỹ Tho không?”

- Hồi tháng Mười á? Khi mày một tay bóp cò một tay cầm dái chứ gì?

-Ừa. Có lẽ đó đúng thật là tổn thất to lớn cho nhân loại...

- Cả cái gã bị đóng đinh trên cây chữ thập, lũ trẻ hát cho Leclerc bài *Thống chế, chúng tôi đây* nữa chứ. Mẹ kiếp, cái đầu của thánh bảo hộ. Bà ấy tên là gì nhỉ, bà xơ ấy?

- Xơ Thérèse, xơ Chantal... Lũ trẻ, ừ. Nhưng dù là lũ trẻ thì cũng không phải lý do để tin điều đó. Mẹ kiếp lũ trẻ, cứ cho ăn là chúng sẽ hát cho mày nghe bất kỳ cái gì bằng bất kỳ ngôn ngữ nào.”

Một tên lính thủy đánh bộ gần như say khướt muốn ngồi xuống kết giao với họ, nhưng Carraz thẳng tay đẩy hẳn ra. Gã kia đổ xuống đất, thực ra chẳng cần phản ứng đến thế. “‘Lúc nào cũng lính thủy đánh bộ’, tao cần đêch gì,” Carraz vừa lẩm bầm vừa khinh bỉ nhìn cái đồng dưới đất.

“Sau chuyện đó, mày phải lội bùn ngập đến tận đầu gối, trời nóng mà mày rét run, mày có cảm giác rằng hàng tỉ con côn trùng, dòi bọ nhấm nháp mày đến tận dái, mà mày phải chờ,

không được gây tiếng động đến khi có một thằng khốn hắt hơi và mày tự nhủ rằng ôi, không thể thế được nhưng rồi mày vẫn cứ chờ và sau bốn năm tiếng chán đến chịu được, viên đại úy mới nói đó là báo động giả, chiến dịch truy quét sẽ tiếp tục vào ngày mai, rồi mày tự nhìn mình, đầy bùn, góm ghieếc, máu dây trên cẳng chân, rồi mày nói: ‘Cần quét ư? Anh gọi cái đó là một cuộc cần quét sao, thưa đại úy?’ thế là viên đại úy cười bỏ ra và cả phân đội cười bỏ ra và mày cũng cười bỏ ra, coi chúng như một lũ đàn độn, ‘xin anh thứ lỗi cho, thưa đại úy,’ và như thế mày tránh phải nghĩ đến cái thằng khốn đã bày ra cái trò chó chết ấy. Tệ nhất là tao kể lại cho mày và thậm chí chuyện ấy cũng không hẳn là một kỷ niệm tồi tệ. Mày hiểu chứ?

- Tao hiểu.

- Mày hiểu chó gì, nhưng thầy kệ. Chiến tranh là thế: chẳng có gì để hiểu sất. Trước khi tham chiến mày tưởng rằng có những nguyên cơ và mày đọc những lời hùng hồn kèm theo. Thế rồi sau đó, khi mày đã vào cuộc, thì chẳng còn lấy một tên chính khách khốn kiếp nào ở đó để cho mày một bài diễn văn chó chết mà đểch ai thêm quan tâm: mọi thứ khép lại với mày và thế là quá muộn rồi.

- Cứ như Bardamu⁽³⁾ nói vậy.

- Tao không biết Bardamu là ai, nhưng đó là một gã đã tham chiến.”

Pierre dẫn ra đoạn cuối chương đầu tác phẩm *Hành trình đến tận cùng đêm tối*. Carraz lúc lắc cái đầu.

“Đấy, Carraz nói. Thế là toi rồi, cứ như lũ chuột. Nhưng kể cả nếu mày phóng thích thì chúng tao cũng chẳng đi.

- Tao sẽ chuồn khỏi đây khi hết hạn nghĩa vụ.”

Carraz nhìn chòng chọc vào cậu rồi lắc đầu.

“Mày sẽ ở lại, như tao thôi. Tao chẳng biết là tại sao. Mày không điên như tao nhưng dù sao mày cũng là thằng điên. Chắc đó là một dạng ma túy, có thể thế. Hay là: bởi mày đã thấy thằng bạn mày ngã xuống và mày nhớ tên cái thằng ấy và bởi Marciac có một cái mũi như quả cà chua, bởi Vercel nổ rằng đó là bị nhiễm trùng, bởi Cachera người thành phố Lille nói lắp cứ như thế nàyààà, một cái thằng khác thì cậỵ không ra tiếng còn một thằng khác nữa ở chẳng nói mà hát, ở lúc nào cũng biết cách nói theo kiểu hát hò. Mày tự nhủ: mẹ kiếp, mới có sáu tháng mà những gã ấy đã không còn ở đó nữa ư? Và nếu không phải mày, bởi vì dù sao mày cũng ở với chúng tao, với cái cách không bình thường của mày, thì có lẽ thậm chí tao cũng không nói với mày về chuyện đó. Tao nhớ từng gặp một thằng lính thực dân già, khổ rách áo ôm, quá ngu đần để có thể làm giàu được, và hẳn kể cho tao những câu chuyện của thời cũ, những chuyện bậy bạ theo kiểu Lyautey⁽⁴⁾, thế mà chuyện đó làm tao thích thú, mày thấy không, tên lính đi thực hiện công lý và trở thành tiểu vương. Hẳn vừa phát chẩn lúa gạo vừa đánh đập, hẳn nói những gì được phép và những gì không được phép, hẳn bảo vệ và trừng phạt, và đêm nào hẳn cũng xài một trong số chín mươi hai con đàn bà của hẳn. Chà, hẳn lại khiến tao mơ tưởng một lần nữa, cái thằng ngu ấy, nhưng tao đảm bảo với mày rằng chuyện đó không kéo dài, có thể bằng thời gian chiếc xe Dodge đổ nhào xuống một cái hố đầy nước và người ta lội xuống đó, nước dâng đến tận mũi, tìm cách kéo chiếc xe ra, bởi vì con người ấy à, có bị gì đâu. Thế cái thằng Bằng Sơn thân thiết ấy, mày nói rằng nó đã chạy sang phía bên kia rồi à?

- Nó bảo tao hãy lên chuyến tàu thủy đầu tiên để về nhà.

- Bởi vì nó biết là mày có ‘nhà’ à?

- Nó không nghĩ đến chuyện ấy. Nó chỉ muốn nói: ‘Mày hãy biến khỏi đây.’ Khá là chân tình đấy...

- Được rồi, tao hiểu. Tao chưa bao giờ bảo ban nó như vậy đâu, cái thằng nhà quê ấy. Vậy mày sẽ làm gì?”

Pierre bấu môi, Carraz không cố nài. Đã đến lúc mà lời nói của họ chẳng còn mấy quan trọng nữa, những lời nói ra không phải để được ghi nhận hay thậm chí được lắng nghe. Người ta nói như khạc nhổ, như hắt hơi và hỉ mũi. Tuy nhiên, Pierre thấy có gì đó bất ngờ len lỏi trong những lời nói và vào tận trong những câu chửi rủa mà Carraz thốt lên, mà bìa chẳng có tác dụng gì ở đây cả, có gì đó còn tệ hơn cả cái ẩm ướt của đầm lầy và ruộng lúa từng làm ô uế tâm hồn cậu mà chẳng làm mất đi sức mạnh và cái vẻ khờ dại bám lấy cậu.

Họ đi như vậy trong đêm, mò mẫm, cả hai mù mờ vịn vào nhau, nhất trí với nhau mà chẳng hề hiểu nhau. Con say choán lấy Pierre, một trong những cơn say mê muội, tự phụ ấy, khi mà người ta cứ ngỡ mình thống trị thế giới, muốn làm gì thì làm. Carraz không thay đổi, cậu ta chẳng bao giờ thay đổi - có thể nếu cậu ta uống quá liều lượng một chút nữa thôi (quá khá nhiều so với liều lượng mà Pierre hình dung mình có thể uống), thì cậu ta sẽ ngã nhào một cái, như một cái cây đổ ập xuống. Họ gà gât vài tiếng trong căn phòng ở Đa Kao và tỉnh dậy lúc tinh mơ sáng, còn chệnh choáng. Họ tẩy mùi hôi đêm qua bằng một bát hủ tiếu, Carraz cho thêm vào đó nước mắm và cả đông ớt. “Bố khỉ, bát hủ tiếu này làm tỉnh cả ngủ! cậu ta thì thăm, hả hê trong lòng. Lẽ ra bọn mình có thể đã chết với những trò bậy bạ đó và chẳng có gì để mà luyện tiếu.” Pierre lắng nghe cậu ta nói và tự nhủ rằng cậu thích ở cậu ta khả năng chỉ nói được điều cốt yếu, vào mỗi giây phút cuộc đời cậu ta, mà không thêm để tâm đến phép lịch thiệp.

“Thế còn con đĩ của mày, cậu ta hồ hởi nói, vẫn có thể pháo chiến được chứ?”

Họ trở lại các con phố khu Plateau như vậy, Pierre không phản ứng nữa, tính lạc quan của bạn truyền sang làm cậu khoan khoái, tin chắc rằng cứ đường đột đến nhà người tình vào lúc sáu giờ sáng và đòi gặp ả chỉ vì lý do đó là điều bình thường.

“Thế còn hần? cậu yếu ớt hỏi khi họ đã đến gần.

“Cần phải... phỉnh phờ hần.

- Như thế có nghĩa là gì?

- Chưa biết cụ thể thế nào nhưng chúng ta sẽ làm như thế.”

Một anh bồi uể oải hé mở cổng sắt và một người bảo vệ từ chòi gác đi ra. Carraz sửa vài từ qua hộp loa thông báo và họ bước vào lối đi trồng đầy hoa, đến ngồi dưới hiên nhà trong lúc đợi người ta đi mời chủ nhà. Pierre tìm đập thành thích. Cậu chưa hề tưởng tượng sẽ đương đầu với Blaizot, ấy thế mà họ lại đang ở đó, có thể đã tỉnh rượu, ở trong hang cộp, nếu không muốn nói là đã trong miệng cộp.

Cuối cùng họ nghe thấy giọng nói trầm và vui vẻ của Inès đang hỏi xem có chuyện gì.

Họ đang mở miệng, đáp ứng, vẻ đầy nức cười thì tiếng nổ vang lên.

Mãi lâu sau đó, thậm chí khi thảm họa đã đi qua, Pierre vẫn còn nghĩ đến sự trùng hợp ngẫu nhiên đã khiến Blaizot công tác vắng nhà vào cái ngày mà một quả bom nổ cách đó hai ngôi nhà, tại biệt thự của phó thống đốc Ngân hàng Đông Dương, biến cuộc đột nhập trong trang phục thường dân của họ, lồi thoi lệch thếch, râu ria lởm chởm, thành một chi tiết vô vị vào một buổi sáng rồ dại. Các thanh tra Sở Mật thám đi đi lại lại, đặt câu hỏi - như thường lệ, không một nhân viên Việt Nam nào đã nghe hay thấy gì hết. Inès đi lại giữa cảnh hỗn độn đó với vẻ duyên dáng, giám sát việc chuẩn bị trà và cà phê.

Carraz chuẩn đi sau khi hẹn gặp lại Pierre vào buổi tối ở sà n Vệt Xanh - cậu ta sẽ lại đi vào năm giờ sáng hôm sau, mày có đến hay không cũng vậy thôi, nhưng hãy cố gắng đến, thế rồi cậu còn lại một mình ngoài hiên, trong khi cơn mưa nặng hạt trút xuống khóm râm bụt, dờ dẫm vì cảm giác pha trộn giữa một mối đêm qua với trạng thái hưng phấn nhưng không hạnh phúc khi được gặp lại ả mà không thể nói chuyện hay ôm ả trong vòng tay.

Giữa lúc yên lặng, ả kênh kiệu ra hiệu và cậu theo gót ả, lúc này đang mặc trên người bộ lụa tơ tằm, đi vào phòng ăn nơi bày biện những chiếc ghế cao, rồi qua một hành lang tối nơi ả hỗn

hեն lao vào cậu trước khi dừng bước. Cậu hôn ả mãnh liệt đến mức răng họ va vào nhau và cậu cảm thấy ả thật tàn nhẫn, cuồng nhiệt, dữ dội. ả thoát khỏi cái ôm ghì của cậu, mở cánh cửa sau lưng cậu rồi đẩy cậu vào trong. ả đứng lại một lát nơi khuôn cửa và vì chỗ đó ngược ánh sáng buổi sớm nên cậu chỉ nhìn thấy ánh mắt ả, ánh mắt chẳng nói lên liệu ả đang yêu cậu điên cuồng hay ả tức điên với cậu - có thể là cả hai. ả biến mất còn cậu thấy mình ở trong phòng chơi bi a. Các bức tường thấm mùi lạnh lẽo của khói xì gà xa xỉ. Cậu nhặt một cục phấn màu xanh dương rồi lăn giữa các ngón tay.

“Đồ ngu ngốc tội nghiệp, cậu vừa lẩm bẩm vừa đổ sụp xuống chiếc ghế dài, đồ ngu ngốc tội nghiệp, tội nghiệp.” Thế rồi cậu ngủ thiếp đi trên đó, cục phấn màu xanh dương trên tay.

Vài phút sau ả thô bạo đánh thức cậu dậy. ả đứng không đủ gần để cậu làm cái điều duy nhất mà cậu muốn: cắn vào môi ả.

“Anh làm gì ở đây thế?” ả rít lên hỏi.

Cậu nói với ả rằng cậu yêu ả và không thể sống được nếu không có ả (và phát ra những từ này nghe thật kỳ lạ bởi lẽ, trước đó chưa đầy một tuần, cậu từng nói những lời giống hệt với một người đàn bà khác và dường như chúng tuyệt đối thực lòng, thậm chí với đôi mắt rung rung, chúng còn bắn ra như trận cuồng phong từ mép cậu), cậu không muốn chết, đúng vậy, nhưng sống mà không có ả thì không thể chịu nổi, cậu không ngừng nghĩ đến ả và điều đó giày vò tâm can cậu, cậu lấy làm tiếc nhưng chuyện là vậy đấy, cậu đã thử làm khác đi, cậu đã thử các cô gái khác nhưng cậu không thể. Gương mặt bí hiểm của ả giờ đây sát ngay gần khuôn mặt cậu - một ngón tay, một hơi thở - và ả có thể ôm hôn cậu hoặc có thể phá lên cười rồi nhấn tâm chế giễu. Cậu thấy lướt qua cả gương mặt cứng rắn, cả gương mặt phớt mặc của ả và cậu tự vấn liệu mình phải tin vào khuôn mặt nào, ngờ rằng sự thật về người đàn bà này không phải là duy nhất, chẳng hơn gì sự thật về chính bản thân cậu, giữa cơn choáng váng, say sưa với những lời nói của chính mình.

ả nhắm mắt lại và cậu thấy gương mặt ả đột nhiên trơn nhẵn đến mức khó tưởng tượng, như bề mặt không hề lồi lõm của mảnh trăng đen; cuối cùng ả cũng hôn cậu, rất lâu, mạnh đến mức khiến cậu đau, cứ như ả muốn mút cậu vào trong.

“Em cũng vậy, ả nói.

- Em cũng vậy là sao?”

ả mỉm cười huyền bí.

“Bây giờ anh phải đi thôi. Một giờ nữa là hẵn về, có thể còn sớm hơn.

Khi nào, Inès, ở đâu?”

ả không trả lời. Có tiếng bước chân ngoài hành lang. Họ lặng im không động đậy. ả đưa cậu ra ngoài bằng lối cửa sổ thông ra khu vườn kiểu Nhật và cậu bước đi không hề ngoảnh lại, băng qua hiên với đôi giày vẫn còn ướt trên tay, gần như chạy trên lối đi dẫn ra cánh cổng sắt đang mở ra như có phép thần, ra đến ngoài đường với vết thương dai dẳng của nụ hôn và thở phào nhẹ nhõm mà chẳng biết vì lý do nào, thoát được Blaizot hay là thoát được ả.

Cậu nhớ lại mình đã nắm chặt tay suốt khoảng thời gian đó. Cậu xòe tay ra, vẫn thấy cục phấn nhỏ màu xanh. Cậu liếm ngón tay trở.

Có vị đắng.

Buổi tối, cậu say quắc cần câu tại sà n Vẹt Xanh cùng với Carraz rồi cuối cùng đi về hướng Phú Nhuận với hai con điểm chỉ biết nói: “Ông thế nào?” và “Cho quà em đi”. Họ thanh toán hai ly đồ uống cho các ả rồi tử tế đuổi các ả đi.

Carraz chuẩn bị đi cùng một đoàn xe ra Bắc.

“Thế còn cái vụ tế tướng của mày thì bao giờ vậy?

- Tất cả những gì tao cần, đó là chín mươi hai con đàn bà... Còn lại, tao chịu trách nhiệm...

- Giờ thì mày đã nổi như cồn trên toàn cõi Đông Dương này rồi còn gì. Với những câu chuyện người ta đồn đại về mày thì ngay cả bọn khỉ cũng rành mọi tiểu tiết.”

Carraz suýt thì sặc bia, túm lấy cổ áo Pierre để dạy cho cậu phép lịch sự. Họ vẫn còn say: những điều phải nói, những điều phải quên. Carraz nói về người anh quá cố, về người vợ mà cậu ta bỏ lại bên Pháp chẳng một lời giải thích, trong khi cô ấy đang mang bầu.

“Từ ngày ấy mày có tin tức gì về cô ấy không?

- Có. Đã sinh một thằng cu.

- Nó mấy tuổi rồi?

- Một tuổi. Cái thằng cu may mắn đó không biết rằng nó có bố. Nếu biết thì có lẽ nó sẽ khiếp sợ mà trốn đi.

- Mày yêu cô ấy chứ?

- Yêu ấy à? Carraz nhại lại. Để tao nghĩ xem đã. Liệu tao có yêu không à? Ôi ông bạn Cứng-cu đa cảm thân mến của tôi. Một hôm say khướt, tao nói với cô ấy những lời có cánh, rằng cô ấy là đóa hồng của tao và tao sẽ che chở cô ấy mãi mãi. Tội một nỗi là cô ấy lại tin tao.

- Thế bây giờ thì sao?

- Tao vẫn chuyện trò với cô ấy, lúc nào cũng với những lời ngọt ngào, nhưng chỉ vào những lúc tao ở một mình, say khướt và chắc chắn chẳng ai nghe thấy tao nói gì.

- Chắc mày phải viết thư cho cô ấy chứ?

- Cái thằng Cứng-cu này, mẹ kiếp...

- Nếu là tao thì tao sẽ viết thư cho cô ấy.

- Thế thì đấy, mày cứ việc thay tao viết thư cho cô ấy, tao sẽ cho mày địa chỉ và tao đảm bảo rằng cô ấy sẽ mê mọt những lá thư của mày. Cô ấy vốn có khiếu văn vẻ hơn tao. Cô ấy hay đọc tạp chí.”

Đêm hôm sau, một người Campuchia đang quét dọn ngôi đền trên phố Ochier⁽⁵⁾ thì vấp phải một xác phụ nữ bị cắt cụt chân tay rất khủng khiếp. Người ta đổ vụ giết Inès Blaizot cho những kẻ khủng bố và mở hẳn một chiến dịch truyền thông trên các tờ báo theo chủ nghĩa liên hiệp và ly khai để tố cáo sự lơ là của các lực lượng an ninh.

Ít lâu sau đó, như đã thỏa thuận với đại úy Blondeau, Pierre Garnier vào trường Petrus Ký để theo khóa đào tạo chiếu phim tại cục điện ảnh quân đội.

8.

Một thời, tôi thường thích nghe bài hát này, bài hát thuộc giai đoạn bí hiểm của Bob Dylan, thời kỳ mà bằng chất giọng kèn kẹt, ông tiên đoán với chút giễu cợt: *"It may be the devil or it may be the Lord, but you're gonna have to serve somebody."* "Có thể là quỷ sứ hay là Chúa trời, nhưng mi sẽ phải phục vụ ai đó." Tôi từng tự vấn - tôi vẫn còn tự vấn - liệu sự phục tùng này là nguồn hứng khởi hay dấu hiệu của sự đê hèn. Tất cả phụ thuộc vào sức mạnh mà người ta gán ghép cho tâm hồn và phụ thuộc vào cách người ta gọi vấn đề đó như thế nào: là chuyện cái tên.

Những bóng ma.

Trước khi rời Hà Nội, tôi ở phố Trần Hưng Đạo, lê la trong một câu lạc bộ của các quân nhân về hưu. Các cụ già khỏe mạnh đi dạo với sự vững chãi của tuổi xế chiều. Có thể khắp nơi họ được ca ngợi là những chiến sĩ vẻ vang và những người cha của Tổ quốc, nhưng nỗi đau buồn, nỗi buồn chiến tranh sâu sắc, như Bảo Ninh đã viết, họ buộc phải chôn chặt trong lòng. Các sự thật thời nay của đất nước - mãi dâm, tham ô - chỉ nên được bàn đến như chuyện ngoài lề; trong khi các sự thật trước kia ấy, phức tạp và đau xót, hẳn phải cần đến sự bền lòng của cả một thế hệ được tự do khai quật các xác chết của mình mà không bận tâm đến mùi hôi thối bốc lên từ đất bùn, phân ủ da thịt thối rữa, máu khô đen và những giấc mơ đang bị phân hủy.

Những bóng ma.

Dọc đường ra sân bay Nội Bài, băng qua những khu đất trống đã được điểm xuyết những con đường hai bên toàn những cột đèn vững chãi dẫn vào những dinh thự còn chưa cất móng, tôi nhận thấy rằng chuyến đi của mình, bắt nguồn từ một thôi thúc ngầm, chỉ tuân theo logic của những bóng ma - tuân theo tính khí khó lường của chúng. Chúng hiện hình ở những lối ra, trong một góc tối ở các ngôi chùa, và chỉ mang lại cho tôi những sự thật của những bóng ma, của những điều người ta có thể cần tới trong các hành trình tâm linh, chứ không phải trong cuộc sống thực. Như với cha tôi vào những ngày cuối đời, tôi đã phải chiều theo từng lời và bám vào chúng, nhặt nhanh từng đoạn rồi lần mò đào xới cho đến khi tìm ra một ý nghĩa nào đó. Là người gìn giữ ký ức, tôi buộc phải viết tiếp những câu dang dở, soạn thảo công phu những câu chuyện từ những dữ liệu rời rạc ấy. Những gì nảy sinh từ đó, rốt cuộc, có lẽ chẳng hề có mối liên kết thực sự nào, có lẽ tôi sẽ không được thỏa mãn và chẳng tìm thấy ở đó câu trả lời như mong muốn. Thậm chí tôi không dám chắc rằng các bóng ma thôi quấy rầy tôi. Tôi trở thành một trong những cụ già mà đôi khi ta nhìn thấy đi dạo một mình trên các lối đi trong nghĩa địa, vào dịp lễ các Thánh, lăm bắm một mình không ngớt, lờ đi cái ranh giới giữa người sống và người chết.

Ngay cả ý đồ tôi đã thực hiện để được nói chuyện với con trai mình, tôi cũng không chắc đó là thực nữa.

Và rồi tôi thất bại và tôi cô độc, phó mặc bản thân cho sự tĩnh lặng ồn ào của những vong hồn.

Tôi bấm số điện thoại của Costes ngay khi về lại Paris, đại lộ Simon-Bolivar, không kịp cởi áo vest và mở cửa sổ. Tôi không chịu nổi ý nghĩ rằng ông già có đôi mắt xanh lơ đã lợi dụng lúc tôi vắng mặt để vĩnh biệt, và tim tôi đập thình thịch khi tiếng chuông vang lên trong hư không. Rốt cuộc vợ ông nhắc máy và tôi xưng tên, tôi nghe thấy sự ngạc nhiên của bà - không biết là do bà mệt mỏi hay thở phào nhẹ nhõm. Tôi cảm ơn về lá thư bà viết và cuốn nhật ký. Bà trả lời là không có gì.

"Ông ấy thế nào ạ?"

Tôi chỉ nghe thấy tiếng thở của bà. Thế rồi:

"Cậu đến ngay đi."

Bà cho tôi địa chỉ ở quận XVI, một tòa biệt thự có cổng sắt khóa, có người gác cổng và hệ thống báo động bảo vệ. Vượt qua các chướng ngại vật, những ngôi nhà nhỏ với mảnh vườn con nằm thẳng hàng với nhau tạo vẻ khiêm tốn dễ chịu và không gian tĩnh lặng đầy chim chóc khiến ta như được quay trở lại những năm tháng xa xưa.

Bà mở cửa cho tôi, bắt tay tôi, hầu như chẳng để tôi có thời gian chào hỏi. Costes nằm trên chiếc ghế dài trong phòng khách, vẫn mặc pyjama, một miếng bông trắng ở cằm che vết xước do dao cạo, mái tóc dài bạc trắng ánh xanh được chải cẩn thận. Tôi lại gần ông rồi để vào tay ông một con rùa nhỏ, một trong những món đồ người ta bày bán khắp nơi trên các đường phố Hà Nội, và với một đô la là bạn sở hữu được thứ có thể đem lại tuổi thọ cho mình.

Đầu tiên ông chưa nói với tôi mà dùng ngón tay sờ để nhận ra đồ vật, những ngón tay mà trước đó tôi không nhận ra là bị biến dạng vì bệnh viêm khớp. Khuôn mặt ông hốc hác, đôi mắt giờ đây đã lòa chắc chắn nhìn thấy những điều mà tôi không thấy.

“Cháu quay lại rồi đây, rốt cuộc tôi nói.

- Cậu thật may mắn. Tôi thì mong là đã không ra đi... Nhưng đấy...”

Ông khẽ cười, trong cái cười ấy tôi nhận ra lớp màn đau đớn ở cơn ho của ông.

“Cháu đã nhận được những gì ông gửi cho cháu. Cháu không biết ông đã làm cách nào để tìm được cháu...”

- Tôi có làm gì đâu, vợ tôi làm đấy.”

Và ông nói thêm ngay lập tức, hẳn là để xin lỗi cho câu trả lời cụt ngủn của mình:

“Nhưng tôi rất hài lòng là bà ấy đã làm việc đó. Tôi chẳng thấy ai có thể quan tâm đến những thứ ấy.

- Thừa ông Costes, cháu không biết nói điều này thì ông có cười cháu không, nhưng thực sự là cháu vui vì ông vẫn còn sống.

- Tôi không chắc là mình cũng vui nhưng những lời cậu nói thật tử tế.

- Cháu cũng muốn nói với ông rằng cuốn nhật ký của ông rất có ích cho cháu.

- Thế thì tốt rồi.

- Tại sao ông dừng không viết nữa?

- Điều khiến tôi ngạc nhiên, cậu xem, đó là việc thậm chí tôi đã bắt đầu viết... Vậy thì việc kết thúc... Tôi chẳng còn nhớ chính xác ngày tháng...

- Ông đã bắt đầu vào tháng Tám năm 1945 và trang cuối cùng là vào mùa xuân năm 1946.

- Có lẽ tôi về Pháp vào thời gian đó, phải không nhỉ? Mùa xuân... năm 1946... Cậu nói là năm 1946 à? Bây giờ cậu biết những chuyện ấy rõ hơn tôi... Một lần tôi nói chuyện với một giáo viên dạy lịch sử và mỗi chi tiết tôi đưa ra đều khiến ông ấy nhủ mày. Tôi nhầm, tất nhiên là tôi nhầm - đến mức khi kết thúc buổi nói chuyện, hầu như ông ấy đã thuyết phục được tôi rằng tôi không ở nơi mà tôi tưởng mình từng đến, rằng cuộc sống như tôi nhớ lại chỉ là do tôi tưởng tượng ra. Một ảo ảnh.

- Việc đó có khiến ông rầu lòng không?

- Không hẳn.”

Suzanne Costes mang một khay đựng tách cà phê cho tôi và ly đồ uống màu vàng cho ông.

“Vitamin, bà nói với giọng không ngữ điệu.

- Tôi tưởng là prôtêin.

- Ông thực sự quan tâm đến chuyện đó sao?

- Tôi thế nào cũng được. Nhưng tôi nghĩ điều đó quan trọng với bà, mà bà thì lại quan trọng với tôi. Có thể đó chỉ là lập luận bề nổi. Nào vào nhiệm vụ thôi...”

Bà giúp ông uống còn tôi để ông nghỉ ngơi một chút sau nỗ lực đó.

“Ông có quay trở lại Việt Nam chứ?

- Trở lại Việt Nam, dĩ nhiên rồi. Nhưng trước đó, có phái đoàn Việt Nam đến Paris để đàm phán hòa bình. Rồi cậu xem, tôi sẽ gây ấn tượng với cậu đấy: khi ấy là vào mùa thu sau đó, phải không?

- Vâng, vào tháng Chín.

- Họ đã đề nghị tôi theo dõi ông Hồ. Chẳng phải tôi là người Pháp đầu tiên bắt tay ông ấy sao? Tôi chấp nhận, không biết tại sao, làm người giúp việc cho ông ấy. Salan ở đó để giải quyết những việc quan trọng, còn tôi lo những việc còn lại...

- Salan ư?

- Ừ, Salan người Algérie thuộc địa của Pháp, một trong số ít các tướng về hưu... Nói điều này về một gã bị kết tội phản quốc thì không được hợp lẽ, nhưng đó là một tay rất cừ, một công bộc mẫn cán của nước Pháp. Ông ta nói được nhiều thứ tiếng ở Đông Dương và thậm chí còn làm được một số từ điển cho một vài phương ngữ Lào. Thực ra, sai lầm chủ yếu của ông ta là tưởng mình có thể thành người theo chủ nghĩa De Gaulle từ năm 1945 đến 1962 - và từ chối không xin lỗi sau đó. Tôi thì không có chung những đức tin ấy, nói đúng ra thì tôi ngưỡng mộ ông ta vì điều đó. Chính trong thất bại mà ta thấy được con người ấy có trọng danh dự không.

- Nhưng ta đang nói đến Hồ Chí Minh kia mà.

- Ừ, dĩ nhiên, Hồ Chí Minh - tôi lang thang trong các ngăn kéo của lịch sử... Hồ Chí Minh, vậy là tôi đi theo ông ấy khắp nơi, thành phố Biarritz, nhà ông Aubrac, khách sạn Royal Monceau, thành phố Fontainebleau nơi diễn ra những tranh luận mà thực chất chỉ là hàng giờ tào lao không thể chịu đựng được ấy. Chúng tôi cũng đến những công trình tưởng niệm người đã khuất, đặt vòng hoa lên đó để thể hiện tình hữu nghị giữa hai dân tộc. Khốn khổ biết bao... Ông Hồ kiên nhẫn hơn tôi, bởi lẽ ông không bao giờ tỏ ra không bằng lòng. Tôi thì bực bội vì buồn chán. Rốt cuộc, trò hề kết thúc: người ta đã tiễn họ ra tận tàu. Đã đến lúc ông Hồ quay về nước. Cấp trên yêu cầu tôi tiếp tục nhiệm vụ và một lần nữa tôi chấp nhận.

- Bởi vì ông yêu quý người ấy phải không?

- Yêu quý người ấy ư? Tôi không biết liệu mình có yêu quý ông không, đó không phải là kiểu nhân vật mà ta phải yêu hay không. Tôi ngưỡng mộ ông - và một cách hết sức ích kỷ tôi thích cái đặc quyền được có thời gian bên ông, dù tôi không hề quên những gì phải làm.

- Những gì bác phải làm ư?

- Thì đấy, những việc ấy, cậu biết đấy...

- Cháu không biết.

- Chúng tôi lên tàu *Dumont-d'Urville*, một con tàu hộ tống, và ông là người Việt Nam duy nhất giữa một đoàn thủy thủ Pháp cùng những cố vấn Pháp như tôi. Ô, đương nhiên, thật là thân tình và thú vị, thời tiết ôn hòa, buổi tối ông cho chúng tôi những lời khuyên về cuộc sống và đám thủy thủ yêu mến ông đến mức chỉ chút xíu nữa là họ thổ lộ với ông những nỗi đau khổ trong lòng. Khi ông đang mải mê kể những câu chuyện đẹp đẽ về Bác Hồ thì chúng tôi rà soát kỹ lưỡng cabin ông ở. Chúng tôi chụp ảnh tất cả những gì tìm thấy trong túi đựng tài liệu của ông. Tôi đồn rằng ông biết chuyện đó, rằng ông thích chuyện đó và rằng chính ông, theo cách của mình cũng đang tham gia trò chơi này. Tuy nhiên, tôi nhớ có một buổi tối, khi con tàu vừa vào đến biển Đông và chỉ còn hai hay ba ngày nữa là cập bến, ông đến thì khuỷu tay lên thành tàu gần tôi và chúng tôi bắt đầu cuộc chuyện trò, ông Hồ có biệt tài ấy. Tôi hiểu ông ấy từ chân tơ đến kẽ tóc, từ đó, tôi bắt chước những ngón nghề của ông và tôi mua vui cho cả đoàn thủy

thủ bằng cách bắt chước 'làm Bác Hồ' mỗi khi ông quay gót. Nhưng đêm hôm ấy... Tôi không biết vì sao, chỉ đơn giản là tôi muốn tin ông và để mình bị quyến rũ. Suy cho cùng, tôi không phải đối tác mà ông đang thương lượng, tôi chẳng phải là cái được thua trong câu chuyện ấy, chỉ là một trong những kẻ mà ông đã gặp, những kẻ từng chọc gậy vào bánh xe của ông - đúng hơn là những que diêm. Tôi rất muốn nói về bản thân mình và ông cũng chuyển trò một cách thân thiện, chúng tôi đã gọi lại những kỷ niệm ở Luân Đôn nơi mà nhờ vào các báo cáo của Sở Mật thám, tôi biết rằng ông từng làm bếp ở Dorchester. Ông nói cho tôi biết thành phần một loại nước xốt mà tôi chẳng hay, cũng với vẻ nghiêm túc như khi ông kể cho tôi nghe một huyền thoại xa xưa của Việt Nam. Tôi muốn chọc đùa ông một chút và tôi hỏi ông có yêu phụ nữ không. 'Chẳng hơn ông đâu, ông Costes ạ, ông nói với giọng bình thản, nhưng cũng chẳng kém. Vả lại, ông biết chuyện ấy mà.' Tôi không nói dối cậu đâu: ông nháy mắt với tôi. Rồi sau đó ông trở nên tự lự. 'Ông biết là tôi đã ký hiệp ước ấy vào phút cuối... Một hiệp ước kiểu 'modus vivendi'⁽¹⁾, có vẻ thế. - Tôi biết. - Và ông cũng biết rằng đó có thể là bản án tử hình của tôi... - Tại sao? - Đơn giản là vì tôi đã ký vào đó. Nội dung trong đó, cả ông và tôi đều biết rằng chẳng mấy quan trọng. - Thế còn bây giờ, thưa ngài Chủ tịch, chuyện gì sẽ xảy ra?' Ông đợi một lúc lâu, mãi ngẫm các vì sao. 'Chúng ta sắp biết điều đó, ông Costes ạ. Sẽ là một chuyện hay, một kinh nghiệm bổ ích. - Ông sẽ không chết đâu, thưa ngài Chủ tịch. - Không, quả như vậy, tôi không nghĩ là chuyện đó xảy ra ngay lập tức.'

"Sau đó hai ngày, chúng tôi được viên đô đốc D'Argenlieu kỳ cục chờ đón tại vịnh Cam Ranh. Chúng tôi lên chiếc tuần dương hạm *Émile-Bertin*. Với điệu cười tử tế giả tạo, viên đô đốc vội lao về phía Hồ Chí Minh: 'Chào mừng Ngài, thưa ngài Chủ tịch. Ngài thấy đấy, Ngài được đón tiếp rất chu đáo.' Đô đốc khoa trương chỉ cho Hồ Chủ tịch thấy hải đội Pháp, khoảng hai chục chiếc tàu đủ loại kích cỡ: hạm đội vô địch của chúng tôi. Và ông Hồ bé nhỏ, chẳng hề bối rối: 'Tôi nhớ một câu ngạn ngữ của Pháp nói rằng không phải là cái khung làm nên giá trị bức chân dung.' Gã kia mím môi lại và thế là kết thúc.

"Tôi ngược ra Hà Nội. Đất nước này đang dần vuột mất mà chúng tôi chẳng thể làm được gì. Tôi từng hỏi liệu cậu còn nhớ Hải Phòng không. Một câu chuyện đen tối liên quan đến việc khám xét thuyền buôn lậu của người Tàu, thế rồi quay sang đánh nhau. Tôi để cậu tự làm sáng tỏ tại sao lại thế và mọi chuyện diễn ra như thế nào... Trong những khoảnh khắc lịch sử ấy, người ta chỉ còn được dẫn đường bởi những cảm xúc - và cảm xúc với đất nước là một trong số đó, trong đó có viết: Sau đó, tất cả các tác giả đều xuất bản một cuốn sách. 'Duy chỉ có tôi thấy rõ ràng...' Nhưng cũng như những người khác, tôi bị bẫy trong cảm xúc với đất nước của mình, tự nhủ rằng dù sao, nếu dạy cho họ một bài học đích đáng, theo kiểu Leclerc, thì ta đã có thể tiếp tục đàm phán với những điều kiện tốt hơn... Tôi tự nhủ... Ôi, những điều vớ vẩn mà tôi tự nhủ, thật khiến tôi xấu hổ! Trời ơi, tôi phát ốm vì tất cả những kẻ luôn viết lại lịch sử và rồi phân xử, với vốn hiểu biết kẻ cả về quá khứ, đâu là phe tốt đâu là phe xấu...

- Bác vừa nói về chiếc thuyền ấy...

- Quả thật cậu không bỏ qua bất cứ góc ngách nào trong câu chuyện lằng cằng của tôi... Tôi không biết cậu làm thế nào để có thể chịu nổi câu chuyện ấy. Ừ, chiếc thuyền của người Tàu... Bỗng nhiên người ta dồn dập gửi đến lời cảnh báo nghiêm trọng. Nghiêm trọng: hai mươi nghìn người chết, như người ta từng nói, một cuộc chém giết, một cuộc tàn sát! Thế rồi năm tháng trôi qua và con số xuống thành mười nghìn, rồi hơn sáu nghìn - nói riêng nhé, thế cũng kha khá rồi. Cậu phải biết là cách đây vài năm, tôi có gặp thị trưởng Hải Phòng thời ấy. Lúc đó khá muộn rồi và chúng tôi kết thân với nhau bằng rượu cognac. Tôi chuyện trò với ông ấy về lịch sử. Bao nhiêu người? Tôi đã hỏi. Chính xác là bao nhiêu người? Ông ấy nhìn quanh rồi đưa ra lời bình mà cậu chắc hẳn hay nghe ở Việt Nam: 'Chúng ta là những người bạn phải không? Nhiều nhất là năm trăm.' Lịch sử được dựng lên như vậy đấy. Việc cứ phải là con số đó thì quan trọng ở điểm nào chứ, sao không phải là hai mươi nghìn, mười nghìn hay sáu nghìn? Và mọi chuyện có gì là quan trọng đâu nếu lời nói lúc nào cũng xấu xa như vậy...

- Một cuộc tàn sát...

- Thế đấy, chính xác là một cuộc tàn sát. Tại sao chúng ta khiếp sợ khi nghe quân phát xít có

thể đã giết năm triệu người Do Thái - mà không phải là sáu triệu? Tại sao điều đó lại quan trọng?

- Có thể điều đó chẳng quan trọng gì."

Ông nhắm mắt lại và im lặng hồi lâu. Tôi nghĩ là ông thiếp đi.

"Mặc dù không có sự thật bên trong chúng ta, cũng chẳng có sự thật bên ngoài chúng ta, nhưng vẫn có cái gì đó không cất thành lời, một kiểu khát khao, có thể là ngô nghê, có thể là xấu xa, nhưng rất nhân văn, có nghĩa là chúng ta cần những số liệu thật ngay cả khi chúng ta không bao giờ đạt được. Tôi hoàn toàn không muốn giấu cọt dấu.

- Tuy vậy, chuyện đó thật sự chẳng quan trọng gì...

- Cậu nói đúng - nào, chuyện này đến đây là đủ rồi. Vậy thì điều quan trọng là cả hai bên đều gặp nhau ở điểm muốn có chiến tranh, rằng chiến tranh dường như và là điều duy nhất cần thiết và hợp lý. Thời gian ấy tôi có mặt ở Hà Nội và tôi cảm nhận được bầu không khí: chương ngại vật dựng lên trên đường phố, tôi từng nghe tin đồn rằng trong khu phố cổ họ phá tan hoang các ngôi nhà, dỡ đục tường để cho mỗi con phố đều trở thành một mê cung, một đường hầm mà các đoàn quân Tự vệ của họ có thể chui qua khi cần. Họ tiến hành công việc chuẩn bị và chúng tôi biết điều đó, dù chúng tôi không biết khi nào thì mọi việc sẽ nổ ra. Ngay cả Sainteny khôn ngoan cũng có gương mặt ảm đạm, thiếu cởi mở, và điều gì cũng có thể khiến anh ta nổi đóa - hay gần như vậy. Có một cỗ xe đang khởi hành và cần phải đi đến đó, phần lớn người Pháp đều hưng phấn, một số ít thì rầu lòng. Nhưng hẳn cậu cũng sẽ chẳng gặp được ai lại không cho rằng đó là điều không thể tránh khỏi.

"Lúc đó đang là những ngày đầu tháng Mười hai...

- Vẫn là năm 1946 sao?

- Ồ, tôi yên tâm khi thấy rằng nhà sử học trẻ tuổi của mình vẫn luôn chăm chú theo dõi. Đúng, năm 1946. Đô đốc D'Argenlieu ở Paris để bảo toàn vị trí và thế lực của mình, còn tôi hỏi Sainteny liệu anh ta có cho phép tôi về Pháp không. Tôi không bắt buộc phải hỏi ý kiến anh ta: thực ra nhiệm vụ của tôi đã kết thúc nhưng tôi cảm thấy không có quyền ra đi mà không nói với anh ta. Sainteny nói với vẻ trầm tư: 'Costes, tôi có thể nói với anh theo kiểu Leclerc rằng ta không có quyền rời khỏi con thuyền đáng thương của chúng ta vào giờ phút này. Nhưng tôi không muốn thế và tôi gần như tiếc là không thể đi theo anh. Chung quy lại, việc một số người trong chúng ta không bị cuốn vào cơn lốc đau khổ sắp xảy ra có lẽ là một việc đáng mong muốn. Khi đam mê mất đi - bởi đam mê mất đi là điều không thể tránh khỏi - cần phải hy vọng rằng chính họ là những người mà ta sẽ lắng nghe, ở cả hai phía, và cũng hy vọng rằng điều đó là chưa quá muộn.' Tôi run lên bởi vì anh ta không phải là người nói nhiều và mỗi lời của anh ta đều mang một sức nặng. Điều khôi hài nhất, khi tôi hồi tưởng, đó là anh ta hoàn toàn sai, trên mọi phương diện: khi đam mê mất đi thì mọi điều tồi tệ đã xảy ra rồi, người chết, cảnh tượng hoang tàn, trong khi người sống sót thì mãi khắc sâu đau khổ trong tâm."

Ông dừng lại một lát, chậm chạp giơ hai bàn tay lên rồi xoay chúng như thể ông là người thợ gốm đang làm việc, trừ phi ông đang thực hiện những động tác trong một vở kịch câm để diễn tả mối xúc cảm mà ông không thể thốt thành lời. Sau đó hai bàn tay lại đặt lên ngực và ông tiếp tục kể chuyện.

"Tôi tiếc là mình đã không có mặt ở đó vào ngày 19 tháng Mười hai năm 1946 - cậu xem, tôi không ngừng tiến bộ đấy nhé: năm 1946! - khi mọi chuyện đã bắt đầu. Sainteny bị thương chính vào ngày hôm ấy, người ta nói anh ta chết nhưng may thay thông tin đó không đúng.

"Tôi lao về Paris và Katia cũng ở đó để theo dõi và viết bài về khủng hoảng chính trị liên tiếp sau cuộc nổi dậy tại Hà Nội. Lần đầu tiên có sự khó xử giữa chúng tôi, vì những gì đã xảy ra vài tháng trước đó... Tôi không nhớ đã kể cho cậu nghe chưa...

- Ông chưa kể cho cháu, nhưng ông có viết trong tập giấy...

- Thật tiếc cho tôi. Chúng tôi đã trải qua khá nhiều thời gian bên nhau, xoay xở để không nhắc đến tên bố cậu. Cuối cùng tôi đã không giữ được và tôi nói với cô ấy rằng tôi biết, rằng với tôi chuyện đó không thay đổi được gì hết và rằng cô ấy là bạn gái của tôi. Tôi cho là cô ấy cảm thấy nhẹ người. Cô ấy nói với tôi là rất yêu người ấy, nhưng cô ấy thấy quan hệ của họ không có tương lai - cô ấy đã viết thư nhưng người ấy không hồi âm. Tôi cố không nói xấu gì bố cậu. Dù sao cô ấy cũng không ở Paris lâu.

“Tôi ở trong tâm trạng gì đó mà rất cuồng nhiệt, tự coi mình là De Gaulle năm 1935, chạy vạy hết từ bộ này đến bộ khác, khuấy động mọi mối quan hệ mà tôi có thể thiết lập được nhằm thuyết phục rằng một thảm họa đang diễn ra và cần phải can thiệp. Người duy nhất kiên định trong mớ bòng bong này lại một lần nữa là cha Blum⁽²⁾. Ngài đã đăng trên tờ *Bình dân* một bài báo rõ ràng là ủng hộ độc lập.

- Thế còn những người cộng sản thì sao? Cháu nghĩ rằng họ chống chủ nghĩa thực dân chứ ạ?

- Những người cộng sản á? Đừng làm tôi bật cười với những người cộng sản! Thorez gửi điện tín cho D'Argenlieu: ‘Nếu ông cần phải đánh, thì cứ làm đi, thưa ngài ủy viên, và hãy ra tay mạnh vào!’

“Blum và tôi là một câu chuyện dài: chính tôi là người đi đón ngài tại nhà ga phía Bắc vào ngày 11 tháng Sáu năm 1940. Ngài từ Anh trở về trong khi tất cả những người khác ra đi. Ngài không tin vào mắt mình, ngài vịn vịn ria mép tứ phía và nói với tôi: ‘Nhưng tôi vừa nói với Churchill rằng chúng tôi vẫn trụ vững. Thế mà tất cả bọn họ lại ra đi.’ Ngài không phán xét họ, ngài quá hiểu về con người nên không làm những việc như vậy. Cả hai chúng tôi có mặt ở trụ sở Quốc hội và cùng bước vào đài bán nguyệt. Dĩ nhiên không có ai khác ngoại trừ lính tuần tra, họ nhận ra ngài và để chúng tôi đi qua. Tôi lưu giữ chút khâm phục và lòng tôn trọng gần như mang tính tôn giáo đối với thể chế. Còn ngài giữ im lặng trước những hàng ghế dài trống vắng, trước những sọc đỏ, sọc vàng của nước Pháp. Tôi hình dung ngài nghe thấy tiếng vọng từ những ngày sóng gió khi ngài đứng đầu Mặt trận Bình dân - những ngày tươi đẹp tràn trề hy vọng, những ngày ảo tưởng buồn bã tập thể, những ngày bác ái và hận thù quá mức. Xavier Vallat: ‘Việc ngài nắm quyền, thưa ngài chủ tịch Hội đồng, hiển nhiên là một ngày lịch sử. Lần đầu tiên, xứ Gaule La Mã sẽ do một người Do Thái nắm quyền.’ Theo Vallat, Blum là người tinh tế thông thạo kinh Talmud, theo Thorez ngài là tên côm mặt thám, kẻ bị buộc tội vì mọi chuyện bắt đầu từ tội phản bội. Bị chùng ấy những tên khốn ghét thì người ta không thể nhằm hết được. Tôi có một người rất cừ bên mình và tôi thấy vui sướng.

“Chiến tranh xảy ra, ngài sống sót sau vụ buộc tội dè hèn khiến ngài bị giam giữ tại Buchenwald, và bất chấp tuổi cao, bất chấp mọi thử thách hay sức khỏe đã yếu, ngài vẫn tham gia đôi chút vào tình trạng hỗn loạn chính trị thời hậu chiến ấy, khi mà ngài chính là lựa chọn duy nhất cho chức chủ tịch Hội đồng. Tôi nhớ lại chuyến thăm ma mị đến tòa Quốc hội, và tôi đã cố mọi cách để gặp được ngài. Tôi đã phải xoay xở hết sức khéo léo, cậu hiểu không, để không mất lòng tin của cấp trên... Và thời gian cứ trôi đi: tôi chỉ có thể có riêng mười phút với ngài sau khi bỏ phiếu nhất trí thông qua ngân sách quân sự cho Đông Dương. Toàn thể nhất trí! Ngài kiên nhẫn nghe tôi nói, ngài có ánh mắt tinh anh biết mấy! Rồi ngài e dè nói với tôi: ‘Đừng hối tiếc, thưa ông, vì đã không gặp tôi sớm hơn. Dù có gặp trước thì cũng là quá muộn rồi. Không ai trong số chúng ta được quyền lựa chọn. Sự nhất trí tuyệt đối là một điều khủng khiếp. Tôi không thể làm khác được.’ Và thế là trên vỉa hè cung điện Bourbon, với khung cảnh đẹp dễ khi phóng tầm mắt về quảng trường Concorde⁽³⁾ có cái tên chẳng phù hợp chút nào, tôi đã thấy người đàn ông đó khóc. Một anh lính gác trung hậu quan sát chúng tôi mà chẳng hiểu gì, không biết rằng dưới bộ ria bạc của ông già mặc áo choàng đen đó, có đờm dãi và những lời chửi rủa, có Riom và Buchenwald - bốn mươi năm lịch sử nước Pháp, từ vụ Dreyfus cho đến ngày Giải phóng. Và chính người đàn ông đó - người vô cùng đáng kính, rồi bỏ mọi tham vọng cá nhân - đã phát động một cuộc chiến mà ngài biết sẽ thất bại và cho là không công bằng.

“Thực sự chính lúc đó tôi đã nghĩ rằng đất nước của tôi thế là hết - ở đó, trên vỉa hè, vào tháng Mười hai năm 1946, với ông già ấy, người đã nhỏ ba giọt lệ, có thể chỉ đơn giản là vì ông ấy quá già nên không kiểm soát được tuyến lệ của mình. Đúng, tôi đã nghĩ rằng hàng chục thế

kỷ của một nền lịch sử không đến nỗi tồi tệ đang kết thúc... Đó là một đặc quyền mà có lẽ tôi chẳng cần. Tôi theo chủ nghĩa De Gaulle vì cần như vậy - chính bản thân Blum đã ủng hộ tướng De Gaulle vào những giờ khắc đen tối nhất - nhưng trong lòng, tôi không yêu con người chẳng hề yêu nhân loại ấy mà yêu 'một tư tưởng' nào đó, sau này ông viết như vậy. Bao nhiêu người chết, hàng nghìn, hàng triệu, dưới danh nghĩa của 'những tư tưởng nào đó'? Ôi bây giờ cậu sục sôi lên, anh bạn trẻ trung thực của tôi tin vào những từ như dân chủ và tiến bộ, và tôi muốn thừa nhận với cậu rằng còn có những tư tưởng tệ hơn nữa. Tôi sẽ không cho cậu cái quả 'tổng tất cả vào một rọ', bởi lẽ tôi có chỗ trong chiếc rọ ấy. Nhưng vào giờ khắc mà chúng tôi khám phá ra quy mô rộng lớn của chủ nghĩa quốc xã, trước khi chúng tôi vật lộn với quy mô rộng lớn của chủ nghĩa cộng sản, thì bỗng nhiên dưới danh nghĩa tư tưởng của người tài giỏi nhất trong số chúng tôi, người đã giữ danh dự trong những năm tháng không có danh dự, chúng tôi đã tàn sát tại Sétif, tàn sát tại Hải Phòng và định thả rơi những người Madagascar để kiểm tra xem liệu khi bị ném ra khỏi một chiếc phi cơ đang bay thì họ có nặng hơn không khí hay không... Cậu tưởng tôi nhầm lẫn về ngày tháng hả? De Gaulle đã rời bỏ quyền lực sớm hơn gần một năm, phải không? Thế thì tại sao lại đổ lên đầu ông ấy cái vụ này? Bởi chính ông là người đã khởi động cỗ máy, chính ông là người nhân danh chống lại chính phủ Vichy, đề xuất quay lại thời kỳ tốt đẹp 'như trước'. Như trước ư? Thế thì, đó là thời kỳ Đế chế, trong biên giới và sức mạnh của nó. Nước Pháp có phải là như vậy không? Với những gì tôi chứng kiến ở Đông Dương thì tôi không thể nói rằng nước Pháp lịch lãm và vẻ vang. Nhưng nhân danh biết bao người chết, biết bao tù khổ sai, biết bao thuế má bất công... Những người mà chúng tôi có tham vọng đô hộ đọc cho chúng tôi nghe bản Tuyên ngôn về Nhân quyền và trích đọc tác phẩm của Victor Hugo, Baudelaire và Anatole France. Chúng ta tự hào là nước châu Âu đầu tiên bãi bỏ chế độ nô lệ (rồi nhanh chóng thành nước đầu tiên tái lập chế độ đó...). Liệu có phải chúng ta không thể dừng lại ở đó và, nếu như họ phải xâu xé lẫn nhau, thì cứ để họ đánh nhau như những người Anh đã làm tại Ấn Độ? Đạo đức giả, quả vậy, có thể, nhưng khi đạo đức tính bằng những xác chết thì tôi thích đạo đức giả hơn, thậm chí tôi còn chuộng đạo đức giả nữa. Người mà tôi ngưỡng mộ, đó là Blum, với sự yếu đuối và lòng dũng cảm của ngài, nhân tính của ngài không lùi bước trước bất cứ điều gì, ngoại trừ có thể là tuổi già, và tôi sẵn sàng chịu đựng món nước canh chủ nghĩa Jaurès-Mác xít khó tiêu của ngài bởi ít ra đó cũng là con người. Tôi nghe thấy những kẻ đạo to búa lớn: 'Một chính khách mà như thế à!' Vậy một Mitterrand, một Chirac thì là cái gì? Phùù. Thế còn Roosevelt, và Mandela? Havel? Những con người, anh bạn thân mến ạ, những con người giữa những con người, không gì khác ngoài những con người.

"Trên vỉa hè ấy, dưới cơn mưa dai dẳng không ngớt ấy, lần đầu tiên tôi phải thú nhận rằng người anh hùng của tôi đã thất bại, rằng 'tư tưởng nào đó' của tôi trôi đi theo rãnh nước, với tất cả máu thịt đã đổ ra vì nó. Sau một hồi mà với tôi dường như rất lâu, Blum ngẩng đầu lên. Ngài đã quên rằng tôi đứng đó nhưng ngài không hổ thẹn, bởi lẽ nếu người ta có thể khóc như một kẻ hèn nhát thì người ta cũng có thể khóc như một con người. Ngài mỉm cười với tôi. 'Cần phải tiếp tục, ngài nói. Nào.' Ngài bắt tay tôi rồi quay lưng rồi bước: một tháng sau ngài từ bỏ quyền lực. Tôi không bao giờ gặp lại ngài nữa."

Sự hăng hái đã gần như nhắc ông lên khỏi chiếc ghế dài và đôi khi, đôi bàn tay biến dạng của ông vung ra đằng trước như để bóp nghẹt, vuốt ve, đánh đập. Cả tôi cũng đau buồn vì câu chuyện của đất nước chúng tôi như người ta đau đớn vì một căn bệnh vô phương cứu chữa; cả tôi hẳn cũng muốn chữa khỏi hoàn toàn "cảm xúc dân tộc" trong mình nhưng tôi không thể. Đằng sau truyền thuyết về vang và đáng thương của những người chiến thắng, tôi thích câu chuyện của những kẻ chiến bại hơn, những đứa trẻ bị chết bởi phát đạn xuyên thủng thái dương bên phải, mặt hướng lên mảnh trời quá rộng phía trên một mảnh đất màu mỡ. Ấy thế mà - tôi có thể bắt đầu biết được điều này - lại một lần nữa, đó là hai mặt của tấm huân chương.

Costes lấy hơi một chút, mệt nhoài vì nói không ngừng.

"Cậu lại đây," ông nói.

Tôi kéo ghế sát gần ông nhưng vẫn chưa đủ, vì vậy tôi chuyển sang ngồi xuống đất trong tư thế gần như quỳ mà tôi chẳng hề thấy gò bó. Ông đặt tay lên đầu tôi và để như vậy mấy giây

trước khi chạm vào cái trán nóng bỏng của tôi. Xung quanh tôi, căn phòng khách nhỏ của một gia đình tư sản, không có ảnh cũng không lộn xộn, không có sách cũng không có giấy tờ bừa bãi. Tôi bình tĩnh lại.

“Tôi chưa bao giờ quên tất cả những chuyện đó. Những chuyện đó đã không ngăn cản tôi sống, lấy vợ, làm bộ trưởng - à, đúng hơn là làm quốc vụ khanh - đón nhận các vinh dự, có bạn bè và đôi khi làm những gì mình cho là tốt. Nhưng từ sâu thẳm trong lòng, tôi biết điều đó, tôi chưa bao giờ chỉ làm những gì Blum đã nói, trên cái vĩa hè ướt sũng nước mưa ấy: tôi đã tiếp tục... Tất cả chúng tôi đều đã tiếp tục... Tôi không dám chắc rằng đa số làm được tốt hơn thế nhiều, dù tôi biết rõ rằng, hết thế hệ này sang thế hệ khác, một số người khẳng định đã làm được một việc gì khác, người ta gọi đó là hy vọng.

- Chuyện không tệ đến thế đâu.

- Chuyện không đi xa được, hãy tin tôi. Đó là một phương thuốc khi người ta gọi ‘Thưa ngài Bộ trưởng’, ‘thưa ngài Chủ tịch’ (ta luôn từng là chủ tịch của một cái gì đó và khi rời bỏ hay bị hắt ra thì ta trở thành chủ tịch danh dự) hay khi tôi nhận được huy chương hay sổ cân pho mát bằng trọng lượng cơ thể tôi. Đôi khi, tôi trở nên rất lạnh lẽ: tôi hình dung rằng cuộc đời của mình là một thất bại hoàn toàn và tôi thử đặt mình vào vị trí của người khác - ‘tại sao không phải là Carraz?’ có lúc tôi nghĩ như vậy. Ừ, tại sao không nhỉ?

- Cháu đã gọi điện cho bác ấy. Cháu cố thử nói chuyện với bác ấy. Bác ấy đã từ chối.

- Tôi biết.

- Bác ấy nói với ông như thế ạ?

- Tôi biết những chuyện đó. Hãy thử tiếp đi. Tôi chỉ gặp bố cậu thôi, tôi chưa bao giờ thực sự gần gũi với bố cậu. Nhưng Carraz thực sự là bạn ông ấy, có thể là người bạn duy nhất. Nếu như đây không phải là một từ khó nói giữa những người đàn ông thì ta có thể nói rằng Carraz yêu ông ta. Còn tôi, người mà tôi yêu là cô ấy cơ.

- Cô ấy. Ông muốn nói là mẹ cháu chứ gì.

- Đúng, mẹ cậu. Hãy tha thứ cho tôi nếu như đối với tôi cô ấy vẫn luôn chỉ là ‘Katia’. Và hãy tha thứ cho tôi vì tôi vẫn tiếp tục yêu Katia ngay cả khi ông ấy gần như hủy hoại cô ấy đến mức cô ấy, người trước đây từng sống sót trước mọi chuyện, đã suýt nữa không gượng dậy được.

- Lúc ấy ông có ở đó chứ?”

Tôi thấy ông có vẻ ngượng ngịu, và khi đặt những câu hỏi, tôi cũng cảm thấy gương gao. Chừng nào câu chuyện còn chưa liên quan trực tiếp đến tôi thì chừng đó nó vẫn có thể tiếp tục. Nhưng ngay khi can hệ đến cuộc đời riêng của tôi thì đó lại là chuyện khác. Tôi nhận thấy sự ngập ngừng của Costes và của chính tôi, tôi định dứt khoát đứng dậy nói với ông rằng thế là hết.

“Tôi không biết, ông nói.

- Ý ông là gì?

- Tôi không có mặt ở đó. Nhưng trước đó cô ấy đã nói với tôi... Và khi tôi hiểu ra thì đã quá muộn, cô ấy đã đi xa, và sự tàn bạo trớ trêu của cuộc đời đã chia lìa tôi khỏi cô ấy cùng vào lúc Katia chia tay ông ấy. Thế đấy.

- Thế còn bố cháu, sau đó ông có gặp lại không?

- Có, thỉnh thoảng ông ấy đến thăm tôi khi có việc qua Paris, đôi khi rất khốn khổ, chưa bao giờ sung túc cả. Tôi cho ông ấy tiền và lắng nghe ông ấy nói về những dự tính của mình và thuyết phục tôi tin rằng mọi chuyện đều tốt đẹp. Khách sạn ở Thái Lan, *resort* tại Saint-Martin... Thậm chí ông ấy có cả những dự định ở Việt Nam, ông ấy có nói về một hòn đảo...

- Hòn đảo tên là gì?

- Ông ấy chưa bao giờ nói với tôi - tôi không chắc ông ấy đã nói tên hòn đảo đó với bất kỳ ai chưa và thậm chí tôi cũng không chắc hòn đảo có tồn tại...

- Thế còn sau đó?

- Tôi hoàn toàn mất liên lạc với ông ấy vào cuối những năm 1970. Tôi nghe nói ông ấy nhận quản lý những bungalow tồi tàn tại Guadeloupe, nhưng tôi không chắc điều đó và, thực lòng mà nói, tôi không muốn biết cho lắm.

- Tại sao?

- Chuyện đó lẽ ra có thể là thật."

Tôi đánh mắt nhìn sang hướng khác.

"Tất cả những cái đó thuộc về cậu, André ạ, ông nhấn mạnh. Nó nằm trong xương thịt cậu, thấm vào cái chất chảy trong cơ thể cậu. Cậu chẳng thể làm gì được. Cậu ở cùng với tôi trên cái vỉa hè đó: cậu không có lựa chọn nào khác ngoài việc tiếp tục với nó. Hãy tin tôi đi."

Ông bắt đầu ho. Ông lấy ngón tay đưa nghịch với con rùa mà tôi đã tặng.

"Trường thọ, ông thì thầm... và chính cậu đã nói với tôi về trò gian lận..."

Nhưng những ngón tay của ông tiếp tục ve vuốt không mệt mỏi trên các vảy rùa.

Buổi tối, tôi quay lại căn hộ bụi bặm của chúng tôi. Số 50 đại lộ Simon-Bolivar (*libertador*⁽⁴⁾): trước đây là địa chỉ của ông nội tôi rồi trở thành địa chỉ của bố tôi, và cuối cùng là của tôi.

Căn hộ bề bộn những hồ sơ đã phai màu, những quyển vở xổ chỉ và bong giấy, nơi một bàn tay niên thiếu từng thử viết những câu chuyện cổ tích Aztec hay tiểu thuyết về biển. Người ta thấy hàng chõng ngật ngưỡng xếp đến tận phía sau cửa bếp. Các bộ sưu tập *Tuần lễ Đông Dương* đặt cạnh cuốn *Tư bản* luận giải, các bảng điểm ở trường tiểu học đặt cạnh những tổng phổ viết vội và những bảng sao kê ngân hàng những năm 1960. Phía trên các cánh cửa có biển gỗ mạ vàng đang mủn ra. Cây dương cầm lỗi điệu từ nửa thế kỷ nay và hơn một nửa số phím đàn chỉ phát ra thứ âm thanh nghệt tiếng. Tường phủ nhung màu xanh, giữa hai bức tranh khung cảnh Venise còn lại những chiếc đinh bật đầu và những khoanh tròn còn nhọt nhọt hơn nữa, là nơi trước đây để đồ sứ Trung Quốc và việc bán đi lần lượt từng đồ một đã giúp bố tôi sống sót khi ông từ châu Á trở về không một xu dính túi. Thật khó tin rằng trong những hình tròn trống rỗng đó xưa kia có một thân hình mảnh dẻ và xa xôi của một ngư dân cô đơn hay một hàng các cô thôn nữ với những bông mẩu đơn cài trên tóc đang nhảy múa.

Tôi lục lọi trong các ngăn tủ, nhưng vì phấn khích quá nên chẳng tìm thấy gì. Tôi mở những cánh tủ đóng im ỉm hàng năm nay, bàn tay nhọ đen khi sờ lên các hồ sơ, tôi làm cho những tờ giấy bay lên, tôi tóm lấy hoặc tôi vứt những bức ảnh xuống tận gầm cây dương cầm. Khi một đồ vật từ giá sách rơi xuống thì các ngón tay tôi cũng dính đầy bụi bặm màu ghi của quá khứ. Với phương pháp ấy, tôi chẳng có cơ may thu thập được thứ gì tốt hơn những mẩu giấy không thể sắp xếp lại cho ngăn nắp được.

Trong màn đêm, cảm giác thôi thúc như khi ở Hà Nội lại choán lấy tôi, một ham muốn gần như không thể chịu đựng nổi là được ôm con trai tôi vào lòng, hôn nó đến nghệt thở và học từ nó tất cả sự khôn khéo của Kangourou Jack⁽⁵⁾, cùng nó vừa bắt chước tất cả các động tác của Jackie Chan vừa kêu "lêu lêu". Một lần nữa tôi lại cố ham muốn, ham muốn vô cùng mạnh mẽ và như trong mơ, được đi tìm nó trong căn phòng ngủ nơi nó không còn ở đó nữa, và vừa áp mình vào nó vừa gọi tên thân mật của nó.

Tôi viết "Sébastien" lên một mẩu giấy, viết hàng dòng, đầy cả trang.

Tôi biết Marie ở đâu bởi trong những ngày đầu khi cô ấy ra đi tôi đã nhìn thấy địa chỉ mới của cô ấy ở mặt sau một chiếc phong bì mà tôi không bóc.

Buổi sáng, vào giờ mở cửa của các quán cà phê đầy những kẻ bất hạnh, tôi đi vào thành phố lạnh lẽo để chờ con trai. Tôi đứng rét cóng ngay trước cổng trường mang cái tên Jemmapes đẹp đẽ - lại một chiến thắng, tất cả những cái tên chiến thắng vây quanh chúng ta để làm trôi đi nỗi cay đắng của những thất bại - ở phía bên kia kênh Saint-Martin. Tôi chăm chăm nhìn vào nơi mà con trai tôi phải tới, nhưng mỗi phút trôi qua lòng tin trong tôi lại dần mất đi. Khoảng tám rưỡi, vỉa hè tràn đầy cái đám đông ồn ào, hồ hởi toàn trẻ con được bố hoặc mẹ dắt tay, khi đó sự khốn khổ trong tôi dâng lên cực điểm. Hẳn là con trai tôi đang ở đâu đó giữa cái đám đông ấy, chia cắt với tôi bởi chiếc cầu nhỏ bắc trên con kênh, nơi mà ta chỉ cần bước là qua, con kênh ấy giờ đây thật sạch sẽ, người ta đã dọn đi mọi thứ cần dọn như những tấm đệm mục nát và những chiếc xe đạp gắn máy mất khung.

Tôi bỏ đi.

Dọc theo bờ kênh, những gì còn lại của một tiệm đồ cũ hiện ra chậm chậm và người ta có thể thu thập được chẳng mấy mảnh đời của những người khác. Một chút kiên trì trong thất bại và người ta có thể là phát minh của chính mình, đầu chất đầy những ký ức khác nhau, căn hộ đầy những đồ vật có lịch sử bí hiểm, gợi nhớ những kỷ niệm của gia đình.

Tôi quay trở lại phố Faubourg-du-Temple. Trên quảng trường có một vòng quay vừa được mở ra chẳng để cho ai cả. Tôi một mình đi hết vòng này đến vòng khác trong một chiếc máy bay lên thẳng và nhìn nước Pháp vinh quang từ trên trời.

Khi đã dùng hết vé, tôi đi gặp Carraz, ông lính già từng không muốn kể với tôi về tất cả những điều đó.

PHẦN III Ở NƠI ĐÓ

1.

Mỗi khi năm mới đến, Carraz lại lấy một mảnh thủy tinh khía lên trên ngón trỏ rồi ấn thấu xương, mắt vẫn mở trong khi máu chảy. Lúc đó y chỉ hít thở và, hiển xong phần da thịt của mình, y chấp nhận triển vọng sống thêm một mùa nữa.

Các vết sẹo ửng lên, nhòe đi: tất cả năm vết. Làm gì có sự bất tận: có lẽ một nửa lòng bàn tay sẽ không bị rách vì trước đó thì y đã chết rồi. Y hồi tưởng những khuôn mặt, những địa danh: khu tháp Chăm phía trên Nha Trang, khu rừng gần Đà Lạt; nhưng đối với y, chẳng có gì gọi nhớ được thời gian đã qua như khi lướt bờ môi khô khốc lên làn da bị rách những vết song song. Dấu vết năm 1950 - dấu vết cuối cùng - sâu sắc hơn tất cả.

Trước đó y đi qua Kon Tum, nhưng chưa từng có cảm tưởng rằng mình sắp được giải ngũ. Chỉ huy một cứ điểm trên núi, cũng là để giữ cấp bậc trung sĩ, gần giống với những gì y có thể mừng tưởng từ ảo ảnh trở thành chúa tể trong rừng già xưa kia, trước khi bị núi rừng nuốt chửng. Chẳng phải đã có một triều đại Anh quốc trị vì như vậy trên một hòn đảo ở Thái Bình Dương hay sao? Rạng sáng, vài giờ trước khi khởi hành, y đi dạo trong thành phố-rừng ấy, nơi mà chỗ nào dường như cũng bị thiên nhiên nuốt chửng. Trong ngôi nhà thờ sơn những màu sắc tươi sáng, y mài miết một mình trên chiếc ghế dài trong cảnh cô đơn mà hẳn là y sẽ ngạc nhiên khi biết rằng người ta có thể gọi đó là cầu nguyện. Sau đó y đi ra, ngang qua trước các nhà rông, đi lạc vào khu chợ, say sưa với những mùi vị, ngang qua một cái sân chơi nơi những cụ già chân trần chơi bị a dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn dầu. Mỗi cảm giác đều sâu sắc và lưu lại trong y bởi lẽ, bất chấp nỗi tuyệt vọng bản năng, y vẫn trao gửi cho ngày hôm đó một dạng hy vọng và y nói lời vĩnh biệt thế giới với nụ cười gần như hiền hậu trên khuôn mặt râu ria bị cạo bằng dao cùn.

Có một đoạn đường nơi chiếc xe Jeep khiến y lắc lư một cách kinh khủng, rồi một đoạn đường mòn dẫn lên sườn núi, càng đi càng hướng lên trời cao, xé toang chiếc áo choàng đen của cây cối mà màn đêm vá lại sau lưng họ. Nhiều lần họ bị lạc và tay dẫn đường người miền núi xuống khỏi ô tô để tìm những điểm mốc. Khoảnh khắc hứng khởi của Carraz tụt lại phía sau và y sốt ruột, lúc lắc những con xúc xắc trong túi áo. Trong cái nóng ngột ngạt, có đông, các lỗ nhỏ trên những khối lập phương bằng ngà là tất cả những gì níu y lại với sự thân quen mà chỉ vài giờ trước đây y hấp tấp giải phóng mình khỏi đó.

Y nghĩ rằng chỉ những ai chưa tham chiến thì mới có thể còn tin vào điều ấy. Tin tưởng vào điều ấy là một khoảnh khắc, có thể lúc đầu, khi người ta thoát khỏi những góc sâu ngột ngạt của con tàu, thoát khỏi làn nước mặn dính nhót đầu hỏa, và khi người ta phát hiện ra một đứa trẻ đang bơi giữa đám rễ nổi của những cây đước vừa té nước vừa hò hét không chút sợ hãi. Và thế rồi tiếp đó là chiến tranh, chỉ cần tham chiến, hết ngày này qua tháng khác, thậm chí người ta có thể hình dung rằng (và ở khía cạnh nào đó thì chuyện này khiến người ta yên tâm) chẳng có gì khác trên thế giới này ngoài chính chiến tranh, rằng tất cả những gì còn lại chỉ là ảo ảnh. Carraz không phải là vô nhân đạo (lại một tính từ ngu xuẩn, gần như không thể sử dụng được); chỉ có điều, thực tế chiến tranh đã thấm sâu vào từng thớ thịt của y, xâm nhập y, chiếm hữu y.

“Trưởng đồn” không phải là một chức vụ, dù sao cũng không có trong hàm cấp quân đội Pháp. Mặc cho những lời khuyên bảo của bạn bè, nét thi vị toát ra đã ngay lập tức lôi cuốn y - và cả sự cô đơn thường trực tất phải có. Nếu như chiến tranh làm y kiệt sức, thì đó là vì y giao du liên tục với những kẻ khác, dĩ nhiên vì những trò bậy bạ của họ, nhưng cũng vì những lời tếu tào và tiếng tăm của họ, vì kiểu vừa ăn vừa há mồm của họ, kiểu dùng lưỡi tộp tộp đồ ăn của họ giữa lúc tác chiến, cách nói năng tục tĩu của họ mỗi khi có vấn đề gì đó như “đi nặng”, rầm

rít, ợ hơi và cáu bần. “Trường đồn”, chức vụ này vượt khỏi tất cả những điều đó, dù là ở bất kỳ đâu (tuy nhiên cần phải nhận ra rằng ở bất kỳ đâu đó là rất xa xôi hẻo lánh, và hoang dã nữa!), giữa hai mảnh ruộng lúa nhỏ xíu nơi châu thổ sông Hồng quá đông dân, trong những cánh đồng uốn cong nơi rải rác đây đó những nấm mộ có bia dựng bằng đá lở, khắc một thông điệp khó mà đọc nổi nào đấy, hoặc ở phía trên kia nữa, trên những dãy núi đá vôi, dọc theo đường 4, trên những mỏm núi không thể đánh chiếm. Đối với y có lẽ là ở đây, trên tuyến đường 14.

Carraz bị lắc mạnh trong chiếc xe Jeep Liên Xô đang chậm chạp tiến lên trên con đường mòn đầy đá dăm sắc nhọn. Thêm vào đó là chứng tiêu chảy khiến y đau quặn bụng và cứ đeo bám y dai dẳng. Y đòi dừng lại cả chục lần: lúc đầu y tìm một chỗ hǎn hơi để giải quyết; thế rồi có màn đêm trợ giúp và vì mệt mỏi, y ngồi xổm ngay trên cái hõm nào đầu tiên bắt gặp, run bần bật trên đôi chân lực lưỡng, ghét sự thù địch thâm hại của cơ thể to béo, thường ngày vốn khỏe mạnh.

Họ ăn hết khẩu phần lương thực rồi lại đi lên cao hơn nữa trong đêm tối, đôi khi dừng lại để kéo chiếc xe Jeep ra khỏi quãng đường mòn đầy bùn khô. Gã tài xế có vẻ chậm hiểu lại còn cứ gà gà gật gật, nếu không bị ốm thì y đã giành lấy vô lăng rồi. Gã kia có kiểu lái khiến bạn nhao bật người lên trước mỗi mô đất và nằm lẩn quay trước mỗi ổ gà khiến bạn muốn gào lên chửi bới, như thể gã cố tình, thậm chí tệ hơn là đêch quan tâm. Bảo - người dẫn đường - nín thinh, với điệu thuốc lá đã tắt trên môi, ba lô nhỏ, khuôn mặt xương xương buồn buồn.

Đến giữa một nơi chẳng thuộc về đâu, gã tài xế dừng khựng xe bên lề con đường mòn. Trời mưa như trút nước, ánh đèn pha chỉ còn chiếu sáng những làn nước trút hết đợt này đến đợt khác xuống kính chắn gió và tới tấp bắn vào thùng xe.

“Chuyện gì thế này?” Carraz hỏi, bực mình vì thấy giọng mình có vẻ than vãn.

Bảo và tài xế trao đổi mấy lời.

“Ông ấy bảo ông ấy đói bụng rồi, Bảo nói. Ông ấy bảo ông ấy đã lái xe suốt năm tiếng và ông ấy cũng là người.”

Carraz hít một hơi thật sâu, thấy cơn giận dữ quen thuộc bốc lên.

“Cho nó năm phút, y nói nhẹ nhàng nhất có thể, còn nếu quá một phút thì tuy trông tao có vẻ yếu đuối nhưng tao sẽ đâm vỡ mõm nó ra để lần sau mà kêu đói nữa thì không còn mõm mà ăn đâu.”

Bảo không nói gì.

“Mày không dịch à?”

- Ông ấy không cần quá năm phút đâu,” cậu dẫn đường bình thản đáp.

Khi đã tiếp tục lên đường, Carraz muốn lấy tấm bản đồ để xem lại chỉ dẫn ngôi nhà trong rừng nơi đơn vị y đóng quân nhưng y chẳng còn sức đâu nữa. Hai mắt cá chân ngứa, y gãi và thu về hai bàn tay đầy máu: những con vắt phiền phức mà y từng gặp cả trăm lần ở vùng Đồng Tháp Mười thật không thể chịu đựng được. “Mẹ nhà nó! y hét lên. Mẹ nhà nó chứ!” Gã tài xế không hề nhúc nhích còn Bảo ngoái lại liếc nhanh một cái. Chiếc xe nẩy lên vài cái rồi dừng hǎn, bật lên bởi hai cú xóc cuối cùng.

Sau cơn bùng nổ, Carraz cảm thấy bình tâm, thờ ơ với tất cả.

“Chuyện gì xảy ra thế? y hỏi với giọng vô cảm.

- Xe bị hỏng, Bảo nói. Hết xăng rồi.”

Nếu vào lúc bình thường thì có lẽ Carraz đã nổi đóa lên, nói vổ vào mặt rằng phải thông minh như con tinh tinh thì mới biết đường cất dự phòng hai can hai mươi lít chứ... Ý định nhìn Bảo và thở dài. Suốt chặng đường từ Kon Tum đến đồn Kon Plong, Carraz chỉ nói vài lời đơn giản với Bảo, như nói với trẻ con, sau đó mới nhận ra rằng cậu ta nói tiếng Pháp đâu ra đấy. Đó là lúc y vẫn còn thấy lâng lâng, chưa bị đau bụng và vẫn còn mơ mộng trở thành Mayréna, vua của

người Xê Đăng⁽¹⁾. Y rời khỏi chiếc xe Jeep và bước xuống bùn ngập tận mắt cá chân. Y phá lên cười chính mình. Y đặt bàn tay hộ pháp lên bờ vai gãy giờ xương của Bảo rồi hào hứng nói với cậu ta:

“Đêm nay chúng ta có thể chết nhưng điều không bình thường nhất lại là tôi đểch quan tâm đến chuyện đó. Cậu không thấy thế sao?”

Bảo không trả lời. Nước chảy rờn rờn trên khuôn mặt Carraz, tràn ra theo từng nếp nhăn.

“Ông phải lên xe đi, người dẫn đường lạnh lùng nói, nếu không thì ông sẽ chết chắc đấy.”

Carraz lên xe ngồi vào chỗ của mình, phía sau người dẫn đường. Sau đó y lấy hộp diêm trong túi ra rồi quẹt một que.

“Hút đi, y ra lệnh cho Bảo đồng thời giở lửa lại gần mẩu thuốc lá đã tắt. Hãy tử tế với tôi một chút, hút đi.”

Không hề thay đổi sắc mặt, Bảo rút điếu thuốc. Chẳng hiểu vì sao, Carraz cảm thấy nhẹ người khi thấy đốm mờ đỏ của điếu thuốc - cái gì đó thân quen, khiến người ta yên lòng vào giữa đêm địa ngục ấy. Ngay cả khi xe của họ không hết xăng thì họ cũng chẳng thể tiếp tục đi giữa cơn mưa to như thế. Sau đó y cảm thấy dạ dày bị co cứng, điều tệ nhất từ hàng giờ nay, thế rồi y vươn người khỏi xe Jeep.

Hình ảnh Bảo thấy cuối cùng, đó là gã khổng lồ ấy đi vài bước ngập ngừng, chệnh choạng rồi ngã ịch trong tiếng động trầm đục bị cơn mưa bóp nghẹt.

Nhiều tuần sau, khi ai cũng biết các tình tiết lạ thường của cái đêm y đến, hòa trộn với truyền thuyết mới... trong vùng núi, chính bản thân Carraz cũng tự vấn liệu đó có phải một điềm báo không. Suốt năm năm ở Đông Dương, y từng hộ tống các đoàn xe, bì bõm trong bùn lầy trên những con đê nhỏ dài vô tận và thậm chí đã chỉ huy cái đồn đầu tiên, một trong những lô cốt vùng châu thổ. Tại Kon Plong, đại úy Pierre đã họp giao chỉ thị cho y rất lâu, nói với y rằng y có thể làm đặc công, quan tòa, bác sĩ, thầy tu và còn đủ mọi loại hình chưa thể lường trước được, nhưng ông ta lại không miêu tả cho y cái khoảnh khắc mà, cạn kiệt sức lực, y ngất đi trong vài phút và chỉ được cứu sống nhờ vào một loạt những cái tát chẳng hề nhẹ tay của Bảo.

“Sếp ơi? Ông còn sống đấy chứ?”

Y nheo mắt. Miệng khô khốc, nhưng chắc đó là bộ phận duy nhất trên người y không đầm đìa nước. Hẳn là y muốn nói rằng y thấy khá hơn - bởi vì lạ thay đúng là như vậy - nhưng y chẳng thốt lên lời.

“Nào, Bảo nói, không được ở lại đây. Chỗ này không tốt đâu.” Bảo và gã tài xế bắt đầu cố dìu y lên nhưng hai người họ hợp lại cũng chỉ bằng với một đôi người tí hon dưới cơn mưa mà thôi.

“Được rồi, các cậu, y làu bàu. Trong tiếng Pháp tên của tôi có nghĩa là Hòn Sỏi Bự, vậy thì hãy chiêm ngưỡng, ngắm nhìn nhưng không được chạm vào. Hiểu chưa?”

Y thở phì phò rồi từ từ đứng dậy được. Yếu ớt, chẳng có gì để nói, nhưng khá hơn, thực sự như vậy. Với tinh thần tỉnh táo của chiến binh, y hoàn toàn ý thức được tình hình: đang bên bờ một con đường mòn đang biến thành dòng suối bùn, với chiếc xe Jeep bị hỏng, và để liệt kê cho đầy đủ thì còn có thể bị một toán du kích đánh úp nữa. Câu chuyện có thể kết thúc trước khi bắt đầu...

Bảo chỉ một bóng đen phía bên kia khu rừng trống ngập nước và họ đi qua như những con ếch tìm chỗ trú mưa dưới những tán cây gần như che kín. Chính Carraz lại một lần nữa cảm thấy khá bình an với ý nghĩ về cái chết trong cuộc chiến tranh này - nhưng cơ thể và tinh thần y tập trung để việc đó không xảy đến ngay. Chiến tranh trên mọi phương diện hiện ra với y như một sinh vật mà y có thể thấy, phân tích với sự thờ ơ sáng suốt, cứ như y không can dự - có những khoảnh khắc y thấy chiến tranh dường như phải kéo dài mãi mãi, tương tự cái đêm trên

con đường mòn vùng núi này, không thể kết thúc và phi lý, với những đích đến được ghi trên bản đồ nhưng mất thực tế dưới làn nước mưa.

“Thế còn gã tài xế? y bình thản hỏi Bảo. Tại sao gã quên dự trữ xăng?”

- Nếu ông muốn tôi tìm ra nguyên nhân thì tôi có thể làm được.”

Carraz cười bỏ ra rồi đưa diêm cho Bảo. Lần này người dẫn đường cho y một mẫu thuốc và y không từ chối. Họ im lặng hút thuốc một lúc.

Carraz rút xúc xắc ra khỏi túi. Cho đến rạng đông, trong khi tay lái xe bình thản ngáy o o, y hướng dẫn Bảo làm quen với một trong những đỉnh cao của văn hóa Pháp, một trong những danh hiệu phổ cập thế giới: trò xúc xắc bốn trăm hai mươi mốt⁽²⁾.

Khi ban ngày quay trở lại, y cảm thấy đủ nghị lực tiếp tục lên đường, cố để không biến mất vào những chỗ lầy lội. Mưa đã tạnh nhưng bầu trời vẫn còn phủ đầy mây đen ngòm. Carraz vẫn đau bụng nhưng ít ra y không còn phải cứ mười phút lại đi giải quyết một lần nữa. Họ vượt qua chiếc xe Jeep ngập sâu hai bánh trong vũng bùn. Mặt trời nhô lên phía trên khu rừng và ngay lập tức hơi nóng đường như đồng thời phả ra từ khắp nơi, từ trên trời, trên cây và cả từ dưới mặt đất. Carraz đã cởi *đôi giày đi rừng* sung nước để đi chân đất trên đường mòn, mặc kệ những viên sỏi sắc nhọn lẫn trong bùn. Sau hai lần quật rẽ, họ thấy khối nhà lừng lững. Họ đã băng qua bao nhiêu cây số? Đúng năm trăm mét. Họ đã thấy ngay sự dừng dưng của những người miền núi do một gã da trắng chỉ huy dành cho họ. Gã bắt tay y với một nụ cười thờ phào nhẹ nhõm: đó là một gã nhỏ thó cổ hàng rìa mép màu vàng sáp, tên là Viala, người gốc Châteaurenard, vùng Provence. Gã đón y với giọng vui vẻ:

“Thưa trung sĩ, lúc chưa gặp các ông, chúng tôi cứ ngỡ là đã mất các ông rồi.

- Các ông đã cố gắng quá nhỉ.

- Tôi lấy làm tiếc, thưa trung sĩ. Tôi cứ nghĩ tốt hơn hết là đợi mưa tạnh và trời sáng đã.

- Đúng thế. Lẽ ra các ông cũng nên đợi nhiệt độ xung quanh ổn định ở mức 25° trong ba giờ.”

Viala đỏ bừng mặt. Carraz không thích bất kỳ thứ gì ở gã này, bắt đầu từ cái giọng miền Nam buồn cười của gã. Ý nheo mắt chiêm ngưỡng vương quốc của mình: ngôi nhà bên bìa rừng, vài túp lều, những đứa trẻ trần truồng ẩn nấp, đôi lính cởi trần, được trang bị giáo, súng mutke chẳng biết thuộc đời nào. Trước đó, y lau mồ hôi lẫn bùn đầm đìa trên mặt và đưa đôi giày cho Viala.

“Nếu điều kiện thời tiết phù hợp với ông thì ông có thể phụ trách món này được không?”

Viala ngoan ngoãn gật đầu và cơn nóng giận của Carraz nguôi đi cũng nhanh như lúc nó bùng lên.

“Vây là đây rồi, y lau nhàu. Tôi tưởng mình bị lạc nhưng bây giờ tôi cũng không dám chắc là đã đến đúng chỗ.

- Đó là nhà của ông.”

Viala chỉ cho y căn hầm con xấu tệ hại bằng bê tông của ngôi nhà bên bìa rừng. Carraz lắc đầu.

“Đó có thể là nhà của cậu, chàng trai ạ, nhưng sẽ không phải là nhà của tôi đâu.”

Một ánh hốt hoảng trong đôi mắt Viala.

“Ý ông là gì ạ? Ông muốn ở đâu...”

Carraz làm một động tác không mấy rõ ràng về phía những ngôi nhà tranh.

“Đằng kia,” y nói, rồi y thở dài, ợ lên, lần đầu tiên cảm thấy có cái chất của một ông vua.

Những tuần đầu tiên, Carraz tiến hành xây dựng tuyến phòng thủ cho ngôi làng theo mô hình đồn lũy, cho dựng một hàng rào gồm những cây chông gỗ, hai lối ra vào được canh gác ngày đêm. Y đưa ra chương trình luyện tập quân sự bắt buộc hằng ngày cho đám lính và dần dần cải tiến trang thiết bị cho họ; y cũng tự ép mình tìm hiểu và tôn trọng các quy tắc của cộng đồng nhỏ bé, và lấy vợ theo tập tục truyền thống. Y khẳng định danh tiếng của mình qua hai trận đánh úp đầy táo bạo mấy đội tuần tra Việt Minh. Từ tấm thân năng cả tạ không nhúc nhích, chai cứng, các nếp nhăn hõm sâu xuống, nay cơ thể y trở nên mềm mại và khéo léo hơn.

Khi Bảo cho y biết rằng Việt Minh dự định tấn công, một cơn sóng kích động làm máu y nóng bừng. Trước đó y đã dự cảm lần chờ đợi này - mà chúng cứ đến đi, và hãy đến ngay bây giờ đi! Người Xê Đăng cần hành động và họ đã sẵn sàng. Carraz dễ dàng đặt mình vào địa vị của “trầu núi trắng” và lặng lẽ tổ chức cái mà y gọi là “ban tiếp đón”, tin chắc rằng quân đối phương chưa hề phong thanh về những cải tiến trang thiết bị và sự tập luyện của lính sơn cước.

“Cậu biết gì không? y nói với Bảo. Tôi muốn tóm được một tên.

- Ý ông là gì?

- Tóm được một tên khốn Việt Minh. Tôi muốn giáp mặt với hắn. Cậu hiểu không, một cuộc giáp mặt riêng tư, không có nhân chứng.

- Ông sẽ làm gì với hắn?”

Carraz nhún vai.

“Tôi làm gì với hắn thì liên quan chớ gì đến cậu. Sẽ chẳng tệ hơn nếu tôi để hắn cho những người Xê Đăng thân mến của tôi. Họ sẽ giết hoặc ăn gan hắn...”

- Có thể như thế tốt hơn cho hắn.”

Đến lượt Carraz ngạc nhiên:

“Ý cậu là gì?”

Bảo chẳng buồn trả lời và Carraz không ép. Cái mà y che đậy viện có chính trị (làm cho người khác biết rằng y có khả năng đánh bại họ bất kỳ lúc nào) là kết quả của một động cơ sâu sắc và phức tạp hơn. Trong ảo ảnh quyền lực, thứ lòng nhân từ hết mực, phi lý, cảm dỗ y như thể một tội lỗi. Với lại, ai mà biết được? từ đó y có thể lần ra vài thông tin vô ích - dấu vết của doanh trại đã sơ tán từ ba ngày nay và những chỗ cất giấu đạn dược trống rỗng.

Cuộc tấn công bắt đầu vào buổi tối như dự đoán... Carraz thích thú nghe tiếng gào thét trong màn đêm, rùng mình khi nghĩ rằng lần này chính đối phương đang rơi vào bẫy cảnh lá, chính họ đang tháo chạy bỏ rơi cả thương binh, chính họ thấy rằng màn đêm thật thù địch... Một mình trong lều, y vừa hút thuốc vừa lắng nghe khúc ca khải hoàn của người Xê Đăng.

Họ dẫn một tù binh đến cho y, một chàng trai trẻ không hề run sợ. Anh ta đeo thắt lưng màu vàng cùng một cây kiếm Nhật. Họ để y và anh lính ở lại với nhau và cả hai im lặng một lúc. Sau đó y nói và anh lính người Việt làm ra vẻ không hiểu tiếng Pháp. Carraz nhận thấy sự tập trung cao độ của anh ta và y thử vận may.

“Nghiêm!” y hét lên.

Anh lính đứng nghiêm một cách máy móc. Carraz mỉm cười. Y luồn vào trong bóng tối ấy, cảm thấy dễ chịu, trong cái đêm ngoáo ộp đó. Anh lính người Việt đứng im cho đến khi nhận được mệnh lệnh chuyển sang tư thế nghỉ. Anh ta không hề đổi sắc mặt, nhưng anh ta mở móc cài thắt lưng và đặt thanh kiếm, mũi cắm xuống đất, tựa vào vách lều, ngay trên đầu chiếu. Dưới ánh đèn, bóng lưỡi kiếm hiện rõ trên vách lều.

“Người tên gì? Carraz hỏi.

- Nguyễn Bình.

- Cái đó là bí danh, thằng ngốc. Khai tên thật của ngươi đi.

- Đó là tên thật của tao. Tên cũ của tao tiêu tan rồi.”

Carraz thích thú khi thấy anh lính chẳng hề run sợ. Y cố không mỉm cười.

“Người mang tên của kẻ khủng bố xấu xa.

- Tao mang tên của người cách mạng.

- Của người cách mạng đã chết.

- Tại sao lại không nhỉ? Người ấy chết vì sự nghiệp chính nghĩa.

- Hãy xem cái sự nghiệp chính nghĩa của người dẫn người đến đâu. Vào tay của Trâu núi trắng. Chắc người đã nghe tên ta rồi phải không? Người ta đã nói với người rằng đêm nay nếu tóm được người, ta sẽ bóp cổ người rồi ăn tươi nuốt sống người không sót mảnh xương nào chưa?”

Đến lượt anh lính người Việt mỉm cười.

“Đó không phải những gì người ta đã nói với tao. Họ nói với tao rằng sẽ tóm được mày, bằm vằm mày ra, treo cây mày lên con lắc rồi diễu từ làng này sang làng khác khắp núi rừng để cho thấy khả năng thần diệu của mày còn lại những gì.

- Nghe được đấy nhỉ.

- Tao không sợ. Không sợ mày. Không sợ chết.

- Lúc nào người cũng mang tên ‘Nguyễn Bình’ hay đôi khi người đổi tên, giống như ‘Trường Chinh’, người biết đấy, hay còn gọi là ‘Longue Marche’, hay Bắc Hồ?

- Chúng tao có thể đổi họ tên, nhưng chúng tao không thay đổi.

- Đừng nói chắc như thế.”

Carraz khiến cho anh lính Việt kể câu chuyện của mình, một câu chuyện tầm thường vô vị. “Nguyễn Bình” bắt đầu làm lính tăng cường cho một lô cốt của Pháp thuộc mạng lưới của tướng de Lattre, nhưng anh ta chạy sang phía Việt Minh chẳng phải vì niềm tin, mà vì một chuyện đàn bà mờ ám. Giáo dục chính trị, quán triệt tuyên truyền... Anh ta căm thù người Pháp không thiên kiến, thế rồi anh ta rút trong túi ra một cuốn thơ Pháp, hãnh diện chìa cho Carraz xem.

Trong đêm hôm đó nảy sinh mối quan hệ, sự thanh thản và lòng tin giữa họ. Anh lính chưa hề hình dung Carraz sẽ làm gì mình nhưng anh ta chẳng nói dối: anh ta không sợ. Họ thẳng thắn kể cho nhau nghe những gì xảy ra, với tư cách những người đàn ông. Anh nói mà chẳng chút giận dữ, cứ như thể anh thấy chuyện đó là bình thường, bình thường bởi vì đó là thực tế. Carraz tức tối khi phát hiện ra rằng chuyện đó khiến y khó chịu hơn anh ta. Nhiều lần y đã không theo sát vấn đề, thế mà trước đó y đã từng nghe những lời đồn đại, hay những gì cậu bạn say khướt nói một tối nọ, và tự nhủ rằng đó là những trò bậy bạ, chiến tranh là thế. Y nhận thấy rằng mặc dù to mồm y vẫn còn việc để làm, những chuyện dơ dáy đó tác động trực tiếp đến y.

Carraz nói với anh lính người Việt rằng cũng có những chuyện như vậy - thậm chí còn tệ hơn - bên phía đối phương. Anh lính không phủ nhận.

“Nhưng chúng tôi rất biết lý do của việc mình làm.”

Carraz im lặng một lúc lâu. Bây giờ y nổi cáu, thực sự và vô cớ. Lướt qua tâm trí y cái ảo ảnh cắt cổ tên khốn kia bằng chính lưỡi kiếm của hắn, thế đấy, để dạy cho hắn một bài học, bởi vì hắn nói những điều y không muốn nghĩ tới. Y lẩm nhẩm một mình: “Khốn nạn thay lòng trung thực, khốn nạn thay sự thật...”

Đột nhiên, anh lính Việt yêu cầu y lại gần. Carraz ngoan ngoãn thực hiện: cả y nữa, y cũng không sợ.

“Nhìn lưỡi kiếm này đi, anh lính Việt nói, hãy nhìn đi...”

Anh ta không chỉ vào lưỡi kiếm mà chỉ cái bóng của nó. Ngọn nến chẳng hề động đậy nhưng lưỡi kiếm thì run rẩy trên tường.

“Đó là linh hồn của thanh kiếm, anh ta nói, sáng nay nó đã đâm chém, xả vào da thịt người và nó vẫn còn sống.”

Nguyễn Bình chiến đấu bên phe họ một thời gian rồi biến mất. Quân du kích thăm trách Carraz - nếu để họ quyết định việc này thì hẳn họ đã loại bỏ tên phản bội ngay từ đầu... Vài ngày sau, họ thấy anh lính bị cột vào một gốc cây trong rừng. Quân đối phương tra tấn vô cùng dã man và xác anh ta chẳng còn lại gì nữa. Carraz không thể chấp nhận được rằng y là vua của những người Xê Đăng, là Trâu núi trắng, mà lại không thay đổi nổi số phận của con người ấy, rằng anh ta phải chịu một cái chết khủng khiếp, không phẩm cách, dù được y bảo vệ, hoặc có thể - điều nghi ngờ này còn khó chịu hơn nữa - chính vì sự bảo vệ của y.

Buổi tối y không ăn uống gì mà ở lại một mình trong lều. Y đặt thanh kiếm đúng chỗ mà anh lính người Việt đã đặt vào đêm đầu tiên rồi nhìn linh hồn nó. Nó run rẩy, như thể muốn vượt qua mái nhà còn y chống chọi, không chịu nhắm mắt lại, cố duy trì mối liên hệ, cầu xin anh ta ở lại bên y thêm một chút nữa, nhớ lại rằng vào cái đêm đầu tiên ấy lẽ ra y đã có thể chém đứt cổ anh ta nhưng y không làm - và kết quả là đây, một cái bóng trên tường. Cuối cùng y ngủ thiếp đi và khi tỉnh dậy trời đã sáng, cái bóng đã không còn.

2.

Pierre Garnier đến vào một buổi tối trên đoàn xe Dodge tiếp tế hàng tháng, cùng với muối, đồ hộp, quân nhu, thuốc kháng sinh và sunfamit, cùng một chai whisky tuyệt diệu. Cậu đeo túi da đựng máy chiếu phim, máy kích âm, bóng điện dự phòng và ba cuộn *Nữ tù nhân trên sa mạc*. Cục điện ảnh quân đội giữ vai trò chính trong chiến dịch “thu phục lòng người”.

Theo bản năng, Carraz không bao giờ ở ngôi nhà bên bờ rừng mà cùng vợ sống trong căn nhà sàn bằng gỗ, bên dưới nuôi một con trâu gầy và vài con lợn đen. Chỉ sau khi đến nơi y mới phát hiện ra một trong những chi tiết mà chính quyền không biết tới (hoặc được giữ tuyệt mật): trên núi, người ta gọi xóm này là “xóm hủ” bởi vì một bà xơ tốt bụng đã ở nơi này trước khi chết, cách đây hai năm, bà đã tận tình chăm sóc những người bệnh và tiếng đồn lan tỏa khắp các sườn núi đến tận các thung lũng lân cận, họ tiếp tục tới đây để điều trị.

“Con dĩ ấ đã gửi gắm linh hồn cho Chúa nhưng lại trút bọ hủ cho tao.

- Vậy mày xử lý thế nào?

- Mày còn muốn tao xử lý thế nào hả! Tao có phải là vua người Xê Đăng đâu, tao chẳng được danh tiếng gì khi phe phẩy cái bùa hay làm phép mầu. Tao chiến đấu vì họ, chúng ta giáng những trận đòn xuống kẻ thù truyền kiếp của họ, cũng là kẻ thù của chúng ta.

- Nhưng còn bọ hủ thì sao?

- Mẹ cái thằng củ cặc Pierre Garnier Cứng-cu! Bọ hủ ấ à, tao cho họ xem phim khi có thằng đàn như mày ghé qua.

- Tao cũng thực sự hài lòng khi gặp lại mày đấy. Tao thấy mày khỏe mạnh ra phết.”

Lúc ở nhà thờ Kon Tum, vị linh mục đã kể câu nghe về Trâu núi trắng, Pierre biết cậu sẽ gặp lại bạn mình. Bốn năm làm nghề chiếu phim đã đưa cậu đi từ các câu lạc bộ sĩ quan đến những ngôi làng hẻo lánh, từ dinh Norodom đến những doanh trại đánh nhau tán loạn. Theo thời gian, cậu ngày càng thích sự đơn độc trong công việc của mình và sự điên rồ dẫn cậu đi gần như khắp nơi chẳng hề sợ hãi. Cậu không thấy đi - mà ngược lại - sự sôi sục trong lòng giúp cậu đi lại liên miên, bất chấp các quy tắc an ninh. “Họ tóm được tôi mà anh cũng gọi là bị bắt ư,” cậu giễu cợt khi một hôm Blondeau ân cần nhắc nhở cậu về những hiểm nguy bản thân cậu có thể gặp. “Họ có thể chiếu đi chiếu lại một bộ phim dở ẹc cho đến khi phim chảy cả ra.”

Khi hoài nghi, cậu nghĩ đến cái chết của Tikhomirov, đến thi thể thảm hại của Inès, đến vị tu sĩ điên trên cù lao giữa sông Mê Kông, đến cô gái run rẩy, đến biết bao người khác đã đi xa, cậu thử hình dung mình bị tra tấn và bị giết, hay bị bỏ rơi trong một trại tù binh - nhưng cậu chẳng cảm thấy gì khác ngoài sự lạnh cảm. Khắp nơi đi qua, cậu thích lượm lặt những đồ vật cầm vừa tay chẳng mấy giá trị: tượng nhỏ bằng gỗ được đeo gọt một cách mộc mạc, đồ trang sức và bùa, những mảnh đá, những công cụ thô sơ không rõ dùng làm gì. Khi trở lại Sài Gòn, cậu kiểm tra kho sưu tập đáng giá hai xu của mình và mỉm cười nhận thấy rằng không có phúc đáp cho thông báo gần đây nhất của cậu trên tờ báo Quân đội - một tạp chí với ảnh đen trắng in trên trang giấy óng ánh, chẳng giá trị bằng tờ *Tự do!* cao quý và đáng thương của cậu: “Anh lính nghèo tìm mẹ đỡ đầu giàu có để có sự trao đổi hiệu quả với nhau.” Các cô không thấy cậu hài hước đến mức nào sao? Có thể chính là ở chỗ đó, sự lo toan của cậu trong cuộc sống - khiếu hài hước của cậu rất đặc biệt.

Trong cơ chế các động tác mà bây giờ cậu thực hiện, giác quan thứ sáu thức tỉnh, giúp cậu hòa hợp với tâm hồn của những người khác trong khi tâm hồn đó rung động trước hình ảnh ứng chiếu trên phong hay trên tường, với những tiếng cười và những tiếng la. Đương nhiên cần phải tập trung, thay bằng đúng thứ tự, nhưng có những lúc cậu hoàn toàn lãng quên.

Phía bên kia vách ngăn mỏng manh, cậu nghe thấy tiếng sắp mâm cơm quen thuộc. Carraz đã cởi áo, và dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn nến duy nhất, lồng ngực y có vóc dáng to hơn người

thường, anh hùng, nửa thần thánh nửa quái vật. Cậu chẳng mấy khó khăn đã hiểu được làm sao trong thời gian ngắn như vậy y lại có thể tạo nên danh tiếng giữa những người Xê Đăng. Y chơi với những quân xúc xắc, tung chúng lên không mệt mỏi, mong ngóng những điểm cao với sự kiên trì của một tay chơi chuyên nghiệp luôn luôn chiến thắng bởi y thường xuyên thỏa hiệp với ý nghĩ mất tất cả. Một cô gái trẻ đến phục vụ và y cảm ơn với thái độ dịu dàng bất ngờ so với khả năng của y. Cô cup mắt xuống, bầu ngực căng phồng. Cô đang mang thai.

“Tao sắp phải lấy vợ hai rồi, Carraz nói trước mặt cô. Ẽnh bụng chừng ấy tuần và mày vậy là chả làm ăn được gì nữa. Đúng thế không, hả? Chẳng làm gì được.”

Y độ lượng luồn tay xuống dưới mông cô. Cô lệ làng lách ra và họ ngồi ăn trong im lặng, đối mặt nhau, ngồi bệt dưới đất trong tư thế mà Pierre chẳng thấy thoải mái như Carraz: vẫn đề thói quen. Họ ứa nước mắt vì ớn đỏ. Bất chấp vẻ ngoài thô lỗ, Carraz vẫn có khả năng tỏ ra khéo léo khiến Pierre cảm thấy bối rối: y biết làm ra vẻ im lìm giữa một đêm ẩm ướt, và khi những dòng nước đầu tiên bắt đầu chảy rờn rờn dọc theo mái nhà xuống lá cọ, trong nỗi cô đơn sâu thẳm đó, trong nỗi cô đơn gần như tuyệt đối mà họ đang trải qua đó, y biết để cho sự im lặng hiển nhiên bao trùm, trao cho nó giá trị của khoảnh khắc trầm ngâm khi ta cảm thấy nội tâm lắng xuống. Đó không phải là những từ mà y có thể sử dụng - cũng chẳng phải những từ khác với những từ mà y vẫn thường xuyên sử dụng, cái đồng từ dung tục, thô thiển và bậy bạ ấy - nhưng trong hai người thì hẳn y có lòng tin vào Chúa hơn cả.

“Thế nào, anh bạn, tình hình sao rồi?”

- Vẫn thường thôi.”

Bàn tay Carraz tiến gần khuôn mặt Pierre đến nỗi cứ như y sắp tát vào mặt cậu, khiến cậu giật nảy người ra đằng sau.

“Đừng coi tao là thằng ngu nhé. Đừng có nói rằng mày đến cái xứ sở hẻo lánh này để kể tao nghe những chuyện vớ vẩn.

- Tao không muốn nói đến chuyện ấy, chỉ thế thôi.

- Được, vậy thì đừng nói đến chuyện ấy. Nhưng cũng đừng nói với tao về cái cuộc sống thường thường vớ vẩn của mày. Thứ đó gọi là gì nhỉ? Sự tôn trọng. Hãy tôn trọng tao đi. Và hãy tôn trọng mày.

- Xin lỗi nhé.

- Mày đừng có mà xin lỗi. Mày ngu *quá* đi mất.”

Pierre thích bạn không đối xử khéo léo với mình. Đúng là cậu cảm thấy không thể nói - chưa thể. Đả kích về cái gì cơ chứ? Những trận đánh thảm hại mà tin đồn chạy dọc theo đường 1 vào đến tận Sài Gòn ư? Chuyển viếng thăm của Katia cách đây một năm và những lá thư của nàng ư? Cuộc sống của cậu trở nên bung bét trước cả khi bắt đầu ư?

“Nào, y nài nỉ, hãy nói đi, nào...”

Pierre ngả xuống chiếu, quên đi sự thiếu tiện nghi và cái đau âm thầm cứa dưới lưng. Cậu lắng nghe bạn kể chuyện, cố gắng hình dung ra lưỡi kiếm và cái bóng của nó, hình dung ra lưỡi kiếm run rẩy vì cái cuộc đời này đang tan biến đi mà những mảnh đời vẫn còn bám vào thanh kim loại. Qua khe giữa hai tấm ván, cậu thấy một dây đom đóm giữa màn đêm. Cậu chìm vào giấc ngủ, một cơn ác mộng bị những tiếng hét ngắt quãng, những cơ thể chịu nhục hình bị cắt chặt, bị băm vằm và từ đó cậu ghê tởm thờ lên nhìn Carraz bị cái bóng trùm kín.

Nơi chiếu phim chỉ đơn giản là một nền đất đắp cao giữa các mái nhà tranh, phía dưới có thể thấy hai thửa ruộng bậc thang được đào vào núi, cái đại dương xanh-đen ấy bị xé toạc bởi tiếng những con ve sầu khổng lồ kêu ra rả, tiếng khỉ gào hú và chim kêu giữa tiết trời nóng ngột ngạt. Có một thác nước ở phía trên ngôi làng, và theo thói quen, Pierre từ chối không để ai

hộ tổng, kiên nhẫn yêu cầu được đến đó một mình, nhảy qua những phiến đá bằng để đến áp chặt vào vách đá, ngược lại dòng nước đang phun ra mát mẻ và mạnh mẽ từ một nguồn mở vô hình, rồi chảy rờn rờn xuống các mỏm đá và những loài苔藓. Tiếng ầm ầm đình tai và cậu cảm thấy nước bao quanh rồi quất mạnh vào mình như những vết châm thấu qua da đến tận xương. Để đứng vững hơn, cậu dang tay ra, nhắm mắt lại, chờ đợi như võ sĩ quyền Anh, say sưa, ẩn mình trong sự cô đơn mà không gì có thể kéo cậu ra ngoài trừ chính sức mạnh của nước. Cậu ngậy dai bước ra khỏi thác nước và một phút bất cẩn, cậu trượt từ tảng đá này sang tảng đá khác rồi nằm sóng soài. Cậu đập đầu vào đá và khi muốn đứng lên, cơ thể cậu lại không tuân theo. Tay vấy máu và cậu có cảm giác mình sắp ngất đi. Cậu cố gắng lại, căng người ra và lấy hết ý chí để không ra đi, để còn cố mở mắt giữa bầu sương mù ẩm ướt và lóng lánh đó mà nay là cả thế giới quan của cậu. Tiếng ầm ào của dòng thác đã lùi lại phía sau và tiếng ù ù trong tai dường như phát ra từ trong đầu. Sau đó cậu cảm thấy mình được xốc nách lên rồi cậu phó mặc: cậu không làm gì hơn được nữa. Những bàn tay rắn rỏi sờ vào đầu cậu rồi cậu để mặc họ làm thế lần nữa. Nguy cơ mê sảng lùi xa dần, cậu thoát ra và đứng lên được. Cậu đi vài bước trên con đường mòn rồi ngồi xuống, vẫn còn ngậy ngậy.

Chỉ lúc đó cậu mới nhận ra Carraz.

“Mày làm gì ở đây thế? cậu ấp úng.

- Tao cứu mày, Cứng-cu đẹp giai ạ.

- Làm thế nào mày biết tao ở đây?

- Thế còn mày, chắc mày chẳng bỗng nhiên quên rằng tao là vua xứ này chứ? Ngay cả cây cối cũng đến báo cáo cho tao.

- Mày đắp cái gì lên đầu tao thế?

- Lá cây.

- Bây giờ mày làm cả y thuật thần bí nữa sao?

- Chớ kêu ca về bàn tay của tao khi nó mềm mại. Nó vẫn có thể bẻ gãy cái cổ cứng của mày nếu mày thiếu tôn trọng tao.”

Họ chậm chạp bước về làng. “Vết thương chiến tranh... đầu tiên của mày à?” Carraz quyết định đề xuất tặng cậu huy chương quân công. Y cài kim băng có gắn mẩu giấy vàng như giấy gói kẹo sô cô la hiệu Poulain lên túi ngực cậu và Pierre chấp thuận không chút hồ thẹn. Tự diễn lại ý nghĩa trò nực cười của chính mình thì chẳng vì thế mà mất danh dự.

Tầm chiều tối, khán giả bắt đầu đến từ mọi ngả trên núi.

“Làm sao họ biết được? Pierre hỏi.

- Đầu tiên tao gửi giấy mời đích danh rồi sau đó gửi rượu cocktail. Có thể hoang dã đấy, nhưng bọn tao thích lễ nghi.”

Họ im lặng nhìn cậu lắp đặt thiết bị, mắc máy tăng âm và máy chiếu vào máy phát điện. Sau đó cậu nhận thấy bóng điện bị cháy và lục trong va li tìm bóng thay thế. Khi định vặn chặt, cậu nhận ra cái đui đèn không cùng đường kính. Cậu đâm một quả vào chiếc va li.

“Có chuyện gì thế? Carraz hỏi.

- Hổng rồi, tao không kiểm tra bóng điện dự phòng trước khi đi.

- May là mày không phụ trách quân nhu tại đây. Nếu không thì toi đời.”

Pierre bắt đầu thu đồ lại và Carraz túm tay cậu.

“Mày làm cái chó gì thế?

- Mày còn muốn tao làm gì nữa? Tao thu dọn đồ.

- Không, mày không được thu dọn đồ. Tất cả lũ đàn kia đến đây để xem phim và sẽ phải chiếu phim.

- Tao biết mày có mối quan hệ với các thế lực trên rừng dưới suối, nhưng trong trường hợp này, mày phải huy động mối quan hệ với Vua Bóng đèn.

- Mày cứ chuẩn bị đi.

- Carraz ơi, cầu Chúa rủ lòng thương, *sẽ không lên hình đâu!*

- Đừng hét to hơn cả tao thế, đồ muỗi đực! Hãy làm theo lời tao đi."

Pierre cho cuộn phim đầu tiên vào trong máy chiếu.

"Bộ phim tên là gì nhỉ?

- *Nữ tù nhân trên sa mạc.*

- Được rồi."

Lúc âm nhạc bắt đầu ngân lên, Carraz đến khu vực giữa sân khấu rồi đứng trước tấm vải mà Pierre dùng làm phong.

"Thưa các quý bà quý ông, y hét lên, tối nay chúng tôi vui mừng và tự hào giới thiệu với các quý vị phát minh mới khiến cả thế giới sân khấu phải ghen tị - đó là phim nói trực tiếp, sự kết hợp diệu kỳ của điện ảnh với sân khấu. Và đây, chương trình bắt đầu!" Khán giả lặng im, chẳng hiểu lấy nửa lời những gì y nói.

"Còn đối với những ai trong số quý vị muốn khiêu nại thì xin mời đi chỗ khác: vì các vị có phải trả gì đâu nên đừng có mà quấy rầy chúng tôi."

Trong suốt một tiếng rưỡi sau đó, Carraz điều khiển sân khấu, thực hiện những động tác của cao bồi, thổ dân da đỏ, ngựa, bắt chước điệu bộ những cuộc ẩu đả và làm tình, mũi tên và hòn đạn, chỉ ngừng lại khi có những ca khúc mà John Ford đã nhún từ lồng vào trong phim. Sau đoạn ngạc nhiên ban đầu, khán giả bắt đầu vỗ tay, hét, cười, chạy ra đằng sau màn hình và thậm chí nhảy lên sân khấu với y khi có vũ điệu hay cuộc rượt đuổi trên sa mạc. Đến cảnh cuối, cả núi rừng dường như vang lên tiếng vọng của tiếng súng khi Carraz phát động cuộc tấn công cuối cùng để giải phóng nữ tù nhân - chính là vợ y, trước đó y đã buộc cô vào một chiếc ghế, và cô đã ngoan ngoãn chờ được giải thoát trong suốt thời gian diễn ra bộ phim.

Cuối cùng, Carraz liên tục cúi chào để nhận những tràng pháo tay, sau đó từ sân khấu đi xuống hướng về phía Pierre.

"Đây là bộ phim hay nhất họ từng xem và sẽ không bao giờ xem lại, Pierre nói, tao đưa mày đi lưu diễn vòng quanh thế giới rồi chúng ta sẽ giàu to."

Tuy Carraz còn mệt hơi tai, nhưng vẫn giúp cậu tháo dỡ thiết bị bằng chiếc thang gỗ dẫn lên lán trại của y.

"Nào, Cứng-cu, bây giờ mày đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, vậy mày có thể nói tao biết có chuyện gì không ổn không?

- Là sự hỗn mang... Điều duy nhất hay ho trong cuộc đời này, đó là tao không bao giờ ngừng di chuyển. Cứ như thể tao chỉ đạo đội quân du kích nhỏ bé của bản thân mình. Ngoài ra thì mày muốn tao nói với mày chuyện gì nữa? Tao thấy bình tâm khi ngồi giữa cặp đùi một cô gái bởi vì ở đó ít ra đầu óc tao cũng ngừng quay cuồng - mặc dầu không phải lúc nào cũng vậy.

- Thế còn cô gái?

- Cô gái nào?

- Cô người Nga ấy.

- Cô ấy quay trở lại và thật tệ bởi vì tao đang trong cảnh khốn cùng và tao đã khiến cô ấy thất

vọng, rồi cô ấy nói rằng sẽ ở lại nếu tao muốn, còn tao thì nói là không, tao muốn sang châu Mỹ với cô ấy hơn, nhưng chưa phải lúc này, mọi chuyện thật thảm hại và tao cũng thật thảm hại, rồi cuộc tao nói với cô ấy rằng không nên ở với một gã như tao và cô ấy nói rằng cô ấy không hiểu, tao có cái gì mà đặc biệt thế? và cô ấy có lý, dù sao cô ấy cũng đã bỏ đi, quay lại châu Mỹ, vẫn viết thư nhưng tao không trả lời, thậm chí đa phần tao còn chẳng bóc ra xem nữa.

- Đúng là vớ vẩn quá.

- Mà mày thật quá còn gì.”

Carraz lôi két bia chở đến cùng đoàn xe của Garnier ra rồi lấy răng cạy nắp một chai.

“Tao tưởng mình có thể đánh đấm: nhưng tao không biết. Tao tưởng mình biết viết: nhưng tao không biết. Lĩnh vực duy nhất tao giỏi - thiên hướng thực sự - đó là âm nhạc, nhưng tao gạt bỏ bởi vì đó là thế giới của ông già tao và tao không muốn dây dưa gì với tất cả những thứ đó. Tất cả những gì còn lại với tao là một cuốn sổ tay cũ kỹ đã mủn ra từng miếng...”

- Ái chà, Garnier, mày thực là ngu quá...

- Đừng nói thế nữa. Nhưng trên thực tế, tao là một kẻ tầm thường, nhưng không tầm thường đến nỗi không nhận ra điều đó, như những thằng ngu khác.

- Cô ấy có lý...

- Có lý khi bỏ đi ư? Mày đùa chắc...

- Có lý khi hỏi xem mày có cái gì mà đặc biệt đến thế, đến nỗi ngay cả cái tầm thường của mày cũng không như cái tầm thường của những người khác. Một kẻ bất tài - nhất trí - nhưng Ngài Cứng-cu của những kẻ bất tài thậm chí không phân biệt được bóng đèn điện với quả xoài thối.”

Rốt cuộc Pierre cười tươi.

“Đúng vậy, tao đúng là như thế.

- Còn tệ hơn thế.

- Tệ hơn thật. Tao cho mày biết tao thích gì nhé. Tao rất thích đi cùng bọn lính - thêm một hai nữ tu sĩ thật điệu đà vào nữa.

- Mày kể chuyện các nữ tu đi.”

Pierre cảm thấy ghê tởm và ngớ ngẩn. Cậu nói về các nữ tu hay không thì có khác gì. Kỳ cục thật.

“Cả mày nữa, kể chuyện gì đi, cậu năn nỉ.

- Mày cũng như bọn tao thôi, Garnier ạ - chẳng tệ hơn cũng chẳng khá hơn.

- Tao không thể ra đi, không thể nhờ vả được. Những chuyện ngu ngốc mà tao đã kể với mày, và còn nhiều chuyện khác nữa, toàn là những chuyện ngu ngốc thôi. Tao lại đăng lính thêm mười tám tháng nữa. Tao đã đánh dấu ngày 1 tháng Chín năm 1952 vào sổ tay đồng thời dám chắc rằng mình không bằng lòng nhận sự tự do cao đẹp đó. Garel, mày còn nhớ thằng Garel không, mày có quen nó không nhỉ?”

Carraz lắc đầu.

“Nó làm thay Tikhomirov ở tòa soạn. Tao gọi nó là ‘cá khôn’.

- Thằng Tikhon thì tao nhớ. Cái thằng lỗ bịch nực cười, chúng tao gặp nhau một lần ở Đà Lạt.

- Á Olga!

- Một con đĩ. Thế còn chồng ả, cái gã làm bếp, hán tên là gì nhỉ? Mẹ nó chứ! Á Olga, mẹ kiếp, tiếc là ả không có em gái.

- Mày đã hỏi ả câu đó, thế là thằng chồng suýt nữa nổi đóa lên.

- Mày thấy đó! Mày đi với một cô ả ăn mặc hở hang rồi sau đó còn yêu sách lịch lãm nữa. Nếu ả có em gái thì tao sẽ tấn nó cho ra trò.

- Nhưng là vì ả chẳng có.

- Mày chẳng có bóng đèn thay thế mà vẫn xem phim hay ra phết đấy thôi... Mọi chuyện đều có thể nếu mày có đ. mẹ niềm tin. Dĩ thỏa như thế thì ả có thể có một cô em gái lắm chứ, giấu trong bếp...

- Carraz, tao đang nói với mày về Garel.

- Garel, ờ. Nó có em gái không?

- Thằng ngu này...

- Nói với tao tử tế vào, thằng Cứng-cu. Đừng quên là hôm nay tao đã cứu mày thoát chết *hai* lần đấy. Chính thế mà tao ở trong cái xứ sở chết tiệt này đấy: để cứu cái thằng xấu xa như mày.

- Cái thằng Garel mà tao nói với mày ấy, cố nhớ lại đi, rốt cuộc nó đã biến mất. Nghe nói nó chạy sang phía bên kia, giảng dạy chính trị, thực hiện chương trình phát thanh vì hòa bình cho Đài tiếng nói Bạch Mai.

- Bản chúng tao bị các vị thần lãng quên rồi, Garnier ạ, và các luồng văn minh không đến được chỗ chúng tao đâu.

- Nếu có khi nào nghe thấy chương trình phát thanh vì hòa bình, mày chỉ cần nói rằng mày biết nó, đó là bạn của một người bạn.

- Nếu có khi nào tao gặp thằng đểu đó..."

Y lấy bàn tay làm hiệu cắt cổ. Pierre nhăn mặt.

"Ôi, tao chẳng biết gì, tao cóc quan tâm, nó cũng có chuyện riêng của nó, mày còn muốn tao nói gì nữa đây. Tao không muốn giảng đạo đức cho nó. Đấy, con người chẳng khác gì những bộ phim: mày xem xong phim này rồi chuyển sang phim khác. Mày còn muốn làm gì khác nữa?"

- Cái thái độ tồi tệ này của mày với tao là kiểu gì thế hả? Triết lý sống mới của mày đấy à?

- Tao đã nói gì nhỉ?

- Tao không biết chuyện gì xảy ra với mày, Cứng-cu ạ. Trước đây tao gặp một thằng đàn ông ngô đến thế mà nay tao gặp lại một thằng tinh quái biết quá nhiều.

- Hãy cho tao biết tao đã nói điều gì trầm trọng đến vậy.

- Mày chẳng nói gì hết. Có điều mày làm tao bực mình đến chịu được. Mày không phải là người như vậy và chỉ thế thôi.

- Tao như thế nào?"

Carraz không trả lời. Garnier tự bực bội với câu hỏi của mình. Không, rõ ràng là Carraz không trả lời những câu hỏi ngu ngốc. Y mở thêm một chai bia rồi đưa cho cậu.

"Garel hả, phải không? Mày thấy tao quá dễ dãi với nó hả?"

- Nếu tóm được nó, tao sẽ xẻo dái nó rồi cho nó đeo lên ngực.

- Buồn cười thế. Mà tao nghĩ như vậy mới chỉ là đoạn khởi đầu.

- Người Xê Đăng sẽ làm gì khi tóm được một thằng? Cả người Hré, ngay cạnh đây nữa? Cả người Thái ở phía Bắc? Cả người Gia Rai nơi tao ở trước đây? Cả người Việt nữa? Họ chẳng ngu gì mà ngồi ngắm linh hồn những thanh kiếm cùng những kẻ mang tên Nguyễn Bình đâu! Họ làm với hần những gì hần sẽ làm với họ khi ở vào vị trí của họ. Tao bây giờ á, khi họ bắt được

một tên, tao xéo đi và chỉ có thể thôi. Chúng ta ở đây để mang văn minh đến cho họ và chính họ cho chúng ta những bài học, và bài học đầu tiên là: hãy tự xoay xở lấy! Bài học thứ hai là: hãy giết kẻ thù trước khi chúng giết mình hay hãy làm với kẻ thù những gì người không muốn chúng làm với người. Mẹ kiếp cái ý thức của những tên khốn! Mày tưởng rằng cái ý thức ấy sẽ cứu trong bụng ĐÀN BÀ mang thai khi người ta thả bom napan đốt cháy cả ngôi làng nơi CỐ THỂ có những tên khủng bố ư? Tao từng một lần tranh luận với một gã chính trị viên. Không phải một kẻ mang tên Nguyễn Bình, hừm, một gã thực sự cơ: một gã nhìn thẳng vào mắt mày và mày có thể tra tấn hay giết gã cũng chẳng hề làm gã biến sắc - rốt cuộc dù sao gã cũng ngậm miệng lại. Bọn họ biết lý do tại sao mình có mặt ở đây còn chúng ta thì không: tinh thần cao cả của chúng ta, cuộc chiến của phương Tây chống lại chủ nghĩa đế quốc cộng sản ư, chúng ta cần cái đích gì. Chính vì thế mà họ sẽ chiến thắng. Các chính trị gia phía họ có thể đúng là những tên đều căng hơn cả lũ chính trị gia phe ta, thậm chí đều căng hơn rất nhiều, nhưng họ sẵn sàng hy sinh để giành chiến thắng trong khi đối với các chính trị gia của chúng ta, hy sinh một nội các đã là quá đắt. Ngày mày tham chiến, trong khi từng người, từ thủ trưởng đến tên lính trơn đều không sẵn sàng hy sinh thì cuộc chiến đó rất mệt mỏi, tao nói là cuộc chiến của mày ấy. Vấn đề không phải là biết xem cuộc chiến đó có chính nghĩa hay không. Đó thực sự là cái giá mà mày muốn trả. Và cuộc chiến này làm bằng đô la Mỹ và da thịt của những thằng ngu như chúng ta: ta chẳng là gì hết.

- Thế tại sao mày còn cà khịa với Garel, kẻ hiểu rõ logic của mày và muốn chấm dứt chiến tranh?

- Bởi vì tao là một thằng đại ngu, Garnier ạ, tao luôn ở bên Tổ quốc *right or wrong*⁽¹⁾, như cái gã người Anh lê bạn mày vẫn nói ấy, đúng không? Với một tình cảm thẩm thiết đặc biệt khi Tổ quốc nhảm lẩn: chính cái đất nước chết tiệt và những người bạn đàn độn của tao sẽ luôn luôn ở gần bên tao chứ không phải là những tên đàn độn của phe đối phương. Đó là điều hiển nhiên."

Carraz đột ngột im lặng, run lên vì những cơn giận đầy mâu thuẫn trong mình, đánh bật những cơn giận như người ta tìm đồng ruột xoắn ra từ cái bụng bị mổ phanh. Y móc xúc xắc ra và gieo nhiều lần.

"Chơi nhé?"

Họ chơi nhiều ván, chẳng trao đổi gì ngoài những lời cần thiết: "tám một hai lần", "hai mặt một năm ở dưới", "sáu sáu mười tư tao giữ", "cô ả", "ba lần ba, một ván"... Các từ tản mát và dần dần cuộc sống chỉ còn gói gọn trong những biến tấu có thể giữa ba lần gieo xúc xắc. Lần nào Pierre cũng thua.

Carraz hồi tâm lại, khuôn mặt giãn ra.

"Mày thua bởi vì mày không có lòng tin. Cái mày thiếu chính là lòng tin.

- Sao mày cứ nhắc lại thế?

- Là vì mày không chịu lắng nghe.

- Tin vào xúc xắc ư? Xin lỗi nhé, tao không thể.

- Vậy mày muốn tin vào cái gì khác đây?"

Thêm một lần nữa, Pierre định nói với y về cù lao, về những gì đã xảy ra ở đó... Nơi ấy, cậu đã bắt đầu tin vào điều gì đó và thế rồi... Giờ đây, tất cả đã bị thiêu đốt và những gì còn lại đều thối rữa trong đồng phân. Còn trong ngôi nhà chật hẹp của cậu tại Sài Gòn có một phụ nữ trẻ bụng mang dạ chửa không hề mở miệng...

"Tao không biết.

- Hãy tin vào cái gì đó - tao cóc cần biết đó là cái gì - rồi quay lại đây.

- Tao sẽ nghĩ đến điều đó.

- Sao bây giờ mày không buông ả Valda của mày ra?

- Tao sắp có con.
- Cả mày nữa à? Theo phong trào đây mà.
- Con lắt cho biết đó là con gái.
- Quá tốt!
- Tao không thể không quan tâm.

- Lại mất thời gian thôi. Dù mày có quan tâm hay không thì thay đổi được gì? Sẽ chẳng có gì thay đổi... Mày thấy vợ tao chưa? Mày không tin cô ấy biết rằng trong ba tháng hay ba năm nữa tao sẽ bị thủ tiêu ư? Sẽ lại có thêm một thằng nhóc khốn khổ trên vùng núi này, thế thôi. Nếu may mắn thì nó sẽ không giống tao.

- Chính mày bảo tao phải có lòng tin.

- Mày chẳng cho tao biết xem mày có hài lòng hay không. Mày chẳng bảo mày sẽ làm gì. Tất cả những gì mày nói với tao, đó là cái tinh thần bất ổn mà đểch ai thèm quan tâm của mày. Tao hiểu là như thế. Vậy mày hãy nói chuyện khác đi."

Pierre chẳng nói gì. Lại một lần nữa, Carraz bắn trúng tim đen.

"Việc duy nhất đôi khi ả yêu cầu, đó là chiếu phim cho ả và các cô bạn của ả xem, một bộ phim yêu đương mà các ả chẳng hiểu gì sất, trừ những đoạn người ta hôn nhau và thế là tất cả cùng ré lên.

- Bằng cách chiếu phim cho ả xem mà mày làm ả chữa phải không?
- Là thế đấy."

Sàn nhà kêu cọt kẹt và Pierre nhận ra rằng vợ Carraz quay trở lại và chắc hẳn có thể nghe được cuộc trò chuyện của họ. Cậu bối rối.

"Mày làm tao bức đểch chịu được, Carraz nói.

- Tại sao?
- Mày làm tao bức, thế thôi."

Pierre lắc đầu, hoài nghi. Carraz lặn vỏ chai bia lên sàn và nó bị kẹt lại giữa hai tấm ván. Y đứng dậy giơ chân đá đi, rồi lại ngồi xuống như chẳng có chuyện gì xảy ra.

"Mày khác rồi, Garnier, mày không hiểu à? Trong mày có gì đó khang khác.

- Tao tưởng tao phải chấp nhận sự tầm thường của mình.

- Vớ vẩn! Mày biết rõ là không phải như vậy. Tao không biết đích xác chuyện gì nhưng chắc chắn mày có vấn đề. Mày sẽ không chuồn đi như những kẻ khác. Mày sẽ không cư xử như một thằng đểu. Mày sẽ chăm sóc con gái mày và sau này nó sẽ lại chăm sóc mày. Hứa đi."

Sức nặng trong lời nói của Carraz có gì đó thật kinh khủng. Pierre có cảm giác là nếu cậu phản bác thì y sẽ đâm vỡ mõm cậu ra.

"Thế nào, mày hứa chứ?"

Carraz giơ tay lên với cử chỉ có vẻ như đe dọa. Không một lời, Pierre đập tay vào tay y rồi đứng dậy.

"Cái đó gọi là lời hứa phải không, Cưng-cu?

- Đúng.
- Thế thì được."

Sau đó, Pierre đi xuống thang gỗ, tránh một con lợn rồi vừa đá vừa ngắm trời, tự vấn cái lời

hứa lơ lửng trong đêm ấy có ý nghĩa gì.

3.

Carraz chỉ kéo mấy cái ghế bành ra, chúng tôi ngồi hàng giờ trên đó. Tất cả các đồ đạc khác trong nhà đều phủ vải trắng khiến ta có cảm giác như đang ở nhà tang lễ sau một vụ tử tử tập thể. Hơn tám mươi tuổi, cơ thể của ông vẫn lực lưỡng và chắc khỏe, với mái tóc bạc rậm, húi cua, mặt đầy sẹo - con trâu núi trắng đã lui về hang nhưng vẫn sẵn sàng phốc tới.

“Bạn có khát không?”

Không đợi trả lời, ông đứng lên khập khiễng bước đi - khớp háng bị đau. Ông quay lại đưa lon Coca-Cola ấm cho tôi.

“Là một kẻ không muốn nói thì tôi cũng không đến nỗi tệ lắm phải không, hử?”

Trong lúc ông kể chuyện, nhiều lần tôi muốn đặt câu hỏi cắt ngang; nhưng tôi không thể vì không muốn mạo hiểm khiến ông khó chịu. Thế nên tôi quyết định để mình thật thoải mái.

“Đó là trận thảm bại trên đường 4 phải không ạ?”

Ông huýt sáo với vẻ ngưỡng mộ giễu cợt.

“Tôi thấy rõ là cậu vừa ôn lại sách giáo khoa.”

Tôi đỏ mặt.

“Lẽ ra cháu không nên hỏi bác. Cháu quên là bác không trả lời những câu hỏi ngốc nghếch.

- Đây không phải là câu hỏi ngốc nghếch đâu. Chỉ là... Theo thời gian, sự việc thành ra như cậu đã đọc, một dòng trong cuốn sách: trận thảm bại trên đường 4. Sáu nghìn người bị tàn sát, những quả núi khắc ra vô vàn tàn quân, những kẻ bị cụt hai chân không hề có thuốc tê được cáng đi hàng ngày trời trong những thùng mùng, những kẻ khác bỏ lê để sống sót với những vết thương không đếm xuể rồi rốt cuộc vẫn chết.

- Cháu nghĩ là cháu hiểu.

- Không, cậu không hiểu được đâu, nhưng không sao. Còn tôi thì không ở đó. Còn để trả lời cho câu hỏi không ngốc đến thế của cậu thì đúng, khi đó là hai tháng trước chiến dịch đường 4.

- Sau đó bác đã làm gì?”

Thoáng hiện trên khuôn mặt ông vẻ dịu dàng bất ngờ. Trên tủ com mốt, chiếc đồng hồ quả lắc mang hình những đứa trẻ da đen đóng khố điểm số giờ mà tôi không đếm nữa.

“Bạn chưa thấy chán à? Tôi thì thấy chán rồi. Và cậu cũng nên như vậy: cậu không nên dính líu với những tên lính già. Trước hết, họ chẳng có gì hay ho để nói và cuối cùng họ lột trần ra để chỉ cho cậu xem từng vết thương rồi kể cho cậu nghe họ bị thương thế nào và ở đâu. Thật là ngán ngấm. Các cuộc chiến kết thúc như vậy đấy: trong nỗi buồn phiền vĩnh cửu.

- Cháu tưởng đối với bác chiến tranh không bao giờ kết thúc.

- Tôi có nói với cậu là chiến tranh đã kết thúc với tôi đâu... Đối với các chính trị gia, các nhà sử học thì có những trận chiến, những thắng lợi và thất bại, một hiệp ước hòa bình. Đối với chúng tôi thì khác... Sự thật là, chúng tôi không bao giờ trở về và - dù sao thì - cũng chẳng ai muốn chúng tôi.

- Đại tá Chabert.

- Ai thế?

- Một người trở về, trong truyện của Balzac.”

Ông mỉm cười.

“Cha nào con nấy. Lúc nào cũng vắn vè. Thôi được, đại tá Chabert, như cậu nói. Với lại cậu biết không, những gì tôi nói không phức tạp lắm đâu. Nếu tôi lắc đầu hơi mạnh thì tôi sẽ trở nên lẫn lộn hay còn tệ hơn thế nữa đấy, tại mảnh đạn vẫn nằm trong đầu. Còn cái bụng tôi, cậu phải xem bụng tôi...”

Ông làm động tác cởi áo pull và theo bản năng tôi giơ tay tự vệ. Ông cười ồ ồ.

“Cậu biết rõ tôi vừa nói gì rồi đấy... Nào, đừng ra vẻ tội nghiệp như thế.”

Tôi chẳng bận tâm đến những vết sẹo dài ngắn của ông, nhưng tôi kiệt sức vì câu chuyện của ông. Tôi muốn ở một mình với những gì ông vừa kể cho tôi. Tôi đứng lên.

“Bác nói là có một cô con gái.

- Đúng.

- Bác có gặp không?

- Không.

- Thế còn lời hứa, ông ấy có giữ không?

- Làm sao mà tôi biết được? Phải bạo gan lắm mới dám hỏi ông ấy điều đó. Có mà ông ấy sẽ giễu cợt tôi, coi tôi là thằng hề và xéo tôi đi chỗ khác. Nhưng tôi nghĩ ông ấy coi chuyện đó nghiêm túc, theo cách của mình.

- Bác có biết gì về chuyện này không?”

Ông ngập ngừng nửa giây.

“Không.

- Bác có chắc không?”

Ông đột ngột đứng dậy bắt tay tôi. Tôi đứng gần ông đến nỗi ngửi thấy mùi gì đó như sự thoải mái, của cả động vật và thực vật.

“Bác có chắc không?” tôi nhắc lại, còn ông quay đi. Dù sao tôi cũng chán ngấy rồi, tôi không muốn nghe thêm một câu trả lời hay hỏi thêm một câu hỏi nào nữa, tôi chỉ muốn đi ra ngoài và hít thở chút không khí mát mẻ. Tôi đi quanh các đồ đạc phủ vải trắng trong phòng khách rồi đi ra hành lang có bức tường treo đầy tranh khắc về cuộc chinh phục thuộc địa. Phía trên cửa, một bức tranh khắc tái hiện cảnh một người lính bảo vệ gia đình và công lý, dùng súng gắn lưới lê chặn đường cả một nhóm người da đỏ, đen, vàng đang vung ra những “văn bản bí mật” và những “lời hứa sê chia”. Lời chú thích chỉ giản dị: “Đứng lại, lính Pháp kìa.”

Tôi chuồn đi nhanh qua lối cầu thang bộ sau khi đóng sập cánh cửa sau lưng, không biết rằng hôm đó nếu đi cầu thang máy thì có thể bị kẹt cửa lưới. Tôi bước đi như chạy qua sân rồi ngược lên đại lộ dẫn đến rừng Boulogne. Đó là buổi hoàng hôn của gái điếm và những kẻ đồng tính buồn bã, giờ của những nịt tất, bao cao su và cửa xe lên lút. Tôi len vào giữa cảnh đó cứ như mình vô hình.

“Thử với em đi, một giọng vô danh vang lên từ một lùm cây. Anh sẽ không thất vọng đâu.”

Tôi đi qua không dừng lại.

Đứng lại! Đứng lại! Lính Pháp kìa.

Khi từ rừng đi ra, tôi ngạc nhiên nhận ra rằng từ khi quay về, bí mật về bố tôi chẳng tiêu tan đi - mà ngược lại là càng khác - nhưng cơn giận đối với ông đã lùi xa. Tôi đi theo cơn giận vào nơi nó đang ở, một chỗ nào đó trong lòng, nhưng tôi chẳng tìm thấy. Tôi nghĩ đến sự từ bỏ nhưng tôi chỉ thấy vị quả đắng trong miệng. Bản năng sinh học cho tôi hay rằng tuy cơ thể cha tôi đã biến mất nhưng các tế bào-người cha của ông vẫn tiếp tục sống trong tôi, để lại cho tôi

trách nhiệm về các trận chiến và sự từ bỏ, về giận dữ và tình yêu. Nếu tôi không hạnh phúc với điều đó, nếu tôi không tán thành, nếu tôi chửi rủa, thì từ nay đó chính là chống lại một phần bản thân mình chứ không phải chống lại con người đã biến khỏi thế giới này. Đó là thân phận nô lệ mang trong mình sự tự do khả dĩ, dường như còn chưa dứt khoát trong tôi.

Tôi đợi đến tối Chủ nhật, buổi tối tôi tệ mỗi tuần, để gọi lại cho Marie. Chính con trai tôi là người nhắc máy, đây đúng là điều tôi không ngờ tới, nên trong lúc e sợ, suýt nữa tôi bỏ máy. Với giọng ghen ngào, tôi nói rằng tôi đây. Nó nói: “con chào bố”, rồi chuyển máy cho mẹ.

Tối hôm ấy chỉ có những lời chẳng hứa hẹn gì mấy. Trong những cơn ác mộng trước đó tôi đã ấn cái chuông này biết bao lần mà chẳng có ai trả lời. Ít ra, cái chuông cũng ngừng kêu khi chẳng có ai nghe.

Sau khi bố mẹ chia tay nhau, mẹ tôi quay lại Mỹ còn bố giao phó tôi cho bà nội. Tôi còn nhỏ lắm - chẳng lớn hơn Sébastien bây giờ. Bố mẹ cho tôi đi dạo ở công viên Buttes-Chaumont và chuyển dạo chơi sau đó trở thành những niềm vui hiếm hoi. Tôi cười và vỗ tay thích thú xen lẫn sợ hãi khi xem múa rối Guignol⁽¹⁾. Tôi cưỡi ngựa một vòng, đá bóng với bố và ăn kem bông, rồi cặng về chiều, tôi cặng nhảy nhót giữa các lối đi và cặng có cảm giác kéo bố mẹ theo sau - họ gắn vào tôi, hai thi thể trong một chiếc xe bò với tình yêu đã chết giữa họ, còn tôi là con ngựa nhỏ trong thời tiết xấu và tôi cố tỏ ra can đảm. Nỗi buồn trào dâng trong tôi và cuối cùng tôi ngồi xuống chiếc ghế dài để đợi rồi túm lấy họ - thật là cuồng dại tội nghiệp khi tự nhủ rằng tôi sẽ không buông họ ra, không bao giờ. Chúng tôi dạo một vòng quanh hồ như kẻ quay cuồng đi viếng theo xe tang rồi bước lên phía ngôi đền nhỏ trên đỉnh cao nhất công viên. Họ chuyện trò với tôi rất lâu, nhưng tôi không còn nhớ một lời nào nữa, mà chỉ còn nhớ khoảng lặng vào lúc cuối ấy và tôi cảm thấy bàn tay bố mẹ trong tay mình, trơn, dần dần mất đi hơi ấm rồi cuối cùng tôi để tay họ buông ra. Tôi chỉ hỏi liệu đồ chơi của tôi có được đưa đến Saint-Gabriel hay không và ai sẽ tắm cho tôi.

Bố mẹ tôi gần như đã chia tay nhau ngay từ khi tôi mới sinh, có thể *bởi vì* tôi ra đời, biết bao đứa trẻ cũng có nghi ngờ như vậy. Tôi phải mất hàng năm mới hình dung ra có gì đó kỳ quặc trong hoàn cảnh của mình, rằng bị *cả bố lẫn mẹ* cùng lúc bỏ rơi tất không giống hoàn cảnh chung của những đứa trẻ có bố mẹ ly dị.

Sau hai năm ở Việt Nam, chỉ còn lại bức ảnh chụp tôi trong tay vú nuôi ấy. Tôi được quấn trong chiếc tã dài trắng, đôi chiếc mũ ren nức cười, vẻ bàng hoàng trong khi vú nuôi phô ra sắc mặt thiếu cởi mở. Trông tôi không giống một cái gói mềm oặt trong cánh tay như chiếc nôi của vú nuôi: đôi chân tôi chìa ra và cả cơ thể tôi co rúm trong tư thế nằm ngang, khiến tôi giống với một đứa bé để lâu trong ngăn đá tủ lạnh vừa được lấy ra. *Hibernatus*⁽²⁾, chính là tôi.

Còn hai, ba năm tiếp đó, tại đại lộ Simon-Bolivar, tôi lưu lại những hồi ức về gia đình, một người đàn ông không có khả năng ngồi yên, một người đàn bà úa tàn tuổi xuân một cách nghiệt ngã, người có thể ngồi bên cửa sổ hàng giờ, chết ngệt vì bất hạnh. Tôi bước đi mò mẫm, không có điểm mốc, kiên trì giữ vị thế của mình trong một triều đại hoang tàn. Ký ức của tôi về thời gian ấy thật thanh bình và lặng lẽ, không một cuộc trò chuyện nào đột ngột xảy ra, không có giọng nói nào vang lên - không có gì hết, cho đến tận khi họ đưa tôi đến công viên Buttes-Chaumont để khiến tôi mơ mộng trước khi hủy hoại vĩnh viễn các giấc mơ của tôi.

Sau đó, chúng tôi đi ô tô đến Saint-Gabriel. Họ không nói chuyện với nhau và cũng chẳng trò chuyện cùng tôi. Tôi hát không ngừng bài *La Marseillaise* và có một lúc bố tôi chỉ nói mà không hề ngoái lại: “Đủ rồi đấy.” Chính mẹ tôi là người cầm lái còn bố thì châm thuốc lá cho bà. Khi tôi bị say xe ở quãng nào đó giữa vùng núi Morvan, họ dừng xe bên lề đường để tôi nôn mửa, lúc đó tất cả vẫn còn bình yên biết bao, mỗi người trong chúng tôi đều được bọc trong nỗi cô đơn của chính mình.

Những năm sau đó, khi nói về chuyện này với mẹ, tôi như trút được gánh nặng khi phát hiện ra rằng mọi chuyện đã không hoàn toàn diễn ra như vậy, rằng địa ngục nổi lên dữ dội khi mẹ

nói ra ý định đưa tôi cùng đi Mỹ, rằng bố đã đe dọa mẹ, lấy lòng mẹ, rằng bố đã hứa, gào thét và van xin cho đến khi mẹ chấp nhận để tôi sống tại Saint-Gabriel trong vòng một năm. “Nhưng tại sao mẹ lại phải ra đi?” Mẹ suy nghĩ một lát còn tôi chờ đợi, biết rằng mẹ chẳng còn ngại nói với tôi sự thật nữa, chỉ muốn chọn từ ngữ chính xác. “Không phải chỉ vì ông ấy đã khiến cuộc sống của mẹ trở thành địa ngục. Mà còn vì cuộc sống đã trở nên khô cằn. Đã gần mười lăm năm mẹ không sống ở Paris kể từ khi gia đình ta từ Việt Nam trở về và trong hai năm ở đó, ông ấy đã làm mọi cách để cách ly mẹ hoàn toàn, khiến mẹ như phát điên. Những gì mẹ cảm thấy khi đó là ông ấy như một con quỷ dữ - ông ấy lừa dối mẹ, bỏ đi suốt ba ngày liền mà không báo trước, nốc rượu như thùng không đáy, như thế vẫn chưa hết, ông ấy còn lên cả một kế hoạch *hủy hoại* mẹ nữa.

- Nhưng bây giờ thì mẹ thấy sao?”

Lại có khoảng im lặng trên điện thoại, lâu đến nỗi tôi cứ tưởng cuộc đàm thoại đã bị cắt. “Mẹ nghĩ rằng ông ấy chỉ bất hạnh thôi, vô cùng bất hạnh. Và cả mẹ cũng bất hạnh, vì ông ấy, và nỗi bất hạnh chẳng giúp người ta cảm thông được mấy. Ngay cả bây giờ mẹ vẫn thấy rất khó. *Trouđno, panimaiech?* Mẹ cố ép mình nhớ rằng mẹ từng chơi nhạc trong căn hộ đó, rằng mẹ đã khiêu vũ ở đó, nhưng các bài học đàn dương cầm với ông con trở thành những kỷ niệm trôi tuột đi như bọt khí thoát ra từ một thời đại khác, đến mức mẹ nghi ngờ rằng những bài học đó chưa bao giờ diễn ra. Mẹ buộc mình thành thám tử, tập hợp chứng cứ: có ngày tháng, tên người, địa danh. Có kỷ niệm tháng Sáu 1940. Mẹ cố bám vào cái hình ảnh của chính mình suốt những năm tháng ấy, tràn đầy sức sống, có thể có lúc vô vọng nhưng theo cách tích cực, còn niềm tin - và mẹ không thể biến hình ảnh ấy và hình ảnh của người đàn bà ba mươi lăm tuổi suốt ngày phải dùng thuốc ngủ thành cùng một người được. Chính vì thế mẹ đi đến chấp nhận cái logic điên khùng của ông ấy, cho rằng nếu cách xa ông ấy hàng nghìn cây số thì mẹ sẽ bình phục và sẽ quay trở lại.

- Nhưng thế thì tại sao ông ấy không giữ con bên mình?

- Bố con ư, con biết rõ bố con mà...”

Có tiếng cười dịu êm trong giọng nói của mẹ. “Thế còn mẹ, tại sao mẹ không mang con đi?” Mẹ lại ngập ngừng. “Bố mẹ đã nói là một năm. Một năm là gì nhỉ? Chẳng là gì hết... Thế rồi...” Mẹ không nói hết câu và chỉ mãi sau này tôi mới có thể hoàn chỉnh câu nói đó thay mẹ.

Hai mùa hè đầu tiên, mẹ lại vượt Đại Tây Dương đến Saint-Gabriel ở một tháng, mang cho tôi những món quà tuyệt vời và vô dụng, những chiếc ô tô điều khiển từ xa bị hỏng ngay lập tức, những máy bộ đàm mà chúng tôi không bao giờ vận hành được (“A lô? a lô?” và chúng tôi nghe thấy nhau rõ hơn khi gào to lên từ phía cuối khu vườn), một găng tay bóng chày, cả một bộ sưu tập hàng mốt mới ngu ngốc *made in the USA*⁽³⁾ có lẽ làm ai khác vừa lòng chứ không phải tôi, những thứ đó trong tay tôi trở thành những đồ cổ lỗi thời chứ chẳng mới được bao lâu, rồi sẽ nằm chất đống, hỏng hóc, không bao giờ được sử dụng, dưới mái che, bên cạnh chiếc máy xén cỏ nổi đồng cối đá. “Thế rồi...”

Khi lên bảy tuổi, mọi người quyết định gửi vào nội trú và tôi buộc phải đi 150 km lên phía Bắc, tại Montélimar. Bà nội mua cho tôi một chiếc mũ lưới trai nhỏ màu xanh dương và một con chim cánh cụt để xếp bộ quần áo ngủ vào đó - thứ mà tôi giấu dưới đệm ngay đêm đầu tiên để tránh bị chế giễu. Đó không phải là những năm tháng bất hạnh, và các mùa hè tại Saint-Gabriel đã trở thành những ngày hội của tự do. Bác Jean, bạn bố tôi, đưa tôi và Mireille, con gái bác ấy, đến những nơi bí mật của bác trong rừng thông, với điều kiện chúng tôi không được nói cho ai biết. Chúng tôi tìm thấy những kho báu và bơi lội dưới hồ nước trong xanh, nghe tiếng chó tru và sữa ở phía xa xa, nơi chúng tôi hình dung cũng có nhiều chó như ở Baskerville⁽⁴⁾. Bác Jean làm cho chúng tôi những ống sáo từ cành cây cọt cháy cùng những chiếc ná, và trên bãi đá ông khắc các con vật cho chúng tôi xem.

“Thế rồi...” Không, mẹ không bao giờ nói hết câu nhưng không cần thiết nữa, bởi lẽ bản năng mách bảo tôi tin vào lòng chân thành không gì lay chuyển được của mẹ. Năm mươi bảy tuổi, lẽ ra tôi đã gặp lại mẹ lần đầu tiên tại New York nhưng tôi vương bạn yêu đương nên đáng lẽ bay

chuyển của hãng PanAm để sang Mỹ thì tôi lại tạt ngang để gặp mỗi tình đầu của mình tại một làng trong vùng Đông-Pyrénées nơi nàng chẳng đợi tôi và mọi thứ biến thành cả một câu chuyện âm ỉ. Bà nội dần trở nên thờ ơ, bố thì ở châu Á và tôi chỉ gửi cho mẹ vài dòng điện tín: “Con không thể đến được. Con sẽ giải thích sau.”

Suốt mùa hè tôi đi hái rau quả để kiếm sống, đồng thời cuồng nhiệt theo đuổi mỗi tình đầu. Rồi cuối cùng khi trở lại Saint-Gabriel, với những túi quần túi áo rỗng không, tôi nhận được bức điện gửi trước đó ba tháng của mẹ có hai dòng: “Tại sao con không viết cho mẹ? Tại sao con không tới?” Hai dòng đó khiến tôi cảm động hơn cả những gì mà hàng ki lô mét những lời trách cứ có thể gây ra, thế là đến lượt tôi viết cho mẹ. Những tháng tiếp sau đó, chúng tôi trao đổi với nhau vài lá thư như vậy, trong thư tôi thổ lộ với mẹ những nỗi đau trong tim mà không tò mò biết xem cuộc sống của mẹ như thế nào. Ít ra mẹ cũng vui lòng chấp nhận và cho tôi những lời khuyên bông lơn giống như cô thiếu nữ từng là mẹ vào cái thời gặp ông tôi. Tình tiết đó chưa từng được đề cập và chỉ sau này tôi mới hiểu nguyên nhân bầu không khí căng thẳng tại Saint-Gabriel trong những lần mẹ đến thăm, và tại sao hơi một tí bà nội lại trồn vào trong làng, tại sao mẹ tôi lại có vẻ cứng nhắc và không thoải mái, dường như chỉ lí nhí được với tôi. Mùa hè ấy, trong thời gian chờ các câu trả lời do mẹ tôi khéo léo soạn gửi đến cho tôi, tôi đã có bạn gái mới, thế mà trước đó tôi đã bị bỏ rơi một cách hèn hạ và tính trở thành thầy tu. “Thế rồi...”

Thế rồi mẹ nói với tôi rằng mẹ bị ốm, và mặc dù mẹ không cho biết là bệnh gì nhưng tôi hiểu rằng đó không phải chỉ là hắt hơi sổ mũi. Tôi chưa bao giờ thực sự biết mẹ bị ốm từ khi nào và phải do bố tôi, nhiều năm sau khi mẹ chết, vô tình viết ra... Tôi nhớ đến câu nói bị ngắt giữa chừng và với những gì mình không biết, tôi khôi phục lại những tình tiết trong cuộc chiến đấu với tử thần của mẹ; tôi không nghi ngờ nữa mà chắc rằng mẹ đã đau khổ vì không thể sống cùng tôi.

Càng ngày chúng tôi càng sử dụng nhiều điện thoại, mặc dù cước gọi rất đắt, nhưng đó là cách tốt nhất để gỡ lại thời gian bị bỏ phí và cứu vớt những điều hối tiếc. Tôi học tiếng Nga ở Viện Ngôn ngữ và Văn minh phương Đông và việc đó khiến chúng tôi có sự đồng cảm, chúng tôi bắt đầu nói tiếng Nga, mẹ đọc tôi nghe những câu thơ của Pushkin, còn tôi kể mẹ nghe những câu đùa đả kích Liên Xô mới nhất. Đêm đến tôi làm bồi bàn trong một quán rượu, và tôi viết nhật ký ăn chơi của một diễn viên đồng tính già đời, vui mình trong chiếc áo choàng đỏ tím, hẳn kể tôi nghe các buổi tối của hẳn với giọng chán chường. Tôi nhảy từ cuộc sống này sang cuộc sống khác bên trong cuộc đời tôi, thất thường và mạnh mẽ, còn mẹ kể tôi nghe về các mảnh đời của mình, trong đó đôi khi hiện lên cuộc đời của tôi. Với giọng của bà, khi nói ngôn ngữ nào mẹ cũng thành người nước ngoài. Chung quy, có thể mẹ chỉ nói mỗi một ngôn ngữ, hay tất cả các ngôn ngữ trên trái đất này (mẹ xoay xở được với tiếng Đức và biết chút ít tiếng Tây Ban Nha) với một giọng duy nhất - một giọng nói mà tôi vẫn còn nghe thấy trong tim mình, giọng nói vang lên như tiếng chim bồ câu. Khi đã kiếm đủ tiền, tôi nói với mẹ rằng tôi sẽ đến thăm mẹ và mẹ nói rằng tôi thật tuyệt vời và mẹ rất lấy làm tự hào, nhưng rằng tôi không nên đến vì mẹ không còn mấy nhan sắc và gặp mẹ chẳng còn gì hay ho - và nhất là đừng nói với bố con. “Con mới là người quyết định,” tôi cương quyết tuyên bố, còn bà thì nói: “Không, Andriouchka, mẹ khẳng định với con. Không phải bây giờ. Đợi sau này đã... Mẹ sẽ cho con biết khi nào có thể...” Tôi dừng lại ở khả năng mơ hồ này, không muốn hiểu rằng sẽ chẳng có cái sau này ấy, rằng cái sau này ấy đã là thời gian của toàn bộ cuộc sống của chúng tôi và rằng hơn nữa muộn mất rồi, chỉ còn một hơi thở thôi. Mẹ nài nỉ một lần nữa đòi tôi hứa không nói gì với bố. “Tại sao con lại nói với ông ấy chứ? tôi giấu cốt, ông ấy chẳng bao giờ hỏi gì cả.” Tôi nghe thấy tiếng cười trong giọng nói khàn khàn. “Bởi vì ông ấy có thể đến...”

Khi đó tôi lờ mờ đoán ra rằng chẳng riêng ai có lỗi đối với những gì tôi bị tước đi. Tôi không giận mẹ như giận bố, tuy nhiên dù sao cả mẹ cũng để tôi rơi vào trong vũng lầy cuộc đời với rất ít vốn sống. Nhưng một giọng nói mách bảo tôi rằng cả mẹ cũng đã phải hy sinh và chưa bao giờ được an ủi; giữa chúng tôi có một sự ngấm thấu hiểu, không biểu hiện ra, khiến tôi vô cùng độ lượng với các lý do của mẹ (một số lý do đã biết rõ còn một số được giấu kín) trong việc không mang tôi đi cùng sau khi họ chia tay. Một số phụ nữ bị bỏ rơi khác lánh nạn trong con

cái và hoàn toàn chiếm lấy con; mẹ đã bỏ tôi nhưng tôi biết mẹ yêu tôi chẳng ít hơn. Nhờ vào cộng đồng của những người phụ nữ mà tôi gắn bó với thế giới này trong khi cộng đồng của những người đàn ông thì cứ vắng bóng mãi mãi.

Chính ông ấy - bố tôi - là người đột ngột đến thông báo với tôi về cái chết của mẹ.

Tôi những muốn khắc nhõ vào mặt ông rằng mẹ đã bắt tôi hứa không nói với ông, *không bao giờ* nói với ông nữa. (Đó không phải những điều mẹ đã nói và tôi xua đuổi trong cơn giận phần kia, phần mà mẹ nói chưa bao giờ ngừng yêu ông và trong tâm trí chưa bao giờ ngừng dõi theo tâm hồn lang bạt của ông dù đang ở nơi đâu.) Ông làm thế nào mà biết được điều đó? Tôi ghen tị và tôi muốn ông bị day dứt vì tội lỗi, trong khi tôi lại thấy ông bình tĩnh và buồn bã, trong đôi mắt đau buồn của ông không có dấu vết điên dại nào. Ông ngồi bên cây đàn dương cầm còn tôi biến vào trong phòng ngủ để không phải chịu đựng sự hiện diện của ông, nhưng không có cách nào để không nghe thấy ông - ông chơi chậm rãi, với sự thanh cao, điệu *Pavan cho công chúa quá cố* của Ravel^[5] vào thời gian đầu sáng tác, có thể nhẹ nhàng nhưng hay đến thống thiết. Tôi không nhớ mình đã từng nghe ông chơi nhạc chưa nhưng sau tất cả những năm tháng đó âm nhạc vẫn chưa rời bỏ ông, âm nhạc ở đó là để đi cùng những cảm xúc khó diễn tả trong cuộc đời - và thế là chúng tôi cùng nhau khóc, tôi đồ là như vậy, dù rằng mỗi người trong một phòng.

Tuy nhiên tôi từ chối cùng ông đi tới đó.

Tôi phải đợi ba mươi năm mới nói lời tạm biệt mẹ, vào một ngày mùa đông tại New York, trước hàng rào sắt một nhà thờ nhỏ nơi treo hàng trăm thông điệp dành cho các nạn nhân ngày 11 tháng Chín. Bao bọc trong tang tóc, cuối cùng tôi để mình đến với cái tang của bản thân. Những linh hồn xa lạ bay lên và trong số đó tôi có ảo giác thấy linh hồn của mẹ tôi, với đồng bí mật mẹ mang lên bầu trời xanh lạnh lẽo nơi hình bóng mẹ nổi bật như một thiên thần trong tác phẩm của họa sĩ Chagall^[6] trên phối cảnh bị tổn thương của Manhattan.

Tôi rõ ràng đã trải qua những khoảnh khắc mà chúng tôi bỏ lỡ, các cử chỉ từng được phác họa nhưng chưa hoàn thiện, nỗi đau trong tôi rất cuộc nhạt nhòa đi trước nỗi đau vừa qua đây của mẹ khi biến mất *into thin air*^[7], một làn hơi nhỏ của một linh hồn đã già hòa lẫn với hơi nước nóng bỏng vẫn còn bốc lên từ mặt đất, trong cái vết thương há miệng ấy nơi những con người, xe tải, máy móc bé tí tẹo quay cuồng suốt ngày đêm trong vở múa ba lê chỉ vài diễn viên. Đương nhiên, với sự tầm thường của riêng mình, tôi ngẫm nghĩ về những việc làm vĩ đại, nhưng trong chính giữa sự tầm thường đó có một cách riêng để tạ ơn một người mà ba mươi năm trước đây đã gắn bó với thành phố này bằng một mối liên hệ mà tôi không biết, nhưng mối liên hệ đó đủ mạnh để giúp mẹ tiếp tục sống một thời gian. Tôi không biết mẹ đã được chôn cất ở đâu và vậy là tôi đứng trước hàng rào sắt ấy, viết cho mẹ bức thư yêu thương mà chúng tôi chưa gửi cho nhau khi mẹ còn sống, tự tha thứ cho mình về việc rốt cuộc chính tôi là người đã bỏ rơi mẹ, không chỉ vào giờ khắc mẹ qua đời, khi căn bệnh ung thư của mẹ vào giai đoạn cuối và khi chết dần chết mòn như bị gián nhấm, mẹ chẳng còn “nhan sắc” cũng chẳng còn “hay ho” nữa.

“Thế rồi...”

Mẹ đã không cần phải kết thúc câu nói mà sẽ chẳng bao giờ được kết thúc; cuối cùng tôi ở bên bà và bà ở bên tôi.

4.

Giọng ông Costes trên điện thoại rồi lên như khi đài phát thanh nhiều sóng và tôi phải khôi phục lại các từ. Tôi không biết ông nói gì, thậm chí tôi có cảm giác ông hơi mê sảng nhưng cũng thấy rõ sự nài nỉ. Cuối cùng tôi hỏi xem ông có muốn tôi đến không. “Chỉ cần cậu muốn đến,” ông nói với giọng mệt mỏi mà qua đó tôi thấy có vẻ khẩn cấp.

Vất vả lắm tôi mới tìm lại được con đường dẫn đến ngôi biệt thự. Cuối cùng tôi bắt gặp con đường khi sắp nản lòng và tôi ngoắc chiếc xe đạp vào hàng rào sắt.

Tôi phải kiên nhẫn đợi một lúc ở phòng khách trong khi Suzanne cạo râu và mặc quần áo cho ông. Tôi nghe thấy giọng nói bình thản của họ, một lời phản ứng, một lời nhắc nhở. Bà đẩy ông đang ngồi trên chiếc ghế bành đến chỗ tràng kỷ, ông dựa vào bà đứng dậy rồi lại từ từ ngã xuống, vụng về, vào những chiếc gối dựa. Ông lọt thỏm trong chiếc áo vest lông lạc đà, túi nhỏ màu vàng hợp với khăn quàng vàng; nhưng ấn tượng về sự già nua, về sự yếu ớt mạnh đến mức không còn chỗ cho vẻ lịch lãm nữa. Có lẽ người ta không thể mặc quần áo tử tế hơn được cho một xác chết.

Ông chìa bàn tay gân guốc xanh xao về phía tôi. Tôi lại ngồi quỳ, ở tư thế thấp hơn ông, phải ngược mắt để nhìn thấy khuôn mặt nghiêng của ông: cái mũi Ấn Độ của ông nổi bật giữa các nếp nhăn do sắp cận kề cái chết.

“Cậu đã đọc *Người Mỹ trầm lặng* chưa?”

- Ông Costes, có thể cháu không hiểu rõ qua điện thoại, nhưng cháu cứ nghĩ rằng ông có chuyện khẩn phải nói với cháu...

- Cậu đã đọc cuốn đó chưa?”

Tôi thở dài lắc đầu.

“Cậu có nhớ bầu không khí Sài Gòn một hai năm trước khi người Pháp thất thủ mà Greene miêu tả quá đúng không? Những quả lựu đạn nổ ấy, những cuộc mưu sát ấy, những cái chum gạo có thể chứa chất nổ ấy, những ‘thùng diêm’ trong đó người ta chuyên chở súng cối ấy, những cái giỏ hoa phũ kín đạn dược ấy, cái chu trình hết đêm lại đến ngày ấy, giữa tất cả những cái đó là sự hối hả hưởng thụ, cơn điên loạn kiếm tiền, trong khi biết rằng những thứ đó đang mất đi, tan đi và sẽ kết thúc. Đúng - tất cả như một gã biết rằng mình sẽ chết vào rạng đông và tiếp tục đêm đó tại sòng bạc với hy vọng vợ hết tiền của nhà cái. Thời điểm tôi quay trở lại đúng là như vậy đấy, một nhà thổ gớm ghiếc và ghê tởm, đồng thời lại là thiên đường cho những kẻ mù quáng. Người ta húc đầu vào tường, người ta đã ở đó rồi nhưng người ta cóc quan tâm, người ta còn tăng tốc nữa. Đã xa rồi cái thời Leclerc và thậm chí cả những điều về tướng de Lattre, khoảng thời gian ngắn ngủi mà họ lại tin rằng mình có mặt ở đó để làm được việc gì đó, tất cả đều đã bị chôn vùi như Leclerc, như de Lattre và con trai ông, trung úy Bernard do chính de Lattre tự tay mang xác về. Đây: tất cả đều kết thúc, vẫn còn một vài lời khiến người ta cười khẩy, những người sáng suốt im lặng, lòng nhiệt huyết, sự hy sinh, chủ nghĩa cộng sản, tự do, tất cả đã trở thành trò múa rối thể thảm mà trong đó cả tôi một lần nữa cũng chấp nhận đóng vai của mình.

“Tôi ngỡ là ở Paris đã từng nghe nói về một chiến dịch quân sự hiển hách sẽ được tiến hành tại một nơi hẻo lánh tên là Điện Biên Phủ, nhưng đó có thể là ảo ảnh khi nhìn về quá khứ. Tôi biết rằng người ta sử dụng những tổng tư lệnh và cao ủy và rằng mỗi người, vào mỗi thời, đều có chính sách ‘của mình’, chiến lược ‘của mình’, nhưng tất cả những thứ đó được thực hiện uế oải, cộng thêm vụ tai tiếng về tiền bạc và chính trị. Trong số các loại thuốc phiện thuộc địa, người ta chỉ còn hút *xái*, cái thứ căn bã gây bệnh nhưng mang lại chút xúc cảm. Thỉnh thoảng, chính phủ gửi tới một phái đoàn để ghi nhận các tổn thất và đưa ra khuyến cáo: trong lúc chờ phái đoàn quay lại, chính phủ ấy đã bị lật đổ và chính phủ tiếp theo, bao gồm gần như toàn các bộ trưởng cũ, long trọng cam kết không mắc phải những khuyết điểm hiển nhiên đó nữa. Ôi!

Cái thời hạnh phúc của Chủ tịch Queuille⁽⁴⁾ với sự khôn khéo tốt bậc: ‘Vấn đề nào sau một khoảng thời gian dài cũng sẽ có cách giải quyết.’ Khi nào thì chúng ta có thể rời Việt Nam? Khi nào có thể diệt trừ nạn khủng bố và khi nào thì một chính phủ dân chủ, được giáo dục trong truyền thống hành chính và chính trị vô song của chúng ta, có thể chín muồi để lãnh đạo một đất nước hiện đại.

“Tại Paris, tôi đã gặp lại tay nhà báo mà tôi từng quen tại Hà Nội, là bạn của bố cậu: với kiểu tác nghiệp thường lệ của người Anh, hẳn gọi đó là sức sống của nền dân chủ Pháp. Tôi thì từ lâu đã hiểu rằng tất cả những cái đó đều thoái hóa, và tôi kiên trì với sự khôn khéo của tôi, cũng là của cha Blum: tôi đã tiếp tục, cố gắng vui đùa mà không gây ra thiệt hại. Đó là những năm mà những người kháng chiến thực thụ ngồi yên giữ im lặng trong khi những kẻ nói khoác đãi chúng ta những câu chuyện tuyệt vời. Khi người ta hỏi tôi là ai, làm những gì, tôi rụt rè trả lời: ‘như những người khác: những gì tôi có thể.’ Tôi ngưỡng mộ ngài Romain Gary tuyệt vời mà tôi chỉ gặp đôi ba lần, ông cho rằng việc kể ra những chiến công của mình thể hiện sự thiếu lịch sự. Với tuổi tác, cậu thấy đấy, tôi đã kém đi: trong lúc sơ xuất tôi đã để mình được trao Bắc đẩu Bội tinh. Hẳn là tôi đã khiến nhiều bạn bè phải khổ tâm...”

Một lần nữa tôi lại thấy sốt ruột. Tôi lắng nghe câu chuyện của ông nhưng ông rất hay bị lạc đề so với câu chuyện mà tôi tìm kiếm - đấy là cứ cho rằng ông còn nhớ lý do tôi có mặt tại đây.

“Vậy là ông quay trở lại Việt Nam...”

Có lẽ ông nhận ra vẻ mệt mỏi chán chường ẩn chứa trong giọng nói của tôi.

“Tha lỗi cho tôi, André. Tại sao cậu không cắt lời khi tôi lạc đề?

- Bởi vì nếu ông ngừng nói ngoài lề thì ông sẽ không nói nữa...

- Ái chà, tôi thích điều này đấy! Đúng là như thế! Đấy. Bảy năm rồi tôi không gặp bố cậu. Katia quay về Pháp vài ba lần và tôi đã gặp cô ấy một lần tại New York. Cô đưa tôi đi xem một vở kịch của Noel Coward vào buổi sáng và rap hát đầy phụ nữ trung tuổi, chệnh choáng hơi men, cười ré lên sau mỗi lời đối thoại. Cuối cùng cô kể cho tôi nghe về mối diễm tình của họ tại Hà Nội, các bức thư của cô không có phúc đáp, cuộc gặp gỡ lỡ dở của họ tại Sài Gòn năm 1949. Cô nói rằng thế là hết, gia đình Garnier thuộc về quá khứ, nhưng tôi hoài nghi và tôi nói điều đó với cô. Cô cố gắng cười nhạo nhưng tôi thấy rõ rằng đôi mắt hạnh nhân đen láy tuyệt đẹp của cô không cười - mà chất chứa đau buồn và hy vọng. Cô khẳng định mình chẳng còn chờ đợi gì ở ông ấy nhưng tôi cảm thấy rằng cô chia tay nhưng không cắt đứt quan hệ với ông ấy. Cô có những người tình thoáng qua và tôi ghen với họ còn hơn với bố cậu, bởi lẽ nếu tôi không thể là mối tình lớn của đời cô thì ít ra tôi cũng phải là một trong những mối tình nhỏ của cô chứ? hay một dòng chú thích cuối trang trong câu chuyện của cô? nhưng ngay cả điều đó cũng chẳng được đoái hoài, dù tôi chỉ hơn cô ít tuổi, tôi vẫn thuộc về một thời đại khác, có lẽ đối với cô như thế có chút hương vị loạn luân nào chẳng, và tôi phải thấy hạnh phúc khi được làm bạn với người đàn bà đẹp và biết ăn mặc ấy, khoác tay tôi, về bí ẩn, bước vào các nhà hàng ngon nhất Paris.

“Khi đó tôi ở ba phòng trên tầng cao nhất của khách sạn Hòa bình, trên đảo Saint-Louis. Cậu cứ kiểm tra đi: khách sạn vẫn còn đó, nhưng với giá phòng một đêm hiện nay, khi ấy ta có thể sống cả tháng... Tôi có một chiếc thuyền neo ở bến, có những người bạn là triết gia, trộm cắp, nhà văn, nhà tâm lý học - có lẽ cậu biết hầu hết tên của họ - chúng tôi cùng nhau uống rượu whisky vào ban đêm, theo khả năng và ý thích của chúng tôi: quá nhiều. Tuổi trẻ của chúng tôi kết thúc muộn bởi lẽ chúng tôi đã trở nên già quá sớm.

“Tôi từng nói với cậu rằng tôi được cử đi công tác; nói đúng hơn thì chính Katia là người đã thuyết phục tôi. Cô ấy vẫn làm việc cho hãng Reuters và bấy giờ cô đã có một mạng lưới thực sự. Cô biết có những mối liên hệ tại Sài Gòn giữa những người Pháp và những người bạn Việt Minh, nhưng mọi chuyện rầy rà một chút. Với tư cách là ‘người Pháp đầu tiên bắt tay Chủ tịch Hồ Chí Minh’, liệu tôi không thể đóng một vai trò nào được sao? Cả tôi cũng biết các cánh cửa và nút chuông ở đâu: hai chúng tôi gặp lại nhau trên chuyến bay của hãng Hàng không Pháp.

Đó là vào cuối năm 1951, có thể là đầu năm 52. Tôi khiến cô ấy mỉm cười khi kể lại giai thoại của những năm Sainteny. 'Tôi không được phép gặp bất kỳ ai một cách chính thức, tôi không được phép cam kết bất kỳ điều gì dù là nhỏ nhất.' Cô cười. 'Đó là tình cảnh tốt nhất, dù thế nào đi nữa thì đó cũng là tình cảnh khiến anh vui nhất, Costes a - sự tự do hoàn toàn của quyền lực vô biên: - Đúng hơn hãy gọi đó là phi quyền lực. - Chính vì lý do đó mà quyền lực không có giới hạn.'

"Tôi ở sát gần bên cô - xin lỗi nhé, lẽ ra tôi nên biết mình đang nói đến mẹ cậu và phải thay đổi cách nói, nhưng tôi không làm được - và tôi đã không thể ngăn mình nhắc lại với cô về khoảnh khắc ấy, tại công viên Buttes-Chaumont, nơi làn môi chúng tôi sượt qua nhau. Trước chiến tranh... Cô vừa mỉm cười vừa nhìn các đám mây trên cao mà chúng tôi đang bay qua. 'Đó là một cuộc đời khác, François ạ, anh biết rõ mà.' Thế rồi cô tử tế cầm tay tôi lên hôn. Tôi biết tổng là cô nghĩ đến bố cậu: đã ba năm rồi họ chưa gặp nhau."

Tôi cảm thấy có người sau lưng. Suzanne đang ngồi nghe chúng tôi. Tôi viết "chúng tôi" cứ như thể tôi đã tham gia vào cuộc trò chuyện chứ không chỉ gật gù, thở dài hay hắng giọng; nhưng tôi cho rằng mình tương đối giỏi im lặng và sự im lặng này cũng có giá trị trong cuộc đối thoại mà ở đó duy nhất một nhân vật đảm nhiệm tất cả các vai và tất cả các lời thoại.

"Chúng tôi đến ở khách sạn Continental, và tôi bắt đầu có những cuộc tiếp xúc còn Katia thì sẵn tin. Về bầu không khí thì tôi đã kể cho cậu nghe rồi. Một buổi tối, chúng tôi được mời xem phim tại câu lạc bộ Sĩ quan Hải quân trên đại lộ Charner. *Chuông nguyện hồn ai* - cậu có hình dung được tính biểu tượng của lựa chọn này không! Chúng tôi đến đó là có lý do, chẳng hề vì điện ảnh chút nào. Khi bộ phim kết thúc, chính tôi là người đầu tiên nhìn thấy bố cậu từ buồng chiếu đi ra và tôi đã hỏi xem ông ấy làm gì ở chỗ các lính thủy đánh bộ, và tôi gọi Katia, và một lần nữa, cả ba chúng tôi gặp lại nhau. Tôi nói 'một lần nữa' bởi trong câu chuyện xa xưa của chúng tôi, ông ấy chiếm vị trí của ông nội cậu còn tôi luôn luôn ở vị trí đó - vị trí của thằng ngốc. Thôi được, như Katia nói, đó là một cuộc đời khác. Chúng tôi ăn tối tại Gia Định, rồi đến hộp đêm tại Đa Kao. Khi đó có gió mùa: rặng sáng, mấy cụ già bắt được vài con cá trê gầy guộc trong ổ gà đường ray tàu điện.

"Tôi đã từng đóng một vai trong bộ phim này những năm trước. Katia nhìn bố cậu... Trời ơi, như Héroïse nhìn Abélard vậy! Và ông ấy đã trưởng thành mà chưa thực sự chín chắn, ông ấy từng có nhiều đàn bà và chiếu tất cả những bộ phim ấy nhưng lúc nào cũng có cái gì đó cháy bỏng trong ông, một khát vọng vừa bao la vừa hủy diệt ông, một hoài bão về những điều không thể, một cách tự tiêu hủy rất riêng vì những giấc mơ không thể hiện hữu, một khát khao tốt cùng muốn ở nơi khác ngay cả khi ông có mặt ở chính nơi đó. Ông nội cậu có lối ngôn từ và sự nhạy bén riêng, nhưng ông lại không có sức mạnh - ông chưa bao giờ tự tin vào khả năng vừa là người vừa là nhạc sĩ của mình; còn bố cậu thì có sức mạnh và sự nhạy bén, nhưng ông bị giằng giật giữa quá nhiều ngôn từ, buộc ông phải nín lặng. Hơn nữa, cả hai đều không thể yêu và để cho mình được yêu. Tình yêu của người phụ nữ ấy, nếu như bố cậu chỉ cần đơn giản tiếp nhận thì chắc cuộc đời ông ấy sẽ khá sung sướng; nhưng với tình trạng lúc đó, chỉ là có thêm một lý do để nghĩ rằng cuộc sống không thể chịu đựng được.

"Mọi chuyện hỏng bét khi chúng tôi muốn đến nhà ông ấy: bấy giờ ông ấy ở phố Chasseloup-Laubat, một ô nhà gần trường trung học Pháp. Ông ấy tỏ ra lưỡng lự khi dẫn chúng tôi về nhà và việc đó khiến Katia bật cười: 'Anh không muốn cho bọn em xem chỗ trú ẩn của anh sao? Anh sợ bọn em thấy cuộc sống xa xỉ mà anh nấu mình trong đó, sợ bọn em thấy các thành quả cướp bóc của anh? các nô lệ xinh đẹp của anh ư?' Cô không ngờ mình nói trúng phóc: khi chúng tôi đến nơi, một thiếu phụ và một đứa trẻ đang ngồi trong căn phòng phía trước. Ông ấy không có một điệu bộ, một lời nói nào dành cho họ, và bảo chúng tôi rằng đó là người giúp việc. Cô ta trông không giống một người giúp việc, cô có đôi mắt không xéch như một người châu Á thường vẫn thế, một vẻ đẹp tĩnh lặng, và cô mặc toàn đồ cô tông màu đen, theo kiểu phụ nữ nông thôn. Đứa trẻ - một bé gái - được đặt trên chiếc ghế tre và nó cũng im ắng, điều hơi lạ đối với một đứa trẻ chừng hai tuổi. Căn phòng tối tăm và chật hẹp đó quá im lìm trong khi bên ngoài nước chảy xối xả. 'Người giúp việc' pha trà cho chúng tôi còn bố cậu rót một ly whisky. Ông khô khốc bảo họ đi chỗ khác và cô lui ra không nói một lời. Ông ấy đứng lên, lại gần chỗ tôi,

tay cầm ly rượu, vẻ thách thức.

“Katia phải vỗ vào vai ông để ông bình tĩnh lại nhưng tôi bỏ đi ngay tắp lự, cả đêm đó tôi thấy ghê tởm cái tình cảnh mà ông ấy sa vào. Khi ông ấy mao hiểm với Inès xinh đẹp thì vẫn còn có sự vô tội trong ông; bây giờ ông ấy sắp đặt, có thể cả tính toán nữa. Mẫu hình của tôi, khi đó vẫn còn là Gary, người chỉ phải tự trách mình trong các mối quan hệ với phụ nữ - ông ấy nói - vì đã thiếu tế nhị: một lần công khai khoe khoang đã có được một cô, quả đúng là ngay sau khi có được một cô... Vậy là khía cạnh hai mặt của cuộc sống, tình duyên, sự dối trá - nói chung tất cả những gì tôi đã đoán ra trong cảnh tối tăm của căn phòng hay trong cái ánh vàng hổ phách của ly rượu whisky - tôi đủ kinh nghiệm để biết rằng chuyện đó là một phần của tấn trò đời nhưng không: không phải chuyện đó, không phải ông ấy, không phải tôi. Cậu thấy đấy, lúc nào tôi cũng ghen như vậy.”

Đôi khi Costes ho những tiếng ngắn rồi nói vội vàng khiến tôi không nghe được hết, nuốt đến nửa câu làm tôi phải vót lại. Đôi khi ông nói to, cứ như ông đọc diễn văn không micro trước cử tọa, và đôi khi ông lại nói nhỏ đến mức tôi phải ghé sát miệng ông. Trong lồng ngực ông có tiếng tap âm, như hơi thở của một chiếc cát xét cũ kỹ.

“Tuần cuối cùng, tôi đi chuyển khứ hồi đến Hà Nội. Tôi có một vài cuộc gặp gỡ kín đáo - rủi thay tôi chẳng gặp được ai trong số những người bạn cũ, đặc biệt là Hồ Chủ tịch. Họ di chuyển liên tục, và có lẽ phải mất hàng tuần, có thể hàng tháng mới đi được đến tận một trong những căn cứ địa của vùng núi rừng Pắc Bó. Với lại tôi thừa biết rằng chuyển công cán của mình không phải là một chuyển công cán, chính phủ của tôi không phải là một chính phủ. Tôi biết rằng đôi khi ngoại giao đơn giản là làm sáng tỏ những uẩn khúc, mắc mớ, nhưng trong trường hợp này, cả câu chuyện cũng chẳng có nội dung gì đối với tôi. Khi trở lại Sài Gòn, tôi quyết định dành chút ít thời gian ở một mình. Tôi đi dạo dọc những con kênh, suy tư dưới gốc cây đề... Thế giới thương lưu, các tiệm hút, những người Tàu *mại bán*, tất cả bối cảnh mà Bodard đã kể, khi ấy tôi có cảm giác rằng đó chỉ là những ẩn dụ kiệt quệ nơi chẳng còn chút sinh khí nào tồn tại; tôi lạnh lùng với những gì khiến người khác choáng ngợp.

“Một buổi sáng, tôi suýt va vào bố cậu khi ông ấy bước từ phòng Katia ra. Chúng tôi chào nhau như những người xa lạ trong thang máy, chỉ có điều chúng tôi không phải là những người xa lạ và chúng tôi đang không ở trong thang máy. Tôi thích đưa ra những phân tích về giới trẻ thuộc thế hệ ông ấy (đừng quên rằng tôi sinh năm 1914, nên ngay cả dưới con mắt của những người sinh ra giữa hai cuộc chiến tranh thế giới, tôi vẫn thuộc một thời đại khác): nếu như họ có được chút can đảm và danh dự thì có lẽ chúng ta không có cái cảm giác khó chịu rằng chúng ta chiến đấu chẳng vì mục đích gì. Tôi phóng đại lên thôi bởi lẽ ông ấy đã làm những gì có thể và ông tiếp tục theo cách riêng của mình. Nhưng cậu biết rõ tại sao tôi lại nghiêm khắc rồi đấy. Tôi đã lên máy bay cùng với Katia mà không gặp lại ông ấy. Còn cô thì ủ rũ, khép mình.

“Chúng tôi bị rung lắc khá nhiều trong chuyến bay trở về - thậm chí có đôi lúc máy bay đột ngột giảm độ cao đến vài trăm bộ. Chúng tôi được mời uống rượu cognac để bình tĩnh lại. Katia kể cho tôi nghe về tình yêu cô dành cho ông ấy mà cô không hy vọng được đáp lại, và cô cũng chẳng chờ đợi điều gì. ‘Chỉ thiếu chút nữa, tôi vui vẻ đùa, là cô chết trong vòng tay tôi rồi.’ Cô lịch sự nói với tôi rằng suốt giai đoạn khó chịu ấy, có lẽ đó là khoảnh khắc hạnh phúc trọn vẹn nhất. Tôi sung sướng thấy mình còn sống, sau khi có một thoáng cảm tưởng cơ thể mình tan thành triệu mảnh. Chuyện đó khiến cô trở nên tự lự. Cô nói với tôi rằng cô đã già - tôi đang nói với cậu về cái thời mà một phụ nữ chỉ ba mươi tuổi đã đến ngưỡng tàn phai - và rằng cuộc đời cô thể là hết. Cô nói với tôi về ông ấy, về những gì ông đã nói với cô, về cảnh nguy khốn ập xuống cuộc sống của ông ấy mà ông ấy không nhận thấy, về hoàn cảnh khó chịu với người đàn bà mà ông không yêu ấy nhưng không thể ruồng bỏ vì đứa con gái chung...”

“Khi chiếc máy bay DC3 đến Orly, tôi đã bị tình yêu của người đàn bà si mê này chinh phục và tôi chỉ muốn những điều tốt đẹp cho cô ấy cùng những người thân của cô ấy. Nói với cậu thế nào nhỉ, tôi thậm chí còn nghĩ rằng Pierre có thể thay đổi... Ngay hôm sau cô đi New York và cô đề nghị tôi không được tiễn cô. Paris là thành phố mà bây giờ cô thấy sợ, thành phố của những mơ ước tuổi trẻ, thành phố của cha con Garnier đã mất. Vì vậy, đó không còn là thành phố yêu

dấu của những người biệt xứ, những người lưu vong trên trái đất này nữa (có thể là một truyền thuyết, được những người từng vượt qua sự vô tình cao xa của thành phố này sáng tác ra). Cô muốn thuê một phòng trong một khách sạn xa hoa nhưng tôi thuyết phục cô rằng tôi có phòng xa xỉ nhất tại khách sạn Hòa bình nơi tôi sắp rời xa - có cả các triết gia, những tên trộm, những người chơi ném bi và chiếc đồ buộc trên bên cửa tôi.

“Đêm đến, chúng tôi không ngủ được, chúng tôi cầm tay nhau, khoác eo, dạo quanh đảo Saint-Louis: cô ấy biết rằng đằng sau đam mê của mình chỉ ẩn chứa những khổ đau và đằng sau vẻ duyên dáng vũ nữ của mình là sự vững vàng đã lôi cuốn cuộc đời ông ấy mà không trối ông ấy lại, trừ phi ông ấy muốn điều đó. Cô đã quyết định trở lại Sài Gòn làm phóng viên nếu hãng Reuters chấp nhận, nếu không thì làm nhà báo tự do, và thậm chí ‘chẳng là gì hết’, cô nói không chút xúc cảm, bởi vì lần này cô sẽ ở lại với ông ấy, để chia sẻ những gì có thể, hy vọng bằng cách này hay cách khác dành trọn cuộc đời để chiếm được trái tim ông, gạt bỏ những con quỷ trong ông. ‘Tôi biết việc đó ngu xuẩn đến tuyệt vọng, François ạ. Tôi biết cả danh sách dài những người phụ nữ muốn cứu một người đàn ông và họ đã thất bại. Thế nhưng - chẳng có gì làm tôi mong muốn hơn thế.’ Cô theo ông ấy đến khi ông ấy quảng cô đi. Cô không hề hối tiếc và sẽ chẳng bao giờ hối tiếc, cô chẳng sợ việc không được ông ấy đáp lại.

“Bên dòng nước đen ngòm của sông Seine, với hình bóng nhà thờ Đức Bà Paris phía sau, và tiếng bước chân chúng tôi vang lên trong đêm, tôi chìm vào một bản tình ca thực thụ - nhưng đó không phải là bản tình ca cho tôi. Cô nói với tôi rằng đêm ấy thật khác lạ, rằng đêm ấy dành riêng cho chúng tôi mà không có hy vọng lặp lại hay nghĩ đến tương lai - liệu tôi có hiểu những gì cô muốn nói không? Liệu tôi có từ bỏ mọi ý đồ với cô? Cô đợi tôi nghiêm túc trả lời và cô hôn tôi... Chúng tôi đã già thêm gần mười lăm tuổi, cậu thấy đấy, nhưng tôi vẫn giữ mùi vị làn môi cô trên đôi môi tôi. Tôi bế cô, nhẹ nhàng, đến tận bậc cửa khách sạn, rồi vừa đưa cô lên qua các tầng vừa nói với cô những lời ngu ngốc mà cô thứ lỗi cho tôi từ trước. Qua cửa sổ, tôi chỉ cô xem tôi tin vào điều gì, có thể là ‘chữ M tinh mạch của dòng Seine’ mà qua đó tác phẩm *Aurélien* của Aragon đã bóp nghẹt trái tim chàng trai trẻ là tôi và gieo vào đó sở thích nhớ nhung quá khứ không thể chữa khỏi. Tôi thú nhận rằng đôi khi tôi thấy trái tim mình - chỉ hiếm khi thôi... - rung động trước những phụ nữ trẻ thoáng qua, nhưng chưa bao giờ như với cô lúc đó: lần đầu tiên mà tôi biết - đồng thời cũng là lần cuối cùng. Trước khi đi ngủ, cô cần cả một bài tập thể dục phức hợp mà cô trần truồng thực hiện cho tôi xem, vừa tập vừa cười vì cô không quen. Điều nhảy cô dành cho tôi là *Hồ Thiên Nga* và toàn bộ lịch sử vũ ba lê (tôi chưa từng xem vở nào trong đời), với cảnh bài trí đẹp nhất thế giới bên ngoài cửa sổ - và tôi thấy cảnh đó đến như nó qua đi, tôi cố giữ lại những hình ảnh trong ký ức mình. Thế rồi cô trườn vào trong tấm mền giường tôi, nép sát bên tôi. Cô có tấm thân thật mảnh khảnh... Tôi không dám động cựa. Cô bắt tôi hứa không được động vào cô và tôi đã hứa. Và rồi cô bắt đầu thở gấp và chúng tôi đã làm tình: hai người trẻ tuổi khao khát nhau từ lâu và biết rõ rằng tất cả đang mất, mất đi rất nhanh, và suốt một ngày trời chúng tôi không còn phân biệt được sáng tối, mà cũng chẳng thèm để tâm đến điều đó, trong khi màn đêm dần buông xuống, từng xăng ti mét một, và cứ qua mỗi khoảnh khắc, chúng tôi lại muốn cầu xin đêm đừng trôi nhanh quá.

“Buổi sáng, khi tôi đi taxi cùng cô, chỉ khi đó cô mới nói với tôi rằng cô đang mang thai.”

Tôi giật nảy mình. Suzanne không nhúc nhích.

“Cậu có vẻ không bằng lòng rồi. Từ góc này tôi thấy rõ nét mắt ấy của cậu. Cậu coi tôi là tiểu thuyết gia ba xu, chớp lấy thời cơ thuận lợi để tạo những cảnh bất ngờ ư? Tôi không có thời gian đâu, André ạ - chưa kể là việc đó hẳn làm cậu khó chịu, và chẳng cần phải làm thế. Không phải cô ấy có bầu với tôi đâu, ngốc ạ, đương nhiên là với ông ấy rồi. Nếu lời nói của tôi chưa đủ trọng lượng thì còn có câu ‘giỏ nhà ai quai nhà ấy’, cậu quên điều đó rồi sao?”

Quả là tôi đã quên sự giống nhau giữa tôi và bố. Vào khoảnh khắc này, tôi chắc chắn rằng tôi giống ông ấy. Bức ảnh chưa bao giờ có thể được chụp - bức ảnh của ông nội Louis, bố tôi và tôi, hẳn là thể hiện ba khuôn mặt khác nhau, nhưng đó là cái khác trong chừng mực ba tấm gương phản chiếu các nét khác nhau của cùng một con người. Khuôn mặt dài, má hõm, ánh mắt đen nhìn chằm chằm đến lo ngại, và đằng trước, bàn tay với những ngón thanh mảnh nhưng mạnh

mẽ trông như nhện chăng tơ. Một niềm vui len lỏi giữa những cảm giác khó chịu trong tôi, cùng với sự tò mò chưa bộc lộ: vậy là tôi được sinh ra như thế đấy, kết quả của hai lần thụ thai, tinh trùng của người cha đẻ, người chắc hẳn không biết đến sức mạnh của chính mình, được tinh trùng của cụ già này tiếp sức, người mà nhờ may mắn sống sót, suýt thì trở thành cha tôi, vì cú cồ đeo đuổi.

Một tiếng cười vui vẻ khiến tôi trở lại với chính mình. Suzanne đứng dậy khỏi ghế.

“Đến giờ uống thuốc rồi, bà hào hứng nói.

- Đưa cho tôi con rùa này thì hơn.
- Việc đó không giúp ích được đâu.
- Vậy điều gì có thể giúp ích được?
- Chẳng có gì.
- Thế thì làm sao đây?
- Thế thì đến giờ uống thuốc rồi.”

Tôi chẳng phải tìm hiểu xem giữa họ có chuyện gì. Đôi khi tôi đoán thấy vết rạn của sự không thấu hiểu gần như là hận thù; và đôi khi có một tình yêu thầm lặng, lòng tận tụy vô biên giữa họ với nhau.

“Tôi nói sắp xong rồi,” ông quay mặt về phía tôi nhưng hầu như không nhìn thấy tôi. “Những điều ít ỏi mà tôi biết sau đó là những mẩu rời rạc: họ tới Paris cùng với cậu, tôi đồ là vào quãng mùa thu năm 1954, ngay trước hay sau hiệp định Genève, tôi gặp cha cậu vài lần. Tôi muốn giúp đỡ họ và cái mặc cảm tội lỗi nào đó trong lòng năn nỉ tôi giới thiệu cha cậu với những người có thể tìm được việc làm cho ông ấy, và dồn toàn bộ tình thân ái hữu hiệu mà phi vụ lợi cho cả hai người. Có chuyện không ổn giữa họ - ông ấy khắc nghiệt và tỏ giọng đánh thếp với cô, điên cuồng và bỉ ổi. ‘Cô đừng lo, tôi nói với Katia khi cả hai chúng tôi cùng uống cà phê, ông ấy đi đã được mười năm rồi. Ông ấy sẽ tái thích nghi.’ Cô nhìn tôi chăm chú mà không trả lời và tôi không dám nói tiếp: tôi tự cảm thấy mình là người ngu ngốc nhất, bởi lẽ trong câu chuyện này, tôi và ông ấy cùng lúc đánh mất cô. Mọi chuyện giữa họ không kéo dài lâu và khi tôi biết điều đó, cô đã ra đi và cả ông ấy cũng vậy. Đúng, tôi hơi bị tổn thương bởi vì cô đã không gọi cho tôi, biệt vô âm tín - và rồi tôi đã hiểu rằng chuyện là như vậy. Cô đã nói với tôi tất cả những gì phải biết ngay cả trước khi chuyện xảy ra. Tôi tưởng rằng cậu ở cùng với cô ấy.

“André, chuyện này khiến tôi đau lòng hơn cậu nhưng tôi đã nói tất cả. Như người bạn thân thiết Gary của tôi đã viết, vượt qua giới hạn ấy, tấm vé của bạn không còn giá trị nữa... Tôi đã kể câu chuyện và cuối cùng nhận ra rằng mình đã can dự vào bao nhiêu chuyện và có thể đó là nơi mỏ vàng, kho báu mà cậu tìm kiếm đang trú ngụ... Nhưng thôi nào, cậu phải để tôi nghỉ thôi: tôi mệt rồi, đã đến giờ uống thuốc, và chỉ duy nhất Suzanne là người có đặc quyền ở bên tôi trong những lúc này.

“Cậu đi đi.”

Tôi đứng dậy và Suzanne ra cùng tôi. Tôi vẫn còn nghe thấy giọng của ông nhỏ dần như thể ông đang trôi dạt trên chiếc đồ trong khi chính tôi là người ra về.

“Cậu đã cho tôi, ông nói, một niềm vui sâu lắng.”

Ông già ranh mãnh, tôi nghĩ, chính ông là người đã nói ra hết - ông ca ngợi lời tán dương của chính mình.

Ấy thế nhưng, niềm vui đó được hoàn lại cho tôi và ở bên tôi.

Đêm ấy, tôi lôi trong ngăn tủ ra các tổng phổ của ông nội và bắt đầu đọc các nốt nhạc.

Tôi thừa hưởng chuyện đó từ gen gia đình - hay từ những bài học về âm nhạc mà bà nội quyết dành cho tôi: các ngón tay tôi dễ dàng đặt đúng vị trí và làm theo trí nhớ, ở đây ý thức và kỹ thuật không đóng vai trò gì. Một trong những tổng phổ là khúc biến tấu về chủ đề *Dies irae* của Tchaïkovski, chính là biến tấu đã ám ảnh Rachmaninov khi sáng tác bản giao hưởng đầu tiên của ông, tác phẩm đã nhanh chóng đẩy ông vào địa ngục khi bốn nốt nhạc về chủ đề ấy lặp đi lặp lại hết sức nhức nhối, không chịu nổi... Tác phẩm lấy cảm hứng từ bản giao hưởng đó được ông nội tôi sáng tác nghe thật thống thiết và sâu lắng, nhưng ông đã làm nổi bật cái mà người ta có thể gọi là sự êm ái “kiểu Pháp”, cứ cho là từ này có nghĩa. Chỗ mà Rachmaninov đã gò chủ đề đến mức thành không thể chấp nhận được thì ông nội tôi tô điểm, che giấu để khiến nó nổi bật, trần trụi và mong manh, khi người ta không ngờ tới nữa. Tôi không thể ngăn mình tự hỏi liệu có phải ông đã viết ra những dòng này vào khoảng thời gian gặp gỡ với Katia, kết hợp hai truyền thống - Nga và Pháp - theo kiểu kết thúc không có hậu.

Khi đọc xong bản nhạc, dù còn đôi chỗ bắn khoản và đọc sai nốt nhưng căng thẳng bởi cảm giác mãnh liệt do sự khám phá ra sâu thẳm con người mình mang lại, tôi cảm thấy một khoảnh khắc gắn kết với tất cả những gì xung quanh tôi, với những gì có trước tôi, vượt lên trên ý muốn của tôi, nhờ một sự tiếp nối mềm mại, mạnh mẽ được các mạch máu sáng bừng truyền đi trong tôi. Việc này chẳng hề làm tôi buồn chán mà ngược lại, nó giúp tôi thanh thản, ý thức mình thuộc về một mối quan hệ thân thiết mà ở đó vai trò của tôi không cần thiết nhiều hơn hay ít hơn người khác và ngẫu nhiên từ thế hệ này sang thế hệ khác mối quan hệ ấy có thể bất chấp thời gian và biểu lộ qua những chuỗi nốt nhạc và có lẽ cả những chuỗi ngôn từ nữa.

Trước khi qua đời ít lâu, bà nội tôi đã để các túi ni lông quanh giường, trong đó bà cất giấu kỷ ức thời trẻ, những đồ vật vĩnh, những thư tín mà các từ ngữ đã quay trở lại trạng thái âm tiết. Ban đêm, khi hầu như không thể đi lại thì bà nhòem dậy sắp xếp chúng và khi Mireille đến ngó bà, hỏi bà đang làm gì thì bà trả lời rằng bà đang chuẩn bị “hành trang” Argos⁽²⁾. Khi đó tất cả chúng tôi đều lâm vào cảnh tuyệt vọng, vắng bóng vị Chúa mà chúng tôi chẳng còn mấy tin tưởng, tuy vậy vẫn có thể có những khoảnh khắc chân trời mở ra. Trước khi sang Việt Nam, tôi đã đọc một cuốn truyện kể dân gian. Một trong số đó kể lại câu chuyện của hai vì sao, Ngưu Lang và Chức Nữ, sao Hôm và sao Mai, mặc dù yêu nhau nhưng không bao giờ có thể gặp được nhau. Mỗi năm hai lần những con qua làm thành chiếc cầu bắc qua sông Ngân để giúp họ đến với nhau: tôi cảm thấy sợi dây liên kết giữa những người trước và sau tôi là vì lẽ đó: không thể nhưng vẫn cần thiết, mắt hướng về phía bầu trời, chờ đợi đàn qua. Câu chuyện này có trong rất nhiều cuốn truyện và thi ca Việt Nam dưới hình thức này hay hình thức khác, và khi thấy câu chuyện được kể đi kể lại từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, ta chỉ có thể cảm thấy gần gũi với một dân tộc ca tụng nỗi buồn dai dẳng về cuộc hội ngộ chỉ có trong mơ thế nhưng sự cần thiết của nó không bao giờ ngừng đeo đuổi chúng ta.

Tất cả các nhân vật trong câu chuyện của tôi hiện ra như vậy, và tôi - con qua cô đơn cố biến thành cả một cây cầu - nối họ lại với nhau.

5.

“Chú có muốn lần sau cháu lại đến không?”

Cô gái thăm lặng đứng trước cửa nhà tôi. Cô xòe hai bàn tay ra.

“Cháu mang cho chú quả xoài. Cháu nghĩ là chú thích. Bây giờ cháu đi đây.

- Không, xin cháu đừng đi.”

Tôi không nghĩ đến cháu trong suốt chuyến đi nhưng chắc là cháu đã hiển hiện, theo cách của các vị thần trên đất nước cháu.

Tôi mở cửa và níu lấy cháu, thực sự làm cháu sợ.

“Bây giờ chú giữ được cháu rồi...”

Giọng tôi dịu dàng hơn và cháu không còn sợ nữa. Cháu đi nhanh vào bếp để gọt xoài.

Rồi chúng tôi ngồi trên tràng kỷ ăn xoài.

Đôi mắt cháu miên man dõi theo vết ghép giữa hai miếng gỗ dán sàn nhà.

Cháu bắt đầu nói.

Những cái dầm thời thơ ấu.

Mùi nước mưa từ đất bốc lên. Hình dạng cây hoa súng. Một cách giật mình khi tiếng pháo nổ. Tiếng đom đóp của những người chơi mạt chược phía sau cổng Chợ Lớn. Những con cò khuất dạng trong sương mù. Vóc dáng mạnh mẽ của con trâu đang tắm mình trong nước. Vị gừng mật ong. Từ “ngọc”, màu sắc, và cả chất liệu nữa, dịu dàng và sống động trong tay. Không khí đậm hương vị ngày Tết. Tiếng ếch nhái kêu ộp ộp. Một con rùa nước tiến lên giữa mô đất lồi nhô đá trong ao. Tiếng rao của những người bán na. Đèn dầu được thắp lên. Miếng trà giữa các ngón tay cháu. Hàm răng bà trẻ nhuộm đen. Trên bàn thờ che rèm đỏ có một bức ảnh và những đồ vật bằng đồng lóe sáng trong bóng tối. Bánh cuốn vào bữa sáng. Hái rau muống nước, chạy trên đê đui bắt những con châu chấu kèch sù. Hàng rào tre. Bóng vách ngăn nơi bà trẻ ngồi gập chân trên đó khi chúng cháu đến thăm, và bà hôn hít khuôn mặt cùng mái tóc cháu. Động tác đưa dao về phía mình khi cắt rau của mẹ chứ không hướng ra ngoài như họ.

Con gấu bông bị mất đúng lúc lên máy bay, cháu thấy nó nằm trên đường băng mà chẳng có cách gì nhặt lại và tất cả luyến tiếc cũng như buồn rầu của cháu đều tập trung vào con gấu bông. Cháu không kêu ca, lòng cháu rối bời. Cháu biết rằng mình sẽ không tìm lại được con gấu bông, cháu biết rằng mình sẽ không quay trở lại Sài Gòn. Năm đó chắc chắn là năm 1975. Tháng nào? trước tháng Tư, có thể là tháng Hai hoặc đã sang tháng Ba, bởi vì lúc ấy rất khó mua vé máy bay. Trước đó, đã có cảm giác sợ hãi trong bầu không khí chung nhưng vào lúc ấy thì đó là sự hoảng loạn và vừa bốn tuổi đầu cháu đã biết tất cả mọi chuyện, cháu cảm thấy điều đó trong cơ thể mẹ cứ như chỗ mình có thể ẩn náu đang thu hẹp lại, cứ như hơi ấm mà bà có thể truyền cho cháu ngày càng yếu dần.

Cháu chẳng còn biết chuyện gì xảy ra vào thời gian nào nữa: bởi lẽ mẹ lặng lẽ còn cháu thì chịu đựng sự im lặng. Mỗi người mang một màu sắc gắn với sự im lặng đó. Như những viên ngọc trai - những viên ngọc trai viền quanh vòng hoa tang. Cháu hỏi mẹ và mẹ bầm vai cháu, giật bím tóc cháu, thậm chí cháu còn tưởng mẹ cắn cháu nhưng mẹ chỉ mím môi nói: “Chúng ta còn sống và chỉ thế thôi.”

Cháu không thích nước Pháp, cháu bị hen mà quanh năm suốt tháng cứ rét run cả người. Người ta bảo cháu là ở đây ngay cả cỏ cũng thơm nhưng cháu không thấy thế: cái gì cũng hôi. Một hôm cháu cùng mẹ đi xe lửa và có một loại cỏ thơm, một loại cỏ màu tím. Cháu nói điều đó

với mẹ và bà chế nhạo cháu. “Đấy không phải là cỏ đâu, cô bé dốt nát ời. Đấy là cây oải hương.”

Thời gian đầu, mẹ luôn ở bên cháu, mẹ con cháu ở trong một căn hộ nhỏ cuối đường Belleville, một nơi tồi tàn mà cháu không muốn bước vào nhưng lại sợ rời đi. Rồi cháu đi học và không sợ nữa. Cháu học như điên làm các cô giáo sợ, gọi điện cho mẹ để yêu cầu bà không thúc ép cháu nữa. Cuối năm cháu ở trong đội hợp xướng nhà trường và cháu hát *Ngày xưa ngày xưa có một cậu bé, con quay, đậu phụng*, cháu tìm ánh mắt mẹ: bà không mỉm cười như những bậc phụ huynh khác. Khi tan trường, bà đến gặp cô giáo để hỏi xem cháu hát có đúng không.

Nhà cháu không có nhiều tiền nhưng chẳng bao giờ thiếu - ít nhất là đối với những thứ thiết yếu cho cuộc sống. Mẹ và cháu xem băng video Walt Disney. Đôi khi mẹ biến mất, cháu nghĩ rằng vì một công việc mà bà không tiện nói. Về đến nhà bà kiệt sức, mắt long lên, cứ như bà từ một thế giới khác về; cháu phát hiện ra một số dấu hiệu nhưng đó là một bí mật lớn, một bí mật đáng sợ.

Thỉnh thoảng có người đàn ông được gọi là “chú” ghé qua, lần nào cũng phải lôi từ tủ tường ra một chai whisky dành riêng cho ông. Ông luôn nói tử tế với cháu, hỏi han cháu học ở trường có giỏi không. Ông xem các bức vẽ và vở bài tập của cháu rồi đọc từng dòng các phiếu điểm. Ông và mẹ ngồi suốt một giờ, họ có vẻ buồn bực, chẳng có gì để nói với nhau. Cháu không biết tên ông và không rõ vai trò của ông trong cuộc sống của mẹ con cháu. Sau này, cháu tự đặt câu hỏi, lúc nào cũng là tự vấn mình. Cháu quen với sự im lặng của mẹ trước tất cả những gì quan trọng: ai là cha cháu? Tại sao mẹ con cháu rời Việt Nam? Mẹ con cháu sống bằng gì và như thế nào? Dần dần cháu bắt đầu hiểu được phần nào câu trả lời nhưng điều đó không khiến cháu nguôi ngoai, thế rồi các câu hỏi ngày càng trở nên phức tạp hơn. Cháu học cách bắt chước mẹ và không trả lời các câu hỏi của đám bạn gái trong trường. Cháu không bao giờ đưa bạn về nhà chơi. Cháu trở nên lạnh lẽ.

Một hôm cháu đi theo mẹ và cháu hiểu: bà chơi bạc. Đó là phát hiện khiến cháu sa vào cuộc sống của người lớn mà không đứng dậy được. Cháu mất hết lòng tin. Một khi bí mật này được vén lên thì việc cháu không biết gì còn tồi tệ hơn nữa. Đến cuối tháng hết tiền thì điều cháu nghi ngờ chính là chuyện đó, không hề chắc chắn, cũng chẳng có quyền hay đủ can đảm để nhắc đến.

Cháu lớn lên. Ngực và hông cháu to hơn những người châu Á mà cháu quen biết. (Cháu có rất ít bạn người Á: bạn gái thân nhất của cháu là một người “gốc” Pháp, si mê những người đàn ông hơn nhiều tuổi, những người đàn ông đã có vợ. Cô bạn đưa cháu về nhà bố mẹ mình, ở vùng đầm lầy Poitou. Cô bạn cháu thông minh và đầy nhục cảm, làm tình từ lúc mới mười bốn tuổi trong khi cháu thì...) Cháu nhìn mẹ: thấy xa lạ. Cháu kết luận rằng “chú” thực ra chính là cha: hiển nhiên là như vậy. Khi mẹ không có nhà, cháu bắt đầu lục lọi tất cả các ngăn tủ để tìm một mẫu giấy, một lá thư, một quyển sổ. Cô bạn nói với cháu rằng ở gia đình người Pháp nào cũng đều có “sổ hộ tịch” trong đó ghi tên bố mẹ. Cháu tìm “sổ hộ tịch” nhưng không thấy. Cháu thất vọng. Điều đó khẳng định rằng cháu không thuộc một gia đình Pháp.

Cháu không biết đọc tiếng Việt và nói cũng chẳng tốt. Vả lại cháu không chịu nói tiếng Việt với mẹ mà cộc cằn chửi các lỗi tiếng Pháp của bà. Bà trách cháu thiếu tôn trọng. Những người khác, những người có sổ hộ tịch, họ có cha, có căn cước. Cháu bảo cô bạn mang sổ hộ tịch đến trường và chúng cháu đọc trong giờ ra chơi. Đó là một cuốn sổ nhỏ màu xanh dương và cháu đọc từng dòng - cháu rất thích các tên lót thứ hai và thứ ba - Adèle, Joséphine - bởi các tên gọi đó có vẻ cổ xưa. Còn cháu là một món đồ chơi bên trong bị vỡ, một con búp bê hỏng động cơ. Cháu béo lên, cháu gầy đi, cháu ăn, cháu nhịn, cháu hành xử tồi tệ với bản thân, chẳng đem lại kết quả gì.

“Chú” không đến nữa và cháu ngờ rằng mình chịu trách nhiệm về điều đó: chính phát hiện của cháu khiến ông rời xa, có lẽ mãi mãi. Cháu ném rượu whisky của ông rồi nhổ ra. Cháu mười tám tuổi, bằng tốt nghiệp trong túi và mẹ con cháu không còn tiền nữa. Cháu phải làm thu ngân tại một siêu thị nhỏ để kiếm sống cho hai mẹ con. Cháu không bao giờ cất tiền ở nhà vì

tiền sẽ biến mất. Một hôm, cháu đổ cho mẹ lấy trộm đồng một trăm quan, cháu cúi tiết đến mức hét toáng và giơ tay lên nhưng không đánh bà. Thế là bà quỳ gối trước mặt cháu (cháu quên chưa kể rằng bà theo đạo Thiên Chúa nhưng cháu từ chối đi lễ nhà thờ cùng bà), vừa khóc vừa xin lỗi cháu. Bà gọi cháu là cảnh mơ của bà vào mùa xuân, đóa sen nở của bà, rồi nói với cháu rằng bà bị ốm và sợ cháu bỏ rơi vì bà là một phụ nữ xấu xa. Cháu nói với bà rằng cháu không thể bỏ rơi bà ngay cả khi cháu tức giận bà. Cháu yêu cầu bà - đó là lần đầu tiên - cho cháu biết ai là cha cháu.

Bà nói rằng đó là một người lính cách mạng đã chết trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Cháu cảm thấy bà nói dối. Cháu không nói nữa. Sau đó bà nói với cháu rằng đó là một thi sĩ đã chết vì chích quá liều thuốc phiện. Cháu dối theo ánh mắt bà, ánh mắt cháu đã thấy khi bà nhìn quân bài (đó là tất cả những gì cháu cho phép bà, cả hai mẹ con chơi bài bơ lốt, crapette, gin-rummy, và nhờ vậy mà cháu biết bà như thế nào trước trò black jack hay trước trò chơi trong sòng bạc khi tóc bà xổ ra), cháu thấy bà vẫn nói dối nhưng cháu lại nín lặng. Cháu bảo bà rằng nói dối làm gì nữa, từ lâu cháu đã đoán ra rồi: bố chính là “chú”.

Bà choáng váng. Bà như một người say bị dội một gáo nước lạnh lên đầu. Bà nói rằng bố cháu đương nhiên không phải ông ấy, dĩ nhiên rồi, vì trên thực tế, bố cháu là một người đàn ông rất đẹp trai - bà thề như vậy - người bà đã trao thân khi mới hai mươi tuổi và thế đó, một người đàn ông có vợ đã biến mất và chưa bao giờ để lại thông tin - thậm chí ông ta cũng không biết mình có một đứa con. Chuyện tệ hại đến nỗi cháu buộc phải tin. Tại sao bà lại bịa ra một câu chuyện thảm hại đến vậy? Cháu nói lời tạm biệt với thi sĩ nghiện thuốc phiện, với nhà cách mạng lãng mạn: bố cháu là một gã qua đường. Bây giờ bà đã bắt đầu nói, và bà muốn cháu biết thêm chi tiết: họ đã gặp nhau như thế nào, v.v... Chuyện đó chẳng làm cháu quan tâm - cháu chán ngấy.

“Thế còn ông chú kia thì sao?”

Bà chờ một lát, châm điếu thuốc. Thế rồi bà nói:

“Đó là bố *của mẹ*, bà nói, ông ngoại của con.”

Lúc đầu cháu không hiểu bà muốn nói gì nữa: bà trông rất giống người Việt, chính cháu mới cảm thấy mình là người Pháp. Cháu lại thấy mình trở lại là một cô bé nhút nhát.

Tất cả những gì cháu hỏi được, đó là:

“Ông ấy tên là gì?”

Và bà trả lời không chút ngần ngại: “Ông tên là Pierre Garnier.”

Cháu bắt bà đánh vần rồi viết tên cùng địa chỉ của ông.

Buổi tối, cháu đến cửa hàng văn phòng phẩm và mua một cuốn vở nhỏ bìa màu xanh dương.

Cháu điền “sổ hộ tịch” lên nhãn vở.

Cháu viết tên của bố mẹ và ông bà cháu. Sau đó cháu viết tên cháu: Mai Han Nguyên. Sau đó cháu thử viết “Garnier” nhưng thấy kỳ cục quá thế là cháu gạch đi - và cuối cùng gạch xóa chỉ chít, bấn hết, như một vệt mực đen to tướng.

Trong vòng vài phút cháu đã thành người gốc Pháp, như bạn gái cháu.

Cháu xé cuốn vở màu xanh dương rồi vứt vào sọt rác.

Những ngày sau đó, cô cháu gái lặng lẽ và tôi cùng mò mẫm thám hiểm châu lục mà chúng tôi đã khám phá. Tôi gọi tên cháu chẳng mấy dễ dàng nhưng khi còn một mình đôi lúc tôi thì thầm tên cháu: Mai Hân. Cả hai chúng tôi đều rụt rè, nhưng chúng tôi có những chuyện cần cùng nhau hiểu và chẳng có gì nhiều mà mất.

Cô bé kể cho tôi nghe cháu đã đến địa chỉ 50, đại lộ Simon-Bolivar nhiều lần như thế nào

trước khi dám bước vào và thấy tờ thông báo tìm người trông trẻ mà Marie dán trong sảnh tòa nhà: *Bé trai xinh xắn và thông minh tìm chị gái giống như thế để trông trẻ*. Cô bé mỉm cười, gọi điện - và ngay lập tức gặp được Sébastien. Cô bé nói với tôi rằng lần đầu tiên cháu có cảm giác mình là một kẻ lén lút trốn trên tàu, sợ bị phát hiện, bị vạch mặt và quăng xuống biển. Cái cảm giác gian lận vẫn dằng dai cho dù cháu được Sébastien yêu tha thiết và Marie hết lòng tin tưởng. Đương nhiên, cháu liếc tìm dấu vết của ông “chú” và xem liệu giữa những khuôn mặt vô cùng trắng, vô cùng xa lạ kia có điểm nào quen thuộc không. Với lại, cô bé nói, cháu đã lớn lên với những người đàn bà, đầu tiên là bà ngoại, rồi với mẹ, nên một ngôi nhà có đàn ông thật vô cùng ồn ào, với những thói quen xa lạ, với sự bắn thủ mà cháu không quen, nó vừa lôi cuốn vừa khiến cháu ghê tởm, thế giới của những chiếc đĩa ăn không hết, quần lót dính phân, tất cộc cách, thế giới của những điều bị lãng quên và ly tách vỡ. Cháu sợ sự dữ dội của chúng tôi nhưng vẫn há hốc mồm tò mò khi thấy công sức mà chúng tôi phải bỏ ra để làm những động tác đơn giản nhất. Cháu lớn lên giữa dòng nước, kênh rạch, giữa đám đông người qua lại trong thành phố, những làn xe đạp không ngừng và đột nhiên cháu phát hiện ra các khả năng và khiếm khuyết của một xã hội bị động cơ và máy móc chi phối; cô bé được nuôi dưỡng bằng những giờ phút lặng lẽ và buồn phiền, rồi bước vào sự ngự trị của tiếng ồn vĩnh cửu.

Con trai tôi kể cho cô bé nghe cuộc sống của nó trong những thử thi không có hồi kết, ở đó các hiệp sĩ làm nên những chiến công hiển hách, nhiều không kém gì những hành vi xấu xa mà một người duy nhất thôi cũng có thể làm, với vũ khí là chiếc rìu hai lưỡi, phát minh ra thuốc chữa bách bệnh, nhảy từ bờ bên này sang bờ bên kia trong các trận đánh để diệt trừ kẻ ác. Khi hai đứa đi xem múa rối ở rạp Guignol trong công viên Buttes-Chaumont, hay tản bộ vòng quanh cái hồ nhỏ, cô bé nhớ lại những gì bà ngoại đã miêu tả về Hà Nội, truyền thuyết về con Rồng cháu Lạc, về cuộc chiến đấu giữa đất và nước. Các nàng công chúa ở xứ này thật bất hạnh, nhưng so với các nàng công chúa nước Việt thì chưa thấm vào đâu, vì họ không những phải chịu những điều sỉ nhục kinh khủng, mà còn không tránh khỏi kết cục ở nơi không xứng đáng, cô đơn dưới đáy sâu hàng động hay dưới sức nặng những làn nước. Trong các số phận ấy, có một chuyện làm đường lạc lối cứ lặp đi lặp lại và chia rẽ các sinh linh, không phải là một lần cho mãi mãi mà nhiều lần liền, cứ như là để hoàn thành công việc hủy diệt, thanh gươm phải chém, chém nữa vào da thịt đã nát bấy. Liệu cô bé có kể những điều khủng khiếp này cho con trai tôi nghe không? Cô bé mỉm cười: không, chỉ những chuyện nhẹ nhàng thôi, và cô bé còn dẫn nó đến cái góc Ménilmontant ấy, ở đó chúng thưởng thức mứt gừng mật ong và bánh gạo. Thằng bé có thích không? Nó mê mẩn! Và nó nói rằng không được nói điều này với ai, nhất là với bố. Tại sao không được nói với tôi?

Khi nghe nó kể, tôi phát hiện ra rằng “người bạn bí mật” trong truyện ngắn của Conrad⁽¹⁾ cuối cùng đã bước vào cuộc đời tôi mà tôi không kịp nhận ra, sự lén lút kếp bước lên chiếc tàu của tôi và từ nay đã trở thành không thể thiếu được. Tôi hiểu mình đã ngoan cố quấy rầy cô bé nhường nào khi Marie bỏ đi cùng Sébastien và đương nhiên cũng hiểu tại sao cô bé ở lại với tôi khi bố tôi quay trở về. Cánh cửa của những tuần cuối cùng ấy, cánh cửa mà tôi đã đóng sập trước nỗi đau và cơn tức giận của bản thân, lại mở ra trên một bản nhạc có giai điệu mơ hồ, và tôi dễ dàng nhận ra mình cần ai đó giúp để hiểu được bản nhạc đó.

Cô bé đến vào buổi sáng chia tay đau đớn với Marie, buổi sáng mà tôi đã rên rỉ, giải thích và chạy theo cô ấy, buổi sáng mà tôi đã tự hạ mình (vậy mà suốt thời gian đó chúng tôi nói với nhau rất khế để không đánh thức thằng bé, cơn giận của cô ấy và nỗi hổ thẹn của tôi, những tiếng hét nghẹn lại của chúng tôi, nỗi buồn đau chia ly của chúng tôi chẳng ồn ào hơn những tiếng thầm thì đáng sợ), buổi sáng mà tôi thấy cô ấy rời xa tôi theo cách khiến tôi run sợ, Mai Hán đến trong không khí im lặng nặng nề đó, Sébastien đã ngủ dậy, còn Marie thì đang mặc quần áo cho thằng bé để đến trường, và ai cũng gắng làm như mọi chuyện bình thường, còn cô bé thì khép mình, cái vẻ ý tứ ấy là điều đầu tiên khiến tôi là một con người vào buổi sáng hôm đó, bởi nếu không thì tôi lúc nào cũng là một thằng đểu, thằng khốn, thằng chó chết khốn nạn quá đản hết thuốc chữa, mang trong lòng cái ham muốn thể xác như mọi đàn ông đôi khi vẫn có, họ là như thế, chính xác là vậy, có khả năng tàn nhẫn và thờ ơ như thế, sập bẫy của những con quỷ quen thuộc, của một kẻ có số phận thảm hại, không chút độc đáo cũng chẳng hề bất

ngờ - tôi nhớ mình đã ngạc nhiên trước cái nhìn lén lút của cô bé trầm lặng, trước cái cách tế nhị coi chúng tôi là vợ chồng và, chưa hề biết chuyện gì xảy ra giữa chúng tôi, trong chốc lát gỡ tôi ra khỏi mảnh giấy bầy ruồi mà tôi dính phải với những cái cánh đầy keo. Cô bé đến trường cùng con trai tôi - nụ hôn nhanh gọn và những tiếng phát ra không thực sự nên lời ấy, hen sớm gấp lại con yêu, lát gấp nhé, bố yêu con, cái cảm giác khủng khiếp rằng sẽ không được gấp lại thằng bé nữa, rằng đó là lần cuối cùng, rằng nó sẽ đi, tấm thảm biết bay biến thành lá cờ và tôi ngã xuống, cuộc đời tôi chấm hết.

Còn lại mình tôi với Marie và cô ấy không còn gào lên nữa, cô ấy trở nên lạnh lùng còn tôi thì nhẫn nhẹn, không muốn tranh cãi nữa: cô ấy sẽ đến trường đón thằng bé và sẽ cùng nó đi ngủ ở chỗ khác, thêm một đêm nữa với tôi thật quá sức chịu đựng, mà cũng chẳng còn gì để nói nữa, cô ấy sẽ gọi lại cho tôi ngay khi hai mẹ con ổn định chỗ ở mới, không quá xa, chuyện đó cũng sẽ không mất nhiều thời gian, tôi biết cô ấy giải quyết mọi việc như thế nào một khi đã bắt tay vào làm và tôi nói đồng ý, tôi biết, chẳng ai biết điều đó rõ hơn tôi, đến đây cô ấy che mặt khóc rồi nói: em chỉ có thể nói điều đó với người bạn tốt nhất của em và người bạn tốt nhất của em là anh, đồ khốn, thế rồi cô ấy mất hút trong phòng tắm, và khi quay trở lại đã bình tĩnh hơn, không xa quá đâu, em hứa với anh, và đương nhiên anh sẽ gấp lại con. Dù cô ấy ngờ vực mọi chuyện liên quan đến tôi nhưng *chuyện này* thì cô ấy không mấy may hoài nghi: tôi yêu con trai hơn bất kỳ ai, thậm chí hơn cả chính bản thân mình.

“Trên đường đến trường thằng bé kể với cháu, Mai Hán nói, về một con bướm có đôi cánh màu xanh dương mà em từng thấy trong vườn. Hai lần em hỏi có phải cháu sẽ đến đón em không nhưng cháu nói: không đâu, mẹ sẽ đến đón em, nhưng em không hét lên vui sướng. Cháu không thể quên được cái nhìn của chú, thế là cháu lấy cớ tầm phào là đã quên bảng vẽ (hôm ấy không phải là ngày vẽ nhưng chú không để ý đến tiểu tiết này), rồi cháu quay lại. Chú ngồi sau cây dương cầm nhưng chú không chơi. Chú không hỏi nên cháu không phải nói dối về cái bảng vẽ.

“Chú nói: ‘Cháu cũng đi nữa sao?’

“Thế là cháu trả lời: ‘Không, cháu sẽ không đi nếu chú muốn.’ Lúc đó chú như trút được gánh nặng - và cả cháu nữa, cháu cũng thở phào nhẹ nhõm, một phần vì chú, phần nữa là vì đột nhiên cháu thấy rất khó nhớ rề khỏi nơi này. Thế là cháu bắt đầu cuộc sống kép ấy, giữa phố Bichat, nơi Marie tìm được một căn hộ phía trên một ga ra và nơi này. Cháu không thấy mặt chú, chú khép mình trong nhà, chú không nghe khi vài lần cháu muốn báo với chú rằng thằng bé ngóng đợi chú và có thể cả cô ấy cũng ngóng đợi chú, chú nhăn nhó đầy cay đắng và thất vọng và chú cứ để râu ria lởm chồm, chẳng hợp với chú chút nào, chú lăm bắm một mình như ông già. Chú cười một mình khi chẳng có gì đáng buồn cười. Dần dần cháu thôi không thuyết phục chú bất kỳ điều gì nữa.

“Cháu phải quay lại dọn dẹp phòng trẻ con khi không còn đứa trẻ nào ở nữa là việc hết sức vô lý. Cháu mang những bức vẽ ăn trộm được để vào phòng - và ngày hôm sau gấp lại, chú chẳng nói gì, chú có cái vẻ nghiền ngẫm của những ông bố khi thấy con trai mình vẽ con ốc sên lần đầu tiên. Sau đó, cháu thấy những bức vẽ ấy lẫn với các tổng phổ. Chú có vẻ càng ngày càng điên rồ, càng ngày càng cô độc. Cháu tiếp tục lấy trộm mấy thứ lặt vặt; không đến mức làm giả nhưng cũng gần như vậy, cháu cho thêm dòng chữ ‘dành tặng bố’, không phải là một sự khác biệt lớn nhưng chắc chắn đó là ý thức trách nhiệm của cháu, thay tấm ga phủ chiếc giường nhỏ nơi thằng bé sẽ không bao giờ ngủ nữa, để lại chút lộn xộn khi mà thằng bé không tới, rồi dọn dẹp trong khi chú nhìn cháu vô hồn, với nụ cười gằn dở. Cháu trở thành baby-sitter của một bóng ma trong căn hộ lớn vốn những bóng ma.

“Cháu nhớ ngày chú ngồi cùng với bố chú. Xin lỗi chú, cháu không thể gọi là ‘chú cháu’ hay ‘ông ngoại cháu’. Ông ngồi, hai tay để trên đầu gối: ngồi, nhưng cháu thấy ông gần như nằm trên chiếc giường bệnh viện, như cháu đã thấy mẹ cháu ít lâu trước khi bà qua đời. Cháu vẫn nhớ cái câu ông lặp đi lặp lại: ‘Mẹ con có khỏe không?’ Ông chẳng nhìn về phía chú cũng chẳng nhìn về phía cháu và suốt nửa thì cháu lại đi trả lời, thậm chí cháu đã mở miệng nhưng kịp ngậm lại, chú chẳng nhận thấy gì cả.

- Lẽ ra cháu đã có thể trả lời: ‘Bà ấy chết rồi’, như vậy thì trong tình huống nào cũng đúng.

- Dù sao thì như thế có lẽ cũng khiến chú có cảm giác kỳ cục.

- Có thể. Cũng chẳng kỳ cục hơn việc ông ấy đến, rồi tất cả những gì đến rồi đi trong chú. Với lại trong tình trạng chú khi đó, thậm chí có lẽ chú chẳng gượng nổi.

- Cháu sợ ông nhận ra cháu và nói gì đó với cháu. Cháu phải nói chuyện với chú nhưng có gì đó đã ghìm cháu lại, cháu không muốn làm chú đau lòng, cháu cảm thấy hơi xấu hổ vì đã lừa dối chú, mặc dù cháu nghĩ mình không làm gì xấu với chú. Cháu nhanh chóng biết rằng ông sẽ không nói gì cả, ngay cả chú cũng không thể nói rằng ông nhận ra cháu, ông phó mặc cho chú thì đúng hơn, nhưng suy cho cùng, liệu thực sự ông có lựa chọn nào khác không? Cháu cũng nhận ra rằng theo cách đó, ông phó thác cho cả cháu nữa. Chú cục cằn với ông, cách chú làm điều tốt cho ông thật vụng về và khiến ông bị tổn thương, dù ông không bao giờ phản kháng, cháu thấy việc đó làm ông đau khổ. Thế là, khi chú để cháu lại một mình với ông, cháu đợi ông gà gật rồi chạm vào ông - lúc đầu rất rụt rè, sợ bị bắt quả tang, rồi thì dễ dàng hơn, bàn tay cháu đặt lên đùi ông, rồi lên bàn tay ông, cháu giật nảy mình khi chú quay về nhưng vẫn giữ hơi ấm của ông trong cháu, thấy bằng lòng khi mọi chuyện dừng lại ở đó.

“Thế rồi, một hôm, ông bắt đầu nói chuyện với cháu.

“Ông đưa các ngón tay lại gần khuôn mặt cháu, rồi cất một tiếng:

“‘Lan’

“Đó là tên của mẹ cháu, cháu không biết ông hình dung ra ai trước mặt mình, mẹ cháu hay là cháu, nhưng với cháu thì thế nào cũng vậy thôi.

“‘Lan’, ông nhắc lại, và cháu phải lấy tay che mặt.

“Khi dìu ông đi cháu thấy ông cũng khóc.”

6.

Tôi đề nghị cô bé trầm lặng ấy ở lại nhà tôi.

Tôi không thể chịu đựng được ý nghĩ phải xa cô bé. Tôi biết cháu ra khỏi nhà vào giờ nào buổi sáng, và nếu về muộn, vào những tối Marie đi xem phim, cháu sẽ gọi điện báo trước để tôi đợi. Cháu kể tôi nghe thằng bé ăn những gì, nói những gì và vẫn bằng cái cách thức ấy, cháu đưa một bộ mặt khác của bố tôi vào cuộc đời tôi, cháu đưa hình bóng vẫn còn mong manh của con trai tôi vào cuộc đời tôi và làm cho tôi cảm thấy rằng có thể mình vẫn còn chưa mất thằng bé.

Tôi kể cho cháu về Carraz và lời hứa của bố tôi cách đây năm mươi năm.

“Ông có cách của ông, cô bé nói, cách riêng của ông, ông đã luôn nhất quán với lời nói của mình.

- Và cháu cũng có cách của cháu, mà chẳng biết cháu là tương lai của ông ấy, chính cháu đã mang lại ý nghĩa cho cuộc đời ông ấy.

- Vâng, có thể. Hoặc chỉ đơn giản là: vì ông cháu đã làm những gì mà bất kỳ ai cũng có thể làm.”

Ông mở cửa cho tôi cứ như ông đang đợi tôi đến thăm.

“Tôi cứ tưởng chúng ta nói chuyện xong rồi, ông lầm bầm.

- Cháu không biết. Cháu không thể nhớ được bác là người đã ngừng nói hay cháu là người ngừng đặt câu hỏi. “

Chúng tôi đi dọc hành lang đến phòng khách phủ đầy vải lên đồ đạc.

“Dù sao thì có thể là tôi chưa nói hết. Hoặc là tôi đã nói xong nhưng cậu muốn biết thêm chút gì.

- Có lẽ vậy.

- Cũng có thể là cậu thấy tôi nói chuyện hay nữa.

- Có thể ả.

- Nhưng có thể không phải vậy.”

Tôi cười.

“Cháu có phải năn nỉ bác không ạ?”

Ông không trả lời “có thể”. Thực ra, đằng sau tâm trạng cáu kỉnh đó có vẻ ông thấy được an ủi.

“Tôi đến Hà Nội vào đầu năm 1954. Lồng ngực tôi đầy mầm bệnh và ký sinh trùng, rồi cả cảm giác tức giận nữa ... Có thể chừng ấy thời gian sống ở miền núi đã khiến tôi thực sự trở nên gàn dở, có thể là vì đã giết chóc quá nhiều, hoặc là đã thấy cả đồng xác chết... Thử tìm hiểu nhé. Tôi đã phải nhanh chóng tháo lui: chúng tôi cấm chốt cho đến khi nếu ở thêm một ngày nữa thì sẽ là tự sát. Tôi thu xếp hành trang vào ban đêm - thế rồi bye-bye những người Xê Đăng và những ngọn núi của tôi. Chúng tôi đã hứa bảo vệ họ và những con người gốc gác đáng thương đó đã tin tưởng chúng tôi. Khi họ trông thấy những chiếc xe tải đến, chẳng cần phải học Bách khoa mới hiểu được sắp có chuyện gì xảy ra. Ở một số nơi, họ ẩu đả lẫn nhau và phải đánh hoặc kéo họ ra thì họ mới chịu buông nhau. Họ biết chuyện gì đang chờ đợi mình... Người của tôi để cho chúng tôi đi mà chẳng nói năng gì, hai cánh tay buông thõng, và như thế còn tệ hơn là nếu họ chửi rủa tôi hoặc nếu tôi có phải đánh nhau với họ. Chính tôi mới là người phải

cụp mắt xuống. Chính tôi ấy!

“Mười năm sau, cũng lại chuyện ấy xảy ra tại Algérie. Tôi thuộc đội đặc nhiệm Georges và chúng tôi đã lập ra tất cả các đơn vị lính bản xứ ở đó. Ôi trời, lũ ngu xuẩn! Nếu mà có một đường dây điện thoại kết nối với người Xê Đăng thì có lẽ chúng sẽ kể cho họ nghe những điều như thế này: ‘Đừng tin lũ Pháp đều giả! Chúng ngậm cái cu vấy máu của các người rồi ngày một ngày hai các người lại rơi vào cảnh đơn độc, như lũ ngốc, chỉ với lũ chó đói khát trên sa mạc để mút cu các người.’ Đám lính ngu của chúng tôi, chúng chẳng hiểu gì sất, chỉ biết rằng chúng tôi đã hứa là chúng sẽ có chỗ trên tàu thủy của chúng tôi nếu có lúc phải nói lời từ biệt. Nhưng làm gì có chỗ trên tàu. Và chúng tôi phải hát cho chúng nghe: ‘Trong cuộc đời không nên lo lắng, các chàng trai ơi, vậy thì đừng lo lắng nhé... Chúng tôi đã ký kết một hiệp định tuyệt vời tại thành phố có tên là Evian và nếu các anh biết được việc này đã khiến chúng tôi lo lắng đến nhường nào, các anh bạn Ả Rập có làn da đẹp ơi, thì các anh sẽ cảm ơn chúng tôi. Chúng tôi đã đạt được một thỏa thuận tuyệt hảo cho các anh: không có sự trả thù, xin hứa đấy. Không có sự trả thù sao? Điều đó nghĩa là gì? Ài chà, thế là tôi biết những ai đã không được lợi gì từ một thế kỷ giáo dục của Pháp... Đơn giản lắm, chàng trai ạ: điều đó nghĩa là chính phủ của TÔI sẽ ngậm miệng trong khi chính phủ của ANH tra tấn anh đôi chút và tiến hành tàn sát ngay khi chúng tôi vừa quay lưng bước đi... Nếu anh không hài lòng thì cũng vậy thôi. Không, nhưng hãy biết ơn!’ Mà nhớ cho kỹ nhé, những kẻ có cơ may lên tàu cùng chúng tôi đều bị để chết mục trong các doanh trại, các trại tị nạn, chẳng được ai biết đến, bị khinh bỉ, bỏ rơi, bởi vì chúng tôi cảm thấy có lỗi nên càng không nhớ những cái mặt xấu xí và những kẻ mất dạy như họ, hừ... Cậu biết sao không, André? Tôi không xấu hổ về những gì mình đã làm, bởi vì đó là chiến tranh... Nhưng chuyện đó... chuyện đó làm tôi phát điên... Tôi đã thấy tất cả lũ mặt chuột ấy, người Xê Đăng, người Ả Rập, người Berber, và tôi muốn hét lên - hét lên rằng tôi xin lỗi, rằng đất nước tôi lẽ ra phải quỳ gối xin họ tha thứ và xin được trả giá. Trong lịch sử đất nước này, chuyện đó giống như cuộc tàn sát những người da đỏ và tình trạng nô lệ của người da đen tại châu Mỹ - nhưng với họ, họ nói về điều đó, họ viết về điều đó, họ cố gắng không chôn vùi chuyện đó. Còn chúng tôi, chúng tôi cho rằng cứ ngậm miệng thì rồi thời gian cũng sẽ xóa nhòa mọi chuyện. Nhưng sự đời đâu có như vậy! Khuôn mặt họ quay trở lại ám ảnh chúng tôi trong cơn ác mộng, con trai con gái họ lớn lên trong hận thù và phỉ nhổ vào mặt chúng tôi.”

Ông nghệt thở vì giận dữ và đau buồn, khuôn mặt ông xám ngoét và ông giậm chân xuống nền nhà như muốn đập tung nền.

“Tôi đã khóc, con trai ạ, những giọt nước mắt lớn lăn trên má, nước mũi nước dãi chảy ròng ròng. Chuyện đó thật ghê tởm, tôi khóc vì chẳng thể nói hay làm gì được, chỉ biết cụp mắt xuống và cuộn xéo. Vợ tôi muốn nói điều gì đó nhưng tôi la hét át đi. Tôi còn nhớ tất cả những trò tôi đã làm để nói với bố cậu về cái người muốn làm vua. Cậu đã xem bộ phim đó chưa? Khi mấy tay bị đem đi nướng, họ đã nhảy luôn xuống vực ấy? Này, đó có thể chính là tôi đấy. Chúng tôi đã để thằng bé lại cho ông bà ngoại, lẽ ra tôi nên để cả mẹ nó lại bởi vì đi cùng với tôi đâu có gì hay... Cô ấy có thể làm gì ở Hà Nội, rồi sau đó là ở Pháp, cô sơn nữ bé nhỏ của tôi? Cô ấy sẽ tàn lụi, như khi tôi nhổ một cây cỏ mọc giữa vách đá rồi đem về trồng ngoài ban công nhà mình.”

Ông lặng im một lúc.

“Cậu đâu có quan tâm tới những chuyện đó.”

Ông vẫn nói bằng giọng giận dữ và tôi nhẹ nhàng trả lời:

“Cháu nghĩ rằng nếu không quan tâm thì cháu đã không có mặt ở đây.

- Ừ, đúng thế, hãy diễn *Ramona*⁽¹⁾ cho tôi xem...”

Giọng ông dịu lại.

“Tôi nói rằng cậu chẳng quan tâm. Chỉ vì bố cậu nên cậu mới tò mò. Tôi thông cảm với cậu... Tôi đã gặp lại ông ấy, vào những năm cuối. Ông ấy làm bên dân sự. Hết đợt tòng quân này đến đợt tòng quân khác, ông ấy đi hết cuộc đời quân ngũ của mình mà chưa bao giờ tham chiến.

Ông ấy nói với tôi rằng ông ấy kinh doanh, và chuyện đó khiến tôi phá lên cười. Có thể là loại hình kinh doanh thê thảm nào chứ? Ông ấy buôn bán cái gì tôi chẳng biết, ông ấy mở một rạp chiếu phim ở Sài Gòn, cả một tòa báo nữa, và ông ấy ‘cung cấp dịch vụ’: ông ấy soạn diễn văn cho các chính trị gia sở tại. ‘Thế đổi lại thì mày được gì? tôi hỏi. Được tiền, được gái à?’ Ông ấy không trả lời. Ông ấy đưa danh thiếp cho tôi: *Pierre Garnier. Xuất-nhập khẩu. Dịch vụ. 26, phố Pierre-Leroux (không tưởng)*. Tôi bắt đầu bông đùa về những dịch vụ mà ông ấy có thể cung cấp cho tôi. Ông ấy bảo với tôi là mình có một cậu con trai còn nhỏ và tôi nói với ông ấy: ‘Nhưng tao tưởng là con gái cơ mà?’ và ông ấy bật cười: ‘Tao cũng có một đứa con gái nữa.’ Tôi đã nhắc lại với ông ấy về núi rừng, về lời hứa của ông ấy. ‘Tao tưởng lúc ấy mày say rượu rồi chứ’, ông ấy nói. ‘Tao say. Chính vì thế mà tao bắt mày hứa được.’

“Ở Hà Nội chúng tôi cũng làm như ở Sài Gòn. Quầy bar, xúc xắc, những ly rượu... Cách đó bốn trăm cây số có cái trận chiến Điện Biên Phủ ấy, và có lẽ đó là một hành tinh khác. Chúng tôi nghe tin tức, lúc nào cũng là những tin xấu hoặc tin sai. Chuyện đó làm chúng tôi ngày càng khó chịu: chúng tôi biết chuyện, có những thằng thoát hiểm từ chiến dịch đường số 4, có những thằng tham chiến liên tục suốt từ năm mười bốn tuổi và vậy là chúng tôi biết rằng chẳng có sự khác biệt lớn giữa sống sót và bị giết. Chúng tôi nghe thấy tiếng cánh quạt của những chiếc trực thăng Dakota, tiếng máy bay Packet vù vù ngay trên đầu. Khi chúng tôi hô ‘súng cối’, ‘tiểu liên’, ‘pháo calip 105’, thì đó là thứ âm nhạc mà chúng tôi từng biết, âm nhạc của chiến tranh. Hơn nữa chúng tôi có những người bạn ở đó, và nếu chúng tôi không có thì cũng vậy thôi. Ngay cả đối với tôi, con trâu trắng của rừng núi, kẻ vẫn giấu cọt hết thấy mọi người, thì ở nơi đó, họ vẫn là những người anh em thân thiết của tôi.

“Chúng tôi thối phồng tin đồn, và chúng tôi lái dư luận theo hướng mới. Cậu biết đấy, đến một giờ nào đó và đến số chén nhất định, tất cả chúng tôi đều thành tướng năm sao, với những chiến lược, kế hoạch, những đòn phản công... Đến sáng, những gì còn lại từ những câu chuyện ngu xuẩn đó chỉ là cái cảm giác rã rời... Chẳng cần trí tưởng tượng phong phú cũng biết thực tế nó như thế nào: những kẻ ở Paris chẳng muốn đóng góp thêm gì, ngoài hàng tỷ đô la người Mỹ đã chuyển cho họ. Chuyện đó thì họ chẳng lấy làm phiền. Cậu mà được nói chuyện trực tiếp với bất kỳ gã khốn nào trong số đó thì hẳn hẳn sẽ nói với cậu rằng cuộc chiến này chúng ta không thể thắng đâu, tất cả những gì chúng ta có thể làm, đó là không để thua... Đấy, cậu thấy không, ngay cả chuyện đó... Trong khi chờ đợi, chiến tranh vẫn mang lợi lại cho hàng đồng người, chiến trận, tiền đô la, tiền phơ răng, và thậm chí cả những đồng bạc trắng danh...”

Tôi ho và không thể ngăn mình ngắt lời ông.

“Nhưng bố cháu, bác đã nói rằng bố cháu làm ‘kinh doanh’...”

- Ông ấy là cạ của tôi. Tôi không muốn hỏi để phải nghe những câu trả lời khó chịu. Ông ấy phải trở về Sài Gòn để giải quyết công chuyện nhưng ngày nào cũng bảo để mai đã, và ngày nào tôi cũng nói với ông ấy rằng tùy mày, cứ thoải mái tận hưởng thời gian, nhưng tôi biết ông ấy đang tự hủy hoại sức khỏe. Vậy là chúng tôi uống thêm một ly, chuyện trò thêm hai tiếng nữa và càng chuyện trò, chúng tôi càng thấy rằng sự nghiệp thất bại ấy, chính là sự nghiệp của chúng tôi.

“Điện Biên Phủ, chúng tôi không hay nhắc đến từ này, chẳng cần thiết. Chúng tôi gọi là ‘ở đó’. Những gì mấy tay ở đó phải chịu đựng, ngay cả những kẻ hèn nhát cũng biết mà chẳng có nhiều người hèn nhát, vài tên sĩ quan đóm dánh, một vài thằng đều nhảy cẳng lên ngay khi có tiếng pháo nổ - và đa số là những tay súng người Sénégal, Ả Rập và những tên nhà quê⁽²⁾...”

Tôi giật nảy mình hay đã tái đại đi. Ông hướng về phía tôi cái nhìn đầy giận dữ đã được kìm chế đôi chút.

“Đừng làm bộ dạng đó. Nếu không thích những cái tên tôi gọi, thì cậu cứ tự nhủ đó là người ta gọi như thế và chỉ thế thôi... Tôi không phán xét họ bởi vì đa số họ không muốn đánh nhau ở Điện Biên Phủ - nếu như có một nơi mà ta khám phá ra rằng họ không chiến đấu vì máu thịt họ mà vì máu thịt của chúng ta, thì đúng là nơi đó đấy, trong ‘con phố không niềm vui’, như sau này một tay đã viết.

“Những người anh hùng, đúng, chúng ta có anh hùng. Thậm chí chúng ta còn biết cả biệt hiệu của họ: ‘tay Pierre’ để chỉ Langlais, ‘Bruno’ để chỉ Bigeard, ‘Dédé’ để chỉ Botella, và cứ như vậy... Họ có khuôn mặt xương xương, và đó là những kẻ lăm mồm, mặt thộn, như chúng ta, chỉ khác là họ được làm bằng đá hoa - một bản mẫu bị hỏng. Nếu những gã ấy tin vào điều đó thì câu cho rằng chính chúng tôi mới là những người phải mất lòng tin sao? Ấy thế mà tất cả sắp kết thúc, sự im lặng sắp bao trùm lên chúng tôi và có lẽ chúng tôi sẽ bị chôn vùi như những xác chết dưới bùn lầy Điện Biên Phủ. Người ta có quan tâm đến lý do, dù xác đáng hay không, và chẳng có cao ủy nào đến thăm viếng, chẳng một quốc vụ khanh đang nhớn nhoe nào còn dám phỉnh phờ chúng tôi nữa. Dù tướng Navarre và Cogny không bắt tay nhau nữa, chúng tôi không biết điều đó, mà nếu có biết thì chắc chúng tôi cũng chẳng thêm quan tâm. Còn khi có chỉ thị, luôn là phải ‘giữ vững’, thì cậu có thể nhớ dần xem tay chân mình thừa thiếu thế nào là vừa. Chúng tôi ‘giữ vững’ bởi vì ngu và vâng lời. Trong đường hào tuyệt vọng, cậu đào và đào nữa, càng ngày càng sâu, và cái hố của cậu bị lấp không biết bao nhiêu lần, nhưng cậu vẫn cứ đào, và chỗ thì vẫn có đấy. Có lẽ không phải cho người mà là cho chuột, đúng vậy, một ngọn cỏ, một hòn đất.”

Thỉnh thoảng, ông rướn ngực lên và nói như thác lũ; hay như từng tràng đạn. Ông dường như nghẹt thở - thế rồi ông lại bắt đầu theo từng đợt, đột nhiên dừng lại để hít thở.

“Đi lấy cho ta một ly nào, con trai. Và làm ơn đừng bỏ thêm gì khác vào nhé.”

Tôi xuống bếp lấy chai whisky của ông. Tôi rót kha khá vào chiếc cốc duy nhất mình tìm thấy - một chiếc cốc in hình quảng cáo bằng nhựa màu vàng. Tôi trở lại phòng khách. Ông nhấp một ngụm, có vẻ hít thở tốt hơn.

“Vây là chúng tôi trò chuyện, bố cậu và tôi, và một buổi tối chúng tôi đã quyết định với nhau. Ai là người đầu tiên có ý tưởng đó? Tôi không biết và điều đó cũng không quan trọng vì tư tưởng lớn thường hay gặp nhau. Từ cuối tháng Ba, những chiếc Dakota không hạ cánh xuống Điện Biên Phủ nữa, và việc nhảy dù ngày càng khó khăn... Nhưng có một số gã xung phong, lúc nào cũng có người xung phong... Một buổi sáng, cậu đi tìm một người bạn và anh ta chẳng còn ở chỗ đó nữa. Trong đầu, cậu cầu nguyện cho anh ta, ngay cả khi cậu không tin vào những lời cầu nguyện lắm. Hãy gọi cái đó là lễ Thánh ban cho những kẻ ngu xuẩn, *Agnus dei*⁽³⁾ của những thằng đần, nhưng chúng tôi muốn tin vào Thượng đế của tổ tiên chúng ta, chúng tôi cần điều đó. Thế rồi khi thật, cờ hiệu của trung đoàn chúng tôi được ban phép lành tại Mont-Saint-Michel, và vào cái thời kỳ xa xưa tốt đẹp trước đó, Chúa chẳng hề sợ khi cho chúng tôi sử dụng dao kiếm. Tha lỗi cho tôi, già đi tôi lại đâm khoa trương, hồi hai mươi tuổi tôi không có cái kiêu ấy mà luôn bận rộn, trong khi bây giờ tôi thoải mái thời gian. Chỉ đơn giản thế này thôi: trong số bạn bè chỉ còn lại mỗi chúng tôi.

“Và thế là chúng tôi xếp hàng trong danh sách lính xung phong (một cái hàng kiểu Pháp: cả một mớ) gồm năm mươi thằng khốn cùng một giuộc với chúng tôi, khẳng định đã nhảy cả sáu lần nhưng hiềm một nỗi là đã đánh mất chứng chỉ. Những vụ nhảy dù thì họ đã từng thấy, hừ, nhưng là trên phim ảnh... Sự thực, tôi xin nói thẳng với cậu: nhảy dù đêm lần đầu, từ trên máy bay ở độ cao 250 mét so với mặt đất và nhiều khả năng rơi vào phòng tuyến của Việt Minh hay vào hàng rào thép gai. Tôi đã nói với cậu rồi đấy, chúng tôi rất là những tên ngốc. Cậu biết người Pháp mà: lúc nào cũng cầu nhàu, hở ra là gian lận. Ấy vậy mà đây thì chúng tôi lại còn chơi gian để xếp trước những tên kia. Với tính chất nhiệm vụ của mình - nhất là bố cậu - chúng tôi không có nhiều cơ hội được chọn; thế là chúng tôi gian lận... Tôi quen một sĩ quan ở bộ phận tuyển chọn và tôi đã tán hươu tán vượn với ông ta, chẳng còn nhớ thế nào nữa: tóm lại chúng tôi được đưa lên đầu danh sách. Chúng tôi chờ ở phố Hàng Đào, may một bộ quần áo truyền thống của người Việt: chúng tôi muốn tỏ vẻ là những nhà hiền triết già đời nhưng chúng tôi lại giống như một cặp rối. Thế rồi, giờ phút tòng quân đã đến: chúng tôi xuất phát ngay trong đêm đó.

“Đó là ngày 10 tháng Tư. Tôi biết vì tôi vẫn nhớ khi Béatrice⁽⁴⁾ thất thủ - tôi không bao giờ muốn kiểm tra xem cái giai thoại đó có đúng không, cái giai thoại kể rằng những quả đồi tại Điện Biên Phủ được đặt theo tên các cô nhân tình của chỉ huy cứ điểm - gã đại tá de Castries

đàng điếm. Có những lúc tôi thấy chuyện đó thật buồn cười nhưng có lúc tôi thấy thực sự tởm lợm.

“Chúng tôi bước vào phòng làm việc của binh đoàn trưởng. Ông ta thở dài đánh thượt khi thấy chúng tôi: ‘Cả hai cậu, tôi không biết làm thế nào mà các cậu tới được đây, nhưng giờ thì các cậu đã ở đây rồi. Liệu tôi có phải hỏi các cậu có tự tin vào bản thân không?’ Bố cậu và tôi, không chề vào đâu được, chẳng hề chớp mắt. Ông ta đưa cho chúng tôi một tờ giấy và chúng tôi ký ngay lập tức. ‘Coi như các cậu đã *đọc* trước khi ký,’ ông ta làu bàu, khá tử tế. ‘Các cậu có biết đọc không hay tôi phải đọc cho các cậu nghe? - Không, cảm ơn, thưa ngài trung tá, chúng tôi sẽ đọc.’ Buổi tối hôm đó, tôi đã phải hết mực tôn trọng nguyên tắc thứ bậc trong quân đội Pháp... ‘Tôi tuyên bố đã xung phong nhảy dù xuống lòng chảo Điện Biên Phủ... Tôi là người đã đọc, quyết tâm và ký tên.’ Cả hai chúng tôi vẫn khẳng khái và ký tên, thế rồi chúng tôi vui vẻ vỗ vai nhau ra về. Khi chúng tôi quay lại chỗ trú quân, gã đại úy chỉ huy tôi đang chờ với tờ lệnh cấm tôi nhảy dù. Chưa bao giờ trông đời, tôi lại rơi vào tâm trạng gần như muốn đập vỡ mồm một cấp trên như vậy. Tôi la hét và phản kháng, nhưng vô ích, không có cách gì. Nhưng tên khốn đó cần tôi, họ không muốn dùng một cái mất tôi, đối với họ tôi là người quý giá nhất trên đời - cậu không tin hả...”

“Chúng tôi uống một ly với nhau ở nhà. ‘Ít nhất một trong hai đứa sẽ đến đó’, bố cậu nói, chẳng hề cay nghiệt, nhưng tôi như muốn bứt đầu ông ấy.

“Cuộc hẹn được ấn định vào 23 giờ, lúc những chiếc xe tải GMC phải chở họ đến Bạch Mai để cất cánh vào quãng nửa đêm và nhảy dù vào khoảng 3 giờ sáng. Phải nói với cậu rằng tôi giận điên cả người... Tôi thì... Còn bố cậu, tôi chưa bao giờ thấy ông ấy bình tĩnh đến thế. Bố cậu lúc nào cũng hay bần khoản này nọ nhưng tôi đảm bảo với cậu rằng hôm đó ông ấy chẳng bần khoản gì. Ông ấy lấy làm tiếc cho tôi nhưng bảo tôi là tôi sẽ phải gặp lại cạ cứng thôi, cuối cùng cũng đến lượt tôi thôi: biết đâu hai hôm nữa tôi sẽ được nhảy dù, và chúng tôi sẽ gặp lại nhau ở nơi đó.

“Tôi bực mình vì bị từ chối nhưng *cũng* vì có ra sức nói về bạn về bè thì tôi cũng sắp đánh mất người bạn đích thực duy nhất có được trong cuộc chiến tranh khốn kiếp này. Tôi không lường trước chuyện gì xảy ra: tôi đã tự chọn cho mình một thằng em trai mới và gã Cứng-cu trong số hai thằng em của tôi ấy không biết điều đó mà cũng không thể, ông ấy sẽ không nhảy dù mà không có tôi. Tôi đã nhắc lại với ông ấy lời hứa: ông ấy tưởng có một đứa con trai sau một đứa con gái thì sẽ được giải thoát khỏi những nghĩa vụ thiêng liêng đã hứa với Trâu Núi Trắng sao? Ông ấy phá lên cười: tao không chỉ có một đứa con ư? hai đứa hần hoai ấy chứ, nếu ông ấy vẫn còn nhớ? Nhưng cách ấy không qua được mắt tôi: với tôi, mọi chuyện không như thế, và nếu còn muốn ra về gốc thì ông ấy sẽ thấy đang nói chuyện với ai. Chúng tôi làm vài vòng quanh Cột Cờ, rồi vòng vèo khắp thành phố. Trông thì cứ như chúng tôi là hai gã say khướt nhưng không, họ có thể nốc cái gì họ muốn, chuyện đó chẳng thay đổi được gì. Ông ấy nói: ‘Mày không thể tước đi điều sáng suốt đầu tiên trong cuộc đời tao suốt mười năm nay, điều đầu tiên tao chắc chắn, điều đầu tiên mà với nó tao không bị dẫn vật vì chuyện đạo đức, về những gì phải làm hay không phải làm, với nó, không sợ hãi gì và không hung hăng cư xử như một thằng điên hay một thằng hèn.’ Ông ấy bảo: ‘Mày không thể muốn làm điều đó, không thể nói rằng làm điều đó là đúng đắn và không thể đòi ngăn tao, chính tao đây, chỉ vì mày ghen tị và tức giận, bởi ở một nghĩa nào đó mày quan trọng hơn tao, quý giá hơn tao, và vì họ muốn giữ mày lại trong khi lại đồng ý quảng tao xuống đó, với một khẩu P-M và ba trăm ống đạn.’ Tất cả những gì ông ấy nói đều đúng, và tôi không giận ông ấy vì đã nói ra điều đó, và nếu như ông ấy còn nói về con cái nữa thì hẳn tôi cũng phải công nhận rằng các con ông ấy giá trị chẳng hơn kém gì so với các con tôi, rằng ‘lời hứa’ hời ở Tây Nguyên là tầm phào. Vấn đề là chuyện đó chẳng thay đổi gì... Dần dần, ý nghĩ đó hình thành trong đầu tôi nhưng tôi gạt đi khi biết rằng đã quá muộn: kẻ cứng đầu cứng cổ là tôi và rồi sẽ biết chuyện gì xảy ra.

“Tôi không thể nói với ông ấy về điều đó bởi hẳn là ông ấy sẽ không nhất trí và tôi không có cách nào thuyết phục ông ấy, chẳng có gì để giải thích, đó chẳng qua chỉ là một trong những khoảnh khắc của cuộc sống mà thôi. Tôi làm như chấp nhận tình cảnh, làm như mình đang buông xuôi. Dù sao, tôi cũng không quá sốt sắng bởi hẳn là ông ấy sẽ lo lắng nếu Trâu Cầu

Nhàu lại bỏ đi như thế. Ông ấy bắt đầu kể về con trai - về cậu ấy - ông ấy nói yêu thằng bé lắm, ông ấy chẳng hiểu sao lại yêu thằng bé từ giây phút ẵm nó trong vòng tay, yêu nó hơn bất kỳ người đàn bà nào, có khi ông ấy bắt dây lúc nửa đêm, vén màn, áp mặt lên ngực con trai để nghe nhịp thở của nó, chẳng có gì khiến ông ấy yên lòng hơn, chẳng có gì tuyệt vời hơn, chẳng có gì tươi đẹp hơn. Ông ấy nhớ nụ cười đầu tiên của cậu và có thể miêu tả lại rõ nét. Nhưng việc vừa là cha của cậu con trai và cũng đồng thời là cha của cô con gái thì có nghĩa gì, ông ấy vẫn chẳng có một chút ý tưởng nào. Ông ấy có thể yêu chúng đến mức làm chúng nghẹt thở, đúng, nhưng liệu yêu có phải là như vậy không? Thà rằng cuối cùng sống và làm tròn một việc gì đó có tính quyết định, có tính thực tế, một việc gì đó thể hiện bản chất con người mình khiến chúng nhớ đến nếu mình ra đi và khiến chúng tự hào về mình còn hơn. Một sự hy sinh. Tôi đã hét lên để cứu vãn thể diện rằng đó toàn là những điều ngớ ngẩn lãng mạn và tự phụ, không ai, không nơi nào có thể nói rằng các bà mẹ không cần đến chồng, anh em trai không cần đến chị em gái và - nhất là - con cái không cần đến cha mẹ. Ông ấy lắng nghe rồi nói: "Thế còn mày, cũng như tao, mày không báo tin tức cho mẹ mày từ bao giờ mày cũng chẳng nhớ nữa, mày đã mất liên lạc với em trai, bố mày đã chết và bố tao cũng vậy, mày có một thằng con mà mày chẳng bao giờ thăm hỏi, mày sắp bỏ rơi vợ mày, thế mà mày có thể nói với tao những lời đó sao? Mày là người bảo đảm trật tự thế giới à? Hãy để tao yên và câm ngay những lời bậy bạ của mày đi."

"Lúc đó tôi đã táng cho ông ấy một phát vào mồm. Tôi không nổi giận, không hề, tôi chỉ đợi đúng lúc để đập bể hàm ông ấy thôi. Bởi vì làm ông ấy bất tỉnh thôi thì chưa đủ, hừm, ai mà biết được, hẳn ông ấy có thể tỉnh dậy mà gào lên: phải tổng hấn ra quân. Đó là một đêm mưa phùn. Tôi kéo ông ấy vào chỗ trú để ông ấy không bị ướt quá: với ông ấy, có thể nói tôi là một người mẹ. Tôi đến đúng lúc để trèo lên chiếc xe tải và tôi thấy vui vui khi điểm danh hộ ông ấy. May mắn thay, tôi chẳng biết ai trong tiểu đội nhảy dù, và dù sao đi nữa thì người nào cũng cô đơn với chính mình và với da thịt quý giá của mình. Trong suốt thời gian ô tô chạy đến Bạch Mai, tôi không thêm quan tâm đến hậu quả, tôi chỉ sợ bố cậu tỉnh dậy báo động, để ngăn tôi nhảy dù. Về phần ông ấy, như vậy là đã giải quyết xong: không ai có thể phái một thằng dở hơi vỡ hàm nhảy dù xuống Điện Biên Phủ. Cậu tướng tượng xem, bác sĩ Grauwin tốt bụng và cô Geneviève yêu quý, thiên thần của Điện Biên Phủ, đang tự nhủ có phải người ta giấu cọt họ hay không khi phái thương binh từ Hà Nội tới trong khi thương binh chỗ họ đang chất đống trong cái ổ chuột mà người ta vẫn quen gọi là 'bệnh viện'?"

"Nếu họ nhận ra trò gian dối của tôi lúc tôi nhảy dù thì tôi cũng không hình dung được Langlais hay người nào khác lại cho tôi vào tù - giả dụ có một nhà tù ở đó. Nếu tôi từ đó trở về, tôi sẽ phải giải trình với bố cậu, và sẽ đến lượt tôi nhận một cái tát... Kể cả khi tôi chìa thêm má trái cho ông ấy: cậu xem, tôi trở thành tín đồ Cơ đốc giáo và đại dột."

"Tới Bạch Mai họ dẫn chúng tôi đến khu chứa máy bay và ở đó vài lính nhảy dù trong nhóm hướng dẫn chúng tôi cách sử dụng hai chiếc dù, chỉnh đai, xếp túi sắc và vũ khí, cùng toàn bộ những thứ khác... Tôi dễ dàng ghi nhớ tất cả, cứ như tôi đã được mu dạy trong giấc mơ, và tôi nhớ từng quy trình cho đến lúc nhảy dù. Sau đó... tất cả những gì tôi biết là tôi phải xuống đồi 'Épervier'⁽⁵⁾.

"Chúng tôi cất cánh quá nửa đêm một chút. Tôi là người số một trong nhóm bảy người nhảy đầu tiên. Tôi biết phải nhảy không chần chừ ngay sau tiếng 'Go' đầu tiên bởi vì chiếc máy bay DZ bé đến mức chỉ cần một giây chậm trễ là cả lũ sẽ đi nghỉ mát vĩnh viễn tại lãnh thổ của ông Giáp. Tôi gần như chờ người ra trong suốt hơn hai giờ bay. Tôi không thể nói với cậu rằng tôi có nghĩ mình sắp chết hay không. Tôi chẳng quan tâm, tôi đã làm những gì phải làm và bố cậu cũng vậy: việc nào ra việc ấy. Khi ánh đèn trắng bật lên, tôi móc đai bật tự động vào dây cáp và sẵn sàng trong tư thế đứng bên cửa. Phía dưới chẳng khác nào không khí ngày Quốc khánh: hệ thống phòng không, pháo sáng, đạn vạch đường, tất cả hiện dưới quảng vàng của chiếc máy bay đom đóm trú danh bay ở độ cao 3.000 mét. Đèn xanh bật lên cùng lúc với tiếng còi: Go!

"Một chút sáng suốt sột lại. Tôi vẫn nhớ lời của sĩ quan huấn luyện: 'Cậu từ từ đếm đến ba. Nếu vẫn mất cân bằng thì cậu kéo nắm bên phải.' Một, hai... sốc khi dù bật mở. Lơ lửng trên

không trung, phía trên chữ T mờ ảo được hình thành từ những ngọn lửa đỏ trong các chậu cát có xăng.

“Đồng đội, cha cậu, tôi quên hết.

“Tôi đã nghĩ chuyện chẳng tệ đến thế.

“Thế rồi tôi chạm đất, không mạnh như vẫn tưởng. Lăn trên mặt đất, mở khóa cài. Một hơi thở, một tiếng nổ: một trái pháo 105 lần tới. Tôi không biết mình đang ở đâu, tôi rút la bàn ra. Đồi Épervier ư? Lờn nhẩn nhủ đến từ kiếp trước: cần phải đến đồi Épervier. Những người khác đâu? Tôi chẳng thấy gì. Ánh sáng, âm thanh. Trước mặt tôi, một mạng lưới đường hầm trống trơn, dây thép gai. Tôi đi đến đó. Thế rồi một tia sáng mờ mờ, mái của một cái lều trú ẩn. Một số gã đang ngủ: một đồng người. Một gã cụt tay hỏi xin tôi lửa. ‘Cậu từ đâu chui ra vậy?’ Tôi giải thích với anh ta. Không ôm hôn chào hỏi gì. ‘Cậu đến đồi Épervier phải không? Đứng chỗ rồi đấy. Để tôi dẫn cậu đi.’ Và tôi đến Tiểu đoàn dù số 8 như vậy đó - ‘Pierrot’ nói.”

Carraz lắc đầu nhiều lần, như bị mắc vào những suy tư dữ dội, đau đớn mà ông không thể chia sẻ cùng ai.

“Đêm hôm đó - đêm ngày 10 tháng Tư - chúng tôi thoát khỏi trận chiến điên cuồng để chiếm lại đồi Éliane 1⁽⁶⁾ do Bigeard chỉ huy, súng phun lửa trên đầu. Ôi, các quả đồi Éliane, các quả đồi Éliane khốn kiếp, đánh chiếm, bị mất, tái chiếm và lại mất - những con đĩ mà cậu căng ra mới chiếm được và chừng nào còn chưa được sở hữu thì cậu đặt cho chúng những cái tên ấy, còn khi cậu chiếm được rồi thì chúng dúi cậu vào giữa hai chân, chúng bị cày xới, phá hủy, cưỡng hiếp, trở nên gai góc, và khi cậu để mất chúng, cậu vẫn cứ nghĩ về chúng... Thực ra đặt tên con gái cho những quả đồi này là một ý tưởng xuất thần, người ta có thể vừa yêu vừa ghét, vừa đắm mình trong đó rồi chết vì chúng.

“Ngày hôm sau có lễ Phục sinh và tôi, người vốn chẳng tin vào điều gì, lại thấy hài lòng khi có mặt ở đó và thầm thì cầu nguyện, việc mà tôi không làm nữa từ khi còn nhỏ. Đúng, thật dễ chịu khi nói những câu *Pater Noster*⁽⁷⁾ dù có thiếu mất một nửa...

“Rồi sau đó...

“Sau đó, tôi biết nói gì với cậu đây. Trong phim của Schoen, đó là lúc chỉ còn mỗi bóng tối và ánh sáng, những tiếng ọ ẹ trên loa truyền thanh. Tôi muốn nói: chẳng còn lịch sử nữa, tất cả đã thất bại, tất cả vụn ra từng mảnh. Theo tôi, đúng là như vậy: chúng ta không thể nói nhiều hơn. Chúng ta không muốn nói nhiều hơn. Nếu cậu nói những từ: hầm, bùn, súng cối, điều đó chẳng có nghĩa gì. Chúng tôi nhớ những câu bông đùa chẳng còn làm ai cười được nữa: đường hầm chúng tôi gọi là ‘tàu điện ngầm’. ‘Đổi tàu ở Châtelet, hướng Château-de-Vincennes.’ Chúng tôi nhớ những chiếc dù giá một trăm nghìn quan trở thành ga trải, khăn lau, vải liệm... Đó là những mẩu, đoạn, thậm chí chẳng phải là kỷ niệm, mà cậu khắc sâu trong lòng và cậu chỉ có thể chia sẻ với gã nào cũng từng trải qua những chuyện tương tự. Nếu không, chuyện đó trở nên... thô bỉ... Tôi không đến dự những cuộc họp cựu chiến binh, thậm chí tôi chẳng đi nhận chúng chỉ nhảy dù (nói riêng với cậu, phải mất hai năm gây gổ với chính quyền mới được công nhận có chúng chỉ đó, bởi chúng tôi đã nhảy qua sáu lần, cậu hiểu chứ...): đã bốn mươi chín năm rồi tôi không nói chuyện này với ai.

“Vậy nên, tôi chỉ nói với cậu rằng mùa hè ập xuống đầu chúng tôi: trời bắt đầu mưa và hầm đầy nước. Trước đây bùn ngập đến mắt cá chân; bây giờ thì nói thẳng là bơi trong sinh lầy. Chúng tôi bỏ mặc những kiện hàng từ mấy đợt thả dù mới nhất ở nguyên nơi chúng rơi xuống bởi vì không còn sức đi lấy và khuân chúng về nữa, xác người cũng bị bỏ lại nguyên đó với đám nặng vo ve xung quanh. Khắp nơi bốc mùi phân và da thịt thối rữa. Sau này, tôi đã đọc một cuốn sách và có câu này đập ngay vào mắt tôi: ‘ngạc nhiên khi thấy mình còn sống’... Tôi không biết gã ấy muốn nói gì nhưng tôi biết điều đó có nghĩa thế nào với mình. ‘Ngạc nhiên khi thấy mình còn sống’, thật là khác thường! Cậu xem, Điện Biên Phủ chính là nơi dạy cho tôi tất cả về triết học. Và tôi còn có bằng ấy chứ, không phải sao: tôi đã sống sót.

“Chúng tôi thấy một sĩ quan hay một ai đó khác - Bigeard hoặc Langlais chứ không đời nào là

đại tá de Castries - đi đến giữa chúng tôi, mũi khoằm, mắt sáng, và thế là đủ cho chúng tôi cả ngày hôm đó. Đôi khi Langlais phái người chuyển cho chúng tôi một két rượu vang Vinagel với đường, thứ đó giá trị như rượu sâm banh. Chúng tôi yêu họ, những sĩ quan đó, và họ cũng yêu mến chúng tôi: không được bắt chúng tôi nói xấu họ nhé.

“Đêm trước ngày thất trận, phía Việt Minh phát bài *Khúc ca giải phóng*⁽⁸⁾ trên đài phát thanh: *Bạn ơi, bạn có nghe tiếng đàn qua đèn bay trên đồng bằng của chúng tôi... Bạn ơi, bạn có nghe tiếng gào âm thầm của đất nước bị xiềng xích...* Khi nghe bài hát được sáng tác dành cho chúng tôi, mười năm trước, niềm tự hào của chúng tôi bị phủ một lớp đắng cay mà chúng tôi, mỗi người một góc, chịu đựng một mình. Đó là điều mà tôi oán giận quân Việt Minh, phải - tôi thông cảm với họ và thậm chí có chút ngưỡng mộ họ, nhưng dù sao tôi cũng oán giận họ. Họ đã đánh bại chúng tôi, đồng ý, nhưng chẳng cần giáng một đòn chí tử đến thế.

“Điều điên rồ nhất là chúng tôi tin vào chiến thắng, cho đến ngày cuối cùng, cho đến sáng ngày 7 tháng Năm khi chúng tôi nhận được lệnh cầm súng xuống đất rồi bắn hết đạn trong khi nghe thấy một tiếng nổ mới, sau này trở nên nổi tiếng trong tất cả các cuộc chiến tranh, thứ vũ khí do người Nga cung cấp: dàn pháo của Staline.

“Trên các đài phát thanh chúng tôi lại nghe thấy những lời kêu gọi cuối cùng: ‘Bruno de Brèche, chấm dứt rồi... Bruno de Dédé, kết thúc rồi...’

“Chúng tôi nghe thấy tiếng la hét rồi thấy họ tới, những con người nhỏ bé mặc quần áo màu xanh lá cây, tay cầm vũ khí, không bắn, bước qua các xác chết, những mảnh tử thi người Việt và người Pháp hỗn độn, đôi khi chông đồng như những bao cát.

“Tôi thấy một đàn quạ bay lên: chúng bay kín bầu trời, bay qua thung lũng từ ngọn núi này sang ngọn núi khác. Hay có lẽ chỉ là trời tối đen.

“Thế là im lặng bao trùm...”

Carraz đột ngột đứng lên, để tôi một mình trong phòng khách. Hai đứa trẻ da đen kéo cung điểm giờ. Carraz quay lại với một chai rượu - vẫn là chai whisky ấy: tôi không thích thứ này nhưng không nở lòng nào từ chối.

“Cậu biết tại sao lại dễ dàng câm lặng về chuyện đó không? Chẳng ai muốn biết. Dường như trong cuộc sống cần phải ‘tiến lên’, trong khi những câu chuyện như vậy níu chân cậu lại. Khi cậu quay lại nơi đó, những người mà cậu cùng uống bia và tếu táo lại chính là những người Việt dẫn cậu đi tham quan. Đó là những người duy nhất có ý tưởng về câu chuyện, bởi vì từ phía bên kia, theo kiểu khác, nó cũng chẳng ghê gớm gì.

- Bác đã quay lại nơi đó chưa?”

Carraz cười phá lên.

“Du lịch theo đoàn ư... đoàn bay riêng và xe bus trọn gói... Không, cảm ơn, cái đó không dành cho tôi. Dù sao đi nữa thì lúc nào tôi cũng quay trở về nơi đó, đêm nào tôi cũng đến đó miễn phí. Và cậu biết gì không? Trong suốt cuộc đời mình, tôi chưa từng thấy điều gì tệ hơn, nhưng cũng chưa từng thấy điều gì tốt đẹp hơn. Cậu có hiểu không đấy?

- Có thể...

- Ái chà cậu giỏi hơn tôi bởi vì tôi thì chẳng hiểu gì. Chuyện đó vượt quá sức tôi. Nhưng chuyện là như vậy.

- Chuyện gì xảy ra sau đó?

- Cậu không chán ngấy cả câu chuyện này à?

- Khi nào chán cháu sẽ bảo bác. Nếu không thì cháu sẽ đứng dậy và bỏ đi.

- Trải qua chùng ấy thời gian với tôi, cậu cũng trở nên đáng yêu như tôi vậy.”

Ông nhấp một ngụm whisky, chùi mồm bằng nắm tay.

“Sau đó, họ dẫn chúng tôi đến doanh trại. Doanh trại là vài ngôi nhà sàn lợp tranh, giữa rừng, chúng tôi bị lèn chặt ních, chẳng có gì ăn, uống thì uống thứ nước lờ lợ và chẳng có thuốc men để chữa bệnh. Khi chúng tôi đến nơi, có hai thằng lấu cá hài lòng vì thấy không có rào thép gai - chắc chắn chúng nghĩ rằng tất cả chúng tôi đang diễn trong bộ phim *Cuộc vượt ngục vĩ đại*. Họ không chằng dây thép gai vì họ không cần đến nó. Chúng tôi đã kiệt sức vì cuộc bộ hàng trăm cây số, và khắp xung quanh là khu rừng ẩm ướt, dày đặc. Thế mà những anh chàng lấu cá của chúng tôi đã thử trốn trại. Vài ngày sau, bộ đội Việt Cộng đem về được một gã, họ để xác anh ta lên cái mễ giữa doanh trại: anh ta đã bị một con dã thú ăn thịt và hàng tỉ con ruồi cãi vĩa chia nhau phần còn lại. Họ để anh ta cho chúng tôi hai ngày để mặc niệm, rồi họ ra lệnh cho chúng tôi dùng xẻng chôn anh ta ở chỗ khác. Sợ sệt như thế mà chúng tôi còn tìm cách đào cho anh ta một cái hố và cầu nguyện cho anh ta.

“Trước đây tôi thường gặp ác mộng và giờ thỉnh thoảng cơn ác mộng đó vẫn trở lại. Tôi mơ thấy mình tỉnh dậy vào nửa đêm, xuống thang và đi qua trại; tất cả lính gác đều thức, họ hút thuốc, họ nói chuyện với nhau và họ phá lên cười để cho tôi đi... cứ như họ nói với tôi: ‘Đi đi, anh bạn, cứ đi dạo một lát đi...’

“Cậu xem, chiến tranh đã dành một chuyện, nhưng các trại... Những gì mà cậu đã nhìn thấy, cậu còn không muốn kể ra. Kể ra để làm gì? Để đầu độc cuộc sống mọi người à? Đó là đói khát, bệnh tật, giọng nói của tuyên truyền viên, mùi hôi, tiếng ồn, cái ghét... Nhất là cảm giác đã ở dưới đáy hố... Sau đó cậu chờ đợi họ, những gã muốn kể cho cậu nghe những câu chuyện về nhân loại và tiến bộ. Cậu biết nhân loại là gì, cậu biết nhân loại có thể làm gì để sống sót và việc đó chẳng đẹp đẽ gì. Đương nhiên có những người trung thành, thậm chí khá đông. Trong Kinh Thánh, chỉ cần có một người công minh chính trực là đủ để cứu cả nhân loại; trong cơn ác mộng đó, chỉ cần một thằng đếu là đủ để điều khiển cả nhân loại.

“Cậu xem, đối với một gã không bao giờ đọc sách và chẳng tin vào điều gì... Tôi định nói là mình đã tiến bộ, nhưng cậu cũng có thể gọi cái đó là sự lẩn tránh. Tôi đọc Kinh Thánh, dù có thiêng liêng hay không, tôi tìm thấy ở đó những câu chuyện nhớ đời. Khi tôi ra đi, người ta sẽ có thể chế tạo một gã không quá tệ với bộ xương của tôi.

“Tôi đã nói với cậu rằng tôi chẳng muốn nói chuyện với ai nhưng không phải thế. Tôi có một đứa con trai. Tôi không nói đến đứa kia, đứa con rừng núi của tôi, mà là đứa đầu, đứa mà trước đó tôi chưa từng gặp. Khi chúng tôi gặp nhau, nó lên mười tuổi. Lần đầu tiên nó gọi tôi là ‘ngài’... Chúng tôi chưa từng sống cùng nhau, thậm chí tôi nhớ chúng tôi chưa bao giờ cùng ngủ dưới một mái nhà: tôi chẳng biết thế nào là tình cảm thân thương của đứa trẻ cùng mình chạy trong khu rừng hay thăm các lâu đài sông Loire. Và thế đấy: sang năm con trai tôi sáu mươi tuổi. Thậm chí tôi không thể nói rằng nó đã bỏ rơi ông bố già ngu ngốc. Không, cứ ba tháng nó lại đến thăm tôi rồi chúng tôi đi ăn pizza và uống Valpolicella^[9] và chúng tôi ngán ngẩm ngồi nói chuyện bóng đá. Thỉnh thoảng tôi bấm môi lại vì nhớ đến một cuộc tấn công, và tôi nhớ rất rõ những chuyện vô tích sự - tỉ số, bốn/hai, của một trận đấu giữa Câu lạc bộ thể thao Sài Gòn-Chợ Lớn, ngày 27 tháng Ba năm 1946, bảng giờ nhà tắm hơi, phố MacMahon, từ 16 giờ đến 19 giờ dành cho đàn ông, hàng chục cái tên, địa chỉ, quảng cáo, những số điện thoại, v.v... Thế là tôi nhận ra rằng con trai tôi, con trai lớn tuổi của tôi, đang có mặt ở đó, nó có cái vẻ lo âu đến buồn cười: ‘Bố không ổn à?’ (cậu xem, chúng tôi đã tiến bộ, mất nửa thế kỷ để chuyển từ ‘ngài’ sang ‘bố’.) Không, con trai à, không ổn chút nào, cuộc đời bố là cuộc đời chó má và ngay cả với con - người quý giá nhất mà bố có trên đời này - bố cũng không thể nói được ra những gì bố muốn. Có phải một người cha không nên cởi mở lòng mình với con trai không? Có phải con trai không nên năn nỉ cha chuyện trò với mình không? Liệu sau này nó có hối hận không? Khi nằm dài một mình trong bóng tối, tôi đặt ra những câu hỏi đơn giản với những câu trả lời giản đơn: có, có, cái gì cũng có. Nhưng khi tôi ở trước mặt nó, suýt nữa thì chính tôi gọi nó là ‘ngài’... vâng, tôi bấm môi lại để không nói gì, có những đoạn cầu nguyện từ thời thơ ấu dâng lên cổ họng: ‘bây giờ và vào giờ phút cái chết của chúng ta’ và vào giờ phút cái chết của tôi, mỗi khoảnh khắc, mỗi khoảnh khắc tôi lại khuôn mình theo nhịp độ chậm lại, bị một cú sốc, mỗi khoảnh khắc

anh lính gác người Việt mỉm cười với tôi và tôi bung ra thành từng mảnh sáng dưới đạn lửa, rồi tôi ngã xuống và có thời gian nghĩ đến nỗi đau đớn mà không còn cảm nhận nỗi. Tôi có cả một loạt những nỗi hối tiếc dữ dội không kịp đặt những cái tên hay những khuôn mặt cho nó, chỉ một cơn sóng cảm xúc bao trùm lấy tôi, đè lên tôi, tôi nghẹt thở, và nếu mở miệng thì tôi còn nghẹt thở hơn nữa, vậy là tôi nín lặng và tôi để con trai trả tiền bởi vì tiền nó kiếm được trong một tháng nhiều hơn tôi kiếm cả đời.

“Tôi trở về nhà, giam mình trong phòng vệ sinh, nhắm mắt lại trong vòng một tiếng đồng hồ bởi vì tôi đau bụng và cơ thể già cỗi của tôi cọt kẹt, phản kháng và tôi nhớ lại cách diễn đạt hồi còn ở trại, ‘xuống chuồng trâu’, bởi vì nếu bị phạt chúng tôi phải ngủ qua đêm dưới gầm nhà sàn, cùng với trâu và lợn, nhưng chúng tôi không xuống ‘chuồng lợn’ mà xuống ‘chuồng trâu’, rồi cậu sẽ biết tại sao như vậy. Những chi tiết quay trở lại, cái nhà ngủ ấy nơi chúng tôi nằm sát sạt nhau đến nỗi khi có một người trở mình thì tất cả những người khác cũng phải đồng thời trở mình, chúng tôi trở thành những con sâu, đói khát, ốm yếu. Tuần đầu tiên có một tuyên truyền viên người Việt và chúng tôi học bài ‘Bây giờ các ông hãy nhắc lại lời tuyên bố: ‘chúng tôi khinh bỉ thực dân Pháp đã buộc chúng tôi tàn sát nhân dân Việt Nam... Chúng tôi tha thiết yêu cầu một nền hòa bình chính đáng, tôn trọng tự do của dân tộc Việt Nam... Chúng tôi biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chia sẻ nguồn thực phẩm của nhân dân Việt Nam để đối xử nhân đạo với chúng tôi’...’ Gã không thể làm được gì nhiều với chúng tôi và thế là gã bị thay. Tôi mất năm phút để hiểu rằng đó là Garel, bạn của bố cậu. Tôi nhớ ra ngay vì biệt danh mà trước đây tôi đã thấy buồn cười: cá khôn. Khôn lạnh, gã khôn lạnh hơn những kẻ ngu xuẩn khác. Gã nói rằng gã hiểu nỗi thống khổ của chúng tôi, rằng chúng tôi là nạn nhân của những nhà chính trị và của một liên minh quốc tế vĩ đại vì lợi ích tư bản. Gã gọi các bài giảng của gã là ‘những cuộc trò chuyện’. Trong số các tù nhân, phần lớn ghét cay ghét đắng mình nhưng cũng có những người mặc kệ - nói thực ra không phải điều gì gã nói cũng ngu xuẩn, chỉ là cái khung cảnh nói chuyện không ổn thôi. Khi nói đơn giản thì gã rất thuyết phục, nhưng luôn có những lúc gã sử dụng những từ ngữ khoa trương và khi đó, chúng tôi phải bịt tai lại. Để mua vui bạn bè, tôi nói với họ biệt danh của gã, và lần nào cái mếu đó cũng phát huy tác dụng. Một hôm, khi máy đo sự ngu dốt của gã chạm vạch đỏ, có một kẻ hét lên từ cuối lớp: ‘Này, cá khôn!’ và gã đỏ bừng mặt như một thiếu nữ, gã tháo kính ra rồi lau kính, sau đó tiếp tục giảng bài. Gã không bao giờ nhấn tâm và không bao giờ hành xử tồi tệ vì những gì chúng tôi nói - cần phải thừa nhận rằng chúng tôi chẳng nói gì to tát, trừ một nhóm nhỏ tình nguyện tham gia chuẩn bị cho cuộc cách mạng toàn cầu, vì hòa bình thế giới cho muôn đời sau.

“Một hôm tôi nhận ra một gương mặt phía sau gã: đó là Bằng Sơn. Anh ta và tôi lẳng lặng nhìn xung quanh, nhưng không có nhiều những người trước đây tham gia đoàn hành quân của Sư đoàn Thiết giáp số 2. Buổi tối, tôi lên cơn hân. Trong trại có một người mà tôi có thể gây ảnh hưởng - một kẻ còn sợ hãi hơn cả tôi. Đương nhiên, anh ta đã có thể nói với họ mình từ đâu đến; nhưng anh ta không thể nói tất cả với họ và trong các giấc mơ tôi có ý nghĩ rằng mình có thể làm hại tên phản bội này.

“Trong các buổi trò chuyện chính trị, tôi tập căm thù đến tận xương tủy Bằng Sơn. Căm thù chẳng phải việc gì khó khăn khi lũ bạn cậu đã chết, khi những người khác quấy rầy cậu với những bài diễn văn của họ, khi cậu lúc nào cũng đói bụng. Rồi có những câu chuyện họ kể cho chúng tôi nghe, chẳng rõ là thật hay dối trá, rằng chính phủ bỏ rơi chúng tôi và thậm chí không cho cả tổ chức Chữ Thập Đỏ chuyển hàng cứu trợ đến cho chúng tôi, có những tuyên bố mà chúng tôi phải ký vào, có những khúc hát ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh, có hy vọng hèn nhát nảy sinh khi chúng tôi nghe nói rằng những danh sách tù nhân đầu tiên có thể được trả tự do đã được lập và chúng tôi tự nhủ: tôi là người đầu tiên, tôi đã chẳng nói điều gì xấu, và tôi đã không có thái độ tồi, tôi đã không nổi giận, tôi đã không yêu sách, không như Lopez hay Lastin; tôi cảnh giác cao độ, ngay cả khi chúng tôi đã ký tất cả các giấy tờ, thì hẳn là họ vẫn quan sát chúng tôi, thằng khốn Garel ấy sẽ chọn ra ai là người chân thành và ai đóng kịch, liệu tôi có nên nói với gã rằng tôi là bạn của Garnier không? Khốn nạn thân tôi, chắc gã biết tên tôi và với câu đùa ‘cá khôn’ chắc chắn gã đã nhận ra tôi và trả đũa tôi, gã đã bỏ tên tôi ra khỏi danh sách - thế rồi tôi thấy cái nhìn của Bằng Sơn, đờ đẫn dán vào tôi, vì vậy mà trong tôi nảy sinh một suy nghĩ khiến người tôi nóng bừng lên còn máu thì sôi sùng sục: chắc chắn tôi có thể giết chết hắn

ngay khi họ trả khẩu P-M và băng đạn cho tôi.

“Tiếp đó có Blondeau. Blondeau là lý do cho niềm tin tưởng của chúng tôi, lý do để chúng tôi giữ phẩm cách. Ông kể với chúng tôi rằng khi ở trong trại tập trung tại Đức, một nhà văn bảo tất cả mọi người cứ tưởng tượng cảnh có một cô gái ở giữa họ và ý tưởng đó khiến chúng tôi thích thú, thế là chúng tôi tạo ra một phụ nữ. Cô nàng thay đổi tên, lúc thì tên là ‘Đức Bà Rượu vang rơm và Khoai tây chiên’, ‘Đức Bà Lầu xanh’, lúc thì chỉ tên là ‘Đức Bà’, và đêm đến chúng tôi gán vào đó gương mặt những giấc mơ của chúng tôi, chúng tôi thủ dâm hoặc cầu nguyện. Blondeau là sĩ quan, vì vậy ông ấy sẽ không nằm trong danh sách những người đầu tiên được trả tự do - và lại lẽ ra ông không nên ở cùng chúng tôi, mà phải ở cùng với những Bigeard, những Langlais, những ngôi sao, nhưng ông đã xoay xở để ở lại với chúng tôi. Blondeau có thể trạng ốm yếu nhưng tinh thần ông bình thản đến lạ thường, chỉ để lộ sự đau đớn do chúng co giắt làm biến dạng khuôn mặt. Ông đã đánh mất mái tóc màu đen, ông xanh xao, nhưng vẫn tìm được những lời nói đem lại hạnh phúc trong ngày cho cậu. Tôi nói với ông về Bằng Sơn và ông bảo cũng vẫn nhớ anh ta. Tôi nói với ông về những ảo ảnh giết người và ông bảo mình cũng có những ảo ảnh như vậy. ‘Nhưng cậu biết không, ông nói với tôi, khi cậu là con người và nếu gặp dịp thì hẳn sẽ thật tuyệt khi chỉ bằng một lời cậu có thể cho giết một gã, tra tấn gã - hoặc gây cho gã những điều phiền muộn nhất. Cậu thực sự có thể làm điều đó. Cậu hình dung rằng việc đó có thể - và thắng thần mà nói nó làm cậu dễ chịu. Thế rồi càng ngày cậu càng nghĩ đến việc đó và cậu hiểu rằng mình sẽ không làm việc đó. Không phải bởi vì việc đó là ‘xấu’ - cậu có quan tâm việc đó là tốt hay xấu. Không, mà vì cái lý do lạ thường này: vì khi cậu không làm việc đó, cậu còn cảm thấy nhẹ nhõm hơn nữa.’ Chúng tôi còn nói chuyện lâu và tôi biết rằng ông rất sùng đạo nhưng không dạy đời, ông nói với tôi những điều mà tôi có thể hiểu được.

“Một câu hỏi cháy bỏng trên môi mà tôi không dám hỏi: ông có phải là thầy tu không? Nếu ông là thầy tu, tôi không biết, có thể điều đó khiến tôi cảm động; còn nếu không phải, điều đó cũng làm tôi cảm động theo một cách khác. Thực ra, hai việc đó cũng hết như nhau.

“Khi ông sắp chết, tôi và Garel đã cãi nhau một lần duy nhất. ‘Một đồng phân như mày thì có ích gì khi một vị thánh như ông ấy đang hấp hối?’ Garel rụt rè và gã rất phiền lòng - tôi thấy gã chân thành buồn đau. Hầu như không có thuốc men, gã biện hộ, nếu chính gã bị ốm, thì gã cũng không có nhiều thuốc hơn Blondeau. Tôi tin gã, tôi không điên tiết nữa - nhưng cái gã này vẫn là một đồng phân. Bây giờ Blondeau nằm lì bì suốt cả ngày và tôi là y tá của ông. ‘Cậu đừng nóng, ông nói, còn nếu cậu không thể tránh cơn giận, thì cố gắng đừng có lúc nào cũng nổi đóa. *Tôi xin cậu đấy.*’ Tôi nói về Garnier, về những gì mình đã làm cho ông ấy, Blondeau bảo tôi: ‘Đó là một con người không hoàn hảo nhưng cậu ấy đã biết thể hiện ra phần tốt nhất của mình. Có thể điều đó là thực nhưng có thể chỉ là kết quả trí tượng tượng của cậu thôi - nhưng cũng chẳng quan trọng gì. Hãy giữ cái phần tốt đó trong trí óc cậu.’ Ông chết, đôi mắt mở và tôi khóc, khóc như một đứa trẻ, khóc vì tất cả những người đã rời xa tôi và những người tôi đã rời xa, chiến tranh và cả cuộc đời - khóc vì con người tử tế ấy.

“Đêm hôm sau, tôi lại nghĩ đến Bằng Sơn và tôi tin chắc rằng mình sẽ giết hẳn. Mẹ kiếp, thằng nào đó phải trả giá. Liệu bản thân Chúa có thể không trả thù không? Thế rồi tôi lại nghĩ đến những gì Blondeau đã nói với tôi: đúng, giết hẳn thì sẽ thấy thật dễ chịu, nhưng tôi sẽ không làm điều đó. Nghe có vẻ ngốc nhưng hiệu quả. Tôi cảm thấy tràn ngập lòng vị tha, niềm an ủi, cứ gọi như thế nếu cậu muốn. Tôi lên cơn sốt... vì lòng tốt... Tôi nghĩ đến vị ấy, Chúa Jesus, và tôi tự nhủ: một vị Chúa đặc biệt làm sao... Như một ảo ảnh và ở giữa đó có bố cậu - bố cậu, phần tốt nhất của tôi, như Blondeau đã nói. Những ký ức trong tôi lẽ ra tàn nát thì chúng tập hợp lại, chúng mang một ý nghĩa và tôi hiểu. Mỗi hành vi tự do mà tôi thực hiện đều là một phần của vũ trụ; tôi là Chiến sĩ và nhà Bảo hộ. Điều mà nước Pháp đã không biết làm, hoặc đã không đủ tha thiết, thì tôi, Vincent Carraz, nhờ ơn Chúa và sự can thiệp của các thiên thần Blondeau và Garnier của Chúa, tôi sẽ làm tròn việc đó. Tôi là tên Thực dân về vang chinh phục những Trái tim.

“Không cần nói với cậu rằng trong tình trạng mê sảng như thế, tôi nằm trên chiếu, không ăn uống gì nữa, và bạn bè cho rằng tôi sẽ là người đi tiếp vết xe đổ của những người chết sau Blondeau. Càng mê sảng sâu, tôi càng nghĩ đến bố cậu và - tôi thấy mình nực cười khi nói ra

điều đó - tôi càng có cảm giác ông ấy chuyện trò với tôi. Ông ấy nói với tôi đại loại như: ‘Carraz, đừng có tỏ ra ngu ngốc. Tao không oán giận mày vì cú đâm vào mặt tao, tao không oán giận mày vì mày tự cho mình quyền làm điều này điều kia với tao, nhưng bây giờ đến lượt tao. Mày tưởng mày chẳng có ai trên đời nhưng mày không có quyền nghĩ như thế. Mày *phải* quay về và mày *phải* sống.’ Và khi ông ấy nói với tôi điều đó, tôi thấy gương mặt của Bằng Sơn cúi xuống bên tôi, cho cái gì đó vào trong miệng tôi rồi dựng tôi ngồi dậy, bắt tôi ăn, uống. Đám bạn ngồi trong một góc, chăm chú nhìn đàn gián, tự vấn chuyện gì đang xảy ra, nhưng họ đã quen với cuộc viếng thăm này và hiểu rằng gã người Việt nhỏ bé đã quyết định cứu tôi, vì một lý do mà họ chấp nhận chứ không tìm kiếm những điều dơ dáy ẩn giấu phía sau. Ngay khi tôi quay trở lại thế giới của người sống, chúng tôi cũng không chuyện trò với nhau, Bằng Sơn và tôi không trao đổi với nhau nửa lời, và cũng như vậy trong các cuộc nói chuyện chính trị. Tôi không cố hiểu tại sao và như thế nào. Và cái ngày mà chúng tôi được trả tự do, khi mà một hàng xác chết dựng đứng được đưa ra khỏi khu rừng ấy, tôi không thấy anh ta, không có những lời vĩnh biệt ngao ngán, thậm chí chẳng có một cái bắt tay: chỉ có một bóng ma do cơn mê sảng ấy tạo ra và có thể theo thời gian do tôi sáng tác ra, người bạn lạ thường ấy của bố cậu đã cứu tôi thoát khỏi vương quốc của những hồn ma, nhân danh một nghĩa vụ vô danh mà tôi không bao giờ có thể hiểu thực sự...”

Màn đêm đã buông xuống từ lâu và tôi chợt nhớ đến cái hình bóng gặp trong ngôi chùa tại Hà Nội ấy. Nếu nhất thiết phải có một cái tên thì hình bóng đó có thể tên là Bằng Sơn; và dù thế nào đi nữa, nhờ có hình bóng ấy, tôi biết rằng ranh giới giữa người sống và người chết, giữa những người bằng da bằng thịt với những người đã tan ra mây khói, là rất mờ ảo. Ngay vào giờ khắc này, trong phòng khách có nhiều đồ vật thời thuộc địa, nhưng cũng là nơi các đồ đạc và ghế bành lúc nào cũng được phủ vải trắng, chính chúng tôi làm thành một cuộc họp của những bóng ma và các bức tượng nhà mồ Gia Rai cao lớn, các bức mặt nạ Phi châu, các con rối và các bức tượng nhỏ cứ như của một nhà hát sẵn sàng nhận nhip và sáng lên trong khi chúng tôi - ông già này và tôi - biến mất.

“Đừng lo, tôi sắp kể xong rồi. Cậu có thấy buồn cười không? Tôi thì có đấy.

- Cháu hài lòng là bác đã thay đổi ý kiến.
- Thay đổi ý kiến về chuyện gì?
- Khi bác không muốn kể...
- Tôi kể á? Tôi đã kể à?
- Bác buồn cười thật.
- Dù sao thì mọi người cũng có quan tâm.
- Lúc nào bác cũng nói như thế, nhưng cháu thì đang lắng nghe bác đấy thôi.
- Chẳng qua là cậu lịch sự thôi. Một anh chàng được giáo dục tốt.
- Hoặc có thể là cháu lắng nghe, chỉ vậy thôi.
- Hoặc là cậu làm ra vẻ như vậy.
- Carraz, tại sao bác không cho qua đi, ít nhất là một lần thôi?”

Ông bẻ các ngón tay kêu răng rắc, vươn vai, làu nhàu nói. Một ngụm whisky, một tiếng thở dài.

“Cậu biết đấy, tôi đã viết cho bố cậu. Một bức thư. Tôi không biết ông ấy ở đâu và tôi giữ bức thư bên mình, để nếu gặp lại ông ấy...”

- Bác đã viết gì cho bố cháu?
- Tôi viết cho ông ấy rằng tôi xin ông ấy tha thứ. Cậu tưởng tượng được không? Một bức thư xin lỗi... Của tôi... Một tài liệu có giá trị lớn...

- Tại sao lại 'có giá trị'?

- Bởi vì tôi đã làm mất lá thư hoặc là đã quẳng vào sọt rác. Và rồi nhiều năm sau đó tôi gặp lại bố cậu. Chúng tôi nói với nhau vài ba lời cần thiết - không hơn không kém. Theo thời gian, chúng tôi còn gặp nhau nữa và chúng tôi đi nhậu nhẹt, hai gã già xỉu trong một quán rượu và vừa uống vang đỏ vừa lau nhàu vừa thở. Nếu cậu ghi âm những lời đó, thì cậu sẽ thấy kỳ lạ lắm đấy... 'Hề còn sống thì còn hy vọng', hai lão già nói, như triết lý dân gian. Nhưng khi không còn hy vọng nữa mà ta vẫn còn sống, thì cái đó gọi là gì nhỉ? Hy vọng chết vào năm 1940 rồi chết vào năm 1946 rồi chết vào năm 1954 còn chúng tôi, chúng tôi chết giữa những người chết vây quanh chúng tôi - ấy thế mà chúng tôi vẫn còn sống. Chúng tôi ám ảnh các cậu bởi vì những người chết - bạn bè và kẻ thù, những người anh em và những bóng người mà chúng tôi đã bắn giữa cánh đồng - ám ảnh chúng tôi. Liệu tôi đã nhắm trúng hay bắn trượt? Không thể biết được: tất cả những gì tôi nghe thấy, đó là tiếng tòm ở đằng kia trong vũng bùn. Sự dốt nát và sự coi thường đã gần như kết liễu chúng tôi nhưng không phải tất cả chúng tôi đều chết và đó chính là vấn đề, chúng tôi cố bám vào cuộc sống nhưng chết dần chết mòn, những gã hề và những kẻ từ từ thối rữa.

"Trên các đường phố Paris năm 1944, khi người ta đốt cháy những cột đèn giao thông và người ta cho chúng tôi thuốc lá, những kết bia, chúng tôi đã có được một khoảnh khắc tự do; trong chốc lát chúng tôi những tưởng thoát khỏi gánh nặng và rằng tai họa đã qua đi, rằng chúng tôi có thể làm những gì mình muốn trong cuộc đời. Thế rồi bong bóng vỡ tan. Chúng tôi tưởng đã mang theo được thứ gì đó đến Đông Dương và tất cả những gì chúng tôi thấy, đó là những giấc mơ bất khả, những người phụ nữ không tồn tại, trong một đất nước mà chúng tôi không còn có vị trí gì nữa - có thể là chưa bao giờ có. Và chúng tôi trở lại để ban phát chết chóc, đốt phá làng mạc, cưỡng hiếp phụ nữ và chọc gheo bọn trẻ con vốn đã sợ chết khiếp khi thấy chúng tôi đi qua. Và cuối cùng, chúng tôi thất trận, bị bỏ rơi, bị giam giữ, bị khinh bỉ, bị ngược đãi. Khi trở về - chúng tôi biết trước điều đó nhưng chúng tôi không thực sự tin - không ai trả lại danh dự hay tha lỗi cho chúng tôi, không ai chào hỏi chúng tôi... Có lẽ chúng tôi sống trong cảnh chôn vùi, đất phủ lên đầu, đất đỏ của đồi Dominique⁽¹⁰⁾, đất vàng đồi Éliane, nghìn lần bị giày xéo: chúng tôi mãi mãi ở cuối đường hầm, phải tạ ơn vì đơn thuần là còn sống. Thế là chúng tôi đã biến cuộc đời của mình thành những trận chiến không ngưng nghỉ và lúc nào cũng thất bại, những quả đồi chiếm được, thất thủ rồi tái chiếm để cuối cùng bỏ đi cho rừng phủ xanh lên đó. Trong những cơn ác mộng của chúng tôi, những đôi chân đi ủng của đồng đội từ nơi đó trở ra. Ê này! Ê này! Pierrot chăn trâu đấy ư? Hết rồi. Có ai nghe thấy ai không? Chẳng nghe thấy gì hết: chỉ có tiếng gió trong các bụi chuối.

"Tôi đã nói với cậu rằng tôi không thích người Mèo lắm, nhưng tôi ngưỡng mộ họ: họ khoét sâu vào vết thương của mình và cào xé cho đến tóe máu mủ ra. Còn chúng tôi, có một người giờ tay lên là tất cả mọi người đều chạy biến đi, đó là những tiếng hét ghê rợn. Thế là chúng tôi ngậm miệng lại và đó là những gì mà họ cho các cậu biết, các cậu sống và chết với những điều đó và sắp tới đây sẽ chẳng còn gì và chẳng còn ai. Nhưng nhất là, con trai ạ, đừng lo: hề còn sống...

"Một lần tôi ở trong hành lang bệnh viện, tất cả các cánh cửa đều mở toang và tôi thấy những hình bóng chen chúc ấy, những cái chân tím ngắt ở cuối giường, tôi nghe thấy những tiếng kêu la rên rĩ và tôi không thể chịu đựng được, cậu thấy đấy, tất cả những người tuổi chưa cao mà đã già ấy sắp hết đời, tôi muốn chửi rửa họ, cảm giác họ quẳng vào mặt tôi toàn bộ câu chuyện của họ mà tôi không muốn, tôi là con ngựa bị sung huyết chân trong bài hát ấy, có thể muốn đơn độc mà thanh thản, nhưng đấy, người bạn ở cuối hành lang - một gã như tôi, chỉ khác là ông ấy đã trở nên điên khùng. Làm sao tôi biết được điều đó? Ô, chúng tôi biết những chuyện đó, chúng tôi đến với chúng tôi luôn, như thời gian và địa điểm chôn cất. Đối với cuộc sống chúng tôi bỏ rơi nhưng đối với cái chết, cậu có thể tin tưởng vào tôi. Tôi ngồi cạnh ông ấy và lắng nghe ông ấy kể những điều ngu ngốc. Ông ấy bị kẹt ở chỗ rẽ, ông ấy nói: 'Chúng tớ đang trong quán rượu ở cây số 143 trên đường Đà Lạt. Bên phải tớ là Tikhomirov, người Nga da vàng, nhà báo hạng xoàng, một người đồng chí; bên phải anh ta là Carraz, to lừng lừng, muốn luồn tay dưới mông cô nàng Olga. Chúng tớ ăn bốc khoai tây chiên. Bên trái tớ, ngồi ngay sát, có Katia,

lâu rồi tớ không nói chuyện với cô ấy nữa và bên cạnh cô ấy, trong bóng tối, một người Việt. Anh ta có muốn giết chúng tớ không? Tikhomirov nói với anh ta: "Thế nào? Mày muốn giết bọn tao à?" Và cậu có biết anh ta trả lời gì không? Anh ta đáp: "Tao chẳng cách gì giết được tụi mày. Tụi mày đã chết rồi."

"Đến lần thứ mười, rốt cuộc tôi đã tìm thấy một bác sĩ nhưng không đúng lúc. Ô cậu biết đấy, tôi không còn là một người lính nữa, tôi là một lão già phiền phức rụt rè hồi khi nào bác sĩ quay lại, ông có phải là người thân trong gia đình không? Ít nhất là tôi đã phản xạ tốt khi nói rằng tôi là anh ông ấy và chính như vậy mà tôi bịa ra rằng cậu sẵn sàng đón ông ấy và như thế tiện cho họ, cậu xem, và họ không tự đặt cho mình quá nhiều câu hỏi, bởi vì những người chẳng có ai chăm sóc như vậy thì có cả đồng, nên khi thu xếp được cho một người, hừm, thì hệ quả là có thêm được một cái giường trống trong khu lão khoa... Cậu sẽ nói với tôi rằng thật là đều giả, hừ, cậu sẽ nói với tôi rằng, hừ, rõ là từ cha đến con, chính tôi vẫn cứ là người quyết định những điều hệ trọng trong gia đình Garnier. Cậu sẽ nói với tôi những gì cậu muốn nhưng tôi thì tôi không biết. Có thể là tôi đã cứu ông ấy mà cũng quá làm phiền ông ấy và có thể là tôi đã cứu ông ấy lần thứ hai, có thể là sứ mệnh của tôi, như người ta vẫn nói trong các bộ phim truyền hình, đó là làm thần bản mệnh của ông ấy cũng như ông ấy từng là thần bản mệnh của tôi, hai tâm hồn què quặt dựa vào nhau và cùng nhau đến gần cái chết. Trong cơn mê sảng ông ấy lặp đi lặp lại: 'Bên trái tớ, ngay gần trái tim...' Liệu con người đó có đáng để ta đau khổ không? Tôi chẳng biết. Nhưng với tôi người ấy rất đáng."

Ông chìa nắm tay cho tôi để tôi giúp ông đứng dậy. Chúng tôi khắp khiêng đi dạo loanh quanh cho đến tận bếp nơi ông rót cho chúng tôi hai ly whisky. Đó là một căn bếp được trang bị đầy đủ, từng bị bỏ hoang và chưa bao giờ thực sự được đưa vào sử dụng, căn bếp nơi ông ăn uống cô độc và không đảm bảo, có thể là ăn trực tiếp ngay trong hộp.

"Nhiều lần tôi đến ngồi trên băng ghế trên đại lộ Simon-Bolivar. Cậu không biết tôi: một ông già ngồi sưởi ấm trên ghế băng ngay cả khi trời không lạnh, như thế thì có thể làm được gì nữa? Tôi nhìn thấy cả hai - ông ấy và cậu - đi ra, hoặc là ông ấy với cô gái, tôi biết giờ giấc của ông ấy và cậu, biết cách cậu giữ cánh tay ông ấy, tôi biết ông ấy và cậu đi đến đâu và gặp hai người ở đâu trong công viên Buttes-Chaumont, bên bờ cái hồ nhỏ, nơi có góc nhìn đẹp nhất về phía ngôi đền và nơi mà khoảng 11 giờ sáng là ánh mặt trời chiếu thẳng vào mắt.

"Lúc đầu chỉ thỉnh thoảng thôi bởi dù sao thì đi vòng quanh Paris cũng chỉ vì chuyện đó... Thế rồi thành quen. Tôi đến ngồi xuống băng ghế và, ngay cả khi ông ấy với cậu không đến, đó vẫn là một cách rất hợp để khuấy động các ký ức trong tôi. Chẳng có gì để nói với ai, chẳng có cuộc trò chuyện nào phải chịu đựng, chẳng phải đưa ra lý do gì, chẳng có câu hỏi nào về sự tra tấn, chẳng có những 'nhưng sao cơ, các ông biết mình tiến hành một cuộc chiến tranh phi nghĩa ư?' Không, chỉ là sự nghiền ngẫm không đầu không cuối và nghe tiếng chim hót, và chờ đợi người em trai thân thiết của tôi ngang qua mà không thấy tôi. Việc này có lẽ kéo dài đến tận cuối đời tôi: chẳng có gì hay hơn, khi tạm thời biết là không có những cách tiêu khiển nghiêm túc.

"Ngày ông ấy chết, tôi ngồi lịm đi trên băng ghế và tôi thấy cậu mở cửa sổ tầng trên cùng. Tôi muốn đi lên đó nhưng nếu tôi rời chiếc ghế thì sẽ là rời nó mãi mãi. Thế là tôi chờ trời tối, chờ đến khi mình bị lạnh và thấy mình ngu ngốc, tôi chẳng khác một kẻ vô gia cư là bao. Tôi quay về nhà mà không ra hiệu cho cậu, không nói chuyện với cậu. Đó chỉ là một cuộc đời ra đi, bót đi hai mươi một gam, trọng lượng của một linh hồn siêu thoát. Khi tôi xuống nhà cậu ở miền Nam, sổ huân huy chương mà tôi đem đến lễ tang không phải là của ông ấy, ông ấy không có huân huy chương, mà chúng là của tôi, để tất cả ra đi cùng ông ấy bởi vì tôi có quan tâm đến tất cả những thứ đó. Cuối cùng tôi có quan tâm bởi vì cậu thấy đấy, đối với một gã chẳng muốn nói gì, rõ ràng là... Thực ra, tôi luôn chờ ở băng ghế đối diện nhà cậu: nhưng ông ấy không còn nữa, chỉ có cậu thôi."

Tôi tợp một hớp hết ly whisky và bắt tay ông. Ông không níu kéo: không biểu lộ cảm xúc vô ích.

Chỉ khi ra đến ngưỡng cửa, chính tôi mới là người ôm chặt ông vào lòng, con người có cơ thể vẫn còn gọi lại sức vóc của con trâu núi trắng. Ông run rẩy.

Khi đi qua cái sân đã đóng băng nổi các tòa nhà, tôi quay lại nhìn về phía cửa sổ nhà ông. Về đến nhà, tôi ngồi xuống băng ghế nơi ông từng ngồi và cố gắng nhìn những gì ông đã thấy, cái đêm bố tôi qua đời và tất cả những ngày trước đó, khi ông chờ đợi và run rẩy đôi môi. Tôi thọc tay vào túi quần lấy ra ba con xúc xắc đã mòn, trắng bệch như xác chết. Tôi thả chúng lăn trên vỉa hè.

Tám mươi mốt, rất nhanh.

Đó là lòng tin, một lòng tin thực sự.

Trong nhà tôi, đèn vẫn đang thấp sáng.

7.

Cô gái trầm lặng giật nảy mình khi tôi bước vào và dụi mắt. Cháu xin lỗi vì đã ngủ gật. Khi thấy chúng tôi, có lẽ người ta tưởng tượng ra rằng con trai tôi, anh lính về vang, đang ngủ trong căn phòng phía cuối giữa đồng đội sau một trận chiến gay go, đã bảo vệ các lá cờ và con ngựa của mình. Nhưng chẳng có ai hết. Cô gái đã để điện cho tôi. Đôi khi làm một đứa trẻ thật dễ chịu.

Chúng tôi ngồi bên nhau yên bình. Đôi mắt tôi nhắm hờ và tôi đã mất thăng bằng suốt những đêm tôi từng trải qua, những đêm của tôi và của các ông bố của tôi. Cháu gái đặt tay lên đầu tôi và tôi cảm thấy dào dạt trong lòng những cảm xúc ấy, những tang tóc tích tụ ấy, những lỗi lầm xưa không thể chuộc tội ấy đè nặng lên tôi. Lòng tôi chất chứa đầy những tiếng thở dài, những tiếng nức nở, và đồng thời một cơn mệt mỏi diệu kỳ khiến chân tay tôi nặng như chì. Tôi thực sự không biết tên các bộ phận cơ thể mình, nhưng tôi có cảm giác rằng chúng đồng nhất hóa, từng bộ phận một, theo cách những chiếc đèn xếp chiếu sáng màn đêm, và chúng được nuôi dưỡng bởi những thành phần có trong nhân của cùng một thứ vật chất. Tôi là câu chuyện của tôi và câu chuyện của những người đi trước, cơ thể tôi chính là thể giới, bất động và được ném ra không gian, mỗi tế bào trong tôi kể lại những hồi ký trước cả ký ức. Tôi thông thả trôi nổi giữa sự ra đời của mình và cái chết của bố tôi, tôi để cho các cuộc chiến đung đưa mình và tôi bay lượn trên các làng mạc, núi rừng, hang động, tôi ở trong những ngôi nhà đầy sâu bọ và tôi tiếp xúc với bề mặt các hành tinh lạnh giá và nóng bỏng, từ sao Thủy đến sao Diêm vương - và đó mới chỉ là bắt đầu. Sau đó cơ thể tôi bị một dòng điện chạy qua: tôi đột ngột nhóm dậy.

“Chú có chuyện gì vậy? cháu hỏi.

- Chú cần ở một mình, tôi nói hết mực dịu dàng.

- Chú bị ốm à?”

Tôi ra hiệu là không và nắm tay cháu trong lòng hai bàn tay mình.

“Chú xin cháu, để sau nhé.”

Cánh cửa đóng sập lại, tiếng bước chân của cháu gái nhỏ dần trên cầu thang. Một đêm ở Saint-Gabriel, hơn ba mươi năm trước, đã thấm từng giọt vào đêm nay rồi chiếm lấy nó. Tôi nghe thấy giọng nói của bố, khàn nhưng rõ, tôi ngửi thấy mùi rượu gin và mùi nôn mửa, thấy ông xanh như xác chết, nằm dài trên chiếc giường thơ ấu của ông nay đã trở thành chiếc giường của tôi, kể cho tôi nghe một câu chuyện mà có lẽ tôi không bao giờ biết được liệu ông có muốn tôi nhớ đến không hay lại muốn tôi quên nó vào mảnh đất quên lãng.

Cậu ở trên cù lao - đúng hơn là một dải cát trên sông Mê Kông, đâu đó giữa Mỹ Tho và Cần Thơ.

Ngay trước đó, cậu đến gặp Blondeau, cấp trên trước đây của cậu. Đại úy lắng nghe cậu kể chuyện của mình. Sau đó anh tiễn cậu ra tận cửa: “Tại sao cậu lại muốn chết sớm như vậy, Garnier? Còn biết bao việc tốt đẹp cần làm trong cuộc sống...”

Cù lao bé tí tẹo nhưng cậu thấy đẹp và quyến rũ. Cậu từng nghe nói trên cù lao này có một thôn xóm và một lão thầy tu điên, một chiến sĩ đấu tranh vì hòa bình không bao giờ tắm rửa - một hình thức hứa hẹn rằng sẽ ở bẩn như con điệp chừng nào con người còn là chó sói đối với con người.

Lão tu sĩ đầy cáu ghét sống trong một kiểu hầm trú ẩn bằng gỗ và lão vẽ suốt ngày. Một nỗi ám ảnh: lão không dừng lại, ngay cả lúc đang nói hay đang ăn. Pierre mỉm cười: các bức vẽ chẳng ra sao, chẳng hơn gì một chút cáu ghét trên giấy, những nét chì nguệch ngoạc, cậu nghĩ, chẳng có giá trị hội họa, chẳng tài cán gì. Chỉ ấn tượng về số lượng thôi. Khi vẽ xong một bức, lão tu sĩ quẳng ngay xuống đất, lung tung, cứ như một cái cây rụng lá vào mùa thu và để lá dần

dần mục rửa dưới gốc.

Người dân trong xóm trồng trọt, mang cho lão thức ăn (chẳng khó khăn gì, lão bằng lòng với món bột sắn), chăm sóc lão khi lão ốm đau. Thậm chí người ta không thể nói rằng lão được tôn thờ - đơn giản như họ thôi cũng đủ thông minh để thấy rằng lão thầy tu nghệ sĩ bất tài và gàn dở này chẳng truyền bá được lời dạy hữu ích, minh triết nào, chẳng hề có kiến thức y khoa nào. Chẳng có truyền thuyết về kho báu được chôn ở đâu đó - và cái lão đểu giả này thậm chí chẳng thực sự tử tế với họ. Thứ có giá trị duy nhất mà lão sở hữu là một tác phẩm điêu khắc ở trong vườn, một mô hình thu nhỏ của ngọn tháp như ngôi chùa ở Huế bên bờ sông Hương, được chạm vô cùng tinh tế. Không phải lão là người đã dựng nên - lão cam lòng móc mảnh giấy màu nhàu nhĩ lên những chỗ mái cong chìa ra, trên đó lão viết "Hòa bình của miền Bắc", "Hòa bình của miền Nam", "Hòa bình của miền Đông" và "Hòa bình của miền Bắc" lần thứ hai - bởi vì lão quên miền Tây, hoặc có thể lão biết rõ miền Bắc hơn.

Pierre bị lão thu hút ngay lập tức, như mọi người dân trong làng. Lòng tin mù quáng của lão, sự lạc quan của lão vào Ngôi sao chỉ hướng (trừ hướng Tây!), thực sự là điều huyền bí. Lão tu sĩ không bao giờ nói những điều thực sự hợp lẽ, hoặc thậm chí hay ho, nhưng Pierre chẳng hề thấy phiền - và ngày nào cậu cũng rời căn lều của mình, vượt qua ngôi làng và hai cánh đồng đến tận chỗ trú ẩn hôi thối của lão.

Ở Sài Gòn, Pierre nghe được tin đồn: lão mạo xưng liên lạc với Việt Minh, lão tinh quái cải trang thành thầy tu điên nhưng không tin lão được. Ngay cả trước khi gặp lão, cậu đã cho rằng vì quá sợ hãi nên người ta bịa ra tin đồn đó: lão thì có thể truyền đạt những thông tin quý báu nào từ cù lao và túp lều của lão? Vị trí của lão chẳng có gì mang tính chiến lược... Nhưng sau khi trải qua một ít thời gian với lão, những lời kết tội này dường như với lão còn quái dị hơn. Lão cười một mình khi nghĩ rằng những tờ giấy lộn của lão thực sự là những thông điệp cho bọn khủng bố, hay nghĩ rằng trong đồng các bức vẽ phi lý của lão có che giấu mật mã bí mật mà chiếc máy đánh chữ Enigma có đặt cạnh thì cũng chẳng là gì.

Cậu yêu cù lao - cậu yêu người dân trên cù lao - tưởng chừng như chỉ cách bờ vài sải tay mà họ thuộc về một xứ sở khác, chiến tranh không chạm đến họ và cậu nổi giận khi nghĩ đến tên cạo giấy Phòng Nhì rảnh quá mà bịa ra câu chuyện gián điệp đối với lão thầy tu. Pierre được giao nhiệm vụ thu thập thông tin về lão và viết báo cáo khi quay lại Sài Gòn. Đương nhiên, cậu lẩm bẩm cần thận, cậu sẽ không bao giờ viết lấy nửa dòng.

Pierre kết giao với một bà cụ. Bà dường như cũng gàn điên như lão thầy tu và có vẻ gắn bó với lão: chính bà là người dọn dẹp nhà cửa lộn xộn của lão, giặt quần áo cho lão, đục quả dừa cho lão uống... Bà sống trong túp lều cùng một cô gái trẻ mà Pierre không đoán được tuổi - cô có thể mới chừng đôi tám hay đã ba mươi tuổi, rất xinh xắn, đôi môi chúm chím. Đôi khi, Pierre thấy cô về túp lều với một quả ổi, quả xoài, bánh xèo... Những người nông dân khác nhìn cậu mà không hề sợ và họ chẳng có gì bán cho cậu - một sự an ủi đối với cậu. Họ chấp tay và hơi cúi đầu về phía trước như những người Campuchia khi nhận những món quà nhỏ của cậu. Họ nói với giọng điệu lễ phép - đó là đặc ân họ dành cho cậu.

Một đêm, tiếng súng làm Pierre thức giấc và trong khoảng thời gian tỉnh ngủ rồi bò ra khỏi túp lều, cậu thấy cả cù lao dường như đang bốc cháy. Cậu mặc quần áo rồi chạy đến túp lều của bà cụ, nơi gần nhất: lều trống trơn. Con đường dẫn đến hầm của lão thầy tu là một con đê ngoằn ngoèo giữa hai cánh đồng lúa - một chuyến đi dạo thanh bình, nơi không nhìn thấy con sông hay đất liền, một góc sâu kín và được bảo tồn của thiên nhiên, nơi thế giới không thể xâm nhập. Nhưng giờ đây tiếng súng, lựu đạn, pháo đang vang lên, tưởng như con đường này bị hỏa hoạn bao vây.

Đến cuối ruộng lúa, Pierre đột ngột giáp mặt với quân lính. Họ là đội quân lê dương nước ngoài và cậu vất vả xác định trong mớ ngôn ngữ hỗn độn đến chóng mặt: Tây Ban Nha, Đức, Ý, Pháp... Suýt nữa thì họ bắn trúng cậu: không ai báo trước cho họ biết rằng có một người da trắng trong địa hạt. Pierre mắng chửi họ và họ dẫn cậu đến gặp một trung úy trẻ và y có vẻ chẳng hề xúc động hơn thế: y làm theo lệnh, y nói, và Pierre hỏi mệnh lệnh ngu xuẩn đó là gì và

kể kia bảo cậu bình tĩnh lại, rồi hỏi cậu làm gì ở đây? Pierre hiểu rằng nổi cáu chẳng tích sự gì bèn hạ giọng. Mệnh lệnh, cuối cùng viên trung úy giải thích, đó là quét sạch. Quét sạch ư? Pierre hiểu biết chút ít thuật ngữ... Đúng hơn là phá hủy tất cả, và chẳng để lại gì phải không? Viên trung úy không phủ nhận, y chỉ quay đầu đi. Dù sao, Pierre nghĩ mà chẳng hề thỏa mãn, hẳn ta có vô cùng tự hào đâu... Pierre hỏi tại sao. "Tôi không biết, viên trung úy đáp, tôi chỉ biết rằng đó là mệnh lệnh."

"Quét sạch" một cù lao như nơi này, nơi kẻ thù chỉ vẩn vơ là một lão thầy tu và một cái xóm ba mươi nông dân ruổi, là công việc trong một giờ... Pierre đi theo đám lính, như người máy. Cậu từ bỏ ảo tưởng thuyết phục họ thay đổi kế hoạch (đó là mệnh lệnh, phải vậy không...) và cậu đi sau họ, lặng lẽ và ngây dại. Sự hiện diện của cậu chỉ có một tác dụng duy nhất là khiến họ căng thẳng hơn; cậu chửi rửa bằng đủ thứ tiếng. Cứ như cậu đưa ra ánh sáng những gì họ không muốn thấy; nếu không có cậu thì họ bình thản làm công việc của mình hơn; với sự có mặt của cậu, mọi việc trở nên ghê rợn. Cậu chỉ có tác dụng đó, và điều đó chẳng có tác dụng gì...

Khi công việc kết thúc, Pierre đi bộ với họ đến bờ sông. Họ ra đi. Cậu im lặng. Cậu có cảm giác trên cả kinh tởm, một kiểu hoài nghi - về những gì mình đã thấy, vì đã không làm được gì, vì vẫn còn sống... Cậu có phải là tông phạm với họ không? Trong giây lát, cậu nhớ lại khuôn mặt của một anh nông dân trẻ đã nhận ra cậu khi bị bắn chết sau một loạt đạn bằng súng F-M, và cậu hình dung trong ánh mắt anh ta nhiều sắc thái oán trách cậu, chính cậu, Pierre Garnier, vì tội ác này và vì tất cả những tội ác khác. Đôi khi cậu cần ngồi xuống và úp tay lên đôi mắt, cứ như việc đó làm giảm đi nỗi đau xé gan ruột cậu, cứ như khi đứng lên và tái khám phá thế giới cậu có cơ may thấy thế giới còn nguyên vẹn.

Cậu bước từng bước dài xuyên dọc cù lao và thấy tất cả: xác chết, tàn tro nóng bỏng, những hàng rào tre đổ ngược, toàn bộ cảnh hỗn độn phi lý ấy. Dần dần cậu tỉnh lại, hết dờ dẩn.

Đầu tiên cậu đến nhà lão thầy tu. Có một sự hài hòa giữa cảnh hỗn độn và bắn thủ. Giờ đây cậu hiểu tại sao người dân trong làng yêu quý lão, và tại sao cậu đã thấy khó rời xa lão đến thế. Trong điều kiện hoàn toàn không có đầu óc tổ chức, không có khiếu thương thức, lão thầy tu đã chuyển tải được tình yêu hòa bình lạ thường của mình đến mọi phía.

Bọn lính đã giẫm chân rồi đá ỉa lên tất cả, thiêu cháy lão - và trong tất cả những gì chúng đã làm ở nơi đây vẫn còn để lại ký ức về địa điểm thiêng liêng và con người ở trong đó. Binh lính của Napoléon, những người Pháp anh hùng, vào trong các nhà thờ của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, dùng kiếm và rìu chặt đầu các bức tượng và cả những bức phù điêu... Không có đức tin - Pierre không nói ra từ đó nhưng đầy hoài nghi và như thế chẳng dễ chịu chút nào. Cậu hỏi quay trở lại, nhức nhối: cậu có phải là tông phạm không? Cậu vẫn không biết câu trả lời.

Xác của lão thầy tu nằm trong một tư thế nực cười, tay chân dang ra ở những góc lố bịch, ở giữa một biển những bức vẽ nhàu nhĩ vấy bẩn. Dưới ánh sáng xám xịt lúc rạng đông, Pierre thấy khuôn mặt như hề của lão, đôi mắt lồi lên, máu khô trên tai. Lão tu sĩ ngốc nghếch đến thương tâm, càng làm nổi bật trò lố bịch của những ai đã ra lệnh ám sát lão và phá hủy cả cù lao vô hại này, nhưng cù lao ấy đã trở nên không thể thiếu được đối với cậu.

Thật kỳ diệu là ngôi chùa còn nguyên vẹn, và Pierre giật lấy một tờ truyền đơn, của miền Bắc, nhét vào túi quần.

Cậu đi qua ruộng lúa không còn vô hình nữa - mọi ý nghĩ được bảo vệ đã biến mất. Không gian im lặng như tờ và cậu thấy một con chim đang bay lên, một cơn gió bất thần thổi trên ruộng lúa mới cấy - tất cả các chi tiết ấy gợi cho cậu hình ảnh thiên đường.

Lẽ ra cậu phải dọn đồ rồi lên đò cuốn xéo ngay lập tức nhưng cậu đã phạm một lỗi lầm, cái lỗi lầm tò mò xưa cũ của loài người... Cậu muốn gặp bà lão - bạn của cậu - ở trong túp lều và cô cháu gái của bà. Thật là một huyền tượng: không thể ra đi mà lại không biết chuyện gì đã xảy ra với họ. Vậy là cậu đi bộ đến chỗ túp lều. Túp lều không bị thiêu cháy. Cậu gọi: không có tiếng trả lời. Cậu len vào trong. Cậu không ngạc nhiên khi thấy họ, thu mình nép sát bên nhau, run rẩy. Trong tuần vừa rồi, dù cậu chỉ nói được dăm ba từ tiếng Việt còn họ thì không nói được

tiếng Pháp, họ vẫn tìm được cách giao tiếp với nhau, và thậm chí duy trì được cái có thể gọi là “cuộc chuyện trò”. Nhưng trong khoảnh khắc mà cậu cần giải thoát nhất khỏi gánh nặng khiến cậu không thở được, thì nỗi sợ hãi của họ và nỗi hổ thẹn bất thần và sâu sắc trong cậu làm cho mọi chuyện trở thành bất khả. Cậu nói với họ nhưng họ cứ chăm chăm nhìn xuống đất; cậu làm động tác ăn ổi nhưng họ lùi lại cứ như bàn tay cậu đang bỏng lửa.

Đó lại là một tín hiệu báo động nữa cậu không biết, nhưng cậu không thể bỏ đi - phải có cách, cậu nghĩ, nhưng cậu không tìm ra - cậu nhớ những lúc bà mỉm cười với cậu, và ngay cả cô cháu, một bộ óc giản đơn, hay âm thầm, hay rút rè, cậu thấy dường như cô có cách đi bên cạnh cậu thông qua một cái liếc nhìn - một cách rất nữ tính, cứ cho là vậy.

Trong lòng cậu dâng lên cơn giận đối với họ - họ tự cho mình là ai khi ruồng bỏ cậu như thế? Cậu có làm gì đâu, chính cậu thậm chí cũng đã cố gắng hạn chế tổn thất... Cậu không muốn nhìn thẳng vào mắt họ bởi vì, bởi vì...

Cậu bò đến gần cô gái và nắm lấy hai cổ tay cô. Cậu chỉ muốn một điều là kéo cô ra khỏi người bà, thế mà lại xảy ra trận ẩu đả ấy, bà cựa quậy nhào và hét lên the thé rồi dùng hết sức đánh lại cậu còn cô gái cũng giãy giụa hét lên và trong một giây tất cả trở nên rõ ràng: cậu phải có cô, nếu cậu có cô mọi chuyện sẽ tốt đẹp, cậu và mọi người sẽ bình tĩnh lại.

Cậu đẩy phắt bà cựa ra, bà cựa ngã bật ngửa đồng thời kêu “ái” lên, rên không thành tiếng. Cô gái lả đi trên tay cậu, cô hoàn toàn không kháng cự nữa, cô đầu hàng.

Pierre dợm đứng lên, cậu nâng cô dậy và bế cô trên tay, cậu đi ra. Cơ thể cô mảnh khảnh như một đứa trẻ, hông hẹp nhưng bầu ngực căng tròn. Cậu nhắm mắt lại và thấy nụ cười của cô, ngày hôm qua, nụ cười để lộ hai hàm răng.

Lúc đó là cuối buổi sáng - và không khí im lặng siêu thực ấy vẫn bao trùm. Pierre thấy một cái cây, một cái cây đẹp, hình như là cây mít, ở ngay cạnh túp lều và cậu đặt cô đứng dựa vào thân cây, cậu nắm hai bàn tay cô, cậu chuyện trò với cô, cố gắng sưởi ấm cho cô. Cậu nhớ đến những lời của Blondeau, từ xa xăm... “... biết bao việc tốt cần phải làm trong đời”...

Cuối cùng cậu nhìn thấy đôi mắt cô vô hồn (vẫn dai dẳng hình ảnh nụ cười ấy, nụ cười rút rè và gần như tình nghịch để lộ hai hàm răng khi hôm qua cô đặt quả xoài xuống rồi cắt cho cậu ăn), không còn nỗi sợ hãi nữa, chẳng còn gì nữa.

Pierre đặt một bàn tay lên vai cô và cô hiểu, có thể cô đã biết ngay từ đầu còn cậu thì không, cậu không biết rằng trong cậu có thứ đó, con vật đó, con người đó...

Cậu thấy xung quanh lạnh lẽo và cậu cũng lạnh, chỉ còn dòng sông máu ấy cuốn cậu đi, trở thành sự thực duy nhất của cậu.

Cậu không còn là tòng phạm nữa.

Khi kết thúc, cậu giúp cô mặc lại quần áo và chỉ nói với cô:

“Chúng ta đi thôi.”

Cô đi theo cậu.

8.

Tôi cảm thấy có bàn tay đặt trên trán mình và suýt nữa hét lên vì khiếp sợ.

“Cháu xin lỗi, Mai Hán nói, cháu xin lỗi. Cháu bấm chuông mà chẳng có ai trả lời. Cháu sợ là biết đâu chú bị ốm.”

Tôi lại nhắm mắt lại. Cái khúc quanh ở cù lao ấy dần xóa nhòa nhưng giọng nói, giọng nói của bố tôi vẫn ở đó.

Mai Hán vẫn còn rất trẻ, nhưng có vẻ già dặn trước tuổi. Tôi đi theo cháu xuống bếp nơi cháu pha trà cho hai chúng tôi với những động tác vô cùng tỉ mỉ.

“Chú muốn một ngày nào đó cùng cháu đi tới đó.

- Tới đâu?

- Nơi đó. Tới Việt Nam.

- Đến cù lao đó ư?”

Trong ánh mắt cháu toát lên một câu hỏi. Tôi tiếp tục.

“Cháu có nghe nói đến một cù lao ở đồng bằng sông Mê Kông, đâu đó giữa Mỹ Tho và Cần Thơ không?

- Cháu chỉ biết là bà ngoại cháu sinh ra trên một cù lao. Nhưng bà đã mất trước khi cháu ra đời.

- Thế còn mẹ cháu?

- Những điều ít ỏi mà mẹ từng nói với cháu thì cháu đã kể cho chú nghe rồi. Mẹ con cháu còn sống và chỉ thế thôi...

- Chú vẫn nhớ.

- Cháu ghét câu này lắm nhưng cháu hiểu là mình không thể lờ nó đi được. Đó là cách mẹ cháu tự vệ. Cháu cảm giác có một ý nghĩa lớn lao hơn mà cháu phải chấp nhận.”

Tôi ngồi xuống bên cây đàn dương cầm và nhẹ nhàng chơi - lúc nào cũng là cái điệu nhạc tìm lại được của ông nội tôi ấy. *Dies irae*.

“Trong lúc chú làm ông kiệt sức vì muốn ông nói thì ông chờ cho chú đi rồi ông nói với cháu. Ông kể cho cháu nghe những câu chuyện...”

Ít nhất có một câu chuyện mà ông đã không kể cho cháu. Một câu chuyện có thể sẽ không bị lãng quên nhưng sẽ không bao giờ được kể ra nữa.

“Ông kể cho cháu nghe về vợ ông, và cháu mất nhiều thời gian mới hiểu ông lẫn lộn mẹ của chú với mẹ của cháu, bà ngoại cháu với mẹ của ông, và hẳn với những người phụ nữ khác nữa. Ông kể cho cháu về rất nhiều người phụ nữ và những điều tệ hại mà ông đã gây ra cho họ. Ông hét lên và cầu xin tha thứ. Còn cháu, cháu cầm tay ông, cháu vuốt ve gương mặt ông và cháu đặt tay lên ngực ông, cháu hát cho ông nghe những điệu hát ru và ông hỏi tại sao cháu lại dịu dàng với ông như vậy, ông đã có thể làm gì để xứng đáng với tất cả điều đó. Cháu nói với ông rằng chắc ông đã để lại vài dấu ấn tình yêu. Cháu nói với ông rằng cả chú nữa, mặc dù chú nổi giận, nhưng chú rất yêu ông. Đôi khi ông *cũng* gọi cháu là André nhưng cháu cứ để kệ ông thôi.

“Cháu vui lòng được là mọi phụ nữ, mọi đứa trẻ, được là người Pháp, người Việt, được nhận tình yêu đến muộn. Ông sợ chú, sợ chú lắm ấy! Khi chú đi ra, ông ở yên một lúc lâu không nói gì, quay sang phía cháu, dần dần bình tĩnh lại. Cháu chấp nhận sự im lặng và nỗi xấu hổ của ông. Cháu luôn báo cho ông khi cháu chuẩn bị ra ngoài, ông không phản kháng nhưng cháu cảm thấy nỗi lo sợ trong ông lớn đến mức ruột gan cháu cũng quặn lại. Dần dần, càng cận kề cái

chết, ông càng thấy những người chết đuối theo. Giường ông chất thành từng đống, ông nói rằng đó là những người chết và ông hỏi cháu có nhìn thấy họ như ông không và cháu thú nhận là không thấy họ. Đó là những người chết trong chiến tranh, ông nói, những người chết vì tai nạn trong đời lính, đôi chân họ đã băng qua những quả đồi để đến tận đây, những người chết thay cho ông, để ông được sống, và đây là những gì ông đã làm trong cuộc đời mình. Cháu nói với ông rằng cháu, là con của một người con mà có thể ông đã vô tình sinh ra, đã ở đó, rằng cháu đã lớn lên mà không có ông hay gần như thế ấy vậy mà cháu vẫn yêu ông, bởi vì ông đau khổ và ông sắp chết. Ông bắt cháu nhắc lại: ‘Cháu yêu ông ư? Cháu yêu ông bởi vì ông đau khổ và sắp chết ư? - Không, không phải chỉ có thế, cả tình thương mà có thể ông không thích nữa. Ông như một mảnh đất được tưới nước mưa sau một thời gian khô hạn kéo dài. Cháu yêu ông vì những ăn năn của ông, đương nhiên, nhưng cũng vì giấc mơ trong ông, giấc mơ chưa tắt và sẽ không lụi tàn dù ông đang cận kề cái chết...’ Cháu nói với ông và khuôn mặt ông đầm đìa nước mắt và ông bảo cháu ôm ông, ôm mãi không buông. Và cháu làm theo, không chút dè dặt, cho đến khi ông ngủ thiếp đi như một đứa trẻ, chỉ khác là đôi mắt của ông không nhắm lại. Mọi người đàn bà... Cháu, người cháu gái của ông, rất muốn được làm con gái ông và vợ ông, rồi cháu để ông ngủ như người mẹ.”

Tôi rời cây đàn dương cầm và quay lại phía cháu. Tôi ôm cháu vào lòng. Trong khoảnh khắc đó, đối với tôi cháu cũng hóa thân cho mọi người đàn bà, những người đàn bà mặc váy tía mang trái tim đau xé nhưng vẫn sống động. Thậm chí cháu là chính cô gái ấy, với suy nghĩ giản đơn, tính cách rụt rè, có lẽ thế, người mà bố tôi từng cưỡng hiếp trên cái cù lao mà ông cứ ngỡ là thiên đường. Tôi mưu toan giật cái bóng ma khoác áo choàng chiến tranh ra khỏi gương mặt cháu và tôi thấy vẻ đẹp trong nụ cười của cháu.

Nếu là cháu, tại sao không phải là tôi?

Suốt đêm hôm đó chúng tôi nằm bên nhau, đầu cháu gối lên hõm vai tôi. Tôi nhận ra rằng suốt hàng tuần hàng tháng qua, tôi chẳng hề được thanh thản, tôi chưa bao giờ được nghỉ ngơi, lúc nào cũng lăm lăm vũ khí trong tay, run rẩy vì lạnh và sợ. Tôi thấy rõ rằng mình chưa ra khỏi cái im lặng của Điện Biên Phủ, chưa ra khỏi nỗi buồn nhớ nhớp nháp đó. Tôi thấy những cảnh đời tràn ngập tình yêu hay thất bại, những cuộc chinh phục con con và những sự quên mình có lẽ sẽ không kéo được những người Pháp trẻ tuổi ấy ra khỏi nỗi đặng cay của buổi bình minh đó, nỗi đặng cay mà họ chia sẻ với rất nhiều bạn trẻ khác ở nơi khác tại Đông Dương và ngay cả ở Pháp, trong khi những người đàn bà là vợ, là con gái, là chị, là mẹ của họ vẫn ở bên họ, cố gắng nhắc đi nhắc lại với họ rằng cuộc sống vẫn đang tiếp tục, mà vô ích.

Khi cháu ngủ, tôi dậy đi sắp xếp các chiến binh bằng chì của con trai tôi vào đúng vị trí một lần cuối rồi tôi thổi sự hủy diệt vào chúng, bảo vệ các khinh binh bằng những cú dịch chuyển uy lực của những cỗ xe tăng, chọc thủng làn sóng tấn công của đối phương bằng những cuộc phản kích kinh hoàng, lăn cổ pháo kích đến đường ngăn thần diệu mà mỗi loạt hỏa lực chặn địch lần nào cũng trúng đích. Nhưng cuối cùng tôi chấp nhận thua cuộc bởi vì chuyện là thế, người ta không bình phục được mà cũng không thoát được, và tôi làm vỡ mũi gãy khẩu súng của một lính sơn cước bị rơi trên thảm trải sàn.

Tôi viết một dòng cho cháu: “Hãy đợi chút nữa nếu cháu có thể,” rồi tôi đi ra, nhẹ nhàng kéo cánh cửa sau lưng để không làm cháu tỉnh giấc.

Tôi bấm chuông hồi lâu trước cánh cửa nhà ông Costes rồi Suzanne ra mở cửa cho tôi. Bà nhìn kỹ tôi không nói, người đàn ông từng trải với mái tóc dài, quần bò xộc xệch, đôi mắt sưng húp vì quá nhiều đêm mất ngủ, rồi bà dẫn tôi đến chỗ ông. Ông nằm trên giường, lật đi lật lại con rùa, đôi mắt mở ra khoảng trời ngày càng nhỏ lại. Bên cạnh giường có một bình ô xy, người lính gác vô dụng.

Đôi má hõm sâu, nước da tái xanh của người sắp chết. Hầu như ông không quay đầu lại phía tôi và những gì lẽ ra tôi có thể muốn nói biến đi mất. Tôi cho ông những gì mình có mà đã không thể cho bố tôi: đôi mắt, hơi thở, bàn tay, sự nồng nhiệt đã quá muộn, vài giọt mồ hôi

nóng để trên cái khay bên cạnh ông.

Khi ngồi lại lên xe đạp, những lời nói cuối cùng của bố tôi quay trở lại ký ức: “Bố có điều muốn nói.”

Những lời đó quay lại cả trăm lần và cùng với nó là cơn tức giận.

Sáng nay chẳng còn cơn giận nào nữa; có lẽ sẽ chẳng còn nữa.

Ông đã nói ra rồi sao?

Đương nhiên, từ lâu rồi, trước khi ông không còn nói được nữa.

Ấy thế mà, đó không phải là sự im lặng nữa.

9.

Chúng tôi từ công viên Buttes-Chaumont đi bộ vào thành phố đang bừng tỉnh giấc.

Khi chúng tôi đến chân cây cầu nhỏ, trên kênh Saint-Martin, bà để tôi một mình.

“Đi đi,” bà thăm thì, và bàn tay bà in dấu trong bàn tay tôi.

Cả tôi cũng cảm thấy mình là một ông già sắp chết ấy vậy mà tôi sẽ sống. Các mảnh ghép hình bày ra trước mắt tôi, có mảnh thiếu mảnh thừa và tôi sẽ không bao giờ xếp lại, nhưng chúng sẽ không khiến cuộc sống của tôi trở thành bất khả nữa.

Marie trả lời ngay tiếng chuông đầu tiên và em đi uống cà phê với tôi, giữa những ông già Ả Rập lặng lẽ. Em nói rằng mặt tôi trông không đến nỗi thiếu não lắm. Lúc đầu em ngỡ còn tệ hơn.

Tôi thấy rằng chuyện gì đó đã kết thúc và tôi không muốn dùng lời lẽ đối lại; đây là lần đầu tiên tôi thấy rằng có một cuộc sống đằng sau sự kết thúc đó, cuộc sống mà tôi có thể lấy lại ở nơi tôi đã để mất.

Tôi lắng nghe em kể những gì em đã phải chịu đựng và điều đó khiến tôi đau khổ, nhưng tôi có thể chịu được, em không phải là người báo thù khó chịu - đúng hơn là một người phụ nữ đã đau khổ cùng với tôi, vì tôi và là người mẹ của đứa con trai mà tôi đã không gặp từ hai tháng nay. Em không nói nhiều lắm - không nhiều hơn sức chịu đựng của tôi - và tôi cảm ơn em. Từ những gì xảy ra với tôi, từ Costes, từ Carraz, từ cù lao trên sông Mê Kông, từ cháu gái lặng lẽ, tôi không biết nói chuyện gì với em. Tôi nói rằng bây giờ tôi thấy khá hơn, rằng tôi đã từng sống với những bóng ma, chịu nhường bước trước mọi con quỷ; bây giờ tôi thực sự khá hơn. Liệu, liệu, liệu tôi có thể làm một việc gì đó, một việc nhỏ xíu mà những người cha thường làm với con trai mình không?

Em nhìn tôi một lúc lâu, gần như nghiệt ngã.

Em nói rằng tôi không nên hỏi điều đó nhưng làm sao tôi có thể biết rằng các con quỷ sẽ không quay trở lại và mang tôi đi một lần nữa?

Em làm sao biết được, tôi nói.

Tôi thấy em xinh đẹp và không thể quên được và người phụ nữ mà dù đã trải qua tất cả những điều đó vẫn thật mong manh, tôi sụp mắt xuống.

Em nói vâng.

10.

Có ngôi sao Hôm, có ngôi sao Mai...

Ở phía Nam miền Nam, giữa những người sống và những người chết, tôi cùng con trai đến chào tạm biệt cha tôi. Những ngọn cây bách đang rung rinh trước gió và gió lạnh mùa đông thổi giữa các lối đi. Tôi cứ ngỡ như thấy ngôi mộ đang mở và chiếc quan tài được đưa vào trong đó một lần nữa. Mireille đi cùng chúng tôi nhưng đứng cách chúng tôi vài bước chân, chiếc váy bằng vải toan màu xanh dương đập vào đôi chân trần.

Tôi nghe thấy một giọng nói: *Bình an dưới thế cho người thiện tâm*. Thế rồi tôi thấy khuôn mặt nghiêm túc của đứa con trai chẳng hỏi tôi nửa lời, với bông hoa hồng quá to trên tay. Thằng bé gài bông hoa dưới tượng Chúa hài đồng bằng sứ.

“Gấu túi,” con trai tôi nói rất nhỏ, rồi tôi bế nó trên tay. Chúa ơi, thằng bé đã nặng quá rồi: chẳng mấy chốc mà tôi sẽ chẳng thể bế được nó nữa.

Phía trên quả đồi chỗ chúng tôi đứng, một đàn chim bắc thành nhịp cầu trên nền trời xanh-đen.

Lời cảm ơn

“Bài thánh ca Sông Bé” trích dẫn tại trang 41 được thiếu tá Fonde đưa vào trong cuốn sách có nhan đề *Hãy chữa bằng mọi giá* của mình (Nxb. Robert Laffont).

Bài thơ “*Hell*”, trang 03, được trích từ *Tuyển tập thơ (Collected Poems)* của W.H. Auden, do nhà xuất bản Vintage phát hành, bản quyền thuộc về Quỹ Quản lý Di sản W.H. Auden.

Tôi biết ơn tất cả những người bạn Pháp và Việt Nam đã giúp tôi tìm lại ký ức. Việt Nam là nước độc lập nhưng tôi không muốn nhắc tên nhiều người Việt Nam (hay người Pháp sống tại Việt Nam), những người đã chuyện trò với tôi trên tư cách “bạn bè” vì điều này có thể gây phiền phức cho họ.

Tôi đặc biệt mang nợ François Missoffe, người trong vòng hai tiếng đồng hồ đã nói với tôi nhiều điều hơn vô vàn cuốn sách.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Jean-Daniel Baltassat, Euan Cameron, Mai Lam Conan, Gil và Yolande Fiévet, Pierre Fyot, Michel Gay, Tine Gerber, François và Olivier Gilard, Sophie Lambron, Claude Lamothe, François và Maurice Laurent, Serge Lentz, Nina McPherson, Lorraine de Meaux, Michel Nowacki, Philippe Roussin, Pat và Pierre Schoendoerffer, John Burnham Schwartz, Tzvetan Todorov, và bộ phận tư liệu của tờ *Le Monde*.

Xin cảm ơn Vincent Malone, Olivier Lamirault và Jean Dionnet, những người bạn trong “cuộc phiêu lưu Đông Dương”.

Tình bạn của Teresa Cremisi và Jean-Marie Laclavetine đã đồng hành suốt quá trình viết tác phẩm này. Còn vợ tôi, Susanna Lea, đã hỗ trợ tôi không mệt mỏi, đọc đi đọc lại tác phẩm. Sự hiện diện và những lời khuyên của cô ấy là nguồn cảm hứng và là đề tài thảo luận thường xuyên.

Cuối cùng xin cảm ơn Hervé Conan lúc nào cũng sẵn sàng và nhiệt tình giúp đỡ.

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>